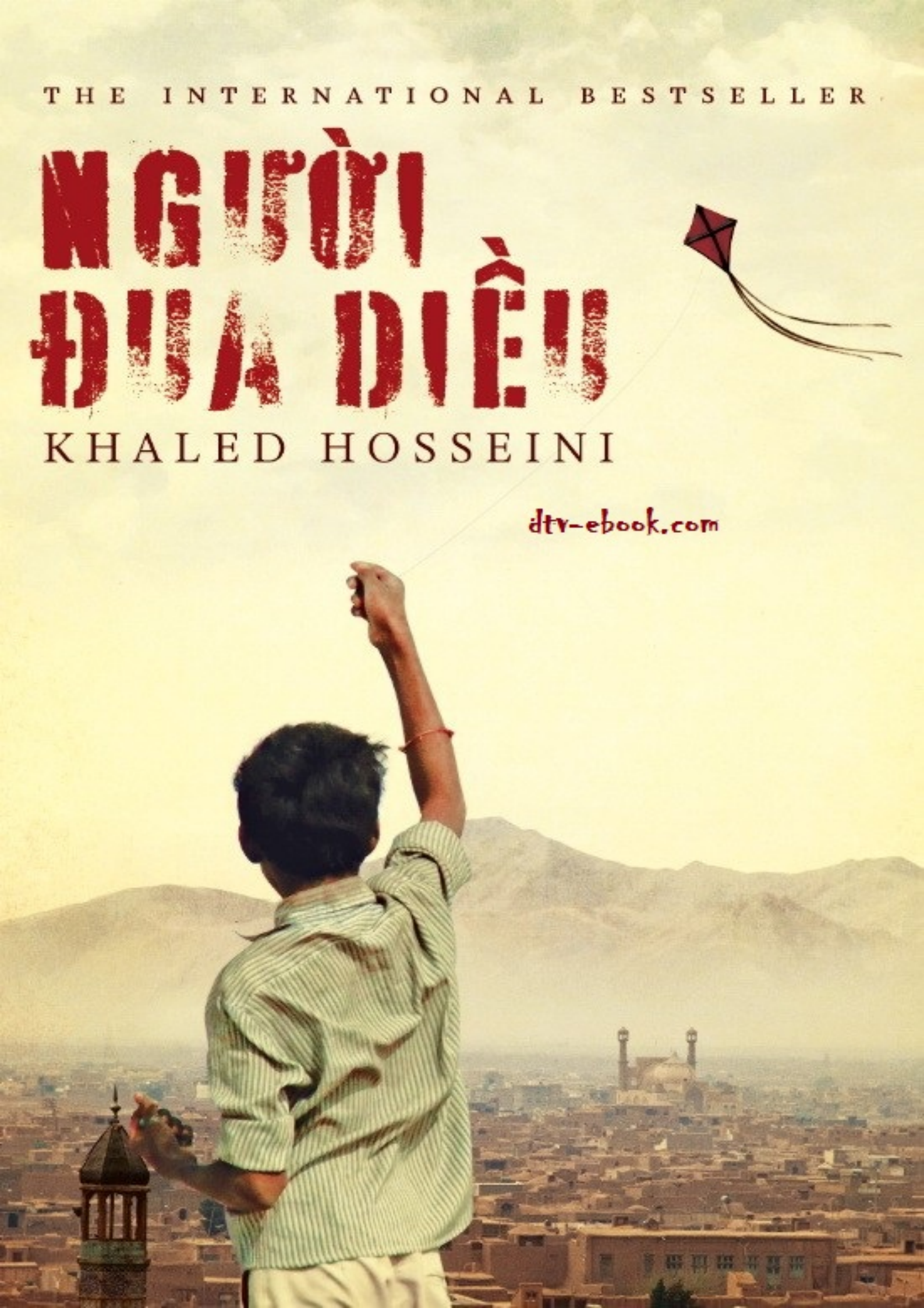


THE INTERNATIONAL BESTSELLER

NGƯỜI ĐUA DIỀU

KHALED HOSSEINI

dtr-ebook.com



Mục Lục

[Chương 1](#)

[Chương 2](#)

[Chương 3](#)

[Chương 4](#)

[Chương 5](#)

[Chương 6](#)

[Chương 7](#)

[Chương 8](#)

[Chương 9](#)

[Chương 10](#)

[Chương 11](#)

[Chương 12](#)

[Chương 13](#)

[Chương 14](#)

[Chương 15](#)

[Chương 16](#)

[Chương 17](#)

[Chương 18](#)

[Chương 19](#)

[Chương 20](#)

[Chương 21](#)

[Chương 22](#)

[Chương 23](#)

[Chương 24](#)

[Chương 25](#)

[Phụ Lục](#)

Chương 1

Tháng Mười hai năm 2001

Tôi đã trở thành tôi như ngày hôm nay từ tuổi mười hai, vào một ngày lạnh lẽo, ẩm đạm mùa đông năm 1975. Tôi nhớ chính xác lúc đó đang khom người sau bức tường đất sụp đổ, nhòm trộm vào lối nhỏ gần khe suối đóng băng. Thời đó lâu lắm rồi, nhưng tôi biết những gì người ta nói về quá khứ, mà tôi đã học được, về việc anh có thể chôn vùi nó đi, là một điều sai lầm. Bởi vì quá khứ còn đang thay đổi. Bây giờ nhìn lại, tôi nhận ra tôi vẫn đang nhòm vào cái lối nhỏ hoang vắng đó suốt hai mươi sáu năm qua.

Mùa hè vừa rồi, một hôm chú Rahim Khan gọi cho tôi từ Pakistan. Chú yêu cầu tôi tới gặp chú. Đứng trong bếp, với máy nghe bên tai, tôi hiểu đó không phải là chú Rahim Khan trên máy. Đó là quá khứ tội lỗi không được chuộc của tôi. Sau khi treo máy, tôi đi dạo bộ dọc theo Hồ Spreckels ở phía bắc công viên Cổng Vàng. Mặt trời buổi chiều sớm lấp lánh nước hồ, trên đó hàng chục những chiếc thuyền con đang giông buồm theo làn gió nhẹ khô. Rồi tôi liếc nhìn lên, thấy một đôi điều màu đỏ với những chiếc đuôi dài màu xanh lơ bay vút lên trời. Đôi điều nhào lộn tầng không, bên trên những hàng cây đầu phía Tây công viên, bay qua những cối xay gió, bông bành bên nhau như một cặp mắt đang nhìn xuống San Francisco, thành phố giờ đây tôi gọi là quê hương. Và bất chợt giọng nói của Hassan thì thào trong đầu tôi: vì cậu, cả ngàn lần rồi. Hassan người đưa điều môi hở.

Tôi ngồi trên băng ghế công viên cạnh một cây liễu rủ. Tôi nghĩ tới điều gì đó Rahim Khan đã nói trước khi cúp máy, gần như chợt nghĩ thêm: luôn có một con đường để tốt lành trở lại. Tôi ngược nhìn cặp điều sinh đôi. Tôi nghĩ về Hassan. Nghĩ về Baba, Ali, Kabul. Tôi nghĩ về cuộc đời tôi đã từng sống, cho tới khi mùa đông năm 1975 ập đến, làm thay đổi tất cả. Và khiến tôi trở thành tôi như ngày hôm nay.

Chương 2

Khi còn là hai đứa trẻ, Hassan và tôi thường trèo lên những cây bạch dương trên con đường xe chạy vào nhà cha tôi, và dùng một mảnh gương chiếu ánh nắng vào nhà những người hàng xóm của chúng tôi làm họ tức giận. Chúng tôi thường ngồi chéo nhau, trên một cặp cành cây cao, chân trần đung đưa, túi quần đầy quả dâu tằm phơi khô và quả óc chó, thay nhau chiếu gương, vừa ăn dâu tằm vừa ném vào nhau, khúc khích, cười vang. Tôi vẫn như còn thấy Hassan trên cái cây đó, nắng lung linh xuyên qua kẽ lá chiếu lên khuôn mặt gần như tròn xoe của cậu, một khuôn mặt giống như búp bê Tàu được gọt từ gỗ cứng: mũi nở và tẹt, mắt vừa hẹp vừa xếch như lá tre, đôi mắt nếu nhìn vào, tùy theo ánh sáng, lúc vàng, lúc xanh, lúc cả màu ngọc bích nữa. Tôi vẫn có thể thấy đôi tai nhỏ mọc thấp, và mẫu cằm nhô ra có vẻ như đắp thêm chút thịt, như sau đó mới thêm vào. Và chiếc môi hẻ tách ra ở chính giữa, nơi mà người làm búp bê Tàu có thể đã để trượt đồ nghề, hoặc có lẽ lúc đó chỉ đơn giản thấm mệt thành ra bất cần.

Đôi khi ngồi trên những ngọn cây đó, tôi xui Hassan lấy súng cao su bắn quả óc chó vào con chó chăn cừu giống Đức chột mắt của ông hàng xóm. Hassan chẳng bao giờ muốn vậy, nhưng nếu tôi yêu cầu, thực sự yêu cầu, cậu sẽ không từ chối. Hassan chẳng bao giờ từ chối tôi bất cứ điều gì. Và cậu bắn súng cao su chính xác chết người. Cha của Hassan, ông Ali, thường bắt gặp chúng tôi và phát điên lên, điên theo cách người hiền hậu như Ali có thể làm được. Ông thường bật ngón tay, vẫy chúng tôi tụt xuống. Ông giật lấy mảnh gương và bảo chúng tôi bà nội của Hassan đã dạy ông rằng quỷ dữ cũng chiếu những mảnh gương, chiếu để làm rối trí các tín đồ Hồi giáo trong lúc cầu nguyện. Ông luôn quắc mắt nhìn con trai mình nói thêm “và quỷ cũng cười hô hố trong khi làm như vậy.”

“Vâng, thưa cha”, Hassan thường lẩm bẩm, vừa nhìn xuống dưới chân. Nhưng không bao giờ cậu đổ cho tôi. Không bao giờ nói rằng mảnh gương cũng như việc bắn quả óc chó vào con chó của ông lảng giềng luôn luôn là trò nghịch ngợm của tôi.

Những cây bạch dương xếp thành hàng dọc con đường xe chạy lát gạch đỏ dẫn tới đôi cổng sắt uốn. Đôi cổng kế tiếp mở vào phần mở rộng của đường xe vào tư dinh của cha tôi. Ngôi nhà toạ lạc phía bên trái con đường gạch, sân sau ở cuối đường.

Mọi người đều đồng ý là cha tôi, tức Baba của tôi, đã xây một ngôi nhà đẹp nhất quận Wazir Akar Khan, vùng phụ cận mới và giàu có ở phần Bắc Kabul. Vài người còn nghĩ đó là ngôi nhà xinh đẹp nhất trong toàn bộ Kabul. Một lối vào rộng, hai bên là những khóm hồng dẫn tới một toà nhà trải dài với sàn nhà bằng đá cẩm thạch và những cửa sổ rộng. Những viên gạch khảm khắc cầu kỳ, mà Baba tự tay lựa chọn ở Isfahan, được lát cho sàn của bốn phòng tắm. Những tấm thảm thêu sợi vàng, Baba mua ở Calcutta, chằng dọc các bức tường. Một chùm đèn phalê treo dưới vòm trần.

Trên gác là phòng ngủ của tôi, phòng ngủ của Baba, phòng đọc của ông, còn được coi như “phòng hút”, nơi không ngừng toả ra mùi thuốc lá và mùi quế. Baba và bạn ông ngả người trên chiếc ghế đệm da màu đen ở đó, sau khi Ali đã phục vụ cơm tối. Họ nhồi tẩu thuốc – riêng Baba luôn gọi đó là “vỗ béo tẩu thuốc” – và tranh luận về ba đề tài ưa thích: chính trị, kinh doanh và bóng đá. Đôi khi tôi hỏi Baba liệu tôi có thể ngồi cùng họ được không, nhưng Baba thường đứng chặn trước cửa và nói “Làm việc của con đi, nhanh lên nào. Giờ là lúc người lớn nói chuyện. Sao con không đọc một cuốn sách nào đó của con?” Ông thường đóng cửa lại, để mặc tôi ngạc nhiên không hiểu tại sao ông cứ “lúc người lớn nói chuyện” mãi thế. Tôi thường ôm đầu gối ngồi ngay bên cửa. Đôi khi tôi ngồi đó một tiếng đồng hồ, có khi hai tiếng, lắng nghe họ cười, họ chuyện gẫu với nhau.

Phòng khách ở tầng dưới có một bức tường cong với những chiếc tủ đóng theo phong cách truyền thống. Trong phòng treo những bức hình gia đình. Một tấm ảnh giấy lụa cũ của ông nội tôi và quốc vương Nadir Shah chụp năm 1931, hai năm trước khi quốc vương bị ám sát. Hai người đang đứng bên ngả một con nai chết, chân đi ủng cao tận đầu gối, súng khoác qua vai. Kia là một bức hình đêm cưới cha mẹ tôi, Baba sang trọng trong bộ lễ phục đen và mẹ tôi váy trắng với nụ cười của một nữ quận chúa trẻ. Đây là Baba và người bạn quý nhất, bạn kinh doanh

của ông, chú Rahim Khan, đứng trước nhà của chúng tôi, chẳng ai mỉm cười. Tôi là đứa bé trong bức ảnh, Baba đang bế tôi, trông có vẻ mệt mỏi ra nghiêm khắc. Tôi ở trong tay ông, nhưng những ngón tay tôi cong lên ngoắc lấy ngón út của chú Rahim Khan.

Bức tường cong dẫn vào phòng ăn, giữa phòng là một chiếc bàn bằng gỗ gụ có thể phục vụ thoải mái ba mươi thực khách – và hợp với sở thích của cha tôi, những bữa tiệc cực kỳ tốn kém hầu như tuần nào cũng có. Ở đầu kia của phòng ăn là một lò sưởi cao lớn bằng đá cẩm thạch, luôn luôn cháy sáng ngọn lửa màu da cam trong suốt mùa đông.

Một cửa kính trượt rộng lớn mở ra cái hiên bán nguyệt bao quát non một hécta đất phía sau và những hàng cây anh đào. Baba và Ali đã trồng một vườn rau nhỏ dọc theo dãy tường Phía Đông, gồm cà chua, húng bạc hà, ớt và cả một hàng ngô chẳng bao giờ thu hoạch mà Hassan và tôi quen gọi là “Bức tường Ngô ốm”.

Đầu phía Nam của khu vườn, dưới bóng cây sơn trà là nhà của những người giúp việc, một túp lều nhỏ tường đất khiêm tốn, nơi Hassan sống cùng với bố mình.

Chính ở đó, trong túp lều nhỏ ấy, Hassan được sinh ra vào mùa đông năm 1964, đúng một năm sau khi mẹ tôi mất lúc sinh tôi.

Mười tám năm sống trong ngôi nhà này, tôi chỉ bước vào lãnh địa của Hassan và Ali một vài lần. Khi mặt trời xuống thấp sau những dãy đồi và chúng tôi đã chơi đùa hết cả ngày, Hassan và tôi ai về đường nấy. Tôi đi qua những khóm hoa hồng về toà lâu của Baba, Hassan về túp lều đất nơi cậu đã được sinh ra, nơi cậu sống đời mình. Tôi vẫn còn nhớ nơi đó vắng vẻ, sạch sẽ và leo lét sáng nhờ hai cây đèn dầu. Có hai tấm đệm ở hai phía đối diện căn lều, ở giữa là một tấm thảm Herati nhỏ đã cũ, xung quanh mòn xơ, một chiếc ghế đẩu ba chân và chiếc bàn gỗ ở góc nhà để Hassan vẽ tranh. Tường xung quanh trần trụi, ngoại trừ một tấm thảm duy nhất đính các hạt cườm thành mấy từ Allah-u-akbar[1], Baba đã mua nó cho ông Ali trong một chuyến đi Mashad.

Chính trong túp lều đó mà mẹ của Hassan, bà Sanaubar đã sinh ra cậu vào một ngày đông giá năm 1964. Trong khi mẹ tôi băng huyết chết khi sinh tôi, Hassan lại mất mẹ lúc sinh ra chưa được một tuần. Mất mẹ, thì

hầu hết người Afghan đều coi là còn tệ hại hơn mẹ chết nhiều: Bà ấy bỏ đi theo một bộ tộc vũ công và du ca.

Hassan chẳng bao giờ nói về mẹ, như thể bà ấy chưa bao giờ tồn tại. Tôi luôn luôn thắc mắc không hiểu liệu cậu có mơ thấy mẹ mình không, bà ấy trông như thế nào và đang ở đâu. Tôi không hiểu liệu cậu có mong gặp mẹ không. Cậu có đau khổ về mẹ như tôi đau khổ vì không bao giờ được gặp mẹ? Một hôm, chúng tôi đang cuộc bộ từ ngôi nhà của cha tôi đến rạp chiếu phim Zainab để xem bộ phim mới của Iran. Chúng tôi đã đi tắt qua trại lính gần trường trung học Istiqlal – Baba đã cấm chúng tôi đi lối tắt ấy, nhưng lúc này ông cùng chú Rahim Khan đang ở Pakistan. Chúng tôi nhảy qua hàng rào vây quanh doanh trại, băng qua khe nước nhỏ và đột nhập vào một bãi đất trống bên thềm có những chiếc xe tăng cổ lỗ bỏ hoang phủ đầy bụi. Đám lính tụ tập dưới bóng một chiếc xe tăng vừa hút thuốc lá vừa đánh bài. Một gã trông thấy chúng tôi, huých khuỷu tay vào gã ngồi bên, gọi Hassan.

- Ê thằng nhỏ, – hẳn nói. – Tao biết mày đấy.

Trước đó, chúng tôi đã bao giờ gặp hẳn đâu. Hẳn là một gã đàn ông to bè, thấp béo, đầu cạo trọc, râu đen lờm chờm trên mặt. Cái cách hẳn nhăn nhó cười với chúng tôi, liếc nhìn dâm dật khiến tôi hoảng sợ. “Kệ, cứ đi,” tôi lúng búng bảo Hassan.

- Mày! Thằng Hazara![2]Hãy nhìn tao khi tao nói với mày, – tên lính sữa. Hẳn đưa điều thuốc đang hút cho thằng ngồi bên, một tay ngoắc ngón cái vào ngón trở thành một vòng tròn. Ngón giữa tay bên kia thọc vào vòng tròn đó. Thọc vào thọc ra. Thọc vào, thọc ra, – tao biết mẹ mày đấy, mày có hiểu không? Tao biết mẹ mày hàng thật. Tao chơi mẹ mày từ phía sau, bên khe nước, chỗ kia kia.

Bọn lính cười rộ. Một tên trong bọn kêu ré lên. Tôi bảo Hassan cứ đi, kệ cứ đi.

- Cái lều[3] xinh xinh nhỏ xíu của mẹ mày mới mùi mẫn làm sao!

Tên lính vừa nói vừa nhăn nhó cười, bắt tay những tên khác.

Lát sau, trong bóng tối, sau khi bộ phim bắt đầu chiếu, tôi nghe tiếng Hassan ngồi bên tôi đang sụt sịt. Nước mắt chảy ròng ròng trên đôi má. Tôi ngồi xích lại, dang cánh tay ôm lấy người cậu, kéo cậu sát vào tôi.

Cậu ngả đầu lên vai tôi. “Hắn nhằm cậu với ai đấy,” tôi thì thào. “Hắn nhằm cậu với ai mà!”

Tôi nghe nói chẳng một ai thực sự ngạc nhiên khi Sanaubar bỏ nhà đi. Mọi người đều phải nhướn mày khi Ali, một người đàn ông lâu lâu kinh Koran, cưới Sanaubar, người đàn bà mười chín, trông trẻ hơn tuổi, một người đàn bà đẹp nhưng tai tiếng, buông thả, sống bất chấp nhưng điều ô nhục. Cũng giống như Ali, bà ta là một tín đồ Hồi giáo Shi'a và thuộc chủng tộc Hazara. Bà cũng là em họ, con cô con cậu của ông và điều đó dẫn đến sự chọn lựa tự nhiên cho hôn phối. Nhưng ngoài sự tương đồng ấy, Ali và Sanaubar hầu như chẳng có điểm giống nhau nào, ít nhất là mọi vẻ bề ngoài tương ứng. Trong khi đôi mắt Sanaubar long lanh xanh biếc, bộ mặt ranh ma, nghe đồn đã dụ dỗ không biết bao nhiêu đàn ông rơi vào tội lỗi, thì Ali lại bị liệt bẩm sinh cơ mặt dưới, nguyên nhân khiến ông không thể mỉm cười, khiến ông mãi mãi có bộ mặt nghiêm khắc. Nếu thấy được bộ mặt như đá tảng của Ali sung sướng hoặc buồn rầu thì đó là một điều kỳ lạ, bởi vì chỉ có đôi mắt xéch màu nâu của ông loé lên thay cho nụ cười và tuôn ra nỗi sầu. Người ta bảo đôi mắt là cửa sổ của tâm hồn. Chẳng bao giờ có trường hợp nào đúng hơn thế với Ali, con người chỉ có thể thổ lộ tâm can mình qua đôi mắt.

Tôi nghe đồn rằng những bước đi khêu gợi và cái hông đung đưa của Sanaubar đã khiến bao người đàn ông phải mơ đến cảnh phản bội vợ con. Nhưng bệnh viêm tuỷ xám gây bại liệt đã để lại cho Ali chân phải vạm vỡ, teo cơ, lớp da vàng sạm bên dưới chỉ là một lớp cơ mỏng bọc xương. Tôi nhớ một hôm, năm tôi tám tuổi, Ali đem tôi ra phố chợ[4] mua một ít bánh naan[5]. Tôi bước phía sau ông, bụm miệng, cố bắt chước bước đi của ông. Tôi quan sát ông ngoáy chiếc chân khăng khiu theo một vòng cung quét đất. Tôi quan sát toàn thân ông nghiêng một cách khó khăn về bên phải mỗi lần ông đặt chân đó xuống. Mỗi bước đi như vậy mà ông không bị lật nhào dường như đã là một điều thần kỳ nhỏ. Khi cố bắt chước ông, tôi suýt bị ngã xuống rãnh nước. Khiến tôi khúc khích cười. Ali quay lại, bắt gặp tôi nhại theo ông. Ông không nói gì. Không lúc ấy. Không bao giờ hết. Ông chỉ tiếp tục bước đi.

Bộ mặt của Ali và bước đi của ông làm đám trẻ nhỏ trong vùng hoảng sợ. Nhưng điều phiền nhiễu thực sự là những đứa lớn hơn. Chúng bám

theo ông trên đường phố, và nhại theo ông mỗi khi ông cà nhắc đi qua. Có đứa còn gọi ông là Bababu hay Ngoáo ộp. “Ê, Bababu, hôm nay ăn thịt ai rồi.” Chúng đồng thanh sủa lên và cười phá. “Đồ Batabu Mũi Tẹt, mi ăn thịt ai rồi?”

Chúng gọi ông là “đồ mũi tẹt” bởi vì Ali và Hassan mang đặc trưng chủng tộc Hazara gốc Mông Cổ. Đã bao năm rồi, tất cả những gì tôi biết về người Hazara là họ là hậu duệ của người Mông Cổ thời Đế chế Mogul và trông giống như những người Trung Hoa bé nhỏ. Sách giáo khoa trong nhà trường chỉ nhắc đến tổ tiên họ một cách qua loa. Thế rồi một hôm, tôi ở trong phòng đọc của Baba, xem qua những sách linh tinh của ông, tôi tìm thấy một trong những cuốn cổ sử của mẹ tôi. Cuốn sách do một người Iran có tên là Khorami viết. Tôi thối bụi đi, lén đem nó về giường tôi đêm đó, và sừng sốt thấy cả một chương về lịch sử của người Hazara. Cả một chương riêng về dân tộc của Hassan! Trong chương ấy, tôi đọc thấy dân tộc tôi, tộc Pashtun đã ngược đãi và hà hiếp người Hazara. Chương sách nói người Hazara đã găng sức vùng lên chống lại người Pashtun vào thế kỷ mười chín, nhưng người Pashtun đã “nghiền nát họ bằng bạo lực không thể tả xiết bằng lời.” Cuốn sách nói dân chúng tôi đã giết người Hazara, đuổi họ khỏi đất đai của họ, đốt nhà của họ, bán vợ con họ. Cuốn sách nói, một phần lý do khiến người Pashtun áp bức người Hazara vì người Pashtun là những tín đồ Hồi giáo Sunni, trong khi đó người Hazara lại là Hồi giáo Shi’a. Cuốn sách viết nhiều điều mà tôi không hiểu, những điều mà các thầy giáo tôi không nói đến. Những điều mà cả Baba cũng chẳng bao giờ đề cập. Nó cũng nói một số điều tôi đã biết, như mọi người gọi người Hazara là bọn ăn thịt chuột, mũi tẹt, lũ lừa ưa nặng. Tôi đã từng nghe thấy mấy thằng nhãi ở vùng lân cận hét lên những biệt hiệu ấy với Hassan.

Tuần sau đó, sau giờ học, tôi giơ cuốn sách cho thầy giáo tôi và chỉ vào chương nói về người Hazara. Ông xem lướt qua vài trang, cười khẩy và trả lại tôi cuốn sách. “Đó là điều duy nhất dân Shi’a làm đúng,” ông nói tiếp, vừa thu dọn sách vở, “làm như những kẻ tuần đạo.” Ông nhăn mũi khi nói từ Shi’a, như thể nó là một loại bệnh nào đó.

Nhưng mặc dầu kế thừa cùng dòng máu gia đình và chủng tộc với ông, Sanaubar vẫn vào hòa với lũ trẻ trong vùng nhục mạ Ali. Tôi được nghe

nói bà ta chẳng cần giấu giếm gì việc bà ta khinh thị vẻ ngoài của ông.

- Thế này mà là chồng ư? – bà ta thường cười nhạo. – Tôi thấy mấy con lừa già làm chồng còn thích hợp hơn.

Rốt cuộc, phần lớn mọi người đều ngờ cuộc hôn nhân này vốn là một sự dàn xếp giữa Ali và cậu mình, cha của Sanaubar. Họ nói Ali đã cưới cô em họ để giúp phục hồi đôi chút danh dự cho tên tuổi bị ô uế của cậu, cho dù Ali, mồ côi từ hồi năm tuổi, đâu có chút của cải vật chất hay khoản thừa kế nào.

Ali không bao giờ trả đũa bất kỳ kẻ nào hành hạ ông, tôi cho rằng một phần vì ông không bao giờ có thể đuổi kịp họ bằng cái chân xoắn vặn kéo lê phía sau. Nhưng chủ yếu bởi Ali đã miễn nhiễm trước những lời lăng nhục của đám người công kích ông. Ông đã tìm thấy niềm vui, thấy thứ thuốc giải độc của mình, lúc Sanaubar sinh hạ Hassan. Việc đó vốn khá đơn giản. Không có nhân viên sản khoa, không có người gây mê, không có những thiết bị kiểm tra thích hợp. Đúng là Sanaubar chỉ nằm ngửa ra trên một tấm đệm trần bẩn thỉu, với Ali và một bà đỡ giúp việc sinh nở. Thật ra, Sanaubar cũng chẳng cần giúp lắm, bởi vì, ngay trong khi ra đời, Hassan đã giống hệt như bản chất của mình rồi. Cậu không thể làm tổn thương bất kỳ ai. Căn vặn vài câu, đẩy mấy cái, thế là tòi ra Hassan. Tòi ra và cười.

Theo như lời thổ lộ với đày tớ nhà một người hàng xóm của cái bà đỡ hay buôn chuyên, người đã kể lại với bất kỳ ai muốn nghe, thì Sanaubar liếc mắt nhìn đứa trẻ trong cánh tay Ali, thấy cái môi hở, đã xổ ra một chuỗi cười cay đắng.

- Đó. – Sanaubar nói. – Bây giờ thì ông đã có đứa con ngu xuẩn của chính ông để nó cười hộ cho ông rồi đó! – Bà ta đã không chịu ngay cả bế Hassan, và đúng năm ngày sau thì bỏ đi.

Baba thuê chính bà vú đã từng cho tôi bú để cho Hassan bú. Ali kể cho chúng tôi, bà vú là một người đàn bà Hazara mắt xanh quê ở Bamiyan, thành phố của những bức tượng Phật khổng lồ. “Bà ấy có giọng hát ru mới ngọt ngào làm sao chứ!” Ông thường nói với chúng tôi như thế.

Bà ấy hát thế nào, Hassan và tôi luôn hỏi, dẫu hai đứa đã biết thừa – thật ra vì Ali đã kể lại cho chúng tôi không biết bao lần. Chúng tôi chỉ muốn nghe Ali hát.

Ông hăng giọng và bắt đầu:

Trên một ngọn núi cao tôi đứng,

Và gọi to tên của Ali, con Sư tử của Thượng đế.

Ôi Ali, Sư tử của Thượng đế, Vua của Con người,

Hãy mang lại niềm vui cho những trái tim

sâu não của chúng tôi.

Hát xong, ông thường nhắc nhở chúng tôi rằng có một tình anh em giữa những con người được bú cùng một bầu vú mẹ, tình máu mủ mà ngay cả thời gian cũng không thể phá vỡ.

Hassan và tôi bú cùng một bầu vú. Chúng tôi chập chững đi những bước đầu tiên trên cùng một bãi cỏ trong cùng một chiếc sân. Và dưới cùng một mái nhà, chúng tôi bập bẹ những tiếng nói đầu tiên:

Của tôi là Baba.

Của cậu ấy là Amir. Tên tôi.

Bây giờ nhìn lại, tôi nghĩ khởi nguồn của những gì đã xảy ra trong mùa đông năm 1975 – và tất cả những gì tiếp theo sau đó – đã nằm sẵn trong những tiếng bập bẹ đầu tiên ấy.

Chương 3

Tương truyền cha tôi, một bận, bằng hai tay không đã vật nhau với một con gấu đen ở Baluchistan. Nếu chuyện kể về một ai khác, hẳn nó sẽ bị gạt bỏ coi như chuyện Laaf[6], rằng người Afghan có khuynh hướng thối phồng mọi chuyện – buồn thay, hầu như đó lại là nỗi đau của đất nước. Nếu ai đó khoe khoang con mình là bác sĩ, may ra đứa trẻ từng có lần vượt qua một cuộc trắc khảo sinh học ở trường trung học. Nhưng lại chẳng một ai may mắn nghi ngờ tính chính xác của bất kỳ chuyện nào về Baba. Và nếu họ nghi ngờ, được thôi, Baba đã có ba vết sẹo sóng hàng xuống thành một đường xù xì ở lưng ông. Tôi đã bao lần tưởng tượng ra những cuộc đấu vật của Baba, cả mơ thấy nữa. Và trong những giấc mơ ấy, tôi chẳng bao giờ phân biệt rõ Baba và con gấu.

Chính chú Rahim Khan là người đầu tiên gọi Baba bằng cái tên sau này trở thành biệt danh nổi tiếng của ông, Toophan agha, hoặc “Ngài Bão tố”. Đó là cái biệt danh khá thích hợp. Cha tôi là một sức mạnh từ trong bản chất, một mẫu người Pashtun cao to sừng sững với bộ râu rậm, mớ tóc quăn màu nâu cắt ngắn phóng túng không theo trật tự nào, như chính bản thân ông, đôi bàn tay tưởng có thể nhổ bật rễ cả một cây liễu, và cái nhìn trừng trừng giận dữ như muốn “bắt con quỷ quỳ xuống xin tha tội,” như chú Rahim vẫn thường nói. Tại những bữa tiệc, khi cái thân hình một mét tám mươi lăm của ông thành thịch bước vào phòng ăn, mọi con mắt dõi theo ông như hoa hướng dương hướng về mặt trời.

Không thể nào mà lơ ông đi được, kể cả khi ông ngủ. Tôi thường phải nút đầy bông vào hai tai, kéo chăn trùm kín đầu mà vẫn nghe thấy tiếng Baba ngáy – to đến nỗi giống như tiếng gầm của động cơ xe tải – xuyên cả qua tường. Từ phòng ngủ của tôi phải qua đại sảnh mới đến phòng ngủ của cha tôi. Mẹ tôi làm thế nào để ngủ được cùng phòng với ông quả là một điều bí ẩn đối với tôi. Có cả một danh sách những chuyện tôi muốn hỏi mẹ, nếu lúc nào đó tôi gặp được mẹ.

Vào khoảng mấy năm cuối của thập kỷ sáu mươi, lúc tôi chừng năm sáu tuổi, Baba quyết định xây một trại mồ côi. Tôi được nghe chuyện qua chú Rahim Khan. Chú kể cho tôi, Baba đã tự mình vẽ những bản thiết kế, mặc dù thật ra ông chẳng có một chút kinh nghiệm nào về kiến

trúc cả. Những người hoài nghi giục ông ngừng ngay trò điên rồ và phải thuê một kiến trúc sư. Tất nhiên Baba không chịu, ai nấy đều lắc đầu phát ngán về những cung cách ương bướng của ông. Thế rồi Baba thành công và mọi người lại lắc đầu choáng váng trước những kiểu cách chiến thắng của ông. Baba trả tiền túi của mình cho việc xây dựng trại mồ cô hai tầng này, ngay ngoài dải đất hẹp của Fadeh Maywand ở phía Nam sông Kabul. Chú Rahim bảo tôi riêng Baba tài trợ hoàn toàn cho dự án, trả công cho các kỹ sư, thợ điện, thợ nước và tất cả nhân công, không đếm xỉa đến đám giới chức ở thành phố, loại “ria mép cần phải bôi dầu.”

Phải mất ba năm để xây trại mồ cô. Đến lúc đó tôi đã tám tuổi. Tôi nhớ hôm trước ngày khánh thành trại mồ cô, Baba mang tôi đến hồ Ghargha, cách Kabul vài dặm về phía Bắc. Ông bảo tôi tìm Hassan nữa để cùng đi, nhưng tôi nói dối ông rằng Hassan bị tiêu chảy. Tôi muốn Baba hoàn toàn là của mình. Thêm nữa, một bạn tại hồ Ghargha, Hassan và tôi ném thia lia đá, Hassan lia đá nẩy được tám lần. Tôi nhiều nhất chỉ được năm. Baba ở đó theo dõi, và ông vỗ nhẹ vào lưng Hassan. Rồi còn đưa cánh tay quàng vai cậu ấy nữa.

Chúng tôi ngồi vào bàn ăn picnic bên hồ, chỉ có mỗi Baba và tôi ăn trứng luộc với bánh nhân thịt Kofia – một loại bánh naan cuốn thịt viên và dưa góp. Nước hồ xanh biếc và ánh nắng lấp lánh trên mặt nước sáng như gương. Vào những ngày thứ Sáu bờ hồ nhộn nhịp các gia đình đang mong có một ngày phơi nắng. Nhưng hôm ấy là giữa tuần, chỉ có mỗi Baba và tôi, chúng tôi và hai người khách du lịch tóc dài, râu rậm – “kiểu hippy”, tôi nghe thấy họ được gọi thế. Họ ngồi trên bến, chân khuấy nước, cần câu trong tay. Tôi hỏi Baba, tại sao họ lại để tóc dài, nhưng Baba chỉ càu nhàu không trả lời. Ông đang chuẩn bị bài diễn văn cho ngày hôm sau, đang lật mở một mớ rối tung những trang viết tay, lấy bút chì ghi chú chỗ này chỗ khác. Tôi cắn quả trứng và hỏi Baba có đúng như một đứa bạn cùng trường bảo tôi, rằng nếu ăn phải một miếng vỏ trứng thì thế nào cũng đá ra nó. Baba lại càu nhàu.

Tôi lại cắn một miếng bánh cuộn. Một trong hai người khách du lịch tóc vàng cười và phát vào lưng người kia. Xa xa bên kia hồ, một chiếc xe tải ì ạch chạy quanh góc lượn của đồi. Ánh nắng nhấp nháy trong chiếc gương bên cửa xe.

- Con nghĩ con bị Saratan[7], – tôi nói. Đầy bụng. Baba ngẩng đầu lên khỏi những trang giấy đang sột soạt trong gió nhẹ. Bảo tôi có thể tự mình lấy soda uống. Tất cả những gì tôi phải làm là tìm trong thùng xe.

Hôm sau, bên ngoài trại mồ côi, hết cả ghế ngồi cho mọi người. Số đông phải đứng để xem lễ khai trương. Đó là một ngày giông gió, và tôi ngồi phía sau Baba, trên một diễn đài nhỏ ngay phía ngoài cửa chính của công trình mới. Baba mặc một bộ lễ phục màu xanh chai và đội mũ lông cừu. Giữa chừng bài diễn văn, gió thổi lật mũ của ông và mọi người cười rộ. Ông ra hiệu cho tôi cầm mũ cho ông, tôi lấy thế làm sung sướng bởi vì như vậy mọi người sẽ biết ông là cha tôi, Baba của tôi. Ông quay lại micrô và nói, ông mong toà nhà sẽ vững chắc hơn chiếc mũ của ông, và tất cả lại cười. Khi Baba kết thúc bài diễn văn, mọi người đứng cả lên hoan hô. Họ vỗ tay một hồi lâu. Sau đó mọi người bắt tay ông, vài người trong bọn họ xoa đầu tôi và cũng bắt tay tôi nữa. Tôi tự hào về Baba, về chúng tôi.

Nhưng bất kể những thành tựu của Baba, người ta vẫn luôn nghi ngờ ông. Họ bảo việc ông theo đuổi kinh doanh là không thích hợp với dòng máu của mình. Và ông nên nghiên cứu luật như cha của ông. Vì thế Baba đã chứng tỏ cho họ biết tất cả đều sai lầm bằng việc không chỉ theo đuổi chuyện kinh doanh của riêng ông mà còn trở thành một trong những thương nhân giàu có nhất ở Kabul. Baba và chú Rahim Khan gây dựng một hãng kinh doanh thảm xuất khẩu thành công mỹ mãn, hai hiệu tân dược, và một nhà hàng ăn.

Khi mọi người nói kháy Baba sẽ không lấy được vợ ra hồn – vì rốt cuộc ông không thuộc dòng máu hoàng tộc – ông lại cưới mẹ tôi, Sofia Akrami, một phụ nữ học vấn cao được mọi người coi như một trong những phu nhân tôn kính nhất, đẹp nhất và đức hạnh nhất. Và không chỉ dạy văn học cổ điển Karsi tại trường đại học, bà còn là hậu duệ của một gia đình hoàng tộc, sự kiện mà cha tôi thường bõn cọt ném trả vào những bộ mặt hoài nghi bằng cách gọi “nữ quận chúa của tôi”.

Cùng với tôi, hiển nhiên là một ngoại lệ, cha tôi xây đắp thế giới quanh ông theo sở thích của ông. Dĩ nhiên, Baba nhìn thế giới chỉ có trắng và đen. Ông lại phải tự mình định đoạt cái gì trắng cái gì đen. Bạn

không thể yêu một con người sống theo lối đó mà không cảm thấy sợ hãi. Có thể còn hơi ghét nữa.

Khi tôi học lớp năm, có một giáo sư dạy chúng tôi về đạo Hồi. Tên ông là Fatiullah Khan, một người thấp béo có bộ mặt đầy sẹo trứng cá, giọng khàn khàn. Ông giảng cho chúng tôi những lợi ích của thuế cứu tế và bốn phận hành hương đến thánh địa Mecca. Ông dạy chúng tôi những sự vô cùng phức tạp của năm bốn kinh cầu nguyện Namaz[8], và bắt chúng tôi phải thuộc lòng những vần thơ của kinh Koran – dẫu ông không bao giờ dịch những từ ra cho chúng tôi, ông vẫn nhấn mạnh, đôi khi với sự trợ giúp của một cành liễu đã bóc vỏ, rằng phải phát âm được tiếng Ả rập cho thật đúng thì Thượng đế mới nghe rõ được chúng tôi. Một hôm ông bảo chúng tôi rằng đạo Hồi coi uống rượu là một tội ghê gớm. Những kẻ nào uống rượu sẽ phải trả lời về tội của họ vào ngày Qiyamat, Ngày Phán xử. Thời đó, uống rượu hết sức phổ biến ở Kabul. Chẳng một ai công khai chỉ trích anh về điều đó, nhưng những người Afghan phải uống thì cứ uống lén uống lút, chẳng nề nang gì cả. Mọi người mua rượu Scotch như mua “thuốc chữa bệnh” trong túi giấy nâu từ những “cửa hàng thuốc” đặc biệt. Họ thường ra về với chiếc túi giấu cho thật kín, đôi khi thu hút những cái nhìn vừa lén lút vừa không bằng lòng của những người đã biết tai tiếng của cửa hàng về chuyện làm ăn như thế.

Chúng tôi đang ở trên gác, trong phòng đọc của Baba, cũng là phòng hút thuốc, khi tôi kể cho ông những gì giáo sĩ Fatiullah Khan đã dạy chúng tôi ở lớp. Baba tự rót cho mình một ly whisky từ quầy rượu xây ở góc phòng. Ông nghe, gật đầu, nhấp một nhấp rượu. Rồi ông ngồi vào chiếc ghế sofa đệm da, đặt ly rượu xuống, bế tôi lên đùi ông. Tôi cảm thấy như đang ngồi trên hai thân cây. Ông hít một hơi dài và thở ra đằng mũi, không khí rít lên qua ria mép ông tựa như không dứt. Trong nỗi sợ điếng người, tôi phân vân không biết có muốn ôm ghì lấy ông hay tụt ngay ra khỏi đùi ông.

- Bố thấy con bị hoang mang về những gì con đang học ở trường, theo lối giáo dục hiện thời, – ông nói bằng một giọng nặng trĩu.

- Nhưng nếu những gì ông ta nói đều đúng, hoá ra Baba là kẻ mắc tội?

- Hừm! – Baba nghiêng một miếng nước đá giữa hai hàm răng. – Con có biết bố con nghĩ thế nào về tội lỗi không?

- Có ạ.

- Vậy bố nói cho con nghe, – Baba tiếp – nhưng trước hết phải hiểu điều này, và hiện ngay bây giờ, Amir ạ. Con sẽ chẳng học được điều gì ra hồn từ những lão râu dài ngu xuẩn ấy.

- Ý bố nói giáo sĩ Fatiullah Khan?

Baba ra hiệu bằng ly rượu. Nước đá kêu lạnh canh.

- Bố muốn nói tất cả bọn họ. Đái vào râu tất cả cái lũ khi lên mặt đạo đức ấy.

Tôi bật cười khúc khích. Hình ảnh Baba đái lên râu của bất kỳ con khi nào, lên mặt đạo đức hoặc không phải thế, thật quá đã.

- Họ chẳng làm được trò gì ngoài việc lăn tràng hạt và đọc một cuốn sách viết theo một lối mà chính họ cũng không hiểu, – ông nhấp một nhấp nữa. – Cầu Thượng đế phù hộ cho chúng ta để đừng bao giờ Afghanistan rơi vào tay họ.

- Nhưng giáo sĩ Fatiullah Khan có vẻ tốt mà, – tôi cố nói xen vào giữa lúc đang bật lên cười rúc rích.

- Thành Cát Tư Hãn cũng có vẻ như vậy, – Baba nói. – Nhưng thôi xếp lại chuyện ấy. Con hỏi bố về tội lỗi và bố muốn nói cho con nghe. Con đang nghe đấy chứ?

- Vâng ạ, – tôi nói, mím môi lại. Nhưng một tiếng khụt khịt vẫn cứ bật ra khỏi mũi tôi khiến tôi lại khúc khích cười.

- Bố muốn nói với con như một người đàn ông nói với một người đàn ông. Con có thể xử sự như thế được một lần không?

- Vâng, thưa Baba jan[9], – tôi ấp úng ngạc nhiên, không phải lần đầu chỉ bằng mấy lời mà Baba lại có thể khiến tôi thấy nhói lên trong lòng. Chúng tôi đã có được những phút giây tốt đẹp ngăn ngui – chẳng mấy khi Baba nói với tôi mà chỉ có mỗi mình tôi ngồi trên đùi ông như thế – và tôi đúng là một thằng ngốc mới để phí hoài điều đó.

- Tốt lắm, – Baba nói nhưng mắt ông lạ lùng. – Bây giờ, không cần biết ông thầy giáo sĩ ấy dạy gì, chỉ biết có duy nhất một tội, một tội thôi. Đó là tội ăn cắp. Mọi tội khác đều là biến thái của tội ăn cắp. Con có hiểu không?

- Không, thưa Baba jan, – Tôi nói, trong lòng thất vọng những mong mình hiểu. Tôi đâu muốn làm ông thất vọng.

Baba thốt ra một tiếng thở dài sốt ruột. Như thế cũng làm tôi day dứt, bởi ông không phải con người nóng nảy. Tôi vẫn nhớ tất cả những lần tối rồi mà ông vẫn chưa về nhà, tất cả những lần tôi ăn tối một mình. Tôi thường hỏi ông Ali rằng Baba đâu, khi nào thì cha tôi trở về nhà, mặc dầu tôi thừa biết ông ở công trường xây dựng để trông nom chỗ này, giám sát chỗ kia. Như thế không cần kiên nhẫn sao? Tôi đâm ra căm ghét tất cả những đứa trẻ mà ông đang xây trại mồ côi cho. Đôi khi tôi mong chúng chết đi theo cha mẹ chúng.

- Khi con giết một người, con ăn cắp một cuộc đời, – Baba nói. – Con ăn cắp quyền làm vợ của một người đàn bà, cướp cha của lũ trẻ. Khi con nói dối là con ăn cắp quyền của ai đó được biết sự thật. Khi con lừa bịp, con ăn cắp quyền được ngay thẳng. Con có hiểu không?

Tôi hiểu. Khi Baba sáu tuổi, giữa đêm khuya một tên trộm đột nhập vào nhà ông tôi. Ông tôi, vị thẩm phán đáng kính, đương đầu với hắn, nhưng tên trộm đâm ông tôi vào họng giết ông chết ngay, cướp mất cha của Baba. Dân thị xã bắt được tên sát nhân ngay trước buổi trưa hôm sau. Hoá ra là mộ lên du thủ du thực từ vùng Kunduz. Người ta treo cổ hắn lên cành một cây sồi, trước lễ cầu nguyện ban chiều hai tiếng. Chính chú Rahim Khan chứ không phải Baba kể cho tôi chuyện đó. Tôi luôn được biết mọi điều về Baba từ những người khác.

- Không có hành động nào xấu xa hơn trộm cắp, Amir ạ, – Baba nói. – Một người chiếm đoạt những gì không phải của mình, dù đó là một cuộc đời hay một ổ bánh naan... Ta nhổ vào loại người ấy. Và Thượng đế phù hộ cho hắn để đừng bao giờ hắn gặp phải ta. Con có hiểu không?

Tôi thấy cái ý của Baba chỉ trích kịch liệt tên trộm cắp vừa hay ho vừa làm tôi sợ phát khiếp:

- Vâng, thưa Baba.

- Nếu như có một vị Thượng đế ở đâu đó, thì ta chỉ mong ông ấy có nhiều việc quan trọng hơn là để ý đến ta uống rượu Scotch và ăn thịt lợn. Nào, bây giờ tụt xuống. Nói chuyện mãi về tội lỗi làm ta lại khát rồi.

Tôi nhìn ông rót đầy ly rượu và ngạc nhiên, không hiểu còn lâu lắm không, cho tới khi chúng tôi lại chuyện trò như vừa rồi. Bởi vì sự thật là,

tôi luôn cảm thấy như Baba hơi ghét tôi. Và tại sao lại không nhỉ? Rốt cuộc, chẳng phải tôi đã giết chết người vợ yêu dấu của ông, bà quận chúa xinh đẹp của ông hay sao? Điều tối thiểu mà tôi có thể làm, là phải cư xử sao cho đúng phép để trở nên giống ông hơn một chút. Nhưng tôi đã không trở thành giống ông. Không chút nào.

*

Ở trường, chúng tôi thường chơi trò chơi Sherjangi, hay “Đấu thơ”. Thầy giáo dạy môn văn học Farsi điều khiển cuộc chơi khá như sau: Anh đọc lên một câu từ một bài thơ và đối thủ của anh có sáu mươi giây để đáp lại bằng một câu thơ khác khởi đầu bằng chữ cuối của câu kia. Mọi người ở lớp đều muốn tôi trong đội chơi của họ, bởi vì vào lúc mười một tuổi, tôi đã có thể đọc hàng tá các câu thơ từ Khayyám, Hãfız hoặc Masnawi nổi tiếng của Rumi[10]. Một bận, tôi chấp cả lớp và tôi thắng. Rất khuya đêm đó, tôi kể lại chuyện ấy với Baba, nhưng ông chỉ gật đầu lẩm bẫm “Tốt”.

Vì thế mà tôi thường tìm cách thoát khỏi sự xa cách của cha, nhờ vào đồng sách của người mẹ đã khuất của tôi. Tất nhiên, cả Hassan nữa. Tôi đọc mọi thứ của Rumi, Hãfız, Saadi, Victor Hugo, Jules Verne, Mark Twain, Ian Fleming. Khi đọc hết đồng sách của mẹ – không kể những cuốn sách lịch sử buồn chán, tôi chẳng bao giờ để ý tới loại ấy, chỉ đọc những tiểu thuyết, những sử thi, – tôi bắt đầu tiêu tiền bố cho vào việc mua sách. Mỗi tuần tôi mua một cuốn ở hiệu sách gần Công viên Điện ảnh, và cất giữ trong một thùng các tông, khi đã hết chỗ để trên kệ.

Đương nhiên, cưới một nhà thơ là một chuyện, làm cha một đứa con trai thích vùi đầu vào sách thơ hơn đi săn... ồ, đó lại là điều mà Baba không nhắm tới, tôi cho là như vậy. Đàn ông đích thực không đọc thơ – và Thượng đế cấm họ không bao giờ được làm thơ! Những người đàn ông đích thực – những chàng trai đích thực nữa – chơi bóng đá như Baba đã từng chơi hồi còn trẻ. Giờ đây, bóng đá vẫn là điều gì đó khiến ông say mê. Năm 1970, Baba cho ngừng việc xây dựng trại mồ côi, và bay đến Tehran một tháng để xem bóng đá thế giới trên vô tuyến truyền hình, vì thời đó Afghanistan chưa có truyền hình. Ông ghi tên tôi vào những đội bóng đá để khuấy lên cùng sự đam mê trong tôi. Nhưng tôi là một gánh nặng sai lầm tệ hại khổ sở cho đội bóng của tôi, luôn làm vương

chân một đường chuyền thích hợp hoặc vô tình đứng chặn một đường bóng thoáng. Tôi lê đôi chân khăng khiu về phía sân đối phương, hét lên gọi những đường bóng chẳng bao giờ đến được với mình. Và tôi càng cố, hai tay giơ trên đầu vẫy vẫy, cuồn nhiệt hét to “Tôi đón đây! Tôi đón đây!” thì lại càng bị phớt lờ. Nhưng Baba nào có chịu buông tha. Khi sự thể đã trở nên quá rõ ràng, tôi không kế thừa được những tài năng lực sĩ của ông, ông lại tìm cách biến tôi thành một khán giả say mê bóng đá. Chắc chắn tôi có thể xoay sở ư? Tôi vờ vịt quan tâm đến chuyện đó càng lâu càng tốt. Tôi reo lên cùng ông khi đội Kabul ghi bàn vào đội Kandahar và hét lên lảng mạt trọng tài thổi phạt đền đội bóng của chúng tôi. Nhưng Baba đoán được tôi thiếu niềm say mê thực sự và ông đành đầu hàng trước sự thể hiển nhiên là con trai ông chẳng bao giờ trở thành cầu thủ cũng như một fan bóng đá.

Tôi còn nhớ một lần Baba mang tôi tới xem cuộc tỉ thí Buzkashi hàng năm tổ chức vào đầu xuân, ngày Tết năm mới.

Buzkashi là, và mãi là, niềm đam mê của cả nước Afghanistan. Một Chapandaz, kỵ mã cực kỳ điêu nghệ, thường được những người hâm mộ giàu có bảo trợ, phải chộp được xác con dê hoặc con thú đã chết từ giữa một đám hỗn loạn, phi hết nước đại mang theo con mồi chạy quanh đấu trường, rồi ném nó vào đường tròn thẳng đứng, trong khi ấy đội của Chapandaz khác săn đuổi, và làm đủ mọi điều tùy sức của họ – đá, túm, vụt, thụi để chộp lại con mồi từ anh ta. Hôm đó, người xem gào lên phấn khích khi người kỵ sĩ trên đấu trường gầm những tiếng hét chiến trận, chen đẩy để cướp con mồi trong đám bụi mù mịt. Mặt đất rung lên tiếng vó ngựa rầm rập. Tôi và cha tôi ngồi xem ở phía khán đài trên khi các kỵ sĩ phi hết nước đại rầm rập chạy qua, vừa reo vừa gào hét, ngựa sùi bọt mép. Bỗng Baba chỉ về phía ai đó.

- Amir này, con có trông thấy người ngồi trên đó cùng với những người khác vây quanh ông ta không? Tôi có thấy.

- Đó là ông Henry Kissinger[11] đấy.

-Ồ! – Tôi nói. Tôi đâu có biết ông Kissinger là ai, và đã định hỏi cha. Nhưng ngay lúc ấy, tôi khiếp hãi chứng kiến một trong những Chapandaz ngã khỏi yên và bị giày xéo dưới nhiều móng ngựa. Thân thể người ấy bị ném tung lên, và quăng vào đám đông hỗn loạn như một con

búp bê nhồi vải vụn, cuối cùng lăn lông lốc rồi dừng lại, khi đám hỗn loạn đã rời đi. Anh ta giật lên một cái rồi nằm bất động, đôi chân còng lại thành những góc bất bình thường, một vũng máu ướm đẫm trên cát.

Tôi bắt đầu khóc.

Tôi khóc suốt trên đường về nhà. Tôi còn nhớ hai tay Baba siết chặt vô lăng như thế nào. Siết chặt và nới lỏng. Cái chính là, tôi không bao giờ quên những cố gắng phi thường của Baba hòng che giấu cái nhìn kinh tởm trên khuôn mặt ông khi ông im lìm lái xe.

Khuya đêm đó, tôi đang đi ngang qua phòng đọc của cha tôi thì thoáng nghe thấy ông đang nói chuyện với chú Rahim Khan. Tôi áp tai vào cửa đóng kín.

-...may là nó khoẻ mạnh, – chú Rahim Khan đang nói.

- Tôi biết, tôi biết. Nhưng nó cứ luôn vùi đầu vào mấy cuốn sách đó hoặc lang thang quanh nhà như lạc trong mộng mị.

- Thì sao?

- Tôi không thích thế, – Baba nói oang oang, chán nản, gần như tức giận.

Chú Rahim Khan cười.

- Trẻ con đâu phải những quyển sách tập tô màu. Anh không phải bôi đầy chúng bằng những màu anh ưa thích.

- Tôi nói để ông biết, – Baba nói. – Tôi không thích như thế chút nào cả, mà có phải tôi sống với đứa trẻ bất kỳ nào đó đâu cơ chứ.

- Anh biết không, đôi khi anh là một người tự coi mình là trung tâm bậc nhất đấy. – Chú Rahim Khan nói. Chú là người duy nhất mà tôi biết có thể phân đôi bằng việc nói những điều như thế với Baba.

- Thế thì chẳng còn điều gì phải bàn cả.

- Không ư?

- Không.

- Rồi sao?

Tôi nghe thấy tiếng da đệm ghế Baba kin kít, như thể ông đang xô dịch trên đó. Tôi nhắm mắt lại, ép tai chặt hơn nữa vào cánh cửa, nửa muốn nghe, nửa không muốn. – “Đôi khi từ cửa sổ này tôi nhìn ra ngoài và thấy nó đang chơi trên đường phố cùng lũ con trai hàng xóm. Tôi thấy chúng trêu chọc nó, cướp đồ chơi của nó, ãy vào chỗ này, đánh vào chỗ

kia. Mà, ông biết không, nó không bao giờ đánh trả. Không bao giờ. Nó chỉ... cúi đầu và...

- Vậy nó không ưa bạo lực, – chú Rahim nói.

- Ý tôi không phải như thế, Rahim, ông biết mà, – Baba phản bác. – Có một cái gì đó thiếu hụt trong thằng bé này.

- Phải, một tính cách tiểu nhân.

- Tự vệ không có gì giống với tiểu nhân. Ông có biết điều gì luôn xảy ra khi những đứa trẻ hàng xóm trêu chọc nó không? Hassan giúp sức và cản chúng lại. Tôi đã tận mắt chứng kiến cảnh đó. Rồi khi hai đứa về nhà, tôi nói với nó: “Làm thế nào mà Hassan lại có vết xước trên mặt thế kia?” Nó nói: “Cậu ấy ngã”. Tôi bảo cho ông hay, Rahim ạ, có một cái gì đó thiếu hụt ở thằng bé đó.

- Anh chỉ cần để nó tự tìm con đường của mình, – chú Rahim Khan nói.

- Và rồi nó sẽ đi tới đâu, – Baba nói. – Một thằng con trai không tự bảo vệ mình sẽ trở thành một người đàn ông không thể bảo vệ bất cứ điều gì.

- Anh vẫn cứ hay quá đơn giản hoá mọi điều.

- Tôi không nghĩ thế.

- Anh tức giận bởi vì anh sợ nó sẽ không bao giờ quản lý được công việc kinh doanh cho anh.

- Nào, xem bây giờ ai đang quá đơn giản hoá mọi chuyện đây, – Baba nói. – Xem nào, tôi biết có một sự quyến luyến giữa anh và nó. Tôi sung sướng về điều đó. Ghen tị nhưng sung sướng. Tôi muốn nói thế. Nó cần một ai đó... hiểu nó, bởi vì Thượng đế biết, tôi không hiểu nổi nó.

Nhưng có điều gì đó Amir làm tôi bứt rứt, bứt rứt như thế nào tôi không diễn tả được. Nó giống như... – Tôi có thể hình dung ra ông loay hoay tìm một từ thật đúng. Ông hạ giọng xuống, nhưng dấu sao tôi cũng vẫn nghe thấy. – Nếu như tôi không tận mắt trông thấy bác sĩ lôi nó ra từ trong bụng vợ tôi, tôi chẳng giờ tin nó là con trai tôi.

Sáng hôm sau, lúc chuẩn bị bữa sáng cho tôi Hassan hỏi có điều gì làm tôi khó chịu vậy. Tôi nổi cáu với cậu ấy, bảo hãy nghĩ đến công việc của mình.

Chú Rahim đã nhầm về chuyện tính cách tiểu nhân.

Chương 4

Năm 1933, năm Baba chào đời, cũng là năm quốc vương Zahir Shah bắt đầu năm thứ bốn mươi trị vì Afghanistan, hai anh em, hai gã trai trẻ trong một gia đình giàu có và danh giá ở Kabul ngồi sau tay lái chiếc xe Ford của cha mình. Ngà ngà say thuốc lá tẩm thuốc phiện và chén choáng rượu vang Pháp, họ đã cán chết đôi vợ chồng người Hazara trên con đường tới Paghman. Cảnh sát đem hai gã trai có vẻ ăn năn hối lỗi và đưa con trai mồ côi năm tuổi của đôi vợ chồng đã chết đến trước ông tôi, lúc đó là một vị quan toà uy danh và là một con người uy tín mẫu mực. Sau khi nghe hai gã trai tường trình và người cha xin khoan hồng, ông tôi quyết định anh em nhà kia phải lập tức đến Kandahar và ghi tên vào quân đội trong một năm – mặc cho gia đình họ đã xoay xở mọi cách để họ được miễn trừ bản án. Người cha của họ cũng tranh biện, nhưng cũng không quyết liệt lắm, và cuối cùng mọi người đều đồng ý là việc trừng phạt có lẽ hơi cay nghiệt nhưng thoả đáng. Còn với đứa trẻ mồ côi, ông tôi nhận nuôi trong gia đình mình và ra lệnh cho những thầy khác kèm cặp nhưng phải đối xử tốt với đứa bé. Đứa bé đó là Ali.

Ali và Baba lớn lên cùng nhau như đôi bạn để chỏm – ít nhất cũng cho đến khi bệnh viêm tuỷ xám làm bại liệt chân của Ali – hết như tôi và Hassan cùng lớn lên ở thế hệ sau. Baba luôn kể cho chúng tôi nghe về những trò tinh nghịch của ông và Ali, và Ali thường lắc đầu bảo: “Nhưng, Agha sahib[12], kể cho chúng tôi nghe ai là người nghĩ ra trò tinh nghịch và ai là người thực hiện đáng thương chứ?” Baba thường chỉ cười và dang cánh tay ôm lấy Ali.

Nhưng không có một chuyện nào ông kể mà trong đó Baba lại xem Ali như bạn của mình.

Điều lạ lùng là, tôi cũng không bao giờ nghĩ tôi và Hassan là đôi bạn. Dẫu sao, cũng không theo nghĩa thông thường. Bất kể việc chúng tôi dạy nhau đi xe đạp buông hai tay, hoặc thiết kế một cái máy tính tại nhà có đủ chức năng từ một hộp các tông. Bất kể chúng tôi cùng nhau thả diều suốt mùa đông, và đua diều. Bất kể đối với tôi, bộ mặt của người Afghanistan chính là bộ mặt của thằng bé có dáng người thon thả, với cái

đầu cạo trọc, đôi tai mọc thấp, thẳng bé với bộ mặt búp bê Tàu vĩnh viễn ngồi sáng nụ cười môi hẻ.

Bất chấp mọi điều đó. Bởi vì lịch sử không dễ để mà vượt qua. Tôn giáo cũng vậy. Rốt cuộc rồi vẫn cứ là người Pashtun, còn cậu ấy là người Hazara. Tôi là người Sunmi và cậu ấy là người Shi'a, và không gì có thể thay đổi điều đó. Không gì hết.

Nhưng chúng tôi là những đứa trẻ đã từng cùng tập bò với nhau, và cũng không có lịch sử nào, vấn đề chủng tộc nào, xã hội nào, tôn giáo nào thay đổi được điều đó. Tôi đã trải qua mười hai năm đầu của đời tôi chơi đùa cùng Hassan. Đôi khi, cả thời thơ ấu của tôi tựa như một ngày hè dài lười biếng cùng với Hassan, đuổi nhau giữa những rặng cây trong sân nhà cha tôi, chơi trò trốn tìm, công an bắt kẻ trộm, cao bồi và người da đỏ, hành hạ côn trùng – với thành công rục rĩ không chối cãi được là cái lần chúng tôi rút vôi của con ong rồi buộc quanh sinh vật đáng thương một cái dây, để mỗi lần nó bay lên lại bị giật mạnh lại.

Chúng tôi đuổi theo người Kochi, những bộ lạc du mục ngang qua Kabul, trên đường tới các dãy núi phía Bắc. Chúng tôi thường nghe tiếng những ngôi nhà lưu động tiến gần vùng lân cận chúng tôi, tiếng đàn cừu của họ kêu è è, tiếng đàn dê kêu be be, nhạc rung quanh cổ lũ lạc đà. Chúng tôi thường chạy ra khỏi nhà để xem đoàn nhà lưu động cọt két lăn qua đường phố của chúng tôi, những người đàn ông đầy bụi bặm, mặt dãi dầu nắng gió và những người đàn bà choàng khăn dài sặc sỡ, đeo những chuỗi hạt cườm và vòng bạc ở cổ tay và khuỷu tay. Chúng tôi ném đá cuội vào những con dê của họ. Chúng tôi phun nước vào những con la của họ. Tôi thường bắt Hassan ngồi trên Bức tường Ngô ôm lấy súng cao su bắn sỏi vào đít lũ lạc đà.

Chúng tôi cùng nhau đi xem bộ phim cao bồi viễn Tây đầu tiên, Rio Bravo, với diễn viên John Wayne thủ vai, ở Công viên Điện ảnh, vượt qua đường phố có hiệu sách ưa thích của tôi. Tôi nhớ mình đã từng nài xin Baba mang chúng tôi tới Iran, để chúng tôi có thể gặp John Wayne. Baba phá lên cười một chuỗi dài tưởng vỡ họng – một âm thanh không phải không giống động cơ xe tải đang rồ máy – rồi khi đã có thể nói lại được, ông giải thích cho chúng tôi khái niệm về lồng tiếng. Hassan và tôi sửng sốt. Sửng sột. John Wayne không thực sự nói tiếng Farsi và ông ta

không phải người Iran. Ông ta là người Mỹ, hết như những người đàn ông và đàn bà tóc dài thân thiện chúng tôi luôn thấy vợ vẫn ở Kabul, mặc những chiếc váy màu sắc sỡ và xơ gấu. Chúng tôi xem Rio Bravo ba lần, nhưng chúng tôi xem bộ phim cao bồi ưa thích của mình, phim Bảy anh chàng cừ khôi tới mười ba bận. Mỗi lần xem, lúc kết thúc chúng tôi đều khóc khi thấy những đứa trẻ Mexico chôn Charles Bronson – hoá ra cũng không phải là người Iran.

Chúng tôi tản bộ trong những phố chợ nhỏ sặc mùi rêu mốc của quận Sha-e-Nau ở Kabul, hoặc trong khu đô thị mới phía Tây quận Wazir Akbar Khan. Chúng tôi trò chuyện về bất cứ phim nào vừa xem và dạo bộ giữa những đám người hối hả của khu phố chợ. Chúng tôi len lỏi giữa những thương gia và những kẻ ăn mày, lang thang qua các ngõ hẹp vướng víu nhiều dây lều quán nhỏ chật ních hàng. Baba cho mỗi đứa chúng tôi mỗi tuần mười đồng Afghani[13] và chúng tôi tiêu vào khoản Coca-Cola ấm và kem nước hoa hồng bên trên có rắc quả hồ trăn nghiền nhỏ.

Trong năm học, chúng tôi có lệ quen hàng ngày. Vào lúc tôi lễ mễ ra khỏi giường và lê đến buồng tắm thì Hassan đã tắm rửa rồi, cả cầu nguyện kinh Namaz buổi sáng với ông Ali và sửa soạn bữa sáng cho tôi: trà đen nóng, với ba thỏi đường, một lát bánh naannướng bên trên quệt món mứt dầm anh đào chua mà tôi ưa thích, tất cả đều được đặt ngay ngắn trên bàn ăn. Trong khi tôi ăn và phàn nàn về bài tập về nhà, Hassan dọn dẹp giường ngủ, đánh giày cho tôi, là áo ngoài mặc hôm đó và xếp sách bút cho tôi. Tôi thường nghe thấy cậu hát một mình ở ngoài tiền sảnh lúc là quần áo, hát những bài ca cổ Hazara bằng giọng mũi. Rồi, Baba và tôi rời khỏi nhà trong chiếc xe Ford Mustang đen – chiếc xe mà đâu đâu mọi người cũng nhìn mộ cách thèm thường, bởi vì nó cùng loại xe mà Steve McQueen đã lái trong phim Bullitt, bộ phim được chiếu trong một rạp chiếu phim tới sáu tháng liền. Hassan ở nhà giúp ông Ali những công việc trong ngày: giặt bằng tay quần áo bẩn rồi đem phơi ngoài sân, lau quét sàn nhà, ra phố chợ mua bánh naan sống, nấu món sốt thịt cho bữa chiều, tưới cỏ.

Đi học về, tôi và Hassan lại gặp nhau, vợ lấy một cuốn sách, tung tăng phi lên ngọn đồi hình bát úp toạ lạc đúng phía Bắc dinh cơ của cha tôi ở

quận Wazir Akbar Khan. Nơi đó có một nghĩa địa hoang phế, với những dãy bia mộ bằng đá không ghi tên và những bụi cây ngăn hai bên lối đi. Nhiều mùa mưa và tuyết rơi đã làm chiếc cổng sắt han gỉ và khiến những dãy tường đá trắng của nghĩa địa xiêu đổ. Có một cây lựu gần lối vào nghĩa địa. Một ngày mùa hè, tôi đã dùng con dao bếp của ông Ali khắc tên chúng tôi tên thân cây: “Amir và Hassan, hai Sultan[14] của Kabul”. Những chữ đó chính thức tỏ rõ: cây lựu là của chúng tôi. Đi học về, Hassan và tôi trèo lên cây và hái những quả lựu đỏ tươi. Ăn lựu và chùi tay xuống cỏ xong, tôi thường đọc sách cho Hassan nghe.

Ngồi xếp bằng tròn, ánh nắng và bóng lá cây lựu vờn múa trên mặt, Hassan lơ đãng nhổ những túm cỏ khỏi mặt đất, trong khi tôi đọc những truyện ngắn mà cậu không tự đọc được. Thực tế Hassan lớn lên cũng mù chữ như ông Ali và phần lớn những người Hazara vốn đã được định phận từ giây phút sinh ra, thậm chí có lẽ từ lúc bắt đầu được thai nghén bất đắc dĩ trong bụng của Sanaubar. Nhưng rốt cuộc người hầu biết chữ để làm gì cơ chứ? Nhưng dẫu mù chữ, hoặc biết đâu chính vì vậy, Hassan bị sự huyền bí của ngôn từ thu hút, bị quyến rũ bởi một thế giới bí mật cấm đoán với mình. Tôi đọc cho cậu ấy những bài thơ, truyện ngắn, đôi khi những câu đố mẹo – dẫu tôi thường dừng ngay khi thấy cậu giải hay hơn tôi quá nhiều. Thế là tôi đọc cho cậu những chuyện không cần tranh cãi, như những chuyện rui ro của giáo sĩ Hồi giáo Nasruddin ngớ ngẩn và con lừa của ông ta. Chúng tôi ngồi hàng giờ dưới gốc cây đó, ngồi cho đến khi mặt trời tà úa ở phía Tây, vậy mà Hassan vẫn cố nài, nói hai đứa còn đủ ánh sáng để đọc thêm một truyện nữa, một chương nữa.

Phần đọc tôi thú vị là khi chúng tôi tình cờ gặp một từ mà cậu ấy không biết. Tôi thường trêu cậu, phơi bày sự dốt nát của cậu ra. Có lần tôi đang đọc cho cậu nghe một truyện về tu sĩ hồi giáo Nasruddin, Hassan ngắt lời tôi:

- Từ ấy nghĩa thế nào?
- Từ nào?
- Đần độn.
- Cậu không biết nghĩa là gì à? – Tôi nhăn nhó hỏi.
- Không, Amir agha.

- Nhưng nó chỉ là một từ thông thường thôi mà!

- Tôi vẫn không hiểu.

Nếu Hassan có cảm thấy tôi chơi xỏ cậu, thì khuôn mặt tươi cười của cậu cũng không biểu lộ ra.

- Ồ cả trường tôi, ai chả biết nó nghĩa là gì, – Tôi nói. – Để xem nào, “Đần độn” có nghĩa là tinh nhanh, thông minh. Tôi đặt một câu cho cậu có sử dụng chữ đó nhé: Nói về từ vựng, Hassan là một kẻ đần độn.

- À, à, – Hassan gật gật đầu. Sau đó, tôi luôn cảm thấy mình có tội. Vì vậy tôi thường tìm cách xí xoá bằng cách cho cậu ấy một chiếc áo sơ mi cũ, hoặc một đồ chơi hỏng. Tôi thường tự nhủ thế là đủ sửa chữa cho trò đùa vô hại rồi.

Cuốn sách mà Hassan ưa thích nhất là cuốn Shahnamah, thiên sử thi thế kỷ thứ mười kể về những anh hùng Ba Tư cổ xưa. Cậu thích tất cả các chương, các Shah[15] đời trước Feridoun, Zal và Rudabeh. Nhưng truyện ưa thích nhất của cậu cũng như của tôi, là “Rostam và Sohrab”, câu chuyện về chiến binh vĩ đại Rostam và con ngựa nhanh như gió Rakhsh. Trên chiến trường, Rostam chém tử thương Sohrab, kẻ báo ứng can đảm của mình, chỉ để nhận ra Sohrab chính là đứa con trai từ lâu thất lạc. Giày vò đau đớn, Rostam nghe những lời trăng trối của con trai mình:

Nếu ông quả thật là cha ta, chẳng phải thanh kiếm trong tay ông đã vấy máu tươi của con trai ông rồi ư. Và ông làm thế là do sự ngoan cố của ông. Bởi ta đã cố làm cho ông biết yêu thương, ta van xin đích danh ông, vì ta nghĩ nhìn thấy trong ông những dấu hiệu nhắc nhớ điều gì đó của mẹ ta. Nhưng ta cầu cứu trái tim ông vô ích, và bây giờ cơ hội tái hợp đã qua rồi...

- Đọc lại đi, tôi xin Amir agha đấy, – Hassan thường nói vậy. Đôi khi nước mắt ứa lên trong đôi mắt của Hassan khi tôi đọc cái đoạn ấy, và tôi luôn không hiểu cậu khóc vì ai, cho ông Rostam dẫn vật đòn đau xé toang áo quần và phủ tro trên đầu mình, hay Sohrab đang hấp hối, từ lâu vẫn mong đợi tình thương yêu của cha mình. Riêng tôi, tôi không thể thấy được tấn bi kịch trong số phận của Rostam. Rốt cuộc, phải chăng tất cả những người cha trong tâm can sâu kín của mình đều ấp ủ một ước muốn giết chết con trai họ?

Một hôm, vào tháng Bảy năm 1973, tôi chơi một trò bịp nhỏ khác với Hassan. Đang đọc cho cậu ấy nghe, bất chợt tôi bỏ câu chuyện đi. Tôi vờ như vẫn đọc cuốn sách đó, cũng lật trang đều đặn, nhưng tôi đã bỏ rơi hoàn toàn văn bản, làm chủ câu chuyện, và phía ra theo ý tôi. Hassan đương nhiên không nhận ra điều đó. Với cậu, những từ trên trang giấy là sự cạnh tranh gay gắt của bao nhiêu mật mã không thể giải nổi, bí hiểm. Từ ngữ là những cổng vào bí mật và tôi nắm giữ chìa khoá. Sau đó, tôi hỏi cậu xem có thích truyện đó không, một tiếng khúc khích dâng lên trong họng tôi, khi Hassan vỗ tay hoan hô. Tôi hỏi:

- Cậu đang làm cái gì đấy?

- Đây là câu chuyện hay nhất cậu đọc cho tôi lâu nay đấy, – Hassan vẫn vừa vỗ tay vừa nói.

Tôi cười:

- Thật không?

- Thật.

- Thế thì hấp dẫn ư? – tôi lăm bằm. Tôi cũng định nói như thế. Điều này là... hoàn toàn không mong đợi. – Cậu tin chắc thế không, Hassan?

Hassan vẫn đang vỗ tay:

- Thật tuyệt vời, Amir agha. Mai cậu lại đọc nữa cho tôi chứ?

- Hấp dẫn, – tôi nhắc lại, hơi khó thở, cảm thấy như một người vừa khám phá ra kho tàng chôn giấu trong sân sau nhà mình. Bước xuống chân đồi, những ý nghĩ cú phụt ra trong đầu tôi như pháo hoa trong ngày hội Chaman.[16]Truyện hay nhất cậu đọc cho tôi lâu nay đấy, cậu ấy đã nói thế. Tôi đã đọc cho cậu khá nhiều truyện ngắn. Hassan hình như đang hỏi tôi điều gì đó.

- Gì cơ?

- Hấp dẫn, thế nghĩa là gì?

Tôi cười, ghì chặt lấy cậu ấy và đặt một cái hôn lên má.

- Thế là thế nào? – Hassan giật mình, đỏ mặt nói.

Tôi thân mật ấy cậu một cái. Rồi mỉm cười.

- Hassan, cậu là một ông hoàng. Cậu là một ông hoàng và tôi yêu cậu.

Ngay tối hôm đó, tôi viết cái truyện ngắn đầu tiên của tôi. Mất ba mươi phút. Đó là một câu chuyện nhỏ u tối về một người đàn ông tìm thấy chiếc cốc thần và biết được rằng nếu khóc vào chiếc cốc ấy nước

mắt của ông sẽ biến thành ngọc trai. Nhưng mặc dầu luôn sống trong cảnh nghèo khổ, ông vẫn là người hạnh phúc và hiếm khi rơi một giọt nước mắt. Vì vậy, ông tìm mọi cách làm cho mình buồn, để nước mắt có thể làm cho ông trở nên giàu có. Ngọc trai chất đống cao đến đâu, lòng tham của ông ta tăng lên đến đấy. Truyện kết thúc kết thúc khi người đàn ông ngồi trên một núi ngọc, con dao cầm trong tay, đang khóc một cách vô vọng vào trong chiếc cốc, tay ôm xác người vợ yêu dấu bị giết.

Tối đó, tôi leo lên thang gác và bước vào phòng hút thuốc của Baba, trong tay tôi là hai tờ giấy trên đó tôi viết nguệch ngoạc câu chuyện ấy. Baba và chú Rahim Khan đang hút tẩu thuốc và nhấm nháp rượu brandy khi tôi bước vào.

- Cái gì thế, Amir? – Baba vừa hỏi vừa ngả người trên ghế sofa, đan hai tay gối phía sau đầu. Khói xanh cuộn xoáy quanh mặt ông. Cái nhìn trừng trừng của ông làm cho họng tôi khô lại. Tôi hăng giọng nói tôi vừa viết xong một truyện ngắn.

Baba gật đầu và nhếch mép cười, chẳng ngụ ý gì hơn là giả vờ quan tâm. “Được. tốt lắm, phải không nào ông nào?” ông nói vậy. Rồi chẳng thêm gì nữa. Ông chỉ nhìn tôi qua làn khói.

Có lẽ tôi đứng đó chưa đầy một phút, nhưng đến ngày hôm nay, nó là cái phút dài nhất của đời tôi. Những giây đồng hồ nặng nhọc trôi đi, giây này cách giây sau một thời gian vĩnh cửu. Không khí trở nên nặng nề, âm thấp, gần như đặc lại. Tôi như đang thở ra những viên gạch. Baba tiếp tục nhìn tôi trừng trừng và không bảo tôi đọc truyện.

Như mọi khi, Rahim Khan luôn luôn là người giải cứu tôi. Chú chìa bàn tay ra và ừ ái tôi bằng một nụ cười không chút vờ vĩnh:

- Amir jan, chú rất muốn đọc truyện đó, cho chú đọc được không?

Baba khó có khi nào lại dùng cái từ Jan tỏ vẻ thân thiết đó khi ông nói với tôi.

Baba nhún vai đứng dậy. Ông có vẻ nhẹ mình như thể chính ông cũng được chú Rahim Khan cứu.

- Phải đấy, đưa cho Kaka[17] Rahim. Bỏ lên gác chuẩn bị đây.

Nói xong, rồi ông rời khỏi căn phòng. Hầu như ngày nào tôi cũng tôn sùng Baba với một cảm xúc mãnh liệt gần tới mức tôn giáo. Nhưng ngay

lúc đó, tôi mong có thể cắt tĩnh mạch tôi ra để trút hết dòng máu đáng nguyền rủa của ông khỏi cơ thể tôi.

Một giờ sau, khi trời chiều đã tối mờ mờ, hai người bọn họ rời nhà đi trong chiếc xe hơi của cha tôi. Lúc ra khỏi nhà, chú Rahim Khan ngồi xổm xuống trước mặt tôi và trao trả cái truyện ngắn của tôi cùng một mảnh giấy gấp kín. Mặt chú loé sáng một nụ cười và chú nháy mắt bảo tôi: “Cho cháu đấy. Sau hãy đọc.” Rồi chú dừng lại và thêm một từ duy nhất, sau này đã cổ vũ tôi theo đuổi việc viết văn, hơn bất kỳ lời chúc mừng nào mà bất kỳ chủ biên nào từng dành cho tôi. Từ đó là Hoan hô.

Khi hai người đi rồi, tôi ngồi xuống giường mình và ước gì chú Rahim Khan là cha tôi. Rồi tôi nghĩ về Baba và bộ ngực lớn vĩ đại của ông, cảm thấy tuyệt vời biết bao khi ông ôm tôi vào ngực, người ông sặc mùi rượu cất thô vào buổi sáng ra sao, và râu ông giụi vào mặt tôi như thế nào. Tôi bỗng cảm thấy vô cùng đau đớn vì cái tội lỗi bất ngờ, đến mức phải lao ngay vào buồng tắm và nôn vào cái chậu.

Khuya đêm đó, nằm co trên giường, tôi đọc đi đọc lại bức thư ngắn của chú Rahim Khan. Nội dung như sau:

Amir jan!

Chú thích truyện ngắn của cháu lắm. Mashallah[18], Thượng đế đã phú cho cháu một tài năng đặc biệt. Bốn phần của chú bây giờ là phải mài giũa tài năng đó, bởi vì một con người để phí tài năng Thượng đế ban cho mình, là một con lừa. Cháu đã viết câu chuyện của cháu bằng một thứ ngữ pháp sáng sủa và một phong cách thú vị. Nhưng ấn tượng sâu sắc nhất về truyện ngắn cháu viết là nó có tính châm biếm. Cháu có thể còn chưa biết từ đó nghĩa là gì. Nhưng rồi một ngày nào đó cháu sẽ biết. Nó là cái gì đó mà một số nhà văn muốn vươn tới nhưng không bao giờ đạt được. Cháu đã thực hiện được điều đó bằng truyện ngắn đầu tiên.

Cửa nhà chú luôn luôn và mãi sẽ rộng mở với cháu, Amir jan ạ. Chú sẽ đọc bất kỳ truyện ngắn nào cháu cần chia sẻ với chú. Hoan hô.

Bạn của cháu,

Rahim

Phấn chấn bởi bức thư của chú Rahim Khan, tôi vội lấy cái truyện ngắn và chạy vội xuống cầu thang ra tiền sảnh, nơi Hassan và ông Ali đang ngủ trên tấm đệm. Đó là lần duy nhất họ ngủ trong ngôi nhà, khi Baba đi

vắng và ông Ali phải trông nom tôi. Tôi lay Hassan thức dậy và hỏi có muốn nghe một truyện không.

Cậu ấy dụi đôi mắt díp lại vì ngái ngủ và duỗi người ra:

- Bây giờ ư? Máy giờ rồi?

- Cần gì mấy giờ. Truyện ngắn này rất đặc biệt. Mình tự viết ra đây, – tôi thì thào, mong không làm ông Ali thức giấc.

Mặt Hassan sáng ngời lên.

- Thế thì tôi phải nghe rồi, – cậu nói và tung chăn ra.

Tôi đọc truyện đó cho Hassan ở phòng khách, bên lò sưởi bằng đá cẩm thạch. Lần này thì không có chuyện đọc giả vờ nữa; đó là truyện của tôi. Hassan là một thính giả hoàn hảo về nhiều mặt, hoàn toàn chìm đắm vào câu chuyện, nét mặt thay đổi theo giọng điệu đối thay trong câu chuyện. Khi tôi đọc đến câu cuối Hassan vỗ tay không thành tiếng, mặt rạng rỡ hẳn lên:

- Mashallah Amir agha! Hoan hô!

- Cậu thích chứ? – Tôi hỏi, và lần thứ hai cảm thấy hương vị ngọt ngào biết mấy – của một lời khen.

- Một ngày nào đó, Inshallah[19], cậu sẽ là một nhà văn lớn, – Hassan nói, – và mọi người trên toàn thế giới sẽ đọc những truyện cậu viết.

- Hassan, cậu bốc rồi, – tôi nói, thấy yêu Hassan vì thế.

Nhưng cậu khẳng khẳng:

- Không, cậu sẽ vĩ đại và nổi tiếng.

Rồi Hassan dừng lại, như thể đang định nói thêm điều gì đó. Cậu ta đắn đo tìm lời lẽ, rồi hăng giọng, bẽn lẽn hỏi:

- Nhưng cậu sẽ cho phép tôi hỏi một câu về cái truyện đó chứ?

- Tất nhiên.

- Được... – Cậu bắt đầu, rồi tịt mịt.

- Nói đi, Hassan, – tôi mỉm cười bảo, dẫu bất chợt cái tên nhà văn dễ nao núng trong tôi không tin lắm có muốn nghe không.

- Được, nếu cho phép tôi hỏi, tại sao người ấy lại phải giết vợ mình? Tại sao ông ta cứ phải bao giờ cũng buồn mới rơi nước mắt? Ông ta không thể chỉ nghĩ một cử hành ư?

Tôi sững sờ. Cái chi tiết cụ thể đó, quá rõ ràng hoàn toàn ngớ ngẩn, thế mà tôi lại không nghĩ ra. Tôi mấp má môi không thành tiếng. Có vẻ

như cũng trong đêm đó, tôi đã học được về một trong những mục tiêu viết, ấy là châm biếm. Tôi cũng được biết tới một trong những cái bẫy của nó: Kẽ hở của Tình tiết. Được Hassan dạy cho, thật đáng kinh ngạc. Hassan – kẻ không thể đọc nổi và chẳng bao giờ viết nổi một từ suốt cuộc đời mình. Một giọng nói lạnh lùng và đen tối thì thào trong tôi, Thăng Hazara mù chữ ấy, nó thì biết cái gì nào? Nó sẽ chẳng là gì ngoài việc là thằng bếp. Sao nó lại dám phê bình cậu?

- Được lắm!

Tôi bắt đầu, nhưng chẳng bao giờ nói hết được câu ấy. Bởi vì Afghanistan đã bất ngờ biến đổi mãi mãi.

Chương 5

Tiếng gì đó gầm lên như sấm. Mặt đất hơi rung chuyển và chúng tôi nghe thấy tiếng tặc – tặc – tặc của súng máy. “Cha ơi!” Hassan gọi to. Chúng tôi bật lên và nhào ra khỏi phòng khách. Chúng tôi thấy ông Ali đang tập tễnh vội vàng đi qua tiền sảnh.

- Cha ơi! Tiếng gì thế? – Hassan the thé kêu lên, vươn hai tay về phía ông Ali. Ông ôm chúng tôi trong hai cánh tay. Một dải sáng trắng loé lên, sáng chói trên bầu trời như bạc. Nó lại chớp loé lên và tiếp theo là chuỗi gằn nhanh của súng máy.

- Họ đang săn vịt trời đấy, – ông Ali nói bằng một giọng khàn khàn. – Họ săn vịt ban đêm, hai đứa biết đấy. Đừng sợ.

Một tiếng rít ở xa xa. Đâu đó, kính vỡ tan tành và ai đó kêu thét. Tôi nghe thấy tiếng người trên đường phố, choàng dậy, chen lấn nhau, có lẽ vẫn mặc nguyên quần áo ngủ, tóc bù xù mắt húp lên. Hassan đang khóc. Ông Ali kéo cậu sát vào người, dịu dàng ôm chặt lấy. Sau này, tôi thường tự nhủ tôi đã chẳng cảm thấy ghen với Hassan. Không chút nào hết.

Chúng tôi cứ thế rúc vào nhau cho đến sáng sớm. Tiếng bắn nhau và tiếng nổ kéo dài gần một giờ thì chấm dứt, nhưng nó làm cho chúng tôi khiếp sợ vô cùng, bởi vì không ai trong chúng tôi từng nghe thấy tiếng súng nổ trên đường phố. Đó là những âm thanh xa lạ với chúng tôi. Thế hệ trẻ con Afghan tai không nghe gì ngoài tiếng bom và tiếng súng còn chưa được sinh ra. Co rúc vào nhau trong phòng ăn và đợi cho trời sáng, không ai trong chúng tôi có bất cứ ý niệm nào rằng con đường sống đã chấm dứt. Con đường sống của chúng tôi. Nếu không phải hoàn toàn ngay lúc này, thì ít nhất cũng là bắt đầu của sự kết thúc. Sự kết thúc, sự kết thúc chính thức sẽ đến vào đầu tháng Tư năm 1978, với cuộc đảo chính của Cộng sản, rồi đến tháng Mười Hai năm 1979, khi xe tăng Nga bò vào chính những đường phố nơi Hassan và tôi đã chơi đùa, mang cái chết đến cho Afghanistan mà tôi vẫn biết, và đánh dấu sự khởi đầu của kỷ nguyên đẫm máu vẫn còn đang tiếp diễn.

Ngay trước lúc mặt trời mọc, xe hơi của Baba rẽ vào đường xe chạy vào nhà. Cửa xe đóng sầm lại và tiếng chân ông chạy huỳnh huých trên các bậc thang. Rồi ông hiện ra ở trước cửa và tôi thấy một nét gì đó trên

mặt ông. Một nét gì mà tôi không nhận ra ngay, bởi vì trước đó tôi không hề thấy: nỗi sợ hãi.

- Amir! Hassan!

Ông kêu lên, chạy đến với chúng tôi, hai cánh tay dang rộng.

- Chúng chặn hết mọi con đường và điện thoại không hoạt động. Ta lo quá.

Chúng tôi để ông ôm trong cánh tay, và trong một khoảnh khắc điên rồ, tôi thấy vui mừng về bất kỳ chuyện gì đã xảy ra đêm đó.

Rốt cuộc, chúng không bắn vệt. Hoá ra chúng không bắn mấy vào bất cứ thứ gì, cái đêm 17 tháng Bảy năm 1973 ấy. Sáng hôm sau, Kabul thức dậy, thấy nền quân chủ đã là chuyện của quá khứ. Quốc vương Zahir Shah chạy sang Ý. Văng mặt ông, người em họ của ông, Daoud Khan, đã kết thúc bốn mươi năm trị vì của nhà vua bằng cuộc đảo chính không đổ máu.

Tôi nhớ, buổi sáng hôm sau đó, Hassan và tôi khom người bên ngoài phòng làm việc của cha tôi, còn Baba và chú Rahim Khan đang uống trà đen, nghe tin tức mới về cuộc đảo chính trên đài phát thanh Kabul.

- Amir agha này. – Hassan thì thào.

- Cái gì?

- Cộng hoà là cái gì?

Tôi nhún vai:

- Tôi không biết.

Trên máy thu thanh của Baba, họ đang nói cái từ “cộng hoà” ấy, nói đi nói lại mãi.

- Amir agha này.

- Cái gì?

- Có phải “cộng hoà” nghĩa là cha tôi và tôi sẽ phải rời khỏi đây không?

- Tôi không nghĩ thế, – tôi thì thào trả lời.

Hassan ngẫm nghĩ về điều đó:

- Amir agha này.

- Cái gì?

- Tôi không muốn họ đuổi tôi và cha tôi đi.

Tôi mỉm cười:

- Vợ vẫn, cậu đúng là đồ con lừa. Chẳng ai đuổi bố con cậu đâu.
- Amir agha này.
- Cái gì?
- Cậu có muốn trèo lên cái cây của chúng ta không?

Nụ cười của tôi nở rộng ra. Đó lại là một chuyện khác về Hassan. Cậu luôn luôn biết khi nào nói điều cần nói – tin tức trên radio đã trở nên nhàm chán. Hassan đi về túp lều của cậu để chuẩn bị, và tôi leo lên gác lấy một cuốn sách. Rồi tôi vào bếp nhét đầy túi những vốc tay hạt thông[20], đoạn chạy ra ngoài tìm Hassan đang đợi tôi. Chúng tôi ào qua cổng trước và đi về phía đồi.

Chúng tôi vượt qua khu dân cư, và đang vất vả cuốc bộ qua vùng đất cằn cỗi dẫn đến ngọn đồi thì bất chợt, một hòn đá đập vào lưng Hassan. Chúng tôi xoay người lại, và tim tôi muốn rụng. Assef và hai thằng bạn nó, Wali và Kamal, đang áp sát chúng tôi.

Assef là con trai một người bạn của cha tôi, ông Mahmood, phi công. Gia đình nó sống cách nhà chúng tôi vài phố về phía Nam, trong một khu nhà sang trọng kín cổng cao tường, trồng xen cọ xung quanh. Nếu bạn là một đứa trẻ trong quận Wazir Akbar Khan của Kabul, bạn hẳn biết Assef và năm đấm bằng thép không gì nổi tiếng của nó, và mong không phải nếm mùi. Được sinh ra từ một người mẹ Đức và ông bố Afghan, thằng Assef tóc hung mắt xanh, cao lớn vượt hẳn những đứa trẻ khác. Nó nổi tiếng tàn bạo trên các đường phố. Được mấy đứa bạn tay chân đi kèm hai bên, nó bước đi trên vùng lân cận như một Khan[21] đi tuần du khắp lãnh thổ của mình, cùng đoàn tùy tùng khúm núm. Lời nói của nó là luật, và nếu cần một chút răn dạy lẽ luật, thì quả đấm thép ấy đủ để là một giáo cụ thích hợp. Tôi đã được nhìn một lần, nó dùng những quả đấm ấy với thằng bé ở quận Karteh-Char. Tôi sẽ không bao giờ quên nổi đôi mắt xanh của thằng Assef loé ra một tia sáng hoàn toàn điên dại ra sao, và nó nhăn nhó thế nào khi nó đấm liên hồi vào thằng bé đáng thương đã bất tỉnh. Một số đứa con trai ở quận Wazir Akbar Khan đặt cho nó cái biệt hiệu Assef Goshkhor, hay Assef “Kẻ Ăn Tai”. Tất nhiên, không đứa nào trong bọn chúng dám nói thẳng vào mặt nó trừ phi muốn chịu cùng số phận với thằng bé đáng thương, kẻ đã vô tình gợi cảm hứng cho cái biệt danh đó khi đầu và hạ chiếc điều của Assef và rơi vào tình cảnh mò tai

phải của mình từ một rãnh bùn. Nhiều năm sau, tôi lục được một từ tiếng Anh chỉ một loại người như Assef, là từ “Sociopath”[22], tiếng Farsi không tồn tại một từ tương đương đúng nghĩa. Nằm trong số những đứa quanh vùng thường hành hạ ông Ali, Assef còn bỏ xa những đứa nhẫn tâm nhất. Thật ra, nó là đứa đầu têu trò chế nhạo Babalu – Ngoáo ộp: Ê, Babalu, hôm nay mày ăn thịt ai rồi? Hử? Thôi nào, Babalu, cười với chúng tao một cái nào! Và vào những ngày nó cảm thấy đặc biệt có hứng, nó lại thêm đôi chút mắm muối vào trò đùa quấy: Ê, đồ Babalu Mũi Tẹt, hôm nay mày ăn thịt ai rồi? Nói cho chúng tao nghe nào, đồ con lừa mắt xếch!

Lúc này, nó đang bước lại phía chúng tôi, hai tay chống nạnh, đôi giày vải đá bật lên một đám bụi nhỏ.

- Chào buổi sáng, bọn Kunis, – Assef reo lên và vẫy tay. – Đồ đồng tính, – đấy là tiếng chửi ưa thích khác của nó.

Hassan lùi lại phía sau tôi, khi ba thằng hơn tuổi kia tiến sát lại Chúng đứng trước mặt tôi, ba thằng cao lớn mặc quần jeans và áo phông. Lừng lững hơn cả hai chúng tôi gộp lại, Assef khoanh cánh tay to mập trước ngực, đôi môi nhăn nhở một cách man rợ. Đây không phải lần đầu tiên Assef giở chứng trước mặt tôi, khủng với tôi. Cũng may Baba là cha tôi – đó là lý do độc nhất, tôi tin vậy, khiến Assef thường phải kìm chế không bức bách tôi quá.

Nó vênh mặt hỏi Hassan:

- Đây, mũi tẹt, Babalu thế nào?

Hassan không nói gì và lùi thêm bước nữa về phía sau tôi.

- Chúng mày đã nghe tin rồi chứ, lũ nhóc? – Assef nói, vẫn nụ cười nhăn nhở. – Nhà vua xéo rồi. Thoát nợ. Tổng thống muôn năm! Bố tao biết Daoud Khan đấy, mày có biết không, Amir?

- Bố tao cũng biết, – tôi nói. Thật ra, tôi không biết có đúng vậy hay không.

- Bố tao cũng biết, – Assef dài giọng nhại lại tôi. Kamal và Wali hưởng ứng theo nhiệt liệt. Ước gì có Baba ở đây.

- Daoud Khan ăn tối ở nhà tao năm ngoái đấy, – Assef tiếp tục. – Mày có thích thế không, Amir?

Tôi không biết liệu có ai nghe được tiếng thét của chúng tôi ở cái khoảng đất xa xôi này không. Nhà của Baba ít nhất cũng cách xa một kilômét. Tôi ước gì chúng tôi đang ở nhà.

- Mà có biết, lần sau Daoud Khan đến ăn tối ở nhà tao, tao sẽ nói gì với ông ấy không? – Assef nói. – Tao sẽ tán gẫu với ông ấy một chút, kiểu mard với mard[23], đàn ông với đàn ông. Kể cho ông ấy những gì tao đã kể cho mẹ tao. Về Hitler. Bây giờ có một lãnh tụ rồi. Một lãnh tụ vĩ đại. Một người có tầm nhìn. Tao sẽ bảo Daoud Khan hãy nhớ rằng nếu người ta để cho Hitler kết thúc những gì Hitler đã khởi sự, thế giới bây giờ đã là một nơi tốt đẹp hơn.

- Baba bảo Hitler điên, nên mới ra lệnh giết hại bao nhiêu người vô tội, – tôi nghe thấy chính mình nói trước khi kịp lấy tay bịt chặt miệng lại.

Assef cười gằn:

- Nó nói cứ như mẹ tao ấy, và bà ấy là người Đức. Bà ấy phải biết hơn chứ. Nhưng vậy, chúng muốn mày tin thế phải không? Chúng không muốn mày biết sự thật.

Tôi không biết “chúng” đây là ai, và sự thật nào chúng đang che giấu, và cũng không muốn tìm ra. Ước gì tôi đừng nói gì cả. Tôi lại ước tôi ngược nhìn lên và thấy Baba hiện ra trên đồi.

- Nhưng mày phải đọc những cuốn sách mà người ta không phát ở trường. Tao đã đọc và mắt tao được mở to ra. Giờ đây tao có một tầm nhìn, và tao định chia sẻ tầm nhìn của tao với tổng thống mới của chúng ta. Mà có biết thế là gì không?

Tôi lắc đầu. Nó vẫn nói với tôi. Assef vẫn luôn tự trả lời những câu hỏi của chính nó.

Đôi mắt xanh của nó liếc sang Hassan:

- Afghanistan là đất nước của người Pashtun. Nó luôn luôn như thế, sẽ mãi như thế. Chúng ta là người Afghan thực sự, người Afghan thuần khiết, không có đồ Mũi Tẹt này ở đây. Dân nó làm ô uế quê hương chúng ta, watan[24] của chúng ta. Chúng làm bắn dòng máu của chúng ta. – Nó giật bàn tay làm điệu bộ, quét một đường theo kiểu đại quy mô. – Afghanistan là của người Pashtun, tao tuyên bố vậy. Đó là quan điểm của tao.

Assef lại chuyển cái nhìn trừng trừng của nó sang tôi. Nó trông như kẻ vừa ra khỏi giấc mơ đẹp.

Nó nói:

- Quá muộn đối với Hitler. Nhưng không phải với chúng tao.

Nó lấy một cái gì đó từ túi sau quần jeans:

- Tao sẽ yêu cầu tổng thống làm những gì nhà vua không có quwat[25] để làm, giải thoát Afghanistan khỏi bọn Kassef[26] Hazara.

- Thôi để chúng tao đi, Assef, – tôi nói mà cảm ghét cái giọng tôi run run. – Chúng tao có làm gì mày đâu.

- Ồ, chúng mày đang làm phiền tao đấy, – Assef nói.

Và tôi nhìn, tim như lịm đi, xem nó đang moi cái gì khỏi túi. Tất nhiên rồi. Hai quả đấm thép không gỉ lạnh tanh lấp lánh dưới mặt trời. – Chúng mày đang làm phiền tao lắm lắm. Thật ra, mày còn làm phiền tao hơn cái thằng Hazara này. Làm sao mày lại có thể chuyện trò với nó, chơi đùa với nó, để nó chạm vào mày? – Nó nói, giọng đầy vẻ khinh thị. Wali và Kamal gật gật đầu và ụt ịt tỏ vẻ đồng tình. Assef nheo mắt lại. Lắc lắc đầu. Khi nó nói tiếp, nó có vẻ thăm dò. – Làm sao mày có thể gọi nó là “bạn” mày?

Nhưng nó không phải là bạn tao! – Tôi suýt buột miệng – Nó là đày tớ của tao. Có phải tôi đã thực sự nghĩ thế không? Đương nhiên là không phải. Tôi không nghĩ thế. Tôi đối xử với Hassan như một người bạn, thậm chí còn hơn, như một đứa em mình. Nhưng nếu như vậy, thì tại sao khi bạn bè của Baba đến chơi cùng với con cái họ, tôi không bao giờ lôi Hassan tham gia những trò của chúng tôi? Tại sao tôi chỉ chơi đùa với Hassan khi quanh tôi không có một ai khác?

Assef lồng hai quả đấm thép vào tay. Nhìn tôi lạnh như băng:

- Mày là một phần của vấn đề, Amir. Nếu lũ gốc như mày và bố mày không rước đám người ấy vào nhà, ngay lúc này, chúng tao đã được giải thoát khỏi chúng. Tất cả bọn ấy đã cút về thối rữa ở Hazarajat, quê hương của chúng rồi. Mày là một sự nhục nhã cho Afghanistan.

Tôi nhìn vào đôi mắt điên khùng của nó và thấy quả nó điên. Nó định đánh tôi thực sự. Assef giơ quả đấm lên, tiến đến trước tôi.

Có một động tác nhanh, ào như cơn gió sau lưng tôi. Lạ mắt nhìn sang bên cạnh, tôi thấy Hassan cúi xuống và đứng lên rất nhanh. Đôi mắt của

Assef chuyển sang một thứ gì đó phía sau tôi, và sửng sốt trợn trừng. Tôi thấy cái nhìn sửng sốt ấy cả trên mặt Kamal lẫn Wali lúc chúng nhận ra chuyện gì phía sau tôi.

Tôi quay lại, đối mặt với chiếc súng cao su của Hassan. Hassan đã kéo giãn rộng hết mức dây cao su về phía sau. Trong miếng da là một viên đá bằng cỡ quả óc chó. Hassan chĩa súng cao su thẳng vào mặt Assef. Tay cậu ta rung rung theo sức căng của dây cao su giãn ra và những hạt mồ hôi lấm tấm đầy trên trán.

- Xin Agha để chúng tôi yên, – Hassan nói bằng một giọng bình thường, vẫn nhớ gọi Assef là “agha”, và ngay lúc đó tôi lấy làm lạ sao người ta cứ phải sống với một quan niệm thâm căn cố đế về vị trí của mình theo thứ bậc xã hội như thế.

Assef nghiêng răng ken két:

- Bỏ xuống, thằng Hazara không mẹ.

- Xin Agha để chúng tôi yên, – Hassan nói.

Assef mỉm cười:

- Có thể mày không chú ý đấy, nhưng chúng tao có ba và chúng mày chỉ có hai.

Hassan nhún vai. Với người ngoài, trông cậu có vẻ không hoảng sợ. Nhưng vẻ mặt của Hassan là ký ức đầu tiên của tôi, tôi nhận ra mọi sắc thái tinh vi của nó, biết từng co giật biến đổi từng gợn lên trên đó. Và tôi thấy cậu cũng hoảng sợ. Cậu hoảng sợ lắm.

- Agha nói đúng. Nhưng có lẽ, Agha cũng không để ý, tôi là người đang giữ súng cao su. Agha chỉ nhúc nhích thôi là mọi người sẽ phải đổi cái biệt hiệu “Kẻ Ăn Tai” của Agha thành “Assef Một mắt” ngay, bởi vì tôi đang có viên đá này nhắm vào mắt trái Agha.

Cậu nói quá thản nhiên, đến nỗi tôi phải căng tai ra nghe nỗi sợ mà tôi biết được giấu kín dưới cái giọng bình tĩnh ấy.

Miệng của Assef giật giật. Wali và Kamal quan sát sự biến đổi này với vẻ gì đó gần như một sự thích thú. Ai đó dám thách thức Thượng đế của chúng. Hạ nhục ông ta. Và, tệ hại hơn cả kẻ đó lại là một Hazara gãy trơ xương. Assef nhìn từ viên đá tới Hassan. Nó soi mói vẻ mặt của Hassan. Những gì nó thấy trên vẻ mặt đó hẳn đã thuyết phục nó về những ý đồ nghiêm túc của Hassan, bởi nó hạ năm đấm xuống.

- Thăng Hazara, mày nên biết điều này, – Assef nghiêm nghị nói. – Tao là một con người rất kiên nhẫn. Việc này chưa xong hôm nay đâu, tin tao đi. – Nó quay về phía tôi. – Cũng chưa xong với mày đâu, Amir ạ. Một ngày nào đó, tao sẽ làm cho mày phải đối mặt với tao, một chọi một. Assef lùi lại một bước. Đệ tử của nó lùi theo.

Nó nói:

- Amir, hôm nay thăng Hazara của mày đã mắc một sai lầm lớn.

Rồi bọn chúng quay lưng bỏ đi. Tôi đòi theo chúng bước xuống phía chân đồi và khuất sau một bức tường.

Hassan đang cố nhét lại chiếc súng cao su vào thắt lưng bằng đôi tay run run. Môi cậu ta cong lên như thể buộc phải nở một nụ cười trấn tĩnh. Phải mất đến năm lần mới thắt được dải quần. Không đứa nào trong chúng tôi nói nhiều về bất cứ điều gì lúc đi bộ về nhà trong lo sợ, tin chắc Assef và lũ bạn sẽ phục kích chúng tôi mỗi lần bọn tôi rẽ theo góc phố. Chúng không phục kích, và điều đó nhẽ ra đã làm chúng tôi an tâm một chút. Nhưng không phải như thế. Không một chút nào.

Trong hai năm sau đó, những từ phát triển kinh tế và cải cách rộ ràng trên môi nhiều người dân Kabul. Chế độ quân chủ lập hiến đã bị bãi bỏ, thay thế bằng một nền cộng hoà lãnh đạo bởi tổng thống của nước cộng hoà. Trong ít lâu, một tinh thần trẻ trung và quyết tâm lan tràn khắp đất nước. Nhân dân nói về quyền của phụ nữ và công nghệ hiện đại.

Và đối với phần lớn các thành phần xã hội, mặc dù một nhà lãnh đạo mới đã vào ở trong Arg – cung điện hoàng gia tại Kabul – cuộc sống vẫn tiếp tục như trước. Người dân đi làm thứ Bảy tới đến thứ Năm và tụ tập lại để ăn uống, picnic vào những ngày thứ Sáu ở các công viên, trên bờ hồ Ghargha, trong những vườn cây của Paghman. Những xe buýt đủ sắc màu sặc sỡ và những xe tải đầy hành khách lăn bánh qua mọi đường phố chật hẹp của Kabul, được điều khiển bởi tiếng quát tháo không ngừng của đám phụ xe ngồi dạng chân trên bệ chắn đuôi xe và hét to chỉ đường cho bác tài bằng cái giọng Kabul nặng nề. Vào ngày lễ Eid, lễ ba ngày sau tháng lễ Ramadan, dân Kabul mặc những bộ quần áo đẹp nhất, mới nhất và đi thăm thân quyến. Mọi người ôm chầm lấy nhau, hôn nhau, chúc mừng nhau “Eid Mubarak”, Chúc lễ Eid Hạnh phúc. Trẻ con mở những hộp quà và chơi nghịch những quả trứng luộc nhuộm màu.

Vào khoảng đầu mùa đông sau đó, năm 1974, Hassan và tôi một hôm đang chơi ngoài sân trò xây pháo đài tuyết thì Ali gọi cậu ta vào:

- Hassan, Agha sahib muốn nói chuyện với con.

Ông đang đứng trước cửa, mặc đồ trắng, hai tay luồn hai bên nách, miệng thở ra những làn hơi.

Hassan và tôi mỉm cười nhìn nhau. Cả ngày hôm ấy chúng tôi vẫn đang chờ ông gọi. Đó là ngày sinh nhật của Hassan.

- Chuyện gì vậy, cha, cha có biết không? Nói cho chúng con biết được không?

Hassan nói. Mắt sáng lên.

Ông Ali nhún vai:

- Agha sahib không thảo luận việc đó với cha.

- Thôi nào, ông Ali, kể cho chúng cháu nghe đi, – tôi ép. – Có phải một cuốn sách tranh không? Có thể một khẩu súng mới chẳng?

Giống như Hassan, ông Ali không thể nói dối. Năm nào ông cũng vờ như không biết Baba đã mua thứ gì cho Hassan hoặc cho tôi, vào ngày sinh của chúng tôi. Và năm nào, đôi mắt ông cũng phản lại ông và chúng tôi cũng thuyết phục để moi được tin ở ông. Lần này, tuy vậy hình như ông nói thực.

Baba không bao giờ quên sinh nhật của Hassan. Ông thường hỏi Hassan muốn thứ gì, nhưng lại thôi ngay, bởi vì Hassan luôn luôn quá rụt rè, không dám đề nghị một món quà. Vì vậy mùa đông nào Baba cũng tự mình đoán được. Năm này, ông mua cho cậu ấy chiếc xe tải đồ chơi của Nhật, năm khác một đầu tàu chạy điện và cả đoàn tàu. Năm trước, Baba làm cho Hassan ngạc nhiên bằng chiếc mũ cao bồi bằng da, giống hệt chiếc mà Clint Eastwood đội trong phim Người tốt, kẻ xấu và tên vô lại[27], đã đánh bại phim Bảy anh chàng cừ khôi trở thành bộ phim cao bồi ưa thích của chúng tôi. Cả mùa đông ấy, Hassan và tôi thay nhau đội chiếc mũ và hát to theo đoạn nhạc hay nhất của bộ phim, trong khi trèo lên các ụ tuyết và đòm chết nhau.

Chúng tôi tháo găng tay và cởi bỏ những đôi ủng bám đầy tuyết ở trước cửa. Khi chúng tôi bước vào tiền sảnh, thì thấy Baba đang ngồi cạnh chiếc lò sưởi gang đốt củi than cùng một người đàn ông Ấn Độ vừa hói vừa thấp mặc một bộ đồ nâu, đeo cravat đỏ.

- Hassan, – Baba nói, mỉm cười bẽn lễn. – Đón quà sinh nhật của cháu đi. Hassan và tôi ngây ra nhìn nhau. Chẳng thấy hộp quà nào hết. Không túi. Không đồ chơi. Chỉ có mỗi ông Ali ở sau chúng tôi và Baba cùng với ông bạn Ấn Độ thanh mảnh, trông hơi giống một thầy dạy toán. Người đàn ông mặc bộ đồ nâu mỉm cười chìa tay ra cho Hassan, và nói:

- Tôi là bác sĩ Kumar. Rất vui được gặp cháu.

Ông nói tiếng Farsi bằng một giọng nặng nề và uốn lượn.

- Salaam alaykum[28]– Hassan chào gượng gạo. Cậu khẽ nghiêng đầu lễ phép, nhưng mắt lại thăm dò cha mình đang đứng ở phía sau. Ông Ali bước lại gần, đặt tay lên vai Hassan.

Baba bắt gặp ánh mắt dè chừng và bối rối của Hassan.

- Ta đã mời Bác sĩ Kumar ở New Delhi tới. Bác sĩ Kumar là một nhà phẫu thuật tạo hình.

- Cháu có biết thế nghĩa là gì không? – Ông Ấn Độ – bác sĩ Kumar hỏi.

Hassan lắc đầu. Cậu ta nhìn tôi ra ý hỏi, nhưng tôi nhún vai. Tất cả những gì tôi biết, là bạn đến một nhà phẫu thuật để chữa bệnh, khi bạn bị viêm ruột thừa. Tôi biết điều này vì một trong những bạn học cùng lớp với tôi đã chết vì bệnh ấy năm trước, và thầy giáo đã bảo với chúng tôi họ đợi lâu quá mới đem cậu ấy đến một nhà phẫu thuật. Cả hai chúng tôi đều nhìn ông Ali, nhưng tất nhiên bạn chẳng bao giờ có thể khẳng định được điều gì. Nét mặt ông vẫn thản nhiên như mọi khi, dù một cái gì đó có vẻ điềm tĩnh đã tan ra trong đôi mắt ông.

- À, – Bác sĩ Kumar nói, – nghề của bác là chữa các tật trên cơ thể con người. Đôi khi mất họ nữa.

- Ồ, Hassan nói. Cậu ấy nhìn từ bác sĩ Kumar sang Baba, rồi sang ông Ali, tay sờ lên môi trên. lại tiếp – ồ.

- Đây là món quà lạ, ta biết, – Baba nói. – Va có thể không phải như cháu nghĩ đâu, nhưng món quà này sẽ mãi mãi còn lại với cháu.

- Ô, – Hassan nói. Cậu liếm môi. Hăng giọng. – Agha sahib, sẽ... sẽ...

- Không làm sao hết, – Bác sĩ Kumar nói chen vào, miệng cười thân mật. – Sẽ không làm đau cháu chút nào đâu. Thật ra, ta sẽ cho cháu uống một liều thuốc, và cháu sẽ chẳng nhớ được điều gì nữa.

- Ô, – Hassan nói. Cậu mỉm cười đáp lại, vẻ nhẹ nhõm. Dấu sao cũng hơi nhẹ nhõm. – Cháu không sợ đâu, Agha sahib, cháu chỉ...

Hassan có thể bị lừa nhưng tôi thì không. Tôi hiểu khi các bác sĩ nói sẽ không đau đâu, đó là khi bạn biết bạn đang rắc rối to. Tôi khiếp hãi nhớ lại lễ cắt bao quy đầu của tôi năm ngoái. Bác sĩ cũng nói với tôi như thế, cam đoan với tôi sẽ không làm đau tôi tí nào. Nhưng khuya đêm đó khi thuốc tê đã tan đi, cảm giác như ai đó đang ấn một cục than hồng vào hai bên háng tôi. Tại sao Baba phải chờ đến khi tôi mười tuổi mới bắt tôi cắt bao quy đầu, tôi không hiểu nổi, và đó là một trong những điều tôi sẽ không bao giờ tha thứ cho ông.

Tôi ước tôi cũng có một loại sẹo nào đó để gây được sự thương cảm ở Baba. Thế là không công bằng. Hassan chẳng làm trò gì cũng chiếm được tình cảm của Baba, cậu ấy chỉ có mỗi việc bị đẻ ra với cái môi hở vớ vẩn đó.

Việc phẫu thuật tiến hành tốt đẹp. Chúng tôi hơi choáng khi lúc đầu họ tháo băng, nhưng rồi lại cười ngay đúng như những gì bác sĩ Kumar đã dặn. Thật cũng không dễ dàng, bởi vì môi trên của Hassan giờ là một cục thịt mọng sưng phồng kỳ cục. Tôi mong Hassan kêu lên khiếp hãi khi y tá đưa cho cậu cái gương. Ông Ali giữ tay cậu trong khi Hassan nhìn đăm chiêu khá lâu vào trong gương. Cậu lẩm bẩm một điều gì đó tôi không hiểu. Tôi ghé tai vào miệng cậu. Cậu lại thì thào:

- Tashakor. – Cảm ơn cậu. Rồi môi cậu xoắn lại và ngay lúc đó, tôi hiểu chính xác là cậu đang làm gì. Cậu đang mỉm cười. Đúng như cậu đã từng cười, khi đang tòi ra từ bụng mẹ.

Chỗ sưng phồng xẹp xuống, và vết thương lành dần. Chẳng mấy chốc, nó chỉ còn là một vết màu hồng không đều nói trên môi. Đến mùa đông năm sau, nó chỉ còn là một vết sẹo mờ. Thế mới mỉa mai. Bởi vì đó là cái mùa đông mà Hassan thôi mỉm cười.

Chương 6

Mùa đông.

Đây là những gì tôi làm vào ngày tuyết rơi đầu tiên hàng năm. Tôi bước ra khỏi nhà vào buổi sáng sớm, vẫn mặc quần áo ngủ, hai cánh tay co ro để chống lại cái lạnh. Tôi thấy lối xe vào, chiếc xe hơi của cha tôi, những bức tường, những nóc nhà và cả những dãy đồi nữa, thấy đều bị vùi dưới lớp tuyết dày chừng ba mươi phân. Tôi mỉm cười. Bầu trời không một gợn mây, xanh biếc, tuyết trắng đến nỗi mắt tôi nhức nhối. Tôi vốc đầy vốc tay tuyết mới rơi bỏ vào miệng, lắng nghe sự tĩnh lặng bao trùm chỉ bị phá vỡ bởi tiếng quạ kêu. Tôi bước xuống bậc thềm trước cửa, chân trần, và gọi Hassan ra ngoài xem.

Mùa đông là mùa ưa thích của mọi đứa trẻ ở Kabul, ít nhất cũng là những đứa mà cha nó có đủ tiền mua một chiếc lò sưởi bằng gang loại tốt. Lý do thật đơn giản: Người ta đóng cửa trường học vào mùa băng tuyết. Mùa đông đối với tôi là sự kết thúc bất đồng kéo dài, và đặt tên cho thủ đô Bulgaria, và sự khởi đầu của ba tháng chơi bài bên lò sưởi với Hassan, xem phim Nga miễn phí vào các sáng thứ Ba tại Công viên Điện ảnh, là qurma[29] củ cải ngọt ăn với cơm cho bữa trưa, sau cả buổi sáng đắp người tuyết.

Và điều, đương nhiên. Thả điều. Và đua điều.

Đối với một số ít đứa trẻ không may, mùa đông không có nghĩa kết thúc năm học. Có những cái gọi là khoá học mùa đông tự nguyện. Không bao giờ có đứa trẻ nào tôi biết lại tự nguyện đến các lớp học ấy, đương nhiên cha mẹ làm cái việc tự nguyện hộ chúng. May cho tôi, Baba không phải là một trong bọn họ. Tôi nhớ một đứa, thằng Ahmad sống ở dãy bên kia phố tôi. Bố nó là một bác sĩ gì gì đấy, tôi nghĩ vậy. Ahmad bị động kinh và luôn luôn mặc áo vest len, đeo đôi kính dày cộm gọng đen. Nó là một trong những nạn nhân đều đặn của Assef. Sáng nào tôi cũng từ cửa sổ phòng ngủ của tôi quan sát người đầy tớ Hazara của họ xúc tuyết khỏi đường xe vào nhà, dọn lối cho chiếc Opel màu đen. Tôi luôn cố xem thằng Ahmad và bố nó chui vào xe như thế nào, Ahmad trong chiếc áo vest len và áo khoác ngoài mùa đông, cặp đầy sách và bút chì. Tôi đợi cho đến khi họ đi khỏi, rẽ theo một góc phố, rồi lại chui vào giường

trong bộ quần áo ngủ bằng flanen mỏng. Tôi kéo chăn tới tận cằm và ngắm nhìn những ngọn đồi phủ tuyết ở phía Bắc qua cửa sổ. Ngắm những ngọn đồi cho đến khi lại mơ màng chìm vào giấc ngủ.

Tôi yêu mùa đông ở Kabul. Tôi yêu nó vì những bông tuyết mềm mại vỗ nhẹ vào cửa sổ phòng tôi ban đêm, vì tuyết mới rơi lạo xạo dưới đôi ủng cao su đen của tôi, vì hơi ấm của chiếc lò sưởi gang khi gió rít qua sân, qua đường phố. Nhưng chủ yếu bởi vì khi mà cây cối cóng lạnh và băng giá từng lớp phủ những con đường, cái lạnh lẽo giữa Baba và tôi tan ra đôi chút. Và lý do của điều đó là điều. Baba và tôi sống trong cùng một ngôi nhà, nhưng lại trong những bầu sinh quyển khác nhau. Những cánh điều là những làn giấy mỏng ở nơi giao cắt giữa hai bầu sinh quyển đó.

Mùa đông nào, các quận của Kabul cũng tổ chức cuộc thi đấu điều. Và nếu bạn là một đứa con trai sống ở Kabul, thì ngày thi đấu chắc chắn là sự kiện nổi bật của mùa lạnh giá. Tôi không bao giờ ngủ được đêm trước hôm thi đấu. Tôi thường trần trọc trở mình, làm bóng những con vật trên tường, thậm chí ngồi trên lan can trong đêm tối, chần quẩn quanh người. Tôi cảm thấy như một người lính cố ngủ trong chiến hào vào đêm trước trận đánh lớn. Và cũng chẳng khác mấy. Ở Kabul, thi thả điều quả hơi giống như đi ra trận.

Như bất cứ cuộc chiến nào, anh phải chuẩn bị sẵn sàng cho trận chiến. Hassan và tôi thường bỏ ra một khoảng thời gian làm những chiếc điều riêng cho chúng tôi. Chúng tôi để dành tiền tiêu vặt hàng tuần vào mùa thu, bỏ tiền vào một con ngựa sành nhỏ mà Baba một lần đã đem từ Herat về. Khi những cơn gió mùa đông bắt đầu thổi và tuyết rơi đáng kể rồi chúng tôi cậy vỡ lớp mỏng dưới bụng con ngựa. Chúng tôi ra phố chợ mua tre, keo, dây và giấy. Mỗi ngày chúng tôi bỏ ra nhiều giờ để gọt ruột tre và uốn khung điều, cắt những miếng giấy mỏng mịn để dễ phết keo bôi điều. Và rồi, cố nhiên chúng tôi phải làm dây điều riêng cho mình, còn gọi là tar. Nếu điều là súng thì dây bọc bột thuỷ tinh sắc cạnh là đạn trong ổ súng. Chúng tôi thường ra ngoài sân tuốt độ một trăm năm mươi mét dây qua hỗn hợp thuỷ tinh nghiền và keo nhựa. Rồi treo lên giữa các thân cây để phơi khô. Hôm sau, chúng tôi quấn thứ dây đó sẵn sàng cho trận đánh đó vào một ống cuộn bằng gỗ. Đúng lúc tuyết tan và mưa xuân

đồ xuống, đứa con trai nào ở Kabul cũng phải chịu những vết cứa ngang lộ rõ trên các ngón tay, từ cả một mùa đông đầu điều. Tôi còn nhớ vẫn thường cùng bọn ở lớp tụ tập với nhau vào ngày đầu năm học để so những vết sẹo chiến của chúng tôi. Những vết cứa đau buốt, vài tuần lễ sau không lành, nhưng tôi không buồn để ý. Chúng là những vật lưu niệm của một mùa yêu dấu đã lại một lần nữa trôi qua quá nhanh. Thế rồi lớp trưởng thường thối còi và cả bọn lại đều bước thành một hàng duy nhất vào lớp, nhớ nhung mùa đông đã qua thay vì chào đón bóng ma của một năm học khác dài dặc.

Nhưng rõ ràng Hassan và tôi đã nhanh chóng trở thành những chiến binh đấu điều hơn là người làm điều. Một khiếm khuyết nào đó, hoặc có điều gì trong thiết kế của chúng tôi, khiến cái điều của chúng tôi chẳng đâu vào đâu. Vì vậy, Baba đem chúng tôi đến cửa hiệu Saifo để mua điều. Saifo là một ông già gần như mù, làm moochi – tức nghề chữa giày. Nhưng ông cũng là một người làm điều nổi tiếng nhất của thành phố, làm việc ngoài túp lều nhỏ trên phố Jadeh Maywand, một phố đông dân phía Nam hai bờ lầy lội của sông Kabul. Tôi vẫn nhớ, bạn phải khom người chui vào cái cửa hàng cỡ bằng xà lim nhà lao rồi phải nhấc một cửa sập để trườn xuống cầu thang gỗ, tới một tầng hầm nhộp nhúa là kho chứa những chiếc điều được người ta thêm muốn của ông. Baba thường mua cho chúng tôi mỗi đứa ba chiếc điều giống hệt nhau và những cuộn dây thủy tinh. Nếu tôi đổi ý và đòi mua một chiếc điều lớn hơn, lạ lùng hơn, Baba cũng vẫn mua cho tôi, nhưng ông cũng mua luôn cho Hassan nữa. Đôi khi tôi mong muốn ông đừng làm như vậy. Muốn ông hãy để cho tôi được là đứa con cưng.

Thi đấu điều là truyền thống mùa đông lâu đời ở Afghanistan. Nó được bắt đầu vào sáng sớm ngày thi, và chỉ kết thúc khi nào còn duy nhất một chiếc điều thẳng cuộc bay trên bầu trời. Tôi vẫn nhớ một năm cuộc thi đấu tàn ngày vẫn chưa xong. Dân chúng tụ tập bên lề đường, trên nóc nhà, reo lên hoan hô những chiếc điều của họ. Phố xá đầy những chiến binh đấu điều, giật dây, kéo điều của mình, mắt liếc lên bầu trời, cố chiếm lấy vị trí để cắt đứt dây điều của đối phương. Mỗi người đấu điều có một phụ tá – với tôi là Hassan – giữ ống cuộn dây và thả dây.

Có lần, một thằng nhóc Hindi, gia đình nó mới chuyển đến ở quanh vùng, kể cho chúng tôi nghe rằng, ở thị trấn quê nó, đấu diều có những luật lệ và quy tắc chặt chẽ. “Anh phải chơi ở một khu vực được khoanh lại và phải đứng ngược gió,” nó kiêu hãnh nói. “Và anh không được dùng nhôm để làm dây thuỷ tinh.”

Hassan và tôi nhìn nhau. Cười phá. Thằng nhóc Hindi rồi sẽ nhanh chóng học được những gì người Anh học được hồi đầu thế kỷ này, và những gì người Nga cuối cùng đã học được vào những năm cuối thập kỷ tám mươi rằng người Afghan là một dân tộc độc lập. Người Afghan yêu quý phong tục nhưng ghê tởm các luật lệ. Và với việc đấu diều cũng thế. Luật lệ thật đơn giản: Không luật lệ nào. Thả diều của bạn lên. Cắt hạ đối thủ. Chúc may mắn.

Tất nhiên không phải chỉ có thế. Trò vui thực sự bắt đầu khi một chiếc diều bị hạ. Là khi những đấu thủ thả diều ào đến, bọn trẻ ấy đuổi theo chiếc diều bị gió thổi cuốn đi, qua những vùng lân cận, cho đến khi nó quay mòng mòng lộn xuống cánh đồng, rơi vào sân nhà ai đó, mắc trên ngọn cây hoặc một nóc nhà. Cuộc rượt đuổi cực kỳ dữ dội, từng đám trẻ đua diều kéo đàn trên đường phố, xô đẩy lẫn lướt nhau, giống những người ở Tây Ban Nha như chạy trốn những con bò tót tôi đã có lần được đọc. Một năm, có đứa trẻ hàng xóm trèo lên cây thông để tìm diều. Cái cành gãy rãng rặc dưới sức nặng của nó, và nó rơi từ gần mười mét xuống. Gãy lưng và không bao giờ đi lại được nữa. Nhưng nó ngã mà chiếc diều vẫn ôm trong hai tay. Và khi một người đấu diều đặt hai tay lên chiếc diều, không ai có thể cướp được của họ. Đó không phải một luật lệ. Đó là phong tục.

Đối với những người đấu diều, giải thưởng đáng thèm muốn nhất là chiếc diều cuối cùng bị rơi của cuộc đấu diều mùa đông. Nó là một giải thưởng của danh dự, một cái gì đó để trưng trên tấm áo khoác, cho khách khứa trầm trồ. Khi bầu trời đã quang diều và chỉ còn hai chiếc cuối cùng trụ lại, mỗi người đua diều đều chuẩn bị sẵn sàng cho cơ may giật giải. Cậu ta chọn cho mình một vị trí nghĩ rằng sẽ đem lại cho mình lợi thế hơn. Những cơ bắp căng cứng đã sẵn sàng duỗi ra. Những chiếc cổ nghển lên. Những con mắt nheo lại. Những cuộc chiến nổ ra. Và khi chiếc diều cuối cùng bị hạ, thế là ồn ã loạn xạ cả lên.

Trải qua nhiều năm, tôi đã từng chứng kiến bao chàng trai đua diều. Nhưng Hassan vượt xa người đua diều vĩ đại nhất mà tôi từng thấy. Điều hoàn toàn lạ lùng là cung cách cậu luôn luôn nắm được vị trí chiếc diều tiếp đất, cả trước khi nó thật sự đáp xuống, như thể cậu có một sự định hướng sâu kín nào đó.

Tôi nhớ một ngày đông ảm đạm, Hassan và tôi đang thả diều. Tôi đang đuổi theo cậu qua những vùng quanh đó, nhảy qua những rãnh nước, len lỏi qua những đường phố hẹp. Tôi hơn cậu ấy một tuổi, nhưng cậu chạy nhanh hơn, và tôi tụt lại phía sau.

- Hassan, đợi với! – Tôi hét lên, thở gấp và giận dữ.

Cậu quay vòng lại, vẫy tay: “Lối này!”, cậu gọi trước khi vụt rẽ theo một góc phố khác, tôi ngược nhìn lên, thấy hướng chúng tôi đang chạy ngược với hướng diều rơi.

- Chúng ta lạc rồi! Chúng ta nhầm đường rồi! – Tôi kêu toáng lên.

- Tin tôi đi.

Tôi nghe thấy tiếng cậu gọi ở phía trước. Tôi đến góc đường và thấy Hassan vụt chạy, đầu cúi xuống, không thèm nhìn lên trời, mồ hôi đầm đìa trên lưng áo sơ mi. Tôi vấp chân lúc bước qua một hòn đá và ngã nhào – tôi không chỉ chậm hơn Hassan mà còn vụng về hơn. Tôi luôn luôn ghen với sức vóc lực lưỡng bẩm sinh của cậu ấy. Khi loạng choạng đứng lên, tôi thoáng nhìn thấy Hassan biến mất quanh góc phố khác. Tôi tập tễnh chạy theo cậu ấy, mà như có kim châm đau nhức liên hồi chọc vào hai đầu gối trầy xước của tôi.

Tôi thấy chúng tôi hoá ra đã ở trên một con đường bẩn thỉu đầy vệt bánh xe, gần trường Trung học Isteqlal. Một bên có cánh đồng rau diếp mọc vào mùa hè, bên kia là một rặng cây anh đào chua. Tôi thấy Hassan đang bắt tréo chân ngồi dưới gốc cây, ăn một nắm dâu tằm khô.

- Chúng ta định làm gì ở đây nào? – Tôi hỗn hển, bụng quặn lên muốn nôn.

Cậu ta mỉm cười.

- Ngồi xuống đây với tôi, Amir agha. Tôi ngồi phịch xuống gần cậu ta, trên một lớp tuyết mỏng, thở phì phò:

- Cậu đang làm mất thì giờ của chúng ta. Nó đi theo lối khác rồi, cậu không thấy ư?

Hassan tóp tép một quả dâu tằm trong miệng, nói:

- Sắp đến rồi.

Tôi không thể thở nổi nữa, còn cậu ta vẫn chẳng hề tỏ ra mệt mỏi.

Tôi hỏi:

- Làm sao cậu biết?

- Tôi biết.

- Làm sao cậu có thể biết được?

Cậu ta quay lại phía tôi. Mấy giọt mồ hôi lăn từ lớp da đầu hói của cậu ta xuống:

- Amir agha, đã bao giờ tôi nói dối cậu chưa?

Chợt tôi quyết định đùa cậu ấy một chút:

- Tôi không biết, – cậu có thể làm vậy?

- Tôi thà ăn bẩn còn hơn, – Hassan giận dữ nhìn tôi nói.

- Thật ư? Cậu thà làm thế thật ư?

Cậu ta nhìn tôi một cách đăm đăm:

- Làm gì?

- Ăn bẩn, nếu tôi bảo cậu thế. – tôi nói.

Tôi biết tôi đang tàn nhẫn, giống như khi tôi cợt nhạo cậu ấy nếu cậu ấy không biết một từ bóng bẩy nào đó. Nhưng có một cái gì đó có vẻ hấp dẫn – dù hơi độc ác – trong việc trêu chọc Hassan. Đại loại như khi chúng tôi chơi trò hành hạ côn trùng ấy. Chỉ khác lúc này cậu ấy là con kiến, và tôi đang cầm chiếc kính lúp.

Đôi mắt cậu ấy thăm dò mặt tôi một lúc lâu. Chúng tôi ngồi đó, hai thằng con trai dưới một gốc cây anh đào chua, bắt chợt nhìn, nhìn thật sự vào nhau. Lại xảy ra điều đó: mặt Hassan biến đổi. Có lẽ không biến đổi, không thật sự, nhưng bất chợt tôi cảm thấy đang nhìn vào hai bộ mặt, bộ mặt này tôi biết, bộ mặt là ký ức ban đầu của tôi, và bộ mặt kia, bộ mặt thứ hai, bộ mặt lẩn tránh ngay dưới vẻ bề ngoài. Trước, tôi đã từng thấy nó – nó luôn làm tôi bị sốc đôi chút. Bộ mặt khác chỉ hiện ra trong một khoảnh khắc, đủ lâu để đem lại cho tôi một cảm giác bất ngờ là có thể trước đây tôi đã từng gặp nó ở đâu đó. Thế rồi, Hassan vụt loé sáng và lại đúng là cậu ta. Vẫn chỉ Hassan.

- Nếu cậu yêu cầu, tôi sẽ làm, – cuối cùng cậu ấy nhìn thẳng vào mặt tôi, nói.

Tôi sụp mắt xuống. Từ ngày hôm ấy, tôi thấy khó mà nhìn thẳng vào những người như Hassan, những kẻ nghĩ gì nói nấy.

- Nhưng tôi vẫn không hiểu, – cậu nói thêm. – Cậu đã bao giờ yêu cầu tôi làm điều như thế đâu, hử Amir agha?

Và thật bất ngờ, cậu đã ném vào tôi một phép thử nhỏ riêng của cậu. Nếu tôi định đùa với cậu, và thử thách lòng trung thành của cậu, vậy thì cậu cũng đùa lại với tôi, thử lương tâm và đạo đức của tôi.

Ước gì tôi đừng khơi ra chuyện đó. Tôi cố gượng cười:

- Đừng có ngờ ngẩn, Hassan. Cậu biết là tôi không mà.

Hassan mỉm cười trở lại. Chỉ khác là nụ cười của cậu không có vẻ gượng ép. Rồi nói:

- Tôi biết chứ.

Và đó chính là điểm đặc biệt về những người nghĩ gì nói nấy. Họ nghĩ mọi người khác cũng như họ.

- Đây nó đến rồi – Hassan nói, tay chỉ lên trời. Cậu kiễng chân lên, đi mấy bước về bên trái. Tôi nhìn lên, thấy chiếc điều đang rơi thẳng về phía chúng tôi. Tôi nghe thấy tiếng bước chân, tiếng la hét, một đám hỗn loạn trẻ đua điều đang tới gần. Nhưng chúng chỉ phí thời gian. Bởi vì Hassan đã đứng đó, hai cánh tay dang rộng, mỉm cười, đang đợi chiếc điều. Và mong Thượng đế – là nếu Ngài có tồn tại – hãy chọc mù mắt tôi đi, nếu chiếc điều không rơi đúng vào hai cánh tay dang thẳng ra của cậu ấy.

Vào mùa đông năm 1975, tôi thấy Hassan săn đuổi một chiếc điều lần cuối cùng.

Thường thường, mỗi vùng tổ chức một cuộc đua điều riêng. Nhưng năm đó, một cuộc thi đấu lớn sẽ được tổ chức ở quận tôi. Wazir Akbar Khan, và mấy quận khác – Karteh-Char, Karteh-Parwan, Mekro-Rayan và Koteh-Sangi – đã được mời. Bạn khó có thể đi bất cứ đâu mà không nghe thấy nói về cuộc tỉ thí đang sắp đến. Đồn rằng, đó sẽ là cuộc thi đấu lớn nhất trong hai mươi năm năm qua.

Một tối mùa đông đó, cuộc thi lớn chỉ còn cách có bốn ngày, Baba và tôi ngồi ở phòng đọc của ông, trong những ghế tựa đệm da căng phòng bên hơi ấm của lò sưởi. Chúng tôi đang vừa nhấp trà vừa trò chuyện. Ông Ali đã dọn bữa tối sớm hơn, khoai tây và súp lơ nấu cary ăn với

cơm, và đã rút lui về ngủ với Hassan. Baba đang vỗ béo tẩu thuốc và tôi đang đòi ông kể cho tôi nghe câu chuyện về mùa đông, có một đàn chó sói từ dãy núi ở Herat xuống và buộc ai nấy phải ở lì trong nhà cả một tuần lễ, thì ông quẹt một que diêm, rồi bắt chợt bảo:

- Bố nghĩ có thể con sẽ thắng cuộc đấu năm nay. Con nghĩ thế nào?

Tôi không biết phải nghĩ gì. Hoặc nói gì. Có phải đó là những gì sẽ xảy ra không? Hay ông vừa giúi cho tôi một chiếc chìa khoá? Tôi là một chiến binh đấu diêm giỏi. Thực tế, một chiến binh rất giỏi nữa. Một vài lần, tôi thậm chí đã đến sát việc thắng giải cuộc thi đấu mùa đông. Một lần tôi đã từng lọt vào trong số ba người cuối cùng. Nhưng đến sát không đồng nghĩa thắng cuộc, chẳng phải thế sao? Baba đã không đến sát. Ông thắng, bởi vì những người vượt trội chiến thắng và mọi người khác chịu bỏ về nhà. Baba quen với thắng cuộc, thắng trong mọi chuyện ông có ý định thắng. Chẳng phải ông có quyền mong đợi điều tương tự ở con trai ông ư? Và cứ thử tưởng tượng xem. Nếu tôi thắng...

Baba hút tẩu thuốc và trò chuyện. Tôi giả vờ lắng nghe. Nhưng tôi không thể lắng nghe, không thật sự, bởi lời bình nhỏ của Baba đã gieo vào đầu tôi một hạt giống: nhất quyết tôi sẽ thắng trong cuộc thi đấu mùa đông này. Tôi sẽ thắng, không còn chọn lựa nào khác. Tôi sẽ thắng và tôi sẽ đuổi bắt chiếc diêm cuối cùng. Rồi tôi sẽ đem nó về nhà và phô nó với Baba. Cho ông xem một lần và về tất cả những gì con trai ông xứng đáng. Rồi có thể cuộc đời vật vờ như một bóng ma của tôi trong ngôi nhà này cuối cùng sẽ qua đi. Tôi mặc sức mơ mộng: Tôi tưởng tượng những cuộc chuyện trò và tiếng cười suốt bữa tối, thay vì sự im lìm chỉ bị phá vỡ bởi tiếng lanh canh của dao đĩa bằng bạc và tiếng càu nhàu thỉnh thoảng buông ra. Tôi mừng rỡ, chúng tôi dùng ngày thứ Sáu để lái chiếc xe hơi của Baba đến Paghman, giữa đường dừng lại ở hồ Ghargha ăn món cá hồi chiên và khoai tây. Chúng tôi sẽ đến vườn thú xem con sư tử Marjan, và có thể Baba sẽ không ngáp và lén nhìn đồng hồ tay. Có thể, Baba sẽ đọc một trong những truyện ngắn của tôi. Tôi sẽ viết cho ông một trăm truyện, nếu tôi nghĩ rằng ông sẽ đọc một thôi. Có thể ông sẽ gọi tôi là Amir jan, như chú Rahim Khan gọi. Và có thể, chỉ có thể thôi, cuối cùng tôi sẽ được tha thứ vì đã giết chết mẹ tôi.

Baba vẫn đang kể cho tôi nghe cái lần ông đã hạ mười bốn chiếc điều trong cùng một ngày. Tôi mỉm cười, gật đầu, cười đúng chỗ, nhưng tôi hầu như chẳng nghe thấy một từ nào ông nói. Bây giờ tôi đã có một sứ mệnh. Và tôi không định làm thất vọng Baba. Không phải lần này.

Tuyết rơi nặng đêm trước hôm tôi đấu. Hassan và thi ngồi bên dưới cái bàn sưởi kursi và chơi bài panjpar, trong khi những cành cây bị gió thổi soàn soạt vỗ vào cửa sổ. Trước hôm đó, đã bảo ông Ali trang bị một cái kursi cho chúng tôi, về cơ bản nó là một lò sưởi điện dưới một cái bàn thấp trùm một chiếc chăn dày. Xung quanh bàn, ông xếp những tấm đệm và gối nệm, để chừng hai mươi người có thể ngồi và luồn chân vào dưới bàn. Hassan và tôi thường trải qua tất cả những ngày tuyết rơi, rúc vào nhau bên dưới cái bàn sưởi kursi, chơi cờ, bài, phần nhiều là chơi bài panjpar.

Tôi diệt con mười rô của Hassan và đánh ra hai con Ji với một con sáu. Liên cửa bên, trong phòng đọc của Baba, Baba và chú Rahim Khan đang tranh luận với hai người đàn ông khác – một trong hai người tôi nhận ra là bố của Assef. Qua tường ngăn, tôi có thể nghe thấy tiếng sột soạt của Đài Phát thanh Kabul.

Hassan diệt con sáu và ôm hai con Ji. Trên radio, Daoud Khan đang thông báo gì đó về đầu tư nước ngoài.

Tôi nói:

- Ông ta bảo một ngày nào đó, chúng ta sẽ có vô tuyến truyền hình ở Kabul.- Ai nói?- Daoud Khan, ông tổng thống ấy, ngu thế.

Hassan cười khúc khích.

- Tôi được nghe nói, ở Iran đã có.

Tôi thờ dài:

- Bọn người Iran ấy...

Đối với số đông người Hazara, Iran đại diện cho một thánh đường giả hiệu. – Tôi đoán như thế, bởi vì giống như người Hazara, hầu hết người Iran đều là tín đồ Hồi giáo Shi'a. Nhưng tôi nhớ ra một điều gì đó thầy giáo từng nói hồi mùa hè năm ấy về người Iran, họ là những kẻ ăn nói ngọt xớt, nhăn nhó cười, một tay vỗ vào lưng bạn, còn tay kia móc túi bạn. Tôi kể lại cho Baba chuyện đó, và ông bảo thầy giáo tôi là một trong những kẻ Afghan ghen ghét, ghen ghét vì Iran là một cường quốc

đang nổi lên ở châu Á, còn phần lớn dân các nước thậm chí không tìm nổi Afghanistan trên bản đồ thế giới. Ông nhún vai bảo: “Nói thế cũng đau đấy. Nhưng thà bị đau bởi sự thật còn hơn được vỗ về bằng sự dối trá.”

- Rồi tôi sẽ mua một chiếc cho cậu, – tôi bảo.

Mặt Hassan rạng rỡ lên:

- Một máy thu hình ư? Thật không?

- Nhất định thế. Và cũng không phải loại đen trắng đâu. Có thể lúc đó chúng ta đã là những người trưởng thành rồi, nhưng tôi sẽ mua cho chúng ta hai chiếc. Một cho cậu và một cho tôi.

- Tôi sẽ đặt nó trên chiếc bàn tôi vẫn thường vẽ, – Hassan nói.

Câu nói của cậu làm tôi thấy buồn buồn. Buồn vì nổi Hassan là ai, sống ở đâu. Buồn vì làm sao cậu ấy lại chấp nhận sự thế sẽ sống đến già trong túp lều tranh vách đất như bố cậu đã sống.

Tôi rút con bài cuối cùng và chơi cậu một đôi Q với một con mười.

Hassan nhắc những con Q lên:

- Cậu biết không, cậu sẽ làm cho Agha sahib ngày mai rất tự hào.

- Cậu nghĩ thế ư?

- Inshallah, – Hassan nói. – Cầu trời phù hộ.

- Inshallah! Tôi hô theo, dấu câu “Trời phù hộ” từ miệng tôi thốt ra có vẻ không thành thực. Đó là chuyện với Hassan. Cậu ấy quá trong sáng, khiến tôi cảm thấy như mình là kẻ giả dối đâu đó quanh cậu.

Tôi diệt con K của cậu và chơi con bài cuối cùng, con đầm pic. Cậu phải nhặt lên. Tôi đã thắng, nhưng lúc xáo ván bài mới, tôi có linh cảm là rõ ràng Hassan đã để cho tôi thắng.

- Amir agha này.

- Cái gì?

- Cậu biết không... Tôi thích nơi tôi sống. – Cậu luôn như thế, luôn đọc được trong đầu tôi như thế. – Đây là nhà tôi.

- Dù thế nào, – tôi nói, – cũng phải chuẩn bị thua lần nữa đi thôi.

Chương 7

Sáng hôm sau, trong khi pha trà đen cho bữa điểm tâm, Hassan bảo tôi cậu ấy mới có một giấc mơ:

- Chúng ta ở hồ Ghargha, cậu, tôi, cha tôi, Agha sahib, chú Rahim Khan và hàng nghìn người khác. Trời ấm và có nắng. Mặt hồ trong sáng như gương. Nhưng không ai bơi bởi vì người ta bảo có một con quỷ đã đến chiếc hồ đó. Nó đang bơi ở dưới ấy, chờ đợi.

Hassan rót cho tôi một tách trà thêm đường vào, thổi qua loa một chút rồi đặt trước mặt tôi.

- Vì vậy ai nấy đều sợ lội xuống nước, bất ngờ cậu đá văng đôi giày đi, Amir agha, rồi cởi áo sơ mi ra, cậu nói: “Không có quỷ nào ở đây, tôi sẽ chứng minh cho mọi người.” Và trước khi ai đó kịp ngăn, cậu lao xuống nước và bắt đầu bơi ra xa. Tôi lao theo cậu và cả hai chúng ta cùng đang bơi.

- Nhưng cậu có bơi được đâu.

Hassan cười:

- Amir agha, đó là giấc mơ, người ta có thể làm bất cứ điều gì. Tóm lại, mọi người vẫn kêu thét lên: “Lên đi! Lên đi! Nhưng chúng ta cứ bơi trong nước lạnh. Chúng ta bơi tiếp ra giữa hồ và dừng lại. Chúng ta quay về phía bờ và vẫy tay chào mọi người. Trông họ bé như những con kiến nhưng bọn mình vẫn nghe tiếng họ vỗ tay. Bây giờ thì họ thấy rồi. Không có quỷ nào hết, chỉ có nước thôi. Sau đó họ đổi tên hồ và gọi là “Hồ của Amir và Hassan, hai Sultan của Kabul,” và chúng ta sẽ bắt mọi người trả tiền để bơi trên đó.

Tôi hỏi:

- Vậy giấc mơ ấy ngụ ý gì?

Hassan phết mứt quả lên bánh naan của tôi, đặt lên một cái đĩa:

- Tôi không biết. Tôi đang mong cậu có thể bảo cho tôi biết.

- Ồ, nó là một giấc mơ vớ vẩn. Chẳng có gì xảy ra trong đó.

- Cha tôi nói những giấc mơ luôn luôn ngụ ý điều gì đó.

Tôi nhấp một ngụm trà.

- Vậy sao cậu không hỏi ông ấy? Ông ấy sáng suốt lắm mà.

Tôi nói cộc lốc, tuy không định thế. Cả đêm tôi đã không ngủ được. Cổ và lưng tôi giống như những chiếc lò xo, và mắt tôi nhức nhối.

Tôi đã nhỏ nhen với Hassan. Suýt nữa tôi đã xin lỗi, rồi lại thôi. Hassan hiểu tôi đang căng thẳng. Hassan luôn hiểu về tôi.

Tôi nghe thấy tiếng nước chảy trong phòng tắm của Baba, ở trên gác. Các đường phố lấp lánh tuyết mới rơi, và bầu trời một màu xanh biếc. Tuyết phủ lên thành lớp trên mọi nóc nhà, và trĩu trên những cành cây dâu tằm cần cỗi thẳng hàng trên đường phố chúng tôi. Suốt đêm, tuyết đổ vào mọi khe suối và rãnh nước. Tôi nheo mắt trước màu trắng loá mắt khi Hassan và tôi bước qua chiếc cổng sắt. Ali đóng cổng lại cho chúng tôi. Tôi nghe thấy ông lẩm bẩm cầu nguyện trong hơi thở. Ông luôn đọc một câu kinh, khi con trai ông rời khỏi nhà.

Tôi chưa từng thấy nhiều người đến thế trên đường phố của chúng tôi. Lũ trẻ đang ném những quả cầu tuyết, cãi cọ âm ỉ, rượt đuổi nhau, cười khúc khích. Những chiến binh đấu diều đang cựa quậy với những người giữ cuộn dây của họ, chuẩn bị lần cuối. Từ những đường phố liền kề nhau, tôi nghe thấy tiếng cười và tiếng chuyện gẫu. Trên các nóc nhà, đã chập chững những khán giả ngả người trên ghế vải lanh, trà nóng bốc hơi từ những phích nước, và nhạc của Ahmad Zahir oang oang từ những máy cát xét. Nhạc của Ahmad Zahir mang tính đại chúng rộng rãi đã cách mạng hoá âm nhạc Afghan và xúc phạm những người theo chủ nghĩa thuần túy bằng việc thêm ghi-ta điện, trống và kèn vào loại trống vỗ và đàn harmonium truyền thống. Trên sàn diễn, hoặc tại các buổi tiệc tùng, ông tránh lối hát đơn điệu, gần như ảm đạm của các ca sĩ già hơn, và thực tế vừa hát ông vừa cười – thậm chí có lúc cười cả với phụ nữ. Tôi quay sang nhìn lên nóc nhà của chúng tôi, thấy Baba và chú Rahim Khan ngồi trên một chiếc ghế dài, cả hai đều mặc áo len, đang nhấp trà, Baba vẫy tay. Tôi không thể nói ông đang vẫy tôi hay Hassan.

- Ta bắt đầu thôi. – Hassan nói. Cậu đi đôi ủng cao su đen, mặc chiếc áo chapan xanh tươi ra ngoài chiếc áo len dày và chiếc quần dài bằng nhung kẻ đã bạc màu. Ánh nắng loáng lên gương mặt cậu, và trên đó, tôi thấy vết sẹo hồng trên môi đã lành hẳn.

Chợt tôi muốn rút lui. Ngừng tất cả thôi, về nhà. Tôi đang nghĩ gì nhỉ? Tại sao tôi phải thử thách mình như vậy, khi tôi đã biết kết quả rồi? Baba

đang ở trên mái nhà, dõi theo tôi. Tôi cảm thấy cái nhìn nhúc nhối của ông lên tôi, giống như hơi nóng của mặt trời rực cháy. Điều đó có lẽ là một thất bại lớn, cả đối với tôi.

- Tôi không chắc tôi muốn thả điều hôm nay, – tôi nói.

- Hôm nay là một ngày đẹp trời, – Hassan bảo.

Tôi xê dịch đôi chân. Cố để khỏi phải nhìn lên nóc nhà của chúng tôi:

- Tôi không biết. Có lẽ ta nên về nhà thôi.

Thế là Hassan bước đến cho tôi, bằng một giọng trầm trầm, nói một điều khiến tôi hơi hoảng: “Hãy nhớ. Amir agha. Không có con quý nào, mà chỉ có một ngày đẹp trời.” Làm sao tôi có thể là một cuốn sách mở ngo như thế cho cậu, khi phần lớn thời gian tôi chẳng hề biết tới những gì đang quay cuồng trong đầu cậu? Tôi là kẻ cắp sách đến trường, biết đọc, biết viết. Tôi là người thông minh, còn Hassan không thể đọc nổi cuốn sách vỡ lòng nhưng cậu có thể thấu hiểu tôi rất nhiều. Điều đó có đôi chút bất ngờ, nhưng ở một mức độ, lại là điều an ủi, vì có được một người luôn biết những gì bạn cần.

- Không có quý, – tôi nói, và ngạc nhiên cảm thấy khá hơn đôi chút.

Cậu mỉm cười:

- Không có quý.

- Cậu chắc không?

Hassan nhắm mắt lại. Gật đầu.

Tôi nhìn lũ trẻ chạy nhảy tung tăng dưới đường phố, ném những quả cầu tuyết.

- Một ngày đẹp trời, có phải không?

- Ta cho bay thôi, – Hassan nói.

Thế rồi tôi chợt nghĩ, có thể Hassan đã bịa ra giấc mơ. Có thể thế chẳng? Tôi khẳng định không thể. Hassan không tinh quái đến thế. Tôi cũng không tinh quái đến thế. Nhưng bịa hay không, thì giấc mơ ngớ ngẩn đó cũng cất bớt cho tôi đôi chút lo lắng. Có lẽ tôi nên cởi áo ra, bơi thử một cái trong hồ. Tại sao lại không nhỉ.

- Ta tiến hành thôi, – tôi nói.

Mặt Hassan sáng ngời lên và nói:

- Tốt.

Rồi cậu nâng điều của chúng tôi lên, chiếc điều màu đỏ, viền vàng, và ngay phía dưới, chỗ thanh trung tâm và thanh ngang gặp nhau, có chữ ký không thể nhầm lẫn vào đâu được của ông Saifo. Cậu liếm ngón tay, giơ lên cao để thử gió, rồi chạy theo hướng gió – trong một số trường hợp hiếm hoi, chúng tôi thả điều vào mùa hạ, cậu đá bụi tung lên để xem gió thổi hướng nào. Ống dây tở ra trong hai tay tôi, cho tới khi Hassan dừng lại, cách xa khoảng mười lăm mét. Cậu nâng điều lên cao quá đầu, như một lực sĩ thể vận hội nâng chiếc huy chương vàng. Tôi giật mạnh dây điều hai lần, dấu hiệu quen thuộc của chúng tôi, và Hassan tung điều lên.

Bị giăng co giữa Baba và các giáo sĩ ở nhà trường, tôi vẫn chưa biết chắc liệu có Thượng đế hay không. Nhưng khi những thánh thi ayat[30] tôi đã học trong lớp diniyat của tôi dâng lên môi, tôi vẫn lẩm bẩm đọc. Tôi hít một hơi sâu, thở mạnh và kéo dây điều. Trong vòng một phút, chiếc điều của tôi bay vút lên trời. Nghe như tiếng một con chim giấy vỗ cánh. Hassan vỗ tay, huýt sáo, và chạy lại chỗ tôi. Tôi trao cho cậu ống cuộn, và tiếp tục điều khiển dây điều, còn cậu thì quay nhanh ống cuộn để thả dây điều ra.

Ít nhất cũng có tới hai chục chiếc điều đã lơ lửng trên bầu trời như những con cá mập giấy lang thang tìm mồi. Trong vòng một giờ, con số đã lên gấp đôi, và điều đỏ, điều xanh, điều vàng bay liệng, nhào lộn trên bầu trời. Một luồng gió lạnh lùa qua tóc tôi. Gió thuận cho việc thả điều, chỉ vừa đủ mạnh để nâng lên, làm cho điều cuốn theo dễ dàng hơn. Đứng gần tôi, Hassan giữ ống cuộn, tay đã ứa máu vì dây cước.

Chẳng mấy chốc, đến lúc cắt dây điều, loạt đầu tiên những điều bị đánh bại, quay tít, mất điều khiển. Chúng rơi từ trên trời xuống như sao sa với những chiếc đuôi lấp lánh, ngoằn ngoèo, làm thành trận mưa chiến lợi phẩm xuống những vùng quanh đó cho những người đua điều. Lúc này tôi có thể nghe rõ tiếng la hét của những người đua điều chạy trên các đường phố. Ai đó lớn tiếng thuật lại một cuộc chiến cách đó hai phố.

Tôi vẫn lén nhìn lên chỗ Baba ngồi với chú Rahim Khan trên mái nhà, không hiểu ông đang nghĩ gì. Ông có đang cổ vũ tôi không? Hay một phần trong ông thích ngắm tôi thất bại? Điều quan trọng khi thả điều đó là: Tâm trí anh trôi dạt với điều.

Lúc này điều đang rớt xuống khắp mọi nơi, và tôi vẫn đang bay. Tôi vẫn đang bay. Cái nhìn của tôi vẫn lướt trên người Baba, ôm lấy chiếc áo len của ông. Ông có ngạc nhiên thấy tôi vẫn bay được lâu như thế không? Đừng ngược mắt mãi lên trời, sẽ không chịu được lâu đâu. Tôi đột ngột quay phắt lại nhìn lên trời. Một chiếc điều đỏ đang tiến sát vào tôi – Tôi bắt được chiếc điều đó vừa đúng lúc. Tôi mắc mớ với nó một chút, cuối cùng chiếm ưu thế hơn, khi nó trở nên sốt ruột và định cắt hạ tôi từ phía dưới.

Tới rồi lui trên đường phố, những người đua điều đang quay lại với bộ dạng chiến thắng, những chiếc điều bị bắt được giơ cao lên. Họ đem khoe chúng với cha mẹ mình, bạn bè mình. Nhưng tất cả đều hiểu chiếc điều vô địch vẫn chưa tới. Giải lớn nhất của tất cả vẫn đang bay. Tôi cắt một chiếc điều vàng rực rỡ có cái đuôi trắng xoắn. Việc đó khiến tôi phải trả giá, bằng một vết cứa nữa ở ngón tay trở, và máu rỉ xuống gan bàn tay tôi. Tôi bảo Hassan giữ dây, liếm máu cho khô, rồi chùi ngón tay vào quần bò của tôi.

Trong khoảng một giờ nữa thôi, số điều sống sót giảm xuống có thể từ năm mươi chỉ còn khoảng một chục. Tôi là một trong số đó. Tôi sẽ thuộc một chục cuối cùng. Tôi biết phần này của cuộc thi đấu sẽ khá dài, bởi vì những kẻ trụ được lâu như vậy đều giỏi – họ sẽ không dễ dàng rơi vào những bẫy đơn giản như cái mọo cổ lỗ sĩ nhào lên lộn xuống, mọo tú của Hassan.

Vào khoảng ba giờ chiều, những cụm mây giạt đến và mặt trời đã lặn vào sau các đám mây. Những bóng râm bắt đầu dài ra. Khán giả trên các mái nhà co ro lại trong khăn quàng và áo khoác dày. Chúng tôi đã giảm xuống tới mức chỉ còn nửa tá, tôi vẫn bay. Hai chân tôi tê nhức và cổ tôi cứng đờn. Nhưng với mỗi chiếc điều bị đánh bại, hy vọng lại nhen lên trong lòng tôi, như tuyết đang dồn lại trên một bức tường, mỗi lúc dày thêm một lớp.

Mắt tôi vẫn quay lại nhìn chiếc điều xanh đang đánh phá vào giờ cuối cùng này. Tôi hỏi:

- Nó hạ được bao nhiêu chiếc rồi?
- Tôi đếm được mười một, – Hassan nói.
- Cậu có biết có thể là của ai không?

Hassan chặc lưỡi và vênh mặt lên. Đó là một điệu bộ riêng của Hassan, có nghĩa là không biết. Chiếc điều xanh cắt ngọt một chiếc điều lớn màu tía đỏ và quét hai lần vòng thắt lớn. Mười phút sau, nó cắt hạ hai chiếc khác nữa, tạo điều kiện cho một bầu trẻ đua điều đua nhau đuổi bắt những điều bị hạ.

Thêm ba mươi phút nữa, chỉ còn bốn chiếc điều trụ lại. Và tôi vẫn bay. Có vẻ như tôi khó lòng mắc một động tác sai lầm, như thể mỗi đợt gió đều làm lợi cho tôi. Tôi chưa bao giờ cảm thấy vững vàng đến thế, may mắn đến thế. Làm cho tôi cảm thấy say sưa hứng khởi. Tôi không dám nhìn lên mái nhà. Không dám rời mắt khỏi bầu trời. Tôi phải tập trung tư tưởng, để chơi thật thông minh. Lại thêm mười lăm phút nữa, và những gì tựa như một giấc mơ tức cười sáng hôm đó đã bất ngờ trở thành thực tế: Chỉ còn mỗi tôi và chàng trai kia. Chiếc điều xanh.

Sự căng thẳng trên bầu trời cũng căng ngang với dây trện thuỷ tinh mà tôi đang kéo giật mạnh với hai bàn tay ứa máu. Mọi người đang giậm chân vỗ tay, huýt sáo hát vang “Boboresh! Boboresh! Hạ nó đi! Hạ nó đi!” Tôi không biết liệu tiếng của Baba có hoà trong tiếng của bọn họ không. Nhạc vang dội. Mùi bánh bao Mantu[31] hấp và Pakora[32] rán toả từ trên mái nhà và những cánh cửa mở rộng.

Nhưng tất cả những gì tôi nghe thấy – tất cả những gì tôi muốn nghe – là tiếng máu giật thành thạch trong đầu tôi. Tất cả những gì tôi nhìn thấy là chiếc điều xanh. Tất cả những gì tôi nghĩ thấy là chiến thắng. Cứu rồi. Chuộc tội. Nếu Baba nhầm và có một Thượng đế như họ nói ở trường học, thì Ngài sẽ để tôi chiến thắng. Tôi không biết anh chàng kia đang giở trò gì, có thể chỉ là những trò khoác lác. Nhưng đó lại là một cơ may của tôi để trở thành một người được nhìn vào, chứ không phải nhìn thấy, lắng nghe chứ không phải nghe thấy. Nếu có một Thượng đế, Ngài sẽ dẫn dắt để gió thổi về phía tôi, sao cho bằng một cái giật mạnh dây điều, tôi sẽ dứt được nỗi đau của tôi, lòng khao khát của tôi. Tôi đã phải chịu đựng quá nhiều, đã đi quá xa. Và bất ngờ, hết như thế, hy vọng trở thành thực tế. Tôi sắp thắng. Vấn đề chỉ là khi nào thôi.

Hoá ra nó lại sớm chứ không muộn. Một đợt gió mạnh nâng điều tôi lên, và tôi chiếm lợi thế. Thả dây ra, giật lại. Lượn vòng điều tôi lên đỉnh chiếc điều xanh. Tôi giữ nguyên tư thế. Chiếc điều xanh biết nó đang

trong thế quần. Nó đang cố một cách vô vọng hòng thoát ra khỏi thế bị kẹt, nhưng tôi không để nó thoát. Tôi giữ vững tư thế. Đám đông cảm thấy chung cuộc đã trong tầm tay. Tiếng hô đồng thanh “Hạ nó đi! Hạ nó đi!” Càng to hơn, giống như dân La Mã động viên các đấu sĩ giết, giết!

- Sắp được rồi! Amir agha! Sắp rồi! – Hassan hỗn hển nói.

Rồi thời khắc đó cũng đến. Tôi nhắm mắt lại, và nói lỏng tay nắm dây điều. Nó lại cửa vào các ngón tay tôi trong khi gió giật kéo. Và rồi... Tôi chẳng cần nghe tiếng đám đông hô âm lên mới biết. Tôi cũng chẳng cần nhìn. Hassan đang hét lên và vòng hai cánh tay ôm lấy cổ tôi.

- Hoan hô, hoan hô, Amir agha!

Tôi mở mắt, thấy chiếc điều xanh đang điên cuồng quay lộn như một chiếc lốp xe tuột khỏi chiếc xe đua. Tôi chớp mắt cố nói một điều gì đó. Chẳng nói ra được điều gì. Bất chợt tôi như đang bay liệng, từ bên trên nhìn xuống bản thân tôi. Áo khoác da đen, khăn quàng đỏ, quần bò bạc màu. Một đứa con trai mảnh mai, hơi xanh tái, một thằng nhóc thấp bé hơn tuổi mười hai của nó. Nó có đôi vai hẹp và một chút quầng đen quanh đôi mắt màu nâu tái. Gió nhẹ vờn bay mớ tóc màu nâu nhạt của nó. Nó ngược lên nhìn tôi và chúng tôi mỉm cười với nhau.

Thế rồi tôi hét to lên, và mọi vật đều rực rỡ sắc màu và âm vang, mọi vật đều sống động và tốt đẹp. Hai tay tôi ôm lấy Hassan và chúng tôi cùng nhảy tới nhảy lui, cả hai chúng tôi cùng cười, cả hai cùng khóc với nhau. “Amir agha, cậu thắng rồi, thắng rồi!”

“Chúng ta thắng rồi! Chúng ta thắng rồi!” Là tất cả những gì lẽ ra tôi có thể nói. Nhưng điều đó biết đâu lại không xảy ra. Một lát nữa thôi, có thể tôi sẽ chớp mắt và tỉnh dậy khỏi giấc mơ đẹp, ra khỏi giường, xuống bếp ăn điểm tâm với duy nhất Hassan để trò chuyện. Mặc quần áo. Đợi Baba. Từ bỏ. Trở lại cuộc sống cũ của tôi. Thế rồi, tôi thấy Baba trên mái nhà của chúng tôi. Ông đang đứng ở rìa mái, vung lên vung xuống cả hai nắm đấm của ông. Reo hò và vỗ tay. Và đó là giây phút quan trọng nhất và duy nhất của mười hai năm đời tôi, được thấy Baba trên cái nóc nhà đó, cuối cùng đã tự hào về tôi.

Nhưng lúc này, ông đang làm điều gì đó, xua xua hai tay một cách khẩn thiết. Thế là tôi hiểu.

- Hassan, chúng ta.

- Tôi hiểu, – Hassan nói, gỡ vòng tay ôm của chúng tôi ra. – Inshallah, chúng ta sẽ ăn mừng sau. Ngay bây giờ, tôi sẽ đuổi bắt chiếc điều xanh cho cậu. Hassan buông ống cuộn xuống và vụt chạy, vạt áo chapan xanh của cậu quét tuyết phía sau.

- Hassan! – Tôi gọi. – Trở về với chiếc điều nhé!

Cậu đã ngoặt ở góc phố, đôi ủng cao su đá vung tuyết lên. Dừng, rồi rẽ. Cậu bắc loa mồm nói to:

- Vì cậu cả ngàn lần rồi!

Rồi cậu cười nụ cười của Hassan và biến mất quanh góc phố. Lần thứ hai tôi được thấy cậu nụ cười rộng mở đó, là hai mươi sáu năm sau, trong tấm ảnh đã ngả màu, chụp từ máy Polaroid.

Tôi bắt đầu kéo điều của mình xuống, trong khi mọi người đổ đến chúc mừng. Tôi bắt tay họ nói cảm ơn. Một thằng bé ít tuổi hơn nhìn tôi mắt long lanh tỏ ra kính sợ: Tôi là một anh hùng. Những bàn tay vỗ nhẹ lưng tôi và xoa xoa tóc tôi. Tôi vẫn kéo dây và mỉm cười đáp lại, nhưng đầu óc tôi đang ở chỗ chiếc điều xanh.

Cuối cùng, tôi cũng đã có chiếc điều của tôi trong tay. Tôi quấn mở dây điều đã thu lại dưới chân quanh ống cuộn, bắt tay thêm vài người nữa, và lon ton chạy về nhà. Đến chiếc cổng sắt, ông Ali đã đợi bên kia đường. Ông thò hai tay qua song sắt, nói:

- Xin chúc mừng! Tôi đưa chiếc điều và cuộn dây của tôi cho ông, bắt tay ông:

- Tashakor, cảm ơn Ali jan.

- Tôi cầu nguyện cho cậu suốt.

- Vậy ông cầu tiếp đi. Chúng tôi đã xong đâu.

Tôi vội quay lại đường phố. Tôi không hỏi ông Ali về Baba. Tôi chưa muốn gặp ông. Trong đầu tôi, tôi đã sắp xếp tất cả: tôi sẽ phải đi vào một cách trịnh trọng, phần thưởng cho người anh hùng hiện ra trong đôi tay đẫm máu của tôi. Những cái đầu sẽ quay lại và những đôi mắt sẽ nhắm nghiền. Rostam và Sohrab sẽ phán xử lẫn nhau. Một khoảnh khắc kịch tính của sự câm lặng. Rồi người chiến binh già sẽ bước tới người chiến binh trẻ, ôm hôn và công nhận sự xứng đáng của con mình. Chứng thực. Cứu rồi. Chuộc tội. Và rồi sao? Ồ... tất nhiên, hạnh phúc mãi về sau. Gì nữa?

Những đường phố của quận Wazir Akbar Khan được đánh số và vuông góc với nhau như kẻ ô. Đó là một khu dân cư mới đang phát triển, với nhiều khoảnh đất trống và những nhà đang xây dựng dở dang trên mọi đường phố giữa các khu nhà có tường cao khoảng hai mét rưỡi bao quanh. Tôi chạy tới chạy lui mọi phố tìm Hassan. Ở đâu, dân chúng cũng đều đang bận rộn xếp dọn ghế, gói ghém thức ăn và đồ nhà bếp sau một ngày dài tiệc tùng. Một số người vẫn còn ngồi trên nóc nhà, hô to những lời chúc mừng tôi.

Cách phố chúng tôi về phía Nam bốn phố, tôi gặp Omar, con trai một kỹ sư, một ông bạn của Baba. Nó đang chơi bóng cùng với em trai trên bãi cỏ phía trước nhà chúng. Omar là một đứa con trai rất tốt. Chúng tôi đã từng là bạn học cùng lớp bốn, và một bạn, nó đã cho tôi một chiếc bút máy, loại bút phải lắp một ống mực vào. Nó nói:

- Mình nghe thấy nói cậu thắng, Amir, chúc mừng cậu.
- Cảm ơn. Cậu có thấy Hassan không?
- Thắng Hazara của cậu à?

Tôi gật đầu.

Omar đánh đầu quả bóng cho em trai mình:

- Mình nghe nói nó là một tay đua điều giỏi.

Em trai đánh đầu bóng lại cho Omar. Omar bắt bóng, tung lên, tung xuống.

- Mặc dầu mình vẫn luôn không hiểu nó điều khiển thế nào. Mình muốn nói với đôi mắt ti hí ấy, nó làm thế nào nhìn thấy được cái gì?

Em trai Omar bật cười, đòi trả lại bóng. Omar lờ nó đi.

- Cậu có nhìn thấy Hassan không?

Omar bật ngón tay cái qua vai chỉ về phía Tây Nam:

- Mình trông thấy nó chạy về phía khu phố chợ lúc này.
- Cảm ơn.

Tôi chạy vọt đi.

Lúc tôi chạy tới khu phố chợ, mặt trời đã gần như lặn sau những dãy đồi và hoàng hôn nhuộm hồng, nhuộm tím bầu trời. Cách mấy dãy nhà cao lớn, từ nhà thờ Haji Yaghoub, ông giáo sĩ trầm trầm đọc vang kinh Azan, kêu gọi những tín đồ trái thảm nhỏ của họ ra và cúi đầu hướng về phía Tây trong khi cầu nguyện. Hassan không bao giờ bỏ bất kỳ buổi nào

trong năm buổi cầu nguyện ban ngày. Cả khi chúng tôi định chơi trò gì đó, cậu ấy cũng cáo lỗi, kéo nước giếng sâu lên, rửa ráy, rồi biến vào túp lều. Mấy phút sau, cậu đi ra, tươi cười thấy tôi đang ngồi tựa vào tường hoặc vắt vẻo trên một cành cây. Đêm nay, cậu sẽ bỏ lỡ buổi cầu nguyện, dẫu sao cũng tại tôi.

Khu phố chợ chẳng mấy chốc vắng tanh, các thương nhân đang kết thúc nốt công việc mua bán mặc cả trong ngày. Tôi chạy trong bùn giữa những dãy lều quán san sát, có thể mua ở đây một con chim trĩ vừa mới giết thịt đồng thời một cái máy tính ở ngay quầy bên cạnh. Tôi luôn lách qua đám đông đang vãn dần, những kẻ ăn mày què mặc không biết bao nhiêu lớp giẻ rách, những người bán hàng đội thảm trên hai vai, các nhà buôn vải và hàng thịch đóng cửa hàng về nghỉ. Tôi không thấy bóng dáng Hassan đâu.

Tôi dừng lại bên một khóm cây quả héo khô, tả hình dạng Hassan cho một ông lão thương nhân đang tải lên lưng con lừa cái của ông những thùng gỗ chứa hạt thông và nho, đầu đội một chiếc khăn tu-ban màu xanh lơ nhạt.

Ông dừng lại nhìn tôi một lúc lâu trước khi trả lời:

- Có thể tôi đã gặp nó.
- Cậu ấy đi theo đường nào?

Ông ta nhìn đi nhìn lại tôi:

- Một người như cậu mà lại ở đây vào lúc chạng vạng này, để đi tìm một thằng Hazara ư?

Ông ta liếc nhìn mãi chiếc áo khoác da và quần bò của tôi, tỏ vẻ ngưỡng mộ – quần cao bồi, chúng tôi vẫn quen gọi thế. Ở Afghanistan, sở hữu bất kỳ thứ gì của Mỹ, nhất là khi nó lại không phải đồ cũ, là một dấu hiệu của sự giàu có.

- Agha, tôi cần tìm cậu ấy.
- Nó với cậu là thế nào với nhau? – Ông ta nói..

Tôi không rõ ngụ ý câu hỏi, nhưng tôi nhắc mình có sốt ruột cũng sẽ không làm cho ông ta cho biết nhanh hơn. Tôi nói:

- Cậu ấy là con trai người giúp việc của chúng tôi.

Ông già ngược đôi lông mày ngả màu muối tiêu lên:

- Thế kia à? Một tên Hazara may mắn có được cậu chủ quan tâm đến thế. Bõ nó nên quỳ xuống, lấy lông mi quét bụi chân cho cậu.

- Ông có định nói cho tôi biết hay không nào?

Ông ta cứ để nguyên cánh tay trên lưng con la, chỉ về hướng Nam:

- Tôi cho là tôi đã gặp thằng bé cậu vừa tả, chạy theo lối đó. Nó cầm một chiếc điều trong tay, chiếc điều xanh.

- Cậu ấy cầm thật à – Tôi hỏi.

Vì cậu, một nghìn lần rồi. Cậu ấy đã hứa mà. Hassan yêu quý tội nghiệp. Hassan thân thiết tội nghiệp. Cậu đã giữ lời hứa và đuổi bắt chiếc điều cho tôi.

- Tất nhiên bây giờ thì chúng đã tóm được nó – ông thương nhân già càu nhàu nói và chắt thêm một bọc nữa lên lưng con la.

- Ai cơ?

- Những thằng bé khác – Ông nói – Những đứa đang săn đuổi nó. Chúng cũng ăn mặc như cậu – Ông liếc mắt nhìn lên trời và thở dài. – Thôi, đi đi, cậu đang làm tôi chậm buổi cầu kinh namaz đấy.

Nhưng tôi đã sẵn sàng lao ngay xuống ngõ hẻm đó.

Tôi lần lượt tìm khắp khu phố chợ trong mấy phút sau nhưng vô ích. Có thể ông già thương nhân đã nhìn nhầm. Trừ phi ông ta nhìn thấy chiếc điều xanh thật. Ý nghĩ tôi sẽ đặt tay lên chiếc điều đó... Tôi chui đầu vào mọi ngõ hẻm, mọi cửa hàng. Không có dấu hiệu nào của Hassan.

Tôi bắt đầu lo bóng đêm đổ xuống trước khi tìm thấy Hassan, bỗng nghe thấy tiếng người ở phía trước. Tôi đã tới một con đường hẻo lánh lây lạt. Con đường này vuông góc với đoạn cuối của đại lộ chính phân đôi khu phố chợ. Tôi rẽ theo những vết chân và đi theo hướng có tiếng người. Ừng tôi nhóp nhép trong bùn mỗi bước tôi đi, và hơi thở tôi phả ra như khói trắng trước mặt. Lối đi hẹp chạy song song một bên khe suối phủ đầy tuyết mà tới mùa xuân một dòng nước có thể đổ về cuồn cuộn. Phía bên kia sừng sững những hàng cây bách nặng nề tuyết phủ giữa những ngôi nhà bằng đất sét mái bằng – đa phần không hơn những túp lều là mấy – cách nhau bằng các ngõ hẹp.

Tôi lại nghe thấy tiếng người, lần này to hơn, từ một trong những ngõ nhỏ ấy. Tôi rón rén đến sát đầu ngõ. Nín thở, liếc nhìn quanh ngõ.

Hassan đang đứng ở cuối ngõ cụt trong tư thế thách thức, hai năm đấm vắn lên, chân hơi xoạc ra. Đằng sau cậu, trên một đồng phế thải và gạch vụn, vôi cát là chiếc điều xanh. Chiếc chìa khoá mở cửa trái tim của Baba.

Chặn lối ra của Hassan là ba đứa con trai, vẫn ba thằng hôm đó ở trên đồi, một ngày sau cú đảo chính của Daoud Khan, khi Hassan đã cứu chúng tôi bằng chiếc súng cao su của cậu. Wali đứng ở một bên, Kamal đứng bên kia và Assef đứng giữa. Tôi cảm thấy cơ thể tôi thót lại, và hơi gai lạnh sống lưng. Assef có vẻ thoải mái, tự tin. Nó đang quay quay hai quả đấm thép của nó. Hai thằng kia rụt rè nhích chân, hết nhìn Assef lại nhìn Hassan, như thể chúng đang dồn con thú vào một góc mà chỉ có Assef mới có thể thuần hoá nổi.

- Súng cao su của mày đâu rồi, thằng Hazara? – Assef vừa nói vừa xoay hai quả đấm thép trong tay. – Mày đã nói cái gì nhỉ? “Chúng nó sẽ phải gọi mày là thằng Assef Một Mắt.” Đứng rồi Assef Một Mắt. Tài giỏi. Tài giỏi thực sự đấy. Nhưng mà, nếu mày đang cầm một thứ vũ khí nạp đạn thì tài giỏi cũng dễ thôi.

Tôi nhận ra tôi vẫn còn chưa thở được. Tôi thở ra, chậm rãi và lặng lẽ. Tôi cảm thấy bị tê liệt. Tôi nhìn chúng tiến sát lại đứa con trai mà tôi đã cùng lớn lên, đứa con trai có bộ mặt môi hẻ là ký ức đầu đời của tôi.

- Nhưng hôm nay là một ngày may mắn của mày, thằng Hazara kia, – Assef nói. Lưng nó quay lại phía tôi, nhưng tôi dám cược là nó đang nhăn nhó. – Tao đang trong tâm trạng muốn tha thứ. Chúng mày bảo sao, hai thằng kia?

- Thế là rộng lượng, – Kamal nói ngay. – Nhất là sau cái bộ dạng láo xược nó tỏ với chúng ta bận trước. – Nó cố nói giống giọng Assef, ngoại trừ vẫn rung rung trong giọng nói. Thế là tôi hiểu: nó không sợ Hassan, thực sự không sợ. Nó sợ bởi vì nó không biết Assef nghĩ gì trong đầu.

Assef vẩy vẩy bàn tay tỏ ý khinh miệt:

- Bakhshida. Miễn tội. Thế là xong. – Giọng nó hạ xuống một chút. – Tất nhiên, không có gì cho không trên đời này, và việc tha thứ của tao phải kèm theo một giá nhỏ.

- Thế mới phải chứ, – Kamal nói.

- Không gì miễn phí hết, – Wali thêm vào.

- Mày là một thằng Hazara may mắn đấy, – Assef vừa nói vừa nhích một bước về phía Hassan. – Bởi vì hôm nay, mày sẽ chỉ phải trả bằng cái điều xanh kia thôi. Rất biết điều, phải không, mấy đứa?

- Còn hơn biết điều ấy chứ – Kamal nói.

Thậm chí từ nơi đang đứng, tôi cũng thấy được nỗi sợ hãi đang bò vào đôi mắt Hassan, nhưng cậu lắc đầu:

- Amir agha đã thắng trong cuộc thi đấu, và tôi phải đuổi bắt chiếc điều này cho cậu ấy. Tôi đuổi bắt nó đúng luật. Chiếc điều này là của Amir agha.

- Một thằng Hazara trung thành, trung thành như một con chó, – Assef nói.

Kamal cười lên the thé và bồn chồn.

- Nhưng trước khi mày hy sinh bản thân cho nó, hãy nghĩ tới điều này: Liệu nó có làm thế cho mày không? Mày đã bao giờ thắt mắc, tại sao nó chẳng bao giờ cho mày vào chơi cùng khi nó có khách không? Tại sao nó chỉ chơi với mày khi không có ai khác quanh nó? Tao sẽ bảo cho mày biết tại sao, Hazara. Bởi vì đối với nó, mày chẳng là gì ngoài một con chó xấu xí. Một con vật gì đó nó có thể chơi với khi nó buồn chán, một con vật gì đó nó có thể đá đi khi nó tức giận. Đừng tự lừa dối mình nữa và nghĩ mày là thứ gì đó hơn thế.

- Amir agha và tôi là những người bạn, – Hassan nói. Cậu có vẻ đỏ mặt.

- Những người bạn ư? – Assef vừa nói vừa cười – Mày, đồ ngốc đáng thương! Một ngày nào đó, mày sẽ tỉnh ra khỏi cái ý nghĩ ngây cuồng nho nhỏ của mày và sẽ hiểu nó là một thằng bạn tốt đến mức nào. Còn bây giờ, mẹ kiếp! Đủ rồi. Đưa cái điều ấy cho chúng tao.

Hassan cúi xuống nhặt một hòn đá.

Assef nao núng. Nó lùi một bước rồi dừng lại:

- Hazara, cơ hội cuối cùng đấy.

Hassan trả lời bằng việc giơ tay đang cầm hòn đá lên.

- Tùy mày thôi.

Assef cởi khuy áo khoác mùa đông, rồi cởi hẳn ra, từ từ và cẩn thận gấp lại. Nó để áo vào chân tường. Tôi mở miệng, suýt nói ra một điều gì

đó. Suýt thôi. Phần còn lại của đời tôi có thể đã khác đi nếu tôi nói. Nhưng tôi không nói. Tôi chỉ xem thôi. Tê liệt.

Assef vẫy tay ra hiệu, và hai thằng kia tách ra tạo thành nửa đường tròn vây Hassan trong ngõ. Assef nói:

- Tao đổi ý rồi. Hazara, tao vẫn để mày giữ chiếc điều. Tao vẫn để cho mày giữ nó, để nó sẽ mãi mãi nhắc nhở mày về những gì tao định làm đây.

Rồi nó tấn công. Hassan dùng hết sức ném hòn đá. Hòn đá đập vào trán Assef. Nó thét lên và lao người vào Hassan, đánh Hassan ngã xuống đất. Wali và Kamal đánh hôi. Tôi cắn nắm đấm của tôi. Mắt nhắm lại.

Một hồi ước:

Mày có biết Hassan và mày được nuôi từ cùng một bầu vú không? Mày có biết điều đó không, Amir agha? Sakina là tên bà. Bà là một phụ nữ Hazana xinh đẹp, mắt xanh, từ Bamiyan đến và bà ru mày bằng những bài ca hôn lễ cổ. Người ta bảo có tình anh em máu mủ giữa những người được nuôi từ cùng một bầu vú. Mày có biết điều đó không?

Một hồi ước:

“Lũ trẻ, mỗi đứa một đồng rupia. Mỗi đứa chỉ một rupia thôi, và ta sẽ vén bức màn sự thật.” Ông già ngồi dựa vào bờ tường đất. Đôi mắt mù loà của ông như bạc nấu chảy bám chặt sâu hoắm bên trong, hai chiếc hố sinh đôi. Cúi xuống chiếc gậy chống, ông thầy bói xoa xoa bàn tay xương xẩu lên đôi má hõm của mình. Bàn tay khum lại trước mặt chúng tôi. “Không mất nhiều để hỏi sự thật đâu, chỉ một rupia mỗi cháu thôi, phải không nào?” Hassan bỏ một đồng vào lòng bàn tay như da thuộc. Tôi cũng bỏ một đồng vào. “Nhân danh Thánh Allah đại phúc đức đại nhân từ”, ông thầy bói già lẩm bẩm. Ông cầm bàn tay của Hassan trước, lấy một móng tay cứng như sừng cào gan bàn tay cậu, cào quanh rồi lại quanh. Rồi ngón tay uế oải đưa lên mặt Hassan, từ từ vạch theo đường cong đôi má, đường viền của môi, làm thành một âm thanh sồn sột khô khan. Những ngón tay thành chai của ông cọ phải mắt của Hassan. Bàn tay dừng ở đó. Nấn ná. Một bóng mờ lướt qua khuôn mặt ông già. Hassan và tôi liếc nhìn nhau. Ông già nắm lấy tay Hassan và trả lại đồng rupia vào lòng bàn tay cậu, ông quay lại phía tôi. Ông nói: “Còn cậu thế

nào, anh bạn trẻ?” Bên kia bức tường một con gà trống gáy. Ông già giơ tay nắm tay tôi và tôi rụt lại.

Một giấc mơ:

Tôi bị lạc trong một trận bão tuyết, gió gào rít ném những bông tuyết lạnh buốt vào tôi. Tôi loạng choạng lê bước dưới những lớp tuyết trắng trợt. Tôi kêu cứu, nhưng gió dập những tiếng kêu của tôi đi. Tôi ngã và nằm thở hổn hển trên tuyết, chìm trong màu trắng, gió hú trong tai tôi. Tôi nhìn tuyết vùi xoá dấu chân tôi. Tôi nghĩ, giờ thì ta đã là một con ma, con ma không có dấu chân. Tôi lại kêu vẳng lên, niềm hy vọng ờ nhạt theo dấu chân tôi. Nhưng lần này, một tiếng ú ớ đáp lại. Tôi che mắt và tìm cách ngồi dậy. Tôi thoáng nhìn thấy, ngoài lớp màn tuyết đang đu đưa, một cái gì đó chuyển động, một cơn gió sắc màu. Một hình bóng thân quen hiện ra. Một bàn tay vươn ra cho tôi. Tôi nhìn thấy mấy vết cứa sâu, song song với nhau trong gan bàn tay, máu đang nhỏ, vấy đỏ lên tuyết. Tôi nắm lấy bàn tay và bắt chợt tuyết biến mất. Chúng tôi đang đứng trên một cánh đồng táo đầy cỏ xanh với những sợi mây mỏng trôi dạt bên trên. Tôi nhìn lên và thấy trời quan đầy những chiếc điều, xanh, vàng, đỏ, da cam. Chúng lung linh trong ánh sáng ban chiều.

*

* *

Một đồng phế thải, gạch vụn vôi vữa đổ bừa trên lối ngõ. Lớp xe đạp cũ, chai lọ bóc nhãn, những tạp chí rách nát, những nhật báo ngả vàng, tất cả rải rác giữa một đồng gạch và mảnh sắc xi-măng. Cái lò sưởi gang han gỉ với một lỗ thủng ở thành lò, nghiêng nghiêng dựa vào tường. Nhưng có hai vật giữa đồng rác thải đó mà tôi không thể không nhìn: Một thứ là chiếc điều xanh dựng vào tường sát với cái lò sưởi gang, thứ nữa là chiếc quần dài nhung tằm màu nâu của Hassan ném trên đồng gạch cũ.

- Tôi không biết, – Wali đang nói. – Bố tôi bảo thế là có tội – Giọng nó tỏ ra không chắc chắn, đồng thời hồi hộp và khiếp sợ. Hassan nằm, cầm cầm xuống đất. Wali và Kamal mỗi đứa kẹp chặt một cánh tay, vắn cong khuỷu tay để hai tay Hassan ép vào sau lưng. Assef đứng bên chúng theo dõi, gót ủng đi tuyết của nó nghiêng lên gáy của Hassan.

- Bố mày cũng không biết được đâu, – Assef nói. – Và chẳng có gì là tội lỗi khi dạy cho con lừa lái xước một bài học.- Tôi không biết, – Wali lẩm bẩm.- Tuỳ mày, – Assef nói rồi quay lại Kamal. – Còn mày thế nào?

- Tôi... ờ...

- Chỉ là một thằng Hazara, – Assef nói. Nhưng Kamal vẫn nhìn đi đâu.

- Thôi được, – Assef sốt ruột nói. – Tất cả những gì tao muốn lũ yếu như sên chúng mày làm là ghi chặt nó xuống. Có làm được không?

Wali và Kamal gật đầu. Chúng có vẻ yên tâm hơn.

Assef quỳ xuống phía sau Hassan, đưa hai tay lên háng Hassan lột trần đôi mông của cậu ra. Nó vẫn để một tay lên lưng Hassan, và tay kia tháo khoá dây lưng của nó, mở khoá kéo quần bò của nó. Ném quần lót của nó xuống. Nó quỳ sát phía sau Hassan. Hassan không chống lại. Cũng không rên rỉ. Cậu hơi ngóc đầu lên, và tôi lờ mờ thấy khuôn mặt cậu ấy. Thấy sự cam chịu trên đó. Đó là một cái nhìn tôi từng thấy trước đây. Đó là cái nhìn của con cừ non.

Ngày mai là ngày thứ Mười của Dhul Hijjah, tức tháng cuối theo lịch đạo Hồi, cũng là ngày đầu của lễ ba ngày Eid Al-Adha, hay Eid-e-Qorban như người Afghan vẫn gọi – ngày để tôn vinh nhà tiên tri Ibrahim suýt nữa đã hy sinh con trai mình cho Thượng đế. Baba năm nay đã lại tự tay chọn ra một con cừ nữa, một con đốm trắng với hai tai cúp màu đen.

Tất cả chúng tôi đều đứng ở sân sau, Hassan, Ali, Baba và tôi. Ông giáo sĩ đọc kinh cầu nguyện, vò râu mình. Baba lẩm bẩm. Tiếp tục lẩm bẩm chẳng ai nghe rõ. Ông tỏ vẻ phiền với việc cầu nguyện dài dòng này, cái nghi lễ làm món thịt halal. Baba nhạo báng câu chuyện đằng sau lễ Eid này, giống như ông vẫn nhạo báng mọi thứ mang màu sắc tôn giáo. Nhưng ông tôn trọng truyền thống của lễ Eid-e-Qorban. Tục lệ là chia thịt ra thành ba, một phần cho gia đình, một phần cho bạn hữu, một phần cho người nghèo. Năm nào, Baba cũng đem tất cả cho người nghèo. Người giàu béo đủ rồi, ông bảo thế.

Giáo sĩ kết thúc bài cầu kinh. Ameen. Ông chọn con dao bếp có lưỡi dài. Tục lệ là không được để con cừ nhìn thấy con dao. Ông Ali cho con vật ăn một miếng đường, một tục lệ khác, để làm cho cái chết ngọt ngào hơn. Con cừ đá chân, nhưng không nhiều. Giáo sĩ nắm lấy phía dưới

xương hàm nó và kè lưỡi dao vào cổ. Đúng một giây trước khi ông cắt họng con cừu bằng một động tác sành sỏi, tôi nhìn thấy mắt con cừu. Đó là cái nhìn ám ảnh những giấc mơ của tôi suốt nhiều tuần lễ. Tôi không hiểu tại sao tôi lại quan sát cái nghi lễ hàng năm này ở sân sau. Những cơn ác mộng của tôi cứ kéo dài mãi sau khi vết máu trên cỏ đã phai màu. Nhưng tôi vẫn cứ quan sát. Tôi quan sát vì cái nhìn chấp thuận trong đôi mắt con vật. Tôi tưởng tượng con vật hiểu rằng cái chết sắp đến của mình là vì một mục đích cao cả hơn. Đó là cái nhìn...

*

* *

Tôi ngừng quan sát, quay ra khỏi ngõ. Một cái gì âm ỉ đang chảy xuống cổ tay tôi. Tôi chớp chớp mắt, thấy mình vẫn còn đang cắn nắm đấm, mạnh đến bật máu từ những đốt ngón tay. Tôi nhận ra một cái gì khác. Tôi đang khóc. Đúng tới gần cho rồi, tôi nghe thấy tiếng hự hự đều nhịp và nhanh của Assef. Tôi có một cơ may cuối cùng để ra quyết định. Một cơ hội tối hậu để quyết định tôi sẽ là người thế nào. Tôi có thể bước vào cái ngõ đó hỗ trợ Hassan – đúng như cái cách cậu ấy đã từng giải cứu tôi mọi lần trong quá khứ – và chấp nhận bất cứ chuyện gì xảy ra với mình. Hoặc tôi chạy trốn.

Cuối cùng, tôi chạy trốn.

Tôi chạy trốn bởi vì tôi là một thằng hèn. Tôi sợ Assef và tất cả những gì nó có thể làm đối với tôi. Tôi sợ bị đánh. Đó là những gì tôi đã tự nhủ lúc tôi quay ra khỏi cái ngõ đó. Tôi thực sự cảm nhận được sự hèn hạ, bởi vì lý do có thật và duy nhất khiến tôi chạy trốn là Assef có lý: Không có gì cho không trên đời này. Có thể Hassan là cái giá tôi phải trả, con cừu non tôi phải giết hại để giành được Baba. Phải chăng đó là cái giá tương xứng? Câu trả lời bỗng bành trôi dạt đến trí não tỉnh táo của tôi trước khi tôi có thể gạt đi: Cậu ấy chỉ là một thằng Hazara, chẳng phải thế ư?

Tôi chạy về theo con đường tôi đã đến, chạy khỏi cái khu phố chợ hầu như hoang vắng ấy. Tôi loạng choạng chạy đến một quầy hàng, dựa người vào cánh cửa có khoá móc đang lắc lư. Tôi đứng đó thở hổn hển, mồ hôi vã ra, mong sao mọi chuyện khác đi.

Khoảng mười lăm phút sau, tôi nghe thấy những tiếng nói và tiếng bước chân. Tôi nép người sau cái quày và thấy Assef cùng hai thằng kia chạy vụt qua, cười cợt khi chúng vội vã rút khỏi cái ngõ hoang vắng ấy. Tôi miễn cưỡng đợi thêm mười phút nữa. Rồi tôi bước chân quay lại cái lối đi đầy vết bánh xe dọc theo khe suối đầy tuyết. Tôi liếc nhìn trong ánh sáng mờ mờ và phát hiện ra Hassan đang bước chậm rãi về phía tôi. Tôi gặp cậu bên một cây phong trụ lá trên bờ suối.

Cậu cầm chiếc điều xanh trong hai tay, đó là vật đầu tiên tôi nhìn thấy. Và bây giờ tôi không thể dối trá mà bảo rằng, mắt tôi không liếc nhìn mấy vết rách. Áo chapan của cậu đầy những vết bùn hoen bẩn ở phía trước và áo sơ mi bị xé toạc đến tận cổ. Cậu dừng lại. Chân lão đảo như sắp gục ngã. Rồi tự đứng vững được, trao cho tôi chiếc điều.

- Cậu ở đâu? Tôi đã đi tìm cậu, – Tôi nói. Thốt ra những lời đó như đang nhai đá.

Hassan kéo ống tay áo đưa lên ngang mặt, lau nước mũi và nước mắt. Tôi đợi cho cậu nói một điều gì, nhưng chúng tôi chỉ đứng đó trơ trơ trong im lặng, trong ánh sáng mờ nhạt. Tôi phải biết ơn bóng tối đến sớm đổ lên khuôn mặt Hassan và che mặt tôi đi. Tôi lấy làm mừng vì tôi đã không nhìn trả lại cái nhìn chăm chăm của cậu. Cậu có biết tôi biết không? Và nếu cậu biết, thì liệu tôi sẽ thấy gì nếu phải nhìn vào đôi mắt của cậu? Trách mắng? Tức giận? Hoặc, cầu Thượng đế ngăn lại, những gì tôi sợ nhất: sự tận tuỵ ngây thơ? Hơn tất cả mọi thứ, đó là điều mà tôi không thể nhìn nổi.

Cậu định nói một điều gì đó, nhưng giọng nghẹn lại. Cậu mím miệng, mở miệng, rồi lại mím chặt lại. Lùi một bước. Lau mặt. Đó là tất cả những gì Hassan và tôi từng đã động đến về chuyện đã xảy ra trong cái ngõ ấy. Tôi nghĩ cậu sẽ bật khóc, nhưng cậu không thể, khiến tôi an tâm, và tôi vờ như không nghe thấy tiếng nghẹn tắc trong giọng cậu. Hết như tôi giả vờ không trông thấy vết bẩn ở đũng quần cậu. Hoặc những giọt nhỏ xíu đó nhỏ xuống từ giữa hai chân cậu làm vấy bẩn mặt tuyết.

“Agha sahib sẽ lo lắng” là tất cả những gì cậu nói. Cậu ngoảnh đi và khập khiễng rời khỏi chỗ tôi.

*

* *

Chuyện đó xảy ra đúng như tôi tưởng tượng.

Tôi mở cửa phòng đọc đầy khói thuốc và bước vào. Baba và chú Rahim Khan đang uống trà, vừa nghe tin tức bị nhiễu trên radio. Những cái đầu quay lại. Rồi một nụ cười nở trên đôi môi cha tôi. Ông dang hai cánh tay ra. Tôi đặt chiếc điều xuống, và bước vào hai cánh tay mập mạp lông lá của ông. Tôi vùi mặt vào hơi ấm ngực ông và khóc. Baba ôm chặt lấy tôi, lắc qua lắc lại, lắc lui lắc tới người tôi. Trong cánh tay ông, tôi quên những gì tôi đã làm. Và thế cũng hay.

Chương 8

Liên một tuần lễ, tôi hầu như không gặp Hassan. Tôi thức dậy đã thấy bánh nướng, trà pha sẵn, một quả trứng luộc trên bàn ăn. Quần áo tôi ngày hôm ấy đã được là và gấp lại, để trên chiếc ghế mây trong tiền sảnh, chỗ Hassan thường là quần áo. Cậu ấy vẫn quen đợi tôi ngồi vào bàn ăn điểm tâm trước khi bắt đầu là, để chúng tôi có thể chuyện trò. Vẫn thường hát nữa, át tiếng réo của bàn là hơi, hát những bài ca Hazara cổ về những cánh đồng hoa tuy líp. Bây giờ chỉ còn đồng quần áo đã gấp đón chào tôi. Thế thôi, và bữa điểm tâm tôi hiếm khi ăn hết.

Một buổi sáng âm đạm, trong khi tôi đang lăn lăn quả trứng luộc trên chiếc đĩa của tôi, ông Ali bước vào, bê theo một ôm củi chẻ rời. Tôi hỏi ông Hassan đang ở đâu.

- Nó lại về ngủ rồi, – Ali vừa nói vừa quỳ xuống trước lò sưởi ông kéo cánh cửa lò vuông nhỏ mở ra.

Liệu Hassan có thể chơi hôm nay không?

Ông Ali dừng lại với khúc củi trong tay. Một cái nhìn lo lắng hiện lên khuôn mặt ông.

- Gần đây, tất cả những gì nó muốn là ngủ. Nó vẫn làm những việc lật vạt. – Tôi trông chừng nó mà – nhưng sau rồi nó chỉ muốn chui vào chăn. Tôi có thể hỏi cậu một điều không?

- Nếu ông cần hỏi.

- Sau cuộc thi đấu đấu, nó về nhà, chảy máu đôi chút, áo sơmi rách toạc. Tôi hỏi nó, xảy ra chuyện gì, nó nói chẳng có chuyện gì, xô xát đôi chút với mấy đứa về cái điều thôi.

Tôi không nói gì. Chỉ tiếp tục lăn lăn quả trứng trên chiếc đĩa của tôi.

- Amir agha, đã xảy ra chuyện gì với nó ư? Chuyện gì mà nó không nói cho tôi biết?

Tôi nhún vai:

- Tôi làm sao biết được?

- Cậu nên nói cho tôi biết, phải không nào? Inshallah, lạy trời cậu sẽ nói cho tôi biết, nếu đã xảy ra chuyện gì phải không?

- Như tôi đã nói đấy, làm sao tôi biết được chuyện gì xảy ra với cậu ấy? – Tôi sốt ruột bảo. – Có thể cậu ấy ốm. Ông Ali, mọi người

vẫn thường ốm đấy thôi. Lúc này tôi đang sắp chết cóng đây, hôm nay ông có định đốt lò lên không?

Đêm đó, tôi hỏi Baba liệu thứ Sáu này, tôi có thể đi Jalalabad không. Ông đang xoay xoay trên chiếc ghế quay đệm da đằng sau bàn viết, đọc một tờ nhật báo. Ông đặt báo xuống, bỏ đôi kính lão mà tôi không ưa chút nào ra. – Baba chưa già, không già chút nào và Baba còn sống nhiều năm nữa, vậy tại sao ông cứ phải đeo đôi kính vớ vẩn ấy?

- Sao lại không! – Ông nói. Gần đây Baba đồng ý với tôi mọi yêu cầu của tôi. Không chỉ có thế, đúng hai đêm trước đây, ông hỏi tôi liệu tôi có muốn xem phim El cid[33] với Charlton Heston ở rạp chiếu phim Aryana không.

- Con có muốn bảo Hassan đi cùng đến Jalalabad không?

Tại sao Baba lại phải làm hồng chuyến đi như thế?

- Cậu ấy đang marez[34], – tôi nói. – Cảm thấy không được khoẻ.

- Thật ư? – Baba ngừng xoay đi xoay lại trong chiếc ghế – Có chuyện gì với nó ư?

Tôi nhún vai và ngồi thụt vào chiếc sofa bên lò sưởi:

- Cậu ấy bị cảm lạnh hoặc một bệnh gì đó. Ông Ali bảo, cậu ấy đang ngủ cho đỡ hơn.

- Bố không hay gặp Hassan, mấy ngày gần đây, – Baba nói. – Vậy có đúng chỉ là bị lạnh không?

Tôi không khỏi cảm ghét cách ông nhúu lông mày lại tỏ ra lo lắng.

- Chỉ là bị lạnh thôi. Vậy thứ Sáu chúng ta đi chứ, Baba?

- Ừ, ừ, – Baba vừa nói vừa vờ ra khỏi bàn làm việc – Tội cho Hassan quá. Bố nghĩ nếu nó đi cùng con có thể được vui hơn.

- Ồ, cả hai chúng ta có thể vui với nhau, – tôi nói.

Baba mỉm cười. Nháy mắt. Rồi nói:

- Mặc ấm vào.

Lẽ ra đã chỉ có hai chúng tôi thôi – tôi muốn như thế – thì tới tối thứ Tư, Baba đã thu xếp mời thêm hai tá người khác nữa. Ông gọi cho người anh họ Homayoun và nói ông sắp đi Jalalabad thứ Sáu này. Homayoun đã từng học chế tạo máy ở Pháp, có một ngôi nhà ở Jalalabad, nói rằng anh vẫn thích tất cả mọi người qua đấy, và anh sẽ đem theo lũ trẻ, hai bà vợ, rồi khi anh ở đó, thì cô em họ Shafiqah và gia đình cô từ Herat cũng

tới thăm, có thể cô sẽ thích đi cùng họ, và vì cô đang ở với anh họ Nader ở Kabul, gia đình ông anh cũng phải được mời, mặc dù Homayoun và Nader còn một chút cừ thù cố hữu, và nếu Nader được mời, chắc chắn người em trai Faruq cũng phải được mời, nếu không sẽ cảm thấy bị xúc phạm và anh ta có thể sẽ không mời họ dự lễ cưới con gái mình vào tháng sau, và...

Chúng tôi ngồi đầy ba chiếc xe. Tôi ngồi cùng xe với Baba, Rahim Khan và Kaka Homayoun – Baba đã dạy tôi từ lúc còn nhỏ, phải gọi bất kỳ họ hàng đàn ông lớn tuổi hơn nào bằng Kaka, hoặc chú bác, bất kỳ họ hàng đàn bà lớn tuổi hơn nào bằng Khala, hoặc cô dì. Hai người vợ Kaka Homayoun cũng ngồi cùng xe với chúng tôi. Người vợ nhiều tuổi hơn có một bộ mặt nhăn nhó với những mụn cóc trên hai bàn tay, người vợ trẻ lúc nào cũng sực nức mùi nước hoa, còn luôn khiêu vũ với đôi mắt nhắm nghiền – hai đứa con gái sinh đôi của Kaka Homayoun cũng vậy. Tôi ngồi ở hàng sau, say xe và chóng mặt, bị kẹp như chiếc bánh sandwich giữa hai đứa con gái sinh đôi bảy tuổi, cứ đè qua đùi tôi để phát vào người nhau. Con đường đi đến Jalalabad là chặng đường vất vả, hai giờ đồng hồ ngoằn ngoèo dọc theo những dốc núi dựng đứng, và bụng tôi nôn nao ở mỗi chỗ ngoặt gấp. Từng người trong xe đều trò chuyện, trò chuyện âm ỉ và cùng lúc gần như rít lên, như người Afghan thường nói. Tôi hỏi một trong hai chị em sinh đôi – Fazila hoặc Karima, tôi chẳng bao giờ có thể biết tên nào vào với tên nào – xem có thể đổi chỗ ngồi gần cửa xe cho tôi, để tôi có thể thở hít khí trời vì tôi bị say xe. Nó thè lưỡi ra và bảo không. Tôi bảo nó, tốt thôi, nhưng tôi sẽ không thể chịu trách nhiệm về việc nôn vào bộ váy áo mới của nó. Một phút sau, tôi thò đầu ra ngoài cửa xe. Tôi ngắm con đường ven vực thăm lên lên xuống xuống, ngoằn ngoèo theo sườn núi, và đếm những chiếc xe tải nhiều màu, nhồi chặt cứng những người ngồi xồm, bị vượt qua. Tôi cố nhắm mắt lại, mặc cho gió tạt vào hai má, mở miệng để nuốt không khí trong sạch. Tôi vẫn không cảm thấy khá hơn. Một ngón tay thọc vào sườn tôi. Chắc là Fazila/Larima gì đó. Tôi hỏi:

- Cái gì?

- Bố vừa kể cho mọi người về cuộc thi đấu – Baba nói, từ sau tay lái.

Kaka Homayoun và hai bà vợ từ hàng ghế giữa mỉm cười với tôi.

- Hôm đó phải đến một trăm chiếc điều hả? – Baba nói. – Có đúng thế không, Amir?

- Con đoán phải thế, – tôi lúng búng.

- Một trăm chiếc điều, Homayoun jan. Không laaf đâu. Và chiếc duy nhất còn bay vào phút cuối của ngày hôm đó là điều của Amir. Nó có 67 chiếc điều cuối cùng bị hạ ở nhà ấy, một chiếc điều xanh đẹp. Hassan và Amir cùng đuổi bắt đấy.

- Chúc mừng, – Kaka Homayoun nói. Người vợ cả, người có những mụn cóc, vỗ tay, “Wah wah[35]! Chà chà! Amir jan, tất cả chúng ta rất tự hào về cháu!”. Người vợ trẻ cùng phụ hoạ theo. Rồi tất cả đều vỗ tay, ca ngợi âm ỉ, bảo tôi đã khiến cho bọn họ tự hào. Chỉ mỗi chú Rahim Khan, ngồi trên ghế khách cạnh Baba là im lặng. Chú chăm chăm nhìn vào tôi rất lạ.

- Baba, đỗ xe lại đi, – tôi nói.

- Gì vậy?- Con say xe, – tôi lúng búng, ngả người vào thành ghế, ép chặt vào hai cô con gái của Kaka Homayoun. Mặt của Fazila/Karima nhăn lại, chúng kêu nheo nheo.

- Đỗ lại đi Kaka! Mặt anh ấy vàng ra rồi! Cháu không muốn anh ấy phun vào bộ áo mới của cháu!

Baba cho xe đỗ lại, nhưng tôi không nôn. Vài phút sau, tôi ngồi trên một tảng đá bên đường trong khi mọi người ra khỏi xe hít thở. Baba đang hút thuốc với Kaka Homayoun, ông này bảo Fazila/Karima đừng khóc nữa và sẽ mua cho một bộ váy áo mới ở Jalalabad. Tôi nhắm mắt lại, quay mặt về phía mặt trời. Những bóng hình nho nhỏ hình thành sau bờ mi tôi, như trò chơi dùng tay tạo bóng trên tường. Chúng xoắn lại, hoà vào nhau, tạo thành một hình ảnh duy nhất: chiếc quần nhưng kẻ màu nâu bị tụt ra vút trên đồng gạch cũ trong cái ngõ.

Ngôi nhà hai tầng trắng của Kaka Homayoun ở Jalalabad có một ban công nhìn bao quát cả khu vườn rộng có tường ngăn, trồng táo và hồng quả. Ở đó có những bờ giậu mà về mùa hè người làm vườn uốn tĩa thành những con vật và một bể bơi với gạch lát màu ngọc bích. Tôi ngồi trên bờ bể bơi cạn nước, ngoại trừ những lớp tuyết đang tan ở dưới đáy, chân đứng đưa trong bể. Lũ trẻ nhà Kaka Homayoun đang chơi trò trốn tìm ở cuối sân. Những người phụ nữ đang nấu ăn và tôi ngửi thấy mùi hành

phi, nghe thấy tiếng phù phù của bếp ga, tiếng nhạc và tiếng cười. Baba, chú Rahim Khan, Kaka Homayoun và Kaka Nadel đang ngồi trên bao lơn hút thuốc. Kaka Homayoun đang nói cho họ rằng ông mang theo máy chiếu để xem ảnh chụp nước Pháp. Đã mười năm kể từ ngày ông rời khỏi Paris và ông vẫn chiếu những bức ảnh ngớ ngẩn đó.

Nhẽ ra không nên cảm thấy thế này. Baba và tôi cuối cùng đã thân thiết với nhau. Chúng tôi đã đến vườn thú vài ngày trước xem con sư tử Marjan, và tôi đá ném mạnh một viên sỏi vào con gấu khi không có ai để ý. Sau đó chúng tôi đã đến Nhà hàng Kabob của Dadkhoda ở phía bên kia Công viên Điện ảnh, ăn món cừu kabob cùng bánh naan mới nướng từ lò nướng tandoor[36]. Baba kể cho tôi nghe chuyện về những chuyến đi Ấn Độ và sang Nga của ông, những người dân ông đã gặp, như một cặp vợ chồng cụt tay cụt chân ở Bombay đã cưới nhau được bốn mươi bảy năm và nuôi lớn mười một đứa con. Được trải qua một ngày như thế với Baba, nghe những chuyện của ông, nhẽ ra phải vui. Cuối cùng tôi đã có những gì tôi muốn suốt những năm đó. Chỉ trừ giờ đây tuy đã có nó, nhưng tôi lại cảm thấy rỗng tuếch như cái bể bơi bị bỏ quên mà tôi đang dùng đưa đôi chân vào này.

Các bà vợ và mấy cô con gái phục vụ bữa tối – cơm, thịt viên kofta, qurma gà giò – lúc mặt trời lặn. Chúng tôi ăn tối theo lối truyền thống, ngồi trên những tấm đệm nhỏ quanh phòng ăn, khăn ăn trải trên sàn, ăn bốc theo từng mâm bốn năm người một. Tôi không đói nhưng cũng ngồi xuống ăn lấy lệ cùng Baba, Kaka Faruq, và hai con trai của Kaka Homayoun. Baba đã làm một chút scotch trước khi ăn, vẫn đang huênh hoang về cuộc thi đấu điều, tôi đã bay lâu hơn tất cả như thế nào, tôi đã trở về nhà cùng với chiếc điều cuối cùng bị hạ ra sao. Giọng nói như bom nổ của ông át hết cả phòng. Mọi người đều ngẩng đầu lên khỏi mâm thức ăn hò reo chúc mừng. Kaka Faruq dùng bàn tay sạch vỗ vỗ vào lưng tôi. Tôi cảm thấy như bị đâm dao vào mắt.

Sau đó, lúc quá nửa đêm, sau mấy giờ chơi bài poke giữa Baba và những người họ hàng, đàn ông nằm ngủ trên những chiếc đệm trải song song vẫn trong cái phòng chúng tôi ăn tối, đàn bà lên trên gác. Một giờ sau tôi vẫn không ngủ được. Tôi lăn bên nọ, quay bên kia trong khi

những người họ hàng tôi, ư ử thờ dài, ngáy trong khi ngủ. Tôi ngồi dậy. Một mảnh trăng lùa qua cửa sổ.

- Mình đã chứng kiến Hassan bị hiếp, – tôi nói

- chẳng với ai. Baba cựa quậy trong giấc ngủ. Kaka Homayoun ư ử.

Một phần con người tôi mong ai đó tỉnh giấc, và nghe thấy, để tôi sẽ không phải sống với sự dối trá này thêm nữa. Nhưng không ai tỉnh dậy và trong sự im lặng tiếp theo, tôi hiểu ra bản chất lời nguyện mới của tôi: Tôi sẽ phải xoay xở để thoát khỏi chuyện đó.

Tôi nghĩ tới giấc mơ của Hassan, giấc mơ chúng tôi bơi trong một cái hồ. Không có quý nào hết, cậu đã nói, chỉ có nước thôi. Trừ phi cậu đã nhằm về điều đó. Có một con quý ở trong hồ. Nó đã túm lấy hai mắt cá chân Hassan, kéo tụt cậu xuống dưới đáy hồ tăm tối. Tôi là con quý đó.

Đó là cái đêm tôi trở thành người mất ngủ.

Tôi không nói chuyện với Hassan mãi tới tận giữa tuần sau. Tôi chỉ mới ăn hết nửa bữa trưa, và Hassan đang làm những món ăn cho tôi. Tôi đang bước lên gác để về phòng tôi thì Hassan hỏi tôi có muốn đi bộ lên đồi không. Tôi bảo tôi mệt. Hassan trông cũng mệt – cậu sút cân và những quầng thâm xuất hiện dưới đôi mắt lồi lên của cậu. Nhưng khi cậu hỏi lại, tôi miễn cưỡng đồng ý.

Chúng tôi vất vả leo lên đồi, ửng của chúng tôi lép nhép trong bùn tuyết. Chẳng ai trong chúng tôi nói gì. Chúng tôi ngồi dưới gốc cây lựu quen thuộc, và tôi biết tôi đã làm một việc sai lầm. Lẽ ra tôi không được lên đồi. Những chữ tôi đã khắc lên thân cây bằng con dao bếp của ông Ali: Amir và Hassan: Hai Sultan của Kabul. Lúc này tôi không chịu nổi khi nhìn vào chúng.

Cậu nhờ tôi đọc cuốn Shahnamah cho cậu nghe và tôi bảo cậu tôi đã đổi ý. Bảo tôi chỉ muốn về phòng. Cậu nhìn đi chỗ khác, nhún vai. Chúng tôi bước xuống con đường ban nãy chúng tôi vừa mới leo lên: trong im lặng. Và lần đầu tiên trong đời tôi không thể đợi đến mùa xuân.

Ký ức về phần còn lại của mùa đông năm 1975 ấy hầu như mờ mịt. Tôi nhớ, tôi khá sung sướng khi Baba ở nhà. Chúng tôi ăn cùng, cùng đi xem phim, thăm Kaka Homayoun hay Kaka Faruq. Đôi khi chú Rahim Khan đến thăm và Baba cho phép tôi ngồi trong phòng đọc của ông, uống trà cùng hai người. Ông cũng đã để tôi đọc cho ông nghe một trong

số những truyện tôi viết. Thật là sung sướng, và tôi muốn như thế mãi mãi. Và tôi tin Baba cũng tin như thế. Cả hai chúng tôi hẳn đã hiểu nhau hơn. Ít nhất vài tháng sau cuộc đấu diều, Baba và tôi đã hoà quyện vào nhau trong một ảo tưởng ngọt ngào, nhìn nhau theo cách trước đây chúng tôi chưa từng có. Chúng tôi thực tế đã lừa dối nhau đến mức nghĩ rằng, một thứ đồ chơi làm bằng giấy dai, keo dán, và tre, theo cách nào đó có thể lấp kín được hố sâu ngăn cách giữa chúng tôi.

Nhưng khi Baba đi vắng – mà đi vắng rất thường xuyên, tôi lại tự nhốt mình trong phòng riêng. Cứ đôi ba ngày tôi lại đọc hết một quyển sách, viết truyện ngắn, học cách vẽ ngựa. Tôi thường nghe thấy tiếng chân Hassan loẹt quẹt quanh bếp vào buổi sáng, tiếng leng keng của dao đĩa bạc, tiếng phì hơi của ấm đun trà. Tôi thường đợi cho đến khi nghe thấy tiếng đóng cửa lúc đó tôi mới đi xuống ăn sáng. Trên tờ lịch của tôi, tôi khoanh tròn đánh dấu ngày vào năm học, và bắt đầu đếm ngược. Hassan vẫn cố nhen nhóm lại mọi chuyện giữa chúng tôi làm tôi phát ngán. Tôi nhớ lần cuối cùng. Tôi đang ở trong phòng đọc một bản dịch văn tắt bằng tiếng Farsi truyện Ivanhoe[37], thì cậu gõ cửa.

- Chuyện gì đấy?

- Tôi định đến hiệu bánh mua bánh naan, – cậu nói ở ngoài cửa. – Tôi không biết liệu cậu... liệu cậu có muốn đi cùng không.

- Tôi nghĩ tôi chỉ định đọc sách. – Tôi nói, xoa xoa hai bên thái dương. Ít lâu nay, mỗi khi Hassan đến gần, tôi lại nhức đầu.

- Hôm nay là ngày nắng đẹp, – cậu nói.

- Tôi biết.

- Đi dạo một chút cũng thú đấy.

- Cậu cứ đi.

- Nhưng tôi muốn cậu đi cùng, – cậu nói. Rồi dừng lại. Một cái gì đó đâm sầm vào cánh cửa, có thể là trán cậu ấy. – Tôi không biết tôi đã làm gì, Amir agha. Tôi mong cậu nói cho tôi biết. Tôi không hiểu tại sao chúng ta lại không chơi với nhau nữa.

- Cậu chẳng làm gì cả. Cứ đi đi.

- Cậu có thể nói cho tôi biết. Tôi sẽ thôi không thế nữa.

Tôi gục đầu xuống lòng mình, hai đầu gối kẹp chặt hai bên thái dương, như một cái bệ kẹp, hai mắt bị ép nhắm lại và nói:

- Tôi sẽ bảo cho cậu biết điều tôi muốn cậu thôi đừng làm.
- Gì cũng được.
- Tôi muốn cậu đừng quấy rầy tôi. Tôi muốn cậu xéo khỏi đây, – tôi cáu tiết nói. Tôi mong cậu trả đũa tôi ngay, đẩy bật cửa, nói thẳng ra với tôi – như thế mọi chuyện sẽ dễ dàng hơn, tốt hơn. Nhưng cậu lại không làm bất cứ điều gì như thế, và mấy phút sau – tôi mở cửa, cậu không còn đấy nữa. Tôi ngã vật xuống giường, vùi mặt dưới gối và khóc.

Từ đó trở đi Hassan chỉ loanh quanh ở vòng ngoài cuộc đời tôi. Tôi sắp xếp mọi việc trong ngày để đảm bảo chúng tôi gặp mặt nhau càng ít càng tốt. Bởi vì khi cậu quanh quẩn bên tôi, khí trời rò rỉ hết khỏi phòng. Ngực tôi thắt lại và tôi không thể hít thở đủ không khí. Tôi thường đứng đó, thở hỗn hển trong cái bong bóng bị hút hết khí trời bé nhỏ của riêng tôi. Nhưng ngay cả khi không còn quanh quẩn, cậu vẫn như thấp thoáng đâu đây. Cậu ở đó trong bộ quần áo giặt bằng tay và được là phẳng, trên chiếc ghế mây, đôi dép lê ấm áp để ngoài bậc cửa, bên củi sưởi rực cháy trong lò khi tôi xuống ăn điểm tâm. Tôi ngoảnh đi đâu cũng thấy những dấu hiệu lòng trung thành của cậu, lòng trung thành trơ trơ, trời đánh thánh vật của cậu.

Đầu mùa xuân đó, vài ngày trước khi bắt đầu năm học mới, Baba và tôi trồng hoa tulíp ở trong vườn. Tuyết đã tan gần hết, và những dãy đồi phía Bắc đã lốm đốm những đám cỏ xanh. Đó là một buổi sáng mát mẻ, hơi u ám, Baba đang ngồi xõm bên tôi, đào đất và trồng những củ cây tôi đưa cho ông. Ông đang nói cho tôi biết, phần lớn mọi người nghĩ trồng tulíp vào mùa thu sẽ tốt hơn, và điều đó không đúng như thế nào, dù tôi buột miệng nói ra:

- Baba, đã bao giờ Baba nghĩ đến chuyện thuê người ở mới chưa?
Ông ném củ hoa tulíp xuống, vùi cái bay vào đồng phân. Tháo bao tay làm vườn ra. Tôi đã làm ông giặt mình.
- Hả, con vừa nói cái gì?
- Con chỉ thắc mắc, có thể thôi.
- Tại sao ta lại muốn làm việc đó nhi? – Baba nói cộc lốc.
- Con đoán bố sẽ không mà. Đó chỉ là một câu hỏi thôi. – Tôi nói giọng nhí nhủ dần trở thành gần như tiếng thầm thì. Tôi thấy tiếc đã nói như thế.

- Có phải do chuyện con và Hassan không? Ta biết có chuyện gì đấy đang xảy ra giữa hai đứa, nhưng bất cứ thế nào, hai đứa cũng phải giải quyết với nhau, chứ không phải là ta. Ta đứng ngoài chuyện đó.

- Con xin lỗi Baba.

Ông lại đeo bao tay vào:

- Ta lớn lên cùng với Ali, – ông nói, rằng nghiêng lại. – Cha ta mang ông ấy về nhà, ông yêu Ali như chính con trai mình. Bốn mươi năm ông Ali từng sống với gia đình ta. Bốn mươi năm chết tiệt à? Và con nghĩ ta định đuổi ông ấy đi ư? – Lúc này ông quay lại tôi, mặt đỏ như hoa tui-líp. – Amir, ta chưa lần nào đụng tay vào người con, nhưng con mà nói như thế nữa... – Ông ngoảnh đi, lắc đầu. – Con làm ta xấu hổ. Và Hassan... Hassan sẽ chẳng đi đâu cả, con có hiểu không?

Tôi cảm mặt xuống và bốc một vốc tay đất lạnh. Để đất lọt qua kẽ ngón tay tôi.

- Ta nói, con có hiểu không? – Baba gầm lên.

Tôi giật thót:

- Có, thưa Baba...

- Hassan sẽ không đi đâu cả, – Baba ngắt lời. Ông lấy bay đào một hố mới, hất phân xuống mạnh hơn cần thiết. Nó sẽ ở ngay tại đây với chúng ta, nơi mà nó có quyền ở. Đừng bao giờ hỏi ta một câu như thế nữa.

- Con sẽ không hỏi, thưa Baba, con xin lỗi. Chúng tôi trồng nốt những củ tui-líp trong yên lặng.

Tôi thấy khuây khoả khi trường khai giảng, tuần sau đó. Bọn học sinh với những cuốn vở mới và bút chì vót nhọn trong tay, lang thang trong sân trường, đá bụi lên, chuyện gẫu từng nhóm, đợi các lớp trường thổi còi. Baba lái xe xuống cái ngõ đầy bụi dẫn đến cổng trường. Trường là một toà nhà hai tầng cũ kỹ với cửa kính vỡ và mờ đục, những lối đi rải sỏi, những vết loang lổ của lớp sơn tường đầu tiên màu vàng xỉn, vẫn còn lộ ra giữa nhiều lớp vôi vữa bị long tróc. Phần lớn lũ con trai đi bộ đến trường, và chiếc xe đen Mustang của Baba càng làm cho nhiều con mắt thêm thuồng. Nhẽ ra tôi phải tươi cười hãnh diện khi Baba cho tôi xuống xe – trước đây vẫn thường như thế – nhưng tất cả những gì tôi còn dám làm là thu mình lại hơi bối rối. Chỉ thế và trống rỗng. Baba lái xe đi không thèm tạm biệt tôi.

Tôi tránh không tham gia vào cái trò so sánh sẹo đấu điều và đứng vào hàng. Chuông reo, chúng tôi xếp thành đôi đều bước vào lớp học đã được phân. Tôi ngồi ở hàng ghế sau. Khi thầy giáo dạy tiếng Farsi phát cho chúng tôi sách giáo khoa, tôi nài xin ông cho tôi thật nhiều bài tập về nhà.

Trường học cho tôi cái cố để ở li hàng mấy tiếng đồng hồ trong phòng. Và trong một thời gian, nó cất khỏi tâm trí tôi những gì đã xảy ra mùa đông đó, những gì tôi đã để xảy ra. Mấy tuần liền, tôi để hết tâm trí vào trọng lực và lực mô men, nguyên tử và tế bào, cuộc chiến giữa Anh quốc và Afghanistan, thay vì nghĩ tới Hassan và những gì đã xảy ra với cậu. Nhưng, tâm trí tôi luôn luôn quay lại cái ngõ ấy, cái quần nhung kẻ màu nâu của Hassan vớt trên đồng gạch, và những giọt máu nhỏ vấy bẩn lên tuyết màu đỏ bầm, gần như đen lại.

Một buổi chiều mù sương, lãng đãng đầu hè năm đó, tôi rủ Hassan trèo lên đồi với tôi. Bảo với cậu tôi muốn đọc cho cậu nghe một truyện tôi mới viết. Cậu đang phơi quần áo ngoài sân và tôi thấy rõ nhiệt tình của cậu khi làm nhanh như ăn cướp cho xong công việc.

Chúng tôi vừa leo lên đồi vừa chuyện trò linh tinh với nhau. Cậu hỏi tôi về nhà trường, tôi học những gì, còn tôi nói về các thầy giáo của tôi, đặc biệt là giáo viên chính dạy toán, phạt học trò nói chuyện bằng cách kẹp một chiếc roi sắt giữa hai ngón tay rồi siết mạnh. Hassan nhăn mặt lại, nói mong tôi không bao giờ phải ném trái hình phạt đó. Tôi nói cho đến giờ tôi vẫn gặp may, dầu biết may mắn chẳng liên quan gì đến chuyện này. Tôi cũng đã dự phần nói chuyện trong lớp đấy chứ. Nhưng cha tôi giàu và mọi người đều biết ông, vì vậy tôi được tha xử phạt bằng roi sắt.

Chúng tôi ngồi dựa vào dây tường thấp của nghĩa trang, dưới bóng ngả của cây lựu. Một hay hai tháng nữa thôi, những đám cỏ dại úa vàng thường sẽ phủ kín sườn đồi, nhưng năm đó, mưa rào mùa xuân kéo dài hơn thường lệ, lấn sang cả mùa hè đến sớm, và cỏ vẫn còn xanh, lốm đốm những chùm hoa hướng dương. Phía dưới chỗ chúng tôi, những ngôi nhà mái bằng tường trắng nhạt nhoà trong ánh nắng mặt trời, đám quần áo giặt sạch phơi trên các dây phơi ở ngoài sân, bị gió nhẹ làm cho uốn lượn như những cánh bướm.

Chúng tôi hái xuống một tá quả lựu từ trên cây. Tôi mở cái truyện ngắn mang theo, lật trang đầu rồi đặt xuống. Tôi đứng dậy, nhặt một trái lựu chín rục rơi xuống đất.

- Cậu sẽ làm gì nếu tôi ném cậu bằng quả này? – Tôi vừa nói, vừa tung lên tung xuống quả lựu.

Nụ cười của Hassan héo rũ xuống. Cậu ấy trông già hơn là tôi nhớ. Không, không già hơn, mà già. Có thể thế chăng? Những đường khắc sâu lên khuôn mặt sạm nắng gió và những nếp nhăn viền quanh mắt, miệng của cậu. Cũng có thể chính tôi đã cầm một con dao và khắc những nếp nhăn ấy.

- Cậu sẽ làm gì? – Tôi nhắc lại.

Mặt cậu tái đi. Cạnh cậu, những trang giấy ghim chặt với nhau của cái truyện ngắn tôi đã hứa đọc cho cậu bay phần phật trong gió. Tôi ném mạnh quả lựu, trúng vào ngực cậu ấy, quả lựu vỡ ra, tung toé ruột đỏ. Tiếng khóc của Hassan đầy vẻ ngạc nhiên và đau đớn.

- Ném trả lại tôi đi! – Tôi cáu tiết. Hassan hết nhìn những vết bầm trên ngực mình lại nhìn tôi.

- Đứng lên! Đánh tôi đi! – Tôi nói.

Hassan vùng dậy nhưng chỉ đứng đó, trông sững sờ như một người bị sóng triều xoáy cuốn xuống đại dương, mà mới chỉ một lúc trước thôi còn đang thích thú tuyệt vời dạo chơi trên bãi biển. Tôi ném vào cậu một quả lựu khác, lần này trúng vai. Nước lựu bắn lên mặt cậu.

- Ném trả tôi đi! – Tôi khạc ra. – Ném trả đi, đồ trời đánh thánh vật!

Tôi mong cậu sẽ ném trả. Tôi mong cậu sẽ ném trả. Tôi mong cậu sẽ cho tôi sự trừng phạt mà tôi khát khao, như vậy có thể cuối cùng ban đêm tôi sẽ ngủ được. Có thể rồi mọi chuyện giữa chúng tôi sẽ trở lại như cũ. Nhưng Hassan vẫn không làm gì trong khi tôi tiếp tục ném túi bụi nữa, rồi lại nữa vào cậu.

- Cậu là một thằng hèn! – tôi nói. – Chẳng là gì hết ngoài một thằng hèn chết tiệt!

Tôi không biết tôi đã ném cậu bao nhiêu lần. Tất cả những gì tôi biết là cuối cùng khi tôi ngừng lại kiệt sức thở hỗn hển, Hassan bê bê trong màu đỏ, như bị bắn bằng một loạt súng. Tôi quy gối xuống mệt mỏi, kiệt sức, thất vọng. Thế rồi Hassan đã nhặt một quả lựu lên, bước về phía tôi,

bữa quả lựu ra và nghiền nát vào trán mình. khàn giọng nói: “Vào đây này!”, nước đỏ nhỏ xuống mặt cậu như máu. “Cậu đã thoả mãn chưa? Đã cảm thấy dễ chịu hơn chưa?” Nói rồi quay người đi và bước xuống đồi.

Tôi để mặc nước mắt tuôn trào, choáng váng, lảo đảo khuỷu xuống “Hassan, tôi sẽ làm gì với cậu đây? Tôi sẽ làm gì với cậu đây.” Nhưng cho đến lúc, nước mắt tôi khô, và tôi lê bước xuống chân đồi, tôi đã biết câu trả lời cho câu hỏi đó.

Tôi mười ba tuổi vào mùa hè năm 1975 đó, Afghanistan đã gần tới mùa hè hoà bình và vô danh cuối cùng. Mọi chuyện giữa Baba và tôi đã lại nguội lạnh đi. Tôi nghĩ mọi việc bắt đầu từ lời nhận xét ngu ngốc tôi đưa ra hôm chúng tôi trồng tuylíp, về việc mượn người ở mới. Tôi hồi tiếc đã nói như thế, tôi thật sự hối tiếc, nhưng tôi lại nghĩ dù tôi không nói thì cái quãng thời gian xen kẽ hạnh phúc ngắn ngủi của chúng tôi cũng sẽ phải kết thúc. Có thể không sớm đến thế, nhưng sẽ phải kết thúc. Đến cuối mùa hè, tiếng leng keng của thìa đĩa vào bát đĩa đã thay thế cho riêng chuyện gẫu tại bàn ăn bữa tối và sau bữa ăn, Baba lại thu mình trong phòng đọc. Và đóng kín cửa. Tôi cũng trở về với cái kiểu giơ ngón tay cái ra hiệu Hãfêz[38] và Khayyám[39], gặm móng tay đến tận thịt, về với các câu chuyện mà tôi viết ra. Tôi giữ những truyện ngắn thành một đồng dưới gầm giường của tôi, giữ chúng chỉ để phòng xa, mặc dầu tôi vẫn ngờ Baba sẽ không bao giờ đòi tôi đọc cho ông nghe nữa.

Phương châm của Baba về việc mở tiệc là thế này: Phải mời toàn thể giới, bằng không thì không phải là tiệc tùng. Tôi nhớ mình đã liếc qua danh sách khách mời một tuần trước tiệc sinh nhật của tôi và không nhận ra ít nhất ba phần tư trong số hơn bốn trăm Kaka và Khala sẽ đến để mang quà cho tôi và chúc mừng tôi đã sống được mười ba tuổi. Rồi tôi nhận ra họ đến không thật sự vì tôi. Đó là ngày sinh của tôi, nhưng tôi biết ai mới là ngôi sao thực sự của buổi diễn.

Mấy ngày liền, ngôi nhà đầy những người Baba thuê giúp việc. Có cả ông hàng thịt Saeahuddin, có mặt cùng với một con bê, hai con cừu dắt theo, từ chối không nhận tiền cho bất cứ con nào trong số ba con. Ông tự tay chọc tiết mấy con vật ở ngoài sân, bên gốc cây dương liễu. “Máu tốt cho cây lắm,” tôi vẫn nhớ ông nói thế khi cỏ quanh cây liễu đỏ sậm. Những người đàn ông tôi không biết là ai trèo lên những cây sồi với

cuộn dây điện dài hàng trăm mét và những bóng điện nhỏ. Những người khác kê hàng lô bàn ở ngoài sân, trải khăn bàn lên đó. Đêm trước ngày đại tiệc, ông bạn Del Muhammed của Baba, người sở hữu một Nhà hàng Kabob ở Shar-e-Nau, đến nhà tôi với những thứ đồ gia vị. Giống như ông hàng thịt, ông Del Muhammed – hay Dello, như Baba gọi, từ chối tiền trả cho những dịch vụ của ông. Ông nói Baba đã giúp đỡ nhiều cho gia đình ông. Chính chú Rahim Khan nói nhỏ cho tôi biết, lúc ông Dello nấu món xốt thịt, Baba cho ông ấy vay tiền để mở tiệm ăn. Baba đã không chịu nhận món tiền trả lại mãi tới khi ông Dello xuất hiện trong chiếc xe Benz ở lối xe vào nhà tôi và khăng khăng không chịu rời khỏi đó cho đến khi Baba chịu nhận tiền.

Tôi cho rằng, xét về nhiều khía cạnh, hay ít nhất cũng trên phương diện tổ chức tiệc tùng, sự cố gắng cho sinh nhật của tôi là một thành công lớn. Tôi chưa bao giờ thấy ngôi nhà đông người đến thế, khách khứa rượu trên tay, chuyện gẫu với nhau ở các hành lang, hút thuốc trên những cầu thang gác, tựa lưng vào các khung cửa. Họ ngồi ở bất kỳ chỗ nào thấy trống, trên quầy bếp, trong tiền sảnh, cả dưới lan can cầu thang. Trong sân sau, họ đứng lẫn với nhau dưới ánh sáng xanh lơ, đỏ, xanh lá cây nhấp nháy trên các tầng cây, mặt họ được chiếu sáng bởi những ngọn đèn dầu hoá kê ở khắp nơi. Baba cho dựng một sàn trình diễn trên bao lơn bao quát khu vườn và treo những loa điện khắp sân. Ahmad Zahir chơi đàn phong cầm và hát trên sàn diễn, phía trên những đám người đang nhảy múa.

Tôi phải đón chào từng vị khách một – có thể Baba mới yên tâm. Ngày hôm sau, sẽ không ai ngồi lê đôi mách về việc ông không biết dạy con trai cách cư xử. Tôi hôn hàng trăm chiếc má, ôm ghì toàn bộ khách lạ, cảm ơn họ đã cho quà. Mặt tôi đau đớn vì căng ra với nụ cười mụ mị.

Tôi đang đứng cùng với Baba gần quầy rượu trong sân, thì ai đó nói: “Amir, chúc sinh nhật hạnh phúc”. Đó là Assef đi cùng bố mẹ nó. Bố của Assef, ông Mahmood, thuộc loại người thấp, gầy gò, da sạm và mặt choắt. Mẹ nó, bà Tania là một người đàn bà nhỏ nhắn, nóng nảy luôn luôn mỉm cười và chớp mắt. Lúc này Assef đang đứng giữa hai người, cười nhăn nhó, trông cao lớn át cả bố mẹ, hai cánh tay đặt trên vai hai người. Nó dẫn họ về phía chúng tôi như thể nó đem họ đến đây. Như nó

là cha mẹ, còn cha mẹ lại là con cái. Một con sóng choáng váng ập tới xuyên qua người tôi. Baba cảm ơn họ đã đến.

- Chính tôi chọn quà cho cậu đấy – Assef nói. Mặt bà Tania cau lại, đôi mắt hết nhìn Assef lại nhìn tôi. Rồi bà miễn cưỡng mỉm cười, và nháy mắt. Tôi không biết Baba có để ý thấy không.

- Vẫn chơi bóng đá chứ, Assef jan? – Baba hỏi. Ông luôn muốn tôi là bạn của Assef.

Assef mỉm cười. Thật khủng khiếp khi thấy nó tạo cho nụ cười ấy vẻ chân thật ngọt ngào đến thế.

- Tất nhiên, thưa Kaka jan.

- Vẫn cánh phải như bác nhớ chứ?

- Năm nay, thực tế cháu đã chuyển sang tiền đạo trung tâm, – Assef nói. – Chơi tuyến ấy có thể ghi bàn nhiều hơn. Tuần sau chúng cháu đá với đội Mekro – Rayan. Chắc sẽ là một trận đá hay. Bọn họ có những cầu thủ giỏi.

Baba gật đầu.

- Cháu biết không, bác cũng chơi tiền đạo trung tâm thời còn trẻ đấy.

- Cháu dám cược bác vẫn có thể chơi nếu bác muốn đấy, – Assef nói. Nó nháy mắt hiền lành nhìn Baba.

Baba cũng nháy mắt:

- Ta thấy bố cháu đã dạy cháu những thói tâng bốc nổi tiếng thế giới của ông ấy đấy, – ông hích bố Assef, gần như hạ nốc ao ông bạn bé nhỏ.

Tiếng cười của ông Mahmood có vẻ hồn nhiên như nụ cười của bà Tania, và tôi chột bần khoản tự hỏi liệu có phải, ở mức độ nào đó, con trai họ cũng làm họ khiếp sợ.

Tôi cố tạo ra một nụ cười vờ vĩnh nhưng tất cả những gì tôi làm được chỉ là hơi nhếch mép – bụng tôi quặn lên buồn nôn khi nhìn cha tôi thân mật với Assef.

Assef vội nhìn sang tôi:

- Wali và Kamal cũng ở đây đấy, chúng nó không thể vắng mặt trong sinh nhật của cậu vì bất cứ điều gì.

Nó vừa nói vừa cười hời hợt bề ngoài. Tôi lặng lẽ gật đầu.

- Bọn mình đang định tổ chức một cuộc đấu bóng chuyền nhỏ ngày mai, ở nhà mình, – nó nói. – Cậu có thể tham gia với chúng mình. Mang

theo cả Hassan nếu cậu muốn.

- Cũng hay đấy – Baba nói, mặt rạng rỡ hơn lên. – Amir, con nghĩ thế nào?

- Con thật sự không thích bóng chuyền, – tôi lúng búng. Tôi nhìn thấy ánh chớp loé ra từ ánh mắt Baba, và một sự im lặng khó chịu tiếp theo.

- Xin lỗi, Assef jan, – Baba nhún vai nói. Nó làm tôi nhức nhối, cái lời xin lỗi thay cho tôi đó.

- Không, không sao đâu, – Assef nói. – Nhưng Amir jan, cậu sẽ có giấy mời chính thức. Dẫu thế nào, tôi nghe nói cậu thích đọc, nên tôi đã mang đến cho cậu một cuốn sách. Một trong những cuốn tôi ưa thích. – Nó chĩa một gói quà sinh nhật cho tôi. Chúc sinh nhật hạnh phúc.

Nó mặc một chiếc áo sơ mi sợi bông, quần dài xanh, đeo cà vạt lụa đỏ và đi đôi giày da đế mềm đen bóng. Người nó sực mùi nước hoa, và mớ tóc hung đỏ chải mượt hất về phía sau. Bề ngoài, nó là hiện thân giấc mơ của mọi bậc cha mẹ, một đứa con trai cao to, cường tráng, ăn mặc tinh tươm, biết ứng xử với những dáng vẻ đầy ấn tượng và tài năng, chưa kể đến sự hóm hỉnh để đùa với một người lớn. Nhưng với tôi, đôi mắt của nó đã phản bội nó. Khi tôi nhìn sâu vào đôi mắt ấy, cái mã ngoài lung lay tiêu vẹo đi, thấp thoáng lộ ra vẻ điên dại ẩn giấu đằng sau.

- Amir, con có định nhận không đấy? – Baba nói.

- Gì ạ?

- Quà của con, – Baba bực bội nói – Assef jan cho con một món quà.

- Ồ, – tôi nói và cầm cái hộp của Assef rồi nhìn gầm xuống. Tôi ước gì có thể được một mình trong phòng riêng của tôi với những cuốn sách của tôi, thoát khỏi những người này.

- Thế nào? – Baba nói.

- Gì ạ?

Baba nói khẽ, như vẫn thường nói mỗi khi tôi làm ông ngượng ngùng trước mọi người:

- Con không định cảm ơn Assef jan hay sao? Như thế là nó rất quan tâm đến con đấy.

Tôi ước gì Baba đừng gọi nó là jan như thế. Ông đã gọi tôi bằng “Amir jan” được bao nhiêu lần?

- Cảm ơn, – tôi nói.

Mẹ của Assef nhìn tôi như thể bà muốn nói một điều gì, nhưng bà không nói được, và tôi nhận ra chẳng ai trong bố mẹ Assef nói một tiếng nào. Trước khi tôi có thể làm cho tôi và Baba không còn lúng túng nữa – nhưng chủ yếu là để thoát khỏi Assef và sự nhản nhở của nó – tôi bước lảng đi và nói:

- Cảm ơn đã đến.

Tôi đi vòng vèo qua đám đông khách khứa và chuồn ra ngoài cổng sắt. Cách nhà tôi hai ngôi nhà, có một bãi đất trống rất rộng, căn cỗi và bẩn thỉu. Tôi đã được nghe Baba kể với chú Rahim Khan, là một ông thẩm phán đã mua miếng đất đó và một kiến trúc sư hiện đang thiết kế. Lúc này, bãi đất vẫn còn trống trơn, chỉ có phân, đá và cỏ dại. Tôi bóc giấy bọc gói quà của Assef và đọc tên bì sách dưới ánh trăng. Đó là cuốn tiểu sử của Hitler. Tôi ném nó vào giữa đám cỏ dại.

Tôi dựa vào dây tường nhà hàng xóm, ngồi bệt xuống đất. Tôi cứ ngồi trong bóng tối như thế một lúc lâu, đầu gối tì vào ngực ngược nhìn sao vừa đợi cho đêm trôi qua.

- Cháu không cần tiếp khách ư? – Một giọng thân quen nói.

Chú Rahim Khan đang bước lại phía tôi, dọc theo bức tường.

- Họ không cần cháu việc ấy. Baba ở đó, chú nhớ chứ? – Tôi nói.

Miếng nước đá trong cốc rượu của chú Rahim Khan va lạnh canh, chú ngồi xuống cạnh tôi, – cháu không biết chú say đấy.

- Hoá ra chú say, – chú nói. Trêu tôi. – Nhưng chỉ vào những dịp quan trọng nhất thôi.

Tôi mỉm cười:

- Cảm ơn chú.

Chú chìa cốc rượu về phía tôi và tợp một ngụm. Chú chằm một điều thuốc lá, loại thuốc lá Pakistan không có đầu lọc mà chú và Baba vẫn hút:

- Đã bao giờ chú kể cho cháu nghe, một lần suýt nữa chú đã cưới vợ chưa?

- Thật ạ? – Tôi nói, hơi mỉm cười trước cái khái niệm mơ hồ, chú Rahim Khan lấy vợ. Tôi luôn luôn nghĩ về chú như một hoá thân thầm lặng của Baba, như một người thầy vĩ đại của tôi, bạn cố tri của tôi, người không bao giờ quên mang tới cho tôi một món quà lưu niệm, một

saughat[40], mỗi khi trở về từ một chuyến ra nước ngoài. Nhưng một người chồng ư? Một người cha ư?

Chú gật đầu:

- Đúng đấy. Chú mười tám. Tên cô ấy là Homaira. Cô ấy là người Hazara, con gái một người ở của ông hàng xóm của chúng ta. Cô ấy đẹp như một pari, tóc nâu mượt, đôi mắt to màu nâu biếc. Cô ấy có tiếng cười... đôi khi chú vẫn còn có thể nghe thấy. – Ông lắc lắc cốc rượu, – bọn ta thường bí mật gặp nhau trong vườn táo của cha chú, luôn luôn sau nửa đêm, khi mọi người đã đi ngủ. Bọn ta thường dạo bước dưới các gốc táo và chú thường cầm tay cô ấy... Chú có làm cháu ngạc nhiên không, Amir jan?

- Một chút thôi ạ.

- Sẽ không làm chết cháu đâu, – chú nói, rít thêm một hơi thuốc nữa. – Bất kể thế nào bọn ta vẫn nuôi ảo tưởng ấy. Bọn ta sẽ có một đám cưới linh đình và mời họ hàng, bạn bè từ Kabul tới Kandahar. Ta sẽ xây cho chúng ta một ngôi nhà lớn với hàng hiên lát đá trắng và cửa sổ lớn. Chúng ta sẽ trồng cây ăn quả trong vườn và trồng thêm đủ các loài hoa, có một bãi cỏ để con cái của chúng ta chơi trên đó, vào ngày thứ Sáu, sau lễ cầu kinh Namaz ở nhà thờ Hồi giáo, mọi người sẽ đến tụ tập ở nhà chúng ta để ăn trưa, và chúng ta sẽ ăn ở trong vườn, dưới những gốc cây anh đào, uống nước mát ở dưới giếng. Rồi uống trà với kẹo trong khi chúng ta ngắm lũ trẻ của mình chơi với anh chị em họ chúng...

Chú hớp một ngụm dài rượu scotch và ho:

- Giá cháu thấy cái nhìn trên bộ mặt của cha ta, khi ta nói cho ông biết. Mẹ ta ngắt xiu. Các chị ta té nước vào mặt bà. Họ quạt cho bà, và nhìn ta như thể ta đã cắt họng họ. Ông anh trai Falal của ta thì đi tìm khẩu súng săn của ông ấy trước khi cha ta kịp ngăn ông ấy lại. – Chú Rahim Khan cười gằn cay đắng. – Như là chú và Homaira đã chống lại cả thế giới. Và chú muốn nói cho cháu biết điều này: Cuối cùng thì thế giới luôn luôn thắng. Đó mới là con đường của mọi sự.

- Vậy điều gì đã xảy ra?

- Ngay ngày hôm ấy, cha chú đem Homaira và cả gia đình cô ấy lên một chiếc xe tải, và tống họ về Hazarajat. Chú không bao giờ gặp lại cô ấy nữa.

- Cháu rất tiếc. – Tôi nói.

- Dẫu sao, vẫn có thể như thế là tốt nhất. – Chú Rahim Khan nhún vai nói tiếp, – cô ấy sẽ chịu đau khổ. Gia đình chú sẽ chẳng bao giờ chấp nhận cô ấy được bình đẳng. Cháu không thể ra lệnh cho ai đó đánh giày cho mình hôm nay và gọi người đó bằng “em gái” ngày hôm sau được, – chú nhìn tôi. – Cháu hiểu chú, cháu có thể nói cho chú bất kỳ chuyện gì cháu muốn, Amir jan. Bất cứ lúc nào.

- Cháu hiểu, – tôi do dự nói.

Chú nhìn tôi một lúc lâu, như thể đang chờ đợi, đôi mắt đen sâu thẳm của chú ngụ ý giữa chúng tôi có một bí mật chưa được nói ra. Trong một khắc, tôi suýt đã kể cho chú. Suýt kể hết cho chú mọi chuyện. Nhưng rồi chú sẽ nghĩ thế nào về tôi? Chú sẽ ghét tôi. Cũng phải thôi.

- Đây, – chú trao cho tôi vật gì đó. – Suýt nữa chú quên. Chúc mừng sinh nhật.

Đó là một cuốn sổ bọc da nâu. Tôi miết ngón tay lên lớp chỉ kim tuyến may ở mép sách. Tôi ngửi thấy mùi da thuộc. Chú nói:

- Cho những truyện ngắn cháu viết.

Tôi đang định cảm ơn chú thì một thứ gì đó nổ và bắn lên sáng cả bầu trời.

- Pháo hoa.

Chúng tôi vội trở về nhà và thấy khách khứa tất cả đều đang đứng trong sân, nhìn lên trời. Trẻ con huýt sáo và la hét, mỗi khi có tiếng nổ giòn và tiếng phụt lên. Người lớn reo hò, bật ra những tiếng hoan hô, mỗi lần những bó lửa loe to và nổ bùng thành những chùm hoa lửa. Cứ vài giây một, sân sau lại bất chợt bùng sáng lên những luồng sáng màu đỏ, xanh, vàng.

Trong một đợt bùng sáng ngắn ngủi ấy, tôi nhìn thấy một cảnh tượng mà tôi sẽ không bao giờ quên được: Hassan bưng rượu mời Assef và Wali trên một chiếc khay bạc. Ánh sáng vụt tắt, một tiếng rít và tiếng nổ giòn, rồi lại một đợt vụt sáng khác màu da cam: Assef nhăn nhó, ngoáy mạnh vào ngực Hassan quả đấm thép.

Rồi, may sao, bóng tối.

Chương 9

Sáng hôm sau, ngồi ở giữa phòng, tôi xé mở hết hộp quà này đến hộp quà khác. Tôi cũng không hiểu tại sao tôi chỉ thấy buồn bực, tôi chỉ chán ngán liếc nhìn chúng và quăng chúng vào góc phòng. Cả đồng ùn lên ở đó, có cả chiếc máy ảnh Polaroid, một máy thu thanh bán dẫn, một đoàn tàu chạy điện phức tạp và nhiều phong bì dán kín đựng tiền. Tôi biết, tôi sẽ chẳng bao giờ tiêu xài đến tiền hoặc nghe máy thu thanh, chiếc tàu điện sẽ chẳng bao giờ chạy trên đường ray trong phòng tôi. Tôi chẳng muốn bất cứ thứ gì của cái đồng đó hết – tất cả đều là đồng tiền máu. Baba sẽ chẳng bao giờ tổ chức cho tôi một bữa tiệc như thế, nếu tôi không thắng trong cuộc đấu điều.

Baba cho tôi hai món quà, một món chắc chắn trở thành sự thèm thuồng của mọi đứa trẻ trong vùng; một kiểu dáng mới của hãng Schwinn Stingray, vua của mọi loại xe đạp. Chỉ một dúm trẻ con ở toàn Kabul sở hữu một chiếc Stingray mới, và lúc này tôi là một trong bọn chúng. Nó có bộ tay cầm vươn cao, tay nắm bằng cao su đen, và bộ yên hình nải chuối nổi tiếng. Càng xe màu vàng và khung xe màu đỏ, như một chiếc kẹo táo. Hoạch máu. Bất kỳ đứa trẻ nào khác cũng muốn nhảy lên xe ngay lập tức và phóng một vòng mấy dãy nhà. Tôi đã có thể làm được điều đó nếu là vài tháng trước.

- Con thích nó chứ? – Baba nói, tựa lưng vào khung cửa phòng tôi.

Tôi ngượng ngùng nhe răng cười với ông và nói câu cảm ơn thật nhanh. Giá mà tôi đã có thể can đảm hơn thế.

- Chúng ta có thể cưỡi xe đi một lúc, – Baba nói. Một lời mời, nhưng chỉ thật lòng phân nửa thôi.

- Có lẽ lát nữa. Con đang hơi mệt, – tôi nói.

- Được thôi. – Baba đáp.- Baba ạ?

- Có chuyện gì?

- Con cảm ơn vì pháo hoa, – tôi nói. Một lời cảm ơn nhưng cũng chỉ thật lòng một nửa.

- Nghỉ một chút đi, – Baba vừa nói vừa bước về phòng mình.

Món quà kia Baba cho tôi, và ông cũng chẳng thèm đợi xem tôi mở hộp quà – là một chiếc đồng hồ đeo tay. Nó có cái mặt xanh, đôi kim

vàng hình tia chớp có dạ quang. Tôi cũng chẳng buồn đeo thử. Tôi quăng nó vào cái đồng ở góc phòng. Món quà duy nhất tôi không quăng lên núi quà, đó là cuốn sổ bọc da của chú Rahim Khan. Đó là món quà duy nhất mà tôi không cảm thấy như đồng tiền máu.

Tôi ngồi ở mép giường, giở cuốn sổ trong tay, nghĩ về những gì chú Rahim Khan đã nói về Homaira, việc cha chú đã đuổi cô cuối cùng vẫn là điều tốt nhất như thế nào. Cô ấy hẳn sẽ đau khổ. Giống như những lần chiếc máy chiếu của Kaka Homayoun lưu luyện mãi một chớp hình, cái hình ảnh ấy vẫn còn loé sáng mãi trong tâm trí tôi: Hassan, mặt găm xuống, đang hầu rượu cho Assef và Wali. Có thể đó mới là tốt nhất. Giảm bớt sự đau khổ của cậu ấy. Và của tôi nữa. Đẳng nào thì, điều đó cũng quá rõ ràng: Một trong hai chúng tôi phải ra đi.

Chiều muộn hôm đó, tôi đem chiếc xe đạp Schwinn ra cho bon lần đầu tiên và cũng là lần cuối cùng. Tôi đạp vòng quanh dãy nhà hai lần rồi trở về. Tôi đạp trên lối xe vào nhà đến sân sau, nơi Hassan và ông Ali đang dọn dẹp những đồng rác rưởi từ bữa tiệc hôm trước. Những cốc giấy, những khăn ăn nát vụn, những vỏ chai soda lăn lóc ở sân. Ông Ali đang gấp ghế, đem dựng ở dọc tường. Ông trông thấy tôi liền vẫy vẫy.

- Salaam, ông Ali! – Tôi chào và vẫy lại ông.

Ông giơ một ngón tay lên, bảo tôi đợi, và bước về chỗ ăn nghỉ của ông. Một lát sau, ông hiện ra với thứ gì đó trong tay:

- Đem qua chẳng hờ ra được lúc nào để Hassan và tôi tặng cậu món quà này, – ông vừa nói vừa trao cho tôi một chiếc hộp. – Nó là thứ tầm thường, không đáng gì với cậu. Amir agha ạ. Nhưng chúng tôi vẫn mong cậu thích nó. Chúc mừng sinh nhật.

Một cái gì dâng lên như chẹn họng tôi. Tôi nói:

- Cảm ơn, ông Ali.

Ước gì họ đừng mua cho tôi bất cứ thứ gì. Tôi mở hộp thấy một cuốn sách Shahnamah[41] bìa cứng bọc vải, có những tranh minh hoạ vẽ màu trên giấy láng bóng phía dưới các đoạn trích. Đây là Ferangis đang chăm chú nhìn đứa con mới sinh của mình Kai Khosrau. Kia là Afrasiyab đang cười con ngựa chiến, thanh kiếm tuốt trần, dẫn đầu đoàn quân. Và tất nhiên, có cả Rostam đâm một nhát chí tử vào con trai mình, chiến binh Sohrab.

Tôi nói:

- Đẹp quá.

- Hassan bảo bản in của cậu cũ rách rồi, có chỗ lại thiếu trang, – ông Ali nói. – Tất cả những tranh trong này đều được về tay bằng mực và bút sắt, – ông tự hào bổ sung, dán mắt vào cuốn sách mà ông cũng như con trai ông đều không đọc nổi.

- Thích thật, – tôi nói. Và đúng là thích thật. Và tôi cũng đoán chừng nó không hề rẻ. Tôi muốn nói với ông Ali là không phải quyển sách, mà là tôi không xứng đáng. Tôi lại nhảy lên chiếc xe đạp và bảo ông:

- Cảm ơn Hassan hộ tôi.

Cuối cùng thì tôi cũng quăng cuốn sách lên đồng quà ở góc phòng tôi. Nhưng mắt tôi vẫn cứ ngoái lại dán vào đấy, vì vậy tôi vui nó xuống đáy. Đêm đó trước khi lên giường ngủ, tôi hỏi Baba xem ông có thấy chiếc đồng hồ mới của tôi ở đâu không?

Sáng hôm sau, tôi ở trong phòng đợi cho ông Ali dọn dẹp bàn ăn sáng ngoài bếp. Đợi ông rửa bát đã lau chùi quầy bếp xong. Tôi nhìn qua cửa sổ phòng ngủ của tôi và đợi, cho tới khi ông Ali và Hassan đi ra phố chợ mua hàng, đẩy chiếc xe cút kít trước mặt.

Thế rồi tôi lấy vài cái phong bì tiền từ đồng quà và cái đồng hồ của tôi, kiễng chân rón rén đi ra ngoài. Tôi dừng lại trước phòng đọc của Baba, nghe ngóng. Sáng nào ông cũng ở trong phòng, gọi điện thoại. Ông đang nói chuyện với ai đó về việc chuyển tàu biển chở thảm trải phải đến vào tuần sau. Tôi xuống thang gác, đi ngang qua sân, vào nơi ở của ông Ali và Hassan bên cây sơn trà. Tôi nâng tấm đệm của Hassan lên và nhét cái đồng hồ mới của tôi với một nắm tiền giấy Afghan xuống dưới.

Tôi đợi ba mươi phút. Rồi tôi gõ cửa phòng Baba và kể cho ông nghe những gì tôi hy vọng sẽ là lần cuối cùng của cả một chuỗi dài dối trá.

Qua cửa sổ phòng ngủ của tôi, tôi theo dõi ông Ali và Hassan đẩy chiếc xe cút kít chất đầy những thịt, bánh naan, trái cây và rau tươi trên lối xe vào. Tôi thấy Baba từ trong nhà đi ra, bước tới gặp ông Ali. Miệng mấp máy những tiếng gì tôi không nghe rõ. Baba chỉ về phía ngôi nhà và ông Ali gật đầu. Họ tách ra, Baba trở về nhà, ông Ali đi theo Hassan về phía túp lều đất của họ.

Vài phút sau Baba gõ cửa phòng tôi. Ông nói:

- Đến phòng làm việc của ta. Tất cả chúng ta sẽ ngồi xuống và giải quyết việc này.

Tôi đến phòng đọc của Baba, ngồi lên ghế sofa da. Độ ba mươi phút, hay hơn thế, rồi Hassan và ông Ali đến góp mặt với chúng tôi.

Cả hai đều khóc. Tôi có thể nhận ra từ đôi mắt họ sưng đỏ lên. Họ đứng trước Baba, tay trong tay, và tôi tự hỏi, làm thế nào và khi nào tôi lại trở thành kẻ có thể gây ra nỗi đau khổ này.

Baba hỏi thẳng thừng:

- Có phải cháu đã ăn cắp món tiền này không? Hassan, cháu đã ăn cắp chiếc đồng hồ của Amir à?

Câu đáp lại của Hassan là một từ đơn độc, thốt ra bằng một tiếng nhỏ, cộc lốc:

- Vâng.

Tôi nao núng, như thể bị tát vào mặt. Tim tôi lịm đi, tôi suýt phải nói ra sự thật. Rồi tôi hiểu: Đây là lần hy sinh cuối cùng của Hassan cho tôi. Nếu cậu ấy nói không phải, Baba hẳn sẽ tin cậu ấy, bởi vì chúng tôi đều biết, Hassan chẳng bao giờ nói dối. Và nếu Baba tin cậu ấy, thì tôi mới là kẻ bị kết tội. Tôi sẽ phải giải thích, và sẽ bị vạch trần những gì tôi đáng phải nhận. Baba sẽ chẳng bao giờ tha thứ cho tôi, mãi mãi. Và điều đó lại dẫn đến một cách hiểu khác: Hassan biết. Biết tôi thấy hết mọi chuyện trong cái ngõ đó, biết tôi đứng đấy và không hề làm gì. Biết tôi đã phản bội cậu và tuy vậy, cậu đang cứu tôi một lần nữa, có thể là lần cuối cùng. Lúc đó, tôi yêu cậu, yêu cậu hơn bất kỳ ai tôi đã từng yêu, và tôi muốn nói thẳng với tất cả bọn họ rằng, tôi là một con rắn trong đám cỏ, một con quỷ trong lòng hồ. Tôi không xứng đáng với sự hy sinh ấy, tôi là một kẻ dối trá, một tên lừa đảo, một đứa trộm cắp. Và tôi có lẽ đã nói, nếu không có chuyện một phần trong con người tôi lại thấy mừng. Mừng là tất cả sẽ sớm qua đi. Baba sẽ đuổi họ, sẽ có một chút đau khổ đấy, nhưng cuộc sống lại tiếp tục vận động. Tôi muốn thế, tiếp tục vận động, quên đi và bắt đầu bằng một lý lịch sạch sẽ. Tôi muốn lại có thể thở được.

Ngoại trừ Baba đã làm tôi choáng váng, bằng câu nói:

- Ta tha thứ cho cháu.

Tha thứ ư? Nhưng trộm cắp là một tội không thể tha thứ, là mẫu số chung mọi tội lỗi. Khi con giết một người, là con đánh cắp một cuộc đời.

Con ăn cắp quyền làm vợ của một người đàn bà, cướp người cha của những đứa con. Khi con nói dối, con ăn cắp quyền của ai đó đối với sự thật. Khi con lừa đảo, con ăn cắp quyền đối với sự chính trực. Không có hành động nào cực kỳ xấu xa hơn ăn cắp. Chẳng phải Baba đã bế tôi lên lòng ông và nói những lời ấy với tôi ư? Thế thì làm sao ông lại có thể chỉ tha thứ cho Hassan? Và nếu Baba có thể tha thứ chuyện đó, vậy tại sao ông lại không thể tha thứ cho tôi vì đã không là đứa con trai như ông hằng mong muốn? Tại sao?

- Chúng tôi sẽ đi, Agha sahib, – ông Ali nói.

- Cái gì – Baba nói, mặt tái đi.

- Chúng tôi không thể sống ở đây được nữa, – ông Ali nói.

- Nhưng tôi tha thứ cho nó, Ali, ông không nghe rõ à? – Baba nói.

- Sống ở đây bây giờ là không thể đối với chúng tôi rồi, Agha sahib.

Chúng tôi sẽ đi. – ông Ali kéo Hassan lại gần ông và quàng cánh tay qua vai con trai mình. Đó là một cử chỉ bảo vệ, và tôi biết ông Ali đang bảo vệ con mình khỏi ai. Ông Ali liếc nhìn xem thái độ của tôi bằng một cái nhìn lạnh lùng và không tha thứ, tôi biết Hassan đã kể lại cho ông. Cậu đã kể lại cho ông biết hết mọi chuyện, về những gì Assef và lũ bạn của nó đã làm đối với cậu, về chiếc điều, về tôi. Thật lạ lùng, là tôi lại lấy làm mừng, rằng ai đó đã biết tôi thực sự là người như thế nào. Tôi đã mệt mỏi vì phải giả vờ.

- Tôi không quan tâm đến tiền và cái đồng hồ, – Baba nói, hai cánh tay ông mở ra, lòng bàn tay ngửa lên – Tôi không hiểu tại sao ông lại làm thế... Ý ông nói “không thể” là thế nào?

- Tôi xin lỗi, Agha sahib, nhưng đồ đạc của chúng tôi đã đóng gói cả rồi. Chúng tôi đã quyết định rồi.

Baba đứng lên, một nỗi đau buồn thoáng lướt qua mặt ông:

- Ali, phải chăng tôi đã không chu cấp đủ cho ông? Phải chăng tôi đã không tốt với ông và Hassan? Ông là người anh em ruột thịt mà tôi chẳng bao giờ có nữa, ông Ali, ông biết thế mà, xin ông đừng làm thế.

- Agha sahib, xin đừng làm việc này khó khăn hơn nó vốn dĩ đã vậy, – ông Ali nói. Miệng ông xoắn lại, và trong một khắc, tôi nghĩ tôi thấy một cái nhăn mặt. Đó là khi tôi hiểu được chiều sâu của nỗi đau tôi đã gây ra, cái bóng đen của nỗi sầu đau tôi đã mang đến cho mọi người, đến nỗi

ngay cả bộ mặt bị liệt của ông Ali cũng không thể ngụy trang được nỗi đau buồn. Tôi ép mình phải nhìn Hassan, nhưng cậu cúi gằm, hai vai cậu trĩu xuống, ngón tay vê vê sợi dây rút ở gấu áo sơ mi.

Lúc này, Baba đành nài xin:

- Ít nhất cũng phải nói cho tôi biết tại sao chứ. Tôi cần phải biết.

Ông Ali không nói cho Baba biết cũng như ông đã không phản đối khi Hassan thú nhận ăn cắp. Tôi sẽ không bao giờ biết tại sao, nhưng tôi có thể hình dung ra cả hai người trong cái lều nhỏ nhờ nhờ tối ấy, khóc lóc. Hassan nài xin ông đừng để lộ ra tôi. Nhưng tôi đã không thể tưởng tượng nổi sự kiềm chế mà ông Ali phải gắng để giữ lời hứa đó.

- Ông sẽ cho chúng tôi đến bến xe buýt chứ?

- Tôi cấm ông không được làm thế, – Baba rống lên. – Ông có nghe rõ tôi nói không? Tôi cấm ông!

- Thưa, nhưng ông không thể cấm tôi bất cứ điều gì, Agha sahib. – ông Ali nói. – Chúng tôi không làm việc cho ông nữa.

- Ông sẽ đi đâu – Baba hỏi, giọng rưng rưng.

- Hazarajat.

- Đến nhà họ hàng à?

- Vâng. Ông sẽ đưa chúng tôi tới bến xe buýt, Agha sahib?

Rồi tôi thấy Baba làm cái điều mà trước đó tôi chưa từng thấy bao giờ. Ông khóc. Nhìn một người lớn khóc khiến tôi hoang mang đôi chút. Các ông bố không được phép khóc.

- Xin ông, – Baba nói, nhưng ông Ali đã quay ra đến cửa và Hassan đi theo ông. Tôi sẽ không bao giờ quên thái độ của Baba khi nói điều đó, nỗi đau đớn trong lời cầu xin của ông, nỗi sợ hãi.

Ở Kabul, hiếm khi mưa vào mùa hè. Bầu trời xanh cao và xa thẳm, mặt trời như một khối sắt nung thui cháy gáy bạn. Những nhánh sông mà Hassan và tôi thia lia đá suốt mùa xuân đều đã trở nên khô cạn, và những chiếc xe kéo khuấy bụi khi âm âm lăn bánh qua. Dân chúng đi đến các nhà thờ Hồi giáo thực hiện mười Raka't[42] buổi trưa, và rồi rút lui tới bất cứ nơi nào có bóng mát để đánh giấc ngủ trưa, đợi cái mát mẻ của buổi chiều sớm. Mùa hè có nghĩa những ngày dài đặc ở trường, nhể nhại mồ hôi trong những lớp học chẳng hề thông thoáng dòn chặt người để học đọc các ayats trong kinh Koran, vất vả với những từ uốn lượn ngoại

lai Ả rập. Có nghĩa bắt ruồi bằng lòng bàn tay, trong khi ông giáo sĩ tiếp tục giọng đều đều đọc kinh và một làn gió nóng mang theo cả mùi phân từ cái nhà vệ sinh phía bên kia sân trường, khuấy bụi lấm lên quanh chiếc vòng bóng rổ xộc xệch, bơ vơ.

Nhưng buổi chiều hôm Baba đem ông Ali và Hassan ra bến xe buýt, trời mưa. Những tròng sấm rền vang phủ khắp bầu trời một màu chì xám. Chỉ mấy phút, những vạt mưa đã quét rầm rập, tiếng rít không ngừng của nước đổ ào ào trong hai tai tôi.

Baba ngờ ý sẽ tự mình chở họ đến tận Bamiyan, nhưng ông Ali từ chối. Qua cửa sổ đêm đêm mờ mịt nước mưa phòng ngủ của tôi, tôi dõi theo ông Ali kéo cái vali cô độc đựng tất cả những gì thuộc về ông tới chiếc ô tô của Baba đang nổ máy bên ngoài cánh cổng. Hassan lặc lè tấm đệm, bó chặt bằng sợi thừng, trên lưng. Cậu đã để lại tất cả đồ chơi của mình trong túp lều trống rỗng. – Ngày hôm sau, tôi phát hiện ra chúng được xếp đống ở góc nhà, giống hệt như đống quà sinh nhật trong phòng tôi.

Những hạt nước mưa trơn tuột nhỏ ròn ròn xuống cửa sổ phòng tôi. Tôi thấy Baba đóng sầm cửa xe lại. Người ướm sững ông bước sang bên phía ghế lái xe, ngả người vào trong xe nói một điều gì đó với ông Ali ở hàng ghế sau, có lẽ một cố gắng cuối cùng hòng thay đổi ý định của ông Ali. Họ nói chuyện như thế một lúc, Baba ướm sững, cúi lom khom, một cánh tay dựa trên mui xe. Nhưng khi ông đứng thẳng lên, tôi chấy trên đôi vai rũ xuống của ông, cuộc đời mà tôi từng biết từ khi tôi được sinh ra đã qua rồi. Baba luồn vào trong xe. Đèn pha bật lên, rạch hai luồng sáng trong mưa. Nếu đó là một trong những bộ phim Hindi Hassan và tôi vẫn thường xem, thì đoạn cảnh ấy sẽ là tôi chạy ùa ra ngoài, đôi chân trần của tôi đập tung toé nước mưa, tôi sẽ đuổi theo chiếc xe, la hét thất thanh cho xe dừng lại. Tôi sẽ kéo Hassan ra khỏi hàng ghế sau và nói với cậu ấy, tôi xin lỗi, rất xin lỗi, nước mắt tôi hoà lẫn nước mưa. Nhưng đó không phải là bộ phim Hindi. Tôi rất hối tiếc nhưng tôi không khóc, và không đuổi theo chiếc xe. Tôi nhìn chiếc xe của Baba lao khỏi lề đường, mang theo một con người, mà tiếng tập nói đầu tiên của người ấy là tên tôi. Tôi bắt được hình bóng cuối cùng mờ nhạt của Hassan ngồi rũ ở ghế

sau trước lúc Baba rẽ trái chỗ góc phố, nơi chúng tôi từng chơi bi đá không biết bao nhiêu lần.

Tôi lui vào và tất cả những gì tôi thấy là mưa lợt qua tấm kính cửa sổ trông như bạc nấu chảy.

Chương 10

Tháng Ba 1981

Một thiếu phụ ngồi đối diện với chúng tôi. Chị mặc một chiếc áo dài màu xanh ô liu, với một chiếc khăn san màu đen quấn chặt quanh mặt để chống lại cái lạnh giá ban đêm. Mỗi lần chiếc xe tải nảy lên hoặc vấp phải ổ gà, chị lại buột miệng cầu kinh, tiếng cầu “Bismillah!” của chị vút cao theo mỗi lần xe lắc mạnh hoặc xóc. Chồng chị, một người đàn ông vạm vỡ quần dài ống thụng, khăn quấn đầu màu xanh da trời, nâng niu bế một em bé trong vòng tay, bàn tay lần tràng hạt. Đôi môi mấp máy cầu nguyện thầm. Kể cả những người khác nữa là mười hai, bao gồm cả Baba và tôi, ngồi ôm vào giữa hai chân, bị ép cứng cùng những người xa lạ, dưới cái mui bằng vải bạt của chiếc xe tải Nga đã cũ.

Ruột gan tôi cứ cồn lên kể từ lúc chúng tôi rời khỏi Kabul sau hai giờ sáng. Baba chẳng bao giờ nói ra, nhưng tôi biết ông coi việc tôi say xe lúc đó chỉ là một mặt khác của sự yếu ớt của tôi – tôi thấy rõ điều đó trên vẻ mặt sượng sùng của ông đôi lần bụng tôi quặn lại quá tộ đến nỗi tôi phải rên lên. – Khi người đàn ông vạm vỡ lần tràng hạt – tức chồng của thiếu phụ cầu nguyện hỏi liệu tôi có sắp say không, tôi nói tôi sắp. Baba ngoảnh đi. Người đàn ông vén góc mui vai bạt lên, gõ vào cửa kính của lái xe yêu cầu dừng lại. Nhưng người lái xe, tên là Karim, một người đàn ông gầy nhom, da ngăm đen, với bộ mặt điều hâu xương xẩu, bộ ria mép mảnh như kẻ bằng bút chì, lắc đầu, quát trả lại:

- Chúng ta ở quá gần Kabul. Bảo nó có cái bụng khoẻ vào chứ.

Baba càu nhàu gì đó nghe không rõ. Tôi muốn nói với ông tôi xin lỗi, nhưng bất chợt tôi bị chảy nước miếng, sâu trong họng tôi có vị mật đắng. Tôi quay đi vén vải bạt lên và nôn thốc qua thành xe đang chạy. Phía sau tôi, Baba đang xin lỗi những hành khách khác. Như thế say xe là một tội lỗi. Như thế anh không được phép say xe khi anh đã mười tám tuổi. Tôi nôn thốc nôn tháo hai lần nữa trước khi Karim đồng ý dừng xe, chủ yếu để tôi không làm bẩn xe của hắn ta, công cụ mưu sinh của hắn. Karim là dân chở lậu người – một nghề rất béo bở, chở dân chúng thoát khỏi Kabul đang bị quân Shorawi[43] chiếm đóng, sang vùng tương đối an toàn hơn ở Pakistan. Hắn sẽ đưa chúng tôi đến Jalalabad cách Kabul

170 km về phía Đông Nam, nơi em hẳn, Toor có một chiếc xe tải lớn hơn để chở chúng tôi, cùng một đoàn người tị nạn đang đợi nữa, vượt qua đèo Khyber vào tỉnh Peshawar[44].

Chúng tôi còn cách thác Mahipar vài cây số nữa về phía Tây thì Karim tạt xe vào lề đường. Mahipar – có nghĩa “Cá Bay” – một đỉnh núi cao với độ dốc dựng đứng nhìn xuống xí nghiệp sử dụng lực chảy của nước do người Đức xây dựng ở Afghanistan từ năm 1967. Baba và tôi đã từng lái xe qua cái đỉnh đó không biết bao nhiêu lần trên đường chúng tôi tới Jalalabad, thành phố của những cây bách và những cánh đồng mía mà người Afghan đến nghỉ đông.

Tôi nhảy xuống phía sau xe, lão đảo bước tới lề đường đầy bụi. Miệng tôi đầy nước dãi, một dấu hiệu của cơn buồn nôn sắp đến lúc bật ra. Tôi loạng choạng đến bờ vách đá trông xuống một thung lũng sâu bóng tối bao trùm. Tôi cúi rạp người hai tay ôm đầu gối chờ mặt xanh, mặt vàng. Đầu đó một cành cây gãy rãng rãc, một con cú kêu. Gió dịu và lạnh rì rào qua những cành lá và làm chao đảo các bụi cây rải rác nơi sườn dốc. Và từ phía dưới, tiếng nước đổ ào ào qua lũng sâu.

Đứng trên mép đường, tôi nghĩ về cung cách chúng tôi rời khỏi ngôi nhà mà tôi đã từng sống cả đời, như thể chúng tôi chỉ ra ngoài một chốc: những chiếc đĩa còn dính đầy món kofta chất trong chậu rửa, quần áo là ủi trong cái rổ đan bằng liễu gai ở ngoài tiền sảnh, giường bề bộn, quần áo mặc khi giao dịch kinh doanh của Baba treo trong tủ tường. Nhưng tấm thảm vẫn còn treo trên tường phòng khách và những cuốn sách của mẹ tôi vẫn chất đầy các giá sách phòng đọc của Baba. Những dấu hiệu của tha hương thật mơ hồ: Bức ảnh đám cưới của cha mẹ tôi đã bị tháo mất cùng với tấm ảnh lượ của ông nội tôi và quốc vương Nader Shah đứng bên ngắm con nai chết. Một vài bộ quần áo không còn trong tủ tường. Cuốn sổ tay bìa bọc da chú Rahim Khan đã cho tôi năm năm trước đây cũng đã mất.

Vào lúc sáng, Jalaluddin – người ở thứ bảy của chúng tôi trong năm năm qua – có thể sẽ nghĩ chúng tôi đi tản bộ hoặc lái xe đi dạo. Chúng tôi đã không nói với ông ta. Không thể tin ai ở Kabul nữa – chỉ cần được giúi cho ít tiền hoặc lo bị hại, là người ta sẽ tố cáo nhau, hàng xóm tố hàng xóm, con cái tố cha mẹ, em tố anh, đầy tớ tố chủ nhà, bạn bè tố

nhau. Tôi nghĩ đến ca sĩ Ahmad Zahir, người đã chơi phong cầm tại buổi sinh nhật lần thứ mười ba của tôi. Ông ấy lái xe đi cùng với mấy người bạn, và sau đó, người ta tìm thấy xác ông bên lề đường với một viên đạn đả đằng sau gáy. Các rafiq, tức là các đồng chí, có mặt ở khắp nơi, và họ đã xẻ đôi Kabul thành hai nhóm: nghe lén và không nghe lén. Cái khó là chẳng ai biết ai thuộc bên nào. Một nhận xét ngẫu nhiên với bác thợ may, trong khi thử cho vừa một bộ quần áo có thể dẫn bạn vào hầm tối nhà lao Poleh-charkhi. Phàn nàn về lệnh giới nghiêm với ông hàng thịt, và điều sau đó bạn nhận ra là mình đã ở đằng sau những song sắt, mắt hoang mang nhìn vào cái họng của một khẩu Kalashnikov. Ngay cả tại bàn ăn trong nhà riêng của mình, dân chúng cũng phải nói năng một cách đắn đo – các rafiq có cả ở trong lớp học nữa, họ dạy trẻ con do thám cha mẹ mình, chú ý nghe những gì, kể lại với ai.

Tôi đang làm gì trên con đường này, vào giữa đêm khuya? Lẽ ra tôi phải nằm trên giường, dưới tấm chăn, với một cuốn sách góc quần tai chớ ngay bên cạnh. Điều này hẳn là một giấc mơ. Phải là như thế. Sáng hôm sau tôi thức dậy, nhòm ra ngoài cửa sổ. Không bóng dáng đám lính Nga về mặt dữ tợn tuần tiễu trên hè, không xe tăng bất thành linh xuất hiện trên đường phố của thành phố tôi, tháp súng xoay đi xoay lại như những ngón tay đang kết tội, không còn đồng rúp, không còn lệnh giới nghiêm, không còn những xe quân sự của Quân đội Nga như thoi đưa ở khu phố chợ. Rồi, phía sau tôi, tôi nghe thấy tiếng của Baba và Karim đang hút thuốc, bàn cãi về việc thu xếp ở Jalalabad. Karim đảm bảo với Baba rằng em hẳn có một chiếc xe tải lớn “chất lượng cao loại thượng hạng” và hành trình di cư sang Peshawar đã trở nên quá thông thường rồi. “Nó có thể nhắm mắt đưa ông đến đó,” Karim nói. Tôi thoáng nghe thấy, hẳn bảo Baba là hẳn và em trai hẳn biết lính Nga và lính Afghan làm việc ở những trạm kiểm soát ra sao, hẳn đã cạ với chúng việc thu xếp “hai bên đều có lợi” như thế nào. Việc đó không phải là chuyện mơ. Như thế để kết thúc việc thảo luận, một chiếc MIG bất chợt rú lên bay qua đầu. Karim quăng điếu thuốc và rút khẩu súng ngắn ở thắt lưng ra. Chĩa súng lên trời, hẳn làm động tác bắn, rồi chửi và nhổ về phía chiếc MIG.

Tôi tự hỏi không biết Hassan ở đâu. Rồi đến điều không thể tránh khỏi. Tôi nôn lên đám cỏ dại, tiếng nôn khan và rên rỉ của tôi chìm hẳn trong tiếng gầm rú điếc đờ của chiếc MIG.

Hai mươi phút sau, chúng tôi tới chỗ trạm kiểm soát ở Mahipar. Tài xế của chúng tôi để chiếc xe tải nổ máy, và nhảy xuống chào đón những giọng nói đang tiến lại. Chân day day sỏi. Vài lời trao đổi ngắn gọn, kín kẽ. Một nhát quẹt của chiếc bật lửa. “Spasseba”[45].

Lại một nhát quẹt khác của bật lửa. Ai đó cười. Tiếng cười the thé chói tai làm tôi nảy người lên. Tay của Baba ghì chặt đùi tôi xuống. Người đàn ông đang cười bỗng hát lên líu la líu lờng lạc điệu, một bài hát trong hôn lễ của người Afghan, nặng trĩu giọng Nga:

Ahesta boro, Mah-e-man ahesta boro

Lên từ từ, vàng trắng yêu dấu của ta, lên từ từ.

Những gót ủng lộp cộp trên đường nhựa. Ai đó mở tung tấm vải bạt phủ phía sau xe tải, và ba bộ mặt thò vào. Một là Karim, hai kẻ kia là hai tên lính, một tên người Afghan, tên kia, một lính Nga nhăn nhó, mặt như mặt chó biển, thuốc lá phì phèo lệch một bên miệng. Phía sau bọn chúng là một vàng trắng trắng hếu như xương khô lơ lửng trên bầu trời. Karim và tên lính Afghan trao đổi ngắn gọn bằng tiếng Pashtu. Tôi hiểu được đôi chút, một cái gì đó về Toor và vận rủi của hắn. Tên lính Nga thò mặt vào phía sau xe tải. Hắn vẫn đang ê a bài hát cười, ngón tay gõ nhịp vào mép thành hậu của xe. Ngay cả trong ánh trăng lơ mờ, tôi vẫn thấy được cái nhìn đờ đẫn trong đôi mắt của hắn, khi lia từ hành khách này sang hành khách khác. Mặ dầu lạnh, mồ hôi ròng ròng chảy từ lông mày hắn xuống. Đôi mắt hắn dừng lại ở người thiếu phụ chút khăn san đen. Hắn nói tiếng Nga với Karim, mắt không rời người đàn bà. Karim trả lời bằng tiếng Nga cụt lủn, rồi tên lính đáp lại gay gắt và còn cộc lốc hơn. Tên lính Afghan cũng nói một điều gì đấy giọng nhỏ nhẹ và biết điều hơn. Nhưng tên lính Nga quát lên cái gì đó, khiến hai tên kia ngần ngại. Tôi cảm thấy Baba ngồi sát vào tôi. Karim hắng giọng, cúi đầu xuống. Nói tên lính Nga muốn có nửa giờ với người thiếu phụ ở đằng sau xe tải.

Người thiếu phụ kéo chiếc khăn san xuống trùm kín mặt. Oà lên khóc. Đứa trẻ ngồi trên lòng chồng chị ta cũng oà khóc theo. Mặt người chồng trở nên nhợt nhạt như mảnh trăng lờn vờn trên trời. Ông ta bảo Karim

yêu cầu “ông lính Sahib” thể hiện một chút tình thương, có thể ông có một người em gái hoặc một bà mẹ, cũng có thể cả một người vợ nữa. Tên Nga nghe Karim nói và sửa lên một loạt những từ gì đó.

- Đó là cái giá để chúng ta được đi qua. – Karim nói. Hãn không dám nhìn vào mắt người chồng.

- Nhưng chúng tôi đã trả một giá rất sòng phẳng rồi, – người chồng nói.

Karim và tên lính nói với nhau.

- Nó nói... nó nói, mọi giá đều phải chịu thuế.

Thế là Baba đứng phắt dậy. Đến lượt tôi phải níu chặt tay tôi vào đùi ông, nhưng Baba gỡ tay tôi và rút chân ra. Khi ông đứng lên, ông che khuất ánh trăng:

- Tôi muốn anh hỏi người đàn ông kia một điều, – Baba nói. Nói với Karim, nhưng nhìn thẳng vào tên sĩ quan Nga. – Hỏi hãn, sự liêm sỉ của hãn để đâu?

Họ lại nói với nhau.

- Hãn nói đây là chiến tranh. Không có liêm sỉ trong chiến tranh.

- Bảo với hãn là hãn nhầm. Chiến tranh không huỷ bỏ phép tắc. Nó đòi hỏi phép tắc thậm chí còn hơn cả thời bình.

Bố cứ phải luôn luôn là một người anh hùng ư? Tôi nghĩ. Tim đập loạn xạ. Bố không thể chỉ một lần bỏ qua sao? Nhưng tôi biết ông không thể. Điều đó không có trong bản tính của ông. Vấn đề là bản tính của ông sẽ làm cho tất cả chúng tôi bị giết.

Tên lính Nga nói gì đó với Karim, một nụ cười nhếch lên trên đôi môi hãn.

- Agha sahib, – Karim nói, – cái lũ Roussi [46] này chúng không giống chúng ta. Chúng chẳng hiểu gì về tôn trọng và danh dự.

- Nó nói cái gì?

- Nó nói nó cũng thích được nã một viên đạn vào người ông không kém gì... – Karim nói nhỏ dần không nghe rõ nữa, nhưng gật gật đầu về phía người thiếu phụ đã rơi vào con mắt của tên lính canh. Tên lính búng điều thuốc đang hút dở của hãn đi và rút khẩu súng ngắn ra khỏi bao. Vậy đây là nơi Baba sẽ chết. Tôi nghĩ. Chuyện sắp xảy ra như thế. Tôi đọc thầm một câu kinh trong đầu.

- Bảo với nó tôi sẽ nhận một nghìn viên đạn của nó trước khi tôi để cho sự vô luân xảy ra. – Baba nói.

Tâm trí tôi chột bùng lên cái ngày mùa đông sáu năm trước đây. Tôi, từ góc phố chăm chú nhìn vào sâu trong ngõ. Kamal và Wali đè Hassan xuống. Những cơ mông của Assef ép chặt và rơi lỏng, đôi hông của nó giúi vào kéo ra. Cứ cho tôi đã từng là một anh hùng nào đó đi, tôi vẫn đang bị cái điều dẫn vật. Đôi khi, chính tôi cũng không biết mình có thực sự là con trai Baba không.

Gã người Nga mặt chó biển nâng khẩu súng lên.

- Baba, con xin bố ngồi xuống. – tôi vừa nói vừa giật mạnh ống tay áo ông. – Con nghĩ nó thực sự định bắn bố đấy.

Baba gạt bàn tay tôi ra, giận dữ nói:

- Ta đã không dạy con chút nào ư?

Rồi ông quay về phía tên lính đang nhắm nhử:

- Bảo nó, tốt hơn là hãy bắn tao một phát chết ngay. Bởi nếu tao không ngã xuống, tao sẽ xé nó thành nhiều mảnh, chết tiệt cái thằng bố nó!

Tên lính Nga không chịu thôi nhắm nhử khi nghe phiên dịch lại. Hắn gạt chốt hãm trên khẩu súng, chĩa nòng súng vào ngực Baba. Tim tôi đập thình thịch trong lồng ngực, tôi lấy hai tay che mặt.

Khẩu súng gầm lên.

Thế là xong. Tôi mười tám và đơn độc. Tôi chẳng còn ai trên đời này. Baba đã chết và bây giờ tôi phải chôn ông. Tôi chôn ông ở đâu? Sau đó tôi đi đâu?

Nhưng cơn lốc xoáy nhưng ý nghĩ dở dang quay cuồng trong đầu tôi dừng lại khi tôi giương mi mắt, thấy Baba vẫn đứng. Tôi thấy một viên sĩ quan Nga thứ hai cùng với những kẻ khác. Chính là khói cuộn lên từ hòng súng của ông ta chĩa lên trời. Tên lính định bắn Baba đã tra súng vào bao. Hắn đang lê chân bước đi. Tôi chưa từng bao giờ cảm thấy muốn dờ khóc dờ cười hơn như thế.

Viên sĩ quan Nga thứ hai, tóc đốm bạc, bệ vệ nói với chúng tôi bằng tiếng Farsi bập bẹ. Ông ta xin lỗi chúng tôi về cách xử sự của tay đồng chí của mình. Ông ta nói:

- Nước Nga gửi họ đến đây để chiến đấu. Nhưng họ mới chỉ là những chàng trai, và khi tới đây họ tìm thấy khoái lạc của ma túy. – Ông ta nhìn

tên sĩ quan trẻ bằng đôi mắt buồn rầu của một người cha bực tức với đứa con trai mất tư cách của mình. – Thăng này cũng dính dáng đến ma tuý đấy. Tôi cố ngăn nó... – Ông ta vẫy ra hiệu cho chúng tôi đi.

Một lát sau, chúng tôi phóng xe đi khỏi. Tôi nghe thấy một tiếng cười, rồi tiếp đến cái giọng sền sệt lạc điệu của tên lính lúc đầu hát bài hát cổ trong đám cưới.

Chúng tôi đi trên xe trong im lặng khoảng mười lăm phút, trước khi chồng người thiếu phụ bất chợt đứng lên và làm một điều tôi đã từng thấy nhiều người khác làm trước ông ta: Hôn tay của Baba.

Vận rủi của Toor. Chẳng phải tôi đã tình cờ nghe thấy điều đó trong câu chuyện ở Mahipar sao?

Chúng tôi lăn bánh đến Jalalabad vào khoảng một giờ trước lúc mặt trời mọc. Karim nhanh chóng đưa chúng tôi xuống xe và dẫn vào ngôi nhà một tầng ở ngã tư hai con đường bẩn thỉu, suốt dọc toàn những dãy nhà một tầng mái bằng, những cây keo và những cửa hiệu đóng kín. Tôi kéo cổ áo khoác lên để chống lạnh lúc chúng tôi vội vã chạy vào ngôi nhà kéo theo đồ đạc của mình. Không hiểu tại sao, tôi nhớ tới mùi củ cải.

Khi đã đưa chúng tôi vào trong án phòng khách trống không nhờ tối, Karim liền khoá cửa trước lại, kéo cái khăn trải giường rách thay cho rèm che. Rồi hãnh thở phào và báo cho mọi người một tin xấu: Toor, em trai hẳn không thể đưa chúng tôi sang Peshawar. Hình như máy móc chiếc xe tải của gã bị nổ tuần trước, và Toor vẫn đang đợi nhưng bộ phận thay thế.

- Tuần trước ư? – Ai đó kêu lên. – Nếu biết thế, tại sao anh còn mang chúng tôi tới đây?

Tôi thấy có gì ào một cái qua đuôi mắt tôi. Rồi một cái bóng vụt ngang qua căn phòng, và tiếp đó tôi nhìn thấy Karim bị ghì chặt vào tường, đôi chân nguyên dép của hẳn đứng đưa cách sàn nhà hơn nửa mét. Hai bàn tay Baba đang tóm quanh cổ hẳn..

- Tao sẽ nói cho mày biết tại sao, – Baba giận dữ bảo. – Bởi vì nó đã nhận được tiền phần chặng đường của nó. Đó là tất cả những gì nó quan tâm.

Karim đang ngạt thở ú ớ kêu lên. Nước dãi nhỏ ra bên mép hẳn.

- Bỏ hẳn xuống, Agha, ông giết hẳn mất, – một trong số hành khách nói.

- Chính là điều tôi định làm đấy, – Baba nói. Điều mà không ai trong số những người khác trong căn phòng biết được ấy là Baba không đùa. Karim đang đỏ tía lên và giật giật chân. Baba vẫn bóp chặt cổ hẳn cho tới khi người mẹ trẻ, cái người mà tên sĩ quan Nga đã mê thích đó, van xin ông dừng lại.

Karim ngã vật trên nền nhà, lăn lộn để hít thở khi Baba cuối cùng cũng thả hẳn ra. Căn phòng trở nên im lìm. Chưa đầy hai giờ trước. Baba đã tự nguyện nhận một viên đạn vì danh dự của một người phụ nữ ông không hề quen biết. Lúc này ông suýt đã bóp chết một người đàn ông, và chắc sẽ sung sướng làm xong việc đó nếu không có lời cầu xin của vẫn người phụ nữ ấy.

Có cái gì đó đập thùm thùm ở nhà bên. Không, không phải nhà bên, mà phía dưới.

- Cái gì thế? – Ai đó hỏi.

- Bọn khác, – Karim hỗn hển giữa những hơi thở khó nhọc, – ở dưới hầm.

- Bọn họ đợi bao lâu rồi? – Baba hỏi, vừa sáp lại Karim.

- Hai tuần.

- Tao nghĩ mày vừa nói, chiếc xe tải hỏng tuần trước. Karim vượt cổ họng, ộp ộp như ếch:

- Có thể tuần trước nữa.

- Bao lâu?

- Cái gì?

- Bao lâu để thay máy? – Baba gầm lên.

Karim rúm người lại nhưng không nói gì. Tôi thấy mừng vì bóng tối. Tôi không muốn thấy cái nhìn sát nhân trên bộ mặt Baba.

Mùi hôi nhớp nhúa, giống như mùi rêu mốc, xộc vào mũi tôi lúc Karim mở cánh cửa dẫn chúng tôi xuống những bậc thang ọp ẹp ở dưới hầm. Chúng tôi đi xuống theo hàng một. Những bậc thang rên lên dưới sức nặng của Baba. Đứng trong căn hầm lạnh, tôi cảm thấy như bị những con mắt chập chờn trong bóng tối theo dõi. Tôi thấy những hình người rúc vào nhau quanh phòng, bóng họ in lên tường bởi ánh sáng lờ mờ của

hai ngọn đèn dầu. Một tiếng thì thầm khe khẽ lan truyền suốt căn hầm, át tiếng nhưng giọt nước rỉ ở đâu đó, và một tiếng gì khác nữa, như tiếng gãi.

Baba thở dài phía sau tôi, buông những túi đồ xuống.

Karim bảo chúng tôi sẽ chỉ mất vài ba ngày là sửa xong chiếc xe tải. Rồi thì chúng tôi sẽ trên đường sang Peshawar. Trên đường tới tự do. Trên đường tới an toàn.

Căn hầm là nhà của chúng tôi suốt tuần sau đó và tới đêm thứ ba tôi khám phá từ đâu ra tiếng gãi. Những con chuột cống.

Khi mắt đã quen bóng tối, tôi đếm được ba mươi người tị nạn trong căn hầm. Chúng tôi ngồi vai kề vai dọc theo những bức tường, ăn bánh quy, bánh mì lâu ngày và táo. Đêm đầu tiên đó, tất cả mọi người đều cùng nhau cầu kinh. Một trong số người tị nạn hỏi Baba tại sao ông không tham gia cùng họ:

- Thượng đế sẽ cứu vớt tất cả chúng ta. Tại sao ông không cầu xin Người?

Baba xì mũi. Duỗi chân ra:

- Cái sẽ cứu vớt chúng ta là tám bộ xi-lanh và cái chế hoà khí tốt.

Thế là đám còn lại câm lặng luôn về vấn đề Thượng đế.

Mãi khuya của đêm đầu tiên ấy tôi mới phát hiện ra hai người trong đoàn trốn tránh cùng chúng tôi là Kamal và bố nó. Thấy Kamal ngồi trong căn hầm chỉ cách tôi gần nửa mét, tôi khá ngạc nhiên. Nhưng khi nó và bố nó ngồi xích lại bên chúng tôi, tôi nhìn rõ bộ mặt của Kamal, thực sự nhìn rõ...

Nó đã tàn héo – không còn từ nào đơn giản hơn để gọi. Đôi mắt nó như một cái hố nhìn tôi và không có vẻ nhận ra nét gì. Vai nó gồ lên, đôi má xệ xuống như thể quá mệt mỏi không bám nổi vào xương gò má nữa. Bố nó, người đã từng sở hữu một rạp chiếu phim ở Kabul, đang kể cho Baba nghe ba tháng trước đây một viên đạn lạc đã bắn trúng vào thái dương giết chết vợ ông như thế nào. Rồi ông ta kể với Baba về thằng Kamal. Tôi chỉ nghe được lổ chỗ: Nhẽ ra chẳng bao giờ được để nó đi một mình... lúc nào cũng thế, thật đẹp trai, ông biết đấy... bốn đứa chúng nó... chống trả... Thượng đế... chụp được nó... nhỏ máu đầm đìa xuống đó... cái quần của nó... chẳng nói gì nữa... chỉ trờ trờ...

Sẽ không có xe tải, Karim bảo chúng tôi thế sau khi chúng tôi đã trải qua một tuần lễ trong cái căn hầm nhưng nhúc chuột. Chiếc xe tải không chữa nổi.

- Có một cách khác, – Karim nói, giọng hấn nổi lên giữa những tiếng kêu rên.

Anh họ hấn là chủ một xe tải chở xăng dầu và đã từng chở lậu người bằng chiếc xe đó đôi ba lần. Hấn đang ở Jalalabad và đủ sức chở tất cả chúng tôi.

Mọi người, trừ một cặp vợ chồng đã cao tuổi, đều quyết định đi.

Đêm đó, chúng tôi, Baba và tôi, Kamal và bố nó, cùng những người khác rời đi. Kamal và người anh họ hấn, một gã đàn ông mặt vuông, đầu hói tên là Aziz, giúp chúng tôi chui vào bồn xăng. Từng người một, chúng tôi trèo lên cái sàn hậu xe, rồi leo lên thang sau và tụt xuống bồn xăng. Tôi còn nhớ Baba leo lên giữa chừng lại nhảy xuống và moi ở túi ra một hộp thuốc lá hít. Ông dốc hết thuốc ở hộp ra, và bốc một vốc tay bụi đất ở giữa con đường không rải nhựa. Ông hôn bụi đất. Đổ vào trong hộp. Đút hộp vào túi ngực, gần tim ông.

Kinh hoàng.

Bạn mở miệng ra. Mở thật rộng cho xương hàm kêu răng rắc. Bạn ra lệnh cho phổi mình hít không khí, LÚC NÀY, bạn cần không khí, cần nó LÚC NÀY. Nhưng đường khí quản của bạn lờ bạn đi. Chúng suy sụp, thít chặt, co quắp và bất chợt bạn như đang thở qua một ống rơm. Miệng bạn ngậm lại và đôi môi bạn mím chặt, tất cả những gì bạn có thể xoay sở được là một tiếng ộp ộp nghẹn tắc. Hai bàn tay bạn vịn vẹo, lúc lắc. Đầu đó một cái đập nứt toác và một luồng mồ hôi lạnh tràn ra, ướt đẫm cơ thể bạn. Bạn muốn la hét lên vì sợ. Bạn sẽ làm thế nếu bạn có thể. Nhưng bạn phải thở đã rồi mới la hét được.

Kinh hoàng.

Căn hầm đã tối. Cái bồn xăng còn tối đen hơn. Tôi nhìn phải, nhìn trái, xuống, lên, vẫy vẫy hai tay trước mắt, không thấy một mảy may cử động. Tôi chớp, rồi lại chớp mắt. Chẳng thấy gì hết. Chẳng còn là không khí nữa, nó sền sệt, thậm chí đặc quánh nữa. Không khí đáng ra không được đặc quánh. Tôi muốn vươn hai bàn tay ra, nghiền nát không khí thành những mảnh nhỏ, nhồi chúng vào khí quản của tôi. Và cái mùi hôi hắc

đó của dầu diesel. Mắt tôi nhức nhối hơi dầu, như ai đó lộn mi mắt tôi lên và xát chanh lên đó. Mũi tôi như bắt lửa sau mỗi lần thở. Mày có thể chết trong một chỗ như thế này, tôi nghĩ vậy. Một tiếng la hét đang chực bật ra. Bật ra, bật ra...

Và rồi một điều thần kỳ nhỏ. Baba giật ống tay áo tôi, và một cái gì đó sáng xanh lên trong bóng tối. Ánh sáng! Đồng hồ đeo tay của Baba. Tôi dán chặt đôi mắt vào hai chiếc kim dạ quang xanh đó. Tôi quá sợ tôi sẽ mất chúng. Tôi không dám chớp mắt.

Dần dần, tôi nhận ra được những gì ở quanh tôi. Tôi nghe thấy những tiếng rên và tiếng lầm rầm cầu nguyện. Tôi nghe thấy tiếng một em bé khóc, tiếng ru thầm của mẹ nó. Ai đó nôn khan. Ai đó nguyện rửa bọn Shorawi. Chiếc xe tải lắc lư bên này qua bên khác, nảy xuống, nảy lên. Những cái đầu đập vào vỏ sắt.

- Nghĩ đến điều gì tốt đẹp. – Baba thì thầm vào tai tôi. – Điều gì hạnh phúc.

Điều gì tốt đẹp. Điều gì hạnh phúc. Tôi mặc cho trí não tôi lang thang. Tôi mặc nó đến đâu thì đến.

Chiều thứ Sáu ở Paghman. Một cánh đồng cỏ rộng lốm đốm những cây dâu tằm nở hoa. Hassan và tôi đứng ngập gót chân trong cỏ mọc hoang. Tôi đang giật mạnh dây điều, cuộn dây đang quay trong hai bàn tay chai sạn của Hassan, mắt chúng tôi ngược nhìn lên bầu trời. Không một lời trao đổi giữa chúng tôi, không phải bởi vì chúng tôi không có gì để nói, mà bởi vì chúng tôi không cần phải nói điều gì. Đó, giữa những con người là những ký ức đầu tiên của nhau, những con người đã cùng được nuôi từ một bầu sữa mẹ là như thế. Một luồng gió nhẹ làm lay động đám cỏ và Hassan để cho cuộn dây lăn. Chiếc điều quay đảo, ngụp chìm, rồi đứng vững. Đôi bóng sinh đôi của chúng tôi nháy múa trên thảm cỏ gợn sóng. Từ đâu đó, bên kia dãy tường gạch thấp phía cuối cánh đồng, chúng tôi nghe thấy tiếng chuyện gẫu, tiếng cười và tiếng róc rách của một vòi phun nước. Và nhạc, có vẻ xưa cũ và quen thuộc. Tôi nghĩ đó là bài Ya Mowlah trên đàn dây Rubab. Có ai đó gọi chúng tôi bên kia tường và nói đã đến giờ uống trà, ăn bánh ngọt.

Tôi không nhớ đó là tháng nào, và cả năm nào nữa. Tôi chỉ biết kỷ niệm đó sống trong tôi, một mẫu dĩ vãng tốt đẹp được đóng nang hoàn

hảo, một nét chổi lông phết màu lên khung vải căn cỗi, xám xịt cuộc đời giờ đây chúng tôi đã rơi vào.

Phần còn lại của chuyến xe đó là những mẩu và những mảnh rải rác của ký ức đến rồi lại đi, phần lớn là âm thanh và mùi vị: Tiếng gầm rú của máy bay MIG trên đầu, những tràng súng máy, một con lừa be be gần đó, tiếng nhạc đeo cổ leng keng, và tiếng cừu ọ ọ, tiếng sỏi rải đường bị nghiền nát dưới bánh xe tải, một đứa bé hờn trong bóng tối, mùi hôi của dầu diesel, mùi nôn mửa, mùi phân.

Những gì tôi nhớ tiếp theo là ánh sáng loá mắt của buổi sớm mai khi trèo ra khỏi bồn xăng. Tôi nhớ mình đã ngửa mặt lên trời, hiểng mắt, thở như thể thế giới sắp cạn kiệt không khí. Tôi nằm xoài trên bờ con đường đất cạnh một khe đá, ngược nhìn lên bầu trời màu xám buổi ban mai, biết ơn khí trời, biết ơn ánh sáng, biết ơn được sống sót.

- Amir, chúng ta đã ở Pakistan, – Baba nói. Ông đang đứng bên nhìn tôi. – Karim bảo hẳn sẽ gọi một chuyến xe buýt chở chúng ta tới Peshawar.

Tôi cuộn người lại, vẫn nằm trên đất lạnh và nhìn thấy những chiếc vali của chúng tôi phía chân bên kia Baba. Nhìn qua khe chữ V lộn ngược giữa hai chân ông, tôi thấy chiếc xe tải nổ máy đứng yên bên bờ đường, những người tị nạn khác đang trèo xuống thang. Xa hơn, con đường đất trải ra qua những cánh đồng như những chiếc khăn màu chì dưới bầu trời xám, rồi biến mất sau dãy đồi bát úp. Dọc theo con đường là một ngôi làng nhỏ trải dài trên sườn dốc tràn ánh nắng.

Mắt tôi quay trở lại nhìn những chiếc vali của chúng tôi. Chúng khiến tôi buồn cho Baba. Sau mọi thứ ông đã từng gây dựng, lập kế hoạch, đấu tranh, day dứt, ước mơ, gói ghém lại đời ông chỉ còn thế này đây: một đứa con trai bất đắc ý và hai chiếc vali.

Ai đó đang kêu thét. Không, không phải kêu thét. Mà đang khóc. Tôi thấy hành khách tụm lại thành một vòng tròn, nghe thấy những tiếng gọi khẩn thiết.

Ai đó nói từ “khí độc”. Người khác cũng nói thế. Tiếng kêu thét chuyển thành tiếng rít xé họng.

Baba và tôi vội chạy tới đám người đứng xem và đẩy họ ra để chen vào. Bố của Kamal đang ngồi xếp bằng tròn ở giữa vòng người, lay đi

lay lại, hôn lên bộ mặt xám như tro của đứa con trai.

- Nó không thờ nữa! Con trai tôi không thờ nữa! – Ông đang kêu khóc. Cơ thể không còn sinh khí của Kamal nằm trên lòng ông. Bàn tay phải nó duỗi ra, rũ xuống, đung đưa theo nhịp thổn thức của người cha.

- Con trai tôi! Nó không thờ nữa! Lạy thánh Allah, xin người giúp nó thờ đi!

Baba quỳ xuống bên cạnh ông và quàng cánh tay lên vai ông. Nhưng bố của Kamal đẩy ông ra và nhào tới Karim đang đứng gần người anh họ hẳn. Những gì xảy ra tiếp theo quá nhanh, quá gọn không thể gọi là cuộc ẩu đả. Karim thốt ra một tiếng kêu kinh ngạc và lùi lại. Tôi thấy một cánh tay vung lên và chân đá. Giây sau, ông bố của Kamal đã đang đứng với khẩu súng của Karim trong tay.

- Đừng bắn tôi! – Karim kêu lên.

Nhưng trước khi bất kỳ ai trong chúng tôi kịp nói hoặc làm được điều gì, bố của Kamal đã đưa nòng súng lên miệng mình. Tôi sẽ không bao giờ quên được tiếng vang của phát nổ đó. Hay chớp lửa và máu đỏ phun ra. Tôi lại gập người và nôn khan bên vệ đường.

Chương 11

Fremont, California. Những năm 80.

Baba yêu tư tưởng của nước Mỹ. Chính cuộc sống ở Mỹ đã khiến ông bị ung loét.

Tôi còn nhớ hai bố con tôi đi bộ qua Công viên Hồ Elizabeth ở Fremont, cách căn hộ của chúng tôi vài dãy phố, xem bọn con trai chơi bóng chày, bọn con gái nhỏ cười khúc khích trên những chiếc xích đu trong sân chơi. Baba thường giảng giải cho tôi sáng tỏ quan điểm chính trị của ông suốt những cuộc dạo bộ đó, bằng những bài bình luận vòng vèo dài dòng. Ông thường nói:

- Chỉ có ba hạng đàn ông thực thụ trên thế giới này, Amir ạ. Ông kể tên ra bằng đầu ngón tay: Người Mỹ, vị cứu tinh quá tự tin, người Anh và người Israel.

- Còn lại tất cả, – ông phẩy tay, miệng kèm theo một tiếng phừ rụt, – đều như những bà già kể chuyện.

Tư tưởng khuyन्ह Israel thường dẫn đến sự tức giận của người Afghan ở Fremont, họ lên án ông thân Do Thái và thực tế là bài Hồi. Baba thường gặp họ để uống trà và nhấm nháp bánh ngọt rowt[47] tại công viên, và làm họ phát điên với những quan điểm chính trị của ông. Sau đó ông thường bảo tôi:- Cái họ không hiểu là tôn giáo chẳng có can hệ gì đến việc này. Theo quan điểm của Baba, Israel là một hòn đảo của “những người đàn ông đích thực” trong cái biển toàn những người Ả rập quá bận rộn với việc béo ú lên từ đầu mỏ của họ, không buồn quan tâm đến chính bản thân họ nữa. “Israel làm điều này. Israel làm điều nọ,” – Baba thường nói nhại theo giọng Ả rập “Vậy hãy làm gì đó đi. Hành động đi. Các ông là người Ả rập, vậy hãy giúp người Palestine đi.” Ông ghét cay ghét đắng ngài Jimmy Carter[48], người mà ông gọi là “kẻ rãng to đần độn.” Năm 1980, khi chúng tôi vẫn còn ở Kabul, Hoa Kỳ tuyên bố sẽ tẩy chay đại hội Olympic ở Matxcơva. Baba kêu lên tởm lợm:

- Wah wah! Chà chà! Brezhnev đang tàn sát tập thể người Afghan, thế mà tất cả những gì gã ăn lạc ấy có thể nói chỉ là “Tôi sẽ không đến bơi trong cái bể bơi của anh.”

Baba tin tưởng Carter đã vô tình làm nhiều cho chủ nghĩa cộng sản hơn cả Leonid Brezhnev. “Ông ta không đủ sức điều hành đất nước này. Nó giống đặc một thằng con trai không biết đi xe đạp sau tay lái của một chiếc Cadillac kiểu mới.” Những gì nước Mỹ và thế giới cần là một người đàn ông cứng rắn. Một người đàn ông được chọn lựa, một ai đó hành động thay vì vắn vẹo hai tay lo lắng. Một ai đó theo kiểu của Ronald Reagan. Và khi Reagan lên truyền hình gọi bọn Shorawi là “Đế quốc đồi bại”, Baba ra ngoài và mua một bức ảnh tổng thống nhe răng cười giơ ngón cái lên. Ông lồng khung tấm ảnh và treo ở hành lang của chúng tôi, ngay gần bức ảnh đen trắng cũ của bản thân ông, đeo chiếc nơ cổ nhỏ, và đang bắt tay Quốc vương Zahir Shah. Phần lớn hàng xóm của chúng tôi ở Fremont là những tài xế xe buýt, cảnh sát, những nhân viên trạm bán xăng dầu, và những bà mẹ không hôn thú hưởng phúc lợi xã hội, chính xác là toàn tầng lớp dân lao động chẳng mấy chốc sẽ ngạt thở dưới cái gối kiểu Reagan ép vào mặt họ. Baba là một người cộng hoà đơn độc trong chung cư của chúng tôi.

Nhưng khói Vùng Vịnh nhức mắt ông, tiếng ồn xe cộ làm ông đau đầu, và phấn hoa làm ông ho. Qua cây không đủ ngọt, nước không sạch lắm, và đâu rồi bao nhiêu cây cối với những cánh đồng rộng lớn? Hai năm trời, tôi cố khuyên Baba ghi tên vào những lớp ESL[49] để nâng cao thứ tiếng Anh vỡ lòng của ông. Nhưng ông mĩa mai ý tưởng đó. Ông càu nhàu: “Biết đâu ta phát âm được từ “mèo” và thầy giáo lại cho ta một ngôi sao nhỏ lấp lánh[50], thế là ta có thể chạy vội về nhà khoe nó với con.”

Một Chủ nhật mùa xuân năm 1983, tôi bước vào hiệu sách nhỏ bán sách cũ bìa mềm, gần rạp chiếu phim Ấn Độ, ngay phía Tây nơi giao nhau giữa Amtrak và Đại lộ Fremont. Tôi bảo Baba chừng năm phút tôi sẽ ra và ông nhún vai. Ông đang làm việc tại trạm bán xăng ở Fremont và hôm nay là ngày nghỉ. Tôi dõi theo ông đi bừa ngang qua Đại lộ Fremont rồi vào cửa hàng tạp hoá nhỏ Fast & Easy (Nhanh và Thoải mái) của một cặp vợ chồng già người Việt Nam, ông bà Nguyễn. Họ là những người thân thiện, tóc đã hoa râm, bà bị bệnh Parkinson, ông đã bị thay xương hông. Bà luôn cười móm mém bảo tôi: “Ông ấy bây giờ nửa người nửa máy giống như Người Đàn ông Sáu Triệu Đô la.”[51] “Người

Đàn ông Sáu Triệu Đô la, nhớ chưa, Amir?” Rồi ông Nguyễn thường vừa trừng mắt vừa giả vờ chạy tập tễnh như diễn viên Lee Majors[52].

Tôi đang lật qua một cuốn sách cũ nát, truyện trinh thám có nhân vật Mike Hammer[53], thì nghe thấy tiếng kêu thét và tiếng kính vỡ. Tôi thấy ông bà Nguyễn đang sau quầy hàng nép vào tường, mặt xám ngắt. Hai tay ông Nguyễn ôm lấy vợ mình. Trên nền nhà, những trái cam, một giá hàng bị lật nhào, một lọ thịt bò vỡ lãn long lóc và những mảnh kính vỡ dưới chân Baba.

Hoá ra Baba không mang theo tiền mặt để mua cam. Ông đã viết cho ông Nguyễn một tấm séc, và ông Nguyễn yêu cầu cho xem giấy chứng minh. “Lão ta muốn xem giấy phép của ta,” Baba rống lên bằng tiếng Farsi. “Gần hai năm nay chúng ta đã mua thứ hoa quả chết tiệt của lão, đút tiền vào túi lão và lão chó đẻ ấy lại muốn xem giấy phép của ta.”

- Baba, đây không phải là chuyện cá nhân, – tôi vừa nói, vừa mỉm cười với ông bà Nguyễn. – Họ được phép hỏi giấy chứng minh.

- Ta không muốn ông ở đây – ông Nguyễn vừa nói vừa bước ra đứng chắn trước bà vợ. Ông chỉ vào Baba bằng chiếc gậy chống của ông. Ông quay lại bảo tôi. – Anh là một thanh niên tốt, nhưng cha anh, ông ấy điên. Không thể hoan nghênh ông ta chút nào nữa.

- Lão ta tưởng ta là tên ăn cướp ư? – Baba to tiếng nói. Đám đông tụ tập ở bên ngoài. Họ đang nhìn chăm chăm. – Có cái đất nước nào như thế này không? Chẳng ai tin ai nữa.

- Tôi gọi cảnh sát, – bà Nguyễn ló mặt ra nói. – Ông ra đi không tôi gọi cảnh sát.

- Bà Nguyễn, xin bà đừng gọi cảnh sát. Tôi sẽ đưa ông ấy về nhà. Chỉ xin bà đừng gọi cảnh sát, được không ạ?

- Phải, anh đưa ông ấy về nhà đi. Nên thế, – ông Nguyễn nói. Đôi mắt ông, đằng sau cặp kính lão gọng thép, không rời Baba. Tôi dẫn Baba qua cửa. Ông đá vào giá hàng lúc đi ra. Sau khi tôi đã thuyết phục ông hứa không quay lại nữa, tôi trở lại cửa hàng và xin lỗi ông bà Nguyễn. Nói cho ông bà biết, cha tôi đang trải qua một thời kỳ khó khăn. Tôi cho ông bà Nguyễn địa chỉ và số điện thoại của chúng tôi, và bảo bà, tôi muốn có ước tính khoản thiệt hại. “Mong gọi cho tôi càng sớm càng tốt. Tôi sẽ đền đủ mọi thứ, bà Nguyễn. Tôi thành thực xin lỗi.” Bà Nguyễn cầm

mảnh giấy tôi trao và gập đầu. Tôi thấy hai tay bà run run hơn thường lệ, và làm tôi càng giận Baba, việc ông khiến một bà già phải run rẩy như thế.

- Cha tôi vẫn cần phải thích ứng dần với cuộc sống ở Mỹ, – tôi giải thích.

Tôi muốn nói cho họ biết rằng ở Kabul, chúng tôi bẻ một cành cây và sử dụng nó như một thẻ tín dụng. Hassan và tôi thường mang một chiếc que gỗ đến người làm bánh. Họ lấy dao khắc những vạch lên cây gậy của chúng tôi, một vạch là một ổ bánh naan mà họ thường kéo ra cho chúng tôi từ ngọn lửa cháy xèo xèo của lò nướng Tandoor. Vào cuối tháng, cha tôi trả tiền cho chủ tiệm theo số vạch khắc trên cây gậy. Có thể thôi. Không hỏi han gì. Không giấy chứng minh.

Nhưng tôi không nói với họ. Tôi cảm ơn ông Nguyễn đã không gọi cơm. Mang Baba về nhà. Ông dỗi và hút thuốc trên ban công, trong khi tôi nấu cơm với cổ gà hầm. Một năm rưỡi, từ khi chúng tôi bước xuống chiếc máy bay đến Peshawar, mà Baba vẫn đang thích ứng.

Tối đó chúng tôi ăn trong im lặng. Ăn được hai miếng, Baba đẩy đĩa của mình đi.

Tôi liếc nhìn ông qua bàn ăn, móng tay ông sứt mẻ đen sì đầu máu, các đốt ngón tay xước, mùi của trạm ga – dầu, bụi, mồ hôi và dầu diesel – đầy quần áo. Baba giống như một người đàn ông góa vợ đã tái hôn mà không thể dứt bỏ hẳn người vợ quá cố. Ông thiếu vắng những đồng mía ở Jalalabad và những vườn quả ở Paghman. Ông thiếu vắng đám đông ra ra vào vào ngôi nhà của ông, nhớ nhung chuyển đạo bộ xuống những lối đi nhộn nhịp của khu phố chợ Shor, đáp lại sự chào đón của mọi người quen biết ông, biết cả ông nội của ông, cha của ông, những người cùng chung tổ tiên với ông mà quá khứ của họ đều dây mơ rễ má với quá khứ của ông.

Đối với tôi nước Mỹ là một chốn để tôi chôn vùi ký ức.

Đối với Baba, là một chốn để tiếc thương ký ức của ông.

- Có lẽ chúng ta phải quay về Peshawar. – Tôi vừa nói vừa nhìn đá lèn lèn trong cốc nước của tôi. Chúng tôi đã trải qua sáu tháng ở Peshawar để đợi Sở Nhập cư và Nhập quốc tịch cấp visa. Căn hộ một giường cáu bẩn của chúng tôi sực mùi như mùi tất thối và phân mèo,

nhưng chúng tôi còn được quây quần với những người chúng tôi quen biết – ít nhất Baba cũng biết. Ông thường mời toàn thể những người hàng xóm cùng hành lang đến ăn tối, phần lớn bọn họ cũng là người Afghan đang đợi visa. Không tránh khỏi việc, ai đó thường mang đến một bộ trống và ai khác nữa, một cây phong cầm. Trà uống lai rai và bất kỳ ai có giọng hát một thời vang bóng thường hát cho đến khi mặt trời mọc, muỗi ngừng vo ve, tay vỗ đã sưng.

- Baba, ở đó sẽ hạnh phúc hơn, giống như ở quê hương hơn, – tôi nói.- Peshawar tốt cho ta. Nhưng không tốt cho con.

- Bố làm việc quá vất vả ở đây.

- Bây giờ không đến nỗi tệ lắm, – ông nói, ý ông là kể từ khi ông trở thành quản đốc ban ngày của trạm xăng dầu. Nhưng tôi đã thấy cách ông chau mày kỳ cọ cổ tay những ngày ẩm ướt. Cách mồ hôi ông nhễ nhại trên trán khi ông vớ lọ thuốc dạ dày sau bữa ăn.

- Vả lại ta không mang chúng ta đến đây vì ta, phải không?

Tôi vươn qua bàn đặt bàn tay tôi lên tay ông. Bàn tay học trò của tôi, sạch và mềm mại trên bàn tay lao động của ông nhem nhuốc và chai sạn. Tôi nghĩ tới mọi chiếc xe tải, những đoàn tàu và những xe đạp ông đã mua cho tôi ở Kabul. Bây giờ là nước Mỹ. Món quà cuối cùng cho Amir.

Đúng một tháng kể từ khi chúng tôi đến Hoa Kỳ, Baba tìm được công việc trên Đại lộ Washington, làm trợ lý cho một trạm bán xăng dầu mà ông chủ là một người Afghan quen biết. Ông bắt tay vào trông nom công việc ngay tuần lễ chúng tôi đến đó. Sáu ngày một tuần, mỗi ngày mười hai tiếng, Baba kiểm tra các kíp bơm ga, ghi chép sổ sách, thay dầu và rửa thanh gạt nước kính xe. Đôi khi tôi mang cơm trưa cho ông và thấy ông đang tìm một gói thuốc lá trên kệ, một khách hàng đang đợi ở bên kia máy đo dầu. Mặt Baba trông căng thẳng mệt mỏi và nhợt nhạt dưới ánh đèn huỳnh quang. Chuông điện ngoài cửa thường kính coong khi tôi bước vào, và Baba thường ngoái lại nhìn rồi mỉm cười, mắt ông nhỏ mồ hôi vì mệt mỏi.

Cùng cái ngày ông được thuê làm, Baba và tôi đến gặp nhân viên phòng phúc lợi xã hội ở San Jose, bà Dobbins. Bà là một phụ nữ da đen quá khổ, với đôi mắt lấp lánh và nụ cười má lúm đồng tiền. Bà kể với tôi một lần bà đã hát ở nhà thờ, và tôi tin bà, bà có giọng nói làm tôi nghĩ

đến sữa nóng và mật ong. Baba ném đồng tem thực phẩm xuống bàn làm việc của bà.

- Cảm ơn bà, tôi không muốn, – Baba nói. – Tôi luôn luôn làm việc. Ở Afghanistan tôi làm việc, ở Mỹ tôi cũng làm việc. Cảm ơn bà nhiều lắm, bà Dobbins, nhưng tôi không thích thứ miễn phí đó. Bà Dobbins chớp chớp mắt. Nhặt đám tem thực phẩm lên, hết nhìn tôi lại nhìn Baba như thể chúng tôi đang chơi trò đùa bỡn hoặc “cho bà một quả lừa”, như Hassan quen nói. Bà nói:

- Mười lăm năm tôi từng làm cái nghề này và chưa ai từng làm thế bao giờ.

Và đó là cái cách Baba đã chấm dứt những khoảnh khắc tủi nhục về tem thực phẩm tại máy thu tiền, và làm dịu bớt một trong những nỗi sợ lớn nhất của ông: Một người Afghan sẽ thấy ông mua thực phẩm bằng tiền từ thiện. Baba ra khỏi phòng phúc lợi xã hội như người được chữa lành một cái ung nhọt.

Mùa hè năm 1983, tôi tốt nghiệp trung học ở tuổi hai mươi, nhiều tuổi hơn người nhiều tuổi nhất tung chiếc mũ tú tài của mình lên sân bóng đá hôm đó. Tôi như lạc mất Baba trong đám đông các gia đình, những máy ảnh loé đèn, và những áo choàng xanh. Tôi thấy ông gần hàng người đứng cách chừng hai mươi mét, hai tay thọc túi, máy ảnh lúng lẳng trước ngực. Ông biến mất rồi lại hiện ra sau những người đang đi đi lại lại giữa chúng tôi: những cô gái mặc đồ xanh láng bóng đang kêu ré, ôm chặt lấy nhau đang khóc, những chàng trai và các ông bố mình giơ cao hai ngón tay hình chữ V^[54] chúc mừng nhau. Râu cằm của Baba đang lốm đốm bạc, tóc ông mỏng bớt hai bên thái dương, và ở Kabul ông chẳng đã từng cao lớn hơn thế? Ông mặc bộ đồ nâu – bộ cánh duy nhất của ông, vẫn cái bộ ông mặc đi dự đám cưới và đám tang người Afghan – và chiếc nơ đỏ mà tôi đã mua vào lần sinh nhật thứ năm mươi của ông. Rồi ông nhìn thấy tôi và vẫy tay. Mỉm cười. Ông ra hiệu cho tôi đội chiếc mũ tú tài vào rồi chụp một kiểu ảnh cho tôi, với cái tháp đồng hồ nhà trường ở hậu cảnh. Tôi mỉm cười vì ông – ngụ ý đây là ngày vui của ông hơn là ngày vui của tôi. Ông bước lại gần tôi, vòng tay ôm lấy cổ rồi, rồi hôn lên lông mày tôi chỉ một cái hôn duy nhất và nói: “Amir, ta lấy làm

moftakhir[55]”. Tự hào. Đôi mắt ông sáng ngời khi ông nói thế, và tôi thích được là điểm đến của cái nhìn đó.

Ông dẫn tôi đến một nhà hàng thịt cừu Kabob của người Afghan ở Hayward tối đó, và gọi quá nhiều món ăn. Ông nói cho chủ nhà hàng biết con trai ông mùa này sẽ vào đại học. Tôi đã tranh luận với ông về việc đó ngay trước khi tôi tốt nghiệp trung học và bảo ông tôi muốn kiếm một việc làm. Đỡ dần ông, để dành tiền, có thể vào đại học năm sau. Nhưng ông đã hạ tôi bằng một cái nhìn nung nấu tình cha con và những lời tôi định nói đều bốc hơi hết trên miệng lưỡi.

Sau bữa ăn, Baba dẫn tôi vào một quán bar đối diện với nhà hàng, ở bên kia con phố. Một nơi nhờ nhờ sáng và mùi hăng của bia mà tôi luôn luôn không ưa ngấm cả vào tường. Những người đàn ông đội mũ bóng chày, nhóm người chơi bi-a mặc áo may ô, những đám khói thuốc lá ấp ủ loạt bàn xanh, cuộn lên trong ánh sáng huỳnh quang. Chúng tôi khiến nhiều con mắt để ý đến. Baba trong bộ lễ phục nâu và tôi trong chiếc quần phẳng nếp, áo khoác thể thao. Chúng tôi kiếm chỗ ngồi tại quầy gần một ông già, bộ mặt như da thuộc của ông thiếu não trong ánh sáng xanh từ chiếc đèn nhấp nháy trên đầu. Baba châm một điếu thuốc lá và gọi bia cho chúng tôi. “Tối nay tôi quá hạnh phúc.” Ông tuyên bố chẳng với ai cả. “Tối nay, tôi uống với con trai tôi. Và một cốc, xin mời, vì ông bạn của tôi,” ông vừa nói vừa vỗ vào vai ông già. Ông bạn già ngả mũ và mỉm cười. Ông không còn hàm răng trên.

Baba uống ba hơi hết cốc bia và gọi cốc nữa. Ông uống hết ba cốc trước khi tôi cố gượng uống hết một phần tư cốc. Tiếp đó ông mua cho ông già một ly scotch và đãi nhóm bốn người chơi bi-a một chung bia Budweiser. Mọi người bắt tay ông và vỗ vào lưng ông. Họ uống chúc mừng ông, có người châm thuốc lá cho ông. Baba nói bớt nơ cổ và đưa cho ông già một năm đồng hai nhăm xu, ông chỉ vào máy nghe nhạc[56] rồi bảo tôi: “Bảo ông ta chơi bài hát nào ông ấy thích.” Ông già gật đầu, chào Baba. Ngay lúc đó, nhạc đồng quê nổi lên ồm ồm, và chỉ thế thôi, Baba bắt đầu một bữa tiệc. Một giờ đúng, Baba đứng dậy, nâng cốc bia lên, đổ tràn xuống sàn mặt cửa và hét to: “Đù mẹ bọn Nga.” Tiếng cười của cả quán rượu, rồi những tiếng vọng nghèn nghẹn tiếp theo. Baba mua một lượt bia nữa cho khắp mọi người.

Khi chúng tôi đi khỏi, mọi người đều có vẻ buồn. Kabul, Peshawar, Hayward. Vẫn ông già Baba ấy, tôi mỉm cười nghĩ.

Tôi lái xe đưa chúng tôi về nhà trong chiếc xe cũ màu vàng đất nhãn hiệu Buick Century. Baba ngủ gật suốt dọc đường, ngáy vang như một cái búa máy. Tôi nghĩ thấy mùi thuốc lá và côn, ngọt và hăng nồng. Nhưng khi tôi đỗ xe, ông ngồi bật dậy và nói bằng giọng khàn khàn:

- Cứ cho xe chạy tiếp đến cuối dãy nhà đi.

- Tại sao, Baba?

- Cứ lái đi, – ông bắt tôi phải đỗ ở đầu phía Nam của đường phố. Ông thò tay vào túi áo khoác và trao cho tôi một chùm chìa khoá.

- Đó, – ông vừa nói vừa chỉ vào chiếc xe trước mặt chúng tôi. Đó là một chiếc Ford đời cũ dài và rộng, sẫm màu mà tôi không thể phân biệt được dưới ánh trăng, – cần phải sơn lại, và bố đã nhờ một cậu ở trạm ga siết lại những chỗ rung lắc mới, nhưng nó vẫn tốt.

Tôi cầm chùm chìa khoá, sửng sờ. Tôi hết nhìn ông lại nhìn cái xe.

- Con cần nó để đi đến trường đại học, – ông nói. Tôi nắm lấy tay ông. Bóp chặt. Nước mắt tôi ứa ra và tôi mừng vì bóng tối đã che khuất mặt tôi.

- Con cảm ơn Baba.

Chúng tôi đi ra và ngồi vào trong chiếc xe Ford. Nó là một chiếc Torino lớn. Màu xanh nước biển, Baba bảo vậy. Tôi lái nó vòng quanh dãy nhà, thử phanh, radio và đèn xi nhan. Tôi cho đỗ vào bãi để xe của chung cư và tắt máy. Tôi nói:

- Tashakor[57], Baba jan.

Tôi muốn nói thêm nữa, muốn bảo ông tôi cảm động biết bao vì lòng tốt của ông, tôi đánh giá cao biết mấy tất cả những gì ông đã làm vì tôi, những gì ông vẫn đang làm. Nhưng tôi biết tôi sẽ làm ông ngượng. Tôi đành nhắc lại:

- Tashakor.

Ông mỉm cười ngả người tựa đầu vào gối nghĩ, trán ông gần như chạm trần xe. Chúng tôi không nói gì. Chỉ ngồi trong bóng tối, lắng nghe tiếng tinh tinh của động cơ đã mát, tiếng còi ừ ở xa xa. Rồi Baba ngả đầu về phía tôi và nói:

- Bố chỉ mong Hassan ở đây cùng với chúng ta, hôm nay.

Đôi bàn tay thép bóp chặt quanh khí quản của tôi khi nghe thấy tên Hassan. Tôi ngả người ra ngoài cửa xe. Đợi cho tới khi những cái tay sắt nới lỏng không xiết chặt nữa.

Tôi sẽ ghi tên vào các lớp dự bị Đại học vào mùa thu này, tôi bảo với Baba sau ngày tốt nghiệp như thế. Ông đang uống trà đen và nhai hạt bạch đậu khấu, thử thuốc giải độc của riêng ông và ông tin nó chữa được đau đầu.

- Con nghĩ con sẽ mạnh về tiếng Anh, – tôi nói, nén lòng chờ ông trả lời.

- Tiếng Anh?

- Làm nghề sáng tác văn chương. Ông cân nhắc việc đó. Nhấp trà.

- Ý con nói là viết truyện. Con sẽ viết truyện, – tôi nhìn xuống chân.

- Viết truyện, người ta trả tiền cho việc viết truyện à?

- Nếu anh viết hay, và nếu anh được phát hiện, – tôi nói.

- Được phát hiện, có chắc không?

- Ngẫu nhiên thôi, – tôi đáp.

Ông gật đầu:

- Và con sẽ làm gì trong khi con chờ viết được hay và được phát hiện? Con sẽ kiếm tiền thế nào? Nếu con lấy vợ, con sẽ giúp đỡ khanum[58] của con thế nào?

Tôi không thể ngược mắt lên gặp mắt ông:

- Con sẽ... tìm một nghề.

-Ồ, – ông nói. – Chà chà! Vậy, nếu theo ta hiểu, con sẽ học vài năm để kiếm một cái bằng, rồi con sẽ kiếm một nghề, cực nhọc chatti[59] như nghề của ta, một nghề mà hôm nay con có thể kiếm dễ như bỡn, còn với một cơ may nhỏ nhoi là cái bằng của con một ngày nào đó sẽ giúp con được... phát hiện.

Ông thở một hơi sâu và uống trà. Làm bầm gì đó về trường y, trường luật, và “công việc thực tế.” Má tôi nóng bừng và tội lỗi như chảy khắp trong người, cái tội chiều theo bản tính của mình với cái giá là bệnh loét dạ dày của ông, những ngón tay đen của ông và cổ tay ông đau nhức. Nhưng tôi sẽ giữ vững lập trường của tôi, tôi quyết thế. Tôi không muốn hy sinh cho Baba thêm chút nào nữa. Lần cuối cùng tôi làm như thế, tôi đã nguyện rửa bản thân.

Baba thở dài, và lần này ông hát cả một vốc bạch đậu khấu vào miệng. Đôi khi tôi ngồi sau tay lái chiếc Ford, kéo cửa kính xuống, và lái hàng mấy giờ liền từ Vịnh Đông cho tới Vịnh Nam, lên Bán đảo rồi quay trở lại. Tôi lái xe giữa những hàng rào lưới sắt của những đường phố có hàng cây bông gạo trong quận Fremont của chúng tôi, nơi người dân không bao giờ bắt tay những ông vua sống trong dãy nhà mái bằng một tầng tồi tàn cửa sổ trần trụi nơi loại xe cũ như của tôi rớt dầu trên đường xe rải nhựa. Những hàng rào mắt cáo xám chì rào kín mọi sân sau trong quận của chúng tôi. Những đồ chơi, lốp mòn, những vỏ chai bia đã bóc nhãn vứt rải rác trên các bãi cỏ luộm thuộm trước nhà. Tôi lái xe qua ba công viên um tùm bóng mát sức mùi vỏ cây qua những dải thị tứ đủ rộng để tổ chức được đồng thời năm cuộc đua ngựa Buzkashi. Tôi lái chiếc Torino lên các dãy đồi của Los Altos, chạy chậm chậm qua những cơ ngơi có cửa sổ rộng kính liền với đôi sư tử bằng bạc gác cổng sắt hoa, những toà nhà có đài phun nước hình thiên sứ dọc theo lối đi bộ được cắt tía cẩn thận và không có chiếc xe Ford Torino nào trên lối vào. Những toà nhà khiến ngôi nhà của Baba ở quận Wazir Akbar Khan trông giống như túp lều của đày tớ.

Một vài sáng Chủ nhật tôi dậy từ sớm và lái xe về phía Nam theo xa lộ 17, cho chiếc Ford leo lên con đường quanh co qua những triền núi đến Santa Cruz. Tôi thường đỗ xe ở ngôi nhà hải đăng cổ, đợi mặt trời mọc, ngồi trong xe và ngắm sương mù bồng bềnh trên mặt biển. Ở Afghanistan, tôi chỉ nhìn thấy đại dương ở rạp chiếu phim. Ngồi trong bóng tối, cạnh Hassan, tôi luôn luôn thắc mắc liệu có đúng như tôi đọc, không khí ở biển có mùi muối không. Tôi thường bảo Hassan rằng một ngày nào đó chúng tôi sẽ dạo bộ dọc dải bờ biển rải rác rong tảo, thọc đôi chân vào trong cát và ngắm nước biển rút khỏi gót chân. Lần đầu tiên nhìn thấy Thái Bình Dương, tôi suýt kêu to lên. Nó mênh mênh và xanh biếc như trên những màn hình phim ảnh tuổi thơ tôi.

Đôi khi trong những buổi chiều sớm, tôi đỗ xe và đi bộ lên một chiếc cầu vượt xa lộ. Mặt tôi áp vào hàng rào, tôi cố đếm những đèn hậu đỏ lừ nhấp nháy nối đuôi nhau, kéo dài mãi, chừng nào mắt tôi còn có thể trông thấy. Những chiếc BMW, những chiếc Saab, những chiếc Porsche.

Những chiếc xe chưa bao giờ tôi trông thấy ở Kabul, nơi phần lớn đều lái những chiếc Volga Nga, Opel cũ, hoặc Paikan của Iran.

Đã gần hai năm kể từ khi tôi đến Hoa Kỳ, và tôi vẫn còn kinh ngạc trước tầm cỡ của đất nước này, sự mênh mông của nó. Ra khỏi xa lộ này lại có xa lộ khác, ra khỏi mỗi thành phố lại là thành phố khác, đồi qua núi, núi qua đồi và ra khỏi đồi núi lại nhiều thành phố hơn, nhiều cư dân hơn.

Từ lâu trước ngày quân Roussi rầm rộ tiến vào Afghanistan, từ lâu trước khi làng mạc bị đốt cháy, trường học bị phá huỷ, từ lâu trước ngày mình được gài lại như hạt giống của chết chóc và trẻ con bị chôn trong những ngôi mộ vùi đá, Kabul đã trở thành một thành phố của những bóng ma đối với tôi. Một thành phố của những bóng ma.

Nước Mỹ khác hẳn. Nước Mỹ là một con sông gầm réo suốt dọc dòng chảy, không bận tâm đến quá khứ. Tôi có thể lội trong con sông ấy, để tội lỗi của tôi chìm tận đáy, để nước mang tôi tới một nơi thật xa. Một nơi không còn bóng ma, không còn ký ức, không còn tội lỗi.

Nếu không vì cái gì khác, tôi ôm hôn nước Mỹ vì điều đó.

Mùa hè năm sau, mùa hè năm 1984 – mùa hè tôi đã hai mốt tuổi – Baba bán chiếc Buick của ông và mua một chiếc xe buýt Volkswagen xộc xệch với giá 550 đô la từ một ông già Afghan quen biết, từng là giáo viên khoa học của một trường trung học ở Kabul. Những người hàng xóm nhúc óc mỗi buổi chiều khi chiếc xe đó phì phò lao lên đường phố và nổ bùm bụp trên lối đi qua bãi đỗ xe của chúng tôi. Baba tắt máy để xe lăn lạng lẽ tới điểm đỗ xe đã được chỉ định. Chúng tôi ngồi lún xuống trong ghế của mình, cười cho đến khi nước mắt vãi ra lăn xuống má, và quan trọng hơn, là cho đến lúc chúng tôi tin chắc những người hàng xóm không còn chú ý tới nữa. Chiếc xe buýt là một cái xác buồn của sắt gỉ, của cửa kính vỡ tan được thay bằng bao bì đen phế thải, lớp mòn bóng và đệm ghế thì rách nát xuống tận lò xo. Nhưng ông giáo già đã cam đoan lần nữa với Baba rằng máy móc và bộ phận truyền động còn tốt, và về khoản ấy ông không nói dối.

Vào những ngày thứ Bảy, Baba đánh thức tôi dậy từ lúc bình minh. Trong lúc ông mặc quần áo, tôi xem qua mục thông tin quảng cáo trong những tờ nhật báo địa phương và khoanh lại những quảng cáo giữa bản

đồ cũ. Chúng tôi vạch lộ trình trên bản đồ – Fremont, Union City, Newark, và trước hết là Hayward, rồi San Jose, Milpitas, Sunnyvale, và Campbell nếu thời gian cho phép. Baba lái chiếc xe buýt, nhấp trà nóng trong phích, còn tôi chỉ đường. Chúng tôi dừng lại ở những gara bán đồ cũ và mua mọi thứ lật vặt mà người ta không còn chuộng nữa. Chúng tôi kỳ kèo mặc cả những cái máy khâu cũ, những on búp bê Barbie một mắt, vợt tennis gỗ, đàn ghita mất dây, và những máy giặt Electrolux cũ. Đến giữa trưa chúng tôi đã chất đầy thùng chiếc xe buýt VW toàn đồ cũ. Rồi những sáng sớm Chủ nhật, chúng tôi lái xe đến chợ trời San Jose quá Berryessa, thuê một chỗ bán đồng đồ tạp nham ấy, lấy chút ít lời lãi: Một chiếc đĩa hát Chicago chúng tôi mua hai năm xu hôm trước, có thể bán được một đô, hoặc bốn đô một bộ năm chiếc, một máy khâu Singer ọp ẹp mua mười đô, sau khi mặc cả có thể lên tới hai mươi lăm đô.

Tới mùa hè năm đó, các gia đình Afghan chiếm toàn bộ một khu của chợ trời San Jose. Nhạc Afghan chơi ở lối đi giữa hai dãy của khu Đồ Cũ. Có một bộ luật không thành văn về việc ứng xử giữa những người Afghan với nhau ở chợ trời: Anh chào đón một anh chàng qua lối đi, anh mời hân một miếng bánh bolani[60] hoặc một chút qabuli, và anh tán chuyện. Anh tỏ lời tassali[61] trước cái chết của một bậc sinh thành, chúc mừng trẻ con chào đời, và lắc đầu buồn bã khi câu chuyện tất yếu chuyển sang Afghanistan và bọn Roussi. Nhưng anh phải tránh chủ đề hôm thứ Bảy. Bởi vì hoá ra, cái gã đi ngang qua hai dãy hàng lại là anh chàng đã suýt bất ngờ bị anh nện, ở lối ra xa lộ hôm trước để nhắc nhở việc bán hàng đồ cũ đã hứa hẹn. Điều duy nhất rôm rả hơn trà ở giữa hai dãy hàng là chuyện ngòi lê của người Afghan. Chợ trời là nơi mà bạn nhấp trà xanh với kolchas[62] hạnh nhân và biết được con gái của ai đã phá hôn ước và chạy theo bạn trai Mỹ của mình, ai vốn là Parchami, một người cộng sản, ở Kabul, ai đã mua một ngôi nhà bằng tiền phi pháp, trong khi vẫn hưởng trợ cấp xã hội. Trà, chính trị, bê bối, những thành phần của ngày Chủ nhật Afghan ở chợ trời. Đôi khi tôi đứng quây, trong khi Baba thông thả xuống lối đi hai tay kính cần ép vào ngực chào mọi người ông quen biết từ khi còn ở Kabul: Những thương nhân và những thợ may bán áo khoác len hàng mặc thừa và những mũ xe đạp trầy xước,

bên những ông cựu đại sứ, nhà giải phẫu thất nghiệp và giáo sư đại học thất nghiệp.

Một buổi chiều sớm, Chủ nhật tháng Bảy năm 1984, trong khi Baba đứng đó, tôi mua hai tách cà phê giảm giá và quay lại, thấy Baba đang nói chuyện với một người đàn ông già hơn trông có vẻ danh giá. Tôi đặt hai tách cà phê trên cái chắn hậu của chiếc xe buýt, gần một cái khẩu hiệu: ỦNG HỘ REAGAN / BUSH khoá 84.

- Amir. – Baba vừa nói vừa vẫy tôi qua, – đây là tướng quân Sahib, ngài Iqbal Taheri. Ông là một vị tướng được huân chương ở Kabul. Ông làm việc ở Bộ Quốc phòng.

Taheri. Tại sao cái tên nghe có vẻ quen thế?

Ông tướng cười như một người đã quen dự những bữa tiệc linh đình, nơi ông từng cười lấy lòng trước những câu đùa nhạt nhẽo nhất của các nhân vật quan trọng. Ông có những món tóc xám như bạc chải hất từ cái trán bóng mượt và sạm nắng ra đằng sau, cùng những túm lông trắng trên đôi mày rậm. Người ông sực mùi nước hoa Cologne trong bộ com lê xẻ tà màu xám sắt, bóng nhẫy vì là quá kỹ, một dây đeo bằng vàng của chiếc đồng hồ bỏ túi lủng lẳng trên áo vest của ông.

- Giới thiệu nhau trịnh trọng khiếp chưa! – Ông nói, giọng ông trầm và có vẻ học thức. – Salaam, bachem[63].

- Salaam, tướng quân Sahib – Tôi vừa nói vừa bắt tay ông. Bàn tay thon thả của ông bắt chặt, dễ làm người ta hiểu lầm, như thể có thép giấu dưới vẻ bề ngoài của làn da ấm mát.

- Amir định trở thành một nhà văn lớn đấy. – Baba nói. Và tôi phải hiểu điều đó theo hai nghĩa. – Nó đã học xong năm thứ nhất đại học và đạt điểm A ở tất cả các môn.

- Mới là dự bị đại học thôi. – Tôi chữa lại.

- Mashallah! Hoan hô! – Tướng Taheri nói, – có lẽ cháu sẽ viết về lịch sử đất nước chúng ta? Hay kinh tế học?

- Cháu viết truyện, – tôi nói, vừa nghĩ tới một tá truyện cực ngắn tôi đã viết trong cuốn sổ tay bìa bọc da mà chú Rahim Khan đã tặng tôi, vừa tự hỏi tại sao lại đột nhiên ngượng ngập vì chúng trước mặt người đàn ông này.

- À, một người kể chuyện, – ông tướng nói. – Tốt lắm, mọi người đang cần những chuyện kể để giải khuây vào thời buổi khó khăn này. – Ông đặt tay lên vai Baba rồi quay lại tôi. – Lại nói về những câu chuyện, cha cháu và bác đã cùng đi săn vui thích với nhau một ngày hè ở Jalalabad. Một thời kỳ tuyệt diệu. Nếu bác nhớ không nhầm, mắt cha cháu tỏ ra rất tinh trong săn bắn cũng như việc kinh doanh.

Baba lấy gót ủng đá vào chiếc vợt tennis cán gỗ trên tấm vải bạt trải ra:

- Kinh doanh thế đấy. Tướng Taheri nở một nụ cười vừa buồn vừa lịch sự, buông một tiếng thở dài, và tế nhị vô vào vai Baba:

- Zendagi Migzara[64]! – Ông nói. Mắt ông quay sang tôi. – Những người Afghan chúng ta đang có khuynh hướng cường điệu ghê gớm, bachem ạ, và bác đã được nghe nói nhiều người gán cho mình cái nhân vĩ đại một cách ngu xuẩn. Nhưng cha cháu có cái ưu điểm thuộc một số ít người thực sự xứng đáng với danh tiếng của mình.

Với tôi câu nói ngắn gọn ấy nghe thật giống bộ đồ của ông, cũ rồi nhưng bóng bẩy phi thường.

- Ông đang tâm bốc tôi đấy, – Baba nói.

- Không đâu, – ông tướng vừa nói vừa ngả đầu về một bên và ép bàn tay vào ngực, tỏ ý khiêm nhường:

- Lũ con trai và con gái phải biết tài sản của cha chúng để lại ông quay lại tôi. – Cháu có đánh giá cao cha cháu không, bachem? Cháu có thực sự đánh giá cao cha cháu không?

- Balay, thừa tướng quân Sahib, cháu có ạ. – Tôi vừa nói vừa mong ông đừng gọi tôi là “con trai ta”.

- Vậy, xin chúc mừng, cháu đã trưởng thành được một nửa rồi. – Ông nói, không có dấu hiệu gì là hài hước, châm biếm, lời chúc mừng của ngạo mạn không chủ đích.

- Padar[65] jan, bố quên trà của bố rồi, – giọng của một phụ nữ trẻ.

Cô đứng đằng sau chúng tôi, một người đẹp eo hông thon thả, tóc đen nhánh như nhung, một phích nước và một tách nhựa mỏng trên tay. Tôi chớp mắt, tim tôi đập rộn. Cô có đôi mày đen, rậm gần giao nhau ở giữa, trông như đôi cánh cong của một con chim đang bay, và sống mũi hơi cong duyên dáng của một quận chúa từ nước Ba Tư cổ – có thể là mũi

của Tabmineh, vợ vua Rostam và mẹ của Sohrab trong truyện Shahnamah. Đôi mắt cô, màu nâu quả óc chó rợp bóng hàng lông mi hiu hiu như quạt, gặp đôi mắt của tôi. Khựng lại một lúc. Rồi bay mất.

- Con ngoan quá, con yêu quý, – tướng Taheri nói. Ông cầm chiếc tách từ tay cô. Trước khi cô quay đi, tôi nhìn thấy cô có một vết chàm nâu hình lưỡi liềm trên làn da mịn đúng ở mép hàm trái. Cô bước đến một chiếc xe chở hàng màu xám nhờ, và để cái phích vào trong. Tóc cô chảy xuống một bên, khi cô quỳ xuống giữa những hộp đĩa hát cũ và sách bìa thường.

- Con gái ta, Soraya jan. – Tướng Taheri nói. Ông hít một hơi thật sâu như một người đang rất muốn đổi chủ đề chuyện và kiểm tra chiếc đồng hồ vàng bỏ túi.

- Ồ đến giờ đi bán hàng rồi.

Ông và Baba hôn nhau lên má và ông bắt tay tôi bằng cả hai tay:

- Chúc việc viết văn gặp may mắn nhất.

Ông vừa nói vừa nhìn vào mắt tôi. Đôi mắt màu lơ nhạt của ông chẳng để lộ ra một chút gì những ý nghĩ ẩn phía sau.

Suốt từ lúc ấy cho đến hết ngày, tôi luôn phải chống lại khao khát được nhìn về phía chiếc xe chở hàng màu xám. Tôi sức nhớ ra trên đường về nhà, Taheri. Tôi biết trước đây tôi đã được nghe nói tới cái tên ấy.

- Không có chuyện đồn thổi gì đó xung quanh cô con gái ông Taheri chứ? – Tôi cố làm ra vẻ tình cờ hỏi Baba.

- Con biết ta rồi đấy, – Baba vừa nói vừa cho chiếc xe buýt nhích sát vào hàng xe nối đuôi nhau ở lối ra của chợ trời. – Chuyện trò mà chuyển thành chuyện ngồi lê là ta bỏ đi ngay.

- Nhưng có chuyện đó, phải không bố? – Tôi hỏi.

- Tại sao con lại hỏi? – Ông rụt rè nhìn tôi.

Tôi nhún vai và đáp trả ông bằng một nụ cười:

- Tò mò thôi mà Baba.

- Thật ư? Chỉ có thể thôi ư? – Ông hỏi, mắt ông bấn cợt, không rời khỏi mắt tôi. – Nó để lại ấn tượng với con ư?

Tôi đảo mắt nói:

- Xin Baba đi. Ông mỉm cười, cho chiếc xe chồm ra khỏi chợ trời. Chúng tôi tiến về xa lộ 680 và im lặng trên xe được một lúc.

- Tất cả những gì bố được nghe là từng có một người đàn ông và mọi chuyện... không suôn sẻ, – ông nói một cách nghiêm trọng như thể tiết lộ với tôi rằng cô gái ấy bị ung thư phổi.

- Ô.

- Bố nghe nói con bé là một cô gái đoan trang, chịu khó và rất tốt. Nhưng chẳng có khastegars[66] nào, từ đó tới gõ cửa nhà ông tướng, – Baba thờ dài. – Có thể là thành kiến, nhưng những gì xảy ra trong một vài ngày, đôi khi có thể chỉ một ngày, cũng dễ làm đổi thay hướng đi của cả đời người, Amir ạ.

Nằm thao thức trên giường đêm đó, tôi nghĩ đến vết chàm hình lưỡi liềm, đến cái mũi trang nhã của Soraya Taheri và cái cách đôi mắt người sáng của cô không buông tha mắt tôi trong khoảnh khắc. Tim tôi đập một cách khó khăn khi nghĩ tới cô. Soraya Taheri. Nữ Quận chúa Tao ngộ của tôi.

Chương 12

Afghanistan, yelda là đêm đầu tiên của tháng Jadi, đêm đầu tiên của mùa đông, và là đêm dài nhất của cả năm. Theo tục lệ truyền thống, Hassan và tôi thường đi ngủ muộn, chân chúng tôi luôn dưới bàn sưởi kursi, trong khi ông Ali ném vỏ táo vào lò sưởi và kể cho chúng tôi những câu chuyện cổ xưa về các Sultan và những tên trộm cắp để qua cái đêm dài nhất các đêm. Chính từ ông Ali mà tôi biết được những chuyện truyền miệng về yelda, rằng những con thiêu thân ma tự lao mình vào những ngọn nến và chó sói leo lên các ngọn núi ôm mặt trời. Ông Ali thề rằng, nếu anh ăn dưa hấu vào đêm yelda, mùa hè năm sau anh sẽ không thấy khát.

Khi nhiều tuổi hơn, tôi đọc trong một cuốn sách thơ, yelda là đêm không sao, những khách tình si đau khổ thức miệt mài cầu kinh, chịu đựng bóng đêm dài vô tận, đợi mặt trời mọc mang theo người yêu của họ. Sau khi tôi gặp Soraya Taheri, mỗi đêm trong tuần đều trở thành một yelda đối với tôi. Và khi sáng Chủ nhật tới, tôi dậy khỏi giường, khuôn mặt Taheri mắt nâu đã ngự trị trong đầu óc tôi. Trong xe buýt của Baba, tôi đếm các dặm đường cho tới khi tôi thấy nàng ngồi, chân trần, sắp xếp đám hộp các tông đựng những cuốn từ điển bách khoa thư ố vàng, hai gót chân nàng trắng nõn trên nhựa đường, những vòng bạc lạnh canh quanh hai cổ tay mảnh mai của nàng. Tôi thường nghĩ tới bóng tóc nàng in trên mặt đất, khi mớ tóc tuột khỏi lưng nàng và rủ xuống như một tấm rèm nhung. Soraya. Nữ Quận chúa Tao ngộ của tôi. Mặt trời buổi sáng cho yelda của tôi.

Tôi bịa ra nhiều cố đề thông thả đi dọc dãy bán hàng – mảnh này Baba nhận ra bằng một nụ cười khoái chí – và đi qua chỗ cha con ông Taheri đứng. Tôi thường vẫy tay chào vị tướng, người luôn luôn mặc bộ đồ xám là bóng loáng, và ông cũng vẫy lại. Đôi khi ông còn rời chiếc ghế chủ hàng và chúng tôi sẽ huyên thuyên về chuyện viết lách của tôi, về chiến tranh, những mặc cả mua bán trong ngày. Tôi thường buộc mắt mình không được la lém, lảng vảng nơi Soraya đang ngồi đọc một cuốn sách bìa mềm. Vị tướng và tôi thường chào tạm biệt nhau và tôi cố không tỏ vẻ thẫn thờ khi đi khỏi.

Đôi khi nàng ngồi một mình, ông tướng đã bỏ đi đến một dãy hàng nào đó khác để góp vui, và tôi thường bước qua, vờ như không biết nàng, dù muốn đến chết đi được. Đôi khi nàng ngồi đó với một người đàn bà trung niên hơi béo, nước da nhợt nhạt, tóc nhuộm đỏ. Tôi tự hứa với mình là sẽ nói chuyện với nàng trước khi kỳ hè trôi qua, nhưng năm học đã trở lại, lá cây đỏ dần, vàng úa, rồi rơi rụng và mưa đông ào tới, đánh thức những tụ điểm ăn uống rẻ tiền của Baba, những lá non một lần nữa lại đâm chồi, và tôi vẫn chưa đủ can đảm ngay cả tới việc nhìn thẳng vào mắt nàng.

Ba tháng mùa xuân kết thúc vào cuối tháng Năm năm 1985. Tôi đạt loại A tất cả những môn học đại cương, một kỳ tích tối thiểu để tôi có thể bước vào giảng đường và nghĩ tới cánh mũi cong mềm mại của Soraya.

Thế rồi một Chủ nhật oi bức mùa hè năm đó, Baba và tôi đang ở chợ trời, ngồi trong lều của chúng tôi, lấy báo quạt mặt. Mặc dầu mặt trời chiếu xuống như sắt nung, nhưng chợ hôm đó nhung nhúc người và hàng hoá tiêu thụ mạnh. Mới chỉ 12 giờ rưỡi, nhưng chúng tôi đã bán được một trăm sáu mươi đô. Tôi đứng dậy, vươn vai và hỏi Baba, ông có muốn uống một hộp Coca không. Ông nói ông có muốn.

- Cần thận đấy, Amir. – ông nói khi tôi bước đi.

- Về chuyện gì ạ, Baba?

- Ta không phải là một ahmaq[67], nên đừng chơi trò ngớ ngẩn với ta.

- Con không hiểu bố đang nói gì?

- Hãy nhớ điều này, – Baba vừa nói vừa chỉ vào tôi. – Đàn ông phải Pashtun tận gốc. Phải có nang. Có namoos. Nang và namoos. Danh dự và tự hào. Những giáo lý của đàn ông Pashtun. Nhất là khi đụng đến phẩm hạnh trong trắng của một người vợ. Hoặ con gái người ta.

- Con chỉ định đi mua đồ uống cho chúng ta.

- Miễn là đừng làm ta ngượng mặt, đó là tất cả những gì ta yêu cầu.

- Con sẽ không, con thề đấy, Baba.

Baba châm một điếu thuốc lá và lại quạt tiếp.

Lúc đầu, tôi đi về phía lều giảm giá, rồi rẽ trái lại chỗ quầy bán áo phông, chỗ đó chỉ với năm đô bạn có thể có bộ mặt của Jesus, Elvis, Jim Morrison hoặ cả ba in trên áo phông ni lông trắng. Nhạc Mariachi chơi ở trên cao và tôi ngửi thấy mùi dưa góp và thịt nướng.

Tôi phát hiện ra chiếc xe chở hàng màu xám của gia đình Taheri cách chỗ chúng tôi hai dãy, cạnh một ki ốt bán xoài xâu que. Nàng ngồi một mình đọc sách. Hôm nay váy đầm dài tận gót chân màu trắng. Dép lê. Tóc chải ngược, búi lại trên đầu thành hình bông hoa tuy líp. Tôi định chỉ lại bước qua và tôi tưởng đây tôi đã đi qua rồi, thế mà bất ngờ tôi lại đang đứng ở mép chiếc khăn trải bàn trắng của nhà Taheri, chăm chú nhìn Soraya qua các gọng sắt cong và những chiếc cà vạt. Nàng ngược nhìn lên.

- Salaam, – tôi nói. – Tôi xin lỗi đã làm phiền. Tôi không định quấy rầy cô.

- Salaam.

- Tướng quân Sahib hôm nay có đến đây không? – Tôi nói. Hai tai tôi nóng bừng. Tôi không thể ép nổi mình nhìn vào đôi mắt nàng.

- Ông ấy đi lối kia, – nàng nói, chỉ về phía bên phải. Chiếc vòng tuột xuống khuỷu tay nàng, màu bạc tương phản với màu ôliu.

- Cô làm ơn nói giúp với ông, tôi ghé qua đây để tỏ lòng kính trọng ông, có được không? – Tôi hỏi.

- Tôi sẽ nói.

- Cảm ơn cô, – tôi nói. – À, tên tôi là Amir, phòng khi cô cần biết. Vậy cô có thể nói với ông rằng: tôi ghé qua đây... để... tỏ lòng kính trọng.

- Vâng.

Tôi nhúc nhích chân, hắng giọng.

- Tôi đi đây. Xin lỗi đã quấy rầy cô.

- Không, không đâu, – nàng nói.

- Ồ, may quá, – tôi nghiêng đầu và cười nửa miệng với nàng. Tôi đi đây. – Tôi đã chẳng nói thế rồi sao? – Khoda hãfez. Tạm biệt.

- Khoda hãfez.

Tôi đã bước đi. Rồi lại dừng và quay lại. Tôi kịp nói trước khi mất hết can đảm.

- Tôi có thể hỏi cô đang đọc gì không? Nàng chớp mắt. Tôi nín thở. Bất chợt, tôi cảm thấy như mọi con mắt ở chợ trời đổ dồn vào chúng tôi. Tôi hình dung ra một bầu không khí im lặng đang lắng xuống. Những đôi môi ngừng nói giữa chừng. Những cái đầu quay đi quay lại. Những đôi mắt nheo lại soi mói.

Chuyện này là thế nào?

Cho đến lúc này, cuộc chuyện trò của chúng tôi cùng lắm có thể được giải thích là một lời hỏi thăm xã giao, một người hỏi thăm về một người khác. Nhưng tôi lại hỏi nàng một câu, và nếu nàng trả lời, chúng tôi sẽ bị coi... ờ, chúng tôi đang tán gẫu. Tôi, một mojarad[68], và nàng, một phụ nữ trẻ chưa chồng. Huống chi một người đã mắc chuyện đồn đại.

Chuyện này đang được thêm bớt một cách nguy hiểm ngập ngừng đồ ngời lê, loại chuyện ngời lê tuyệt nhất. Những cái lưỡi đầy nọc độc sẽ khua lên. Và nàng sẽ phải hứng chịu nọc độc đó chứ không phải tôi. Tôi thừa hiểu cái chuẩn mực nước đôi của người Afghan thiên vị giống đàn ông. Không có chuyện, anh không thấy hấn tán cô này à? Mà Wooyooy[69]! Anh có thấy cô nàng cứ bám lấy hấn không? Đúng là loại lochak!

Theo chuẩn mực Afghan, câu hỏi của tôi thế là trơ trẽn. Tôi đã lộ mặt tôi ra, và để lại chút nghi ngờ là tôi thích nàng. Nhưng tôi là một người đàn ông, tôi có liều đi chẳng nữa chẳng qua do tôi bị giày vò. Những vết thương đã lành. Nhưng tiếng tăm thì chưa. Liệu nàng có chấp nhận sự táo tợn của tôi không? Nàng lật cuốn sách, cho bìa sách lộ ra trước mắt tôi: Đồi gió hú.

- Anh đã đọc cuốn này chưa? – Nàng hỏi.

Tôi gật đầu. Tôi cảm thấy như tiếng tim đập đặng sau mắt tôi:

- Đó là một chuyện buồn.

- Những chuyện buồn tạo nên những cuốn sách hay, – nàng nói.

- Đúng thế.

- Tôi nghe nói anh cũng viết.

Làm thế nào nàng biết được? Tôi thắc mắc, liệu có phải cha nàng đã kể cho nàng, cũng có thể nàng đã hỏi ông. Tôi lập tức xua ngay cả hai dự đoán đó đi. Các ông bố và con trai có thể chuyện trò thoải mái về đàn bà. Nhưng không cô gái Afghan nào – ít nhất cũng không có cô gái Afghan nền nếp và Mohtaram[70] đang tuổi cập kê nào – lại hỏi cha mình về một chàng trai trẻ. Và không ông bố nào, nhất là một người Pashtun, với nang và namoos, danh dự và tự hào, lại đi bàn luận một mojarad với con gái mình, kể cả khi cái gã được hỏi đến là một, một người cầu hôn đã làm xong nghi lễ và nhờ cha mình đến gõ cửa.

Không thể tin nổi, tôi nghe thấy mình nói:

- Cô có thích đọc một truyện ngắn tôi viết không?

- Tôi thích chứ, – nàng nói.

Tôi bỗng cảm thấy vẻ thiếu tự nhiên ở nàng lúc này, tôi thấy điều đó từ cách nàng đảo mắt bên nọ qua bên kia. Có thể nàng đang muốn tìm ông tướng. Tôi không biết ông sẽ nói gì, nếu thấy tôi nói chuyện lâu lâu một cách không nên với con gái ông như thế.

- Có thể hôm nào tôi sẽ mang đến cho cô.

Tôi nói vậy. Tôi còn đang định nói thêm nữa thì người đàn bà tôi đã tình cờ nhìn thấy cùng với Soraya bước tới dãy hàng. Bà ta mang theo một túi nhựa đầy hoa quả. Khi trông thấy chúng tôi, mắt bà vụt nhìn từ Soraya sang tôi, rồi ngược lại. Bà mỉm cười:

- Amir jan, rất mừng được gặp cháu, – bà vừa nói vừa đổ túi quả lên chiếc khăn trải bàn. Lòng mày bà long lanh một vệt mồ hôi. Bộ tóc đỏ của bà búi lên như một chiếc mũ cối, lấp lánh trong ánh nắng. Tôi có thể nhìn ra những mảnh nhỏ da đầu bà, nơi tóc đã thưa đi. Bà có đôi mắt nhỏ màu xanh lục, sâu trên bộ mặt tròn như cái bắp cải, răng bọc và những ngón tay nhỏ như những thanh xúc xích. Một tượng thánh Allah bằng vàng trên ngực bà, chuỗi dây đeo nấp dưới lớp da nhẽo và những nếp nhăn ở cổ.

- Tôi là Jamila, mẹ của Soraya jan.

- Salaam, Khala jan, – tôi nói hơi lúng túng, vì tôi quen nhiều người Afghan thế mà bà biết tôi còn tôi lại không biết bà là ai.

- Cha cháu có khoẻ không? – Bà hỏi.

- Cha cháu khoẻ, cảm ơn bà.

- Cháu có biết, ông cháu, Ghazi Sahib, vị thẩm phán ấy mà? Chú của ông và ông của ta là anh em họ, – bà nói. – Vậy cháu thấy đấy, chúng ta có họ với nhau. – Bà mỉm cười để lộ chiếc răng bọc và tôi để ý thấy bên phải miệng bà hơi trĩ xuống. Mắt bà lại đảo đi đảo lại giữa Soraya và tôi.

Một lần, tôi đã hỏi Baba tại sao con gái tướng Taheri chưa lấy chồng. Không có người cầu hôn, Baba nói. Không có người cầu hôn thích hợp, ông chữa lại. Nhưng ông không nói gì thêm – Baba quá hiểu những mẫu chuyện trò vô bổ có thể ảnh hưởng tới viễn cảnh lấy chồng đàng hoàng của một người phụ nữ trẻ ra sao. Đàn ông Afghan, nhất là những người thuộc gia đình danh giá, là những sinh vật hay thay đổi. Một tiếng xì xào

ở đây, một lời bóng gió ở kia, thế là họ bùng như những con chim bị giạt mình. Vì vậy những hôn lễ đến rồi lại đi và không ai hát ahesta boro cho Soraya, không ai vẽ gan bàn tay của nàng bằng cây lá móng, không ai cầm cuốn kinh Koran trên khăn trùm đầu của nàng, và tướng Taheri là người duy nhất từng nhảy với nàng tại mọi đám cưới.

Và giờ đây, người đàn bà này, mẹ của nàng, với nụ cười đau lòng háo hức, quanh co, niềm hy vọng được che đậy qua loa trong đôi mắt. Tôi hơi thu mình lại trước cái vị thế của quyền lực được ban cho mình và tất cả chỉ bởi vì tôi đã thắng trong trò xổ số di truyền quyết định giới tính của tôi. Tôi chẳng bao giờ có thể đọc nổi những ý nghĩ trong đôi mắt của tướng Taheri, nhưng tôi lại hiểu điều ấy quá rõ ở bà vợ của ông: nếu tôi sắp phải có một đối thủ trong việc này, bất kể như thế nào, thì cũng sẽ không phải là bà.

- Ngồi xuống nào, Amir jan, – bà nói. – Soraya, mang cho anh một cái ghế. Và rửa một quả đào. Đào ngọt và tươi đấy.

- Không, cảm ơn cô. – tôi nói. – Cháu nên đi. Cha cháu đang đợi cháu.

- Ồ, – Khanum Taheri đáp, rõ ràng xúc động về việc tôi tỏ ra lễ phép và từ chối lời mời. – Vậy thì đây, ít nhất cháu cũng cầm lấy cái này. – Bà bỏ một vốc quả kiwi với vài quả đào vào một cái túi, và khăng khăng đòi tôi cầm về. – Gửi lời chào tới bố cháu hộ cô. Và thỉnh thoảng lại tới đây với mẹ con ta.

- Cháu sẽ tới, cảm ơn cô, Khala jan. – Tôi nói và liếc mắt, thấy Soraya đang nhìn đi chỗ khác.

“Bố nghĩ con đi mua coca.” – Baba vừa nói vừa cầm lấy cái túi từ tay tôi. Ông nhìn thẳng vào tôi vừa nghiêm nghị vừa bông đùa. Tôi đang định đùa lại nhưng ông đã cắn quả đào và xua tay. – Đừng ngại, Amir, hãy nhớ những gì bố đã nói.

Đêm đó trên giường, tôi nghĩ đến ánh nắng nhấp nháy nhảy múa trong đôi mắt của Soraya và những cái hõm thon thả trên vành xương cổ nàng. Tôi ngẫm đi ngẫm lại một cuộc chuyện trò giữa chúng tôi. Nàng đã nói Tôi nghe nói anh viết văn hay Tôi nghe nói anh là một nhà văn? Câu nào nhỉ? Tôi tung chăn vùng dậy nhìn lên trần nhà, chán nản khi nghĩ tới những sáu đêm yelda khó nhọc, dài vô tận cho tới khi lại được gặp nàng.

Tôi cứ tiếp tục như thế mấy tuần liền. Tôi thường đợi cho tới khi ông tướng đi dạo đầu đó, để ghé qua quầy hàng của nhà Taheri. Nếu Khanum Taheri ở đó, bà thường mời tôi một tách trà và một chiếc kẹo kolcha và chúng tôi chuyện gẫu về Kabul ngày xưa, những người chúng tôi quen biết, về bệnh đau khớp của bà. Không nghi ngờ gì nữa, bà đã để ý thấy những lần hiện diện của tôi luôn luôn trùng hợp với những lần chồng bà vắng mặt, nhưng bà không bao giờ để lộ ra. Bà thường nói:

- Ô, anh lại không gặp được Kaka của anh rồi. Thực ra tôi thích khi Khanum Taheri ở đó, và không phải chỉ vì lối thân mật của bà, Soraya có vẻ thoải mái hơn và hay chuyện trò linh tinh với mẹ hơn. Như thế sự có mặt của bà đã hợp pháp hoá bất kể điều gì xảy ra giữa chúng tôi – dẫu chắc chắn không thể bằng được nếu là ông tướng. Khanum Taheri bảo trợ cho những cuộc gặp gỡ của chúng tôi, nếu không để thoát khỏi chuyện ngồi lê thì cũng để bớt dẫn đến ngồi lê, ngay cả khi cái giới hạn chiều chuộng tôi của bà rõ ràng làm Soraya ngượng ngùng.

Một hôm, chỉ có Soraya và tôi trong lều bán hàng của họ, đang chuyện trò. Nàng kể cho tôi về trường học, nàng học hành quá chăm chỉ thế nào trong những khoá học đại cương của nàng tại Trường dự bị Đại học Ohlone ở Fremont.

- Cô sẽ chuyên về ngành gì?

- Tôi muốn trở thành một giáo viên, – nàng nói.

- Thật ư? Tại sao?

- Tôi đã luôn luôn muốn vậy. Khi chúng tôi sống ở bang Virginia, tôi đã học ESL, đã tốt nghiệp và bây giờ tôi dạy tại thư viện công cộng tuần một tối. Mẹ tôi cũng là giáo viên, bà dạy tiếng Farsi và lịch sử tại trường nữ trung học Zarghoona ở Kabul.

Một người đàn ông bụng phệ đội mũ đi săn trả ba đô la cho một hộp nển năm đô la và Soraya để ông ta lấy. Nàng bỏ tiền vào cái hộp đựng kẹo để dưới chân. Nàng nhìn vào tôi bẽn lẽn:

- Tôi muốn kể cho anh một chuyện, nhưng tôi hơi ngượng về chuyện đó.

- Kể cho tôi đi.

- Loại chuyện ngớ ngẩn ấy mà.

- Làm ơn, kể cho tôi đi.

Nàng cười:

- Được, khi tôi học lớp bốn ở Kabul, cha tôi thuê một người đàn bà tên là Ziba để giúp việc vặt trong nhà. Cô ấy có một người chị ở Iran, tại Mashad, và vì Ziba mù chữ, cô ấy thường nhờ tôi viết thư cho chị mình, ít lâu lại một bức. Và khi người chị trả lời, tôi lại đọc hộ cho Ziba. Một hôm, tôi hỏi cô có thích học đọc, học viết không. Cô cười toét miệng, tít mắt lại, và bảo cô thích lắm. Thế là chúng tôi thường ngồi tại bàn ăn trong bếp sau khi tôi đã soạn xong bài vở ở trường, và tôi dạy cô Alef-beh[71]. Tôi vẫn nhớ, đôi khi ghé thăm cô giữa lúc đang làm bài tập ở nhà và thấy Ziba đang đảo thịt trong nồi áp suất, rồi lại ngồi xuống với chiếc bút chì làm bài tập vở lòng mà tôi ra cho cô đêm trước. Tóm lại trong vòng một năm, Ziba đã đọc được sách trẻ con. Chúng tôi thường ngồi ngoài sân và cô đọc cho tôi những chuyện kể về Dara và Sara – chậm thôi nhưng rất đúng. Cô bắt đầu gọi tôi là Moalem Soraya, cô giáo Soraya.

Nàng lại cười:

- Tôi biết, nghe có vẻ trẻ con, nhưng lần đầu tiên Ziba tự viết tên mình, tôi biết tôi sẽ chẳng bao giờ ao ước nghề gì khác ngoài nghề giáo viên. Tôi rất tự hào về cô ấy, và tôi cảm thấy đã làm được một việc gì đó xứng đáng, anh hiểu chứ?

- Vâng, – tôi nói dối. Tôi nghĩ tới việc tôi đã dùng chữ nghĩa của tôi để giễu cợt Hassan như thế nào. Tôi đã trêu cậu ấy bằng những từ bóng bẩy mà cậu ấy không hiểu như thế nào.

- Cha tôi muốn tôi vào trường luật. Mẹ tôi lại luôn luôn có những lời bóng gió về trường y, nhưng tôi sẽ là một giáo viên. Nghề này lương chẳng được bao nhiêu, nhưng đó là điều tôi muốn.

- Mẹ tôi cũng là một giáo viên, – tôi nói.

- Tôi biết, – nàng nói. – Mẹ tôi bảo tôi thế.

Thế rồi mặt nàng đỏ ửng lên vì những gì nàng buột miệng nói ra, vì ngụ ý trong câu trả lời của nàng, rằng “những cuộc đàm thoại về Amir” đã xảy ra giữa họ, khi tôi không có mặt ở đó. Tôi phải cố gắng phi thường để ngăn mình khỏi mỉm cười.

- Tôi mang cho cô cái này. – Tôi moi cuộn giấy ghim bằng đinh kẹp ở túi sau ra. – Như đã hứa. – Tôi trao cho nàng một trong những truyện

ngắn tôi viết.

- Ô, anh vẫn nhớ, – nàng nói, thật sự hớn hờ – Cảm ơn anh!

Tôi chẳng còn đủ thì giờ để ghi nhận lần đầu tiên nàng đã gọi tôi bằng “tu”[72] chứ không bằng “Shoma”[73] trịnh trọng, bởi vì bất chợt nụ cười của nàng héo tắt ngay. Mặt nàng biến sắc và mắt nàng chăm chú nhìn cái gì đó phía sau tôi. Tôi quay lại. Mặt đối mặt với tướng Taheri.

- Amir jan. Người kể chuyện mong chờ của chúng ta. Thật là thú vị, – ông nói và khẽ mỉm cười.

- Salaam, tướng quân Sahib, – tôi nói qua đôi môi đờ đẫn.

Ông đi qua chỗ tôi về phía quầy hàng:

- Một ngày đẹp trời biết mấy, phải không – Ông nói, ngón tay cái móc vào túi ngực áo vest, tay kia chìa về phía Soraya. Nàng đưa cho ông cuộn giấy.

- Họ bảo tuần này trời sẽ mưa. Không tin được phải không? – Ông bỏ cuộn giấy vào thùng rác.

Quay lại phía tôi và lịch sự đặt tay lên vai tôi. Chúng tôi đi mấy bước cùng nhau.

- Cháu biết đấy, bachem ạ. Ta đã thấy hơi thích cháu. Cháu là một chàng trai nền nếp, ta thực sự tin vậy, nhưng, – ông thở dài và xoa tay. – ngay cả những chàng trai nền nếp đôi khi cũng cần nhắc nhở. Vậy bốn phận của ta là phải nhắc nhở rằng cháu là một trong những người quý tộc ở cái chợ trời này. – Ông dừng lại. Đôi mắt vô cảm bám lấy mắt tôi.

- Cháu thấy đấy, ai ai ở đây cũng đều là người đưa chuyện. – Ông cười, lộ hết cả hàm răng. – Chuyển giùm lời chào kính trọng của ta tới cha cháu, Amir jan.

Ông buông tay ra. Lại cười tiếp.

*

* *

- Có chuyện gì sao – Baba nói, ông đang nhận tiền bán con ngựa gỗ từ một bà đứng tuổi.

- Không có gì, – tôi trả lời và ngồi xuống một chiếc máy thu hình cũ. Rồi tôi kể hết cho ông mọi chuyện.

- Chà, Amir, – ông thở dài.

Tôi cũng chẳng hơi sức đâu mà nghĩ ngợi nhiều về những gì đã xảy ra.

Bởi vì cuối tuần, Baba bị cảm lạnh.

Bắt đầu bằng một cơn ho khan và sổ mũi. Rồi ông hết sổ mũi nhưng vẫn còn ho. Ông thường ho vào một chiếc khăn tay, rồi gấp lại bỏ túi. Tôi lẳng nhẳng theo bắt ông đi kiểm tra, nhưng ông xua tay bảo tôi đi đi. Ông ghét bác sĩ và bệnh viện. Tôi biết, lần duy nhất ông đến bác sĩ là cái lần tôi bị bệnh sốt rét ở Ấn Độ.

Thế rồi hai tuần sau, tôi bắt gặp ông trong phòng vệ sinh đang ho vào một miếng gạch, đờm vấy máu.

- Bố làm thế này bao lâu rồi? – Tôi hỏi.

- Bữa tối thế nào? – Ông nói.

- Con sẽ đưa bố đi khám bác sĩ.

Mặc dầu Baba là quản đốc tại trạm bán xăng dầu, chủ trạm đã không mua bảo hiểm sức khoẻ cho ông và Baba vốn tính bặt mạng, đã không đòi. Thế là tôi đem ông đến bệnh viện khu vực ở San Jose. Viên bác sĩ mắt húp híp vàng khè gặp chúng tôi, tự giới thiệu là bác sĩ nội trú năm thứ hai. Baba càu nhàu: “Trông hẳn trẻ hơn con, và ốm yếu hơn ta”. Bác sĩ nội trú gửi chúng tôi đi kiểm tra X-quang. Khi y tá gọi chúng tôi vào, bác sĩ nội trú đang điền một hồ sơ khám bệnh.

- Mang giấy này đến bàn phía trước, – anh ta vừa nói vừa viết ngoáy vội.

- Đây là giấy gì? – Tôi hỏi.- Giấy chuyển viện – Tiếp tục ngoáy ngoáy.

- Để làm gì?

- Viện phổi!

- Thế là thế nào?

Anh ta liếc nhìn tôi rất nhanh. Nâng kính lên. Lại tiếp tục ngoáy:

- Ông ấy có một vết đen ở phổi phải. Tôi muốn họ kiểm tra xem sao.

- Một vết đen? – Tôi hỏi, căn phòng chợt trở nên quá hẹp.

- Ung thư à? – Baba vô tình hỏi thêm.

- Có thể. Dầu sao cũng chỉ là nghi ngờ thôi, – viên bác sĩ lúng búng.

- Anh không thể nói rõ thêm cho chúng tôi ư? – Tôi hỏi.

- Thực sự là không. Trước hết cần chụp cắt lớp, rồi qua bác sĩ chuyên khoa phổi. – Anh ta trao cho tôi giấy chuyển viện – Anh nói bố anh hút thuốc lá phải không?

- Vâng.

Anh ta gật đầu. Hết nhìn tôi lại nhìn Baba và ngược lại:

- Hai tuần nữa họ sẽ gọi cho anh. Tôi muốn hỏi anh ta, tôi phải sống thế nào với cái từ “nghỉ ngơi” đó suốt hai tuần liền. Tôi phải ăn, đi làm, học hành thế nào? Làm sao anh ta có thể đuổi tôi về nhà với cái từ đó.

Tôi cầm tờ giấy chuyển viện và trao lại nó cho họ. Đêm đó, tôi đợi cho tới khi Baba đã ngủ để gấp một mảnh chắn lại. Tôi dùng nó như tấm thảm quý để cầu kinh. Cúi đầu sát đất, tôi đọc những câu kinh nửa nhớ nửa quên trong kinh Koran – những câu kinh mà giáo sĩ đã bắt chúng tôi thề phải thuộc lòng ở Kabul – và cầu xin lòng nhân từ của Thượng đế mà tôi không chắc tồn tại. lúc này tôi thềm được như giáo sĩ, thềm đức tin và sự chắc chắn của ông.

Hai tuần trôi qua, không thấy ai gọi. Và khi tôi gọi lại, người ta bảo tôi họ đã đánh mất tờ giấy chuyển viện rồi. Tôi có chắc là tôi đã trao lại cho họ không? Họ bảo ba tuần nữa họ sẽ gọi. Tôi phản đối kịch liệt và mặc cả từ ba tuần xuống một tuần để chụp cắt lớp, và hai tuần để đi bác sĩ.

Cuộc thăm khám của bác sĩ chuyên khoa phổi, Bác sĩ Schneider, đang diễn ra tốt đẹp thì Baba hỏi ông ấy gốc gác ở đâu, Bác sĩ Schneider nói nước Nga. Thế là Baba bỏ luôn.

- Xin thứ lỗi cho chúng tôi, bác sĩ, – tôi vừa nói vừa kéo Baba sang một bên.

Bác sĩ Schneider mỉm cười đứng lên, ống nghe vẫn trong tay.

- Baba, con đã đọc lý lịch của Bác sĩ Schneider ở phòng chờ. Ông ấy sinh ở Michigan. Michigan! Ông ấy là người Mỹ. Mỹ hơn cả bố và con.

- Ta không quan tâm hẵn sinh ở đâu. Hẵn là Roussi, – Baba nói, mặt cau có như đó là một từ bẩn thỉu. – Bố mẹ hẵn là Roussi, ông bà hẵn là Roussi. Ta thề trước vong hồn mẹ con, ta sẽ bẻ gãy cánh tay hẵn, nếu hẵn dám đụng vào ta.

- Bố mẹ Bác sĩ Schneider chạy khỏi Shorawi, bố không thấy ư? Họ chạy trốn.

Nhưng Baba không muốn nghe gì nữa. Đôi khi tôi nghĩ, thứ duy nhất ông yêu không kém sâu nặng so với người vợ thuở trước của ông chính là Afghanistan, cố hương của ông. Tôi đã suýt gào lên vì thất vọng. Thay vào đó, tôi thờ dài và quay lại nói với ông Schneider:

- Xin lỗi bác sĩ. Thế này thì chẳng được việc gì.

Vị bác sĩ chuyên khoa phổi thứ hai, Bác sĩ Amani, là người Iran và Baba chấp nhận. Bác sĩ Amani, một người ăn nói nhỏ nhẹ, có bộ ria xoăn và mái tóc dài đốm bạc bảo chúng tôi ông phải xem xét lại kết quả chụp cắt lớp vi tính và sẽ phải thực hiện một thao tác gọi là nội soi khí quản để lấy một bệnh phẩm ở phổi phục vụ cho bệnh học. Ông sắp xếp việc đó vào tuần sau. Tôi cảm ơn ông, vừa giúp Baba ra khỏi phòng làm việc vừa nghĩ rằng bây giờ tôi phải sống một tuần liền với cái từ “bệnh phổi” này, một từ còn gở hơn cả từ “nghỉ ngơi”. Giá mà có Soraya ở đó cùng với tôi.

Té ra, giống như quỷ Satan, ung thư cũng có ba bảy đường. Cái của Baba gọi là “Khối u Tế bào quá sản.” – Đã di căn. Không thể phẫu thuật. Baba yêu cầu bác sĩ Amani cho biết chẩn đoán bệnh. Ông Amani căn môi, dùng một từ “nặng”. Ông nói:

- Tất nhiên còn hoá trị liệu. Nhưng sẽ chỉ giảm nhẹ đi thôi.
- Như thế nghĩa là gì? – Baba hỏi.

Bác sĩ Amani thở dài. – Nghĩa là sẽ không thay đổi được kết cục. Chỉ kéo dài thêm thôi.

- Thế mới là một câu trả lời rõ ràng, bác sĩ Amani, cảm ơn ông, – Baba nói. – Nhưng không có hoá dược nào cho tôi hết. Vẫn cái nhìn quyết đoán trên gương mặt ông, như ngày nào ông buông cả một đồng tem thực phẩm lên bàn của bà Dobbins.

- Nhưng Baba...

- Con đừng có thách thức ta ở chỗ công cộng, Amir. Đừng bao giờ. Con nghĩ con là ai?

Cơn mưa mà tướng Taheri nói tới lúc ở chợ trời đã muện mấy tuần, nhưng khi chúng tôi bước ra khỏi phòng khám của Bác sĩ Amani, những chiếc xe qua lại đã bắn tung toé nước bắn lên hai bên lề đường. Baba châm một điếu thuốc. Ông hút suốt lúc ra xe và suốt đoạn đường về nhà.

Lúc ông tra chìa khoá vào cửa gian sảnh, tôi nói:

- Baba, con mong bố sẽ cho hoá dược một cơ may.

Baba dứt chùm chìa khoá vào túi, kéo tôi đến tránh mưa dưới mái bạt che của chung cư. Ông ngoáy bàn tay đang cầm thuốc lá vào ngực tôi:

- Thôi đi, bố đã quyết định rồi.

- Thế còn con, Baba? Con phải làm gì đây? – Tôi nói mà mắt rưng rưng.

Một cái nhìn chán chường lướt qua bộ mặt đẫm nước mưa của ông. Vẫn là cái nhìn ông ném cho tôi, thuở còn nhỏ, khi tôi ngã, trầy xước hai đầu gối và khóc. Tiếng khóc đã dẫn đến cái nhìn ấy khi xưa, tiếng khóc dẫn đến nó lúc này.

- Amir, con hai mươi hai tuổi rồi! Một người đàn ông trưởng thành!
Con...

Ông mở miệng, khép lại, rồi lại mở miệng, nghĩ lại. Trên đầu chúng tôi, mưa rơi bồm bộp trên mái bạt che.

- Điều gì sẽ xảy ra với con, con nói xem nào? Tất cả những năm tháng vừa qua, chính là ta đã cố dạy con, đừng bao giờ phải hỏi câu hỏi đó.

Ông mở cửa, quay lại tôi:

- Còn một điều nữa. Không ai được biết việc này, con có nghe ta nói không? Không ai hết. Ta không muốn bất cứ ai thương hại.

Rồi ông biến mất trong hành lang nhờ tối. Phần còn lại ngày hôm đó, ông hút thuốc liên tiếp trước máy thu hình. Tôi không biết ông thách thức ai hoặc cái gì. Tôi ư? Tiến sĩ Amani? Hay có thể Thượng đế mà ông chẳng bao giờ tin cả.

Một thời gian, ngay cả ung thư cũng không thể ngăn ông đến chợ trời. Các ngày thứ Bảy chúng tôi lại có những chuyến đi vất vả đến các gara bán đồ cũ, Baba lái xe, tôi là hoa tiêu, và lại bày bán hàng vào những ngày Chủ nhật. Đền đồng. Bao tay bóng chày, áo Jacket trượt tuyết có khoá đồng. Baba chào đón những người quen biết từ xứ sở cũ, và tôi cò kè với khách mua hàng tới một, hai đô la. Như thế mọi thứ đều quan trọng cả. Như thế cái ngày tôi sẽ trở nên côi cút sẽ không gần lại theo mỗi bận đóng quầy.

Đôi khi tướng Taheri và bà vợ ghé thăm. Ông tướng vẫn thói xã giao, chào tôi bằng một nụ cười và đưa cả hai tay ra bắt tay tôi. Nhưng thái độ của Khanum Taheri có đôi chút dè dặt khác trước. Một sự dè dặt chỉ bị phá vỡ bởi những nụ cười kín đáo chán chường, và những cái nhìn lén lút khi ông tướng chú ý nhìn chỗ khác.

Tôi vẫn nhớ giai đoạn đó như là một thời kỳ của nhiều cái “lần đầu”: Lần đầu tiên tôi nghe thấy Baba rên trong phòng tắm. Lần đầu tiên tôi nhìn thấy máu trên gối của ông. Hơn ba năm điều hành trạm bán ga dầu, Baba chưa bao giờ phải đi khám bệnh. Lại một cái lần đầu khác. Đến lễ

Halloween năm đó. Giữa trưa thứ Bảy Baba mệt quá nên ông phải ngồi đợi sau tay lái, khi tôi ra ngoài mặc cả mua đồ cũ. Đến Lễ Tạ ơn, ông gục trước buổi trưa. Khi những xe trượt tuyết xuất hiện cạnh nhưng bãi cỏ mặt tiền và tạo lớp tuyết giả lên những cây linh sam Douglas, Baba ở lại nhà, và tôi đơn độc lái chiếc VW lui lui tới tới trên bán đảo.

Đôi khi tại chợ trời, những người Afghan quen biết bàn tán chuyện Baba sút cân. Lúc đầu họ biểu quà thăm hỏi. Nhưng những lời thăm hỏi và quà cáp ngừng lại khi việc sút cân vẫn không ngừng lại. Khi cân nặng tiếp tục rơi rụng. Và rơi rụng. Khi hai má ông hõm xuống, hai thái dương chảy ra. Và hai mắt thụt vào trong hốc mắt.

Rồi một Chủ nhật lạnh trời ít lâu sau ngày tết đầu năm, Baba đang bán một chiếc chụp đèn cho một người đàn ông Philipin to bè, trong khi tôi đang bới trong chiếc VW để tìm chần phủ chân cho ông.

- Ê, có ai giúp ông này với! – Người đàn ông Philipin kêu toáng lên. Tôi ngoảnh lại thấy Baba nằm trên đất. Tay và chân đang giật giật.

- Komak! – Tôi kêu lên. – Ai giúp với! – Tôi chạy đến với Baba. Ông đang sùi bọt mép, bọt mép đầm đìa râu ông. Đôi mắt trợn trừng trắng dã.

Mọi người đổ xô đến chỗ chúng tôi. Tôi nghe thấy ai đó nói về cơn tai biến nào. “Gọi 911”. Tôi nghe tiếng bước chân rầm rập. Trời tối lại khi mọi người xúm xít quanh chúng tôi.

Bọt mép Baba chuyển sang màu đỏ. Ông đang cắn lưỡi. Tôi quỳ xuống bên ông, ôm lấy hai cánh tay ông và nói, con đây, Baba, con đây, bố sẽ ổn thôi, con ở ngay đây. Như thế tôi có thể xoa dịu những cơn co giật của ông. Thuyết phục mọi người để Baba được ở lại một mình. Tôi cảm thấy ươn ướt ở đầu gối. Thấy Baba đã vãi đái ra. Xì... xì, Baba jan, con ở đây. Con trai bố ở ngay đây mà.

Ông bác sĩ, râu bạc trắng và đầu hói trụi, kéo tôi ra khỏi phòng và bảo:

- Tôi muốn cùng anh xem kỹ lại phim chụp cắt lớp của bố anh.

Nói rồi, ông đặt mấy chiếc phim vào hộp chiếu ở hành lang, và chỉ bằng đầu tẩy bút chì lên ảnh khối u của Baba, như một cảnh sát hình sự chỉ những chân dung kẻ giết người cho gia đình nạn nhân xem. Óc Baba trên những tấm ảnh đó trông giống như mặt cắt ngang của quả óc chó lớn, lổn nhổn những hình giống quả bóng quần vợt.

- Như anh thấy đấy, khối u đã di căn, – ông nói. – Ông ấy phải dùng nhiều thuốc tổng hợp để giảm bớt những chỗ phù nề trong não và những thuốc ngừa tai biến. Và tôi khuyên nên điều trị phóng xạ giảm đau. Anh có hiểu thế là thế nào không? Tôi nói tôi hiểu. Tôi đã trở nên quá quen với những cuộc nói chuyện về ung thư.

- Thôi được rồi, – ông nói và kiểm tra lại máy nhắn tin của mình. – Tôi phải đi đây, nhưng anh có thể gọi cho tôi nếu anh muốn hỏi bất kỳ điều gì.

- Cảm ơn ông.

Suốt đêm ấy tôi ngồi trên một chiếc ghế, gần giường Baba.

Sáng hôm sau, phòng đợi phía dưới đại sảnh chật ních người Afghan. Ông hàng thịt ở Newark. Một kỹ sư làm việc với Baba ở trại mồ côi của ông. Họ lần lượt vào, bày tỏ lòng kính trọng với ông một cách lạnh lẽ. Mong ông chóng bình phục. Baba tỉnh dậy, chệnh choạng và mệt mỏi, nhưng đã tỉnh dậy.

Giữa buổi sáng, tướng Taheri và bà vợ tới. Soraya đi theo. Chúng tôi liếc nhìn nhau, rồi nhìn đi chỗ khác ngay.

Tướng Taheri cầm tay Baba.

- Anh thế nào rồi, bạn tôi? Baba chỉ dây truyền tĩnh mạch treo trên cánh tay ông, khẽ mỉm cười. Tướng Taheri mỉm cười đáp lại.

- Anh không được chuốc lấy gánh nặng vào mình. Cả gia đình anh, – Baba nói, giọng khàn khàn.

- Làm gì có gánh nặng nào, – Khanum Taheri nói.

- Không có gánh nặng nào hết. Mà quan trọng hơn, anh cần gì không? – Tướng Taheri nói. – Không gì hết ư? Hãy yêu cầu tôi như anh yêu cầu một người anh em ruột thịt.

Tôi nhớ Baba một lần đã nói về người Pashtun. Có thể chúng ta ương ngạnh, và ta biết chúng ta quá kiêu hãnh, nhưng lúc cần thiết, hãy tin ta, không có ai hơn một người Pashtun ở bên con.

Baba lắc đầu trên gối:

- Anh đến đây làm tôi thấy sung sướng quá.

Ông tướng mỉm cười và xiết chặt bàn tay của Baba:

- Cháu thế nào, Amir jan? Cháu có cần gì không?

Cách ông đang nhìn thẳng vào tôi, lòng tốt trong đôi mắt ông...

- Không, cảm ơn bác. Tướng quân Sahib, cháu...

Cổ họng tôi nghẹn lại. Mắt tôi ràn rụa. Tôi vội lao ra ngoài.

Tôi khóc trong hành lang, bên cái hộp chiếu phim mà đêm trước tôi đã nhìn thấy mặt kẻ giết người.

Cánh cửa phòng Baba khẽ mở và Soraya bước ra. Nàng đứng cạnh tôi. Nàng mặc áo cộc tay màu xám và quần jeans. Tóc nàng xoã xuống. Tôi thật sự muốn được an ủi trong vòng tay nàng.

- Tôi rất tiếc, Amir, – nàng nói. – Cả nhà tôi đều biết có điều gì đó không ổn, nhưng chúng tôi không hề biết đến mức độ này.

Tôi lấy ống tay áo lau mắt:

- Ông không muốn cho ai biết cả.

- Anh có cần gì không?

- Không, – tôi cố mỉm cười. Nàng đặt tay lên tay tôi. Lần đầu tiên chúng tôi chạm vào nhau. Tôi nắm lấy bàn tay nàng. Đưa lên mặt tôi, mắt tôi. Tôi cứ để mặc như thế. – Cô nên quay vào trong thì hơn, nếu không cha cô sẽ để ý đến tôi.

Nàng mỉm cười và gật đầu.

- Tôi sẽ vào.

Nàng quay gót.

- Soraya?

- Dạ?

- Tôi rất sung sướng vì cô đã đến. Điều đó có ý nghĩa... rất nhiều với tôi.

Hai ngày sau họ cho Baba xuất viện. Họ đưa một chuyên gia được gọi là bác sĩ chuyên khoa phóng xạ trị ung thư đến để thuyết phục Baba điều trị phóng xạ. Baba từ chối. Họ lại cố thuyết phục tôi để tôi thuyết phục Baba. Nhưng tôi đã thấy cái nhìn trên gương mặt của Baba. Tôi cảm ơn họ, ký vào giấy xuất viện và mang Baba về nhà trong chiếc xe Ford Torino của tôi.

Đêm đó Baba nằm trên trường kỷ, một chiếc chăn len đắp lên người. Tôi mang cho ông trà nóng và hạt hạnh nhân rang. Hai cánh tay tôi ôm ngang lưng ông và kéo ông ngồi dậy quá dễ. Có cảm giác bả vai ông như một cánh chim dưới ngón tay tôi. Tôi kéo chăn lên trên ngực ông, ở xương ngực lộ ra dưới lớp da mỏng và sạm lại.

- Con có thể làm gì khác nữa cho Baba không?

- Không, bachem. Cảm ơn con.

Tôi ngồi bên cạnh ông:

- Vậy thì con không biết, liệu bố có làm một điều gì đấy cho con không, nếu bố chưa quá kiệt sức?

- Điều gì?

- Con muốn bố đi Khastegari. Con muốn bố hỏi con gái tướng Taheri cho con.

Đôi môi khô héo của Baba rạn ra một nụ cười. Một đốm xanh trên chiếc lá héo:

- Con chắc chứ?

- Chắc hơn bất cứ điều gì con từng tin chắc.

- Con đã nghĩ kỹ chưa?

- Balay[74], Baba...

- Vậy đưa điện thoại đây cho bố. Cả cuốn sổ tay của bố nữa.

Tôi chớp chớp mắt:

- Ngay bây giờ?

- Vậy bao giờ?

Tôi cười:

- Ok.

Tôi đưa điện thoại cho ông và cuốn sổ nhỏ bìa đen Baba ghi vội những số điện thoại của bạn bè. Ông tra sổ của gia đình Taheri. Bấm số. Đưa ống nghe lên tai. Tim tôi như múa balê trong lồng ngực.

- Jamila jan phải không? – Salaam alaykum, – ông nói. Ông giới thiệu tên. Ngừng. – Đỡ hơn nhiều, cảm ơn chị. Anh chị thật tử tế đã đến thăm. – Ông lắng nghe một chốc. Gật đầu. – Tôi sẽ ghi nhớ, cảm ơn chị. Tướng quân Sahib có nhà không ạ – Ngừng. – Cảm ơn chị.

Ông nháy mắt với tôi. Chẳng hiểu sao tôi muốn cười thật to. Hoặc gào lên. Tôi đưa năm tay chặn miệng và cắn chặt.

Baba khẽ cười hắt ra đặng mũi.

- Tướng quân Sahib, Salaam alaykum..

- Vâng đỡ hơn nhiều lắm... Anh thật tốt. Tướng quân Sahib, tôi gọi để hỏi anh, có thể cho phép tôi đến thăm anh và Khanum Taheri sáng mai

không. Một chuyện tôn nghiêm...Vâng... Mười một giờ là đẹp nhất. Mai nhé. Khoda hãfez. Tạm biệt.

Ông cúp máy. Chúng tôi nhìn nhau. Tôi bật cười khúc khích. Ông cũng khúc khích cười theo.

Baba dập nước vào tóc và chải hất ra sau. Tôi giúp ông mặc một chiếc áo sơ mi trắng sạch và thắt cà vạt cho ông, thấy cổ áo ông lỏng ra đến năm phân. Tôi nghĩ đến những khoảng trống ông để lại phía sau khi ông ra đi, và tôi bắt mình phải nghĩ về một điều khác. Ông không ra đi. Chưa. Và hôm nay là một ngày để nghĩ những điều tốt lành. Chiếc áo jacket trong bộ lễ phục màu nâu của ông, bộ ông mặc ngày tôi tốt nghiệp, lỏng thong trên người – Baba đã nhẽo ra quá nhiều không còn mặc vừa nữa. Tôi phải xắn hai ống tay lên. Tôi cúi xuống buộc dây giày cho ông.

Gia đình Taheri sống trong một ngôi nhà một tầng mái bằng lại khu dân cư ở Fremont, nơi có rất đông người Afghan. Ngôi nhà có những cửa sổ nhỏ ra, mái dốc, tiền môn khép kín, trên đó tôi thấy những chậu hoa Thiên trúc quỳnh. Chiếc xe chở hàng màu xám của ông tương đậu ở lối xe vào.

Tôi đỡ Baba ra khỏi chiếc Ford, rồi lại lui vào phía sau tay lái. Ông dựa người vào cửa xe:

- Cứ về nhà, một giờ nữa bố sẽ gọi cho con.
- Yên tâm. Baba, – tôi nói. – Chúc bố may mắn.

Ông mỉm cười.

Tôi lái xe đi. Trong gương chiếu hậu, Baba đang loạng choạng bước lên lối xe tới cửa nhà ông Taheri, để làm cái nghĩa vụ cuối cùng của người cha.

Tôi đi đi lại lại trong phòng khách căn hộ của chúng tôi đợi Baba gọi. Mười lăm bước chiều dài. Mười bước rưỡi chiều rộng. Nhờ ông tương bảo không thì sao? Nhờ ông ấy ghét tôi thì sao? Tôi vẫn bước vào bếp kiểm tra chiếc đồng hồ hẹn giờ. Chuông điện thoại reo đúng trước buổi trưa.

- Thế nào bố?
- Ông tương nhận lời.

Tôi thở phào. Ngồi phịch xuống. Hai tay tôi run run.

- Ông ấy nhận rồi ư?

- Ừ, nhưng Soraya jan ở trên gác trong phòng riêng của con bé. Con bé muốn nói chuyện với con trước đã.

- Được thôi ạ.

Baba nói với ai điều gì đó và có tiếng cạch hai lần khi ông đập máy.

- Amir phải không? – Giọng của Soraya.

-Salaam.

- Bố em nói đồng ý.

- Anh biết, – tôi nói. Tôi đổi tay cầm máy. Tôi đang mỉm cười, – Anh rất hạnh phúc. Anh không biết nói gì nữa.

- Em cũng hạnh phúc, Amir. Em... không thể tin nổi điều này lại xảy ra.

Tôi cười:

- Anh biết.

- Nghe đây, – nàng nói. – Em muốn nói với anh một điều. Một điều anh phải biết trước khi...

- Anh không quan tâm điều gì hết.

- Anh cần phải biết. Em không muốn chúng ta khởi đầu bằng những bí mật. Và em muốn anh nghe từ em thì hơn.

- Nếu như thế khiến em cảm thấy dễ chịu hơn. Nhưng sẽ không làm thay đổi điều gì hết.

Một quãng dừng lâu ở đầu kia.

- Khi gia đình em sống ở Virginia, em chạy trốn cùng một người đàn ông Afghan. Lúc đó em mười tám... dễ nổi loạn... ngốc nghếch, và... hấn nghiệm ma túy... chúng em đã sống chung với nhau gần một tháng. Mọi người Afghan ở bang Virginia đều bàn tán về chuyện đó. Cuối cùng Padar cũng tìm thấy chúng em. Ông hiện ra ở cửa và bắt em phải về nhà. Em phát cuồng. Hét lên. Kêu thét. Rằng em ghét ông... Dẫu sao em cũng đã về nhà, và... – Nàng khóc – Tha lỗi cho em.

Tôi nghe thấy nàng buông máy. Hỉ mũi.

- Buồn thay. – Nàng tiếp tục, giọng khàn đi. – Khi em về đến nhà, em thấy mẹ em bị một cơn đột quy, bên phải mặt mẹ bị liệt và... Em cảm thấy vô cùng tội lỗi. Mẹ không đáng phải như vậy. Ít lâu sau Padar chuyển gia đình tới California. Một lúc im lặng tiếp theo.

- Rồi bố em và em thế nào? – Tôi hỏi.

- Bố con em vẫn luôn có sự khác biệt, bây giờ vẫn thế, nhưng em biết ơn ông đã đến cứu em hôm đó. Em thực sự tin ông đã cứu em. – Nàng dừng lại. – Vậy, những gì em nói có làm anh băn khoăn không?

- Một chút, – tôi nói. Tôi có bốn phận phải thành thật lại với nàng. Tôi không thể dối nàng mà bảo rằng lòng kiêu hãnh của tôi, Iftikhar của tôi, không bị chạm nọc trước sự thực nàng đã từng cùng một người đàn ông, trong khi đó tôi chưa hề mang một người đàn bà nào lên giường. Tôi có băn khoăn một chút, nhưng tôi đã cân nhắc điều đó nhiều lần mấy tuần liền trước khi yêu cầu Baba đến khastegari. Và vào phút cuối, câu hỏi luôn trở lại với tôi là thế này: Làm sao tôi có thể là loại người đi trừng phạt nghiêm khắc ai đó về quá khứ của họ?

- Nó có làm anh băn khoăn đến mức thay đổi ý định không?

- Không. Soraya. Không một chút nào, – tôi nói. – Không gì em nói làm thay đổi bất cứ điều gì hết. Anh muốn chúng ta cưới nhau.

Nàng òa khóc.

Tôi thềm được như nàng. Bí mật của nàng đã hết. Đã nói ra. Giải quyết rồi. Tôi mở miệng và suýt đã kể cho nàng nghe tôi đã phản hội Hassan, lừa dối, đuổi cậu ấy đi, và huỷ hoại tình thân thiết bốn mươi năm giữa Baba và Ali như thế nào. Nhưng tôi đã không nói. Tôi ngờ rằng về nhiều mặt Soraya là người tốt hơn tôi. Lòng can đảm chính là một trong số đó.

Chương 13

Tối hôm sau khi chúng tôi đến gia đình ông Taheri – để chính thức ngỏ lời bằng lafz[75] – tôi phải đậu xe ở bên kia phố. Lối vào nhà chật cứng những xe. Tôi mặc một bộ đồ màu xanh nước biển mà tôi đã mua hôm trước, sau khi tôi chở Baba đến khastegari. Tôi kiểm tra lại cà vạt trong gương chiếu hậu.

- Con trông thật đẹp trai, – Baba nói.

- Cảm ơn Baba. Bố có ổn không? Bố có cảm thấy đủ sức làm việc này không?- Đủ sức hở? Đây là ngày hạnh phúc nhất đời bố, Amir – ông vừa nói vừa mỉm cười mệt mỏi. Tôi nghe rõ tiếng bàn tán phía sau cửa, tiếng cười, tiếng nhạc Afghan chơi nhẹ nhàng – nghe như bản ghazal[76] cổ điển của Ustad Sarahang. Tôi bấm chuông. Một khuôn mặt ló ra khỏi rèm cửa sổ tiền sảnh và biến mất. “Họ đến đây rồi!” Tôi nghe tiếng một phụ nữ nói. Tiếng rì rào bàn tán dừng lại. Ai đó tắt nhạc. Khanum Taheri ra mở cửa. Bà nói, mắt sáng ngời:

- Salaam Alaykum!

Bà đã uốn tóc, tôi thấy rõ và mặc bộ đầm đen lịch sự dài đến gót chân. Khi tôi bước vào tiền sảnh, mắt bà ứa lệ, và bà nói:

- Amir jan, con còn chưa vào trong nhà mà ta đã khóc rồi.

Tôi đặt một nụ hôn lên tay bà, như Baba đã dạy tôi đêm trước. Bà dẫn chúng tôi qua một hành lang đèn thấp sáng trưng vào phòng khách. Trên những bức tường ốp gỗ, tôi thấy những tấm ảnh của những người sẽ trở thành gia đình mới của tôi: Khanum Taheri còn trẻ, tóc uốn búp và ông tướng, hậu cảnh là thác Niagara. Khanum Taheri trong bộ váy áo dệt liền. Ông Taheri mặc áo jacket ôm sát có ve cổ hẹp, cravat thanh nhã, tóc dày đen nhánh, Soraya dậm bước lên một con tàu gỗ trò chơi ở hội chợ, đang vẫy tay và mỉm cười, ánh sáng lấp lánh trên hàm răng trắng bóng của nàng. Một tấm ảnh ông tướng bánh bao trong bộ quân phục, đang bắt tay quốc vương Hussein của Jordan. Một bức chân dung của Zahir Shah.

Phòng khách đông khoảng hai chục khách, ngồi trên những chiếc ghế tựa dọc theo các bức tường. Khi Baba bước vào, mọi người đều đứng lên. Chúng tôi đi vòng quanh phòng, Baba từ từ đi trước, tôi theo sau, bắt tay và chào các vị khách. Ông tướng – vẫn trong bộ đồ xám – và Baba

ôm hôn nhau, lịch sự vỗ nhẹ vào lưng nhau. Họ chào nhau Salaam bằng một giọng kính cẩn, khẽ khàng.

Ông tướng ôm vòng tôi hết cả hai cánh tay và cười xởi lởi như muốn nói, – nào, bây giờ thì chính thức – theo tục lệ của người Afghan – để làm điều này rồi, bachem. – Chúng tôi hôn lên má nhau ba lần.

Chúng tôi ngồi trong căn phòng đông kín người. Baba và tôi cạnh nhau, đối diện với ông tướng và bà vợ. Tiếng thở của Baba dồn dập hơn đôi chút, ông không ngừng lau mồ hôi trên trán và da đầu bằng chiếc khăn tay. Ông thấy tôi đang nhìn ông và cười gượng. – Bố không sao, – ông nhăn nhó.

Để giữ đúng phong tục, Soraya không có mặt.

Tiếp theo là những chuyện tán gẫu tầm phào cho tới khi ông tướng hắng giọng. Căn phòng trở lại yên tĩnh và ai nấy đều nhìn xuống tay mình. Nghiêm trang, ông tướng gật đầu ra hiệu về phía Baba.

Baba cũng hắng giọng. Ông bắt đầu nói, ông không thể nói hết một câu mà không dừng lại thở:

- Thưa Tướng quân Sahib, Khanum Jamila jan... thật là một vinh dự lớn lao cho con trai tôi và tôi... được đến nhà các vị hôm nay. Các vị... là những con người đáng kính trọng... thuộc những gia đình kiệt xuất và danh giá và... dòng dõi kiêu hãnh. Tôi đến đây không vì điều gì khác ngoài ihtiram tối thượng... sự kính trọng nhất đối với các bậc tiền bối gia đình các vị, và tưởng nhớ... tổ tiên các vị. – Ông dừng lại. Lấy hơi. Quệt lông mày. – Amir jan là con trai duy nhất của tôi... đứa con duy nhất của tôi, và cháu luôn là đứa con trai hiếu thảo của tôi. Tôi mong cháu sẽ tỏ ra... xứng đáng với lòng tốt của các vị. Tôi ngỏ lời xin các vị đem lại vinh dự cho Amir jan và tôi... và chấp nhận con trai tôi vào trong gia đình các vị.

Ông tướng gật đầu lịch thiệp. Ông nói:

- Chúng tôi vinh dự đón chào con trai của một người như ông vào gia đình chúng tôi. Danh tiếng của ông còn đến trước ông. Tôi là một người nghiêng mình ngưỡng mộ ông ở Kabul và vẫn còn giữ nguyên lòng ngưỡng mộ đó tới ngày hôm nay. Chúng tôi rất vinh hạnh được gia đình ông thông gia với chúng tôi.

- Amir jan, về phần con, ta chào đón con vào gia đình ta như một đứa con trai, như là người chồng của con gái ta, noor[77] của mắt ta. Nỗi đau của con cũng sẽ là nỗi đau của chúng ta, niềm vui của con là niềm vui của chúng ta. Ta hy vọng con sẽ xem Khala Jamila và ta như cha mẹ thứ hai của con, và ta nguyện cầu cho hạnh phúc của con Soraya jan yêu quý của chúng ta. Cả hai con hãy nhận lời chúc phúc của chúng ta.

Mọi người vỗ tay, và với tín hiệu đó, tất cả đều quay đầu về phía hành lang. Giờ phút mà tôi mong đợi.

Cuối cùng Soraya xuất hiện. Trong áo váy Afghan truyền thống màu nho lộng lẫy với hai ống tay dài và đồ nữ trang bằng vàng. Tay của Baba nắm lấy tay tôi, xiết chặt. Khanum Taheri tràn trề nước mắt. Soraya chậm rãi bước lại phía chúng tôi, theo sau là một đoàn phù dâu gồm những họ hàng phụ nữ.

Nàng hôn tay cha tôi. Cuối cùng ngồi xuống cạnh tôi, mắt nhìn xuống. Tiếng vỗ tay ran lên.

Theo truyền thống, gia đình Soraya sẽ phải tổ chức tiệc đính hôn, Shirini khori, còn gọi là Lễ Ăn Kẹo. Rồi giai đoạn đính hôn đầy thường kéo dài vài tháng. Tiếp đến lễ cưới phải do Baba gánh vác. Tất cả chúng tôi đều đồng ý là Soraya và tôi sẽ bỏ qua Shirini khori. Ai cũng biết lý do, vì vậy chẳng ai phải nói hẳn ra rằng: Baba chẳng còn sống được mấy tháng nữa.

Soraya và tôi không bao giờ cùng nhau đi ra ngoài trong khi tiến hành chuẩn bị cho lễ cưới – do chúng tôi còn chưa cưới, thậm chí không có cả Shirini khori – đi cùng nhau như thế bị xem là không hợp lẽ. Vì vậy tôi đành phải đi cùng với Baba qua nhà ông Taheri ăn tối. Ngồi đối diện với Soraya qua bàn ăn. Tưởng tượng ra khi đầu nàng gối lên ngực mình, mùi tóc nàng sẽ như thế nào. Hôn nàng. Làm tình với nàng.

Baba tiêu ba trăm ngàn đô la, gần hết khoản tiền ông dành dụm cho awrossi, lễ cưới. Ông thuê một phòng tiệc lớn ở Fremont – chủ nhà hàng biết ông từ ngày ở Kabul nên đã giảm giá đáng kể cho ông. Baba phải thuê dàn nhạc cho đám cưới của chúng tôi, và chi tiền cho chiếc nhẫn kim cương tôi chọn. Ông mua cho tôi bộ vest đuôi tôm và bộ áo quần truyền thống màu xanh cho lễ nika – lễ nguyện thề. Mọi công việc chuẩn bị tới tấp đáng sợ cho đêm cưới – may mắn sao phần lớn đều do

Khanum Taheri và bạn bè bà đảm nhiệm – tôi chỉ còn nhớ được một chút không đáng kể.

Tôi còn nhớ lễ nika của chúng tôi. Chúng tôi ngồi quanh một chiếc bàn. Soraya và tôi mặc màu xanh lục – màu của đạo Hồi, nhưng cũng là màu của mùa xuân và sự khởi đầu mới. Tôi đóng bộ, Soraya (người phụ nữ duy nhất tại chiếc bàn đó) mặc áo váy dài tay, che mạng. Baba, Tướng Taheri (lần này trong bộ vest đuôi tôm) và mấy người cậu của Soraya cũng có mặt tại chiếc bàn đó. Soraya và tôi nhìn xuống, nghiêm trang, kính cẩn, chỉ dám liếc trộm nhau. Ông giáo sĩ hỏi những người làm chứng và đọc kinh Koran. Chúng tôi nói những lời nguyện thề. Ký vào giấy chứng hôn. Một trong những người cậu của Soraya đến từ Virginia, ông Sharif jan, em trai của Khanum Taheri, đứng lên và hăng giọng. Soraya bảo tôi rằng, ông đã sống ở nước Mỹ hơn hai mươi năm. Ông làm việc ở Sở Nhập cư và Nhập quốc tịch, còn có một bà vợ Mỹ. Ông cũng là một nhà thơ. Một người nhỏ nhắn với bộ mặt giống mặt chim, tóc mềm như tơ. Ông đọc một bài thơ dài tặng Soraya, ghi vội trên một tờ giấy của khách sạn. Khi ông đọc xong mọi người reo lên: “Wah wah, chà chà, Sharif jan.”

Tôi còn nhớ lúc ấy, trong bộ lễ phục, tôi bước về phía diễn đài, Soraya trong chiếc pari[78] che mặt màu trắng, tay chúng tôi khoác lấy nhau. Baba tập tễnh bên tôi, ông tướng và bà vợ bên cạnh con gái mình. Một đoàn phù dâu, phù rể gồm chú bác cô dì, anh chị em họ theo sau, lúc tôi đi suốt căn phòng lớn, rẽ qua một biển khách dự đang hoan hô và nheo mắt vì đèn máy ảnh. Một người anh họ của Soraya, con trai ông Sharif jan, giơ cao cuốn kinh Koran trên đầu chúng tôi khi chúng tôi tiến dần lên. Bài ca hôn lễ, ahesta boro trầm trầm dâng lên, vẫn bài ca mà tên lính Nga tại trạm kiểm soát thác Mahipar đã hát, cái đêm mà Baba và tôi rời Kabul:

Biển buổi sáng thành một chiếc chìa khoá và ném xuống giếng,

Lên từ từ, vàng trắng yêu dấu của ta, lên từ từ.

Hãy để cho mặt trời buổi sáng quên dậy ở phương Đông,

Lên từ từ, vàng trắng yêu dấu của ta, lên từ từ.

Tôi nhớ đang ngồi trên chiếc sofa đặt trên diễn đài như một cái ngai vàng, tay Soraya trong tay tôi, trong khi khoảng ba trăm gương mặt nhìn

lên chúng tôi. Chúng tôi làm Ayena Masshaf[79], tức họ cho chúng tôi một chiếc gương và ném một chiếc khăn trùm đầu lên đầu chúng tôi, như thế chúng tôi sẽ được riêng hai đứa nhìn nhau trong gương. Nhìn vào khuôn mặt đang mỉm cười của Soraya trong chiếc gương ấy, trong cái khoảnh khắc riêng tư dưới khăn trùm đầu, lần đầu tiên tôi thì thào với nàng rằng tôi yêu nàng. Má nàng đỏ bừng lên, như màu lá móng.

Tôi hình dung lại các đĩa thức ăn đầy màu sắc, chopan kabob, sholeh-goshti[80] và xôi có màu cam đại. Tôi thấy Baba ngồi giữa hai chúng tôi trên chiếc ghế sofa ấy và mỉm cười. Tôi nhớ những con người mờ hôi đăm đăm nhảy điệu attan[81] truyền thống theo một vòng tròn, bật người lên, xoay tít mỗi lúc một nhanh theo nhịp cuồng nhiệt của cặp trống cơm, cho tới khi tất cả trừ một hai người rớt khỏi vòng vì kiệt sức. Tôi nhớ tôi chỉ mong chú Rahim Khan có mặt ở đó.

Và tôi nhớ mình tự hỏi không biết liệu Hassan cũng đã cưới chưa. Nếu cưới rồi thì cậu ấy sẽ nhìn thấy khuôn mặt của ai trong chiếc gương dưới chiếc khăn trùm đầu? Bàn tay nhuộm lá móng của ai cậu đang cầm?

Khoảng hai giờ sáng, tiệc cưới chuyển từ phòng đại tiệc về căn hộ của Baba. Trà một lần nữa lại tràn trề và nhạc được chơi cho tới khi láng giềng phải gọi cảnh sát. Quá khuya đêm đó, mặt trời chỉ chưa đầy một giờ nữa sẽ mọc và cuối cùng khách khứa cũng ra về. Lần đầu tiên Soraya nắm cùng tôi. Suốt đời tôi, tôi chỉ quanh quẩn với đàn ông. Đêm đó, tôi mới khám phá ra sự dịu dàng của một người đàn bà.

Chính Soraya là người đề nghị chuyển đến ở cùng Baba và tôi. Tôi nói:

- Anh tưởng, có lẽ em muốn chúng ta có một chỗ ở riêng.

Nàng đáp:

- Với Kaka jan đang ốm yếu như thế này ư? Mắt nàng như muốn bảo tôi không còn cách nào khác để bắt đầu cuộc sống gia đình. Tôi hôn nàng:

- Cảm ơn em.

Soraya tình nguyện chăm sóc cha tôi. Nàng pha trà và làm bánh nướng vào buổi sáng cho ông, đỡ ông ra khỏi giường và vào giường. Nàng mang thuốc giảm đau cho ông, giặt quần áo cho ông, đọc cho ông nghe phần tin tức quốc tế trên tờ nhật báo vào mỗi buổi chiều. Nàng nấu cho

ông những món ăn ông ưa thích, món khoai tây nấu shorwa[82], dầu hiếm khi ông ăn nổi quá vài thìa đầy, và dắt ông ra khỏi phòng đi bộ một quãng quanh dãy nhà. Rồi khi ông liệt giường, mỗi tiếng đồng hồ nàng lại lật người ông để khỏi bị hoại thư.

Một hôm tôi từ hiệu thuốc mua ít viên moócphin giảm đau cho Baba về nhà. Vừa kịp đóng cửa lại, tôi bắt gặp Soraya nhìn rất nhanh qua thứ gì đó dưới tấm chăn của Baba. Tôi nói:

- Đây, anh thấy rồi nhé! Hai người đang làm gì vậy?

- Làm gì đâu, – nàng mỉm cười nói.

- Nói dối. – Tôi lật chăn Baba lên. – Cái gì đây?

Tôi nói, dầu vừa nhạt lên cuốn sổ bọc da tôi đã biết. Tôi vạch ngón tay dọc theo mép sách mạ vàng. Tôi vẫn nhớ pháo hoa cái đêm chú Rahim Khan cho tôi cuốn sổ, đêm sinh nhật lần thứ mười ba của tôi, những luồng sáng xẹt xẹt và nổ bùng thành những bó hoa đỏ, xanh, vàng.

- Em không thể tin được anh có thể viết như thế. – nàng nói.

Baba nhích đầu ra khỏi gối:

- Bố bảo nó làm vậy đấy. Bố mong con đừng để ý.

Tôi đưa cuốn sổ lại cho Soraya và rời khỏi phòng. Baba ghét khi tôi khóc.

Một tháng sau đám cưới, ông bà Taheri, ông Sharif, bà Suzy và mấy bà cô, bà dì của Soraya đến căn hộ của chúng tôi ăn tối. Soraya làm món sabzi challow, gạo trắng nấu với rau bina và thịt cừ non. Sau bữa tối, tất cả chúng tôi uống chè xanh và chơi bài theo nhóm bốn người. Soraya và tôi chơi cùng ông Sharif và bà Suzy, vợ ông, trên chiếc bàn cafe, gần cái sofa Baba đang nằm đắp tấm chăn len. Baba nhìn tôi đang đùa với ông Sharif, nhìn tôi và Soraya đang ngoéo tay nhau, nhìn tôi giật mớ tóc uốn cong bỏ lơ của nàng. Tôi có thể thấy nụ cười thắm sâu trong lòng Baba, cũng mênh mông như bầu trời những đêm khi những cây bạch dương run rẩy và tiếng dế kêu âm vang khắp khu vườn. Đúng trước nửa đêm, Baba bảo chúng tôi đỡ ông lên giường. Soraya và tôi quàng hai cánh tay ông lên vai chúng tôi và ôm lấy lưng ông. Khi chúng tôi đặt ông nằm xuống, ông bắt Soraya tắt đèn ngủ.

Ông bảo chúng tôi ngả người xuống và hôn chúng tôi mỗi người một cái.

- Con sẽ mang moóc phin và cốc nước đến, Kaka jan, – Soraya nói.
- Đêm nay không cần, – ông nói. – Đêm nay không đau đầu.
- Vâng ạ. – nàng đáp lời. Nàng kéo chăn lên cho ông. Chúng tôi khép cửa lại.

Baba không bao giờ thức dậy nữa.

Mọi người đỗ xe đầy bãi xe tại nhà thờ Hồi giáo ở Hayward. Trên một cánh đồng trụi cỏ phía sau toà nhà, những chiếc xe bốn chỗ và những chiếc SUV đỗ chật cứng các điểm đỗ tạm thời. Một số người phải lái qua ba, bốn dãy nhà ở phía Bắc nhà thờ để tìm chỗ. Khu vực dành cho đàn ông của nhà thờ là một phòng vuông rộng lớn, những tấm thảm nhỏ Afghan và những tấm đệm mỏng trải song song thành hàng. Đàn ông xếp hàng đi vào căn phòng, giày để ngoài cửa, ngồi 140 khoanh chân trên những tấm đệm. Một giáo sĩ hát surrah[83] từ kinh Koran trước micro. Tôi ngồi bên cửa theo phong tục quy định cho gia đình người đã khuất. Tướng Taheri ngồi cạnh tôi. Qua cánh cửa mở rộng, tôi có thể nhìn thấy những dòng xe ùn ùn kéo tới, ánh nắng lấp lánh trên kính chắn gió. Họ thả khách đi xe xuống, những người đàn ông mặc đồ đen, phụ nữ mặc áo dài đen, đầu đội những khăn trắng truyền thống hijab[84].

Vì tiếng cầu nguyện từ kinh Koran vang dội khắp căn phòng, tôi lại nghĩ tới câu chuyện cũ Baba vật nhau với một con gấu đen ở Baluchistan. Baba đã vật nhau với gấu suốt cuộc đời mình. Mất người vợ trẻ. Một mình nuôi con trai. Rời bỏ quê hương yêu dấu của mình, watan tuổi xanh của mình. Nghèo khổ. Bị khinh miệt. Cuối cùng, một con gấu nữa tới mà ông không thể thắng nổi. Nhưng ngay cả như thế, ông đã thua trong những hoàn cảnh của chính mình.

Sau mỗi một vòng những người cầu nguyện, những tốp người đến chia buồn xếp hàng lại và chào tôi khi đi ra. Theo đúng nghĩa vụ, tôi bắt tay họ. Nhiều người trong số họ tôi hầu như không biết. Tôi lễ phép mỉm cười, cảm ơn tất cả về những điều họ cầu chúc, lắng nghe bất cứ điều gì họ nói về Baba.

- ... giúp tôi xây nhà ở Taimani...
- ... ban phúc lành cho ông...
- ... không một ai khác chịu giúp và ông đã cho tôi vay...
- ... kiếm cho tôi một công việc... hầu như không biết tôi...

- ... như một người anh của tôi.

Lặng nghe họ nói, tôi nhận ra tôi là ai, là cái gì, đến mức nào, đã được định rõ bởi Baba và những dấu ấn ông để lại trên cuộc đời mọi người. Cả cuộc đời tôi, tôi đã là “con trai Baba”. Giờ ông ra đi rồi. Baba không thể chỉ đường cho tôi nữa. Tôi sẽ phải tự tìm lấy nó.

Nghĩ đến việc đó khiến tôi kinh hoàng.

Lúc trước tại khu mộ nhỏ của người Hồi giáo ở nghĩa trang, tôi đã chứng kiến người ta hạ Baba xuống một cái hố. Còn ông giáo sĩ đã tới mức phải tranh cãi với một người đàn ông về việc đâu mới là ayat chính xác của kinh Koran để đọc tại mộ chí. Sự việc có thể đã trở nên nghiêm trọng nếu tướng Taheri không can thiệp. Giáo sĩ chọn một ayat, vừa đọc vừa khó chịu liếc nhìn người kia. Tôi chứng kiến họ hất những xẻng đất đầu tiên xuống mộ. Rồi tôi bỏ đi. Bước về phía bên kia của nghĩa trang. Ngồi dưới bóng cây ngô đồng đã đổ lá.

Giờ thì lượt cuối cùng những người đến viếng đã bày tỏ trọn lòng kính trọng, và nhà thờ vắng hết người, ngoại trừ ông giáo sĩ đang tháo phích cắm micrô và bọc cuốn kinh Koran vào trong tấm vải xanh. Ông tướng và tôi bước ra ngoài lúc mặt trời đã xế bóng. Chúng tôi bước xuống các bậc thềm, đi qua những đám người đang tụ tập hút thuốc. Tôi nghe lồm bồm những câu chuyện của họ, một trận bóng đá ở Union City tuần tới, một tiệm ăn mới của người Afghan ở Santa Clara. Đời đã lại đang vận động, để lại Baba ở phía sau rồi.

- Con thế nào, bachem? – Tướng Taheri hỏi.

Tôi nghiêng rặng. Ngăn dòng nước mắt chỉ chực trào ra suốt cả ngày:

- Con đi tìm Soraya đây, – tôi nói.

- Phải đấy.

Tôi bước sang phía dành cho phụ nữ của nhà thờ. Soraya đang đứng trên bậc thềm với mẹ mình và hai bà nào đó mà tôi chỉ mang máng nhớ từ hôm đám cưới. Tôi ra hiệu cho Soraya. Nàng nói gì đó với mẹ và đến chỗ tôi.

- Liệu chúng mình đi dạo bộ có được không? – Tôi nói.

- Được chứ, – nàng cầm lấy tay tôi. Chúng tôi lặng lẽ bước xuống một lối đi rải sỏi quanh co, ngăn cách bằng những hàng rào thấp. Chúng tôi

ngồi trên chiếc ghế dài, quan sát một cặp vợ chồng già đang quỳ cạnh một ngôi mộ cách đó mấy hàng và đặt một bó hoa cúc bên bia mộ.

- Soraya này?

- Gì anh?

- Anh bắt đầu nhớ ông.

Nàng đặt tay lên đùi tôi. Chiếc chila[85] Baba mua lấp lánh trên ngón tay đeo nhẫn của nàng. Phía sau nàng, tôi có thể nhìn thấy những người đến viếng Baba đang lái xe rời khỏi đây về phía Đại lộ Mission. Chẳng mấy chốc nữa thôi, chúng tôi cũng rời khỏi đó, và đây là lần đầu tiên, Baba sẽ hoàn toàn cô độc.

Soraya kéo tôi vào người nàng và cuối cùng nước mắt tôi trào ra.

Bởi vì Soraya và tôi chẳng bao giờ có giai đoạn hứa hôn, tất cả những gì tôi biết được về gia đình Taheri đều là từ sau khi đã cưới. Ví dụ, tôi mới biết rằng, tháng một lần, ông tương lại phải chịu một cơn thiên đầu thống kéo dài gần một tuần. Khi bị cơn đau đầu hành hạ, ông đi về phòng riêng, cởi quần áo, tắt đèn, khoá cửa, và không chịu ra ngoài cho tới khi cơn đau dịu hẳn. Không ai được phép vào phòng, không ai được phép gõ cửa. Cuối cùng ông thường lại hiện ra, trong bộ đồ xám, sức mùi giắc ngủ và khăn trải giường, mắt ông vồng lên và vã máu.

Tôi được Soraya cho biết, ông và Khanum Taheri đã ngủ riêng ở hai phòng từ khá lâu rồi. Tôi được biết ông có thể vẫn chấp vật, ví như khi ông cắn một miếng qurma bà vợ đặt trước mặt ông, rồi thở dài và đẩy món ấy đi. “Tôi sẽ làm cho mình món khác.” Khanum Taheri thường nói vậy, nhưng ông phớt lờ bà, hờn dỗi và ăn bánh mì với hành. Việc này làm Soraya tức giận và mẹ nàng khóc. Soraya bảo tôi ông đã dùng thuốc ngủ.

Tôi được biết ông vẫn giữ cho gia đình mình được hưởng phúc lợi xã hội và không bao giờ làm một nghề gì ở Hoa Kỳ, thích đối những tấm séc chính phủ ra tiền mặt hơn là tự hạ mình làm những công việc không phù hợp với một người tài ba và hiển hách như ông – ông chỉ đến thăm chợ trời như một trò giải trí, một cách để hoà nhập với những bạn bè cũ người Afghan. Ông tương tin rằng, sớm muộn, Afghanistan cũng sẽ được giải phóng, chế độ quân chủ sẽ được phục hồi, và ông một lần nữa

lại được mời ra phục vụ. Vì vậy, ngày nào ông cũng chinh tề trong bộ đồ xám của ông, xoay xoay chiếc đồng hồ bỏ túi, đợi chờ.

Tôi được biết Khanum Taheri – mà bây giờ tôi gọi là Khala Jamila – từng một thời nổi tiếng ở Kabul vì giọng hát mê hồn. Dẫu chưa bao giờ hát kiểu chuyên nghiệp, bà đã có đủ tài làm việc đó – bà có thể hát dân ca, những ghazals[86] và cả raga[87] vốn thường là lĩnh vực của đàn ông nữa. Nhưng càng đánh giá cao việc thưởng thức âm nhạc – thực tế ông tướng sở hữu một bộ sưu tập đáng kể những băng ghi âm ghazals cổ điển do các ca sĩ Afghan và Hindi thể hiện – ông càng tin rằng việc đó tốt nhất là dành cho những người thuộc tầng lớp hạ lưu. Cho nên việc bà không bao giờ hát ở nơi công cộng là một trong những điều kiện khi họ cưới nhau. Soraya kể cho tôi nghe, mẹ nàng đã muốn hát trong đám cưới chúng tôi, một bài thoi, nhưng ông tướng lờm bà, và chuyện bà hát đành chôn vùi. Khanum Taheri chơi xô số tuần một lần và tối nào cũng xem Johnny Carson[88]. Bà dành nhiều hôm ở ngoài vườn để chăm sóc những cây hoa hồng, thiên trúc quỳnh, khoai tây leo và hoa lan của bà.

Khi tôi cưới Soraya, hoa và Johnny Carson chiếm vai trò thứ yếu. Tôi là niềm vui mới trong cuộc đời Khala Jamila. Không giống cung cách xã giao và phòng thủ của ông tướng – ông không đính chính khi tôi gọi ông là “Tướng quân Sahib” – Khala Jamila không giấu việc bà ngưỡng mộ tôi vô cùng. Vì một lý do, tôi lắng nghe cả một danh sách rất ấn tượng những căn bệnh của bà, một chủ đề mà ông tướng đã từ lâu vờ điếc không nghe.

Soraya bảo tôi, từ khi mẹ nàng bị đột quy đến nay, mỗi lần mạch yếu, trong ngực bà lại là một cơn đau tim, mọi khớp xương đau đều gắn với bệnh thấp khớp, mỗi lần mắt bà co giật là một cơn đột quy mới. Tôi nhớ, lần đầu tiên Khala Jamila nói tới một cục gì đó nghẹn ở cổ bà. Tôi bảo: “Ngày mai con sẽ không đến trường và đưa mẹ đến bác sĩ.” Đáp lại ông tướng mỉm cười: “Vậy thì con cũng có thể bỏ quách luôn sách vở của con được rồi đấy, bachem. Danh mục khám chữa bệnh của Khala con nhiều như tác phẩm của Rumi: phải hàng tập.”

Nhưng đó không chỉ là bà muốn tìm một thánh giả cho những độc thoại về bệnh tật đau ốm của bà. Tôi tin tưởng vững chắc rằng nếu tôi đã nhặt một khẩu súng lên và tham gia vào một vụ hành hung giết người, tôi

vẫn sẽ còn có được sự trợ giúp từ tình yêu kiên định của bà. Bởi vì tôi đã cắt khỏi trái tim bà căn bệnh trầm trọng nhất. Tôi đã cắt khỏi hộ bà nỗi sợ lớn nhất của mọi bà mẹ Afghan, không có người khastegar danh giá nào tới xin kết hôn với con gái mình. Rồi con gái mình sẽ già đi, đơn độc, không chồng, không con. Người đàn bà nào cũng cần có một người chồng. Ngay cả khi hẳn ta làm câm bật tiếng hát trong lòng nàng.

Và, từ Soraya, tôi biết được những gì đã xảy ra ở Virginia.

Chúng tôi đang dự một đám cưới. Cậu của Soraya, ông Sharif, người làm việc tại Sở Nhập cư đó, đang tổ chức lễ cưới cho con trai mình với một cô gái Afghan ở Newark. Đám cưới cũng được tổ chức ngay tại cái phòng sáu tháng trước Soraya và tôi đã làm lễ awroussi. Chúng tôi chợt nghe thấy hai người đàn bà trung niên quay lưng lại chúng tôi trò chuyện.

- Trông cô dâu mới đáng yêu quá. – Một trong hai người nói, – cứ nhìn kỹ xem. Maghbool quá, như mặt trăng ấy.

- Ừ, – người kia nói, – và trong trăng nữa. Tiết hạnh. Không có bạn trai.

- Tôi biết. Tôi nói cho bà rõ chàng trai kia không cưới cô em họ là đúng lắm.

Trên đường về nhà Soraya như phát điên lên. Tôi lái chiếc Ford vào lề và đậu xe dưới đèn đường đại lộ Fremont.

- Không sao đâu. – Tôi vừa nói vừa vuốt lại tóc nàng. – Ai để ý nào?

Nàng hét lên:

- Đểu giả quá.

- Quên chuyện đó đi.

- Con trai họ đến các hộp đêm tìm trò giải trí và làm lũ bạn gái ỉnh bụng ra, chúng có những đứa con ngoài hôn thú và chẳng ai nói một điều chết tiệt gì. Ồ, chúng chỉ là những người đàn ông ham vui thôi! Em mắc một sai lầm thế là mọi người nói đến nang và namoos – danh dự và tự hào – và em phải mặt dày về chuyện đó suốt cả phần còn lại đời em.

Tôi lấy lòng ngón lay cái quẹt giọt nước mắt rơi xuống hàm nàng, ngay trên vết bớt.

- Em đã không kể cho anh biết, – Soraya vừa nói vừa chớp mắt. – nhưng đêm đó, cha em xuất hiện với một khẩu súng. Ông bảo... anh ta...

ông có hai viên đạn trong nòng, một cho anh ta, một cho bản thân ông, nếu em không trở về nhà. Em kêu thét lên, gọi ông bằng đủ mọi thứ tên, bảo ông không thể giữ em cấm cung mãi mãi, rằng em mong ông chết đi. – Những giọt nước mắt nóng hổi ứa ra giữa hai bờ mi nàng. – Đúng là em đã nói như thế với ông, rằng em mong ông chết đi.

Khi ông đem em về nhà, mẹ quàng hai cánh tay ôm lấy em và bà cũng đang khóc. Bà cứ nói mãi những gì đó, nhưng em chẳng thể hiểu nổi chút nào, bởi vì bà líu lười lại quá tệ. Thế là cha mang em về phòng ngủ và để em ngồi trước cái gương trang điểm. Ông đưa cho em một chiếc kéo và bình thản bảo em cắt hết tóc đi. Ông theo dõi trong khi em gọt tóc.

Em không bước ra khỏi nhà mấy tuần liền. Rồi khi em ra, em nghe thấy những tiếng xì xào hoặc hình dung thấy họ ở bất kỳ chỗ nào em tới. Đã bốn năm rồi và cách xa ba nghìn dặm, em vẫn còn nghe thấy họ xì xào.

- Mặc xác họ, – tôi bảo.

Nàng như nửa khóc nửa cười, nói:

- Cái đêm khastegari khi em kể cho anh nghe về điều này trong điện thoại, em tin chắc thế nào anh cũng đổi ý.

- Không có chuyện đó đâu, Soraya.

Nàng mỉm cười và cầm lấy tay tôi:

- Em thật quá may mắn đã tìm thấy anh. Anh khác xa với tất cả bọn con trai Afghan em đã từng gặp.

- Chúng ta đừng bao giờ nói về chuyện này nữa, được không?

- Vâng.

Tôi hôn má nàng và lái xe rời khỏi lề đường. Trong khi lái, tôi thắc mắc tại sao tôi lại khác xa. Có thể vì tôi đã được những người đàn ông nuôi dưỡng. Tôi không lớn lên quanh quần bên những người đàn bà và chưa bao giờ thực sự chung sống với cái chuẩn mực lập lờ[89] mà xã hội Afghan lấy đó để đối xử với họ. Cũng có thể tại Baba là một người cha Afghan khác thường đến thế, một người tự do đã sống theo luật lệ riêng của mình, một con người độc lập về tư tưởng, coi thường hoặc chấp nhận những tục lệ xã hội theo chính kiến của riêng ông.

Nhưng tôi nghĩ, phần lớn lý do tôi không quan tâm tới quá khứ của Soraya chính là tôi cũng có quá khứ riêng của tôi. Tôi hiểu rõ thế nào là ân hận.

Sau ngày Baba mất ít lâu. Soraya và tôi chuyển đến căn hộ một phòng ngủ ở Fremont, chỉ cách ngôi nhà của ông tướng và Khala Jamila vài dãy. Cha mẹ Soraya mua cho chúng tôi một ghế sofa đệm da nâu và một bộ đĩa hát Mikasa coi như quà mừng nhà mới. Ông tướng cho tôi thêm một món quà nữa, một máy chữ IBM mới toanh. Trong hộp, ông luôn vào một mẫu giấy viết bằng chữ Farsi:

Amir jan,

Bố mong con khám phá ra nhiều câu chuyện trên những phím chữ này.

Tướng Iqbal Taheri

Tôi bán chiếc xe buýt VW của Baba và từ hôm đó, tôi không trở lại chợ trời nữa. Mỗi thứ Sáu tôi lái xe đến mộ Baba, và đôi khi, tôi thấy có bó hoa freesia[90] tươi thắm bên bia đá, hiểu rằng Soraya cũng đã đến đó. Soraya và tôi ổn định dần những thói quen – và những ngạc nhiên nho nhỏ – của đời sống vợ chồng. Chúng tôi dùng chung bàn chải răng và bút tất, đưa cho nhau giấy vệ sinh. Nàng nằm ở bên phải, tôi thích ở bên trái giường. Nàng thích gối lông chim, tôi thích gối cứng. Nàng ăn điểm tâm qua loa bằng bánh nhật không bơ, thêm chút sữa.

Tôi nhận được chứng chỉ tại tiểu bang San Jose mùa hè năm đó và chọn chuyên ngành tiếng Anh. Tôi nhận công việc bảo vệ, làm ca đêm tại một kho hàng lớn đồ nội thất ở Sunnyvale. Công việc thật buồn chán khủng khiếp, nhưng thuận lợi lại thật đáng kể. Khi mọi người ra về vào lúc 6 giờ chiều và bóng tối bắt đầu bò vào giữa hai dãy sofa còn bọc nhựa chồng cao đến tận trần, tôi lấy sách của tôi ra và nghiên cứu. Chính trong cái văn phòng sực mùi gỗ thông thơm phức của kho hàng ấy, tôi bắt đầu viết cuốn tiểu thuyết đầu tiên của mình.

Năm sau, Soraya đến tiểu bang San Jose với tôi, và đăng ký vào trường sư phạm, bất chấp thái độ sần não của cha mình.

- Bố không hiểu tại sao con đang để phí tài năng của con như thế – một buổi tối ông tướng nói trong bữa ăn. – Con có biết không, Amir jan, ở trường trung học con bé toàn được điểm A, – ông quay lại phía nàng. – Một đứa con gái thông minh như con có thể trở thành luật sư, một nhà

khoa học chính trị. Và, Inshallah, khi Afghanistan được tự do, con có thể giúp viết bản hiến pháp mới. Lúc đó sẽ cần những người Afghan trẻ có tài năng như con. Họ có thể đề nghị con cả cái ghế bộ trưởng nữa ấy chứ, sẽ làm rạng rỡ tên tuổi gia đình mình.

Tôi có thể thấy Soraya đang kiềm chế, mặt nàng cau lại:

- Con không còn là đứa con gái nữa, Padar. Con là một phụ nữ có chồng. Hơn nữa người ta cũng cần giáo viên.

- Ai cũng có thể dạy được.

- Có còn chút cơm nào không, Madar[91]? – Soraya hỏi.

Sau khi ông tướng lấy cờ đi gặp vài người bạn ở Hayward, Khala Jamila cố an ủi Soraya, bà nói:

- Bố con có ý tốt. Ông ấy chỉ muốn con thành đạt thôi mà.

- Để bố có thể khoe khoang cô con gái công tố viên của ông với bạn bè chứ gì. Thêm một cái mẽ đay nữa cho ông tướng, – Soraya nói.

- Con nói linh tinh rồi đấy!

- Thành đạt! – Soraya kêu lên. – Ít nhất con cũng không giống bố, chỉ ngồi quanh một chỗ trong khi mọi người khác chiến đấu chống lại bọn Shorawi, ngồi đợi khi sự rối loạn đã yên ắng để ông có thể nhảy vào đòi lại một chức sắc be bé trong chính phủ. Dạy học có thể không được trả lương nhiều, nhưng đó là công việc con muốn làm! Đó là công việc con yêu, và việc đó còn tốt hơn nhiều nhận tiền phúc lợi, tiện thể nói thẳng ra như vậy. Khala Jamila mím môi:- Ông ấy mà nghe thấy nói con nói như vậy, ông ấy sẽ không bao giờ thèm nói với con nữa.

- Mẹ đừng lo. Soraya đáp trả ngay, vừa quàng khăn ăn của mình lên cái đĩa, – con sẽ không làm sút mẻ cái tôi quý báu của bố đâu.

Mùa hè năm 1988, khoảng sáu tháng trước khi quân đội Xô viết rút khỏi Afghanistan, tôi viết xong cuốn tiểu thuyết đầu tiên của mình, chuyện về hai cha con ở Kabul, phần lớn viết trên cái máy chữ mà ông tướng đã cho tôi. Tôi gửi thư hỏi một tá các hãng môi giới xuất bản, và một ngày tháng Tám tôi sững sốt khi mở hộp thư và thấy yêu cầu của một hãng môi giới New York bảo tôi gửi bản thảo hoàn chỉnh. Hôm sau tôi gửi đi bằng đường thư tín. Soraya hôn lên tập bản thảo đã được bọc cẩn thận và Khala Jamila nhất định đòi chúng tôi phải cầu kinh Koran

cho nó. Bà bảo tôi, bà sẽ làm lễ nazr cho tôi, sẽ chọn tiết một con cừu, lấy thịt chia cho người nghèo nếu cuốn sách của tôi được chấp nhận.

- Khala jan, làm ơn đừng nazr, – tôi vừa nói vừa hôn má bà, – chỉ làm zakat, cho người túng quẫn nào đó tiền, được không ạ? Không giết cừu.

Sáu tuần sau, một người tên là Martin Gleenwalt từ New York gọi đến, ngờ ý muốn đại diện cho tôi. Tôi chỉ biết bảo cho Soraya biết.

- Bởi anh có một đại diện không có nghĩa sách của anh sẽ được xuất bản. Nếu Martin bán được cuốn tiểu thuyết chúng ta sẽ ăn mừng. Một tháng sau, Martin gọi và thông báo cho tôi biết, tôi sắp là một tiểu thuyết gia có sách được xuất bản. Khi tôi nói cho Soraya, nàng reo lên.

Tối đó, chúng tôi tổ chức ăn mừng cùng với bố mẹ nàng. Khala Jamila làm món kofia – thịt viên với gạo trắng và feni trắng. Ông tướng long lanh nước mắt, nói ông tự hào về tôi. Sau khi tướng Taheri và vợ ông về rồi, Soraya và tôi ăn mừng bằng một chai rượu Merlot đắt tiền tôi mua trên đường về nhà – ông tướng không chấp nhận đàn bà uống rượu, và Soraya không dám uống trước mặt ông.

- Em rất tự hào về anh, – nàng vừa nói vừa chạm cốc với tôi.

- Anh biết, – tôi nói, vừa nghĩ đến Baba, mong ông có thể nhìn thấy tôi lúc này.

Khuya đêm đó, sau khi Soraya đã ngủ – rượu làm nàng ngủ rất say – tôi đứng ngoài bao lơn hít thở không khí mát mẻ của mùa hè. Tôi nghĩ tới chú Rahim Khan và bức thư ủng hộ tôi ông viết sau khi đọc xong truyện ngắn đầu tiên của tôi. Và tôi nghĩ về Hassan. Một ngày nào đó, Inshallah, cậu sẽ là một nhà văn lớn, cậu một lần đã nói thế, và mọi người khắp thế giới sẽ đọc truyện ngắn cậu viết.

Có quá nhiều lòng tốt trong đời tôi. Quá nhiều hạnh phúc. Tôi không hiểu liệu tôi có chút nào xứng đáng không.

Cuốn tiểu thuyết được phát hành vào mùa hè năm sau đó, năm 1989, và nhà xuất bản gửi tặng tôi một phiếu du lịch năm thành phố. Tôi trở thành một nhân vật nổi tiếng nho nhỏ của cộng đồng người Afghan. Và cũng năm ấy, bọn Shorawi hoàn tất việc rút quân khỏi Afghanistan. Đó lẽ ra phải là thời điểm huy hoàng cho người Afghan. Thay vào đó lại diễn ra cuộc chiến khốc liệt giữa người Afghan, tức quân Mujahedin, với chính phủ bù nhìn Najibullah do Xô Viết dựng lên và người Afghan lại

ùn ùn kéo sang Pakistan. Năm đó cũng là năm chiến tranh lạnh kết thúc, năm bức tường Berlin sụp đổ. Cũng là năm xảy ra sự kiện Thiên An Môn. Năm trong tất cả những sự kiện đó Afghanistan bị lãng quên. Và tướng 148 Taheri, với những hy vọng vừa trở dậy sau khi quân Xô Viết rút đi, lại lên dây cót chiếc đồng hồ bỏ túi của mình.

Đó cũng là năm mà Soraya và tôi bắt đầu cố sinh lấy một đứa con.

Ý tưởng về tình cha con đã tháo tung cơn lốc xoáy cảm xúc trong tôi. Tôi thấy nó đồng thời vừa đáng sợ, đáng nản, vừa như được tiếp thêm sinh lực, khiến tôi hân hoan phấn khởi. Tôi sẽ là một người cha như thế nào đây, tôi thường tự hỏi. Tôi muốn giống hệt Baba mà cũng muốn không có gì giống như ông.

Nhưng một năm trôi qua, chẳng có gì chuyện xảy ra. Cùng với mỗi chu kỳ kinh nguyệt, Soraya lại càng thêm thất vọng, càng thêm sốt ruột, càng thêm tức giận. Thế là những lời bóng gió tế nhị lúc ban đầu của Khala Famila trở lên công khai, kiểu như “Kho dega![92]” Thế đấy! “Bao giờ tôi mới được alahoocho nawasa[93] bé nhỏ của tôi đây”. Ông tướng, muôn đời Pashtun, không bao giờ buông một câu thách mắc – nhất lại ý ám chỉ đến chuyện chung sống giữa con gái ông và một người đàn ông, ngay cả khi anh ta đã lấy nàng bốn năm trời. Nhưng mắt ông tươi rói lên khi Khala Jamila trêu chúng tôi về chuyện đứa con.

- Đôi khi cũng cần phải có thời gian, – một đêm tôi bảo nàng.

- Một năm không phải là thời gian sao, Amir! – Nàng nói – có cái gì đó không ổn, em biết mà.

- Vậy chúng ta đi khám bác sĩ.

Bác sĩ Rosen, một người đàn ông với cái bụng tròn xoe, bộ mặt múp míp, hàm răng đều và nhỏ, nói bằng thứ âm sắc Đông Âu trọ trẹ có dây mơ rễ má xa với ngôn ngữ Slave. Ông ta có một niềm đam mê với tàu hoả – phòng khám của ông bừa bãi những cuốn sách về lịch sử đường sắt, các kiểu đầu tàu, những bức hoạ các đoàn tàu chuyển động nặng nề qua những dãy đồi xanh biếc và những cây cầu. Một khẩu hiệu trên bàn làm việc của ông: ĐỜI LÀ MỘT CON TÀU. HÃY LÊN TÀU.

Ông vạch kế hoạch cho chúng tôi. Tôi sẽ được kiểm tra trước. “Đàn ông dễ thôi”, ông nói, ngón tay gõ gõ lên chiếc bàn gỗ gụ:

- Ống nước của đàn ông giống như ý nghĩ của anh ta: đơn giản, rất ít chuyện bất ngờ. Phụ nữ các bà, trái lại..., ồ, thượng đế đã suy nghĩ rất nhiều khi tạo ra các bà.

Tôi không hiểu liệu ông ta có buồn chuyện ống nước với tất cả các cặp vợ chồng đến khám không.

- Thật may cho chúng tôi, – Soraya nói.

Bác sĩ Rosen cười. Như thế giảm bớt đôi chút sự không mấy thành thật ở ông. Ông đưa cho tôi một tờ giấy xét nghiệm và một bình nhựa, trao cho Soraya một giấy yêu cầu xét nghiệm máu theo thông lệ. Chúng tôi bắt tay nhau.

- Chào mừng các vị lên tàu.

Ông vừa nói vừa chỉ cho chúng tôi đi ra. Tôi vượt qua các xét nghiệm một cách mỹ mãn. Vài tháng sau là một loạt những xét nghiệm mù mờ về Soraya: Nhiệt độ cơ bản toàn thân, xét nghiệm máu đối với mỗi hoóc môn gây thụ thai, xét nghiệm nước tiểu, một thứ gì đó gọi là “Xét nghiệm Dịch Cổ Tử cung”, siêu âm, lại thêm những xét nghiệm máu, và thêm những xét nghiệm nước tiểu. Soraya phải trải qua một thủ tục gọi là soi tử cung – bác sĩ luồn ống nội soi vào và dò tìm khắp chung quanh. Ông chẳng thấy gì. “Ống nước tốt”. Ông vừa tuyên bố vậy vừa tháo đôi găng nhựa mỏng ra. Tôi mong ông đừng gọi như thế – chúng tôi có ở trong phòng tắm đâu. Khi chúng tôi đã trải qua bao nhiêu xét nghiệm, ông trả lời rằng không thể giải thích nổi tại sao chúng tôi lại chưa thể có con. Và rõ ràng, điều đó không phải quá bất bình thường. Nó được gọi là “Chứng bất thụ không giải thích được”.

Rồi đến pha điều trị. Chúng tôi thử dùng loại thuốc Clomiphene và hMG, hàng loạt những mũi tiêm mà Soraya tự tiêm lấy. Khi tất cả những cái đó thất bại, bác sĩ Rosen khuyên thụ tinh trong ống nghiệm. Chúng tôi nhận được bức thư lịch sự từ tổ chức HMO[94] của chúng tôi, chúc chúng tôi mọi may mắn, và tiếc rằng không thể đài thọ tiền chi phí. Chúng tôi sử dụng tiền tạm ứng mà tôi nhận được cho cuốn tiểu thuyết đầu tay để trả cho việc đó. IVF[95] tỏ ra dài dòng, tỉ mỉ rồi thất vọng và cuối cùng là không kết quả. Sau nhiều tháng ngồi ở những phòng chờ, đọc các tạp chí Good housekeeping[96] và Reader’s Digest[97], sau một loạt vô tận những áo choàng giấy, và những phòng

xét nghiệm vô trùng được chiếu sáng bằng đèn huỳnh quang, cảm giác nhục nhã lặp đi lặp lại về việc tranh luận từng chi tiết chuyện phòng the của chúng tôi với những người hoàn toàn xa lạ, nhưng mũi tiêm và những dụng cụ kiểm tra cùng hàng mớ những mẫu xét nghiệm, chúng tôi trở về với bác sĩ Rosen và những con tàu của ông.

Ông ngồi đối diện chúng tôi, gõ ngón tay xuống bàn và lần đầu tiên dùng cái từ “con nuôi”. Soraya khóc suốt trên đường về nhà. Cuối tuần, sau khi chúng tôi đến thăm bác sĩ Rosen lần cuối, Soraya nói hết với cha mẹ mình. Chúng tôi đang ngồi trên những chiếc ghế ngoài trời ở sân sau gia đình Taheri, nướng cá hồi và nhấm nháp sữa chua dog. Đó là một buổi xế chiều tháng Ba năm 1991. Khala Jamila đã tưới những cây hoa hồng và kim ngân mới trồng, hương thơm của chúng trộn lẫn với mùi cá nướng. Đã hai lần bà nhích ghế ngang qua để vuốt tóc Soraya, và bảo:

- Thượng đế hiểu thấu hơn cả, bachem. Có thể Người không có ý thế đâu.

Soraya vẫn chỉ nhìn xuống hai tay mình. Nàng mệt mỏi, tôi biết, mệt mỏi về tất cả chuyện đó. Nàng lẩm bẩm:

- Bác sĩ bảo chúng con có thể nhận con nuôi.

Tướng Taheri nghe thấy thế quay đầu ngoắt lại. Ông đóng cửa lò nướng, hỏi ngay:

- Ông ấy bảo thế à?

- Ông ấy bảo đấy là một sự lựa chọn.

Chúng tôi đã bàn chuyện nhận con nuôi ở nhà. Soraya phân vân làm sao cho tốt nhất.

- Em biết thế là ngớ ngẩn và có thể vô ích, – nàng nói với tôi trên đường đến nhà cha mẹ nàng – Nhưng em không thể chịu nổi. Em luôn luôn mơ ôm con trong vòng tay, và hiểu rằng dòng máu của em đã nuôi nó suốt chín tháng trời, và một ngày em sẽ nhìn vào đôi mắt nó rồi giật mình thấy anh hoặc thấy em, rồi đứa bé sẽ lớn lên và có nụ cười của anh hoặc của em. Không có điều đó... Điều đó có gì sai không?

- Không, – tôi trả lời.

- Em có đang ích kỷ không?

- Không, Soraya.

- Bởi vì nếu anh thực sự muốn làm như thế...

- Không, – tôi nói. – Nếu chúng ta định nhận con nuôi, chúng ta không nên có một chút nghi ngờ nào về việc đó cả hai chúng ta nên thống nhất. Bằng không, sẽ không tốt cho đứa trẻ.

Nàng tựa đầu vào cửa xe và chẳng nói gì thêm nữa suốt chặng đường còn lại.

Lúc này ông tướng ngồi bên nàng:

- Bachem, việc nhận con nuôi này... một việc, bố không tin lắm là dành cho người Afghan chúng ta.

Soraya nhìn tôi mệt mỏi và thờ dãi.

- Vì một điều, chúng lớn lên và muốn biết cha mẹ thực của chúng là ai, – ông nói. – Cũng chẳng thể trách chúng. Đôi khi, chúng bỏ nhà ra đi, trong khi đó con lao động vất vả nhiều năm trời để nuôi dưỡng cuộc sống của chúng để rồi chúng tìm được người đã đẻ ra chúng. Tình máu mủ là thứ đầy uy lực, bachem, đừng bao giờ quên điều đó.

- Con không muốn nói về chuyện này nữa, – Soraya đáp.

- Bố sẽ nói thêm một điều nữa, – ông tiếp. Tôi có thể nói ông đang tăng tốc, chúng tôi sắp sửa nhận một trong những bài giáo huấn nho nhỏ của ông tướng. – Ngay như Amir đây. Chúng ta đều biết cha nó, bố biết ông nó là ai ở Kabul và cả cụ Amir nữa. Bố có thể ngồi đây và vạch ra hết các thế hệ tổ tiên nhà chồng con nếu con yêu cầu. Cho nên tại sao khi cha Amir – cầu trời cho ông ấy được bình yên, – đến khastegari bố đã không do dự. Và hãy tin bố, bố chồng con cũng sẽ không bằng lòng đến hỏi con nếu ông ấy không biết con là dòng dõi của ai. Máu mủ là một thứ quyền uy, bachem, và khi con nhận con nuôi, con không biết con đang đem dòng máu của ai vào nhà mình. Ở, nếu con là người Mỹ, đó sẽ không thành vấn đề. Ở đây người ta cưới nhau vì tình yêu, tên tuổi gia đình và tổ tiên thậm chí chẳng bao giờ xét vào chuyện môn đăng hộ đối. Họ cũng nhận con nuôi theo cách đó, chừnng nào đứa bé vẫn khoẻ mạnh thì mọi người đều hạnh phúc. Nhưng chúng ta là người Afghan, bachem.

- Cá đã nướng gần xong chưa bố? – Soraya hỏi.

Đôi mắt tướng Taheri vẫn không chịu rời khỏi nàng. Ông vỗ vào đầu gối nàng:

- Con có sức khoẻ và có một người chồng tốt, thế là hạnh phúc rồi.

- Còn con nghĩ thế nào, Amir jan? – Khala Jamila hỏi.

Tôi đặt chiếc cốc của tôi lên gờ tường, nơi một hàng những chậu hoa thiên trúc quỳnh của bà đang nhỏ nước:

- Con nghĩ con đồng ý với tướng quân Sahib.

An tâm rồi. Ông tướng gật đầu và trở lại với cái lò nướng.

Chúng tôi tất cả đều có những lý lẽ của mình để không nhận con nuôi. Soraya có lý lẽ của nàng, ông tướng có lý lẽ của ông và lý lẽ của tôi là thế này: có lẽ một cái gì đó, một ai đó, ở một nơi nào đã quyết định từ chối quyền làm cha của tôi vì những chuyện tôi đã làm. Có thể đây là hình phạt của tôi, mà có lẽ đúng là như vậy. Khala Jamila đã nói:

Thượng đế không có ý thế đâu. Mà biết đâu. Người có ý còn tệ hơn thế.

Vài tháng sau, chúng tôi dùng tiền tạm ứng cuốn tiểu thuyết thứ hai của tôi để đặt mua trả ngay bằng tiền mặt một ngôi nhà hai phòng ngủ kiểu Nữ hoàng Victoria, tại Đồi Bernal bang San Francisco. Nhà có mái dốc, sàn gỗ cứng và một sân sau nhỏ tận cùng là một sân phơi nắng. Ông tướng giúp tôi hoàn tất lại cái sân phơi và sơn tường. Khala Jamila phàn nàn việc chúng tôi chuyển đi xa đến gần một giờ đi đường, nhất là vì bà nghĩ Soraya cần đến cả tình yêu lẫn sự giúp đỡ mà bà có thể đem lại cho nàng – Không biết đến thực tế rằng chính tình thương yêu che chở có tính áp đặt của bà đã buộc Soraya phải chuyển đi.

Đôi khi, Soraya ngủ cạnh tôi, tôi nằm trên giường và nghe thấy cửa ngăn đu đưa mở ra đóng vào theo gió, nghe tiếng dế kêu râm ran ở ngoài sân. Và tôi có thể cảm thấy sự trống vắng trong bụng Soraya, giống như một vật sống đang hít thở. Sự trống vắng ấy luôn lách vào hôn nhân của chúng tôi, vào tiếng cười của chúng tôi và cả chuyện làm tình của chúng tôi. Và đêm khuya, trong bóng tối của phòng ngủ chúng tôi, tôi thường cảm thấy nó trỗi dậy từ Soraya và chễm chệ giữa chúng tôi. Ngủ giữa chúng tôi. Như một đứa trẻ sơ sinh.

Chương 14

Tháng Sáu năm 2001

Tôi gác máy và chăm chăm nhìn vào đống một lúc lâu. Không phải đợi cho tới khi Aflatoon làm tôi giật mình bằng một tiếng sủa tôi mới nhận ra căn phòng của chúng tôi yên tĩnh biết bao, Soraya đã tắt máy thu hình.

- Anh trông xanh xao quá, Amir, – nàng nói từ ghế sofa, vẫn chiếc sofa mà cha mẹ nàng đã tặng chúng tôi làm quà nhà mới khi lần đầu tiên chúng tôi có căn hộ riêng. Nàng vẫn đang nằm trên sofa với con Aflatoon rúc đầu vào ngực, hai chân nàng vùi vào những chiếc gối cũ. Nàng vừa xem chương trình PBS[98] đặc biệt về hoàn cảnh khốn khổ của đàn sói ở bang Minnesota, vừa sửa những tiểu luận của lớp học hè cho một trường học nàng đã dạy suốt sáu năm. Nàng ngồi dậy và con Aflatoon cũng nhảy từ sofa xuống. Cái tên ấy do ông tướng đặt cho con chó cộc đuôi, tai cụp giống Tây Ban Nha của chúng tôi, tiếng Farsi là “Plato” bởi vì, ông nói, nếu anh nhìn tương đối nghiêm túc và lâu lâu một chút vào đôi mắt đen trong suốt của con chó, anh sẽ tin nó đang suy nghĩ tinh thông như người.

Bây giờ dưới cằm Soraya đã có một ngấn mỡ, đúng ra chỉ là một chút xíu thôi. Mười năm trôi qua làm đầy lên đôi chút những đường cong ở đôi hông nàng, và điểm vào mớ tóc đen nhánh như than đá của nàng vài vệt màu tro. Nhưng nàng vẫn còn gương mặt của một quận chúa ở Đại Vũ hội, với đôi lông mày như cánh chim bay và chiếc mũi cong tao nhã như nét chữ cổ của người Ả rập.

- Anh trông xanh xao quá, – Soraya vừa nhắc lại, vừa đặt tệp giấy lên bàn.

- Anh phải đi Pakistan.

Thế là nàng đứng phắt dậy. – Pakistan?

- Chú Rahim Khan ốm lắm. – Tôi thấy lòng thắt lại khi nói ra những lời ấy.

- Bạn kinh doanh cũ của Kaka? Nàng chưa bao giờ gặp chú Rahim Khan, nhưng tôi đã kể với nàng về ông. Tôi gật đầu.

- Ồ, em rất tiếc. Amir.

- Ông và anh vốn gắn bó với nhau. – tôi nói. – Khi anh còn là một đứa trẻ, ông là người lớn đầu tiên mà anh coi là bạn.

Tôi hình dung ra ông và Baba đang uống trà ở phòng đọc của Baba, rồi hút thuốc bên cửa sổ, một làn gió nhẹ thoảng mùi hoa tầm xuân thổi từ ngoài vườn vào làm uốn lượn hai cột khói thuốc.

- Em nhớ anh đã kể cho em chuyện đó. – Soraya nói rồi dừng lại. – Anh định đi bao lâu?

- Anh không biết. Ông muốn gặp anh.

- Như thế có...

- Có an toàn thôi. Soraya, anh sẽ ổn mà. – Đó là câu nàng muốn hỏi. Mười lăm năm hôn nhân đã biến chúng tôi thành những người đọc được ý nghĩ của nhau.

- Anh định đi dạo bộ một lúc.

- Em đi với anh nhé?

- Không, anh đi một mình thì hơn.

Tôi lái xe đến công viên công vàng và dạo bộ ven Hồ Spreckels ở bờ Bắc công viên. Đó là một buổi chiều Chủ nhật đẹp trời, mặt trời lấp lánh nước hồ, trên đó hàng tá những chiếc thuyền nhỏ đang giong buồm, làn gió khô lạnh của San Francisco đưa những cánh buồm đi. Tôi ngồi trên băng ghế dài ở công viên, ngắm một người đàn ông tung quả bóng đá cho đứa con trai, bảo nó đừng lấy cánh tay cặp bóng mà hãy ném bóng qua vai. Tôi liếc nhìn lên và thấy một đôi điều màu đỏ với những chiếc đuôi dài màu xanh lơ. Chúng bồng bênh trên cao, bên trên những hàng cây ở cuối phía Tây công viên, bay qua những cối xay gió.

Tôi nghĩ về lời chú Rahim Khan đã nói ngay trước khi tôi gác máy. Nói rất tình cờ, hầu như thể chợt nghĩ thêm ra. Tôi nhắm mắt lại và nhìn thấy chú ở bên kia dải phân cách xa lấp, nhạt nhoà, thấy chú đôi môi hơi hé mở, đầu nghiêng về một bên. Và nữa, trong đôi mắt đen sâu thẳm của chú giấu một bí mật không nói ra giữa hai chúng tôi. Trừ lúc này, tôi biết chú đã biết. Mỗi nghi ngờ của tôi vẫn còn nguyên suốt những năm tháng ấy, chú biết về Assef, chiếc điều, tiền, cái đồng hồ với đôi kim có dạ quang. Chú lúc nào cũng biết.

Cố lên. Luôn có một con đường để tốt lành trở lại đây. Rahim Khan đã nói vậy qua điện thoại ngay trước khi gác máy. Nói rất tình cờ, hầu như

thể chợt nghĩ thêm ra.

Một con đường để tốt lành trở lại.

Khi tôi về tới nhà, Soraya đang nói chuyện qua điện thoại với mẹ nàng:

- Sẽ không lâu đâu, Madar jan. Một tuần, có thể hai... vâng, mẹ và Padar có thể đến ở với con...

Hai năm trước, ông tướng bị gãy xương hông phải. Ông lại bị thêm một trong những cơn đau nửa đầu, và trong khi đang ra khỏi phòng, mắt mờ đi và ngơ ngác, ông vấp phải cái mép thảm bị gấp lên. Tiếng kêu của ông khiến Khala Jamila phải chạy vội từ bếp lên.

Nghe như một cái cán chổi bị gãy đánh rắc một cái, bà vẫn cứ thích nói như thế, dẫu bác sĩ đã bảo tiếng bà nghe thấy đâu có thể như vậy. Chuyện cái hông bị vỡ của ông tướng – và tất cả những gì phức tạp xảy ra sau đó, chứng viêm phổi, nhiễm độc máu, đợt điều trị kéo dài tại viện điều dưỡng – kết thúc bằng những đoạn độc thoại dài dòng lôi thôi về sức khoẻ của chính bà. Rồi lại bắt đầu những độc thoại mới về sức khoẻ của ông tướng. Gặp bất kỳ ai muốn nghe bà cũng kể bác sĩ đã bảo cho ông bà biết ông bị suy thận.

- Nhưng rồi họ chẳng bao giờ thấy những quả thận Afghan, phải không nào? – Bà thường nói một cách kiêu hãnh.

Những gì tôi nhớ nhất về thời kỳ ông tướng phải nằm lại ở bệnh viện là Khala đã ngồi đợi cho đến khi ông ngủ như thế nào, rồi hát cho ông nghe những bài hát mà tôi vẫn nhớ đã nghe ở Kabul, từ chiếc đài bán dẫn xẹt xẹt cổ lỗ của Baba.

Sức khoẻ của ông tướng suy sụp, cộng với thời gian cũng đã xoa dịu đi nhiều điều giữa ông và Soraya. Họ đi dạo cùng nhau, đi ăn trưa vào những ngày thứ Bảy, và đôi khi ông còn dự một giờ lên lớp nào đó của nàng. Ông thường ngồi ở cuối lớp, chỉnh tề trong bộ đồ cũ màu xám là bóng của ông, chiếc gậy chống để ngang đùi, mỉm cười. Đôi khi ông còn ghi chép nữa.

Đêm đó, tôi và Soraya ngủ chung giường, lưng nàng ép vào ngực tôi, mặt tôi vùi vào tóc nàng. Tôi vẫn nhớ, chúng tôi từng quen nằm trán chạm trán, chia sẻ với nhau những nụ hôn muộn màng, và thăm thì cho đến khi mắt chúng tôi díp lại, thăm thì về đôi gót nhỏ cong lên, những nụ

cười ban đầu, những lời nói đầu tiên, những bước đi đầu tiên. Đôi khi chúng tôi vẫn còn thăm thò với nhau, nhưng là về trường học, về cuốn sách mới của tôi, một tiếng cười khúc khích về cách ăn mặc lơ lửng của ai đó tại một bữa tiệc. Chuyện làm tình của chúng tôi vẫn tốt, lắm khi còn hơn cả tốt nữa. Nhưng có những đêm tất cả những gì tôi cảm nhận được là chuyện đó để khuây khoả, để buông trôi và quên đi, ít nhất cũng trong chốc lát, sự phù phiếm của chính những gì chúng tôi vừa làm. Nàng không bao giờ nói thế, nhưng tôi biết đôi khi Soraya cũng cảm thấy thế. Vào những đêm ấy, chúng tôi thường nằm lăn ra mỗi người một bên giường, để mặc Đấng Cứu thế riêng của mỗi chúng tôi cuốn chúng tôi đi. Chúa Cứu thế của Soraya là giấc ngủ. Của tôi như thường lệ, vẫn là một cuốn sách.

Tôi nằm trong bóng tối cái đêm chú Rahim Khan gọi, mắt tôi lần theo những vạch song song sáng như bạc mà ánh trăng tràn qua cửa chớp in lên tường. Cho tới lúc nào đấy, có lẽ đứng trước bình minh, tôi mới ngủ thiếp đi. Và mơ thấy Hassan chạy trong tuyết, vạt áo chapan màu xanh lục quét lê phía sau, tuyết xào xạc dưới đôi ủng cao su đen của cậu ấy. Cậu đang hét lên về phía sau: Vì cậu, cả ngàn lần rồi!

Một tuần sau, tôi ngồi ở chiếc ghế cạnh cửa sổ, trên chuyến bay của hãng Hàng không Quốc tế Pakistan, dõi theo hai nhân viên mặc đồng phục hàng không đang tháo chèn bánh máy bay. Chiếc máy bay cất cánh khỏi ga hàng không và chẳng mấy chốc, chúng tôi đã cất cánh, xuyên qua những đám mây. Tôi ngả đầu tựa vào cửa sổ. Mong chờ giấc ngủ, nhưng vô vọng.

Chương 15

Ba giờ sau khi chuyến bay của tôi hạ cánh xuống Peshawar, tôi đang ngồi trên tấm đệm rách nát ở hàng ghế sau của một chiếc taxi toả đầy khói. Tài xế của tôi, một anh chàng nhỏ bé, nhể nhại mồ hôi, hút thuốc liên tục, giới thiệu tên mình là Cholam, dừng dừng lái xe một cách bạt mạng, tránh những va quệt chỉ trong gang tấc, cũng chẳng thèm ngừng miệng thao thao bất tuyệt hàng tràng dài:

-... Thật khủng khiếp những gì đang xảy ra ở đất nước của ông,yar[99]. Người dân Afghan và người dân Pakistan như anh em, tôi cam đoan với ông như thế. Người Hồi giáo phải giúp đỡ người Hồi giáo để...

Tôi gật gật đầu một cách lịch sự để khỏi phải nghe anh ta nữa. Tôi vẫn nhớ rất rõ Peshawar từ hồi ức mấy tháng Baba và tôi trải qua ở đó năm 1981. Lúc này, chúng tôi đang đi về phía Tây, trên đường Jamrud, qua Cantonment và những ngôi nhà tường cao, hoang toàng. Cảnh hối hả của thành phố mờ mờ vụt qua nhắc tôi nhớ đến một phiên bản còn nhộn nhịp hơn, đông đúc hơn của Kabul mà tôi biết, đặc biệt là Kocheh-Morgha, còn gọi là khu phố chợ gia cầm, nơi Hassan và tôi thường mua khoai tây hầm tương ớt và nước anh đào. Các đường phố đông nghẹt người đi xe đạp, người đi bộ quanh quẩn, và những xe xích lô máy nổ ran nhả khói xanh, tất cả len lách nhau qua một mớ hỗn độn các ngõ hẹp và ngách hẻm. Những người bán hàng râu ria cuộn mình trong tấm chăn mỏng bán chụp đèn bằng da súc vật, thảm trải, khăn thêu, và đồ đồng từ những dãy lều quán nhỏ san sát nhau. Thành phố cuộn cuộn những âm thanh, tiếng quát tháo của những người bán hàng trộn lẫn với tiếng nhạc Hindi ồm ồm, tiếng phanh phạch của xích lô máy, tiếng chuông leng keng xe ngựa kéo, tất cả oang oang trong tai tôi. Những mùi hương găng gắt, vừa thú vị vừa khó chịu, luồn qua cửa xe vào chỗ tôi, mùi gia vị của pakora và cà ri hầm nihari[100]mà Baba yêu thích vô cùng, trộn lẫn với mùi hôi dầu diesel, mùi thối của đồ ôi thiu, rác thải và các loại phân.

Đi quá những toà nhà bằng gạch đỏ của trường Đại học tổng hợp Peshawar một đoạn chúng tôi vào một khu mà người lái xe lẩm lờ của tôi nhắc đến như là “Thị trấn của người Afghan.” Tôi thấy những hiệu

bánh kẹo, những người bán thảm, những quán Kabob, những đứa trẻ hai tay cúi bán thuốc lá, những tiệm ăn nhỏ – bản đồ Afghanistan vẽ đầy trên cửa sổ – tất cả đều có quan hệ mật thiết với các tổ chức trợ giúp bất hợp pháp.

- Nhiều người anh em của ông ở khu vực này, yar. Họ mở các sạp hàng kinh doanh, nhưng đa số rất nghèo khổ.

Anh ta tặc lưỡi và thở dài.

- Dầu thế nào, giờ đây chúng ta cũng đang sát cánh bên nhau.

Tôi nghĩ tới lần cuối cùng tôi gặp chú Rahim Khan, năm 1981. Ông đến chào từ biệt, cái đêm Baba và tôi trốn khỏi Kabul. Tôi nhớ, Baba và chú ôm nhau, khóc khê. Khi Baba và tôi tới Mỹ, Baba và chú Rahim Khan vẫn giữ mối liên hệ. Họ thường nói chuyện với nhau mỗi năm bốn, năm lần, đôi khi Baba còn chuyển máy cho tôi. Lần cuối cùng tôi nói chuyện với chú Rahim Khan, chỉ ít lâu sau khi Baba mất. Tin tức đó về tới Kabul và chú đã gọi cho tôi. Chúng tôi chỉ nói với nhau được vài phút thì đường dây mất liên lạc.

Tài xế lái tới một toà nhà hẹp tại một góc phố nhộn nhịp nơi có hai con phố cong queo giao nhau. Tôi trả tiền xe, xách theo mỗi chiếc valy, và bước lên chỗ cánh cửa chạm khắc cầu kỳ. Toà nhà có những hàng ban công bằng gỗ với nhiều cửa chớp để ngỏ và từ nhiều hàng ban công ấy, quần áo giặt được phơi khô dưới ánh mặt trời. Tôi bước lên chiếc cầu thang kẽo kẹt tới tầng hai, men theo một hành lang nhờ sáng tới cánh cửa cuối cùng về bên phải. Kiểm tra lại địa chỉ trên mảnh giấy giữ chặt trong lòng bàn tay. Gõ cửa.

Rồi, một tạo vật toàn da bọc xương như không phải chú Rahim Khan ra mở cửa.

Một thầy giáo dạy sáng tác ở bang San Jose từng nói về các sáo ngữ: “Hãy tránh chúng như tránh bệnh dịch”. Rồi ông cười về câu nói đùa của riêng ông. Cả lớp cười theo, nhưng tôi luôn nghĩ những sáo ngữ bị đánh giá sai lầm. Bởi vì, chúng thường chính xác. Nhưng sự biểu đạt thích đáng của ngôn ngữ được sáo ngữ hoá thường bị coi nhẹ bởi bản chất ngôn ngữ vốn là sáo ngữ. Lấy ví dụ câu ngôn ngữ “voi ở trong phòng”[101]. Không gì có thể miêu tả đúng hơn những khoảnh khắc ban đầu cuộc tái ngộ của tôi với chú Rahim Khan.

Chúng tôi ngồi trên một bộ đệm rơm nhỏ dọc tường, đối diện với cửa sổ trông xuống đường phố náo nhiệt phía dưới. Ánh nắng xiên vào rọi một vệt sáng hình tam giác lên chiếc đệm cầu kính Afghan trên sàn nhà. Hai chiếc ghế gấp tựa vào tường và một ấm samôva nhỏ bằng đồng đặt ở góc đối diện. Tôi rót trà cho chúng tôi từ chiếc ấm đó. Tôi hỏi:

- Chú làm thế nào tìm được cháu?

- Tìm người ở Mỹ không khó. Chú mua một tấm bản đồ nước Mỹ và gọi điện thoại hỏi thông tin về những thành phố ở miền Bắc California. Thật vô cùng kỳ lạ, thấy cháu đã trưởng thành như hôm nay. Tôi mỉm cười và bỏ ba miếng đường vào tách trà của mình. Chú thích trà đen và chát, tôi vẫn nhớ thế.

- Baba không có dịp nào để báo cho chú, nhưng cháu đã cưới vợ mười lăm năm nay rồi. Sự thật là lúc đó khối u trong não đã khiến Baba trở nên quên lãng, lơ đãng.

- Cháu đã lấy vợ à? Lấy ai?- Tên cô ấy là Soraya Taheri. Tôi bỗng nhớ tới nàng đang ở nhà lo lắng cho tôi. Tôi mừng là nàng đã không phải ở một mình.

- Taheri... con gái của ai nhỉ? Tôi nói cho ông biết. Mắt ông sáng lên:

- Ồ chú nhớ ra rồi. Có phải Tướng Taheri lấy chị gái ông Sharif không? Tên bà ấy là gì nhỉ...

- Jamila jan.

- Balay! – Ông mỉm cười nói. – Chú biết ông Sharif jan ở Kabul từ lâu, trước khi ông ấy rời sang Mỹ.

- Ông ấy vẫn đang làm việc cho Sở Nhập cư nhiều năm rồi, cũng giải quyết được nhiều vụ nhập cư.

- Haiiii! – Ông thở dài. – Cháu và Soraya có con rồi chứ?

- Không.

- Ồ, – ông tợp một ngụm trà, không hỏi thêm gì nữa. Chú Rahim Khan vẫn luôn là một người có trực giác nhạy bén nhất tôi mà tôi từng gặp.

Tôi nói với ông rất nhiều về Baba, về nghề nghiệp của cha tôi, chợ trời, và cuối đời ông thế nào, ông đã chết hạnh phúc ra sao. Tôi kể cho ông nghe việc học hành của tôi, việc viết sách của tôi – bốn cuốn tiểu thuyết được xuất bản dưới cái tên tôi. Nghe nói vậy, ông mỉm cười và bảo ông chưa bao giờ có chút nghi ngờ nào về chuyện đó. Tôi kể cho

ông nghe, tôi đã viết những truyện ngắn trong cuốn sổ bọc bìa da ông cho tôi, nhưng ông không còn nhớ cuốn sổ.

Câu chuyện không tránh khỏi quay sang bọn Taliban. Tôi hỏi:

- Chúng có xấu xa như chúng cháu được nghe không?

- Không, còn tệ hại hơn. Tệ hại hơn nhiều, – ông nói. – Chúng không để cháu được làm người nữa. – Ông chỉ vào vết sẹo bên mắt phải cắt một đường cong qua cánh lông mày làm của mình. – Năm 1998 chú đang xem bóng đá tại sân vận động Ghazi. Kabul đá với Mazirr-i-Sharif, hình như thế, cầu thủ lúc đó không được phép mặc quần cộc. Hở hang khiếm nhã, chú đoán vậy. – Ông cười mệt mỏi. – Dầu thế nào Kabul cũng ghi một bàn thắng và người đàn ông ngồi cạnh chú, reo âm lên. Bất ngờ một thằng ranh đứng gác hai bên cánh gà, bề ngoài nhiều lắm chỉ mười tám tuổi, bước đến chỗ chú, nện một cái vào trán chú bằng báng khẩu Kalashnikov của nó, và nói: “Réo nữa đi, con lừa già, tao sẽ cắt lưỡi mày!”

Chú Rahim Khan xoa xoa vết sẹo bằng ngón tay xương xẩu, nói tiếp:

- Chú đã già đáng tuổi ông nội nó và chú phải ngồi im, máu chảy ròng ròng xuống mặt, xin lỗi đồ chó đẻ đó.

Tôi rút cho ông thêm tách trà nữa, chú Rahim Khan chuyện trò thêm đôi chút. Nhiều chuyện tôi đã biết rồi, có những chuyện chưa. Ông kể cho tôi biết, theo như sự sắp xếp giữa Baba và ông, ông đã đến sống trong ngôi nhà của Baba từ năm 1981, điều này tôi đã biết. Baba đã “bán” ngôi nhà cho chú Rahim Khan trước khi ông và tôi trốn khỏi Kabul ít lâu. Những ngày đó, chúng tôi tưởng những rối loạn của Afghanistan chỉ tạm thời gián đoạn cuộc sống của chúng tôi – những ngày tiệc tùng trong ngôi nhà ở quận Wazir-Akbar-Khan, những bữa ăn ngoài trời ở Paghman, chắc chắn sẽ có ngày trở lại. Vì vậy, ông đã trao ngôi nhà cho Rahim Khan trông nom, cho tới cái ngày đó.

Chú Rahim Khan kể cho tôi, khi Liên minh miền Bắc chiếm Kabul khoảng giữa 1992 và 1996, các bè đảng khác nhau đã đòi xâu xé Kabul như thế nào.

- Nếu cháu đi từ khu Shar-e-Nau đến Kertch-Parwan để mua một tấm thảm, cháu dễ bị bắn bởi một tay bắn tia hoặc bị bắn tung lên bởi một quả tên lửa như chơi – nếu cháu phải đi qua các trạm kiểm tra, cũng thế.

Cháu bắt buộc phải có một visa để đi từ vùng này sang vùng khác. Vì vậy mọi người đành ở đâu cứ ở nguyên tại đấy, cầu nguyện quả tên lửa sắp tới đừng bắn vào nhà họ.

Ông kể cho tôi nghe, dân chúng phải đục tường nhà mình để vòng tránh những đường phố nguy hiểm ra sao, và chui từ lỗ này sang lỗ khác để đi suốt dãy nhà như thế nào. Ở những địa phận khác, dân chúng phải đi lại dưới đường ngầm. Tôi hỏi:

- Tại sao chú không rời đi?- Kabul là nhà của chú. Nó mãi mãi là như thế. – Ông cười khẩy, – cháu có còn nhớ đường phố từ nhà cháu đến Qishla, cái trại lính gần Trường Istiqlal không?

- Nhớ ạ, đó là lối đi tắt đến trường. – Tôi vẫn nhớ cái ngày Hassan và tôi đi tắt qua đấy và bọn lính trêu Hassan về mẹ cậu ấy. Sau đó Hassan đã khóc trong rạp chiếu phim, và tôi đã quàng tay ôm lấy cậu.

- Khi bọn Taliban tràn vào và đánh đuổi Liên minh khỏi Kabul, chú thực sự đã nhảy múa trên đường phố đó, – chú Rahim Khan nói. – Và hãy tin chú, không phải chỉ mình chú đâu.

Mọi người đều tổ chức lễ mừng tại Chaman ở Deh Mazang, đón chào Taliban trên các đường phố, trèo lên xe tăng của chúng và đòi chụp ảnh cùng với chúng. Người dân quá mệt mỏi vì chiến tranh triền miên, mệt mỏi vì tên lửa, súng máy, tiếng bom mìn nổ, mệt mỏi vì chứng kiến Gulbuddin[102] và những băng nhóm của hắn nổ súng vào bất cứ vật gì chuyển động. Bọn Liên minh còn gây thiệt hại cho Kabul hơn là bọn Shorawi. Chúng phá huỷ trại mồ côi của cha cháu, cháu có biết chuyện đó không?

- Tại sao? – Tôi hỏi – Tại sao chúng phải phá huỷ một trại mồ côi? – Tôi vẫn nhớ tôi ngồi đằng sau Baba, cái ngày khánh thành trại mồ côi. Gió đã thổi bay chiếc mũ lông cừu của ông và mọi người cười, rồi đứng cả lên vỗ tay khi ông đọc xong bài diễn văn. Và bây giờ nơi đó chỉ còn là đồng gạch vụn. Tất cả số tiền ông đã tiêu vào đấy, bao nhiêu đêm ông đã đổ mồ hôi cho những bản thiết kế, tất cả những cuộc thăm viếng tìm địa điểm xây dựng để đảm bảo mỗi viên gạch, mỗi thanh xà và mỗi khối nhà phải được xây thật chính xác...

- Thiệt hại chung thôi, – Rahim Khan nói, – cháu sẽ không muốn biết đâu, Amir jan, khi đi tìm bới trong đồng gạch vụn ấy. Ở đó là những

phần cơ thể của lũ trẻ...

- Vậy khi bọn Taliban đến...

- Chúng là những người anh hùng, – Rahim Khan nói.

- Rốt cuộc cũng được hoà bình.

- Phải, hy vọng là một điều lạ lùng. Rốt cuộc cũng hoà bình. Nhưng với giá nào? – Một cơn ho dữ dội đủ làm Rahim Khan rúm ró lại, khiến tấm thân hốc hác của ông chao tới chao lui. Khi ông khạc nhổ vào chiếc khăn tay, chiếc khăn lập tức nhuộm màu đỏ. Tôi nghĩ đó là dịp tốt nhất để nói thẳng với con voi đang vĩa mồ hôi cùng chúng tôi trong căn phòng nhỏ.

- Chú làm sao vậy? – Tôi hỏi. – Cháu muốn hỏi thực sự chú bị sao?

- Thực ra là sắp chết, – ông vừa nói vừa thở hồng hộc. Nhiều máu hơn thấm trên chiếc khăn tay. Ông lau miệng, chấm mồ hôi vĩa trên lông mày từ bên thái dương hốc hác này tới bên kia bằng ống tay áo, và liếc nhìn tôi một cái rất nhanh. Khi ông gật đầu, tôi biết ông đã đọc được câu hỏi sắp tới trên khuôn mặt tôi. – Không lâu nữa đâu, – ông lại thở.

- Bao lâu nữa?

Ông nhún vai. Lại ho thêm. Ông nói:

- Chú không nghĩ chú sẽ thấy mùa hè kết thúc.

- Để cháu đem chú về nhà với cháu. Cháu sẽ tìm cho chú một bác sĩ giỏi. Họ vẫn thường chữa khỏi bệnh với những phương pháp điều trị mới mà. Có những loại thuốc mới, cả những điều trị thử nghiệm nữa, chúng cháu có thể ghi tên chú vào một... – Tôi đang đông dãi, tôi biết thế. Nhưng thế còn hơn khóc, mà dẫu thế nào tôi cũng sắp khóc đến nơi.

Ông cười ồ, để lộ chỗ khuyết của những răng cửa dưới. Đó là chuỗi cười mệt mỏi nhất mà tôi từng thấy:

- Chú thấy nước Mỹ đã rót vào người cháu cái thứ chủ nghĩa lạc quan, đã làm cho nó trở nên quá vĩ đại. Thế là rất tốt. Chúng ta là một dân tộc buồn đau, những người Afghan chúng ta ấy, có phải chúng ta như thế không? Chúng ta thường đâm mình quá nhiều trong ghamkhor[103] và thương thân trách phận. Chúng ta chào thua mất mát, chịu đựng, chấp nhận đó như một thực tế ở đời, thậm chí coi đó là cần thiết. Zendagi migzara, đời vẫn tiếp tục trôi, chúng ta thường nói thế. Nhưng chú không đầu hàng số phận đâu, chú là một con người thực tế. Chú đã từng đến

khám nhiều bác sĩ giỏi ở đây, và họ đều cho chú vẫn cùng một câu trả lời. Chú phớt lờ họ, và tin tưởng họ. Trên đời này còn có một thứ là ý trời. Tôi nói:

- Vậy chỉ còn vấn đề chú làm gì và không làm gì.

Rahim Khan cười:

- Lúc này cháu nói sao nghe giống bố cháu thế. Chú nhớ ông ấy vô cùng. Nhưng đó là ý trời muốn thế, Amir Jan ạ, thực như thế. – Ông dừng lại. – Ngoài ra, còn có một lý do khác chú yêu cầu cháu đến đây. Chú muốn được gặp cháu trước khi chú ra đi, đúng vậy, nhưng cũng có điều khác nữa.

- Bất cứ điều gì.

- Cháu biết tất cả những năm ấy chú sống trong ngôi nhà của bố cháu sau khi bố con cháu rời đi chứ?

- Vâng.

- Chú không sống đơn độc đâu. Hassan sống ở đó với chú.

- Hassan ư? – Tôi nói. Lần cuối cùng tôi nhắc tới tên cậu ấy là khi nào? Những ngạnh gai tội lỗi ấy một lần nữa lại móc vào lòng tôi, như thể nhắc đến tên cậu là một câu phù chú để cho những cái gai ấy lại một lần nữa hành hạ tôi. Tự nhiên bầu không khí trong căn hộ bé của Rahim Khan bỗng trở nên quá ngọt ngào, quá nóng, quá dậy mùi của đường phố.

- Chú đã nghĩ về việc viết cho cháu và nói cho cháu biết trước, nhưng chú không chắc là cháu có muốn biết. Chú có nhầm không?

Sự thật là không. Đối trá thì là có. Tôi chọn một cái gì đó ở giữa:

- Cháu không biết.

Ông lại ho ra một bùm máu nữa vào chiếc khăn tay. Khi ông cúi đầu xuống để khạc, tôi nhìn thấy những chỗ viêm đóng vẩy màu mật ong trên da đầu ông.

- Chú bảo cháu sang đây bởi vì chú định yêu cầu cháu một việc. Chú định yêu cầu cháu làm một việc cho chú. Nhưng trước hết, chú muốn nói cho cháu biết về Hassan đã, cháu hiểu chứ?

Tôi lúng búng:

- Vâng.

- Chú muốn nói cho cháu biết về nó. Chú muốn nói cho cháu biết mọi điều. Cháu sẽ nghe chứ?

Tôi gặt đầu.

Rahim Khan uống thêm vài ngụm trà nữa. Ông tựa đầu vào tường và kể.

Chương 16

Có nhiều lý do khiến chú đến Hazarajat năm 1986 để tìm Hassan. Lý do chủ yếu, thánh Allah xá tội cho chú, là chú cô đơn quá. Lúc đó phần lớn bạn bè và người thân hoặc bị giết hoặc đã trốn khỏi đất nước sang Pakistan hay Iran. Chú hầu như không quen biết ai nữa ở Kabul, cái thành phố mà chú đã từng sống trọn đời. Mọi người đều trốn hết. Chú thường đi bộ đến tiểu khu Karteth – Parwan – nơi những người bán dưa vẫn sống ở đó những ngày xa xưa, cháu còn nhớ tụ điểm ấy chứ – Và chú thường không nhận ra ai ở đấy nữa. Chẳng ai đón chào, chẳng có ai để cùng ngồi uống trà, chẳng có ai để kể chuyện với nhau, chỉ có mỗi bọn lính Roussi tuần tiểu trên đường phố. Rốt cuộc, chú đành thôi không ra phố nữa. Ngày ngày chú ở lì trong nhà của bố cháu, lên phòng đọc, đọc những cuốn sách cũ của mẹ cháu, nghe tin tức, xem bọn chúng tuyên truyền trên ti vi. Rồi chú thường cầu kinh namaz, nấu món gì đó ăn, đọc sách thêm, lại cầu nguyện, và lên giường ngủ. Buổi sáng, chú thường dậy sớm, cầu nguyện, nguyện đi nguyện lại mãi.

Và bệnh đau khớp của chú khiến việc chăm nom ngôi nhà trở nên khó khăn hơn. Hai đầu gối và lưng chú luôn đau nhức – chú thường dậy vào buổi sáng và phải mất ít nhất một giờ để vận vẹo cho đỡ cứng các khớp xương, nhất là về mùa đông. Chú không muốn để cho ngôi nhà của bố cháu bị hư hỏng, chúng ta đã từng có biết bao giờ phút đẹp đẽ trong ngôi nhà đó có quá nhiều kỷ niệm, Amir jan ạ. Như thế thật không phải – bố cháu đã tự tay thiết kế ngôi nhà đấy, mà ngôi nhà mang quá nhiều ý nghĩa đối với ông ấy, và hơn nữa, chú đã hứa với Baba của cháu, chú sẽ chăm nom nó khi ông ấy và cháu bỏ sang Pakistan. Lúc này chỉ mỗi chú với ngôi nhà và... chú đã làm hết sức mình. Chú đã cố tưới tắm cho cây cối vài ngày một lần, cắt cỏ và chăm sóc hoa, sửa chữa những gì cần sửa, nhưng rồi chú cũng đâu phải là một người đàn ông trẻ nữa.

Mà kể cả như thế, đáng lẽ chú đã có thể cố gắng. Ít nhất cũng thêm một thời gian nữa. Nhưng tin bố cháu qua đời ập đến... lần đầu tiên chú cảm thấy một sự cô đơn khủng khiếp trong ngôi nhà ấy. Một sự trống vắng không thể nào chịu nổi.

Thế là một hôm, chú đổ dầu vào chiếc Buick và lái tới Hazarajat. Chú nhớ sau khi ông Ali tự xin ra khỏi ngôi nhà, bố cháu nói cho chú biết ông ấy và Hassan chuyển đến một ngôi làng nhỏ, ngay ngoại ô Bamiyan. Theo như chú nhớ, ông Ali có người họ hàng ở đó. Chú không biết liệu Hassan có còn ở đó ấy không, liệu có ai biết gì về nó hoặc nơi nó ở hay không. Chung quy lại, cũng đã mười năm từ khi ông Ali và Hassan rời khỏi ngôi nhà của bố cháu. Vào khoảng 1986 thì Hassan có lẽ đã trưởng thành, hăm hai, hăm ba tuổi gì đó. Nếu nó vẫn còn sống là vì bọn Shorawi, mong cho chúng chết thối rữa dưới địa ngục vì những gì chúng đã làm với những watan của chúng ta, chúng giết quá nhiều những chàng trai, chuyện đó chú không cần kể với cháu nữa.

Nhưng ơn trời, chú đã tìm thấy nó ở đó. Cũng không phải mất công tìm kiếm mấy, tất cả những gì chú phải làm là hỏi thăm vài câu ở Bamiyan, và người ta chỉ cho chú ngôi làng của nó. Chú cũng chẳng nhớ tên ngôi làng nữa hoặc chẳng biết nó có tên không. Nhưng chú vẫn nhớ đó là một ngày hè thiêu đốt và chú đang cho xe chạy trên một con đường đất đầy vết bánh xe, chẳng có thứ gì ở hai bên ngoài những bụi cây gày guộc và cỏ khô như rơm. Chú đi qua một con lừa chết thối bên lề đường, rồi theo một lối rẽ, và ngay giữa vùng đất trơ trọi ấy, chú thấy một cụm những ngôi nhà vách đất, xa hơn nữa chẳng có gì ngoài trời rộng bao la và núi đá lởm chởm như răng nhọn.

Người dân ở Bamiyan đã bảo chú là tìm nó dễ thôi – Nó sống trong ngôi nhà duy nhất có vườn xây tường trong cả cái làng đó. Tường đất, thấp và thủng lỗ chỗ, bao kín ngôi nhà nhỏ – thực sự chẳng hơn mấy một túp lều ra vẻ ta đây. Những đứa trẻ chân trần nô đùa trên đường làng, lấy gậy đánh một quả bóng quần vợt nhồi vải, và chúng chăm chú nhìn khi chú lái xe đến và tắt máy. Chú gõ vào cánh cổng gỗ rồi bước qua. vào một cái sân hầu như trống trải ngoại trừ một bụi dâu tây khô cháy và cây chanh trơ trụi. Có một cái lò nướng tandoor ở góc sân, dưới bóng cây keo, và chú thấy một người đàn ông ngồi xồm bên cạnh lò. Anh ta đang phết bột nhào lên một cái bàn xéng^[104] bằng gỗ rộng và vỗ vỗ vào thành lò tandoor. Anh ta buông rơi bột khi nhìn thấy chú. Chú phải ngăn nó không được hôn tay chú.

- Để chú nhìn cháu xem nào, – chú nói. Nó đứng lui ra.

Nó cao lớn quá rồi. Chú đứng kiễng chân lên mà chỉ tới cằm nó. Mặt trời Bamiyan đã tôi luyện nước da của nó, hoá thẫm hơn là chú nhớ, và nó đã bị mất vài cái răng cửa. Có mấy sợi râu lơ thơ dưới cằm. Ngoài những cái đó ra, vẫn đôi mắt hẹp màu xanh lục, vẫn cái sẹo đó ở môi trên, vẫn bộ mặt tròn trĩnh đó, nụ cười đáng yêu đó. Cháu cũng sẽ nhận ra nó, Amir jan. Chú tin chắc như vậy.

Hai chú cháu vào nhà, có một phụ nữ Hazara trẻ làn da tươi sáng đang khâu một chiếc khăn ở góc nhà. Cô ta rõ ràng đang đợi ngày lâm bồn.

- Chú Rahim Khan, đây là vợ cháu, – Hassan nói, vẻ tự hào. – Cô ấy là Farzana jan.

Cô ta là một phụ nữ bẽn lẽn, rất ư thanh nhã với giọng nói hầu như không cao hơn tiếng thì thầm, và thường không ngược đôi mắt màu nâu lục hạt để gặp cái nhìn chăm chú của ta. Nhưng cái cách cô ta nhìn Hassan thì có thể nói như Hassan đang ngồi trên ngai vàng của cung điện Arg vậy.

- Khi nào đưa bé ra đời? – Chú hỏi sau khi tất cả đã yên vị quanh căn phòng tường gạch đất nung. Chẳng có thứ gì ở trong phòng, ngoài một tấm thảm quỳ để cầu kinh sờn cũ, vài chiếc đĩa, một đôi đệm nằm, và một cái đèn.

-Inshallah, mùa đông này ạ, – Hassan nói. – Cháu đang cầu xin cho thằng bé được mang tên cha cháu.

- Nhân thế nói tới Ali, ông ấy đâu?

Hassan sụp mắt xuống. Kể cho chú biết ông Ali và người anh em họ – người chủ ngôi nhà này bị giết chết bởi một quả mìn hai năm trước, ngay bên ngoài khu Bamiyan. Một quả mìn. Lại có thêm một cách chết nữa cho người Afghan, phải không Amir jan? Và vì lý do điên rồ nào đó chú tuyệt đối tin rằng chính cái chân phải của ông Ali, cái chân bị vụn đi vì teo cơ cuối cùng đã phản bội ông ấy, và đập lên quả mìn chôn. Chú đau buồn vô cùng khi nghe nói ông Ali đã chết. Bố cháu và chú lớn lên cùng nhau, như cháu đã biết, và ông Ali cũng đã từng ở bên bố cháu, theo như chú nhớ, lâu không biết chừng nào. Chú nhớ khi tất cả chúng ta còn nhỏ, cái năm ông Ali bị viêm tuỷ xám và gần sắp chết. Bố cháu thường suốt ngày chạy quanh nhà kêu khóc.

Farzana làm cho chúng ta món shorwa bằng đỗ, củ cải và khoai tây. Bọn ta rửa tay và nhúng bánh naan vừa mới ở lò tandoor ra vào món shorwa – đó là bữa ăn ngon nhất mà chú từng ăn trong nhiều tháng trời. Thế rồi chú yêu cầu Hassan chuyển đến Kabul với chú. Chú nói cho nó biết về ngôi nhà, một mình chú không thể trông nom nổi ra sao. Chú bảo nó chú sẽ trả công nó tử tế, rằng nó và khanum của nó sẽ được đầy đủ. Hai vợ chồng nó nhìn nhau và không nói gì. Lát sau, sau khi hai chú cháu rửa tay và Fanana mời cả hai ăn nho, Hassan mới nói ngôi làng bây giờ là nhà của nó, nó và Farzana đã gây dựng cuộc đời hai vợ chồng nó ở đó.

- Và Bamiyan rất thân thiết với nhau. Chúng cháu quen biết mọi người ở đây. Thứ lỗi cho cháu. Rahim Khan. Cháu cầu xin chú hiểu cho cháu.

- Dĩ nhiên. – chú nói. – Cháu không có gì phải xin lỗi cả. Chú hiểu.

Giữa lúc uống trà sau bữa shorwa, Hassan hỏi về cháu. Chú bảo nó cháu đang ở Mỹ, nhưng chú cũng chẳng biết gì nhiều hơn. Hassan hỏi rất nhiều về cháu. Cháu đã cưới vợ chưa? Có con chưa? Có cao lớn không? Có còn thả diều và đi đến rạp chiếu phim không? Có hạnh phúc không? Nó nói, nó kết bạn với một thầy giáo già dạy tiếng Farsi ở Bamiyan, ông ấy đã dạy nó đọc và viết. Nếu nó viết cho cháu một bức thư, liệu chú có chuyển hộ cho nó đến cháu không? Và chú có nghĩ cháu sẽ viết thư trả lời không? Chú bảo nó những gì chú biết về cháu là từ mấy cuộc điện đàm với cha cháu, nhưng chủ yếu là chú không biết trả lời nó như thế nào. Rồi nó hỏi chú về cha cháu. Khi chú kể cho nó, Hassan hai tay bưng mặt khóc nức nở. Nó khóc như một đứa trẻ suốt đêm hôm đó.

Hai vợ chồng nó khăng khăng đòi chú nghỉ đêm ở đó. Farzana sắp xếp một giường ngủ nhỏ cho chú và để một cốc nước đầy, phòng chú khát. Suốt đêm, chú nghe cô ấy thì thào với Hassan và thấy nó thốn thức. Sáng ra Hassan bảo chú nó và Farzana đã quyết định chuyển đến Kabul ở với chú.

- Lẽ ra chú không nên đến đây, – chú nói, – cháu nói đúng, Hassan jan, cháu có một cuộc sống ở đây. Chú thật là mạo muội mới tới đây, yêu cầu cháu từ bỏ mọi thứ. Chính chú mới cần được tha thứ.

- Chú Rahim Khan, chúng cháu có gì nhiều mà từ bỏ, – Hassan nói. – Mắt nó vẫn còn đỏ và sưng lên. – Chúng cháu sẽ đi với chú. Chúng cháu

sẽ giúp chú chăm nom ngôi nhà.

- Cháu có tuyệt đối chắc không?

Nó gật và gục đầu xuống:

- Agha sahib như là người cha thứ hai của cháu. Cầu trời cho ông được bình yên.

Vợ chồng nó xếp đồng những đồ đạc của mình vào giữa mấy miếng vải cũ và buộc các góc lại với nhau. Bọn chú chất cái bó ấy lên chiếc xe Buick. Hassan đứng ở ngưỡng cửa cầm cuốn kinh Koran lúc mọi người lần lượt hôn và đi qua bên dưới. Rồi tất cả rời về Kabul. Chú vẫn nhớ khi chú lái xe đi khỏi đấy, Hassan còn quay lại nhìn lần cuối ngôi nhà họ.

Khi về tới Kabul, chú phát hiện Hassan không có ý định chuyển vào ở trong ngôi nhà. Chú nói:

- Nhưng tất cả các phòng đều trống rỗng, Hassan jan. – Sẽ không có ai đến sống ở đấy nữa. Nhưng nó lại không muốn. Nó bảo đây là vấn đề ihtiram, là sự tôn trọng. Nó và Farzana chuyển đồ đạc vào cái lều ở sân sau, nơi nó đã sinh ra. Chú nài nỉ để hai vợ chồng nó chuyển đến một trong những phòng khách ở trên gác, nhưng Hassan không chịu nghe.

- Amir agha sẽ nghĩ sao? – Nó bảo chú thế. – Cậu ấy sẽ nghĩ sao khi cậu ấy trở về Kabul sau cuộc chiến và thấy cháu đã chiếm một chỗ của cậu ấy trong cái nhà này?

Rồi để tưởng nhớ, tiếc thương bố cháu, Hassan đã mặc đồ đen bốn mươi ngày sau.

Chú không muốn hai vợ chồng nó phải thế, nhưng cả hai đã làm tất cả những việc bếp núc, quét dọn. Hassan chăm sóc hoa ở ngoài vườn, tưới gốc, nhặt lá vàng và trong những khóm hồng. Nó sơn lại tường. Trong nhà, nó quét những phòng bao nhiêu năm không ai ngủ, dọn rửa phòng tắm không ai tắm. Cứ như nó sửa soạn nhà cho ai đó trở về. Cháu còn như bức tường phía sau hàng cây ngô bố cháu đã trồng chứ. Amir jan? Cháu và Hassan đã gọi nó thế nào nhỉ, “Bức tường Ngô ồm” phải không? Một quả tên lửa đã phá huỷ hoàn toàn một phần của bức tường đó vào giữa cái đêm đầu thu đó. Hassan đã tự tay xây lại bức tường, từng viên gạch một, cho đến khi nó đứng vững trở lại. Chú không biết chú sẽ làm gì nếu nó không đến ở đấy.

Rồi cuối mùa thu năm ấy, Farzana sinh một bé gái bị chết lưu. Hassan hôn lên bộ mặt đứa bé không còn sinh khí, và chúng ta chôn nó ở sân sau, gần những bụi tầm xuân. Chúng ta phủ lên nấm mồ nhỏ lá của những cây bạch dương. Chú đọc kinh cầu cho đứa bé. Farzana ở lì suốt ngày trong túp lều than khóc – tiếng hờ của người mẹ là một âm thanh nghe đứt ruột đứt gan, Amir jan ạ. Chú cầu Đức Allah để cháu đừng bao giờ nghe thấy.

Bên ngoài những bức tường của ngôi nhà, là một cuộc chiến tranh điên dại. Nhưng cả ba chúng ta, trong ngôi nhà của bố cháu, chúng ta tạo một nơi ẩn trú riêng để tránh khỏi cuộc chiến. Mắt chú bắt đầu bị mờ đi vào cuối những năm thập kỷ 80, nên chú phải nhờ Hassan đọc hộ chú những cuốn sách của mẹ cháu. Chúng ta thường ngồi ở tiền sảnh, bên lò sưởi, và Hassan thường đọc cho chú những tác phẩm của Masnawi hoặc Khayyám trong khi Farzana nấu nướng ở trong bếp. Và sáng nào Hassan cũng đặt một bó hoa trên nấm đất nhỏ cạnh những bụi tầm xuân.

Vào đầu năm 1990, Farzana lại mang thai. Cũng vào năm đó giữa mùa hè, một người đàn bà choàng burqa[105] màu xanh da trời một buổi sáng đến gõ cổng trước. Khi chú bước vội ra cổng, bà ta đã đang lão đảo trên đôi chân như thể quá yếu không đứng vững nổi. Chú hỏi xem bà ta muốn gì, nhưng bà không có ý trả lời.

- Bà là ai – Chú hỏi. Nhưng bà ta đã ngã quỵ xuống ngay ở đó, trên lối xe vào. Chú hét gọi Hassan và nó giúp chú khiêng bà ta vào trong nhà, tới phòng khách. Chúng ta đặt bà ta nằm trên chiếc sofa và cởi burqa của bà ta ra. Dưới chiếc khăn, chúng ta thấy một bà già đã móm hết răng với mái tóc hoa râm và những vết viêm loét trên hai cánh tay. Bà ta có vẻ như đã nhiều ngày không ăn. Nhưng điều tệ hại nhất là khuôn mặt của bà ấy. Ai đã rạch dao lên đó và... Amir jan, những vết rạch xiên ngang cắt dọc. Một trong những vết rạch cắt từ xương má lên tận chân tóc và không chừa mắt trái của bà ta. Trông cực kỳ ghê sợ. Chú lấy một miếng vải ướt vỗ nhẹ vào lông mày bà ta và bà ta mở mắt, thều thào:

- Hassan đâu?

- Con ở ngay đây thôi, – Hassan nói. Nó cầm lấy bàn tay bà ta và bóp chặt. Con mắt lạnh của bà ấy quẩn lấy nó:

- Ta đã đi bộ rất lâu và rất xa để xem liệu con có bằng xương bằng thịt như con vẫn hiện ra trong những giấc mơ của ta không. Và con đã đúng như thế. Thậm chí còn hơn. – Bà ta kéo tay nó lên bộ mặt chằng chịt sẹo của mình. – Xin con cười với ta một cái. Hassan mỉm cười và bà già khóc:

- Con cũng cười khi vừa lọt lòng mẹ, đã ai bảo cho con biết bao giờ chưa? Và mẹ đã không cả bố con. Thánh Allah tha tội cho mẹ, mẹ đã không cả bố con.

Chẳng ai trong chúng ta từng gặp Sanaubar kể từ khi bà ta bỏ theo đám du ca và vũ công năm 1964, ngay sau khi sinh Hassan. Cháu cũng không bao giờ trông thấy bà ấy, Amir, nhưng vào tuổi thanh xuân của mình, bà ấy là một trang tuyệt sắc. Bà ấy có nụ cười má lúm đồng tiền và một dáng đi khiến đàn ông phát điên. Không ai trên đường phố gặp bà ấy, dù là đàn ông hay đàn bà, lại có thể chỉ nhìn bà ấy một lần. Vậy mà lúc bấy giờ...

Hassan buông tay bà ấy và đột ngột lao ra khỏi phòng. Chú đuổi theo nó, nhưng nó chạy quá nhanh. Chú thấy nó chạy lên ngọn đồi nơi hai cháu vẫn thường chơi đùa, hai chân nó đá bung những lớp bụi lên. Chú để mặc nó đi. Chú ngồi cùng bà Sanaubar suốt ngày từ lúc trời sáng xanh cho đến lúc tím sẫm. Khi đêm xuống và trăng lướt qua mây, Hassan vẫn không về. Sanaubar khóc, nói bà ta trở về đây là sai lầm, một sai lầm, có thể còn tệ hại hơn cả bỏ đi. Nhưng chú giữ bà ấy ở lại. Chú biết, Hassan sẽ quay về.

Sáng hôm sau nó trở về, trông mệt mỏi và rã rời, như thể suốt đêm không ngủ. Nó lấy cả hai tay cầm lấy tay Sanaubar, bảo bà muốn khóc bao nhiêu thì khóc nhưng không cần phải thế, bây giờ bà đã về nhà, cùng với gia đình bà. Nó sờ lên những vết sẹo trên mặt bà và lùa bàn tay vào tóc bà.

Hassan và Farzana chăm nom, săn sóc cho bà trở lại mạnh khỏe. Chúng bón cơm, giặt quần áo cho bà. Chú cho bà ấy ở một trong những phòng khách ở trên gác. Đôi khi chú thường nhìn qua cửa sổ ra sân và chứng kiến Hassan cùng mẹ nó quỳ xuống hái cà chua hoặc cắt xén bụi hồng, vừa trò chuyện. Họ đã lấy lại được những năm đã mất, chú cho là như vậy. Theo như chú biết, nó chẳng bao giờ hỏi mẹ đã từng ở đâu, tại

sao lại bỏ nơi ấy, và bà ấy cũng chẳng bao giờ nói. Chú cho rằng có những chuyện không cần phải kể.

Chính Sanaubar đỡ đẻ cho đứa con trai của Hassan mùa đông năm 1990 đó. Tuyết chưa bắt đầu rơi, nhưng gió mùa đông đã thổi qua sân, nghiêng ngả những thảm hoa và làm xào xạc lá cây. Chú nhớ Sanaubar ra khỏi túp lều bế theo đứa cháu trai, được bọc trong một chiếc chăn len. Bà đứng rạng rỡ dưới bầu trời u ám, nước mắt trào xuống hai bên má, gió lạnh như kim châm thổi vào tóc, và ủ ấp đứa bé trong đôi cánh tay như thể chẳng bao giờ muốn rời nó ra. Không phải lần này. Bà trao đứa bé cho Hassan, Hassan trao nó cho chú và chú hát bài kinh Aylat-ul-Kursi[106] sát tai thẳng bé.

Họ đặt tên cho nó là Sohrab, theo tên nhân vật anh hùng mà Hassan yêu thích trong cuốn Shahnamah, như cháu đã biết, Amir jan. Nó là một thằng bé xinh đẹp, ngọt ngào như đường, và tính nết cũng ôn hoà như bố nó. Lẽ ra cháu nên gặp Sanaubar và thẳng bé, Amir jan. Nó trở thành trung tâm cuộc sống của bà ấy. Bà ấy may quần áo cho nó, làm đồ chơi cho nó từ những miếng gỗ, vải vụn và cỏ khô. Khi nó bị cảm sốt, bà ở lại với nó suốt đêm và ăn chay ba ngày liền. Bà đốt isfand[107] cho nó trên một cái xoong nhỏ có cán, để xua đuổi nazar, cái mắt ma đi. Đến lúc Sohrab đã lên hai, nó gọi bà bằng Sasa. Hai bà cháu không thể rời nhau.

Bà sống được đến lúc thấy nó đã lên bốn, thế rồi, một buổi sáng bà không tỉnh dậy nữa. Trông bà có vẻ thư thái, bình yên, như thể bà không còn nghĩ đến cái chết. Chúng ta chôn bà ở nghĩa địa trên đồi, cái nghĩa địa có cây lựu ở bên, và chú cũng đã cầu nguyện cho bà ấy. Sự mất mát đè nặng lên Hassan – có rồi lại mất luôn luôn đau hơn cả việc không có ngay từ đầu. Nhưng mất mát còn đè nặng hơn lên thằng bé Sohrab. Nó liếp tục đi quanh quẩn khắp nhà tìm Sasa, nhưng cháu đã biết trẻ con là thế nào, chúng quên đi rất nhanh. Lúc đó – có lẽ vào năm 1995 – bọn Shorawi đã bị đánh bại và cuốn xéo từ lâu, Kabul thuộc về Massoud, Rabbani và quân Mujahedin. Cuộc xung đột nội bộ giữa các bè phái rất khốc liệt và không ai biết liệu chúng ta có còn sống cho đến hết ngày không. Tai chúng ta trở nên quen với tiếng rít của những quả đạn pháo, với tiếng nổ đùng của súng máy, mắt quen nhìn người ta đào bới xác người ở những đồng gạch vụn. Kabul những ngày đó, Amir jan, gần như

một chốn địa ngục trần gian. Tuy vậy, thánh Allah nhân từ đôi với chúng ta, quận Wazir Akbar-Khan không bị tấn công nhiều lắm, nên chúng ta không phải chịu cảnh tệt hại như vài quận láng giềng khác.

Vào những ngày đó khi đã bớt đạn tên lửa bắn ra và giao tranh cũng thưa dần, Hassan thường mang Sohrab đến vườn thú xem sư tử Marjan, hoặc tới rạp chiếu phim. Hassan dạy nó bắn súng cao su thế nào, và, sau đó, lúc tám tuổi, Sohrab đã trở nên thiện xạ về ngón này: Nó có thể đứng trên thềm nhà, cách nửa cái sân, bắn trúng quả thông dựng trên một cái thùng. Hassan dạy con đọc và viết – con nó lớn lên sẽ không mù chữ như nó. Chú càng ngày càng gần bó với thằng bé – Chú đã thấy nó chập chững những bước đầu tiên, nghe nó bập bẹ nói những tiếng đầu tiên. Chú mua sách trẻ con cho Sohrab ở hiệu sách gần Công viên Chiếu phim – bây giờ chúng cũng đã bị phá huỷ rồi và Sohrab đọc liền thoảng khiến chú khó có thể theo kịp. Nó nhắc chú nhớ tới cháu, nhớ khi còn nhỏ cháu thích đọc sách đến thế nào, Amir jan. Đôi khi, ban đêm chú đọc cho nó, chơi đoán câu đố với nó, dạy nó mẹo đánh bài. Chú nhớ nó ghê gớm.

Vào những ngày đông, Hassan mang con trai đi thả diều. Gần như chẳng còn mấy những cuộc đấu diều như ngày xưa – không ai cảm thấy yên tâm khi ra khỏi nhà quá lâu – nhưng loáng thoáng vẫn còn vài cuộc đấu diều thưa thớt. Hassan thường công kênh con trai lên vai và hai bố con nó chạy qua các đường phố, đuổi theo những chiếc diều, trèo lên những cái cây có diều rơi xuống. Amir jan, cháu còn nhớ Hassan là người đưa diều giỏi đến thế nào chứ? Nó vẫn còn giỏi như xưa. Vào cuối mùa đông, Hassan và Sohrab treo những chiếc diều chúng đuổi bắt được trong cả mùa đông trên những dây tường cửa hành lang chính. Hai bố con thường nâng niu chúng như những bức hoạ.

Chú đã kể cho cháu nghe năm 1996, tất cả chúng ta đã tổ chức lễ hoan nghênh. khi bọn Taliban tràn vào và chấm dứt cuộc xung đột diễn ra hàng ngày. Chú nhớ tối đó trở về nhà, thấy Hassan đang ở trong bếp nghe Radio. Đôi mắt nó rưng rưng. Chú hỏi nó có chuyện gì không ổn nhưng nó chỉ lắc đầu:

- Rahim Khan sahib, cầu thượng đế giúp người Hazara! Chú nói:
- Chiến tranh qua rồi mà Hassan. Sẽ được hoà bình, Inshallah, hạnh phúc, bình yên. Không còn tên lửa, không còn giết chóc, không còn tang

tóc nữa.Nhưng nó tắt ngay đài đi và hỏi chú liệu nó có thể làm cho chú món gì để ăn trước khi nó đi ngủ không.Mấy tuần sau, bọn Taliban ra lệnh cấm đầu điều. Và hai năm sau, năm 1998, chúng tàn sát tập thể người Hazara ở Mazar-i-sharif.

Chương 17

Rahim Khan chậm rãi gỡ đôi chân bắt chéo ra và tựa mình vào bức tường trụ, theo một cách thận trọng, nhẹ nhàng của một người mà mỗi cử động đều gây đau đớn. Ngoài nhà, một con lừa đang kêu be be và ai đó đang quát tháo bằng tiếng Urdu. Mặt trời đang bắt đầu ngả bóng, xiên nắng đỏ qua những kẽ nứt của toà nhà ọp ẹp.

Sự độc ác của những gì tôi đã làm mùa đông năm ấy và mùa hè năm sau lại giáng vào tôi. Những cái tên reo vang trong đầu tôi: Hassan, Sohrab, Ali, Farzana và Sanaubar. Nghe Rahim Khan nói đến cái tên của ông Ali, tựa như tìm thấy một cái máy hát cũ kỹ, bụi bặm đã nhiều năm không mở, giai điệu ngay lập tức bắt đầu: Hôm nay mày ăn thịt ai rồi, Balabu? Mày ăn thịt ai rồi, Balabu mắt xếch? Tôi cố hình dung về mặt lạnh tanh bất động của ông Ali, để thực sự nhìn thấy đôi mắt bình thản của ông, nhưng thời gian dễ là một kẻ tham lam – đôi khi nó ăn cắp hết mọi chi tiết cho bản thân nó.

- Bây giờ Hassan vẫn còn trong ngôi nhà đó chứ? – Tôi hỏi.

Rahim Khan nâng tách trà lên đôi môi khô nẻ và uống một ngụm. Rồi ông moi một chiếc phong bì từ túi ngực áo vest của ông và trao nó cho tôi:

- Của cháu đấy.

Tôi xé niêm phong chiếc phong bì. Bên trong tôi thấy một tấm ảnh chụp từ máy Polaroid và một bức thư gấp lại. Tôi chăm chú nhìn vào tấm ảnh chừng một phút. Một người đàn ông cao lớn quấn chiếc khăn tu-ban trắng, mặc một chiếc áo chapan màu xanh lục hẹp và dài đứng cùng một đứa trẻ trước cổng sắt hoa. Ánh nắng mặt trời chiếu xiên từ phía trái làm tối một nửa khuôn mặt bầu bĩnh. Người đó đang nheo mắt và mỉm cười nhìn vào máy ảnh để lộ ra hai chiếc răng cửa bị khuyết. Ngay cả trong tấm ảnh Polaroid mờ mờ đó, người đàn ông trong chiếc áo chapan vẫn toát ra một vẻ quả quyết thoải mái. Nó thể hiện trong dáng đứng của anh ta, hai chân hơi doãi ra, hai cánh tay dang hoàng khoanh trước ngực, đầu hơi nghiêng một chút về phía mặt trời. Nhất là trong nụ cười của anh ta. Nhìn vào tấm ảnh, người ta có thể kết luận đó là một người đàn ông tin tưởng cuộc đời đã tốt đẹp với anh ta biết mấy. Rahim Khan nói đúng: Có

lẽ tôi sẽ nhận ra cậu ấy, nếu tôi đâm sầm vào cậu trên đường phố. Đứa con trai đứng chân trần, một cánh tay ôm đùi người đàn ông, cái đầu cạo trọc của nó ngả vào hông cha. Nó cũng nhăn răng cười và nheo mắt.

Tôi mở bức thư. Thư viết bằng tiếng Farsi. Không có dấu chấm phẩy nào bị bỏ, không gạch ngang nào bị quên, không có chữ nào bị lẫn vào nhau – thứ chữ viết tay giống chữ trẻ con nắn nót. Tôi bắt đầu đọc:

Nhân danh Đức Allah, Đấng quang đại, Đấng nhân từ nhất, Amir agha, với lòng kính trọng sâu sắc nhất của tôi, Farzana jan, Sohrab, và tôi cầu mong bức thư mới nhất này biết cậu được mạnh khoẻ và trong ánh sáng những ân huệ của Đức Allah. Làm ơn chuyển những lời cảm ơn nồng ấm nhất cho chú Rahim Khan sahib vì đã chuyển bức thư này tới cậu. Tôi rất hy vọng một ngày nào đó tôi sẽ được cầm một trong những bức thư của cậu trong tay và đọc về đời sống của cậu ở Mỹ. Có lẽ một bức ảnh của cậu cũng sẽ đem lại niềm vui cho con mắt của chúng tôi. Tôi kể rất nhiều về cậu cho Farzana jan và Sohrab, về chuyện chúng ta lớn lên cùng nhau, chơi các trò chơi và đuổi nhau trên đường phố. Hai mẹ con vẫn cười trước những chuyện về mọi điều phiến toái cậu và tôi thường gây ra! Amir agha, Than ôi, đất nước Afghanistan của tuổi trẻ chúng ta đã chết lâu rồi. Lòng nhân từ đã rời khỏi mảnh đất này và người ta không thể trốn thoát khỏi những chuyện bắn giết. Luôn luôn bắn giết. Ở Kabul, sợ hãi ở khắp nơi, trên đường phố, trong sân vận động, ngoài chợ, đó là một phần của cuộc sống của chúng tôi ở đây, Amir agha. Những kẻ man rợ cai trị lớp watan của chúng ta không quan tâm đến đạo lý làm người. Một hôm, tôi đi kèm Fazana jan ra khu chợ mua một ít khoai tây và bánh naan. Cô ấy hỏi người bán hàng khoai tây giá bao nhiêu, nhưng người ấy không nghe thấy cô ấy hỏi, tôi nghĩ ông ta điếc. Thế là cô ấy phải hỏi to hơn và bất ngờ một thằng Taliban trẻ chạy ngay tới nện cô ấy vào hai bên đùi bằng chiếc dùi cui gỗ. Nó đánh cô ấy mạnh đến nỗi cô ấy ngã xuống. Nó hét vào mặt cô ấy, chửi và bảo, Bộ Đạo đức và Tội lỗi không cho phép phụ nữ nói to. Cô ấy bị một vết thâm tím lớn trong nhiều ngày, nhưng tôi có thể làm gì được ngoài việc đứng nhìn vợ mình bị đánh? Nếu tôi đánh trả, con chó ấy chắc chắn sẽ nã ngay một phát đạn vào người tôi, một cách sung sướng! Rồi chuyện gì sẽ xảy ra với thằng bé Sohrab của tôi? Đường phố đã đầy những trẻ mồ côi đói khát và ngày

nào tôi cũng cảm ơn Đức Allah rằng tôi vẫn còn sống sót, không phải bởi tôi sợ chết, mà bởi tại vợ tôi có một người chồng và con trai tôi không phải là một đứa trẻ mồ côi. Tôi mong cậu có thể gặp Sohrab. Nó là thằng bé rất ngoan. Chú Rahim Khan sahib và tôi đã dạy nó đọc và viết, để nó khỏi lớn lên ngu đần như cha nó. Và, nó cũng có thể bắn bằng chiếc súng cao su đó! Thịnh thoảng tôi đem Sohrab đi quanh quần và mua kẹo cho nó. Vẫn còn một người diễn trò khi ở Shar-e-Nau, và nếu chúng tôi tình cờ gặp hẳn, tôi trả tiền để hẳn múa trò khi cho Sohrab xem. Giá cậu được thấy nó cười như thế nào nhỉ! Cả hai bố con tôi thường trèo lên nghĩa địa trên đồi. Cậu có nhớ chúng ta vẫn quen ngồi dưới gốc lựu ở đó và đọc truyện Shahnamah? Hạng hán đã làm khô trụi đồi và cây lựu nhiều năm không kết trái, nhưng Sohrab và tôi vẫn ngồi dưới bóng cây và tôi đọc cho nó nghe truyện Shahnamah. Không cần kể chắc cậu cũng biết, phần nó thích nhất là phần có nhắc đến tên nó, Rostam và Sohrab. Chẳng bao lâu nó sẽ tự mình đọc được cuốn sách. Tôi là một người cha rất tự hào và rất hạnh phúc. Amir agha, Chú Rahim Khan ốm lắm rồi. Chú ho suốt ngày và tôi thấy máu trên ống tay áo chú khi chú lau miệng. Chú giảm cân rất nhiều và tôi mong chú sẽ ăn một chút Shorwa với cơm mà Farzana jan nấu cho chú. Nhưng chú ăn có một hai miếng và tôi nghĩ chỉ để làm vừa lòng Farzana jan. Tôi rất lo cho con người yêu quý ấy đến nỗi ngày nào tôi cũng cầu nguyện cho chú. Chú đang rời sang Pakistan ít ngày để tham khảo ý kiến mấy ông bác sĩ ở đó và Inshallah, mong ông sẽ trở về với những tin tốt đẹp. Nhưng trong thâm tâm tôi, tôi vẫn sợ cho chú. Farzana jan và tôi đã bảo Sohrab là chú Rahim Khan sahib sắp khỏi. Chúng tôi còn có thể làm gì? Nó mới mười tuổi và nó tôn thờ Rahim Khan sahib. Hai ông cháu càng ngày càng gắn bó với nhau. Chú Rahim Khan thường mang nó ra phố chợ mua bóng bay và bánh bích quy cho nó, nhưng bây giờ thì chú quá yếu, không làm thế được nữa. Sau đó tôi đã mơ rất nhiều, Amir agha. Một số là ác mộng như những xác người bị treo cổ thối rữa trên những sần bóng đá, với máu loang trên cỏ. Tỉnh khỏi những cơn ác mộng đó, người tôi vã mồ hôi và thở dồn dập. Tuy vậy phần nhiều tôi mơ thấy những điều tốt đẹp, và ngợi ca Thánh Allah vì những điều đó. Tôi mơ thấy chú Rahim Khan khỏi bệnh. Tôi mơ thấy con trai tôi sẽ lớn lên trở thành một người tốt, một người tự do, và một người quan trọng.

Tôi mơ thấy những bông hoa lawla sẽ lại nở trên các đường phố Kabul, và nhạc rubab lại sẽ vang lên trong những phòng trà, những cánh diều sẽ lại bay trên bầu trời. Và tôi mơ một ngày nào đó cậu sẽ trở về Kabul thăm lại mảnh đất thời thơ ấu của chúng ta.

Nếu cậu trở về, cậu sẽ thấy một người bạn cũ trung thành đang mong đợi cậu.

Cầu mong Thánh Allah luôn luôn bên cậu.

Hassan.

Tôi đọc bức thư hai lần. Tôi gấp thư lại và nhìn vào tấm ảnh thêm một lúc nữa. rồi cho vào túi. Tôi hỏi:

- Cậu ấy thế nào?

- Bức thư đó viết cách đây sáu tháng rồi, vài ngày trước khi chú rời sang Peshawar. – Rahim Khan nói. – Chú chụp bức ảnh bằng máy Polaroid hôm trước khi chú đi. Một tháng sau khi chú đến Peshawar, chú nhận được cú điện thoại từ một người hàng xóm ở Kabul. Ông ta kể cho chú nghe chuyện này: Ít lâu sau khi chú đi, một tin đồn lan khắp rằng một gia đình Hazara đang sống một mình trong toà nhà lớn ở quận Wazir Akbar-Khan, hoặc bọn Taliban khẳng định như thế. Hai thằng quan chức Taliban đến điều tra và thẩm vấn Hassan. Chúng buộc tội Hassan dối trá khi khai với chúng là sống với chú cho dù nhiều người hàng xóm, kể cả người gọi điện cho chú, ủng hộ lời khai của Hassan. Bọn Taliban nói Hassan là một tên dối trá và là một thằng trộm cắp như mọi tên Hazara và lệnh cho gia đình nó phải ra khỏi ngôi nhà lúc chiều xuống. Hassan phản đối. Nhưng người hàng xóm của chú nói bọn Taliban đang nhòm ngó toà nhà lớn như – ông ta nói thế nào nhỉ! – À, như đàn sói nhòm vào bầy cừu. Chúng bảo với Hassan, chúng sẽ chuyển vào ở coi như để giữ nó an toàn cho đến khi chú trở về. Hassan lại phản đối. Thế là chúng lôi nó ra ngoài đường phố.

- Không. – Tôi thờ.

-... và ra lệnh cho nó quỳ xuống...

- Không, lạy chúa, không.

-... và bắn vào sau gáy nó.

- Không.

- Farzana đến hét lên xông vào đánh chúng...

- Không.

-... bắn nốt cô ấy. Tự vệ. Sau đó chúng tuyên bố thế... Nhưng tất cả những gì tôi có thể làm được chỉ là thì thào “Không, không, không,” mãi không ngừng.

Tôi vẫn nghĩ về cái ngày năm 1974, trong phòng bệnh, ngay sau ca phẫu thuật mô cho Hassan. Baba, chú Rahim Khan, ông Ali và tôi đã xúm lại quanh giường của Hassan xem cậu quan sát đôi môi mới của mình trong cái gương cầm tay. Nay mọi người trong căn phòng ấy đều đã chết và sắp chết. Ngoại trừ tôi.

Rồi tôi lại thấy một cái gì khác: tên đàn ông mặc chiếc áo rằn ri đang dí họng khẩu Kalashnikov của nó vào gáy Hassan. Tiếng nổ vang vọng suốt đường phố ngôi nhà cha tôi. Hassan đổ phịch xuống mặt đường. Cuộc đời trung thành đơn phương của cậu ấy lìa bỏ cậu, như những chiếc điều bị gió thổi dạt đi mà cậu từng săn đuổi.

- Bọn Taliban chuyển vào ngôi nhà. – Rahim Khan nói, – mượn cơ chúng đã trục xuất một kẻ xâm phạm tài sản. Những kẻ giết Hassan và Fartana bị sa thải, coi như một trường hợp tự vệ. Không ai dám nói một lời về chuyện này. Phần lớn vì sợ bọn Taliban, chú nghĩ thế. Nhưng cũng không ai lại đại dốt đi liều mạng vì một cặp đày tớ người Hazara làm gì.

- Rồi chúng làm gì với Sohrab? – Tôi hỏi. Tôi cảm thấy mệt mỏi, bị vắt kiệt. Một cơn ho làm Rahim Khan co quắp người lại và tiếp tục như thế một lúc lâu. Cuối cùng khi nhìn lên, mặt ông đỏ ửng và mắt ông vẫn đỏ.

- Chú nghe nói, nó ở trong một trại mồ côi ở Karteh – Seh, Amir jan ạ. Thế rồi ông lại ho. Khi dừng ho trông ông già hơn mấy phút trước đó, như thể mỗi cơn ho lại làm ông già thêm.

- Amir jan, chú gọi cháu về đây, bởi vì chú muốn được gặp cháu trước khi chết, nhưng không phải chỉ có thế. Tôi không nói gì. Tôi nghĩ tôi đã biết những gì Rahim Khan sắp nói.

- Chú muốn cháu đi Kabul. Chú muốn cháu đem Sohrab sang đây, – ông nói.

Tôi cố tìm những lời lẽ thích hợp. Tôi hầu như chưa có thời gian cho cái thực tế rằng Hassan đã chết.

- Xin hãy nghe chú nói. Chú biết một cặp vợ chồng người Mỹ ở Peshawar, ông Thomas và bà Betty Caldwell. Họ là những người Cơ đốc giáo và họ quản lý một tổ chức từ thiện nhỏ hoạt động bằng những khoản hiến tặng riêng tư. Chủ yếu họ xây nhà và nuôi trẻ con Afghan bị mất cha mẹ. Chú đã đến thăm nơi đó. Một nơi sạch sẽ và an toàn, trẻ con được chăm sóc tốt, ông và bà Caldwell là những người nhân hậu. Ông bà ấy đã bảo chú rằng Sohrab sẽ được hoan nghênh tại nhà ông bà ấy và...

- Rahim Khan, chú không nghiêm túc rồi.

- Nếu chú nghĩ thế, chú đã không yêu cầu cháu đến đây. Tôi mân mê chiếc nhẫn cưới của tôi:

- Chú đã luôn luôn đánh giá quá cao về cháu đấy, chú Rahim Khan...- Và cháu đã lại luôn luôn quá khắc nghiệt đối với bản thân, – ông ngập ngừng. – Nhưng có một chuyện khác. Một chuyện khác cháu không biết.

- Làm ơn, chú Rahim Khan.

- Sanaubar không phải là người vợ đầu tiên của ông Ali.

Bấy giờ tôi mới ngược nhìn lên.

- Trước đó, ông ấy đã cưới một phụ nữ Hazara thuộc vùng Jahori. Chuyện đó có lâu trước khi cháu ra đời. Họ lấy nhau được ba năm.

- Chuyện này thì có dính dáng gì?

- Sau ba năm không có con cái cô ta bỏ ông ấy và lấy một người đàn ông ở Khost. Cô ta để cho ông này ba đứa con gái. Đó là những gì chú đang cố nói cho cháu biết.

Tôi bắt đầu hiểu ông đang định đi đến đâu. Nhưng tôi không muốn nghe phần còn lại của câu chuyện. Tôi có một đời sống tốt đẹp ở California, một ngôi nhà kiểu Victoria xinh đẹp với cái mái nhọn, một cuộc hôn nhân tốt đẹp, một nghề viết văn đầy hứa hẹn, bố mẹ vợ yêu quý tôi. Tôi cóc cần bất kỳ cái gì của câu chuyện vợ vẫn ấy.

- Ông Ali vô sinh, – Rahim Khan nói.

- Không, ông ấy không thể. Ông ấy và bà Sanaubar đã đẻ ra Hassan, phải không nào? Họ đã có Hassan.

- Không, họ không có, – Rahim Khan nói.

- Có, họ có.

- Không, Amir, họ không có.

- Vậy ai?

- Chú nghĩ cháu biết ai.

Tôi cảm thấy như người đang tuột xuống một vách đá dựng đứng, cố níu chặt lấy những bụi rậm, với những cây gai rối rắm và cuối cùng trắng tay. Căn phòng như đang hạ xuống dâng lên, lắc lư bên này qua bên khác.

- Hassan có biết không? – Tôi nói qua đôi môi tưởng như không phải môi tôi nữa. Rahim Khan nhắm mắt lại. Lắc đầu.

- Các người, đồ ác độc, – tôi lẩm bẩm. Đứng lên. – Các người, đồ ác độc chết tiệt. – Tôi hét lên. – Tất cả lũ các người, một chuỗi lừa lọc ác độc chết tiệt!

- Xin cháu ngồi xuống. – Rahim Khan nói.

- Tại sao chú lại phải giấu tôi? Giấu nó? – Tôi rống lên.

- Amir jan, xin cháu nghĩ lại. Đó là một tình thế nhục nhã. Người ta sẽ bàn tán. Tất cả những gì một con người đã có trước đó, tất cả những giá trị của anh ta, là danh dự, tên tuổi và nếu người ta bàn tán... Chúng ta không thể nói cho bất kỳ ai biết, chắc rằng cháu có thể hiểu được điều ấy. Ông túm lấy tôi. Nhưng tôi gỡ tay ông ra. Đi thẳng ra cửa.

- Amir jan, xin cháu đừng bỏ đi.

Tôi mở cửa và quay lại phía ông:

- Tại sao? Chú còn có thể nói gì với cháu nào? Cháu đã ba mươi tám tuổi rồi, và cháu chỉ thấy hoá ra toàn bộ cuộc đời cháu, mẹ kiếp, chỉ là một sự đại dối trá! Chú có thể nói gì để làm cho mọi việc tốt đẹp hơn nào? Không gì hết. Không một điều chết tiệt nào hết! Nói thế rồi tôi sầm sầm bước ra khỏi căn hộ.

Chương 18

Mặt trời gần như đã lặn hẳn và để lại trên bầu trời những dải màu tía, đỏ sẫm tắt. Tôi bước xuống một đường phố hẹp, nhộn nhịp và rời xa khỏi toà nhà của Rahim Khan. Đường phố là một cái ngõ ồn ào trong một mớ rắc rối những lối đi nhỏ tắc nghẽn người đi bộ, xe đạp và xe xích lô. Những biển lớn treo ở các góc đường quảng cáo Coca-cola và thuốc lá. Những tấm áp phích phim rẻ tiền phô phang những nữ diễn viên đầy nhục cảm khiêu vũ với đám đàn ông da nâu đẹp trai trên những cánh đồng hoa cúc vạn thọ.

Tôi bước vào một quán samôva nhỏ đầy khói thuốc và gọi một tách trà. Tôi tựa lưng lên chân sau chiếc ghế đang gấp lại và lau mặt. Cảm giác bị tuột xuống một cái vực đã phai mờ. Nhưng thay vào đó, tôi cảm thấy như một người vừa tỉnh giấc trong ngôi nhà riêng của mình và thấy mọi đồ đạc trong nhà đã được sắp xếp lại, đến nỗi mọi xó xỉnh, mọi rạn nứt thân thuộc trông đều xa lạ. Bị lạc hướng, anh ta phải đánh giá lại mọi vật xung quanh, và định hướng lại bản thân.

Làm thế nào mà tôi lại có thể mù đặc đến thế? Những dấu hiệu đã từng hiện trước mắt tôi trong suốt bao lâu. Bây giờ chúng vụt trở lại với tôi: Baba thuê bác sĩ Kuman chữa lại cái môi hở cho Hassan. Baba không bao giờ quên sinh nhật của Hassan. Tôi nhớ lại cái ngày chúng tôi đang trồng hoa tuy líp, khi tôi hỏi Baba đã bao giờ ông xem xét đến việc thuê những người ở mới chưa. Hassan sẽ không đi bất cứ đâu. Ông đã gầm lên. Nó sẽ ở ngay tại đây với chúng ta, nơi mà thuộc về nó. Đây là nhà của nó và chúng ta là gia đình của nó. Ông đã khóc, khóc khi ông Ali tuyên bố rằng sẽ cùng Hassan rời bỏ chúng tôi.

Người hầu bàn đặt một tách trà lên cái bàn trước mặt tôi. Nơi chân bàn bắt chéo thành hình chữ X có một vòng chuông đồng, mỗi chiếc lớn bằng quả óc chó. Một trong những quả chuông bị tuột ra. Tôi cúi xuống và buộc chặt nó lại. Tôi mong tôi có thể xiết chặt lại cuộc đời của riêng tôi dễ dàng như thế. Tôi uống một ngụm trà đen đặc nhất từng uống trong nhiều năm, và cố nghĩ tới Soraya, tới ông tướng và Khala Jamila, tới cuốn tiểu thuyết cần hoàn thành. Tôi cố quan sát xe cộ lờ lững trên đường phố, mọi người ra ra vào vào những cửa hàng bánh kẹo nhỏ, cố

lắng nghe nhạc Qawali đang vang lên từ chiếc đài bán dẫn ở bàn bên cạnh. Bất cứ thứ gì. Nhưng tôi vẫn cứ thấy Baba, trong cái đêm tôi tốt nghiệp, đang ngồi trong chiếc xe Ford ông vừa tặng tôi, sức mùi bia và nói: Hôm nay, bố chỉ muốn Hassan ở đây với chúng ta.

Làm sao ông có thể lừa dối tôi suốt bao năm như thế? Cả Hassan nữa ông đã đặt tôi ngồi lên đùi ông khi tôi còn nhỏ, nhìn thẳng vào mắt tôi và nói: Chỉ có một tội lỗi duy nhất. Và đó là ăn cắp... Khi con nói dối, con ăn cắp quyền của ai đó được biết sự thật. Ông đã chẳng nói nhưng câu đó với tôi sao? Và giờ đây mười lăm năm sau khi tôi đã chôn ông, tôi được biết rằng Baba từng là một tên ăn cắp. Và một tên ăn cắp thuộc loại xấu xa nhất, bởi những thứ mà ông đánh cắp đã từng là thiêng liêng đối với tôi: quyền của tôi được biết tôi có một đứa em trai, quyền của Hassan được biết nguồn gốc của mình, và danh dự của ông Ali. Nang của ông, Namoos của ông.

Những câu hỏi vẫn không ngừng đến với tôi. Baba đã dám nhìn thẳng vào mắt ông Ali ra sao? Ông Ali đã sống trong ngôi nhà đó thế nào, ngày này qua ngày khác, biết rõ đã từng bị chủ mình đơn phương làm nhục một cách tồi tệ nhất mà một người Afghan có thể bị làm nhục? Và tôi định hoà giải ra sao cái hình ảnh mới của Baba với hình ảnh ông đã từng in đậm trong óc tôi bấy lâu, cái hình ảnh ông trong bộ đồ veston nâu, tập tễnh bước lên lối xe vào nhà Taheri để hỏi Soraya làm vợ cho tôi?

Đây lại là một sáo ngữ nữa mà ông thầy dạy viết văn của tôi thường giễu cợt: cha nào, con nấy[108]. Nhưng nó đúng phải không nào? Hoá ra, Baba và tôi còn giống nhau hơn nhiều những gì tôi vẫn biết. Cả hai chúng tôi đã phản bội lại những con người có lẽ đã hiến cả đời họ cho chúng tôi. Và từ đó mới nhận ra điều này: Rahim Khan đã gọi tôi về đây để chuộc tội không chỉ cho những tội lỗi của tôi mà còn của Baba nữa.

Rahim nói, tôi luôn luôn quá khắc nghiệt với bản thân. Nhưng tôi không hiểu. Đúng, tôi không làm cho ông Ali giảm lên quả mìn chôn, tôi không mong bọn Taliban đến nhà để bắn Hassan. Nhưng tôi đã đuổi ông Ali và Hassan ra khỏi nhà. Phải chăng là quá gượng gạo để hình dung mọi sự có thể đã trở nên khác hơn nếu tôi không đuổi họ? Có thể Baba sẽ mang họ theo tới Mỹ. Có thể bây giờ Hassan đã có một ngôi nhà riêng của mình, một nghề, một gia đình, một cuộc sống tại đất nước nơi người

dân ở đó thậm chí chẳng buồn bận tâm một người Hazara là thế nào. Có thể không. Nhưng biết đâu.

Cháu không thể đi Kabul, tôi đã nói với Rahim Khan, cháu có một người vợ ở Mỹ, một ngôi nhà, một nghề và một gia đình. Nhưng làm sao tôi có thể khăn gói trở về nhà khi những hành động của tôi có thể tước mất một cơ may cho Hassan để có vẫn những thứ như thế?

Ước gì Rahim Khan đừng gọi tôi. Tôi mong ông hãy để tôi sống trong quên lãng. Nhưng ông đã gọi cho tôi. Và những gì Rahim Khan tiết lộ cho tôi đã làm thay đổi mọi điều. Làm cho tôi thấy cả cuộc đời tôi, rất lâu trước mùa đông năm 1975, lui lại cái ngày người phụ nữ Hazara hát ru còn đang cho tôi bú, đã từng là một vòng quay của những dối trá, phản bội và bí mật ra sao.

Luôn có một con đường để tốt lành trở lại, chú đã nói vậy.

Một con đường để kết thúc vòng quay này. Với một đứa con trai bé nhỏ. Một đứa trẻ mồ côi. Con trai của Hassan. Đâu đó ở Kabul.

Trên chiếc xe kéo quay lại căn hộ của Rahim Khan, tôi nhớ Baba nói rằng vấn đề của tôi là, ai đó đã luôn hoàn thành cuộc chiến đấu của tôi thay cho tôi. Giờ đây tôi đã ba mươi tám tuổi. Tóc tôi đã rụng và có những vết hoa râm, và mới đây thôi, những vết chân quạ đã hằn quanh đôi mắt tôi. Giờ đây tôi đã già hơn, nhưng có thể chưa đến nỗi quá già để bắt tay vào cuộc chiến đấu của chính tôi. Baba đã dối trá nhiều điều, nhưng hoá ra ông lại đã không dối trá về điều đó.

Tôi nhìn lại vào khuôn mặt tròn trĩnh trong tấm ảnh Polaroid lần nữa, mặt trời hắt nắng lên trên đó. Khuôn mặt của em trai tôi. Hassan đã từng yêu tôi, yêu tôi theo cách không ai có một tình yêu như thế bao giờ hoặc mãi mãi sẽ còn yêu như thế. Bây giờ nó đã đi mất rồi, nhưng một phần con người nó vẫn còn đang sống. Phần đó ở Kabul.

Đợi chờ.

Tôi thấy Rahim Khan đang cầu kinh namaz ở góc phòng. Ông chỉ là một cái bóng đen đang cúi đầu về phía Đông, trước một bầu trời đỏ như máu. Tôi đợi cho ông cầu kinh xong. Rồi tôi bảo ông, tôi sẽ đi Kabul. Bảo ông, sáng hôm sau sẽ gọi cho ông bà Caldwell. Ông nói:

- Chú sẽ cầu nguyện cho cháu, Amir jan.

Chương 19

Lại say xe. Đến lúc xe chúng tôi chạy qua cái biển đạn bắn lỗ chỗ, ĐÈO KHYBER HOAN NGHÊNH QUÝ KHÁCH, miệng tôi bắt đầu muốn nôn. Một cái gì đó trong dạ dày tôi cuộn lên và xoắn lại. Farid, gã tài xế của tôi, liếc nhìn tôi lạnh lùng. Không một chút đồng cảm nào trong mắt hắn. Tôi hỏi:

- Có thể hạ kính xe xuống không?

Hắn châm một điếu thuốc và kẹp chặt giữa hai ngón còn lại của tay trái, bàn tay vẫn để trên tay lái. Đôi mắt đen vẫn nhìn đường, hắn cúi xuống phía trước nhặt chiếc tước nơ vít nằm giữa hai chân, và trao nó cho tôi. Tôi cắm vào cái lỗ nhỏ ở cửa xe, nơi đáng lẽ có tay quay và vặn cho cửa kính xe cho tôi hạ xuống.

Farid lại nhìn tôi khinh miệt, cái nhìn này có vẻ như một kẻ thù địch được nén lại, và tiếp tục hút thuốc. Hắn không nói quá mười lời từ lúc chúng tôi khởi hành ở Jamrud Ford.

- Cảm ơn, – tôi lẩm bẩm. Tôi ngả đầu ra ngoài cửa sổ để cho khí lạnh giữa ban trưa ào qua mặt tôi. Xe chạy xuyên qua những vùng đất của các bộ tộc Đèo Khyber, ngoằn ngoèo giữa những vách đá phiến và đá vôi, đúng như tôi nhớ Baba và tôi đã cho chạy xe qua miền đất tuyệt vọng này trước năm 1974. Những dãy núi khô cằn, sừng sững dọc theo những vực sâu, vút lên những đỉnh lởm chởm tai mèo. Những pháo đài cổ, tường bằng đất nung đang vỡ vụn trên đỉnh những vách đá cheo leo. Tôi cố dán mắt vào dãy Hindu Kush phủ tuyết ở phía Bắc, nhưng mỗi lần bụng tôi ồm ồm được một chút, chiếc xe tải lại lượn vòng một khúc ngoặt khác, làm dội lên một đợt sóng buồn nôn mới.

- Thử một miếng chanh xem.

- Cái gì?

- Chanh. Say xe dùng tốt đấy, – Farid nói. – Tôi luôn mang theo một quả khi lái xe đường này.

- Không, cảm ơn. – Tôi nói. Nghĩ đến thêm chất chua cho dạ dày là đã muốn nôn thêm rồi.

Farid cười khẩy.

- Không màu nhiệm như thuốc Mỹ đầu, tôi biết chỉ là một phương thuốc cổ mẹ tôi dạy tôi thôi.

Tôi chỉ tiếc nhờ để lỡ mất dịp may thân thiện với hẳn:

- Đã vậy thì có lẽ cho tôi một miếng. Hẳn vớ lấy cái túi giấy ở sau ghế và bóc một nửa quả chanh ra. Tôi cắn một miếng, đợi vài phút:

- Anh nói đúng, tôi thấy dễ chịu hơn. Tôi nói dối. Là một người Afghan, tôi biết tốt nhất là chịu khổ còn hơn thô lỗ. Tôi cố nặn ra một nụ cười yếu ớt.

- Mẹo watani[109] cổ đấy mà, không cần phải thuốc tiên đâu – Hẳn nói giọng gần như cáu kỉnh. Hẳn búng tàn thuốc đi và tự ban cho mình một cái nhìn thoả mãn trong chiếc gương chiếu hậu. Hẳn là một người Tajik[110], một gã đàn ông gầy cao lêu đêu, da ngăm đen, mặt sạm nắng gió, vai hẹp, cái cổ dài lộ yết hầu, nhưng chỉ lộ ra sau bộ râu khi hẳn quay đầu lại. Hẳn mặc nhiều hơn tôi, dù tôi cho đó thực ra chỉ là lỗi ăn mặc khác: một chiếc mền len dệt thô chum lên pirhan-tumban[111] màu xám và một áo vest. Trên đầu, hẳn đội chiếc pakol[112] nâu hơi nghiêng về một bên, giống như người anh hùng Tajik Ahmad Shad Massoud – được dân Tajik coi như “Con mãnh sư của Panjsher.”

Chính Rahim Khan đã giới thiệu tôi với Farid. Ở Peshawar. Ông bảo tôi Farid hai chín tuổi, dẫu hẳn có bộ mặt thận trọng, chẳng chịt nếp nhăn của một người già hơn cái tuổi chưa đến ba mươi. Hẳn sinh ra ở Mazar-i-Sharif, và sống ở đó cho tới khi lên mười thì cha hẳn chuyển cả gia đình tới Jalalabad. Mười bốn tuổi, hẳn theo cha tham gia phong trào Hồi giáo Thánh chiến Jihad chống lại bọn Shorawi. Cha con hẳn đã chiến đấu ở thung lũng Panjsher hai năm liền cho đến khi trực thăng nã súng máy và xé ông bố ra làm nhiều mảnh. Farid có hai vợ và năm đứa con. “Hẳn vốn có bảy đứa”, Rahim Khan nói bằng con mắt buồn buồn, nhưng hẳn đã để mất đứa con gái bé nhất mấy năm trước trong một vụ mìn nổ ngay phía ngoài Jalalabad, cũng vụ nổ đã cắt mất gót chân và ba ngón tay trái hẳn. Sau đó, hẳn đưa hai vợ hẳn và lũ trẻ tới Peshawar.

- Trạm kiểm soát. – Farid găm lên. Tôi khom người xuống một chút trong ghế ngồi của tôi, hai tay khoanh trước ngực, quên cả buồn nôn. Nhưng không cần phải lo. Hai quân nhân Pakistan lại gần chiếc xe Land Cruiser cũ nát của chúng tôi, liếc vội vào trong xe, và vẫy chúng tôi

đi. Tên Farid đứng đầu danh sách chuẩn bị của chú Rahim Khan và tôi, một danh sách gồm cả việc đổi tiền đô sang tiền Kaldar và tiền Afghan, quần áo của tôi và chiếc pakol – mìa mai thay, tôi chưa từng mặc thứ nào hồi tôi còn sống ở Afghanistan, tấm ảnh Polaroid của Hassan và Sohrab, và cuối cùng, khoản quan trọng nhất, một bộ râu đen giả dài đến ngực, Shari'a tử tế – hoặc ít nhất cũng là Shari'a theo cách hiểu của bọn Taliban. Rahim Khan quen một người bạn ở Peshawar, chuyên gia trong việc gắn những thứ đó, đôi khi cho cả những nhà báo phương Tây đến làm phóng sự về chiến tranh.

Rahim Khan muốn tôi lưu lại với ông thêm mấy ngày nữa để sắp xếp mọi việc trôi chảy hơn. Nhưng tôi biết tôi phải rời đi càng sớm càng tốt. Tôi sợ tôi sẽ đổi ý. Tôi sợ tôi sẽ cân nhắc, suy tính, đắn đo, duy lý, và thuyết phục bản thân đừng đi. Tôi sợ tiếng gọi của cuộc sống ở Mỹ sẽ kéo tôi trở lại, tôi sẽ lội ngược dòng con sông lớn vĩ đại đó và phớt lờ bản thân quên đi, phớt lờ mọi chuyện tôi biết được vài ngày vừa qua chìm xuống đáy. Tôi sợ tôi sẽ để cho nước cuốn tôi khỏi những gì tôi phải làm. Khỏi Hassan. Khỏi quá khứ đã lên tiếng gọi. Khỏi cơ may cuối cùng này để chuộc tội. Vì vậy tôi lên đường trước khi có một khả năng nào của những điều đó xảy ra. Còn đối với Soraya, báo cho nàng biết tôi sẽ trở về Afghanistan không phải lựa chọn của tôi. Nếu tôi làm thế, nàng sẽ đặt vé máy bay ngay chuyến kế tới Pakistan.

Chúng tôi đã vượt qua biên giới và những dấu hiệu của nghèo khổ hiện ra ở khắp mọi nơi. Bên kia đường, tôi thấy hàng loạt những ngôi làng nhỏ mọc ra đó đây, giống như những mảnh vụn đồ chơi giữa đám đất đá, những ngôi nhà và những túp lều bằng đất đỏ nát chẳng có gì ngoài bốn cây cột gỗ và mảnh vải rách coi như cái mái. Tôi thấy lũ trẻ ăn mặc rách rưới săn đuổi quả bóng đá bên ngoài những túp lều ấy. Vài dặm đường sau, tôi bất chợt thấy một nhóm đàn ông ngồi xếp, trông như một đàn quạ, trên cái xác chiếc xe tăng Xô viết cháy rụi, gió thổi bay mép những tấm mền quấn quanh người họ. Phía sau họ một người đàn bà trong chiếc burqa[113] nâu vác một vò sành lớn trên vai, đi xuống con đường hằn sâu và bánh xe, về phía dãy nhà đất.

- Lạ thật, – tôi nói.

- Gì cơ?

- Tôi cảm thấy như một khách du lịch trên chính đất nước mình, – tôi vừa nói vừa quan sát một người chăn dê đang chăn sáu con dê còm nhom dọc lề đường. Farid cười khẩy. Hắn quăng điếu thuốc đi:

- Ông vẫn còn nghĩ nơi này là đất nước mình ư? – Tôi nghĩ một phần con người tôi sẽ luôn luôn nghĩ vậy, – tôi nói, để chống chế hơn là chủ định.

- Sau hai mươi năm sống ở Mỹ chứ gì, – hắn vừa nói vừa đánh tay lái, tránh một cái hố to bằng trái bóng bãi biển.

Tôi gật đầu:

- Tôi lớn lên ở Afghanistan. Farid lại cười khẩy.

- Tại sao anh lại thế?

- Chẳng sao cả, – hắn lẩm bẩm.

- Không, tôi muốn biết. Tại sao anh lại làm thế?

Trong chiếc gương chiếu hậu, tôi thấy một cái gì đó loé lên trong mắt hắn.

- Ông muốn biết không? – Hắn cười mỉa. – Để tôi tưởng tượng xem nào, Agha sahib. Có thể ông đã sống trong một toà nhà lớn hai hoặc ba tầng với một cái sân sau tuyệt đẹp nơi người coi vườn của ông trồng đầy hoa và cây ăn quả. Tất cả đều có cổng, tất nhiên. Bố ông lái một chiếc xe hơi Mỹ. Ông cũng có nhiều đày tớ, có thể là người Hazara. Cha mẹ ông thuê thợ trang trí ngôi nhà theo lối mehmanis[114] cầu kỳ của họ, để bạn bè họ ghé thăm, chè chén rồi khoác lác về những chuyến đi châu Âu hoặc Mỹ của họ. Và tôi dám đem đôi mắt của đứa con trai đầu lòng của tôi ra cược, đây là lần đầu liên ông đội pakol.

Hắn nhăn nhó cười với tôi, để lộ đầy một mồm răng sún.

- Tôi nói đúng chứ?

- Tại sao anh lại nói những điều này? – Tôi hỏi.

- Bởi vì ông muốn biết.

Hắn nhõ. Hắn chỉ một ông già, quần áo rách rưới lê bước xuống lối đi bẩn thỉu, một bao to đầy cây chối xể[115] buộc trên lưng:

- Đó mới là Afghanistan thực sự, Agha sahib. Là Afghanistan mà tôi biết. Còn ông? Ông mãi mãi là một khách du lịch ở đây, ông đâu có biết điều đó.

Rahim Khan đã cảnh báo tôi đừng mong một sự đón tiếp nồng nhiệt ở Afghanistan từ những con người đã ở lại phía sau và chiến đấu. Tôi nói:

- Tôi rất tiếc về chuyện cha anh, con gái anh đã mất, và rất tiếc về bàn tay anh.

- Chẳng là gì đối với tôi, – hẳn lúc đầu nói. – Chung quy là tại sao ông lại trở về? Bán đất của Baba ông à? Đút tiền vào túi và chuồn thẳng về với mẹ ông ở Mỹ à?

- Mẹ tôi chết ngay lúc sinh ra tôi, – tôi nói. Hẳn thở dài, châm một điếu thuốc khác. Không nói gì nữa.

- Để lại.

- Cái gì?

- Để lại, chết tiệt! – Tôi nói. – Tôi sắp bị nôn.

Tôi nhào vội ra khỏi xe, lúc nó vừa tấp vào lề sỏi dọc đường. Đến xế chiều, địa hình đã chuyển từ một vùng toàn những đỉnh núi dải nắng và vách đá trơ trụi sang một quang cảnh thôn dã hơn, xanh tươi hơn. Con đèo chính từ Landi Kotal dốc xuống qua địa phận Shinwari với Landi Khana. Đến Torkham là chúng tôi đã vào địa phận Afghanistan rồi. Những cây thông mọc bên lề đường, ít hơn là tôi nhớ và nhiều cây trơ trụi, nhưng lại được nhìn thấy cây cũng tốt sau một đoạn đường xe chạy gian nan qua đèo Khyber. Chúng tôi đang đến sát Jalalahad, ở đây Farid có một người anh trai ban đêm sẽ đón chúng tôi vào nhà.

Mặt trời chưa lặn hẳn khi xe chúng tôi vào Jalalabad, thủ phủ của tiểu bang Nangarhar, thành phố từng nổi tiếng về trái cây và khí hậu ấm áp. Farid lái xe qua những toà chung cư và những ngôi nhà bằng đá của khu trung tâm thành phố. Không có nhiều cây cọ như tôi nhớ nữa, và nhiều nhà đã biến thành những bức tường không mái với những đồng đất sét vụn nát.

Farid ngoặt lên một con đường hẹp không lát và đỗ chiếc Land Cruiser dọc theo con mương khô cạn. Tôi chui ra khỏi xe, vươn vai, và hít một hơi dài. Ngày xưa, gió thổi tràn qua những cánh đồng được tưới tiêu xung quanh Jalalabad, nơi nông dân trồng mía làm không khí thành phố đượm một mùi thơm ngọt ngào. Tôi nhắm mắt lại và tìm kiếm mùi ngọt ngào ấy. Nhưng tôi không thấy.

- Ta đi thôi. – Farid nôn nóng nói. Chúng tôi bước lên một con đường đất, qua mấy cây bạch dương trụi lá dọc theo một dãy những bức tường đất đỏ nát, Farid dẫn tôi đến ngôi nhà một tầng cũ nát và gõ vào cánh cửa ván gỗ. Một phụ nữ trẻ với đôi mắt màu xanh đại dương và một chiếc khăn trùm đầu màu trắng quấn quanh khuôn mặt lộ ra. Chị ta trông thấy tôi trước, ngần ngại, chợt thấy Farid, mắt chị sáng lên:

- Salaam alaykum, Kaka Farid!

- Salaam, Maryam jan. – Farid đáp lại, và tặng chị ta thứ mà suốt ngày hôm ấy hẳn đã từ chối tôi: nụ cười nồng ấm. Hẳn hôn lên đỉnh đầu chị. Người phụ nữ trẻ bước sang một bên, nhìn tôi đôi chút thông cảm hơn, khi tôi theo Farid vào ngôi nhà bé nhỏ.

Trần nhà gạch phơi thấp, những tường đất chung quanh trơ trọi, và chỉ có chút ánh sáng từ cặp đèn lồng ở góc nhà. Chúng tôi cởi giày ra và bước lên chiếc chiếu cói trải trên nền nhà. Dọc một bức tường, ba đứa con trai ngồi khoanh chân trên đệm trải một cái mền mép rách bươm. Một người đàn ông cao lớn để râu, vai rộng, đứng lên chào đón chúng tôi. Farid và anh ta ôm ghì lấy nhau và hôn nhau lên má. Farid giới thiệu anh ta tên là Wahid, và là anh trai của mình.

- Ông ấy từ Mỹ về, – Farid vừa nói với anh trai vừa ngoắc ngón tay cái về phía tôi. Rồi hẳn để mặc hai chúng tôi với nhau và đến thăm lũ trẻ. Wahid ngồi dựa vào tường cùng tôi, đối diện với lũ trẻ. Chúng vỗ lấy Farid và trèo lên vai hẳn. Mặc cho tôi phản đối, Wahid sai một đứa trẻ chiếc mền nữa để tôi được thoải mái hơn trên nền nhà, và yêu cầu Maryam mang cho tôi một tách trà. Anh ta hỏi thăm tôi chuyến xe từ Peshawar và việc qua đèo Khyber.

Anh ta nói:

- Tôi hy vọng ông không tình cờ đụng phải một đám dozd[116] nào. Đèo Khyber nổi tiếng về địa hình cũng như những toán cướp thường những nhiều khách du hành. – Trước khi tôi kịp trả lời, anh ta nháy mắt và nói to:

- Tất nhiên, chẳng dozd nào lại phí thì giờ đi cướp chiếc xe xấu xí như của em tôi.

Farid vật đứa bé nhất trong ba đứa con trai ra nền nhà và cù vào xương sườn nó bằng bàn tay lạnh. Thằng bé cười rinh rích và đá hẳn.

- Ít nhất em cũng có được một cái xe, – Farid hỗn hển nói. – Dạo này con lừa của anh ra sao rồi?

- Lừa của tôi cười còn tốt hơn xe của chú.

-Khar Khara mishnassah[117]. – Farid đáp trả. Tất cả đều cười và tôi cũng cười theo. Tôi nghe thấy những tiếng đàn bà từ gian phòng kề bên. Tôi có thể nhìn rõ nửa gian phòng đó từ chỗ tôi ngồi. Maryam và một phụ nữ lớn tuổi hơn, đội hijab[118] nâu, chừng như là mẹ chị ta, đang thì thầm với nhau và rót trà từ ấm sang một cái bình.

- Vậy ông làm gì ở Mỹ, Amir agha? – Wahid hỏi.

- Tôi là một nhà văn, – tôi nói. Tôi tưởng như nghe thấy Farid cười thầm khi tôi nói thế.

- Nhà văn ư? – Wahid nói, rõ ràng xúc động. – Ông viết về Afghanistan à?

- Phải, tôi đã viết. Nhưng không phải mới đây. – Tôi nói. Cuốn tiểu thuyết gần nhất của tôi: Một thời tro bụi[119] viết về một giáo sư đại học gia nhập một bộ lạc người Di-gan sau khi thấy vợ mình lên giường với một trong những sinh viên của ông. Đó không phải là một cuốn sách tồi. Một vài nhà phê bình đã gọi đó là cuốn sách “hay”, và một người thậm chí đã dùng từ “lôi cuốn”. Nhưng chợt tôi thấy ngượng ngùng về chuyện đó. Tôi mong Wahid sẽ đừng hỏi tôi viết về cái gì nữa.

- Có lẽ ông nên lại viết về Afghanistan, – Wahid nói. – Nói cho mọi người khác trên thế giới biết bọn Taliban đang làm gì đất nước chúng ta.

- Ồ, tôi không... tôi không hoàn toàn thuộc loại nhà văn đó.

- Ồ! – Wahid vừa nói vừa gật đầu và hơi đỏ mặt lên. – Tất nhiên, ông biết rõ nhất nên viết gì. Đâu đến lượt tôi gợi ý... Ngay lúc đó, Maryam và người đàn bà kia bước vào phòng với hai cái tách và ấm trà trên khay nhỏ. Tôi lễ phép đứng lên, ép tay vào ngực, và cúi đầu chào:

- Salaam alaykum.

Người đàn bà lúc này đã quấn hijab, che phía dưới mặt, cũng cúi đầu chào lại:

- Salaam, – bà đáp bằng một giọng hầu như không nghe thấy. Mắt chúng tôi chẳng hề tiếp xúc với nhau. Bà rót trà, còn tôi vẫn đứng. Người đàn bà đặt tách trà đang bốc khói trước mặt tôi và ra khỏi phòng, đôi chân trần của bà không gây một tiếng động nhỏ khi bà biến mất. Tôi ngồi

xuống và nhấp trà đen đặc. Wahid cuối cùng cũng phá vỡ sự im lặng không mấy dễ chịu theo sau.

- Vậy cái gì khiến ông quay lại Afghanistan?

- Cái gì khiến

tất cả

bọn họ quay lại Afghanistan chứ, anh thân mến? – Farid nói với Wahid, nhưng mắt lại dán vào tôi bằng một cái nhìn khinh thị.

-Bas! Thôi đi! – Wahid ngắt lời.

- Vẫn chuyện ấy thôi. – Farid nói. – Bán mảnh đất này, bán hỏi nhà kia, gom tiền và chạy trốn như một con chuột nhắt. Trở về Mỹ, tiêu tiền ấy vào việc cho cả gia đình đi nghỉ ở Mêhicô.

- Farid! – Wahid gầm lên. Lũ trẻ con, và ngay cả Farid nữa, sợ hãi lùi cả lại. – Quên mất phép tắc rồi ư? Đây là nhà tôi! Amir agha là khách của tôi đêm nay và tôi sẽ không cho phép chú làm mất danh dự tôi như thế!

Farid mở miệng, định nói điều gì đó, nhưng rồi nghĩ lại và không nói gì nữa. Hắn ngồi phịch xuống dựa vào tường, lẩm bẩm điều gì đó, và gác cẳng chân què lên chân lành. Đôi mắt buộc tội của hắn không chịu rời tôi.

- Thứ lỗi cho chúng tôi, Amir agha, – Wahid nói. – Từ lúc còn nhỏ, miệng em tôi vẫn luôn đi trước cái đầu của nó hai bước.

- Thực ra đây là lỗi của tôi, – tôi nói, cố mỉm cười dưới cái nhìn quyết liệt của Farid. – Tôi không thấy bị xúc phạm đâu. Lẽ ra tôi nên giải thích cho anh ấy công việc của tôi ở Afghanistan. Tôi không về đây để bán tài sản. Tôi định đi Kabul để tìm một đứa bé trai.

- Đứa bé trai? – Wahid hỏi lại.

- Vâng.

Tôi moi ở túi áo sơ mi ra tấm ảnh Polaroid. Nhìn lại tấm hình của Hassan, một lần nữa xé toang lớp vảy mới liền trên nỗi đau cái chết của cậu ấy. Tôi phải nhìn đi chỗ khác. Tôi đưa tấm ảnh cho Wahid. Anh ta ngăm ngúa tấm ảnh. Hết nhìn tôi lại nhìn tấm ảnh, rồi ngược lại.

- Đứa bé này à?

Tôi gật đầu.

- Một thằng bé Hazara?

- Vâng.

- Nó là thế nào với ông?

- Bố nó có ý nghĩa rất nhiều với tôi. Người đàn ông trong tấm ảnh đó. Cậu ấy chết rồi.

Wahid chớp chớp mắt:

- Một người bạn của ông à?

Bản năng của tôi muốn nói “vâng”, như thế, sâu thẳm trong tôi, tôi vẫn muốn bảo vệ bí mật của Baba. Nhưng nói dối thế là đủ lắm rồi:

- Cậu ấy là em trai cùng bố với tôi. – Tôi nghẹn giọng. Nói thêm, – em trai khác mẹ, bất hợp pháp của tôi. – Tôi xoay tách trà. Mân mê tai tách.

- Tôi không có ý tọc mạch.

- Anh tọc mạch gì đâu. – Tôi nói.

- Ông sẽ làm gì với thằng bé?

- Mang nó về Peshawar. Ở đó có những con người sẽ trông nom săn sóc nó. Wahid trao trả tôi tấm ảnh và đặt bàn tay thân thiện lên vai tôi.

- Amir agha, ông là một người đàn ông đáng kính. Một người Afghan đích thực.

Tôi thấy ngỡ ngàng trong lòng.

- Tôi tự hào được có một người như ông ở nhà chúng tôi đêm nay, – Wahid nói.

Tôi cảm ơn anh ta và liếc nhìn sang phía Farid. Lúc này hẳn cúi nhìn xuống, mân mê những mép rách của tấm chiếu cói.

Một lát sau, Maryam và bà mẹ đem hai bát rau nấu shorwa nghi ngút khói và hai ổ bánh mì ra. Wahid nói:

- Tôi rất tiếc là chúng tôi không thể mời ông món thịt. Giờ chỉ có bọn Taliban có thể ăn thịt thôi.

- Món này trông tuyệt lắm, – tôi nói. Mà cũng tuyệt thật. Tôi mời anh ta và lũ trẻ ăn một chút nhưng Wahid bảo gia đình đã ăn trước khi chúng tôi đến rồi. Farid và tôi xắn ống tay áo lên, dầm bánh vào bát shorwa, và ăn bằng tay.

Trong khi ăn, tôi để ý thấy cả ba đứa trẻ nhà Wahid đều gầy còm, mặt cáu bần, tóc nâu cắt ngắn dưới những chiếc mũ chỏm đầu, đang nhìn trộm vào chiếc đồng hồ điện tử đeo tay của tôi. Đứa nhỏ nhất thì thào điều gì đó vào tai anh nó. Thằng anh gật đầu, không rời mắt khỏi chiếc

đồng hồ của tôi. Đứa lớn nhất – tôi đoán chừng mười hai tuổi, rập rập rập rình, mắt dán vào cổ tay tôi. Ăn tối xong, sau khi rửa tay bằng nước Maryam dội từ chiếc vò sành, tôi xin Wahid cho phép tôi tặng con trai anh một hadia, một món quà. Anh bảo không, nhưng khi tôi cố nài, anh ta miễn cưỡng đồng ý. Tôi tháo chiếc đồng hồ đeo tay và tặng nó cho đứa bé nhất trong ba đứa trẻ. Nó ngượng ngập lắm lắm:

- Taskakor!

- Đồng hồ này sẽ cho cháu biết giờ của bất kỳ thành phố nào trên toàn thế giới, – tôi bảo nó thế.

Lũ trẻ lễ phép gật đầu, chuyền cái đồng hồ cho nhau xem. Nhưng chúng hết hứng thú ngay và, chẳng mấy chốc, chiếc đồng hồ đã bị bỏ quên trên manh chiếu cói.

Lát sau, Farid bảo tôi, khi nằm sát bên nhau trên chiếc chiếu cói vợ Wahid trải cho chúng tôi:

- Đáng lẽ ông có thể nói cho tôi biết.

-Nói cho anh biết cái gì?

- Nói tại sao ông trở về Afghanistan.

Giọng hần đã mất hần về thô lỗ mà tôi vẫn được nghe từ lúc tôi gặp hần.

- Anh có hỏi đâu, – tôi nói.

- Lẽ ra ông phải nói cho tôi biết.

- Anh không hỏi mà.

Hần xoay người lại nhìn tôi. Vòng cánh tay ra gối đầu:

- Có thể tôi sẽ giúp ông tìm thằng bé.

- Cảm ơn anh, Farid. – Tôi nói.

- Tôi thừa nhận là tôi đã nhầm.

Tôi thở dài:

- Không sao. Anh đã đúng hơn là anh tưởng đấy.

Hai tay cậu bị trói ngoặt ra sau bằng một chiếc thừng bện xù xì, cửa đến lút thít cổ tay cậu. Cậu bị bịt mắt bằng một miếng vải đen. Cậu đang quỳ trên đường phố trên bờ một con mương đầy nước tù, đầu cậu rũ xuống giữa hai vai. Hai đầu gối run rẩy trên đất cứng và máu thấm qua quần khiến cậu như đang lắc lư trong lúc cầu nguyện. Đó là lúc xế chiều, và cái bóng dài của cậu chao đảo tới lui trên lớp sỏi rải đường. Cậu đang

lắm bầm một điều gì đấy. Tôi bước sát hơn. Cậu lắm bầm: Cả nghìn lần rồi. Vì cậu cả nghìn lần rồi. Cậu ấy lắc lư lui tới. Cậu ngẩng mặt lên. Tôi thấy một vết sẹo mờ trên môi trên của cậu.

Chúng tôi không chỉ có một mình.

Thoạt đầu, tôi thấy cái nòng súng. Rồi gã đàn ông đứng sau cậu. Hắn cao lớn, mặc một chiếc áo vest rằn ri và đội chiếc khăn tu-ban đen Hồi giáo. Hắn nhìn xuống người bị bịt mắt trước hắn bằng đôi mắt chẳng biểu hiện điều gì ngoài sự trống rỗng mênh mông như hang tối. Hắn lùi lại đằng sau một bước và giơ nòng súng lên. Gí vào sau gáy người đang quỳ. Trong một khoảnh khắc, nắng nhạt chiều tà hắt lên màu kim loại lấp lánh.

Khẩu súng gầm lên một tiếng chói tai.

Tôi dõi theo nòng súng theo vòng cung ngược lên. Tôi thấy bộ mặt sau bùm khói đang xoáy tròn từ họng súng. Tôi là người đàn ông trong chiếc áo vest rằn ri.

Tôi tỉnh giấc với một tiếng thét bị nghẹn lại trong họng.

Tôi bước ra ngoài. Đứng trong ánh trăng bàng bạc của vầng trăng khuyết một nửa và nhìn lên bầu trời lấp lăm lấp những vì sao. Để kê râm ran trong bóng đêm bịt bùng và một luồng gió ào qua các khóm cây. Đất lạnh giá dưới đôi chân trần của tôi và bất chợt, lần đầu tiên, từ lúc chúng tôi vượt qua biên giới tôi cảm thấy như tôi đã trở về. Sau bao năm ấy, tôi lại trở về quê hương, đang đứng trên đất đai của tổ tiên tôi. Đó là mảnh đất nơi cụ tôi đã cưới bà vợ thứ ba một năm trước khi bị cái chết trong trận dịch tả xảy ra ở Kabul năm 1915 cướp đi. Cuối cùng thì cụ bà cũng sinh cho cụ một người con trai mà hai bà vợ trước không có được. Đó là mảnh đất mà ông nội tôi đã tham gia vào một chuyến đi săn cùng với quốc vương Nadir Shah và bắt được con nai. Mẹ tôi đã chết trên mảnh đất ấy. Và trên mảnh đất ấy tôi đã giành giật để có được tình yêu của cha tôi.

Tôi ngồi dựa lưng vào bức tường đất sét của ngôi nhà. Mỗi tình máu mủ tôi bất chợt cảm thấy đối với mảnh đất cũ này làm tôi ngạc nhiên. Tôi ra đi đã khá lâu, đủ để quên và bị lãng quên. Tôi đã có một mái ấm trên một mảnh đất có lẽ cũng như một dải thiên hà khác đối với những người đang ngủ bên kia bức tường tôi đang dựa đây. Tôi nghĩ tôi đã quên

mảnh đất này. Nhưng tôi đã không quên. Và, dưới ánh trăng sáng trắng như xương của vầng trăng khuyết nửa, tôi cảm thấy Afghanistan đang ngân nga dưới chân tôi.

Có thể Afghanistan đã không hề quên tôi. Tôi nhìn về phía Tây và ngạc nhiên thấy, đâu đó bên kia những dãy núi, Kabul vẫn tồn tại. Nó thực sự vẫn tồn tại, không chỉ là một ký ức xưa cũ, hoặc như đầu đề của một truyện của hãng A.P[120] trên trang 15 của tờ Biên niên ký San Francisco.

Đâu đó bên kia những dãy núi ấy, về phía Tây, yên ngủ thành phố, nơi đưa em môi hẻ của tôi và tôi từng đưa đi. Đâu đó bên ấy, người đàn ông bị bịt mắt trong giấc mơ của tôi đã chết một cái chết không cần thiết. Một lần, bên kia những dãy núi đó, tôi đã từng lựa chọn. Và giờ đây, một phần tư thế kỷ sau, sự lựa chọn đó lại đặt tôi trở lại đúng trên mảnh đất này.

Tôi đang định trở vào thì nghe thấy những tiếng nói từ trong nhà. Tôi nhận ra một trong những giọng nói ấy là của Wahid.

-... Chẳng còn gì cho lũ trẻ.

- Chúng ta đói nhưng chúng ta không phải là những kẻ dã man! Ông ấy là khách! Tôi nên làm gì nào? – Anh ta nói bằng một giọng căng thẳng.

-... ngày mai tìm cái gì đó. – Người đàn bà nói, gần như rơi nước mắt. – Em biết cho con ăn cái gì...

Tôi kiễ chân rón rén lảng ra xa. Lúc này tôi mới hiểu tại sao lũ trẻ không tỏ ra quan tâm tới chiếc đồng hồ của tôi chút nào. Chúng chẳng hề chăm chú nhìn vào chiếc đồng hồ. Chúng chỉ chăm chú nhìn vào thức ăn của tôi.

Chúng tôi chào tạm biệt nhau vào sáng sớm hôm sau. Trước khi trèo lên chiếc Land Cruiser, tôi cảm ơn Wahid về lòng hiếu khách của anh. Anh chỉ vào ngôi nhà nhỏ bé phía sau mình và nói:

- Đây là nhà của ông.

Ba đứa trẻ đứng ở bậc cửa quan sát chúng tôi. Đứa bé nhất đang đeo chiếc đồng hồ, nó lúng lẳng quanh cổ tay bé tẹo của thằng bé.

Tôi liếc nhìn vào chiếc gương chiếu hậu khi xe chạy. Wahid đứng quây quần cùng mấy đứa con trai trong đám bụi xe cuốn tung lên. Tôi

chợt nghĩ, ở một thế giới khác, những đứa trẻ đó sẽ không quá đói đến nỗi không đủ sức đuổi theo chiếc xe.

Sáng sớm hôm đó, khi tin chắc không có ai nhìn, tôi đã làm một việc hai mươi sáu năm trước đây tôi từng làm: nhét một nắm tiền nhàu nát dưới cái đệm.

Chương 20

Farid đã nhắc nhở tôi. Hãn đã nhắc nhở. Nhưng, hoá ra hãn chỉ phí hơi.

Chúng tôi đang chạy xuống một con đường đầy hố bom đạn uốn lượn từ Jalalabad đến Kabul. Lần trước, tôi đã đi qua con đường này trong một chiếc xe tải che mui bạt theo hướng ngược lại Baba đã suýt bị một thằng sĩ quan Roussi say thuốc phiện hát làm nhảm bản – Baba đã làm tôi phát điên đêm đó, làm tôi quá hoang mang, và quá đỗi tự hào. Hành trình gian nan giữa Kabul và Jalalabad, cuộc xe xóc nhói tận xương, lão đảo chạy xuống con đèo chênh vênh ngoằn ngoèo giữa những vách đá, nay đã trở thành một di niệm, một di niệm về hai cuộc chiến tranh. Hai mươi năm trước, tôi đã tận mắt thấy được phần nào cuộc chiến tranh đầu tiên. Những vật lưu niệm tàn khốc của nó rải rác dọc đường: những xác xe tăng Xô viết cổ lỗ bị bắn cháy, những xe tải quân sự bị lật nhào han gỉ, một chiếc xe jeep Nga bẹp rúm rỏ lộn nhào xuống khe núi. Cuộc chiến thứ hai, tôi được xem trên màn hình tivi. Và giờ đây, tôi đang xem nó qua con mắt của Farid.

Đánh tay lái một cách nhàn nhã tránh những ổ gà ở giữa con đường hư nát, Farid tỏ ra thạo tay nghề. Hãn trở nên thích chuyện gẫu nhiều hơn, từ lúc chúng tôi nghỉ đêm ở nhà Wahid. Hãn bắt tôi phải ngồi lên chiếc ghế của phụ xe để nhìn tôi khi hãn nói. Hãn cũng đã cười một vài lần. Vừa điều khiển tay lái bằng bàn tay cụt ngón, hãn vừa chỉ cho tôi những ngôi làng với những lều đất dọc đường, nơi hãn từng quen biết cư dân ở đây những năm trước. Hãn nói, phần lớn bọn họ hoặc đã chết hoặc sống trong những trại di cư ở Pakistan.

- Và đôi khi, chết còn may mắn hơn, – hãn thêm. Hãn chỉ về phía những gì còn lại vụn nát và cháy xém của một ngôi làng nhỏ. Lúc này nó chỉ là một đồng nhỏ những bức tường đen sì không mái. Tôi thấy một con chó đang nằm ngủ ven tường. Farid nói:

- Trước đây tôi có một người bạn ở đó. Anh ta là thợ chữa xe đạp rất giỏi. Anh chơi trống vĩ cũng rất hay. Bọn Taliban đã giết anh ấy, cả gia đình anh ấy và đốt cháy cả làng.

Chúng tôi cho xe chạy qua ngôi làng cháy, và con chó vẫn không cử động.

Ngày trước, xe chạy từ Jalalabad đến Kabul mất hai tiếng, có lúc còn ít hơn. Farid và tôi phải mất bốn tiếng mới tới được Kabul. Và khi chúng tôi tới... Farid đã nhắc nhở tôi ngay sau lúc vượt qua đập Mahipar:

- Kabul không còn như ông nhớ đâu.

- Tôi cũng nghe nói thế. Farid nhìn tôi, mắt như muốn nói: nghe không giống như thấy đâu. Và hẳn đã đúng. Bởi vì khi Kabul cuối cùng đã trải ra trước mắt chúng tôi, tôi tin chắc, tuyệt đối chắc rằng hẳn đã rẽ nhầm đường đâu đó. Farid chắc hẳn đã thấy nét mặt hoang mang của tôi. Đưa đón nhiều người lui tới Kabul, hẳn có lẽ đã trở nên quen thuộc với nét mặt ấy của những người từ lâu không được thấy Kabul. Hẳn vỗ nhẹ lên vai tôi và cấm cản nói:

- Chào mừng đã trở về.

*

* *

Rác rưởi và ăn mày. Nhìn chỗ nào, tôi cũng thấy thế. Tôi vẫn nhớ rõ những người ăn mày ngày xưa – Baba luôn luôn mang theo một nắm tú hụ tiền giấy Afghan chỉ để cho họ. Tôi chưa bao giờ thấy ông từ chối một người bán hàng rong. Giờ đây, họ vẫn ngồi xõm tại mọi góc phố, quần mình trong những bao tải nâu rách rưới tay cẩu bẩn chìa ra xin một đồng xu. Và ăn mày bây giờ phần lớn là trẻ em, gầy gò, mặt khắc khổ, nhiều đứa chỉ chừng sáu tuổi. Chúng ngồi trong lòng nhưng người mẹ mặc burqa dọc theo những rãnh nước ở các góc phố nhộn nhịp và hát “Bakhshesh, Bakhshesh!”[121]. Và một điều gì khác nữa, một điều mà lúc đầu tôi đã không để ý tới: Hiếm thấy đứa nào trong hơn chúng ngồi cùng một người đàn ông lớn tuổi – chiến tranh đã biến những ông bố thành món hàng khan hiếm ở Afghanistan.

Chúng tôi đang cho xe chạy theo phía Tây tới quận Karteh – Seh, trên một con đường theo như tôi nhớ là một đại lộ chính vào những thập niên bảy mươi: Jadeh Maywand. Ngay ở phía Bắc chúng tôi là con sông Kabul khô cạn phơi lòng. Trên những dãy đồi về phía Nam vẫn trơ ra bức tường thành cổ đổ nát. Ngay ở phía Đông bức tường thành là Pháo đài Bala Hissar – một khu thành cổ mà Tổng tư lệnh Dostum đã chiếm

năm 1992, trên rặng núi Shirdalwaza. Vẫn từ những ngọn núi đó lực lượng Mujahedin đã bắn tên lửa như mưa vào Kabul từ 1992 đến 1996, giáng xuống bao nhiêu thiệt hại mà lúc này tôi mới đang thấy tận mắt. Rặng núi Shirdarwaza trải dài suốt con đường phía Tây. Chính từ những ngọn núi đó mà tôi nhớ, trận nã đạn Topeh chasht – “pháo trưa”. Ngày nào pháo cũng nổ để báo đúng trưa và cũng là tín hiệu kết thúc thời gian ăn chay ban ngày trong tháng Ramadan. Anh thường nghe tiếng gầm của các loại pháo khắp thành phố trong những ngày đó.

- Tôi vẫn thường đến Jadeh Maywand khi còn là một đứa trẻ, – tôi lắm bầm. – Ở đây vốn có những cửa hiệu và khách sạn. Những đèn huỳnh quang và các tiệm ăn. Tôi vẫn thường mua điều của một ông già tên là Saifo. Ông ấy mở một cửa hàng bán điều nhỏ cạnh Sở chỉ huy cảnh sát cũ.

- Sở chỉ huy cảnh sát vẫn còn ở đó, – Farid nói. – Cảnh sát không hề thiếu ở thành phố này. Nhưng ông sẽ không thấy điều hoặc hàng bán điều nào ở Jadeh Maywand hay bất kỳ nơi nào khác ở Kabul. Những ngày ấy đã qua rồi.

Jadeh Maywand đã biến thành một lâu đài cát khổng lồ. Những toà nhà chưa đổ hầu như không còn đứng vững, với mái sập xuống và tường khoan bằng đạn tên lửa. Nhiều dãy nhà hoàn toàn bị xoá sạch thành gạch đá và vôi cát ngổn ngang. Tôi thấy dấu tích của vết đạn khoan đã bị chôn vùi một nửa ở một góc một đồng gạch vụn. Còn đọc được: UÔNG Coca. Tôi thấy lũ trẻ chơi đùa trong cảnh hoang tàn của một toà nhà, không còn cửa sổ giữa đám lờm chờm những chân cột gạch và đá. Những người đi xe đạp và những xe lừa kéo lượn bên bọn trẻ, những con chó lạc, và những đồng gạch vỡ. Một lớp khói bụi lượn lờ khắp trên thành phố, bay qua sông thành một đám khói đơn độc bốc lên cao.

- Cây cối đâu hết cả? – Tôi hỏi.

- Người ta chặt xuống làm củi sưởi cho mùa đông. – Farid nói. – Bọn Shorawi cũng chặt mất rất nhiều.

- Tại sao vậy?

- Những tay bắn tỉa nấp trong đó.

Một nỗi buồn tràn vào lòng tôi. Trở về Kabul giống như vấp phải một người bạn cũ đã quên và thấy đời đã phũ phàng với bạn, bạn đã trở thành

vô gia cư và cơ cực.

- Cha tôi xây một trại mồ côi ở Shar-e-Kohna, thành phố cũ, về phía Nam nơi này. – Tôi nói.

- Tôi nhớ cái trại ấy, – Farid nói – Nó bị phá huỷ mấy năm rồi.

- Anh có thể cho xe đỗ lại không? – Tôi nói. – Tôi muốn đảo qua đây một lúc. Farid cho xe đỗ dọc theo lề đường, trên hẻm phố, gần một toà nhà hoang đổ nát không có cửa.

- Ngôi nhà đó vốn là một cửa hiệu tân dợt. – Farid lẩm bẩm khi chúng tôi ra khỏi xe.

Chúng tôi đi bộ quay lại Jadeh Maywand và rẽ phải, đi thẳng về hướng Tây.

- Mùi gì ấy nhỉ? – Tôi nói. – Mùi gì đó làm tôi chảy nước mắt.

- Mùi diesel, – Farid đáp. – Các máy phát điện của thành phố luôn luôn hút tải và mọi người dùng dầu diesel.

- Diesel ư. Anh có nhớ ngày xưa phố này sực mùi gì không?

Farid mỉm cười:

- Kabob.

- Cừu non kabob, – tôi nói.

- Cừu non, – Farid nói, như đang nếm từ đó trong miệng mình. – Nhưng kẻ duy nhất ở Kabul được ăn cừu non bây giờ là bọn Taliban. – Hẳn kéo ống tay áo tôi. – Nói cái gì khác đi.

Một chiếc xe lại gần chúng tôi. Farid nói nhỏ:

- Bọn râu xồm tuần tra.

Đó là lần đầu tiên tôi nhìn thấy bọn Taliban. Tôi đã từng thấy chúng trên tivi, trên Internet, trên bìa các tạp chí và trên những tờ nhật báo. Nhưng lúc này tôi đã ở đây, cách chúng không đến mười lăm mét, tự nhủ rằng cái vị bất ngờ trong miệng mình không phải là nỗi sợ thuần túy, nỗi sợ trần trụi. Tự nhủ thịt da tôi đã không bất ngờ co rúm sát vào xương và tim tôi không đập liên hồi. Chúng đã đến đây rồi. Trong toàn bộ vinh quang của chúng.

Chiếc xe tải nhỏ hiệu Toyota chậm rãi đi qua chúng tôi. Mấy tên trẻ tuổi mặt đấng đấng sát khí, súng Kalashnikov lủng lẳng trên vai, ngồi chồm hồm trong buồng lái. Tất cả đều đeo râu và chít khăn tu-ban màu đen. Một tên trong bọn chúng da ngăm đen, chớm tuổi hai mươi, lông

mày rậm cau có đang quay quay chiếc roi trong tay và vút mạnh vào thành xe một cách nhip nhàng. Đôi mắt đưa đi đưa lại chiếu vào tôi. Găm lấy cái nhìn chăm chăm của tôi. Tôi chưa bao giờ cảm thấy mình quá trần trụi trong cả cuộc đời tôi đến thế. Rồi tên Taliban nhổ nước bọt dính thuốc lá, và nhìn đi chỗ khác. Lúc đó tôi mới thấy lại thở được. Chiếc xe tải nhỏ lăn bánh xuống đại lộ Jadeh Maywand, để lại đằng sau một lớp mây bụi.

- Ông làm sao thế? – Farid giận dữ rít lên.

- Cái gì?

- Đừng bao giờ nhìn chăm chăm vào bọn chúng! Ông có hiểu tôi nói không? Đừng bao giờ!

- Tôi có định thế đâu, – tôi nói.

- Bạn ông nói đúng đấy, agha. Chẳng khác gì ông lấy gậy chọc một con chó điên. – Ai đó nói.

Tiếng nói mới này là của một ông già ăn mày chân không đang ngồi trên bậc thềm một toà nhà đổ nát vì đạn pháo. Ông mặc một chiếc chapan đã cũ sờn, rách tươm và đội một chiếc khăn tu-ban cáu bẩn. Mi mắt trái của ông sụp xuống một cái hốc mắt rỗng. Với bàn tay viêm khớp, ông chỉ về hướng chiếc xe tải đỏ đã đi:

- Chúng lái xe nhìn quanh quẩn. Nhìn và hy vọng ai đó khiêu khích chúng. Sớm muộn gì ai đó cũng buộc lòng phải làm theo ý chúng. Rồi lũ chó mở tiệc và cuối cùng sự buồn chán hàng ngày vỡ bung ra, mọi người đều nói “Allah – u – Akbar!” Trong những ngày, khi chẳng ai phạm tội, lại luôn có bạo lực theo ngẫu hứng, phải không nào?

- Khi bọn Taliban đến gần cứ nhìn xuống chân ấy, – Farid nói

- Bạn ông khuyên như vậy là đúng đấy, – ông già ăn mày phụ hoạ theo. Ông ho rũ rượi và nhổ vào chiếc khăn tay bẩn. – Thứ lỗi cho tôi, nhưng ông có thể san sẻ cho tôi vài đồng Afghani không? – Ông thở.

-Bas. Ta đi thôi. – Farid vừa nói vừa kéo cánh tay tôi.

Tôi trao cho ông già một trăm nghìn đồng Afghani, ngang với khoảng ba đô la gì đó. Khi ông ngả đầu về phía trước cầm tiền, mùi hôi – chua như sữa chua và mùi đôi chân mấy tuần không rửa xộc vào mũi tôi – làm những thứ chứa trong bụng tôi cuộn lên. Ông vội giắt tiền vào thắt lưng, con mắt độc nhất đảo qua đảo lại:

- Xin vô cùng cảm tạ lòng nhân đức của Agha sahib.
- Ông có biết trại mồ côi ở Karteh-Seh ở đâu không?
- Không khó tìm đâu, ở ngay phía Tây Đại lộ Darulaman ấy, – Ông nói. – Lũ trẻ được chuyển từ đây đến Karteh-Seh sau khi cái trại mồ côi cũ bị trúng tên lửa. Khác gì cứu ai đó khỏi chuồng sư tử và ném vào chuồng hổ.

- Cảm ơn, Agha, – tôi nói. Tôi đã toan quay đi.

- Đây là lần đầu tiên, phải không?

- Tôi xin lỗi không rõ ý ông?

- Lần đầu tiên ông gặp một thằng Talib.

Tôi không nói gì. Ông già ăn mày gật đầu mỉm cười. Để lộ ra một nhúm răng còn lại, tất cả đều quặp vào và vàng khè. Ông nói:

- Tôi nhớ lần đầu tiên tôi thấy chúng tràn vào Kabul. Thật là một ngày vui sướng biết bao! Chấm dứt sự giết chóc! Wah wah! Chà chà! Nhưng giống như nhà thơ nói: “Tình yêu có vẻ không ranh giới thế nào, lại gây phiền não thế ấy.”

Một nụ cười nở trên mặt tôi:

- Tôi biết câu thơ ấy. Đó là của Hãfez.

- Vâng, đúng vậy, – ông già đáp lại. – Tôi biết mà. Tôi vốn dạy Hãfez ở trường Đại học.

- Trước ông dạy ở trường Đại học?

Ông già ho:

- Từ năm 1958 đến năm 1996. Tôi dạy Hãfez, Khayyám, Rumi, Beydel, Jami, Saadi. Tôi cũng đã là khách thỉnh giảng ở Teheran, đó là năm 1971. Tôi giảng về Beydel thần bí. Tôi vẫn nhớ tất cả đều đứng lên và vỗ tay thế nào. Ha! – Ông lắc đầu. – Nhưng ông đã nhìn thấy lũ thanh niên trên chiếc xe tải đó. Ông nghĩ chúng có thấy chút giá trị nào ở chủ nghĩa Sufi[122]?

- Mẹ tôi cũng đã dạy ở trường Đại học, – tôi nói.

- Tên bà là gì?

- Sofla Akrami.

Con mắt ông như sáng lên qua tròng mắt mờ đặc vì bệnh đục thủy tinh thể:

- Cỏ dại sa mạc sống dai, nhưng hoa xuân nở rồi héo rũ. Càng tao nhã, càng cao quý, càng là bi kịch.

- Ông biết mẹ tôi? – Tôi vừa hỏi vừa quỳ trước ông già.

- Vâng, đúng vậy, – ông già ăn mày nói. – Chúng tôi thường ngồi và trò chuyện sau giờ giảng. Lần cuối cùng là một ngày mưa gió ngay trước kỳ thi tốt nghiệp, khi chúng tôi chia nhau một khoanh bánh hạnh nhân tuyệt vời. Bánh hạnh nhân với trà nóng và mật ong. Lúc đó, bà rõ ràng đã chớm mang thai, và vì thế trông lại càng đẹp hơn. Tôi không bao giờ quên những gì bà đã nói với tôi hôm ấy.

- Sao? Làm ơn nói cho tôi biết đi.

Baba đã luôn miêu tả mẹ tôi cho tôi nghe bằng những nét chung chung như “là một phụ nữ vĩ đại.” Nhưng những gì tôi khao khát lại là những chi tiết kia: tóc mẹ lấp lánh trong ánh nắng ra sao, mẹ thích ăn loại kem có mùi vị nào, nhưng bài hát mẹ thích ngâm nga, mẹ có cần móng tay không? Baba mang những kỷ niệm về mẹ xuống mộ cùng với ông. Có thể nhắc đến tên mẹ sẽ là nhắc đến tội lỗi của ông, về những gì ông đã làm ngay sau khi bà chết. Hoặc cũng có thể mất mát của ông quá lớn, nỗi đau của ông quá sâu, ông không thể chịu nổi khi nói về mẹ. Có thể là cả hai.

- Bà nói: “Tôi rất sợ”. Tôi hỏi: “Tại sao?”, và bà nói: “Tại tôi hạnh phúc quá sâu đậm, Tiến sĩ Rasul ạ. Hạnh phúc như thế là đáng sợ.” Tôi hỏi bà tại sao, và bà bảo: “Người ta chỉ để ông được hạnh phúc đến thế khi nào người ta chuẩn bị lấy đi một cái gì đó của ông.” Và tôi bảo “Thôi đi, bà đừng nói nữa. Mấy thứ ngốc nghếch này đủ rồi.”

Farid nắm cánh tay tôi, nhẹ nhàng nói.

- Amir agha, chúng ta nên đi thôi.

Tôi gỡ tay ra:

- Còn gì nữa? Mẹ tôi nói gì nữa?

Nét mặt ông già dịu lại.

- Tôi mong tôi nhớ được cho ông. Nhưng tôi không nhớ. Mẹ ông ra đi đã quá lâu, và ký ức của tôi đã tan tành như những toà nhà này. Tôi rất tiếc.

- Thì một điều nhỏ thôi, điều gì cũng được.

Ông già mỉm cười:

- Tôi sẽ cố nhớ và đó là một lời hứa. Hãy quay lại tìm tôi.

- Cảm ơn ông, – tôi nói. – Cảm ơn ông nhiều lắm. Và tôi biết ơn thật sự. Lúc này, tôi đã biết mẹ tôi thích ăn bánh hạnh nhân với mật ong và trà nóng, biết bà đã từng có lần dùng từ “sâu đậm”, biết bà đã từng lo ngại về hạnh phúc của bà. Tôi đã vừa được biết về mẹ tôi từ một ông già lang thang trên đường phố nhiều hơn những gì tôi từng biết từ Baba.

Bước trở lại chiếc xe tải không ai trong chúng tôi bình luận gì về những điều phần lớn những người không phải Afghan sẽ coi như một sự trùng hợp không thể có, rằng một ông lão lang thang lại bất ngờ biết về mẹ tôi. Bởi vì cả hai chúng tôi đều biết rằng, ở Afghanistan, và đặc biệt là ở Kabul, điều phi lý như thế là chuyện bình thường. Baba vẫn thường nói: “Đem bỏ hai người Afghan chưa bao giờ gặp nhau vào một phòng mười phút, thế nào họ cũng dò ra, họ có quan hệ với nhau như thế nào.”

Chúng tôi bỏ ông già ngồi lại trên bậc thềm của toà nhà đó. Tôi đã định nhận lời đề nghị của ông, quay lại xem liệu ông đã bới lên thêm những chuyện nào nữa về mẹ tôi. Nhưng tôi chẳng bao giờ gặp lại ông nữa.

Chúng tôi tìm thấy trại mồ côi mới ở phần phía Bắc Karteh-Seh, dọc theo bờ con sông Kabul khô cạn. Đó là một khu nhà mái bằng, kiểu trại lính, với những bức tường đổ nát và cửa sổ bằng ván gỗ. Trên đường tới đây, Farid đã bảo tôi rằng Karteh-Seh là một trong những khu vực bịchiến tranh tàn phá nhiều nhất ở Kabul, và ngay khi chúng tôi bước ra khỏi xe, chứng tích tràn ngập khắp nơi. Những đường phố lổ chỗ bom đạn, hai bên là tàn tích của những toà nhà bị đạn pháo tàn phá và những ngôi nhà bỏ hoang. Chúng tôi đi qua một khung xe ô tô han gỉ bị lật ngửa, một chiếc tivi không còn màn hình bị vùi phân nửa trong đống gạch vụn, một bức tường với những chữ xịt sơn đen ZENDA BAD TALIBAN! Taliban Muôn năm!

Một người đàn ông hói trán, thấp bé, râu xồm hoa râm mở cổng. Ông ta mặc chiếc khoác rách tả bằng vải tuyết, đội mũ chòm, đeo cặp kính mắt sút mẻ. Sau mắt kính là đôi mắt nhỏ như hai hạt đậu đen, lướt từ tôi sang Farid:

- Salaam alykum.

- Salaam alykum, – tôi chào lại và đưa cho ông xem tấm ảnh. Polaroid.
– Chúng tôi đang đi tìm thằng bé này. Ông ta liếc vội tấm ảnh:

- Tôi rất tiếc. Tôi chưa bao giờ trông thấy nó.

- Ông hầu như không nhìn kỹ tấm ảnh, ông bạn, – Farid nói. – Tại sao ông không nhìn kỹ hơn?

-Loftan[123], – tôi thêm.

Người đàn ông đứng sau cửa cầm lấy tấm ảnh. Ngắm nghía một lúc, trả lại cho tôi:

- Không, rất tiếc. Tôi biết từng đứa bé trong cái viện này, nhưng thằng bé này trông không quen. Giờ thì, xin phép ông, tôi phải làm việc. – ông ta khép cửa, cài chốt lại.

Tôi gõ gõ vào cửa:

- Agha, agha, làm ơn mở cửa. Chúng tôi không có ý làm hại gì đến đứa bé đâu.

- Tôi đã bảo ông rồi. Nó không có ở đây, – tiếng nói từ trong cống vọng ra. – Bây giờ thì xin đi cho.

Farid bước lên bậc cổng, tựa trán vào đấy.

- Ông bạn, chúng tôi không phải là bọn Taliban đâu, – hắn nói bằng một giọng nhẹ nhàng, thận trọng. – Ông đi cùng tôi muốn đem thằng bé đến một nơi an toàn hơn thôi mà.

- Tôi từ Peshawar đến, – tôi nói. – Một người bạn tốt của tôi quen biết hai vợ chồng tử tế người Mỹ đang trông nom một nhà từ thiện cho trẻ con ở đó.

Tôi cảm thấy người đàn ông vẫn ở đằng sau cánh cửa. Cảm thấy ông ta vẫn đứng đó, đang nghe ngóng, do dự, chọn lựa giữa nghi ngờ và hy vọng.

Tôi nói tiếp:

- Ông nghe đây, tôi biết bố của Sohrab. Tên là Hassan. Mẹ nó tên là Farzana. Nó gọi bà nó là Sasa. Nó biết đọc biết viết. Và bắn súng cao su rất giỏi. Agha, có một lối thoát, một hy vọng cho thằng bé. Làm ơn mở cửa ra.

Bên kia cửa chỉ có sự câm lặng.

- Tôi là anh trai cùng cha khác mẹ với bố nó, – tôi nói.

Một khoảnh khắc trôi qua. Rồi tiếng chìa khoá lách cách trong ổ khoá. Người đàn ông mặt choắt lại hiện ra ở khe cửa. Ông ta hết nhìn tôi đến Farid, rồi ngược lại:

- Các ông đã nhầm một điều.
- Điều gì?- Nó bắn súng cao su cực giỏi.

Tôi mỉm cười.

- Nó không bao giờ rời thứ đó. Đi bất kỳ đâu nó cũng giắt thứ đó vào cặp quần.

Người đàn ông cho chúng tôi vào tự giới thiệu là Zaman, giám đốc trại mồ côi. Ông nói:

- Tôi sẽ đưa các ông đến văn phòng của tôi.

Chúng tôi đi theo ông ta qua những hành lang nhờ tối, âm đạm, ở đó bọn trẻ chân trần, mặc những chiếc áo lót thùng lỗ chỗ, rách như xơ mướp, đang chơi quanh quẩn. Chúng tôi đi qua những căn phòng với sàn nhà chẳng có gì ngoài chiếu cói và cửa sổ thì đóng kín bằng những tấm nhựa dẻo. Những khung giường sắt phần lớn không có đệm, choán hết chỗ trong phòng.

- Có bao nhiêu trẻ mồ côi ở đây? – Farid hỏi.

- Nhiều hơn số phòng chúng tôi có. Khoảng hai trăm năm mươi cháu.

– Zaman ngoái lại nói, nhưng không phải tất cả bọn chúng đều yateem[124]. Nhiều đứa trẻ chỉ mất cha trong chiến tranh, mẹ chúng không nuôi được chúng vì bọn Taliban không cho phép họ đi làm. Vì vậy họ đem con đến đây.

Ông phẩy tay và rầu rĩ nói thêm:

- Nơi đây tốt hơn hè phố, nhưng cũng chẳng hơn là mấy. Khu nhà này đâu có được xây để ở – nó vốn là cái kho chứa hàng của một xưởng làm thảm. Vì vậy ở đây không có nước nóng và họ đã để cho giếng cạn khô, – ông hạ giọng. – Tôi cũng đã yêu cầu bọn Taliban cho tiền đào một cái giếng mới, bao nhiêu lần tôi cũng chẳng nhớ nổi nữa, rồi chúng chỉ quay quào tròng hạt của chúng và bảo tôi không có tiền, – ông cười khẩy. – Không có tiền.

Ông chỉ một dãy giường kê dọc tường:

- Chúng tôi không có đủ giường và cũng không đủ đệm cho số giường ấy. Tệ hơn, chúng tôi còn không đủ cả chăn, – ông chỉ cho tôi một bé gái

đang nhảy dây với hai đứa con trai. – Ông thấy con bé chứ? Mùa đông năm ngoái, lũ trẻ phải đắp chung chăn với nhau. Anh nó chết trần truồng, – ông bước tiếp. – Lần mới đây, tôi kiểm tra trong kho, gạo cung cấp chỉ còn chưa đủ một tháng, và khi gạo hết, lũ trẻ sẽ phải ăn bánh mì và uống trà vào bữa điểm tâm sáng và bữa tối.

Tôi để ý thấy ông không nói đến bữa trưa. Ông dừng bước và quay lại bảo tôi:

- Ở đây chỉ là một chốn nương thân rất nhỏ bé, hầu như không thực phẩm, không quần áo, không nước sạch. Những gì mà tôi được cung cấp thừa đủ ở đây là lũ trẻ bị mất tuổi thơ. Nhưng bị kịch lại ở chỗ, những đứa trẻ này là những đứa may mắn. Chúng tôi đã ôm đồm quá khả năng và ngày nào tôi cũng phải từ chối các bà mẹ mang con tới. – Ông bước một bước lại gần tôi. – Ông bảo có hy vọng cho Sohrab? Tôi cầu mong ông không lừa dối, Agha. Nhưng... ông có thể bị muộn quá mất rồi.

- Ông bảo sao?

Zaman đảo mắt:

- Đi theo tôi.

Những gì được chấp nhận như phòng giám đốc chỉ là bốn bức tường trần trụi nứt nẻ, một cái chiếu trên sàn nhà, một cái bàn, hai chiếc ghế gấp. Trong lúc Zaman và tôi ngồi xuống, một con chuột cống màu xám thò đầu ra khỏi một cái hang trong tường và vụt chạy ngang qua căn phòng. Tôi co rúm lại khi nó khịt khịt vào giày tôi, rồi giày ông Zaman, và chạy vụt qua cửa.

Tôi hỏi:

- Ông nói có thể đã quá muộn là ý thế nào?

- Ông uống một chút chai nhé. Tôi có thể pha mời ông một tách.

- Không, cảm ơn ông. Tôi muốn chúng ta nói chuyện hơn.

Zaman ngả lưng vào chiếc ghế, khoanh tay trước ngực:

- Những gì tôi phải nói với ông không vui vẻ gì đâu. Chưa kể có thể rất nguy hiểm.

- Cho ai?

- Ông. Tôi. Và tất nhiên, cả Sohrab, nếu không phải đã quá muộn.

- Tôi cần phải biết, – tôi nói.

Ông ta gật đầu:

- Ông đã nói thế thì được. Nhưng trước hết, tôi muốn hỏi ông một câu: ông có muốn tìm cháu ông lắm không?

Tôi nghĩ tới những trận đánh nhau trên đường phố mà chúng tôi thường tham gia khi còn là những đứa trẻ, lần nào Hassan cũng chống lại chúng vì tôi, một chọi hai, đôi khi một chọi ba. Tôi thường nhản mặt và đứng xem, cũng muốn xông vào lắm, nhưng luôn luôn dừng lại ngay, luôn luôn bị cái gì đó giữ lại.

Tôi nhìn ra hành lang, thấy một đám trẻ đang nhảy múa theo vòng tròn. Một bé gái nhỏ, chân trái bị cụt đến dưới gối, ngồi trên một cái đệm như ổ chuột đang xem, mỉm cười và vỗ tay theo những đứa trẻ khác. Tôi thấy Farid cũng đang nhìn bọn trẻ, bàn tay cụt ngón của hắn thông xuống bên sườn. Tôi lại nhớ tới những đứa con trai của Wahid, và... tôi nhận ra một điều: Tôi sẽ chưa rời khỏi Afghanistan chừng nào chưa tìm được Sohrab. Tôi nói:

- Xin bảo cho tôi biết nó ở đâu đi.

Zaman cứ chăm chăm nhìn tôi mãi. Rồi ông gật đầu, nhặt cái bút chì lên, quay quay giữa các ngón tay:

- Đừng để tên tôi dính dáng đến chuyện này.

- Tôi xin hứa.

Ông gõ gõ cái bút chì lên bàn:

- Mặc dầu ông đã hứa, tôi vẫn nghĩ tôi sẽ sống mà hối tiếc về điều này, nhưng có lẽ đành vậy thôi. Dầu thế nào tôi cũng đáng nguyên rủa rồi. Nhưng nếu có thể làm được một điều gì đấy cho Sohrab... tôi sẽ nói cho ông biết, bởi vì tôi tin ông. Ông có cái nhìn của một người đang tuyệt vọng. Ông lặng đi một lúc lâu rồi lẩm bẩm:

- Có một tên quan chức Talib. Một vài tháng hẵn lại đến thăm một lần. Hẵn mang theo tiền mặt, không nhiều, nhưng còn hơn là không có gì. Ông đảo mắt nhìn tôi rồi lại nhìn đi chỗ khác:

- Hẵn thường đem một bé gái đi. Nhưng không thường xuyên.

- Và ông cho phép việc đó? – Farid hỏi phía sau tôi. Hẵn bước đến cạnh bàn, áp sát vào Zaman.

- Tôi có sự lựa chọn nào nữa? – Ông Zaman đáp trả. Ông lùi khỏi chiếc bàn.

- Ông là giám đốc ở đây, – Farid nói. – Công việc của ông là chăm nom bảo vệ lũ trẻ.

- Tôi chẳng thể làm gì để ngăn chuyện đó lại được.

- Ông đang bán trẻ con! – Farid gầm lên.

- Farid, ngồi xuống! Bỏ đi! – Tôi nói.

Nhưng tôi đã quá chậm. Bởi vì Farid bất ngờ nhảy qua bàn. Chiếc ghế của Zaman văng ra, khi Farid nhào lên ông và ghì ông xuống nền nhà. Ông giám đốc thụi tới tấp Farid từ dưới lên và kêu lên những âm thanh tắc nghẹn. Hai chân ông đá vào chiếc ngăn kéo bàn đã bị tuột ra, và những tờ giấy vung vãi khắp nền nhà. Tôi chạy đến gần bàn và thấy được tại sao tiếng kêu của ông Zaman bị nghẹn lại. Farid đang bóp cổ ông. Tôi túm lấy đôi vai Farid bằng cả hai tay và kéo mạnh. Hắn giật ra khỏi tay tôi.

- Đủ rồi, – tôi gầm lên.

Nhưng mặt Farid đã đỏ phừng phừng, hai môi hắn mím chặt lại và khinh bỉ hét lên:

- Tôi sẽ giết hắn! Ông không thể ngăn tôi! Tôi sẽ giết hắn.

- Bỏ ông ấy ra!

- Tôi sẽ giết hắn!

Có cái gì đó trong giọng nói của Farid bảo tôi rằng, nếu tôi không kịp thời làm một điều gì đó, tôi sẽ chứng kiến kẻ sát nhân đầu tiên trong đời tôi.

- Lũ trẻ đang xem đấy, Farid. Chúng đang xem, – tôi nói.

Cơ vai của hắn căng cứng lại dưới hai tay đang túm chặt của tôi và trong giây lát, tôi nghĩ hắn vẫn đang vặn cổ ông Zaman. Rồi hắn quay lại, thấy lũ trẻ chúng đang đứng câm lặng ngay trước cửa, tay cầm tay nhau, mấy đứa đang khóc. Tôi thấy những cơ bắp của Farid chùng ra. Hắn buông tay ra, đứng dậy. Hắn nhìn xuống ông Zaman và nhổ một bãi nước bọt lên mặt ông. Rồi hắn bước ra khép cửa lại.

Zaman cố đứng lên, lấy ống tay áo chùi đôi môi chảy máu, lau nước bọt trên má. Vừa ho vừa thở khò khè, ông đội chiếc mũ chồm lên đầu, đeo kính vào thì thấy cả hai mắt đã vỡ, liền bỏ ra. Ông lấy hai tay bưng mặt. Không ai trong chúng tôi nói gì một lúc lâu.

Cuối cùng, hai tay vẫn che mặt, Zaman nghẹn ngào nói:

- Nó mang Sohrab đi một tháng nay rồi.
- Ông bảo ông là giám đốc thế à – Farid nói.

Zaman buông thông hai tay:

- Hơn sáu tháng nay tôi không được trả lương. Tôi khánh kiệt vì phải bỏ hết tiền dành dụm đời tôi ra chi tiêu cho trại mồ côi này. Mọi thứ tôi kiếm được và được thừa kế tôi đều bán, để duy trì cái nơi Thượng đế bỏ rơi này. Ông nghĩ tôi không có gia đình ở Pakistan và Iran sao? Tôi có thể bỏ chạy như bất kỳ ai khác. Nhưng tôi không bỏ chạy. Tôi ở lại. Tôi ở lại vì lũ trẻ, – ông chỉ ra phía cửa. – Nếu tôi từ chối nó một chút, nó sẽ đem đi mười. Vì thế tôi đành để nó lấy một đi và để Thánh Allah phán xử nó. Tôi phải nuốt đi lòng kiêu hãnh, nhận đồng tiền khốn nạn... như nhục bần thiêu của nó. Đều rồi cầm ra khu phố chợ mua thực phẩm cho lũ trẻ.

Farid cảm mắt nhìn xuống. Tôi hỏi:

- Rồi xảy ra chuyện gì với những đứa trẻ nó mang đi?

Zaman chùi nước mắt bằng ngón trỏ và ngón cái:

- Đôi khi chúng trở về.

- Nó là ai? Làm thế nào để chúng tôi tìm được nó? – Tôi hỏi.

- Ngày mai đến Sân vận động Ghazi. Ông sẽ gặp nó vào giữa giờ. Nó là cái thằng đeo kính râm ấy.

Ông nhặt cái kính vỡ của ông lên, chuyển từ tay này qua tay khác:

- Tôi muốn các ông đi ra ngay. Lũ trẻ đang hoảng sợ.

Ông đưa chúng tôi ra.

Khi chiếc xe đi khỏi, tôi nhìn thấy Zaman qua chiếc gương chiếu hậu cạnh xe, vẫn đứng ở lối cổng. Một đám trẻ đứng vây lấy ông, níu chặt gấu áo sơ mi của ông. Tôi thấy ông đeo đôi kính vỡ vào.

Chương 21

Chúng tôi vượt qua sông và cho xe chạy về phía Bắc xuyên qua quảng trường Pashtunistan. Baba vẫn thường đem tôi nhà hàng Khyber ăn món cừu kabob. Toà nhà vẫn còn đứng vững, nhưng cửa đã bị khoá bằng khoá treo, cửa sổ vỡ tan chữ K và chữ R trên biển hiệu đã mất[125].

Tôi thấy một xác người chết gần nhà hàng. Chắc là treo cổ. Một người đàn ông trẻ lủng lẳng dưới đầu dây thừng buộc vào xà nhà, mặt sưng lên và xanh xám, áo quần anh ta mặc trong ngày cuối đời mình rách bươm và thấm máu. Hình như là chẳng mấy ai để ý đến anh ta.

Chúng tôi lặng lẽ cho xe chạy qua, và thẳng đến quận Wazir-Akbar Khan. Đâu đâu, tôi cũng thấy một lớp bụi mù mịt bao phủ lên thành phố và những toà nhà bằng gạch phơi. Đi khỏi vài dãy nhà phía Bắc quảng trường Pashtunistan, Farid chỉ vào hai người đang nói chuyện sôi nổi ở một góc phố đông đúc. Một trong hai người tập tễnh một chân, chân kia cụt dưới gối. Hắn đang ôm cái chân giả trong hai cánh tay.

- Ông có biết họ đang làm gì không? Mặc cả cái chân giả đấy.

- Hắn đang bán chân giả à? Farid gật đầu:

- Ông có thể kiếm được một món tiền kha khá ở chợ đen. Nuôi lũ con ông vài tuần lễ. Điều làm tôi ngạc nhiên, phần lớn nhà cửa ở quận Wazir-Akbar Khan vẫn còn mái và tường không đổ. Thực ra, những ngôi nhà này vẫn nguyên hình dạng xinh đẹp, cây cối vẫn ló ra ngoài tường, và đường phố hầu như không rác rưởi như ở Karteh-Seh. Những biển chỉ đường đã phai nhạt, một số xoắn lại và bị đạn bắn thủng, vẫn còn chỉ đường.

- Nơi này không đến nỗi tệ lắm, – tôi nhận xét.

- Có gì lạ đâu, phần lớn những nhân vật quan trọng sống ở đây.

- Taliban?

- Cả chúng nữa. – Farid nói.

- Ai khác nữa?

Anh ta lái xe đưa chúng tôi vào một đường phố rộng lẽ đường khá sạch, hai bên là những ngôi nhà có tường vây quanh phía bên kia đường.

- Những nhân vật đằng sau bọn Taliban. Những bộ não thực sự của cái chính phủ này, nếu ông có thể gọi nó như thế: Những tên Ả rập,

Chechens, Pakistan. – Farid nói rồi chỉ tay về phía Bắc. – Phố 15, lối đó, được gọi Sarak-e-Mehmana. Phố Khách. Khách, đó là tên chúng gọi những kẻ sống ở đây. Tôi nghĩ một ngày nào đấy, lũ khách đó sẽ đái bừa lên thảm trải.

- Tôi nghĩ phố ấy đấy! – Tôi nói. – Kia kìa! – Tôi chỉ về phía cái mốc thường vẫn dùng định hướng khi tôi còn nhỏ. Baba từng bảo: Nếu có bao giờ con bị lạc, hãy nhớ phố của chúng ta là phố có cái nhà màu hồng ở cuối ấy. Ngôi nhà màu hồng với cái mái rất dốc từng là ngôi nhà duy nhất ở khu này ngày xưa có cái màu đó. Nay vẫn thế. Farid ngoặt lên phố đó. Tôi thấy ngay ngôi nhà của Baba.

*

* *

Chúng tôi tìm thấy con rùa nhỏ đằng sau những bụi tầm xuân ở trong sân. Chúng tôi không biết làm thế nào nó lại ở đó, và chúng tôi đang quá phấn khích để mà bận tâm chuyện vật ấy. Theo ý kiến của Hassan, một ý hay, chúng tôi sơn mai nó màu đỏ tươi. Như thế chúng tôi không bao giờ thất lạc mất nó trong bụi rậm. Chúng tôi giả vờ chúng tôi là những nhà thám hiểm liều mạng, đã khám phá ra một con quỷ khổng lồ thời tiền sử từ một khu rừng nhiệt đới xa xôi và chúng tôi mang nó về cho cả thế giới xem. Chúng tôi đặt nó trong toa hàng bằng gỗ mà ông Ali đã đóng mùa đông năm trước cho sinh nhật của cậu, giả vờ đó là một chiếc lồng thép khổng lồ. Chú ý, quái vật thở ra lửa! Chúng tôi đi đều bước trên cỏ và kéo toa xe đằng sau chúng tôi, quanh những cây táo và cây anh đào trở thành những toà nhà chọc trời vươn cao đến tận mây, bao cái đầu thò ra khỏi hàng ngàn cửa sổ ngắm nhìn quanh cảnh diễn ra ở bên dưới. Chúng tôi bước qua cây cầu cong nhỏ hình bán nguyệt mà Baba xây gần một đám những cây sung, nó trở thành cây cầu treo vĩ đại nối liền các thành phố và cái ao nhỏ bên dưới trở thành một biển sóng cồn. Pháo hoa nổ bên trên những cột cầu đỡ sộ và binh lính vũ trang đứng hai bên chào chúng tôi cùng những dây cáp thép khổng lồ đâm lên trời. Con rùa nhỏ xóc lên xóc xuống trong khoang lái, chúng tôi kéo toa hàng xung quanh lối xe lượn vòng ngoài cổng sắt và đáp lại sự chào đón của các nhà lãnh đạo thế giới khi họ vẫn đang đứng và vỗ tay hoan hô. Chúng tôi là Hassan và Amir, những nhà phiêu lưu nổi tiếng, những nhà thám hiểm vĩ

đại nhất thế giới, xứng đáng nhận một huân chương danh dự vì hành động can trường của chúng tôi...

Tôi thận trọng bước lên lối xe vào nơi nhưng bãi cỏ dại lúc này mọc xen giữa những viên gạch màu đỏ úa. Tôi đứng bên ngoài cánh cổng sắt ngôi nhà của Baba, cảm thấy như một người khách lạ. Tôi đặt hai tay lên những song sắt han gỉ, nhớ lại tôi đã chạy qua chiếc cổng này hàng ngàn lần khi còn là đứa trẻ ra sao, vì những chuyện giờ chẳng còn nghĩa lý gì khi đó hình như lại vô cùng quan trọng. Tôi chăm chú nhìn vào trong.

Lối xe vào từ cổng tới sân, nơi Hassan và tôi mùa hè thường tập đi xe đạp và thay nhau ngã, trông không rộng và dài như tôi nhớ. Nhựa đường nứt ra thành những vết ngoằn ngoèo như tia chớp, thêm nhiều đám cỏ dại mọc lên từ các khe. Phần lớn bạch dương đã bị đốn, những thân cây mà Hassan và tôi thường trèo lên để chiếu gương vào các nhà hàng xóm. Những cây nào còn đứng vững hầu như trụi lá. Bức tường Ngô ốm vẫn còn đó, dẫu tôi chẳng nhìn thấy ngô, thấy ốm hoặc thấy cái gì khác dọc theo bức tường ấy bây giờ. Nước sơn đỏ bắt đầu bong ra, có chỗ tróc từng mảng lớn. Cái sân cỏ trước nhà đã chuyển sang cùng một màu nâu như những lớp bụi lượn lờ khắp trên cánh phố, loáng thoáng điểm những bãi phân trơ ra, bên trên không có gì mọc được.

Một chiếc xe jeep đỗ ở lối xe vào và trông thật nghịch cảnh: chiếc Mustang đen của Baba cũng từng ở chỗ đó. Bao năm trời, chiếc Mustang tám xi lanh rồ lên nổ máy đánh thức tôi dậy. Tôi nhìn thấy đầu xe nhỏ xuống từ phía dưới chiếc xe Jeep và vấy bẩn lối đi như vết mực. Ngoài chiếc xe jeep ra chỉ còn thấy một cái xe cút kít rỗng không lăn lóc bên cạnh. Tôi chẳng thấy dấu vết nào của những khóm hoa hồng mà Baba và ông Ali đã trồng bên trái lối đi, chỉ có phân vãi trên nhựa đường. Và cỏ dại. Farid bấm còi ô tô hai lần phía sau tôi. Anh ta gọi:

- Chúng ta nên đi thôi. Agha. Chúng ta sẽ gây chú ý đấy.

Tôi nói:

- Cho tôi thêm mấy phút nữa thôi.

Ngôi nhà tự bản thân nó đã khác xa với toà nhà trắng bề thế của tuổi thơ tôi. Trông nó nhỏ hơn. Mái xô, vừa nứt. Cửa sổ phòng khách tiền sảnh và phòng tắm của khách ở trên gác đều vỡ, được đóng đinh qua loa vào khung cửa vải nhựa trong hoặc ván gỗ. Sơn tường khi xưa sáng trắng

lấp loá nay ngả màu xám như ma quỷ và xói mòn long tróc từng phần, trơ lớp gạch lên dưới. Bậc thềm trước cửa đổ nát. Giống như rất nhiều nhà khác ở Kabul, ngôi nhà của cha tôi là bức tranh của sự huy hoàng sụp đổ.

Tôi thấy cửa sổ của phòng ngủ tôi ngày xưa, trên tầng hai, cửa sổ thứ ba phía Nam cầu thang chính lên nhà. Tôi kiễng chân nhòm, chẳng thấy gì phía sau ngoài bóng tối. Hai năm năm trước tôi từng đứng sau vãn cái cửa sổ ấy, mưa mau nhỏ giọt trên ô kính và hơi thở tôi làm kính mờ đi. Tôi đã dõi theo Hassan và ông Ali chất những gói đồ của họ vào cốp xe của cha tôi.

- Amir Agha! – Farid lại gọi.

- Tôi đến đây, – tôi đáp lại.

Tôi muốn vào đó phát điên lên. Muốn bước lên thềm nhà phía trước nơi ông Ali thường bắt Hassan và tôi phải bỏ ủng đầy tuyết ra. Muốn bước vào tiền sảnh, ngửi mùi vỏ cam ông Ali quăng vào lò cho cháy cùng với mùn cửa. Ngồi vào bàn ăn, uống trà với một lát bánh naan, nghe Hassan hát những bài ca Haraza cổ. Lại một tiếng còi nữa. Tôi bước lại cho chiếc Land Cruiser đỗ dọc lề đường. Farid ngồi hút thuốc sau tay lái.

- Tôi phải nhìn thêm một thứ nữa, – tôi bảo anh ta thế.

- Ông có thể nhanh nhanh lên không?

- Cho tôi mười phút.

- VẬY, đi đi.

Rồi đúng lúc tôi quay lưng định đi.

- Có điều hãy quên tất cả đi cho nhẹ lòng.

- Để làm gì?

- Để sống tiếp, – Farid nói. Anh ta ném điếu thuốc qua cửa xe. – Ông cần phải nhìn thêm bao nhiêu nữa. Hãy để tôi giúp ông bớt phiền muộn: Chẳng thứ gì ông nhớ tới còn tồn tại đâu. Tốt như hãy quên đi.

- Tôi không muốn quên nữa, – tôi nói. – Cho tôi thêm mười phút.

Chúng tôi hầu như không đổ một giọt mồ hôi, Hassan và tôi, hồi vất vả trèo lên ngọn đồi ngay phía Bắc ngôi nhà của Baba. Chúng tôi chạy nhảy lên tận đỉnh đồi, đuổi nhau hoặc ngồi trên một sườn dốc nơi nhìn

thấy sân bay ở đằng xa rất rõ. Chúng tôi thường xem máy hay cất cánh và hạ cánh. Rồi lại chạy đuổi.

Giờ đây, lúc tôi lên tới đỉnh ngọn đồi cheo leo này, mỗi hơi thở rã rời như hít phải lửa. Mồ hôi từng giọt nhỏ xuống mặt. Tôi đứng đó, thở phì phò một lúc, cái gì bất ngờ đau nhói bên sườn. Rồi tôi đi tìm khu nghĩa trang bị bỏ hoang. Không mất mấy thì giờ để thấy nó. Nó vẫn ở đó, và cây lựu xưa cũng vậy.

Tôi tựa người vào tảng đá xám lồi cong nghĩa trang nơi Hassan chôn mẹ mình. Đôi cánh cổng bằng sắt xưa kia trụ trên những chiếc bản lề nay biến mất, và những bia mộ khó lòng nhìn rõ qua hàng đám cỏ dại dày đặc tranh nhau đất mọc. Một đôi quạ đậu trên bức tường thấp vây quanh nghĩa trang.

Hassan đã viết trong bức thư rằng cây lựu nhiều năm không ra quả. Nhìn cái cây gầy guộc, trụi lá, tôi ngờ nó sẽ không bao giờ ra quả nữa. Đứng bên dưới gốc, tôi nhớ lại bao nhiêu lần chúng tôi đã trèo lên đây, cưỡi lên những cành cây, hai chân đung đưa, ánh nắng lốm đốm lung linh qua kẽ lá, chiếu lên mặt chúng tôi như một bức khảm sứ của ánh sáng và bóng tối. Mùi vị đặc trưng của quả lựu như thấm vào miệng tôi.

Tôi quỳ gối xuống và lấy hai tay cọ cọ lên thân cây. Tôi tìm thấy cái tôi tìm. Dấu khác đã mờ đi, hầu như hoàn toàn phai nhạt, nhưng nó vẫn còn đấy: “Amir và Hassan, hai sultan của Kabul.” Tôi lấy ngón tay vạch lên đường cong của mỗi nét chữ. Cây những miếng vẩy nhỏ ở những kẽ nứt.

Tôi ngồi xếp bằng dưới gốc cây nhìn về phía Nam thành phố tuổi thơ tôi. Những ngày đó, ngọn cây vươn lên sau những bức tường của mọi ngôi nhà. Bầu trời trải rộng và xanh biếc, và quần áo giặt hong khô trên những dây phơi chấp chới trong ánh mặt trời. Nếu bạn cố lắng nghe, bạn có thể nghe thấy cả tiếng rao của những người bán trái cây cùng với con lừa của họ, khắp quận Wazir Akbar Khan: Ai đào đây! Mơ đây! Nho đây! Vào lúc chiều sớm, bạn còn nghe thấy azan, tiếng gọi từ tháp chuông nhà thờ ở Sar-e-Nau gọi tín đồ cầu nguyện.

Tôi nghe thấy tiếng còi xe và nhìn thấy Farid vẫy tôi. Đến giờ phải đi rồi.

Chúng tôi lại cho xe chạy về phía Nam, trở lại hướng Quảng trường Pashtunistan. Chúng tôi đi ngang qua dăm ba chiếc xe tải chở mui màu đỏ với đám thanh niên đeo súng và để râu ngời chật cứng trong buồng lái.

Farid lầm bầm chửi mỗi lần chúng tôi vượt qua một chiếc.

Tôi thuê một phòng nhỏ gần Quảng trường. Ba cô bé mặc áo váy dài đen giống hệt nhau và những chiếc khăn quàng trắng bâu lấy một gã đàn ông đeo kính, dáng người nhẹ nhõm, sau quầy thanh toán. Hẳn chém tôi 75 đô, cái giá không thể nghĩ tới cho một nơi có mã ngoài tời tàn đến thế này, nhưng tôi cũng chẳng bận tâm. Vợ vét để tận thu cho một nhà nghỉ bãi biển ở Hawaii là một chuyện. Làm việc đó để nuôi lũ trẻ là chuyện khác.

Không có nước nóng, bệ xí sứt mẻ và giạt nước không chảy. Chỉ có mỗi một chiếc giường khung sắt và tấm đệm cũ, một cái chăn rách, và một ghế gỗ ở góc phòng. Cửa sổ nhìn xuống quảng trường bị vỡ, không ai thay. Lúc tôi hạ va li của mình xuống, tôi để ý thấy một vết máu khô trên bức tường ở phía sau chiếc giường.

Tôi đưa cho Farid một ít tiền để anh ta ra ngoài mua cái gì đó về ăn. Anh ta quay về với bốn xiên thịt kabob nướng nóng bỏng, bánh naan mới và một bát to cơm trắng. Chúng tôi ngồi lên giường và gần như ngốn ngấu các món ăn. Rốt cuộc, cũng có một thứ ở Kabul chẳng hề thay đổi: Món cừu kabob vẫn ngậy béo và ngon như ngày nào.

Đêm đó, tôi ngủ trên giường còn Farid dưới sàn, quần trong tâm chăn cực dày mà chủ khách sạn cho thuê tính thêm tiền. Không có ánh sáng nào lọt vào phòng, ngoài ánh trăng tràn qua chiếc cửa sổ kính vỡ. Farid nói với tôi rằng chủ nhà bảo Kabul đã hai ngày hôm nay không có điện và máy phát của ông ta cần sửa chữa. Chúng tôi chuyện trò với nhau một lúc. Anh ta kể cho tôi nghe chuyện mình lớn lên ở Mazar-i-Sharif, thuộc Jalalabad. Anh ta kể cho tôi nghe về khoảng thời gian ngắn sau khi cha con anh ta tham gia jihad, chiến đấu chống bọn Shorawi ở Thung lũng Panjsher. Họ bị vây hãm, không có thực phẩm và phải ăn cả châu chấu để sống. Anh ta kể cho tôi nghe cái ngày trực thăng nã súng giết chết bố anh, cái ngày mình chôn cướp mất hai con gái anh. Anh ta hỏi tôi về nước Mỹ. Tôi bảo, ở Mỹ, anh có thể bước vào một cửa hàng tạp hoá mua bất kỳ thứ nào trong số mười lăm hay hai mươi loại ngũ cốc khác nhau. Thịt

cừ non luôn luôn tươi và sữa lúc nào cũng lạnh, đầy trái cây và nước sạch. Nhà nào cũng có tivi, tivi nào cũng có điều khiển từ xa, và nếu muốn, có thể dùng ăng-ten chảo vệ tinh, thu được trên năm trăm kênh.

- Năm trăm kênh cơ à? – Farid ngạc nhiên kêu lên.

- Năm trăm.

Chúng tôi im lặng một lúc. Đúng lúc tôi nghĩ anh ta đã ngủ, Farid cười khúc khích:

- Agha, ông đã nghe kể giáo sĩ Nasruddin làm gì khi con gái ông về nhà và phàn nàn rằng bị chồng mình đánh chưa?

Tôi có thể cảm thấy anh ta đang mỉm cười trong bóng tối và nụ cười của chính tôi trên mặt tôi. Không có một người Afghan nào trên thế giới lại không biết ít nhất vài chuyện đùa về ông giáo sĩ ngớ ngẩn ấy.

- Làm gì?

- Ông cũng đánh con gái, rồi trả con về để bảo cho chồng cô ta biết rằng giáo sĩ không ngu đâu: Nếu tên chó đẻ định đánh con gái ông, thì giáo sĩ sẽ đánh lại vợ nó để trả đũa.

Tôi cười. Phần vì câu đùa, phần vì sao mà tính hài hước của người Afghan chẳng bao giờ thay đổi. Những cuộc chiến được phát động, Internet ra đời, và người máy đã lặn trên bề mặt sao Hoả, vậy mà ở Afghanistan chúng ta vẫn còn kể những chuyện cười về giáo sĩ Nasruddin. Tôi nói:

- Anh đã nghe kể cái lần giáo sĩ vác trên vai một bao nặng và cười lừa chưa?

- Chưa.

- Ai đó trên đường phố bảo tại sao ông không đặt cái bao lên lưng con lừa ông ấy nói: như thế là tàn nhẫn. Riêng tôi thôi cũng đủ nặng cho con vật tội nghiệp rồi.

Chúng tôi kể cho nhau những chuyện cười về giáo sĩ Nasruddin cho đến khi cạn vốn và chúng tôi lại nằm im.

- Amir agha? – Farid nói, làm tôi giật mình vì đã gần ngủ thiếp.

- Sao?

- Tại sao ông lại về đây ý tôi muốn hỏi, thực ra tại sao ông về đây?

- Tôi đã nói với anh rồi.

- Vì thằng bé?

- Vì thằng bé.

Farid trở mình trên sàn nhà:

- Không thể tin nổi.

- Đôi khi bản thân tôi, tôi cũng không thể tin nổi tôi lại về đây.

- Không... ý tôi muốn nói là, tại sao lại thằng bé đó? Ông đi cả một đoạn đường dài từ Mỹ vì... một thằng bé Shi'a?

Câu hỏi đó giết chết tiếng cười trong tôi. Và cả giấc ngủ nữa. Tôi nói:

- Tôi mệt rồi. Ta hãy ngủ đi một lát. Farid ngáy vang ngay khắp căn phòng trống trải. Tôi vẫn thức hai tay khoanh trên ngực, mắt đăm đăm nhìn qua chiếc cửa sổ vỡ kính vào đêm sáng sao và nghĩ, có thể những gì người ta nói về Afghanistan là đúng. Có thể đó là một chốn không hy vọng.

Một đám đông hối hả đang tràn vào đầy Sân vận động Ghazi khi chúng tôi bước theo các lối hầm vào. Hàng nghìn người quần quanh chen chúc nhau trong dãy khán đài bằng bê tông chặt như nêm cối. Trẻ con nô đùa trong lối đi giữa các hàng ghế và đuổi bắt khắp các bậc lên xuống. Mùi đậu ngọt nấu trong nước tương gia vị bốc lên trên không, pha lẫn với mùi phân súc vật và mùi mồ hôi. Farid và tôi bước đi qua những người bán hàng rong, bán thuốc lá, hạt thông, và bích quy.

Một thằng bé gầy nhom mặc chiếc áo jacket vải tuyết nỉ lấy khuỷu tay tôi và nói nhỏ vào tai tôi. Hỏi tôi có muốn mua “ảnh sex” không.

- Rất sex, Agha, – nó nói, đôi mắt nhớn nhác của nó đảo đi đảo lại, nhắc tôi nhớ đến một cô gái vài năm trước cỡ này bán côcain cho tôi ở quận Tenderloin bang San Francisco. Thằng bé vén một bên áo jacket của nó hở ra, cho tôi thoáng nhìn thấy đám ảnh sex của nó: những tấm bưu thiếp phim Hindī giới thiệu các nữ diễn viên mắt nai đầy nhục cảm, áo quần đầy đủ trong vòng tay của những diễn viên nam chính. “Quá sex”. Thằng bé nhắc lại.

- Không, cảm ơn, – Tôi vừa nói vừa tránh nó ra.

- Nó mà bị tóm, chúng sẽ cho nó một trận đòn roi khiến bố nó ở trong mồ cũng phải thức dậy, – Farid lẩm bẩm.

Tất nhiên, chẳng có chỗ ngồi được chỉ định. Chẳng ai lịch sự chỉ cho chúng tôi khu, cánh, dãy và ghế ngồi. Chẳng bao giờ lại có chuyện đó, kể cả ngày xưa dưới chế độ quân chủ. Chúng tôi tìm được một chỗ tạm tạm,

ngay bên trái khu trung tuyến, mặc dầu Farid phải xô đẩy và cúi chỏ mắt một lúc.

Tôi vẫn nhớ sân bóng cỏ mọc xanh rờn vào những năm 70 khi Baba thường mang tôi tới xem bóng đá ở đây. Nay, đường pít là một bãi hồ lớn. Hồ nhỏ, hồ to khắp nơi. Đáng chú ý nhất là một đôi hồ sâu ở phần đất phía sau khung thành phía Nam. Và chẳng có một đám cỏ nào, chỉ có phân. Cuối cùng, khi hai đội ra sân chơi – tất cả đều mặc quần dài bất kể trời nóng và khi cuộc chơi bắt đầu, khó có thể theo dõi quả bóng trong những lớp mây bụi mù do cầu thủ đá lên. Những tên Talib trẻ, mang theo roi, lẳng xẵng trên lối đi giữa các hàng ghế ngồi, vụt bất kỳ ai reo lên quá to.

Sau tiếng còi dứt nửa hiệp đấu, chúng tôi ra ngoài ngay. Một đội xe tải đỏ hạng nhẹ đầy bụi, giống như những chiếc xe tôi đã gặp quanh thành phố từ lúc mới đến, phóng qua cổng vào sân vận động. Đám đông đứng cả lên. Một phụ nữ mặc burqa màu xanh lục ngồi trong buồng lái của một chiếc xe tải, và một người đàn ông bị bịt mắt trong chiếc xe kia. Hai chiếc xe từ từ chạy quanh đường biên như thế để đám đông được nhìn kỹ. Và nó có được hiệu quả mong muốn: Mọi người vờn cổ lên, chỉ trỏ kiếng chân nhìn. Cạnh tôi, quả hầu ở cổ Farid lên lên xuống xuống trong khi anh ta khẽ lẩm bầm cầu kinh.

Hai chiếc xe tải đỏ chạy vào bãi bóng, phóng thẳng về phía cuối bãi trong hai làn mây bụi. Chiếc xe tải thứ ba gặp chúng ở phía cuối bãi. Buồng lái chiếc xe tải này chất đầy một thứ gì đó, và bất chợt tôi hiểu ra, mục đích của hai cái hồ sâu phía sau khung thành. Chúng bốc dỡ chiếc xe tải thứ ba. Đám đông lẩm rầm đoán chuyện gì sắp xảy ra.

- Ông có muốn ở lại không? – Farid nghiêm nghị hỏi tôi.

- Không, – tôi nói. – Trong đời mình, tôi chưa từng bao giờ muốn rời khỏi một nơi tệ hại như tôi muốn lúc này. Nhưng chúng ta phải ở lại.

Hai tên Talib với những khẩu Kalashnikov đeo lưng lẳng qua vai, giúp người đàn ông bị bịt mắt ra khỏi chiếc xe tải thứ nhất, hai tên khác giúp người phụ nữ trùm burqa. Người phụ nữ khuyu gối và đổ phịch xuống đất. Mấy tên lính kéo chị lên và chị lại ngã khuyu xuống. Khi chúng cố kéo chị dậy, chị kêu thét lên và đá túi bụi. Chừng nào tôi còn sống, tôi sẽ không bao giờ quên được âm thanh tiếng kêu thét đó. Đó là tiếng kêu của

con thú hoang đang cố rút chiếc chân bị kẹp ra khỏi cái bẫy gấu. Hai tên Talib nữa nhập hội, đẩy chị xuống cái hố sâu đến ngực. Người đàn ông bị bịt mắt, trái lại, để mặc chúng hạ anh xuống chiếc hố đào cho anh ta. Lúc này trông chỉ còn thấy một cặp bán thân nhô lên khỏi mặt đất.

Một viên giáo sĩ, mặt bầu bĩnh, râu bạc, mặc quần áo màu xám đứng gần khung thành hăng giọng vào chiếc micro cầm tay. Đằng sau lão ta, người phụ nữ dưới cái hố vẫn đang gào thét. Lão ta đọc một đoạn dài từ kinh Koran, cái giọng mũi của lão lượn lờ khắp sân vận động. Lúc này quần chúng bất chợt đã trở nên yên lặng. Tôi bỗng nhớ tới câu của Baba đã nói với tôi từ rất lâu: Đái vào râu cái lũ khi già lên mặt đạo đức ấy. Bọn chúng chẳng làm được trò trống gì, ngoài việc lặn tràng hạt và đọc một cuốn sách viết bằng thứ tiếng mà chính chúng cũng không hiểu. Mong Thượng đế giúp tất cả chúng ta, đừng để bao giờ Afghanistan rơi vào tay bọn chúng.

Khi đọc kinh xong, viên giáo sĩ lại hăng giọng:

- Hỡi những người anh em và chị em, – lão cất tiếng kêu gọi bằng tiếng Farsi, giọng oang oang khắp sân vận động. – Chúng ta đến đây hôm nay để thực hiện Shari'a[126]. Chúng ta đến đây hôm nay để thực hiện công lý. Chúng ta hôm nay tới đây vì ý muốn của Đức Allah, và lời phán bảo của Đấng tiên tri Muhammad, cầu cho Người được bình yên, sống mãi và bằng an ở đây, Afghanistan quê hương yêu dấu của chúng ta. Chúng ta lắng nghe những gì Thượng đế phán, và chúng ta vâng lời người, bởi vì chúng ta chẳng là cái gì ngoài việc là những sinh linh hèn hạ, bất lực trước sự vĩ đại của Thượng đế. Và Thượng đế bảo sao? Ta hỏi các người đây! THƯỢNG ĐẾ PHÁN BẢO SAO? Thượng đế phán bảo mọi kẻ mắc tội đều phải bị trừng phạt xứng đáng với tội lỗi của hã. Đấy không phải lời lẽ của ta, cũng không phải lời lẽ của những người anh em của ta. Đấy là những lời phán bảo của THƯỢNG ĐẾ. – Giáo sĩ chỉ bàn tay không cầm micro lên trên trời. Đầu tôi như đang có cái gì đập thình thình bên trong. Mặt trời dường như quá nóng.

- Mọi kẻ mắc tội phải bị trừng phạt thích đáng với tội lỗi của nó. – Viên giáo sĩ nhắc lại vào micro, giọng hạ xuống, phát âm rành mạch từng từ một, thong thả và rất kịch. – Và trừng phạt như lúc nào cho xứng đáng với tội ngoại tình, hỡi các anh em, chị em. Chúng ta sẽ trừng phạt kẻ làm

nhớ bản tính thiêng liêng của hôn nhân lúc nào đây? Chúng ta sẽ phải xử lý thế nào, kẻ dám nhổ vào mặt Thượng đế? Chúng ta sẽ trả lời những kẻ ném đá vào cửa sổ ngôi nhà của Thượng đế như thế nào? CHÚNG TA SẼ NÉM ĐÁ TRẢ LẠI!

Giáo sĩ tắt micro. Một tiếng xì xào khe khẽ lan khắp đám đông.

Bên cạnh tôi, Farid đang lắc đầu lẩm bẫm:

- Thế mà chúng dám tự nhận là tín đồ Hồi giáo.

Rồi một gã đàn ông cao lớn vai rộng bước ra khỏi chiếc xe tải hạng nhẹ. Bộ dạng của hắn cũng gây được những tiếng hoan hô của vài ba khán giả. Lần này, không ai bị vụt vì reo lên quá to. Bộ quần áo trắng sáng chập chờn trong ánh nắng chiều, mép áo sơ mi rộng của hắn phập phồng trong gió nhẹ, hai cánh tay hắn giang ra như hai cánh tay Jesus trên thánh giá. Hắn từ từ quay người đủ một vòng để chào đám đông. Khi hắn đối mặt với phần khán đài chúng tôi, tôi thấy hắn đeo một đôi kính râm tròn đen như đôi kính của John Lennon.

- Chắc hắn là người chúng ta cần gặp, – Farid nói.

Gã Talib cao lớn đeo kính râm đen bước lại đóng đá mà chúng bốc dỡ trên chiếc xe tải thứ ba xuống. Hắn nhặt một hòn lên và giơ cho quần chúng xem. Tiếng ồn xẹp xuống, thay vào là tiếng xôn xao lan khắp sân vận động. Tôi nhìn quanh tôi, thấy ai cũng đang phì ra tiếng xì. Gã Talib giống một cách kỳ cục cầu thủ ném bóng chày trên ụ đất, ném mạnh hòn đá vào người đàn ông bịt mắt trong cái hố. Hòn đá trúng vào bên cạnh đầu. Người đàn bà lại kêu thét lên. Quần chúng giật mình kêu “Ồi!” Tôi nhắm mắt lại lấy hai tay che mặt. Tiếng khán giả kêu”Ồi” hoà nhịp với mỗi lần đá văng đi, cứ thế tiếp tục trong một lúc lâu. Khi họ dừng lại, tôi hỏi Farid liệu đã xong chưa. Anh ta bảo chưa. Tôi đoán là cổ họng mọi người đã khản hết. Tôi không biết tôi ngồi hai tay ôm mặt như thế bao lâu. Tôi chỉ biết tôi lại mở mắt ra khi mọi người xung quanh tôi hỏi: Mord? Mord? Đã chết chưa?

Người đàn ông trong cái hố lúc này là một đồng giập nát dầm dìa máu me, rách xé tơi tả. Đầu queo xuống phía trước, cắm sọt vào ngực. Gã Talib đeo kính râm đang nhìn xuống một người đàn ông khác ngồi xồm gần cái hố, tay gã tung lên tung xuống một hòn đá. Người đàn ông ngồi xồm, hai tai cắm hai nhánh ống nghe, đầu kia ống nghe áp vào ngực

người đàn ông trong cái hố. Người này rút ống nghe khỏi tai và lắc đầu, bảo chưa với gã Talib đeo kính râm. Quần chúng kêu rên lên.

John Lennon bước trở lại cái ụ đất.

Khi mọi việc đã xong, khi hai cái xác đầm ma máu me đã bị quăng một cách phỉ báng lên phía sau hai chiếc xe tải chở hạng nhẹ – mỗi xác một xe – vài người lấy xẻng lấp hố lại. Một trong số họ phủ qua loa vết máu bằng cách đá đất bắn lên trên. Mấy phút sau hai đội bóng lại ra sân. Hiệp hai bắt đầu.

Cuộc gặp gỡ của chúng tôi được sắp xếp vào ba giờ chiều hôm ấy. Sự nhanh chóng làm tôi ngạc nhiên. Tôi cứ nghĩ phải có thời hạn, ít nhất cũng phải hỏi vòng vo, có lẽ cả kiểm tra giấy tờ của chúng tôi nữa. Nhưng tôi được nhắc cho biết ngay cả những việc công vẫn cứ được giải quyết ngoài cửa công thể nào ở Afghanistan: Tất cả những gì Farid phải làm là bảo một gã Talib cầm roi rằng chúng tôi có một chuyện riêng tư muốn thảo luận với người đàn ông mặc đồ trắng. Farid và gã trao đổi một vài câu. Thế là gã cầm roi gật đầu và quát bằng tiếng Pashtu với một thanh niên trên sân bóng, tên này chạy ngay về phía khung thành phía nam, nơi tên Talib đeo kính râm đang gẫu chuyện với giáo sĩ mặt phúng phính đọc bài thuyết giáo. Cả ba nói chuyện với nhau. Tôi thấy gã đeo kính râm đưa mắt tìm kiếm xem ai. Gã gật đầu. Nói điều gì đó vào tai người nhắn tin. Gã thanh niên truyền đạt lời nhắn lại cho chúng tôi. Nhất trí. Ba giờ.

Chương 22

Farid cho xe chạy chậm lại trên lối xe vào của một toà nhà lớn ở Wazir Akbar-Khan. Anh ta cho xe đỗ dưới bóng một cây dương liễu rủ ra ngoài tường của khu cư trú hỗn hợp trên phố 15, Sarak-e-Mehmana, Phố Khách. Anh để động cơ chạy số không và chúng tôi ngồi khoảng một phút, nghe tiếng tinh tinh của máy đã mát lại, chẳng ai nói điều gì. Farid xoay người trên ghế ngồi, và mân mê chùm chìa khoá vẫn còn cắm vào công tắc khởi động. Tôi chắc anh ta đang chuẩn bị nói với tôi một điều gì.

- Tôi cho là tôi nên đợi ông ở trong xe, – cuối cùng anh ta cũng nói, giọng hơi có vẻ xin thứ lỗi. Anh ta không nhìn tôi. – Đây là công việc chính của ông rồi, tôi...

Tôi vỗ vào lưng anh:

- Anh đã làm hơn rất nhiều những gì tôi trả cho anh. Tôi không mong anh đi cùng với tôi.

Nhưng tôi lại mong tôi không phải đi một mình. Bất kể những gì tôi đã học được ở Baba, tôi vẫn mong ông đứng ngay bên tôi lúc này. Baba chắc sẽ phá cổng trước đi vào, yêu cầu được đưa đến người có trách nhiệm, đá vào râu kẻ nào cản đường ông. Nhưng Baba đã chết lâu rồi, và đã được chôn ở khu người Afghan trong một cái nghĩa trang nhỏ ở Hayward. Mới tháng vừa rồi, Soraya và tôi còn đặt một bó cúc trắng và hoa lan cạnh mộ chí của ông. Tôi chỉ có mỗi một mình.

Tôi ra khỏi xe, và bước tới cánh cổng trước bằng gỗ cao to. Tôi bấm chuông, nhưng không nghe thấy tiếng reo – vẫn chưa có điện – và tôi phải đập thình thình vào cánh cửa. Một lát sau, tôi nghe thấy những giọng nói cộc cằn, ở bên kia cánh cổng, và hai người đàn ông xách súng Kalashnikov ra mở cửa. Tôi liếc nhìn về phía Farid đang ngồi trong xe, miệng mấp máy không thành tiếng, tôi sẽ trở lại, nhưng không chắc mấy tôi sẽ quay lại.

Gã đàn ông đeo súng lục soát tôi từ đầu đến chân, vượt chân, sờ nắn đũng quần tôi. Một trong hai tên nói với nhau bằng tiếng Pashtu, và cả hai cùng cười thầm. Chúng tôi bước qua cổng trước. Hai tên lính gác dẫn tôi ngang qua một sân cỏ được cắt tỉa rất cẩn thận, đi qua một hàng hoa

thiên trúc quỳnh và những bụi cây thấp dọc theo tường. Một chiếc máy bơm nước bằng tay ở phía cuối sân. Tôi nhớ ngôi nhà của Kaka Homayoun ở Jalalabad đã bơm nước dưới giếng như thế, hai chị em sinh đôi Fazila và Karima thường cùng tôi ném sỏi xuống để nghe tiếng tõm.

Chúng tôi leo lên vài ba bậc thềm, và đi vào một ngôi nhà rộng lớn trang trí sơ sài. Chúng tôi đi qua tiền sảnh – một lá cờ lớn phủ kín một bức tường – và hai gã lính canh dẫn tôi lên gác, tới một căn phòng có đôi ghế sofa màu xanh bạc hà giống hệt nhau và một tivi màn hình lớn ở góc xa. Một tấm thảm cầu kính đóng đinh ở trên tường trưng ra một thánh địa Mecca nho nhỏ hình chữ nhật. Tên nhiều tuổi hơn lấy nòng súng chỉ về phía chiếc sofa. Tôi ngồi xuống. Chúng rời khỏi căn phòng.

Tôi bắt chéo chân lên nhau. Lại bỏ ra. Ngồi với hai bàn tay vãi mồ hôi trên hai đầu gối. Liệu tư thế đó có làm tôi trông căng thẳng không? Tôi cài hai bàn tay lại với nhau, khẳng định thế lại tệ hơn nên đành khoanh tay trước ngực. Máu giãn giật hai bên thái dương tôi. Tôi cảm thấy cô đơn tuyệt đối. Những ý nghĩ cứ lớn vờn quẩn quanh trong đầu tôi, nhưng tôi không muốn nghĩ chút nào, bởi vì cái phần điềm tĩnh trong tôi biết rằng tất cả những gì tôi loay hoay nguy tạo thật điên rồ. Tôi ở cách xa vợ tôi hàng nghìn dặm và đang ngồi trong căn phòng như một cái xà lim đợi một gã đàn ông mà tôi thấy rõ là kẻ đã giết hai con người cùng ngày hôm đó. Đúng là điên rồ. Còn tệ hại hơn, thật là vô trách nhiệm. Rất có thể tôi sẽ làm cho Soraya trở thành một biwa, một goá phụ ở tuổi ba mươi sáu. Đây không phải mày, Amir – một phần trong con người tôi nói. Mày là kẻ nhát gan. Mày bẩm sinh đã thế rồi. Và như thế đâu có gì là xấu xa bởi vì mày không bao giờ lừa dối bản thân về việc này. Cũng không về việc kia. Hèn nhát không có gì tệ hại chừng nào hèn nhát đi đôi với thận trọng. Nhưng khi một kẻ hèn nhát không còn nhớ mình là ai... cầu Thượng đế cứu rồi hần.

Có một chiếc bàn cà phê bên ghế sofa. Chân bàn kim loại bắt chéo hình chữ X có treo một vòng những quả chuông nhỏ bằng đồng thau cỡ quả óc chó. Tôi đã từng trông thấy một chiếc bàn như thế trước đây. Ở đâu nhỉ? Rồi tôi sực nhớ ra: Trong một hiệu trà đông đúc ở Peshawar, cái đêm tôi đi dạo bộ. Trên bàn có đặt một chiếc bát đựng nho đỏ. Tôi vặt một quả, ném vào miệng. Tôi phải làm cho bản thân tôi bận tâm đến một

điều gì đó, bất cứ điều gì, để làm câm bật tiếng nói trong đầu tôi. Nho ăn ngọt. Tôi ném một quả khác vào miệng, không nhận ra rằng nó có thể là miếng thực phẩm đặc cuối cùng tôi được ăn trong một thời gian dài.

Cửa mở và hai gã đeo súng trở lại, giữa chúng là gã Talib cao lớn mặc đồ trắng, vẫn đeo kính râm John Lennon, trông giống như một lãnh tụ tinh thần Hindu thần bí vai rộng, theo trào lưu Thời đại Mới nào đó.

Hắn ngồi vào một chỗ đối diện với tôi, hai tay đặt lên hai tay ghế. Hắn chẳng nói chẳng rằng một lúc lâu. Chỉ ngồi đó, quan sát tôi, một tay gõ vào bao súng, tay kia xoay xoay những hạt màu ngọc bích của chuỗi hạt cầu kinh. Lúc này hắn mặc áo vest đen ra ngoài áo sơ mi trắng, và đeo một chiếc đồng hồ vàng. Tôi còn nhìn thấy một vết máu khô trên ống tay áo trái. Tôi còn thấy hắn không thay quần áo sau hai vụ hành quyết đầu ngày hôm ấy, như một ám ảnh bệnh hoạn.

Chốc chốc bàn tay tự do của hắn lại huơ lên và những ngón tay mập mạp của hắn lại đập vào cái gì đó trong không khí. Các ngón tay làm những động thái vuốt ve từ tốn, như thể hắn đang mơn trớn một con thú cảnh vô hình. Một trong hai ống tay áo co lại và tôi thấy những vết xăm trên cánh tay, tôi đã từng thấy vẫn những vết đó trên mình đám người vô gia cư sống trong những ngõ hẻm rùng rợn ở San Francisco.

Da hắn xanh xao hơn hai tên kia, gần như tái xám, một hạt mồ hôi nhỏ long lanh trên trán, ngay dưới chiếc khăn đen Hồi giáo. Râu hắn cũng dài đến ngực như những tên khác nhưng nhạt màu hơn.

- Salaam alykum, – hắn nói.
- Salaam.
- Giờ thì cậu có thể bỏ cái trò đó đi rồi, cậu biết không. – Hắn nói.
- Xin lỗi, tôi không hiểu.

Hắn ngoặt lòng bàn tay về phía một trong hai gã vũ trang và ra hiệu. Phrưừừ.

Bất thành linh má tôi đau nhói, tên lính gác đang giật lên giật xuống chòm râu tôi và cười khúc khích. Tên Talib nhăn nhó:

- Một trò khá hay lâu nay tao mới xem đấy. Nhưng tao nghĩ thực ra trò này còn hay hơn nhiều. Mà có thấy thế không? Hắn xoay xoay ngón tay, bật tanh tách, nắm đấm mở ra rồi lại nắm chặt lại:

- Vậy, Inshallah, mà thích trò diễn hôm nay chứ?

- Trò diễn là thế à? – Tôi vừa nói vừa xoa má, hy vọng giọng nói của tôi không phản lại nỗi kinh hoàng đang bùng nổ trong tôi.

- Công bằng xã hội là trò diễn vĩ đại nhất, người anh em ạ. Kịch tính. Căng thẳng hồi hộp. Và, hay nhất là giáo dục tập thể.

Hắn lại bật ngón tay.

Tên trẻ hơn trong hai tên lính gác châm một liều thuốc cho hắn. Tên Talib cười, lăm bắm một mình. Hai bàn tay nó rung rung và gần như đánh rơi liều thuốc:

- Nhưng mà muốn một trò diễn thực sự, phải cùng tao ở Mazar. Tháng Tám năm 1998, thế đó.

- Tôi xin lỗi không hiểu.

- Chúng tao bỏ chúng cho lũ chó, mà biết chứ. Tôi hiểu hắn đang định đi tới đâu.

Hắn đứng phắt lên, bước quanh sofa một vài bước. Rồi lại ngồi xuống. Nói liến thoắng:

- Chúng tao đi từ nhà này sang nhà khác, tập trung bọn đàn ông và lũ con trai lại. Chúng tao bắn ngay ở đó trước mặt gia đình chúng. Để chúng hiểu. Để chúng nhớ chúng là ai, chúng thuộc về đâu.

Lúc này hắn gần như hỗn hển:

- Đôi khi chúng tao phá cửa nhà bọn chúng, xông thẳng vào trong nhà. Và... tao... tao quét nòng súng máy của tao khắp quanh phòng và bắn, bắn cho đến khi khói mờ mắt tao.

Hắn ngả người về phía tôi, như một người định thổ lộ một bí mật lớn.

- Mà không biết ý nghĩa của từ “giải phóng” cho đến khi mà làm xong chuyện đó, đứng trong một căn phòng đầy những mục tiêu, để cho đạn bay, không cảm thấy tội lỗi và cắn rứt, hiểu rõ mình là đức hạnh, tốt, và đứng đắn. Biết được mình đang làm công việc của Thượng đế giao cho. Thật đáng kinh ngạc.

Hắn hôn chuỗi hạt và ngoẹo đầu.

- Mà nhớ chuyện đó chứ, Javid?

- Vâng, Agha sahib, – tên trẻ hơn đáp lại. – Làm sao tôi có quên được?

Tôi đã được đọc về cuộc tàn sát tập thể người Hazara ở Mazar-i-sharif trên báo chí. Nó xảy ra ngay sau khi bọn Taliban chiếm Mazar, một trong

những thành phố cuối cùng bị thất thủ. Tôi vẫn nhớ Soraya đưa cho tôi bài báo đó vào lúc ăn sáng, mặt nhợt không còn hạt máu.

- Từ nhà này sang nhà khác, chúng tao chỉ nghỉ để ăn và cầu kinh, – tên Taliban nói. Hãn nói một cách thích thú, như người đang kể về việc mình đã tham dự một phần lớn vào câu chuyện. – Chúng tao để xác chúng trên đường phố và nếu gia đình chúng cố lên ra để lôi chúng trở lại trong nhà chúng tao đã bắn nốt cả bọn này. Chúng tao để xác chúng trên đường phố trong nhiều ngày. Chúng tao để chúng cho chó ăn. Thịt chó cho chó. – Hãn bóp nát điều thuốc. Day mắt bằng hai bàn tay run run. – Mà ở Mỹ về?

- Vâng.

- Độ này, con điếm ấy thế nào? Tôi bắt chọt muốn vải dái. Tôi cầu mong mọi sự sẽ qua đi.

- Tôi đang tìm một thằng bé.

- Không phải đứa nào cũng được chứ? – Hãn nói. Hai tên đeo súng Kalashnikov cười. Răng chúng màu vàng thuốc lá naswar[127].

- Tôi biết nó ở đây, với ông, – tôi nói. – Tên nó là Sohrab.

- Tao sẽ hỏi mày một điều: Mày đang làm gì với con điếm đó? Tại sao mày không ở đây, cùng với những người anh em Hồi giáo, phục vụ đất nước mày?

- Tôi đã đi xa lâu lắm rồi, – tôi chỉ nghĩ nổi để nói thế. Đầu tôi cảm thấy quá nóng. Tôi ép chặt hai đầu gối, kìm giữ bóng dái của tôi.

Tên Talib quay về phía hai tên đang đứng ở cửa và hỏi chúng:

- Đây có phải là câu trả lời không?

- Không, thưa Agha sahib, – chúng thống nhất, vừa đáp vừa tùm tùm cười.

Hãn quay lại nhìn tôi. Nhún vai:

- Không phải câu trả lời. Chúng bảo thế. – Hãn nhả ra một hơi thuốc. – Có những người trong nhóm của tao ở đây tin rằng, bỏ watan[128] khi nó cần mày nhất cũng cùng một giuộc phản bội. Tao có thể bắt giữ mày về tội phản bội, và cả bắn mày về tội đó nữa. Việc đó có làm mày sợ không?

- Tôi chỉ đến đây tìm thằng bé.

- Việc đó có làm mày sợ không?

- Sợ.

- Có thể chứ, – hẳn nói. Hẳn ngả lưng vào chiếc ghế sofa. Bóp nát điều thuốc.

Tôi nghĩ về Soraya. Như thế làm tôi trấn tĩnh. Tôi nghĩ tới vết chàm hình lưỡi liềm của nàng, đường cong thanh tao ở cổ nàng, đôi mắt ngời sáng của nàng. Tôi nghĩ về cái đêm cưới của chúng tôi, nhìn vào hình nhau trong gương dưới tấm khăn che màu xanh lục, và má nàng đỏ bừng lên như thế nào khi tôi nói yêu nàng. Tôi vẫn nhớ hai chúng tôi nhảy theo một bài ca Afghan cổ, lượn đi lượn lại, mọi người xem và vỗ tay, một thế giới mờ mờ những hoa, những váy áo, những bộ lễ phục, và những khuôn mặt tươi cười.

Tên Talib đang nói cái gì đó.

- Xin lỗi?

- Tao bảo mày có muốn thấy nó không? Mày có muốn thấy thằng bé của ta không? – Môi trên hẳn cong lên thành một tiếng cười khẩy, khi nói đến hai từ thằng bé.

- Có. Tên lính gác rời khỏi phòng. Tôi nghe thấy tiếng cọt kẹt của cánh cửa lắc lư mở ra. Nghe thấy tên lính gác nói gì bằng tiếng Pashtu, bằng một giọng cứng rắn. Rồi tiếng chân, tiếng vòng nhạc leng keng cùng mỗi bước đi. Nó nhắc tôi nhớ tới người làm xiếc khi mà Hassan và tôi thường đuổi theo, xuống tận Shar-e-Nau. Chúng tôi thường trả hẳn một đồng rupia để xem một điệu múa. Chiếc chuông quanh cổ con khi cũng kêu leng keng như thế này. Rồi cửa lại mở ra và tên lính gác bước vào. Gã mang theo một máy stereo – một máy radio cát-xét lớn – trên vai. Phía sau hẳn, một đứa bé trai mặc áo choàng pirhan-tumban rộng màu xanh xaphia đi theo.

Giống nhau đến sững sờ. Đến độ lầm lẫn. Tấm ảnh Polaroid của chú Rahim Khan đã không được công bằng.

Thằng bé có cái mặt tròn như mặt trăng giống bố, chiếc cằm nhọn, hai tai xoắn như ốc biển và cũng vẫn thân hình nhẹ nhõm. Bộ mặt búp bê Tàu của tuổi thơ tôi, bộ mặt chăm chú bên trên những quân bài bạc màu suốt những ngày mùa đông, bộ mặt đằng sau chiếc màn chống muỗi, khi chúng tôi ngủ trên mái nhà của Baba vào mùa hè. Đầu nó cũng cạo trọc, mắt nó đen sẫm màu chì tô, và hai má đỏ rực khác thường. Khi nó dừng

lại ở giữa phòng, những chiếc chuông nhạc đeo quanh mắt cá chân cũng ngừng leng keng.

Mắt nó nhìn tôi. Nấn ná mãi. Rồi nhìn đi chỗ khác. Nhìn xuống đôi chân trần của nó. Một trong hai tên lính gác ấn nút và nhạc Pastu tràn ngập căn phòng. Trống vỗ, đàn harmonium, tiếng the thé của dilroba[129]. Tôi cho là âm nhạc không đặc tội chừng nào nó vẫn còn lọt lỗ tai bọn Taliban. Cả ba tên đều vỗ tay:

- Wah wah! Mashallah! – Chúng reo lên hoan hô.

Sohrab giơ hai cánh tay lên và từ từ quay người. Nó đứng kiểng trên ngón chân, quay quay một cách duyên dáng, hạ mình xuống gối, lại thẳng người lên, rồi lại quay tiếp. Hai bàn tay bé nhỏ xoay xoay trên cổ tay, những ngón tay bật tanh tách, và cái đầu lắc lư bên nọ qua bên kia như một quả lắc đồng hồ. Hai chân nó giậm xuống sàn nhà, nhạc rung leng keng hoà một cách hoàn hảo với nhịp điệu của tiếng vỗ, mắt nó lim dim nhắm lại.

- Mashallah! – Chúng reo lên. – Shahbas!

Hoan hô! Hai tên lính gác huýt sáo và cười. Tên Talib mặc đồ trắng gật gù theo điệu nhạc, miệng hơi há ra trong một vẻ dâm dật.

Sohrab nhảy theo một vòng tròn, mắt nhắm lại, nhảy cho đến khi nhạc dừng. Những chiếc chuông nhạc reo lên một lần cuối, khi nó giậm mạnh chân cùng với nốt nhạc cuối cùng của bài ca. Rồi nó đứng sững lại trong nửa vòng quay.

- Bia, bia[130], cậu bé của ta, – tên Talib vừa nói vừa gọi Sohrab lại chỗ hẳn.

Sohrab đi đến cho hẳn, đứng giữa hai đùi hẳn, đầu cúi xuống. Tên Talib ôm hai cánh tay quanh thẳng bé.

- Nó múa mới tài chứ, đúng không, thẳng con trai Hazara của ta.

Hai tay nó vuốt từ lưng thẳng bé xuống rồi lại vuốt lên đến dưới hai nách. Một trong hai tên gác huých tên kia và cười rúc rích. Tên Talib bảo chúng đi ra để mặc chúng tôi.

- Vâng, thưa Agha sahib, – chúng vừa nói vừa đi ra.

Tên Talib quay thẳng bé lại để đối mặt với tôi. Nó khoá hai cánh tay quanh bụng Sohrab, tì cằm lên vai thẳng bé. Sohrab nhìn xuống chân

nhưng vẫn lén liếc nhìn tôi, ngượng ngùng, trốn tránh. Tay gã đàn ông vướn lên vướn xuống bụng thẳng bé, lên rồi lại xuống, từ từ, dịu dàng.

- Dẫu sao tao vẫn cứ thắc mắc. – Tên Talib nói. – Đôi mắt vằn đỏ của nó chăm chăm nhìn tôi qua vai của Sohrab. – Đại khái đã có chuyện gì xảy ra với Balabu già?

Câu hỏi giáng một nhát búa vào giữa hai mắt tôi. Tôi cảm thấy không còn một chút sắc diện. Hai chân tôi lạnh toát. Chết điếng.

Hắn cười:

- Mày nghĩ thế nào? Nghĩ mày đeo râu giả vào và tao sẽ không nhận ra mày ư? Về điểm này, tao cược với mày là mày chẳng bao giờ hiểu nổi tao cả. Tao chẳng bao giờ quên một khuôn mặt. Không bao giờ.

Hắn cọ môi vào tai Sohrab, mắt vẫn không rời tôi.

- Tao nghe nói cha mày chết rồi. Xì – xì. Tao vẫn luôn luôn muốn đánh cuộc với ông ấy. Xem ra tao sẽ phải giải quyết mọi chuyện cho đứa con trai bạc nhược của ông ấy.

Nói rồi hắn bỏ kính râm ra, và găm đôi mắt xanh vằn máu vào mắt tôi. Tôi cố thở mà không thở được. Tôi cố chớp mắt mà không chớp được. Khoảnh khắc như siêu thực – Không, không siêu thực mà vô lý – nó làm cho tôi không thể thở được nữa, nó đem thế giới quanh tôi đến một nơi tắc nghẽn. Mặt tôi nóng bừng. Câu ngạn ngữ cổ về đồng xu tòi[131] như thế nào nhỉ? Quá khứ của tôi cũng giống thế, luôn luôn lật đi lật lại. Tên hắn nhô lên từ một nơi sâu thẳm mà tôi không muốn nói tới, như thể gọi tên hắn thì có thể cầu hồn hắn tới. Nhưng hắn đã ở đây rồi bằng xương bằng thịt, ngồi cách tôi không đầy một mét rưỡi, sau bao năm rông ấy. Tên hắn thoát ra khỏi đôi môi tôi: “Assef”.

- Amir jan.

- Anh đang làm gì đây? – Tôi nói, biết hoàn toàn đại dột đi hỏi như thế, tuy vậy không thể nghĩ được điều gì khác để nói.

- Tao ư? – Assef nhú lông mày. – Tao thích làm gì thì làm thôi. Câu hỏi phải là mày định làm gì ở đây?

- Tôi đã nói với anh rồi. – Tôi nói. Giọng tôi run lên. Tôi mong sẽ không run như thế, mong thịt tôi đừng rời rụng khỏi xương tôi.

- Thẳng bé?

- Vâng.

- Tại sao?

- Tôi sẽ trả anh tiền để chuộc nó, – tôi nói. – Tôi có thể chuyển tiền qua ngân hàng.

- Tiền ư? – Hãn bật cười. – Mà đã bao giờ được nghe nói về Rockingham chưa? Miền Tây nước Úc, một mảnh thiên đường. Mà nên thấy nơi ấy. Hàng dặm, hàng dặm bãi biển. Nước xanh biếc. Bầu trời trong xanh. Bố mẹ tao sống ở đây, một biệt thự trước bãi biển. Có cả một sân golf sau biệt thự và một hồ bơi nhỏ. Ngày nào bố tao cũng chơi golf. Mẹ tao, bà thích quần vợt hơn. Bố tao bảo, bà có quả vợt trái phù thủy. Họ sở hữu một tiệm ăn Afghan và hai cửa hàng đá quý. Cả hai ngành kinh doanh này là để làm cảnh thôi.

Hãn vạt một quả nho âu yếm bỏ vào miệng Sohrab.

- Vậy nếu tao cần tiền, tao sẽ bảo họ chuyển theo ngân hàng cho tao.

Hãn hôn vào bên cạnh cổ Sohrab. Thằng bé hơi ngại ngùng một chút và lại nhắm mắt lại.

- Và lại tao không chiến đấu chống bọn Shorawi vì tiền. Cũng không tham gia Taliban vì tiền. Mà có muốn biết tại sao tao tham gia vào bọn họ không?

Đôi môi đã khô. Tôi liếm môi và thấy lưỡi tôi cũng khô.

- Mà có khát không? – Assef vừa hỏi vừa cười một cách tự mãn.

- Không.

- Tao nghĩ mà đang khát đấy.

- Tôi không sao, – tôi nói. Sự thật là, tôi cảm thấy căn phòng bất chợt quá nóng. Mồ hôi vã ra các lỗ chân lông của tôi, làm nhói buốt da tôi. Và có phải điều này đang thực sự xảy ra không? Có phải tôi đang thực sự ngồi đối diện với Assef không?

- Tùy mà, – hãn nói. – Dẫu sao chẳng nữa, tao đã từng ở đâu nhỉ? Ồ, phải, tao đã tham gia Taliban như thế nào. Ồ, như mà nhớ đấy, tao không phải hạng thích tôn giáo lắm. Nhưng một hôm tao trải qua ngày lễ mang quà cho chúa Hài đồng Jesu ở Bethlehem. Tao trải qua ở trong nhà lao. Mà có muốn nghe không đấy?

Tôi không nói gì.

- Được. Tao kể cho mà vậy, – hãn nói. – Tao trải qua một thời gian ở trong tù, tại Poleh-Cherkhi, đúng sau khi Babrak Karmal[132] năm

quyền năm 1980. Tao ở đó được một đêm, khi toán lính Parchami[133] rầm rập tiến vào nhà tao, gí súng ra lệnh cho cha tao và tao đi theo chúng. Lũ chó đẻ chẳng đưa ra một lý do gì, và cũng chẳng thèm trả lời những câu hỏi của mẹ tao. Đó cũng chẳng phải là một chuyện ly kỳ gì. Ai cũng biết bọn cộng sản không có giai cấp. Chúng xuất thân từ những gia đình nghèo khổ vô danh. Vẫn cái lũ chó không đáng liếm giày cho tao trước khi bọn Shorawi đến, lúc này lại đang gí súng ra lệnh cho tao, cờ Parchami trên ve áo chúng, bày tỏ phần nào lòng tin của chúng vào sự sụp đổ của giai cấp tư sản và chúng hành động như thể chúng mới là những kẻ có giai cấp. Khắp nơi đều xảy ra chuyện bắt giữ nhà giàu, tống họ vào nhà lao, nêu gương cho các đồng chí.

Chúng tao bị nhét bừa thành từng nhóm sáu người một vào một xà lim, mỗi cái chỉ bằng cỡ cái tủ lạnh. Đêm nào thằng chỉ huy, cái giống nửa Hazara, nửa Uzbek người ngợm sức mùi lừa thối, cũng lôi một tù nhân ra khỏi xà lim mà đánh cho đến khi mồ hôi ròng ròng xuống cái mặt mẹt của nó mới thôi. Rồi nó thường châm một điếu thuốc lá, bẻ khúc tay và bỏ đi. Đêm hôm sau, nó lại chọn một người khác. Một đêm, nó chọn tao. Không gì có thể tệ hại hơn là chọn tao vào lúc ấy. Tao bị đá ra máu đã ba hôm liền. Sỏi thận. Và nếu mày chưa một lần bị, hãy tin tao khi tao nói đau không thể tưởng tượng nổi. Mẹ tao cũng thường bị thế, và tao nhớ bà một lần đã bảo tao rằng, thà đau đẻ còn hơn là đau sỏi thận. Dẫu sao tao cũng làm gì được nào? Chúng lôi tao ra ngoài và bắt đầu đá tao. Thằng có đôi ủng cao đến gối với mũi ủng bằng thép mà đêm nào nó cũng đi vào để chơi cái trò đá người nho nhỏ ấy. Và nó đá ủng vào người tao. Tao kêu thét rồi lại kêu thét, nhưng nó vẫn đá tao, và thế rồi, bất chợt, nó đá vào bên thận trái tao và sỏi thận trôi ra. Đúng như thế đấy! Ôi, nhẹ cả người. – Assef cười. – Và tao hét lên Allah-u-akhar, và nó lại đá tao mạnh hơn và tao bật cười. Nó điên lên, đá mạnh hơn và nó càng đá mạnh, tao càng cười khoẻ. Nó ném tao trở lại xà lim, tao vẫn cười. Tao vẫn cười và cười mãi, bởi vì bất chợt tao hiểu rằng đó vốn là thông điệp của Thượng đế. Người ở bên tao. Người muốn tao sống có lý tưởng.

Mày biết không, mấy năm sau, tao chạm trán với thằng chỉ huy đó trên một chiến trường – Thượng đế mới khéo giở trò chứ. Tao vợ được nó

trong một chiến hào ngay phía ngoài Meymanah, đang đầm đìa máu với một mảnh đạn ở ngực. Nó vẫn còn đi đôi ủng ấy. Tao hỏi nó liệu nó có còn nhớ tao không. Nó bảo không. Tao bảo nó vẫn cái điều tao vừa bảo với mày ấy, rằng tao không bao giờ quên một bộ mặt. Rồi tao bắn nó bằng một loạt đạn. Từ đó tao đã được trao cho một sứ mạng.

- Sứ mạng gì kiểu đó? – Tôi nghe thấy tôi nói – Ném đá vào những cặp ngoại tình? Vứt roi những người đàn bà đi giày cao gót? Tàn sát người Hazara? Tất cả đều nhân danh Hồi giáo?

Tôi đâu ngờ mình lại bỗng tuôn ra hàng tràng như thế, chẳng kịp kiểm chế nữa. Tôi chỉ mong thu hồi lại những lời nói đó. Nuốt chúng đi. Nhưng chúng đã tuột ra mất rồi. Tôi đã vượt qua ranh giới, và bất kể thế nào, chút hy vọng nhỏ nhoi tôi vẫn mong, sống sót ra khỏi chỗ này đã tiêu tan theo những lời nói đó.

Một cái nhìn ngạc nhiên lướt qua khuôn mặt Assef, rồi lại biến mất ngay.

- Rốt cuộc, tao thấy việc này hoá ra cũng thú, – hãnh cưỡi khẩy nói. – Nhưng có những điều loại phản quốc như mày không hiểu đâu.

- Như điều gì?

Lông mày Assef cau lại:

- Như niềm kiêu hãnh về dân tộc mày, những phong tục của mày, ngôn ngữ của mày. Afghanistan giống như một toà nhà đẹp bừa bãi rác rưởi và ai đó phải loại bỏ rác rưởi đi.

- Đó là những gì anh vẫn đang làm ở Mazar, đi từ nhà này sang nhà khác? Vứt bỏ rác rưởi?

- Đúng như thế.

- Ở Phương Tây người ta có một từ chuyên dùng chỉ việc đó đấy – tôi nói. – Họ gọi đó là kỳ thị chủng tộc.

- Họ gọi thế à? – Mặt Assef rạng rỡ lên. – Kỳ thị chủng tộc. Tao lại thích chuyện ấy. Tao thích âm thanh của những chữ đó.

- Tất cả những gì tôi muốn là thắng bé.

- Kỳ thị chủng tộc. – Assef lẩm bẫm, nhấm nháp từng câu từng chữ.

- Tôi muốn thắng bé, – tôi lại nói. Đôi mắt của Sohrab liếc nhanh sang tôi. Đôi mắt ấy là đôi mắt cừu bị chọc tiết. Chúng cũng có cái màu than đen nhánh. Tôi vẫn nhớ vào ngày lễ Eid qorban[134], ông giáo sĩ trong

sân sau nhà chúng tôi vẫn thường quệt chất bôi đen lông mày lên mắt con cừu và cho nó một thổi đường, trước khi cắt họng nó. Tôi nghĩ tôi thấy được sự cầu xin trong đôi mắt của Sohrab.

- Nói cho tao biết tại sao. – Assef nói. Hấn cắn dải tai của Sohrab giữa hai hàm răng hấn. Nhả ra. Những hạt mồ hôi lăn từ lông mày hấn xuống.

- Đó là việc riêng của tôi.

- Mày muốn làm gì với nó? – Hấn nói. Rồi nở một nụ cười bẽn lễn. – Hoặc cho nó.

- Chuyện đó thật tởm lợm, – tôi nói.

- Mày đã biết thế nào chưa? Mày đã thử chưa?

- Tôi muốn đem nó đến một nơi tốt đẹp hơn.

- Nói cho tao biết tại sao.

- Đó là việc riêng của tôi, – tôi nói. Tôi không biết điều gì đã làm tôi bạo dạn lên đến mức cộc cằn như thế, cũng có thể là bởi tôi nghĩ rằng nào tôi cũng sắp chết.

- Tao lấy làm lạ, – Assef nói. – Tao không hiểu tại sao mày lại đi bao nhiêu đường đất, Amir, đi cả một chặng đường dài như thế vì một thằng Hazara? Tại sao mày lại về đây? Thực ra tại sao mày lại tới đây?

- Tôi có những lý do của tôi, – tôi nói.

- Vậy thì rất tốt, – Assef nói và cười mỉa. Hấn đẩy mạnh vào lưng Sohrab, xô thằng bé vào cái bàn. Hông của Sohrab đập vào bàn, làm lật ngửa cái bàn lên và nho đổ ra ngoài. Nó ngã đè lên nho, trước hết là mặt rồi đến áo sơ mi đều tím đỏ nước nho. Chân bàn, bắt chéo qua vòng chuông đồng, lúc này chìa lên trần.

- Vậy, mang nó đi, – Assef nói. Tôi giúp Sohrab đứng dậy, phải đi những miếng nho giập nát bám vào quần nó như những con hà bám vào chân cầu tàu biển.

- Mang nó đi, xéo, – Assef vừa nói vừa chỉ ra cửa.

Tôi cầm lấy tay của Sohrab. Bàn tay nhỏ bé, da khô và chai lì. Những ngón tay của nó ngọ nguậy lồng vào những ngón tay tôi. Tôi lại nhìn thấy Sohrab trong tấm ảnh Polaroid, cung cách hai cánh tay nó ôm lấy chân Hassan, đầu nó tựa vào hông cha nó. Cả hai đều đang mỉm cười.

Tiếng nhạc rung leng keng khi chúng tôi bước qua căn phòng. Chúng tôi đã đến sát cửa.

- Tất nhiên, – Assef nói phía sau chúng tôi. – tao quên không bảo mày, mày không thể mang nó đi miễn phí.

Tôi quay lại:

- Anh muốn gì?

- Mày phải giành được nó.

- Anh muốn gì?

- Chúng ta, mày và tao, còn có một chuyện chưa thanh toán, – Assef nói. – Mày vẫn nhớ chứ, có nhớ không?

Nó không cần phải lo. Tôi sẽ chẳng bao giờ quên được, cái ngày sau khi Daoud Khan lật đổ nhà vua. Cả cuộc đời trưởng thành của tôi, bất cứ khi nào tôi nghe thấy cái tên Daoud Khan, tôi lại như thấy Hassan đang chĩa súng cao su vào mặt Assef, Hassan đang nói rằng mọi người sẽ bắt đầu phải gọi nó là thằng Assef Một-mắt thay cho Assef Ăn-Tai. Tôi vẫn nhớ, tôi đã từng thèm muốn lòng dũng cảm của Hassan như thế nào. Assef phải quay bước và giao hẹn cuối cùng sẽ gặp lại chúng tôi. Nó đã giữ lời hẹn đó với Hassan. Bây giờ đến lượt tôi.

- Được thôi, – tôi nói, cũng chẳng còn biết phải nói thế nào khác nữa. Tôi không đến mức phải cầu xin, thì chỉ còn mỗi cách làm dịu khoảnh khắc này đối với hắn.

Assef gọi hai thằng lính gác quay lại căn phòng và nói với chúng:

- Tao muốn chúng mày hãy nghe kỹ ta nói đây. Một lát nữa tao sẽ đóng cửa lại. Rồi nó và tao sẽ thanh toán một chuyện nhỏ cũ. Bất kể chúng mày nghe thấy gì, cũng không được vào. Có nghe rõ tao nói không? Không được vào!

Bọn gác gật đầu. Hết nhìn Assef lại nhìn tôi:

- Vâng, thưa Agha sahib.

- Khi mọi việc đã xong, chỉ một trong hai chúng tao sẽ bước ra khỏi căn phòng này, – Assef nói. – Nếu là nó, vậy là nó đã giành được tự do của nó, và chúng mày để cho nó đi. Chúng mày hiểu chứ?

Tên lính gác nhiều tuổi hơn rê rê chân:

- Nhưng Agha sahib...

- Nếu là nó, để cho nó đi! – Assef hét lên.

Hai tên kia ngần ngại nhưng lại gật đầu. Chúng quay bước. Một trong hai đưa đến sát Sohrab.

- Cứ để nó ở đấy, – Assef nói. Hãn nhản nhở. – Để cho nó xem. Những bài học là việc tốt đối với những thằng bé.

Bọn gác rời khỏi đó. Assef đặt chuỗi hạt cầu kinh của hãn xuống. Sờ lên túi ngực chiếc áo vest đen. Những gì hãn moi ra khỏi chiếc túi đó không làm tôi ngạc nhiên chút nào: hai quả đấm bằng thép không gỉ.

Ông ta tóc chải gôm và có bộ ria Clark Gable[135] trên đôi môi dày. Gôm thấm qua chiếc mũ giấy phẫu thuật màu xanh, tạo ra một vết sẫm màu hình châu Phi. Tôi nhớ như thế về ông ta. Nhớ chuỗi dây chuyền vàng có tượng Thánh Allah quanh chiếc cổ ngăm đen của ông ta. Ông ta đang nhìn sát xuống người tôi, nói rất nhanh bằng thứ tiếng gì đó tôi không hiểu, hình như tiếng Urdu. Đôi mắt tôi cứ nhìn theo quả hầu ông ta nhô lên nhô xuống, và tôi muốn hỏi xem, ông ta bao nhiêu tuổi quá chừng, ông ta còn quá trẻ, giống như một diễn viên trong phim lá cải nước ngoài nào đó trên vô tuyến, nhưng tất cả những gì tôi lúng búng nói được là: Tôi nghĩ, tôi đã đánh nhau với hãn một trận tuyệt hay.

Tôi nghĩ tôi đánh một trận tuyệt hay với hãn.

Tôi không biết liệu tôi có đánh với Assef một trận thật tuyệt hay hay không. Tôi không nghĩ là tôi đã làm được như thế. Làm sao tôi có thể cơ chứ? Đó là lần đầu tiên tôi đánh nhau với người khác. Ngay cả đến việc thụi ai một quả, cả đời tôi, tôi cũng chẳng bao giờ làm nổi.

Ký ức về trận đánh nhau với Assef thật sinh động lạ thường theo nhiều giai đoạn. Tôi nhớ Assef vặn to nhạc lên trước khi đeo quả đấm thép vào. Tắm tắm để quỳ, tắm tắm Mecca đan hình chữ nhật, tuột một bên khỏi tường quàng lên đầu tôi bụi bay ra làm tôi hắt hơi. Tôi nhớ Assef ép nho lên đầu tôi, hãn gặm gừ nghiến răng, và nhe hết răng ra sáng bóng, đôi mắt vằn máu của hãn long lên. Chiếc khăn tu-ban của hãn trễ xuống để tuột ra những mảng tóc uốn cong màu hung đỏ dài xuống tận vai.

Và kết cục, tất nhiên. Tôi vẫn còn nhìn thấy một cách hoàn toàn rõ ràng. Tôi sẽ mãi mãi nhìn thấy.

Chủ yếu, tôi nhớ việc này: Hai quả đấm thép của hãn loé lên trong ánh trời chiều. Máy quả đấm đầu tiên cảm thấy nó lạnh biết chừng nào và chúng nhanh chóng nóng lên bằng máu tôi biết mấy. Bị lạng người vào tường, một chiếc đinh nơi một khung tranh có thể từng được treo đâm vào lưng tôi. Sohrab kêu thét lên. Trống vỗ, phong cầm, chiếc dilroba. Bị

văng mạnh vào tường. Hai quả đấm thép đấm vỡ xương hàm tôi. Những cái răng chèn vào họng, nuốt chúng, nghĩ về vô số thời gian tôi đã tiêu tốn để đánh răng, chải răng. Bị văng mạnh vào tường. Nằm lăn trên sàn nhà, máu từ môi trên bị rách toác ra vấy lên tấm thảm màu hoa cà, cơn đau lan rất nhanh khắp bụng tôi, và tự hỏi không biết từ khi nào lại có thể thở được. Tiếng xương sườn tôi răng rắc như những cành cây Hassan và tôi thường bẻ để đấu gươm, như chàng Sinbad trong những phim cổ. Sohrab kêu thét. Một bên mặt tôi bị đập mạnh vào góc chiếc tivi đứng, lại một tiếng gãy rắc nữa. Lần này ngay dưới mắt trái tôi. Tiếng nhạc. Sohrab kêu thét.

Những ngón tay túm lấy tóc tôi, kéo ngửa đầu tôi ra sau, ánh thép không gỉ lấp lánh. Chúng xông tới kìa. Lại thêm tiếng gãy rắc nữa, lần này là mũi tôi. Nhịn đau, để ý xem răng tôi không còn thẳng hàng như trước ra sao. Lại bị đá. Sohrab kêu thét.

Tôi không biết đến mức nào tôi bật cười, nhưng tôi đã bật cười. Đau đến bật cười, đau hai hên hàm, xương sườn, cổ họng tôi. Và tôi càng cười khoẻ, hẳn càng đá tôi khoẻ, đấm tôi, cào cấu tôi.

- GÌ MÀ CƯỜI KHỎE THẾ? – Assef vẫn gầm lên cùng mỗi quả đấm.

- GÌ MÀ VUI ĐẾN THẾ? – Assef rống lên, lại một xương sườn nữa răng rắc. Lần này thấp hơn.

Chuyện vui thế ấy là vì lần đầu tiên kể từ mùa đông năm 1975 tôi cảm thấy thư thái. Tôi cười bởi tôi cảm thấy điều đó, trong một cái xô xỉnh hẻo lánh ở một góc tâm trí tôi, tôi vẫn từng mong mỏi nó. Tôi vẫn nhớ cái ngày trên đồi, tôi đã ném những quả lựu túi bụi vào Hassan và cố khiêu khích cậu. Cậu chỉ đứng đó, không làm gì, nước lựu đỏ thấm đẫm áo sơ mi của cậu như máu. Rồi cậu đã giật một quả lựu từ tay tôi, nghiền nát nó vào trán mình. Bây giờ cậu đã thoả mãn chưa? Cậu rít lên. Có cảm thấy dễ chịu hơn không? Tôi đã không được hạnh phúc, và đã không cảm thấy dễ chịu hơn, không một chút nào. Nhưng bây giờ thì tôi đã hạnh phúc và dễ chịu hơn. Thân thể tôi gãy nát – mãi sau này tôi mới phát hiện ra mình bị thương nặng đến mức nào. – Nhưng tôi cảm thấy đã lành. Cuối cùng lành bệnh. Tôi cười.

Rồi thì kết cục. Chuyện ấy, tôi sẽ mang xuống mồ. Tôi vẫn nằm trên mặt đất, cười mãi, Assef ngồi giàng hai chân trên ngực tôi, mặt hấn, một

cái mặt nạ đen rờ, được đóng khung bằng những mớ tóc rối tung của hăn lắc lư sát gần vào mặt tôi. Bàn tay không đeo quả đấm thép của hăn khoá quanh họng tôi. Tay kia, cái tay đeo quả đấm thép giờ thẳng lên trên vai hăn. Hăn giờ nắm đấm cao hơn nữa, định đấm tiếp. Rồi, một giọng nói nhỏ nhẹ:

- Bas. Thôi đi. Cả tôi và hăn cùng nhìn.

- Làm ơn, đừng đánh nữa. Tôi nhớ tới một điều gì đó ông giám đốc trại mồ côi đã nói khi ông ra mở cổng cho tôi và Farid. Tên ông là gì nhỉ Zaman phải không? Nó không rời vật đó, ông ấy đã nói thế. Đi đâu nó cũng giắt vào thắt lưng quần nó.

- Đừng đánh nữa.

Hai vệt mascara hoà lẫn nước mắt lăn xuống đôi má Sohrab làm vấy bẩn cả màu hồng. Môi dưới nó run run. Nước mũi chảy ra. Nó quát lên:

- Bas. Thôi.

Tay nó giờ cao hơn vai, giữ miếng da đựng đạn ở cuối mảnh dây cao su được kéo giãn hết mức ra đằng sau. Có một cái gì đó trong miếng da, một vật gì sáng sáng và màu vàng. Tôi chớp chớp từ trong hốc mắt và nhìn thấy đó là một viên bi đồng từ cái vòng chuông ở đáy bàn. Sohrab chĩa súng cao su vào mặt Assef từ lúc nào.

- Làm ơn, đừng đánh nữa, Agha. – Nó nói, giọng nó khàn khàn và run run. – Không được đánh bác ấy nữa.

Miệng Assef mấp máy không thành lời. Hăn định nói điều gì đó. Rồi dừng lại. Cuối cùng hăn nói:

- Mày nghĩ mày đang làm gì cơ chứ?

- Làm ơn dừng lại, – Sohrab nói, những giọt nước mắt mới ứa ra ngân ngấn trong đôi mắt xanh của nó, hoà lẫn với mascara.

- Bỏ xuống, thằng Hazara, – Assef rít lên. – Bỏ xuống nếu không, những gì tao đang làm với nó sẽ chỉ là vạ tai nếu đem so với những gì tao sẽ làm với mày.

Nước mắt chảy ròng ròng, Sohrab lắc đầu:

- Làm ơn, Agha, dừng lại.

- Bỏ súng cao su xuống.

- Không được đánh bác ấy nữa.

- Bỏ xuống.

- Xin Agha.

- BỎ XUỐNG!

- Bas. Thôi đi.

- BỎ XUỐNG! Assef bỏ họng tôi ra. Lăn xả vào Sohrab.

Súng cao su phụt một cái khi Sohrab thả dây. Thế là Assef kêu thét lên. Nó đặt tay lên chỗ mới chỉ một khoảnh khắc trước thôi mắt trái nó vẫn còn. Máu chảy ra giữa những ngón tay nó. Máu và một chất gì khác nữa, một chất gì trắng và trong như keo. Chất đó được gọi là thủy tinh dịch. Tôi hiểu rõ như vậy. Ta đã được đọc về chất ấy ở đâu đó. Thủy tinh dịch.

Assef lăn lộn trên tấm thảm. Lăn đi lăn lại. Rú lên, tay úp vào cái hốc đầm đìa máu.

- Đi thôi! – Sohrab nói. Nó cầm lấy tay tôi. Giúp tôi đứng dậy. Từng phân một cái cơ thể bị giập nát của tôi đều như rên lên vì đau đớn. Chẳng sau chúng tôi, Assef vẫn rú.

- CÚT! ĐEM NÓ CÚT KHỎI ĐÂY! – Nó hét lên.

Tôi loạng choạng ra mở cửa. Mắt hai tên gác trợn lên khi thấy tôi, và tôi tự hỏi không biết tôi lúc ấy trông như thế nào. Mỗi khi thở bụng tôi lại đau nhói. Một trong hai tên gác nói gì đó bằng tiếng Pashtu, rồi chúng chạy vụt qua chúng tôi vào căn phòng nơi Assef vẫn đang kêu thét “CÚT”.

-Bia. Lại đây. – Sohrab nói, vừa kéo tay tôi. – Đi thôi!

Tôi loạng choạng bước xuống hành lang, bàn tay nhỏ bé của Sohrab trong tay tôi. Tôi ngoảnh lại đằng sau nhìn lần cuối cùng. Hai tên lính gác xúm lại trên mình Assef, làm gì đó trên mặt nó. Rồi tôi hiểu: Viên bi đồng nhỏ vẫn găm trong cái hốc mắt trống rỗng.

Toàn bộ thế giới chao đảo, bập bênh, đu đưa. Tôi tập tễnh bước xuống bậc thềm, dựa người vào Sohrab. Bên trên, Assef vẫn tiếp tục kêu thét, tiếng kêu của con thú bị thương. Chúng tôi cứ thế đi ra ngoài nơi có ánh sáng, cánh tay tôi quàng lên vai Sohrab, và tôi nhìn thấy Farid đang chạy lại phía chúng tôi.

-Bismillah! Bismillah! Đức Allah phù hộ! – Anh ta nói, đôi mắt trở lên nhìn vào tôi.

Farid quàng cánh tay tôi quanh vai mình và bế tôi lên. Chạy vội, đem tôi về chiếc xe tải. Tôi nghĩ tôi đã kêu rên. Tôi quan sát đôi dép của Farid chạy rầm rập trên mặt đường lát đá, vổ vào đôi gót chân đen nhem chai sạn của anh. Thở cũng đau. Rồi tôi đã đang nhìn lên nóc chiếc Land Cruiser, trong chiếc ghế sau, đệm nhồi màu be sờn rách, lắng nghe tiếng đinh đinh đinh báo hiệu cửa mở, tiếng chạy rầm rập quanh chiếc xe tải, Farid và Sohrab nói với nhau mấy câu gì đó. Cửa xe đóng sập lại và máy nổ. Chiếc xe lao về phía trước, và tôi cảm thấy một bàn tay nhỏ bé trên trán tôi. Tôi nghe thấy tiếng nói trên đường phố, ai đó đang quát tháo, và những hàng cây mờ mờ lướt qua cửa sổ. Sohrab đang thốn thức. Farid thì vẫn đang nhắc lại:

- Bismillah! Bismillah! Đức Allah phù hộ!
Đại khái tôi đã trải qua như thế.

Chương 23

Những khuôn mặt ló qua một lớp sương mù, nấn ná, rồi mờ nhạt đi. Họ chăm chăm nhìn xuống hỏi tôi nhiều câu hỏi. Tôi có biết tôi là ai không? Tôi có đau ở đâu không? Tôi biết tôi là ai và tôi đau ở khắp mọi chỗ. Tôi muốn nói cho họ biết vậy, nhưng nói cũng đau. Tôi biết điều này bởi vì hồi nào đó có thể là một năm, có thể là hai, cũng có thể mười năm rồi, tôi đã cố nói chuyện với một đứa trẻ má hồng, mắt bôi đen. Đứa trẻ. Phải, lúc này tôi thấy nó rồi. Chúng tôi trong một chiếc xe vớ vẩn, đứa trẻ và tôi, và tôi cũng không nghĩ Soraya đang lái xe đi vì Soraya không bao giờ lái nhanh thế này. Tôi muốn nói một điều gì đó với đứa bé, hình như việc tôi nói là rất quan trọng. Nhưng tôi không nhớ, tôi muốn nói gì, hoặc tại sao nó lại quan trọng như thế. Có thể tôi muốn bảo nó đừng khóc nữa, mọi việc bây giờ đều ổn rồi. Cũng có thể không phải. Vì một lý do nào đó tôi không tài nào tưởng nổi, tôi muốn cảm ơn đứa bé.

Những khuôn mặt. Họ đều đội những chiếc mũ xanh. Họ ra ra vào vào để nhìn. Họ nói nhanh, dùng những từ tôi không hiểu. Tôi nghe thấy những giọng nói khác, những tiếng ồn khác, những tiếng còi ô tô và những tiếng còi cấp cứu. Và luôn luôn thêm những khuôn mặt. Chăm chú nhìn xuống. Tôi chẳng nhớ được ai trong bọn họ, trừ cái người tóc chải gồm có bộ ria Clark Gable, cái người có vết hoen hình châu Phi trên mũ. Ngài ngôi sao phim lá cải. Thật tức cười. Lúc này tôi lại muốn cười. Nhưng cười cũng đau.

Tôi lịm đi.

Bà bảo tên bà là Aisha, “giống như vợ nhà tiên tri” ấy. Mớ tóc hoa râm của bà rẽ ngôi giữa và buộc lại đằng sau kiểu đuôi ngựa, mũi bà xuyên một chiếc khuyên giống như mặt trời. Bà đeo kính hai tròng khiến mắt bà như trời ra. Bà cũng mặc đồ xanh và có hai bàn tay mềm mại. Bà thấy tôi nhìn bà và bà mỉm cười. Nói một câu gì đó bằng tiếng Anh. Một cái gì đó đậm mạnh vào cạnh ngực tôi.

Tôi lịm đi.

Một người đàn ông đang đứng bên giường tôi. Tôi biết anh ta. Anh ta ngăm đen và cao gầy, râu cằm dài. Anh đội một chiếc mũ, những chiếc

mũ đó gọi là gì nhỉ? Pakol à? Đội lệch sang bên, như một nhân vật nổi tiếng mà tên tuổi đã tuột khỏi tâm trí tôi rồi. Tôi biết người đàn ông này.

Anh ta lái xe chở tôi đi đâu đó vài năm trước. Tôi biết anh ta. Có cái gì đó không ổn nơi miệng tôi. Tôi nghe thấy một tiếng nhỏ to gì đó.

Tôi lịm đi.

Cánh tay phải tôi rất bông. Người đàn bà đeo kính hai tròng và chiếc khuyên hình mặt trời đang khom người trên cánh tay tôi, gắn một ống nhựa trong lên đó. Bà ta nói, đó là chất “Potassium.” “Nhói một cái như ong đốt thôi, phải không?” Đúng là nhói một cái. Tên bà là gì nhỉ? Cái gì đó có liên quan đến tiên tri. Tôi cũng biết bà từ mấy năm trước. Bà thường buộc tóc kiểu đuôi ngựa. Bây giờ búi ngược lên. Soraya cũng búi tóc như thế lần đầu tiên chúng tôi nói chuyện với nhau. Bao giờ nhỉ? Tuần trước à?

Aisha! Phải rồi.

Có một cái gì đó không ổn nơi miệng tôi. Và cái gì đó đâm mạnh vào ngực tôi.

Tôi lịm đi.

Chúng tôi đang trong dãy núi Sulaiman ở Baluchistan và Baba đang vật nhau với một con gấu đen. Ông là Baba của tuổi thơ tôi, Toophan agha, Ngài Bảo tể, với khổ người cao lớn của dòng giống Pashtun chứ không phải người đàn ông khô héo dưới những tấm chăn, người đàn ông má hõm và mắt trũng. Người và thú, họ lăn xả vào nhau trên một đám cỏ xanh rờn, mớ tóc màu hung uốn cong của Baba tung bay. Con gấu gầm lên, hoặc cũng có thể là Baba. Nước dãi và máu bắn ra. Móng vuốt và bàn tay tát, đâm. Cả hai ngã đánh rầm một cái xuống đất và Baba đang ngồi trên ngực con gấu, những ngón tay ông thọc sâu vào lỗ mũi nó. Ông ngược lên nhìn tôi và tôi hiểu. Ông là tôi. Tôi đang vật con gấu. Tôi tỉnh dậy. Người đàn ông cao gầy, ngăm đen đã trở lại bên giường tôi. Tên anh ta là Farid. Giờ thì tôi nhớ rồi. Đến cùng anh là đứa trẻ trong chiếc xe. Bộ mặt nó nhắc tôi nhớ đến âm thanh của những cái chuông. Tôi đang khát.

Tôi lịm đi.

Tôi vẫn lịm đi rồi lại tỉnh dậy như thế.

Người đàn ông với bộ ria Clark Gable, hoá ra là bác sĩ Faruqi. Ông chẳng phải ngôi sao phim lá cải nào cả, mà là nhà giải phẫu đầu và cổ, đầu tôi vẫn nghĩ, ông là cái gã tên Armand nào đó trong một bộ phim ướm át nào đó được dựng trên một hòn đảo nhiệt đới.

Tôi đang ở đâu? Tôi muốn hỏi. Nhưng miệng tôi vẫn không mở được. Tôi nhăn mặt. Gầm gừ. Armand mỉm cười. Hàm răng sáng trắng.

- Chưa được, Amir, – ông nói. – Nhưng sẽ chóng thôi. Khi nào tháo dây thép ra. – Ông nói bằng tiếng Anh, với một giọng Urdu nặng nề ồm ồm.

Dây thép ư?

Armand khoanh tay, ông có hai cánh tay lông lá và đeo một cái lắc cưới bằng vàng.

- Ông hẳn lấy làm lạ, ông đang ở đâu, chuyện gì đã xảy ra với ông. Như thế là tuyệt đối bình thường, tình trạng hậu phẫu luôn mất phương hướng như thế đấy. Vậy tôi sẽ nói cho ông những gì tôi biết.

Tôi muốn hỏi ông về những dây thép. Hậu phẫu là thế nào? Aisha đâu rồi? Tôi muốn bà ấy mỉm cười với tôi, muốn bàn tay êm dịu của bà ấy trong tay tôi.

Armand cau mày, dựng một bên lông mày lên, làm ra vẻ hơi quan trọng:

- Ông đang trong một bệnh viện ở Peshawar. Ông đã ở đây được hai ngày rồi. Ông đã bị những thương tích rất trầm trọng, Amir, tôi phải nói với ông như vậy. Tôi muốn nói, ông thật may mắn mới sống sót đấy, ông bạn ạ. – Ông xua xua ngón tay trở của ông, như quả lắc đồng hồ khi nói vậy. – Lá lách của lưng bị giập – có lẽ thật may mắn cho ông – chỉ là giập chậm, bởi vì ông có những dấu hiệu xuất huyết sớm trong ổ bụng. Các đồng nghiệp của tôi trong nhóm tổng phẫu phải thực hiện việc cắt bỏ khẩn cấp một phần lá lách. Nếu nó bị vỡ sớm hơn, ông hẳn sẽ bị chảy máu dẫn tới tử vong. – Ông vỗ nhẹ lên cánh tay tôi, cánh tay đang I.V. [136] và mỉm cười. – Ông cũng bị gãy bảy chiếc xương sườn. Một chiếc gãy tràn khí màng phổi.

Tôi cau mặt. Cố mở miệng. Lại nhớ đến những dây thép.

- Có nghĩa là một ca thủng phổi. – Armand giải thích. Ông giật giật cái ống nhựa trong bên sườn trái tôi. Tôi lại cảm ấy vật gì đâm vào ngực. –

Chúng tôi niêm kín cái lỗ thủng đó, bằng cái ống ở ngực này.

Tôi nhìn theo cái ống thọc qua những lớp băng trên ngực tôi dẫn tới một cái bình một nửa là các cột nước. Tiếng sủi tăm sùng sục là từ đó.

- Ông cũng bị nhiều vết rách khác nhau nữa. Nghĩa là những vết cắt. Tôi muốn bảo ông ta tôi hiểu từ đó nghĩa là gì. Tôi là một nhà văn. Tôi định mở miệng. Quên mất những dây thép.

- Vết rách tệ hại nhất là ở môi trên của ông. – Armand nói. – Cú va đập mạnh đã xé đôi môi trên của ông, vết sạch phần chính giữa. Nhưng không lo, các bác sĩ phẫu thuật tạo hình sẽ khâu chúng lại với nhau và họ tin là ông sẽ có một kết quả tuyệt vời, dấu ở đó sẽ là một cái sẹo. Cái đó thì không thể tránh khỏi. Có cả một vết gãy ở ổ mắt trên trái, nghĩa là xương hốc mắt, và chúng tôi cũng phải gắn nó lại. Những dây thép ở hai bên hàm ông khoảng sáu tuần nữa sẽ được tháo ra, – Armand nói liếp. – Cho đến lúc đó chỉ ăn chất lỏng, lắc đầu và bắt tay được thôi. Ông sẽ bị sút cân, và sẽ nói như Al Pacino trong tập đầu bộ phim Bố già ấy, trong ít lâu, – ông ta cười. – Nhưng hôm nay ông có một việc phải làm đây. Ông có biết việc gì không?

Tôi lắc đầu.

- Việc của ông hôm nay là phải thông hơi. Ông phải làm việc đó, chúng tôi mới có thể bắt đầu cho ông ăn chất lỏng được. Chưa đánh răng, chưa được ăn. – Ông ta lại cười.

Lát sau, sau khi Aisha thay dây truyền tĩnh mạch và nâng đầu giường lên như tôi yêu cầu, tôi nghĩ về những gì đã xảy ra với tôi. Giập lách. Gãy răng. Thủng phổi. Vỡ xương hốc mắt. Nhưng trong khi tôi quan sát một con chim câu đang mổ mẩu vụn bánh trên bệ cửa sổ, tôi vẫn nghĩ tới một điều khác mà Armand, bác sĩ Faruqi đã nói: Cú va đập mạnh đã xé đôi môi trên của ông. Ông ta đã nói: Vết sạch phần chính giữa. Vết sạch phần chính giữa. Giống như môi chẻ.

Hôm sau Farid và Sohrab đến thăm.

- Hôm nay, ông có biết chúng tôi là ai không? Ông có nhớ ra không? – Farid hỏi, nửa đùa. Tôi gật đầu.

- Al hamdullellah! – Anh tươi cười nói. – Đừng nói vớ vẩn nữa.

- Cảm ơn, Farid. – Tôi nói qua hai hàm bị chằng kín dây thép. Armand nói đúng, tôi nói giống như Al Pacino trong phim Bố già. Và lưỡi tôi làm

tôi ngạc nhiên mỗi lần nó thọc vào khe trống của những chiếc răng tôi đã nuốt. – Tôi muốn cảm ơn anh. Về tất cả mọi điều.

Anh xoa tay, mặt đỏ lên một chút, và nói:

- Thôi đi. Không đáng cảm ơn đâu.

Tôi quay về phía Sohrab. Nó đang mặc một chiếc áo ngoài mới, một chiếc pirham-tumban màu nâu nhạt có vẻ hơi rộng đối với nó, và đội một mũ chòm đen. Nó đang nhìn xuống dưới chân, mân mê cái dây truyền tĩnh mạch cuộn lại ở trên giường.

- Chúng ta chưa bao giờ được giới thiệu đầy đủ với nhau, – tôi nói và chìa tay ra cho nó. – Bác là Amir.

Nó nhìn xuống tay tôi rồi mặt tôi và hỏi:

- Bác là Amir Agha mà bố đã kể cho cháu?

- Đúng đấy. – Tôi nhớ rõ từng chữ trong bức thư của Hassan. Tôi đã kể rất nhiều về cậu cho Farzana jan và Sohrab, về chúng ta đã lớn lên cùng nhau, cùng chơi các trò chơi và chạy đuổi trên đường phố. Họ cười trước những chuyện về tất cả những trò tinh quái mà cậu và tôi thường gây ra.

- Bác nợ cháu lời cảm ơn, Sohrab jan. – Tôi nói. – Cháu đã cứu sống bác.

Nó không nói gì. Tôi thông tay xuống khi nó không nắm tay tôi. Tôi lúng búng:

- Bác thích bộ quần áo mới của cháu.

- Của con trai tôi đấy, – Farid nói. – Chúng lớn không mặc vừa nữa.

Rất vừa với Sohrab. – Anh bảo Sohrab có thể ở tạm với anh, cho đến khi nào chúng tôi tìm được chỗ cho nó. – Chúng tôi không có nhiều phòng, nhưng tôi làm thế nào được? Tôi không thể để nó lang thang trên đường phố. Và lại, các con tôi có vẻ thích nó, phải không, Sohrab? Nhưng thằng bé vẫn chỉ nhìn xuống, quay quay cái dây.

- Tôi vẫn định hỏi ông, – Farid nói, hơi có vẻ ngần ngại. – Chuyện gì đã xảy ra trong ngôi nhà đó? Chuyện gì đã xảy ra giữa ông và nên Talib ấy?

Tôi nói:

- Ta cứ coi như cả tôi và hẳn đều đáng phải thế.

Farid gật đầu, không hỏi thêm nữa. Tôi chợt nảy ra ý nghĩ là ở đâu đó giữa khoảng thời gian chúng tôi rời Peshawar đi Afghanistan đến giờ này, chúng tôi đã trở thành bạn bè.

- Tôi đang định hỏi một điều nữa.

- Điều gì?

Tôi không muốn hỏi. Tôi sợ câu trả lời.

- Rahim Khan, – tôi nói.

- Ông ấy đã đi rồi.

Tim tôi nảy lên:

- Chú ấy đã...

- Không, chỉ... ra đi thôi.

Farid trao cho tôi một mẫu giấy gấp kín và chiếc chìa khoá nhỏ:

- Chủ nhà đưa cho tôi thứ này khi tôi đến tìm ông ấy. Ông ta bảo Rahim Khan đi khỏi ngôi nhà ngay sau hôm chúng ta rời Peshawar.

- Ông ấy đi đâu?

Farid nhún vai:

- Chủ nhà không biết. Ông ấy bảo, Rahim Khan để lại bức thư và chiếc chìa khoá cho ông rồi bỏ đi.

Farid xem đồng hồ:

- Tôi nên đi thôi, Sohrab.

- Anh có thể để nó lại đây một lúc được không, – tôi nói. – Lát nữa hãy đón nó. – Tôi quay lại phía Sohrab. – Cháu có muốn ở lại đây với bác một lúc không?

Nó nhún vai không nói gì.

- Tất nhiên rồi. – Farid nói. – Tôi sẽ đến đón nó đúng trước giờ cầu kinh buổi tối.

Có ba bệnh nhân khác trong phòng tôi. Hai người đàn ông nhiều tuổi hơn, mỗi người bị cắt bỏ một chân, người kia cò cựa vì hen, và một thiếu niên khoảng mười lăm, mười sáu tuổi mổ ruột thừa. Người bị cắt chân chăm chăm nhìn chúng tôi không chớp, mắt chuyển từ tôi sang thẳng bé Hazara đang ngồi trên chiếc ghế đẩu. Người thân những bạn cùng phòng với tôi – những bà già trong shalwar-kameezes[137] sáng màu, bọn trẻ và người đàn ông đội mũ chòm – ra ra vào vào ầm ĩ cả căn phòng. Họ

mang theo mớip đấng pakoras, bánh naan, bánh samosas[138], cơm biryani[139].

Đôi khi người ta cứ thế lang thang vào trong phòng, như cái người đàn ông cao lớn để râu ấy bước vào ngay trước lúc Sohrab và Farid đến. Ông ra quần một chiếc mền nâu quanh người. Bà Aisha hỏi ông ta điều gì đó bằng tiếng Urdu. Ông ta chẳng thèm chú ý tới bà và đưa mắt nhìn qua căn phòng. Tôi nghĩ ông ta nhìn tôi hơi lâu hơn cần thiết.

Khi bà hộ lý lại hỏi tiếp, ông ta chỉ quay người rồi đi.

- Cháu có khoẻ không? – Tôi hỏi Sohrab. Nó nhún vai, nhìn vào hai bàn tay nó.

- Cháu có đói không? Cái bà kia cho bác một đĩa biryani, nhưng bác không ăn được, – tôi nói. Tôi không biết nói gì khác với nó. – Cháu có muốn ăn không?

Nó lắc đầu.

- Cháu có muốn nói chuyện không?

Nó lại lắc đầu. Chúng tôi ngồi như thế, lặng im trong một lúc, tôi đặt lưng vào hai chiếc gối ở trên giường, còn Sohrab ngồi trên chiếc ghế đầu ba chân gần giường. Tới một lúc, tôi ngủ mất, và khi tỉnh dậy, ánh nắng đã nhạt đi đôi chút, bóng chiều đã dài ra, và Sohrab vẫn còn đứng ngồi cạnh tôi. Nó vẫn nhìn xuống hai bàn tay nó.

Đêm đó, sau khi Farid đón Sohrab đi rồi, tôi bóc thư của chú Rahim Khan. Tôi đã chần chừ việc đọc thư càng lâu càng tốt. Thư viết:

Amir jan.

Inshallah, cháu đã nhận bức thư này một cách an toàn. Chú cầu nguyện chú đã không đẩy cháu vào con đường hiểm nguy và Afghanistan đã không đến nỗi tàn tệ với cháu. Cháu luôn luôn ở trong những lời cầu nguyện của chú từ hôm cháu rời khỏi đây.

Suốt những năm qua cháu đã đúng khi nghi ngờ chú biết. Chú biết hết. Hassan kể lại vắn tắt cho chú sau khi chuyện xảy ra. Những gì cháu đã làm là sai, Amir jan, nhưng đừng quên, cháu chỉ là một thằng bé khi chuyện đó xảy ra. Một thằng bé gặp rắc rối. Cháu quá khắc nghiệt với bản thân cháu, và cháu vẫn còn như thế – Chú đã nhìn thấy điều đó trong mắt cháu ở Peshawar. Nhưng chú hy vọng, cháu sẽ lưu ý đến điều này: một con người không có lương tâm, không có lòng tốt sẽ không biết đau

khổ. Chú hy vọng nỗi đau của cháu sẽ chấm dứt cùng với cuộc hành trình về Afghanistan.

Amir jan, chú lấy làm xấu hổ về những lời dối trá chú đã kể với cháu suốt những năm ấy. Cháu nổi giận ở Peshawar cũng đúng thôi. Cháu có quyền được biết. Hassan cũng vậy. Chú biết, không được miễn tội cho ai về bất cứ chuyện gì, nhưng Kabul cái thời chúng ta sống là một thế giới lạ lùng, một nơi trong đó có những việc bị làm to chuyện hơn là sự thật.

Amir jan, chú biết cha cháu đã nghiêm khắc với cháu thế nào khi cháu lớn lên. Chú thấy cháu đã phải chịu đựng thế nào, và khao khát đến mức nào để có được tình yêu thương của ông ấy, và trái tim chú đã rớm máu vì cháu. Nhưng cha cháu là một người bị giằng xé giữa hai nửa, Amir jan: Cháu và Hassan. Ông ấy yêu cả hai đứa, nhưng ông ấy không thể yêu Hassan như ông ấy mong mỏi, công khai và như một người cha. Vì vậy, ông ấy bất đắc dĩ phải đối xử thiếu tình cảm với cháu – Amir, cái nửa hợp pháp về mặt xã hội, cái nửa đại diện cho sự giàu sang ông ấy đã được thừa hưởng và đặc quyền mặc-tội-được-miễn-hình phạt do sự giàu sang đem lại. Khi ông ấy nhìn thấy cháu, ông ấy nhìn thấy chính bản thân ông ấy. Và tội lỗi của ông ấy. Cháu vẫn còn giận và chú nhận ra còn quá sớm để mong cháu chấp nhận việc này, nhưng có thể một ngày nào đó cháu sẽ thấy ông ấy khắc nghiệt với cháu, thì ông ấy cũng khắc nghiệt với chính mình. Cha cháu, cũng giống như cháu, là một linh hồn bị hành hạ, Amir jan ạ.

Chú không sao miêu tả nỗi cho cháu chiều sâu và sự u ám của nỗi buồn ập đến với chú khi chú được biết ông ấy qua đời. Chú yêu ông ấy bởi vì ông ấy là bạn chú, nhưng cũng vì ông ấy là một người tốt, có thể còn là một con người vĩ đại nữa. Và đấy là điều chú muốn cháu hiểu, rằng lòng tốt, lòng tốt đích thực ấy, đã được sinh ra từ sự ân hận của bố cháu. Đôi khi, chú nghĩ mọi việc ông ấy làm, nuôi người nghèo lang thang trên đường phố, xây dựng trại mồ côi, cho bạn bè tiền khi túng quẫn, thầy đều là cách để ông ấy tự chuộc lỗi. Và chú tin, Amir jan, chuộc lỗi thành thực chính là như thế, khi tội lỗi dẫn đến lòng tốt.

Chú biết, cuối cùng thì Thượng đế sẽ tha thứ. Người sẽ tha thứ cho cha cháu, cho chú, và cả cháu nữa. Chú mong cháu cũng có thể tha thứ như thế. Tha thứ cho cha cháu nếu cháu có thể. Tha thứ cho chú nếu cháu

mong muốn. Nhưng quan trọng nhất, hãy tha thứ cho chính bản thân cháu. Chú đã để lại cho cháu một ít tiền, thật ra là hầu hết những gì chú còn lại. Chú nghĩ cháu có thể phải chi tiêu một ít khi cháu quay lại đây, và số tiền đó có thể đủ để trang trải. Có một ngân hàng ở Peshawar, Farid biết địa chỉ. Tiền ở trong hộp tiền gửi có bảo đảm. Chú đã gửi cho cháu chìa khoá.

Còn đối với chú, đã đến lúc chú phải ra đi. Chú còn rất ít thời gian và chú muốn được một mình thời gian đó. Xin đừng tìm chú. Đó là yêu cầu cuối cùng của chú đối với cháu. Chú để lại cháu trong bàn tay Thượng đế.

Bạn của cháu mãi mãi.

Rahim

Tôi đưa ống tay áo bệnh viện lên chùi mắt. Tôi gấp bức thư lại và đặt xuống dưới đệm.

Amir, cái nửa hợp pháp về mặt xã hội, cái nửa đại diện cho sự giàu sang ông ấy đã được thừa hưởng và đặc quyền mắc-tội-được-miễn-hình phạt do sự giàu sang đem lại. Có thể đó là nguyên do tại sao Baba và tôi đã từng đối xử với nhau tốt đẹp đến thế ở Mỹ, tôi cũng chẳng biết nữa. Bán đồ đồng nát lấy vài đồng tiền nhỏ mọn, những nghề tôi tớ của chúng tôi, căn hộ bẩn thỉu của chúng tôi – phiên bản của chiếc lều ở Mỹ, có thể ở Mỹ, khi Baba nhìn vào tôi, ông thấy một chút của Hassan.

Cha cháu, giống như cháu, là một linh hồn bị hành hạ, chú Rahim Khan đã viết thế. Có thể là như thế. Cả hai chúng tôi đều mắc tội và phản bội. Nhưng Baba đã tìm thấy một con đường để trở lại tốt đẹp từ sự ăn năn. Tôi đã làm gì nào, ngoài chối bỏ tội lỗi đối với chính những con người tôi đã từng phản bội và rồi cố quên đi tất cả? Tôi đã làm gì, ngoài mang lấy một chứng mất ngủ?

Tôi đã bao giờ làm gì để sửa sai chưa?

Khi bà điều dưỡng viên – không phải Aisha, mà là một phụ nữ tóc đỏ tôi không nhớ tên – bước vào với một bơm tiêm trong tay, hỏi tôi có cần tiêm một ống moóc phin không, tôi nói có.

Sớm hôm sau, họ tháo ống hút khí ở ngực tôi ra, và Armand cho phép nhân viên của mình để tôi được nhấp nước táo ép. Tôi bảo Aisha cho tôi mượn một chiếc gương khi bà đặt ca nước ép lên chiếc bàn tủ cạnh giường tôi. Bà vừa nâng cặp kính hai tròng của mình lên trên trán vừa

kéo rèm cửa mở rộng ra để ánh sáng ban mai tràn vào trong phòng và ngoái lại bảo tôi:

- Hãy nhớ là mấy ngày nữa trông sẽ khác hơn. Con rể tôi bị tai nạn xe máy năm ngoái, bộ mặt đẹp trai của nó bị kéo lê trên đường nhựa và thâm tím như quả cà. Bây giờ lại đẹp trai rồi, trông như ngôi sao màn bạc Lollywood[140] ấy.

Bất kể những lời đảm bảo của bà, nhìn vào trong gương và thấy một vật khăng khăng rằng nó là mặt mình, khiến tôi điếng người đi một chút. Trông giống như ai đó đã luồn một chiếc vòi bơm khí vào dưới da tôi và bơm tháo hết ra. Đôi mắt tôi trời lên và thâm lại. Tệ hại nhất là cái miệng tôi, một miếng thịt kỳ quái dẫu lên màu tím và đỏ, nhàu nát và đầy những mũi khâu. Tôi thử mỉm cười, và một cơn đau như xé lứt dọc qua đôi môi tôi. Tôi sẽ làm thế trong một thời gian. Có những mũi khâu qua má trái tôi, ngay dưới cằm, trên trán sát dưới chân tóc.

Ông bạn già bị cắt bỏ chân nói gì đó bằng tiếng Urdu. Tôi nhún vai và lắc đầu với ông ta. Ông ta chỉ vào mặt mình, vỗ nhẹ, và toét miệng cười, răng đã móm hết cả. “Tốt lắm”, ông nói bằng tiếng Anh. Inshallah.

- Cảm ơn. – tôi thì thào.

Farid và Sohrab đến, đúng lúc tôi cất chiếc gương đi. Sohrab ngồi lên chiếc ghế đầu, ngả đầu vào thành giường.

- Ông biết đấy, chúng tôi mong đưa ông khỏi đây càng sớm càng tốt, – Farid nói.

- Bác sĩ Faruqi bảo...

- Tôi không nói bệnh viện. Tôi muốn nói Peshawar kia.

- Tại sao?

- Tôi không nghĩ ông sẽ được an toàn ở đây lâu, – Farid nói. – Anh hạ giọng. – Bọn Taliban có bè đảng ở đây. Chúng sẽ bắt đầu lùng kiếm ông.

- Tôi nghĩ chúng có thể đã lùng rồi, – tôi thềm thì, bất chợt nghĩ đến người đàn ông để râu la cà vào căn phòng và đứng ngay đó chăm chú nhìn tôi.

Farid khom người xuống:

- Chừng nào ông có thể đi lại được là tôi sẽ mang ông tới Islamabad. Ở đó cũng không tuyệt đối an toàn đâu, không chỗ nào ở Pakistan tuyệt

đổi an toàn cả, nhưng còn hơn ở đây. Ít nhất cũng sẽ chấp nhận được một thời gian.

- Farid jan, việc này không được an toàn cho lắm. Có lẽ anh không nên để chúng thấy cùng với tôi. Anh còn có cả một gia đình phải chăm sóc.

Farid phẩy tay:

- Mấy đứa con trai tôi còn nhỏ, nhưng chúng rất khôn ngoan. Chúng biết làm thế nào để chăm sóc các mẹ của chúng và em gái chúng, – anh mỉm cười. – Hơn nữa, tôi không nói tôi làm chuyện ấy miễn phí.

- Tôi cũng chẳng để anh làm thế. – tôi nói. Tôi quên mất tôi không thể mỉm cười và cố thử. Một vệt máu nhỏ rỉ ra dưới cằm tôi. – Tôi có thể xin anh giúp tôi một việc nữa không?

- Vì ông, cả nghìn lần rồi. – Farid nói.

Và bất chợt, tôi bật khóc. Nước mắt trào xuống hai má tôi, làm buốt lớp thịt bị bóc da của hai môi tôi.

- Có chuyện gì vậy – Farid hoảng hốt hỏi.

Tôi lấy tay bưng mặt, giơ tay kia lên. Tôi biết cả phòng đang nhìn tôi. Sau cùng, tôi cảm thấy mệt, chống chénh:

- Tôi xin lỗi.

Sohrab đang cau mày nhìn tôi.

Khi tôi đã có thể nói tiếp, tôi bảo Farid tôi cần gì:

- Chú Rahim Khan nói họ sống ở Peshawar.

- Ông có thể viết tên họ của họ ra, – Farid nói, mắt thận trọng nhìn tôi, dường như không biết tôi có thể gây chuyện gì tiếp nữa. Tôi nguệch ngoạc tên của họ xuống một mảnh khăn giấy. “John và Betty Cadwell”.

Farid gấp mảnh giấy lại bỏ vào túi:

- Tôi sẽ đi tìm họ ngay, – nói xong anh quay lại Sohrab. – Còn cháu, tối nay chú sẽ đến đón cháu. Đừng làm Amir agha quá mệt.

Nhưng Sohrab đã lảng đến bên cửa sổ, nơi có đến nửa tá chim bồ câu nghênh ngang đi tới đi lui trên bệ cửa gỗ vào gỗ và những mẫu bánh cũ.

Trong ngăn kéo giữa của chiếc bàn tủ bên giường tôi, tôi tìm thấy một cuốn tạp chí Địa lý Quốc gia cũ, một chiếc bút chì bị cắn đầu, chiếc lược mất răng, và thứ mà tôi đang nhể nhại mồ hôi cố tìm bằng được: Một cỗ bài. Trước đó tôi đã đếm, và lạ thay, cỗ bài đủ cả. Tôi hỏi Sohrab có muốn chơi không. Tôi không mong nó trả lời, nói gì đến chơi. Từ lúc

chúng tôi chạy trốn khỏi Kabul, nó cứ lằm lằm lỳ lỳ. Nhưng từ cửa sổ nó ngoảnh lại và bảo:

- Cháu chỉ biết chơi bài panjpar.

- Thế thì bác lấy làm tiếc cho cháu mất rồi, bởi bác là một đại kiện tướng về bài panipar. Nổi danh thế giới đấy.

Nó đến ngồi vào chiếc ghế đầu cạnh tôi. Tôi chia cho nó năm quân bài:

- Khi bố cháu và bác ở tuổi cháu, bọn bác thường chơi loại bài này. Nhất là về mùa đông, khi tuyết rơi và không thể ra ngoài. Thường chơi cho đến khi mặt trời lặn. Nó đánh cho tôi một quân và tôi nhặt một quân ở cỗ bài lên. Tôi nhìn trộm nó khi nó tính nước đánh. Nó giống bố đủ đường: từ cách nó xòe bài ra bằng cả hai tay, cách nó hiếng mắt khi đọc lên quân bài đánh ra, cách nó hầu như không nhìn ai trong khi chơi. Chúng tôi lặng lẽ chơi. Tôi thắng ván đầu, để nó thắng ván sau, và thua thực sự năm ván:

- Cháu chơi giỏi như bố cháu, có thể còn hơn nữa, – tôi nói sau ván thua cuối cùng. – Bác vẫn thường đánh bại bố cháu, nhưng bác nghĩ bố cháu nhường bác thắng. – Tôi ngừng lại một lúc – Bố cháu và bác được bú cùng một bà mẹ.

- Cháu biết.

- Thế... Thế bố cháu đã nói với cháu điều gì về bọn bác?- Nói bác là người bạn tốt nhất mà bố cháu chưa bao giờ có, – nó nói.

Tôi quay quay con Ji rô trong mấy ngón tay, lật sắp lật giữa quân bài và nói:

- Bác sợ bác không phải là một người bạn tốt đến thế đâu. Nhưng bác muốn là bạn cháu. Bác nghĩ, bác có thể là một người bạn tốt của cháu. Liệu thế có ổn không? Cháu có muốn thế không?

Tôi đặt bàn tay lên cánh tay nó một cách thận trọng, nhưng nó vội rút lại. Nó ném bài xuống, rời khỏi chiếc ghế, bước trở lại cửa sổ. Bầu trời bỗng bành những dải mây màu đỏ và tía trong khi mặt trời đang lặn trên Peshawar. Từ dưới đường phố, tiếng còi ô tô nối tiếp nhau và tiếng be be của một con lừa, tiếng còi của một viên cảnh sát. Sohrab đứng trong ánh sáng màu đỏ sẫm, trán tì vào kính cửa sổ, hai nắm tay giấu dưới hai bên nách.

Aisha bảo một trợ lý nam giúp tôi tập đi những bước đầu tiên ngay đêm đó. Tôi chỉ bước quanh phòng được một lần, một tay nắm chặt lấy cái giá truyền tĩnh mạch có bánh xe, tay kia bám vào cánh tay người trợ lý. Mất mười phút để tôi bước trở lại giường, và ngay lúc đó, vết mổ ở bụng tôi quặn đau dữ dội làm tôi vã hết mồ hôi. Tôi nằm vào giường, thờ đốc, tim đập thành thịch trong tai, càng nghĩ tôi nhớ vợ tôi biết mấy.

Sohrab và tôi chơi panjpar gần như suốt ngày hôm sau, lại trong im lặng. Và sau hôm ấy nữa. Chúng tôi hầu như không nói, chỉ chơi panjpar, tôi xê đi dịch lại trên giường, nó, trên chiếc ghế đầu ba chân. Cái lệ của chúng tôi chỉ bị phá vỡ lúc tôi tập đi quanh phòng, hoặc xuống phòng tắm bên dưới. Khuya đêm đó tôi có một giấc mơ. Tôi mơ thấy Assef đang đứng ở lối cửa ra vào phòng bệnh của tôi, viên bi đồng vẫn còn trong hốc mắt. Nó đang nói:

- Chúng ta cùng một giuộc, mày và tao. Mày bú cùng với nó, nhưng mày là anh em sinh đôi của tao. Tôi bảo với Armand sớm hôm sau rằng tôi sẽ rời khỏi đây.

- Chưa ra viện được, – Armand phản đối. Hôm đó ông không mặc quần áo phẫu thuật khử trùng, mà thay một bộ com lê mở khuy, cravat vàng. Tóc chải gôm hất ra sau. – Ông vẫn còn đang phải truyền kháng sinh tĩnh mạch và...

- Tôi phải đi, – tôi nói. – Tôi rất biết ơn mọi việc ông đã làm cho tôi, biết ơn tất cả. Thực sự như thế. Nhưng tôi phải rời khỏi đây.

- Ông sẽ đi đâu? – Armand hỏi.

- Tôi không nói thì hơn.

- Ông hầu như chưa thể bước đi nổi.

- Tôi có thể đi lại từ đầu đến cuối phòng, – tôi nói. – Sẽ ổn thôi.

Kế hoạch như thế này: Rời khỏi bệnh viện. Lấy tiền từ hộp tiền gửi bảo đảm ở ngân hàng, thanh toán viện phí. Đi xe đến trại mồ côi và để Sohrab lại với ông bà John và Betty Cadwell. Rồi đi xe đến Islamabad và thay đổi kế hoạch di chuyển. Cho bản thân thêm vài ngày nữa để bình phục hơn. Bay về nhà.

Dẫu sao đó mới là kế hoạch. Cho tới khi Farid và Sohrab đến sáng hôm đó:

- Các bạn ông, cái ông bà John và Betty Cadwell ấy, họ không có ở Peshawar, – Farid nói.

Tôi đã phải mất mười phút mới chui vào được chiếc áo pirham-tumban của tôi. Ngực tôi, nơi họ đã rạch để lồng ống hút khí vào vẫn đau khi tôi giơ cánh tay lên, và bụng tôi vẫn gằn giật mỗi lần tôi cúi xuống. Tôi thờ như kéo bễ dẫu chỉ để cố gói ghém một ít đồ đạc của tôi vào cái túi giấy nâu. Nhưng tôi tỏ ra đã sẵn sàng và đang ngồi ở đầu giường khi Farid bước vào đem theo những tin tức ấy.

Sohrab ngồi lên giường cạnh tôi. Tôi hỏi:

- Họ đã đi đâu?

Farid lắc đầu:

- Ông không hiểu...

- Bởi vì Rahim Khan đã nói...

- Tôi đã đến lãnh sự quán Mỹ, – Farid vừa nói vừa nhấc chiếc túi của tôi lên. – Ở Peshawar chẳng có ông bà John và Betty Cadwell nào cả. Theo như những nhân viên lãnh sự quán, họ không hề tồn tại. Dẫu sao cũng không ở Peshawar này.

Ngồi cạnh tôi, Sohrab lật giở những trang sách của tạp chí Địa lý Quốc gia cũ.

Chúng tôi đến lấy tiền ở ngân hàng. Ông giám đốc, một người bụng phệ, mồ hôi lấm chấm dưới cánh tay, vẫn tươi cười và bảo tôi, không ai ở ngân hàng đựng đến tiền. “Tuyệt đối không ai”, – Ông ta nói một cách nghiêm trang, xua xua ngón tay trở giống như cách nói của Armand.

Cho xe chạy qua Peshawar với món tiền lớn như thế trong cái túi giấy quả là chuyện hơi đáng sợ. Thêm nữa, tôi vẫn ngờ, bất kỳ ai để râu mà nhìn chăm chăm vào tôi đều là một tên sát nhân Talib do Assef phái tới. Hai điều khiến nỗi sợ hãi của tôi thêm tồi tệ là: Có quá nhiều người để râu ở Peshawar và ai cũng nhìn chăm chăm.

- Chúng ta có liên quan gì đến hẳn nào – Farid nói, vừa dìu tôi từ phòng thanh toán về chỗ chiếc xe. Sohrab ngồi sẵn ở ghế sau của chiếc Land Cruiser, đang nhìn xe cộ đi lại qua cửa xe đã hạ kính xuống, tay chống cằm.

- Nó không thể ở lại Peshawar, – tôi hớn hớn nói.

- Không, Amir Agha, nó không thể, – Farid nói. Anh đã đọc được ý nghĩ của tôi. – Tôi xin lỗi, tôi cũng muốn, tôi...- Không sao đâu, Farid, – tôi nói, cố tạo ra một nụ cười mệt mỏi. – Anh phải nuôi nhiều miệng ăn. Lúc này một con chó đang đứng cạnh chiếc xe, nó đứng hai chân sau, quào quào vào cửa xe, đuôi ve vẩy. Sohrab đang âu yếm con chó. Tôi nói:

- Tôi nghĩ giờ thì nó phải đi Islamabad thôi.

Tôi ngủ suốt gần như cả bốn tiếng đồng hồ xe chạy tới Islambad. Tôi mơ rất nhiều, phần lớn chỉ còn nhớ lại như là ít mơ hồ lớn những hình ảnh, những mẫu ký ức rõ mồn một loé lên trong đầu tôi như những thẻ nhớ Rolodex[141]: Baba đang nấu món sốt cừu non cho bữa tiệc sinh nhật lần thứ mười ba của tôi. Soraya và tôi đang làm tình lần đầu tiên, mặt trời mọc lên ở đằng Đông, tai chúng tôi vẫn còn vang tiếng nhạc cưới, bàn tay nhuộm lá móng của nàng lồng vào bàn tay tôi. Lần Baba mang Hassan và tôi tới cánh đồng dâu tây ở Jalalabad – người chủ bảo chúng tôi có thể ăn bao nhiêu tùy thích, chùng nào chúng tôi mua của ông ít nhất bốn kilô – cuối cùng tất cả chúng tôi đều bị đau bụng ra sao. Những giọt máu của Hassan nhỏ từ đũng quần xuống trên tuyết, trông sẫm lại, màu gần như đen. Máu mủ là thứ quyền uy, bachem ạ. Khala Jamila vỗ nhẹ vào đầu gối Soraya và nói: Thượng đế hiền hơn cả, có thể Người không định thế đâu. Baba nói trọng tội duy nhất là tội ăn cắp. Khi con nói dối, con ăn cắp quyền được biết sự thật của một con người. Chú Rahim Khan trên điện thoại bảo tôi, có một con đường để tốt lành trở lại. Một con đường để lại tốt lành trở lại.

Chương 24

Nếu như Peshawar là một thành phố khiến tôi nhớ tới những gì đã từng là Kabul trong quá khứ thì Islamabad là một nơi mà một ngày nào đó Kabul có thể trở thành. Đường phố rộng hơn đường phố của Peshawar, sạch hơn, hai bên đều có những hàng cây hibiscus[142] và cây hoa phượng đỏ. Những khu phố chợ được tổ chức quy củ hơn, và không có chuyện chen chúc xe kéo với người đi bộ. Kiến trúc cũng trang nhã hơn, hiện đại hơn, và tôi thấy những công viên đầy hoa hồng, hoa nhài nở dưới bóng các cây to.

Farid tìm thấy một khách sạn nhỏ bên đường phố chạy dọc theo triền đồi Margalla. Chúng tôi đi qua nhà thờ Shah Faisal nổi tiếng trên đường tới đó, nhà thờ Hồi giáo nổi tiếng nhất thế giới, với những thanh rầm bê tông khổng lồ, và những tháp giáo đường cao vút. Sohrab vui hẳn lên trước cảnh tượng nhà thờ, ngả người ra ngoài cửa xe để nhìn cho tới khi Farid ngoặt xe ở một góc phố.

Phòng khách sạn quả là cả một sự cải thiện vượt trội so với lần Farid và tôi lưu lại ở Kabul. Chăn mền sạch sẽ, thảm trải được hút bụi, và phòng tắm không một vết bẩn. Có cả dầu gội đầu, xà phòng, bàn cạo râu, một bồn tắm và khăn tắm thơm mùi chanh. Và không một vết máu trên tường. Một vật khác nữa là chiếc máy thu hình được đặt trên một tủ thấp, giữa hai giường đơn.

- Nhìn này! – Tôi nói với Sohrab. Tôi lấy tay bật lên, – không có điều khiển từ xa – và đổi số, chọn kênh. Tôi tìm được một màn trình diễn của bọn trẻ với hai con búp bê cừu óng lông tơ đang hát bằng tiếng Urdu. Sohrab ngồi lên một giường, thu hai gối vào ngực. Những hình ảnh ở tivi phản chiếu trong đôi mắt xanh của nó, trong khi nó xem, vẻ mặt bình thản, người đu đưa. Tôi nhớ đến cái lần tôi đã hứa với Hassan, tôi sẽ mua cho gia đình cậu một chiếc tivi màu, khi nào cả hai chúng tôi lớn lên.

- Tôi phải đi thôi, Amir agha, – Farid nói.

- Ở lại đây đêm nay, – tôi nói. – Đi cả một đoạn đường dài rồi. Mai hãy đi.

- Taskakor. Cảm ơn. – Anh nói. – Nhưng tôi muốn trở về nhà đêm nay. Tôi nhớ các con tôi.

Lúc đi ra khỏi phòng, anh dừng lại ở cửa, nói:

- Tạm biệt, Sohrab jan. Anh đợi lời đáp lại, nhưng Sohrab chẳng hề để ý đến anh. Nó vẫn chỉ đu đưa người, mắt sáng lên bởi ánh bạc của những hình ảnh lung linh trên màn hình.

Ra đến ngoài, tôi trao cho anh một chiếc phong bì. Khi anh xé ra, miệng há hốc.

- Tôi không biết cảm ơn anh thế nào đây, – tôi nói. – Anh làm cho tôi quá nhiều.

- Bao nhiêu ở đây thế? – Farid nói, hơi sững sốt.

- Hơn hai nghìn đô la một chút.

- Hai nghìn... – Anh thốt lên. Mũi dưới của anh hơi rung rung.

Lát sau, khi cho xe lao khỏi hè đường, anh nhấn còi hai lần và vẫy tay. Tôi vẫy lại.

Tôi chẳng bao giờ gặp lại anh nữa. Tôi quay về phòng khách sạn và thấy Sohrab đang nằm co như con tôm ở trên giường, đôi mắt nhắm nghiền, nhưng tôi không thể bảo có phải nó đang ngủ hay không. Nó đã tắt tivi. Tôi ngồi trên giường tôi, nhăn nhó vì đau đớn, lau mồ hôi lạnh ở lông mày. Tôi không biết việc đứng lên ngồi xuống và nằm lăn ra giường còn đau bao lâu nữa. Tôi không biết khi nào có thể ăn được thức ăn đặc. Tôi không biết làm gì với thằng bé bị thương đang nằm trên giường kia, dẫu một phần trong tôi hẳn đã biết rồi.

Có một bình nước đặt trên cái tủ thấp. Tôi rót một cốc và lấy ra hai viên thuốc giảm đau của Armand. Nước ấm và có vị đắng. Tôi kéo rèm, thấy dễ chịu trở lại khi ở trên giường và nằm xuống. Tôi nghĩ ngực tôi sẽ rách to ra. Khi cái đau đã giảm bớt phần nào, và tôi lại có thể thở được, tôi kéo chăn lên ngực và đợi cho thuốc của Armand phát huy tác dụng.

Khi tôi tỉnh giấc, căn phòng đã tối hơn. Một mảnh trời hé ra giữa hai rèm cửa, ngả sang màu đỏ tía của hoàng hôn đang chuyển về đêm. Khăn trải giường ướt đẫm và đầu tôi như vỡ ra. Tôi đã lại mơ nữa, nhưng tôi không thể nhớ được mơ về cái gì. Tim tôi giật thót khi nhìn sang giường Sohrab và thấy trống không. Tôi gọi tên nó. Âm thanh giọng tôi làm tôi giật mình. Ngồi trong một phòng khách sạn tối tăm, xa nhà hàng nghìn dặm, thân thể đau như, bị mất phương hướng, tôi gọi tên một thằng bé mà tôi mới chỉ gặp được mấy ngày. Tôi lại gọi tên nó nữa, và chẳng nghe

thấy gì. Tôi vất vả ra khỏi giường, tìm ở buồng tắm, nhìn vào dãy hành lang hẹp bên ngoài phòng. Nó đi mất rồi.

Tôi khoá cửa lại và tập tễnh đi tới văn phòng giám đốc trong sảnh chờ, một tay búi chặt tay vịn dọc theo lối đi để khỏi ngã. Có một cây cọ giả bụi bặm ở góc sảnh chờ và những con chim hồng hạc màu hồng trên giấy dán tường. Tôi thấy ông giám đốc đang đọc nhật báo đăng sau quầy sổ sách kế toán bằng formica. Tôi tả Sohrab cho ông và hỏi ông ta có thấy nó không. Ông ta đặt báo xuống và bỏ kính ra. Ông ta có bộ tóc mượt óng và hàng ria nhỏ thẳng bằng đốm bạc. Người ông ta thoang thoang mùi loại trái cây nhiệt đới nào đó mà tôi không thể nhận ra.

- Lũ con trai, chúng thích chạy quanh quần, – ông ta vừa nói vừa thở dài. – Tôi có ba thằng. Suốt ngày chúng chạy đâu đó quên cả mẹ chúng. – Ông ta lấy tờ báo phe phẩy mặt và nhìn chăm chăm vào hàm tôi.

- Tôi không nghĩ nó ra ngoài quanh quần, – tôi nói. – Chúng tôi có phải người ở đây đâu. Tôi sợ nó có thể bị lạc.

Ông ta lắc đầu bên này qua bên khác:

- Vậy đáng lẽ ông phải để mắt tới thằng bé chứ, thưa ông.

- Tôi biết thế, – tôi nói. – Nhưng tôi ngủ thiếp đi mất, khi tỉnh dậy thì nó đi mất rồi.

- Lũ con trai vẫn hay như thế, ông phải biết chứ.

- Vâng, – tôi nói, mạch tôi đập nhanh. Làm sao ông ta có thể vô tình đến thế trước sự lo lắng của tôi?

Ông ta chuyển tờ báo sang tay kia, quạt tiếp:

- Bây giờ, chúng thích xe đạp lắm.

- Ai cơ?

- Những thằng con trai tôi ấy, – ông ta nói. – Chúng bảo: Bố ơi bố, xin bố mua cho chúng con mấy chiếc xe đạp, chúng con sẽ không làm phiền bố nữa. Nào, xin bố. – Ông cười khẩy qua lỗ mũi. – Xe đạp ư. Mẹ chúng sẽ giết tôi. Tôi xin thề với ông như vậy. Tôi tưởng tượng Sohrab đang nằm trong một cái rãnh, hoặc trong một cái thùng xe, bị trói chặt và nhét giẻ vào miệng. Tôi không muốn máu nó trên hai bàn tay tôi. Không muốn cả nó nữa.

- Làm ơn... – Tôi nói, tôi liếc. Đọc tên ông in trên ve áo chiếc sơ mi cộc tay màu xanh da trời. – Ông Fayyaz, ông có thấy nó không?

- Thằng bé à?

Tôi cắn răng chịu đựng:

- Vâng, thằng bé! Thằng bé đến đây cùng tôi. Lạy Đức Allah, ông thấy nó hay không thấy nó?

Ông ta thôi quạt. Mắt ông ta nheo lại:

- Đừng có cúi kính với tôi, ông bạn. Tôi không phải là người để lạc nó.

Đã đến mức không thể dừng dòng máu nóng đang giàn giạt bốc lên mặt tôi.

- Ông nói đúng. Tôi sai rồi. Lỗi của tôi. Nhưng ông có thấy nó không?

- Xin lỗi. – Ông ta cộc lốc. Lại đeo kính vào. Mở xoạch tờ báo ra. – Tôi chẳng thấy thằng bé nào như thế.

Tôi đứng ở quầy chùng một phút, cố gắng không gào lên. Lúc tôi ra khỏi hành lang, ông ta nói:

- Ông nghĩ, nó có thể lang thang ở đâu không?

- Không, – tôi đáp. Tôi cảm thấy mệt mỏi. Mệt và hoang mang.

- Nó có sở thích gì chẳng? – Ông ta nói. Tôi thấy ông ta gấp báo lại. - Lũ con trai tôi chẳng hạn, chúng thường bắt chước mọi thứ theo những phim hành động Mỹ, nhất là cái gã Arnold Schwarzenegger...

- Nhà thờ! – Tôi nói. – Nhà thờ lớn. – Tôi nhớ ra cung cách toà nhà thờ đã làm cho Sohrab sửng sờ choáng váng đến thế nào khi xe chúng tôi qua đấy, và nó đã ngả người ra ngoài cửa xe để nhìn như thế nào.

- Shah Faisal?

- Vâng. Ông có thể đưa tôi đến đó không?

- Ông không biết đó là nhà thờ Hồi giáo lớn nhất thế giới à? – Ông ta hỏi.

- Không, nhưng...

- Riêng sân thôi đã chứa đủ bốn mươi nghìn người.

- Ông có thể đưa tôi đến đó không?

- Từ đây chỉ một cây số thôi, – ông ta nói. Nhưng ông ta đã lảng ra khỏi quầy.

- Tôi sẽ trả ông tiền xe, – tôi nói.

Ông ta thở dài và lắc đầu:

- Đợi đấy. Ông ta biến vào phòng trong, quay ra đã đeo đôi kính khác, chùm chìa khoá trong tay, và cùng với một phụ nữ thấp, mập mạp, mặc áo sari màu da cam theo sau. Người này ngồi vào chiếc ghế của ông ở sau quầy.

- Tôi không lấy tiền của ông, – ông ta vừa nói vừa bước qua bên tôi. – Tôi sẽ chờ ông đi, bởi vì tôi cũng là một người cha như ông.

Tôi nghĩ chúng tôi sẽ phải lái xe vòng quanh thành phố cho đến tận đêm. Tôi nghĩ đến chuyện phải gọi cảnh sát, miêu tả Sohrab cho họ dưới cái nhìn trách móc qua mắt kính của ông Fayyaz. Tôi nghe thấy cả giọng nói của viên sĩ quan, mệt mỏi, chẳng chút quan tâm, hỏi những câu hỏi bắt buộc. Và nấp dưới những câu hỏi chính thức là câu không chính thức: Ai quen đến một thằng bé Afghan đã chết làm cái chết tiệt gì?

Nhưng chúng tôi đã tìm thấy nó, cách nhà thờ khoảng gần trăm mét, đang ngồi trong một bãi đỗ xe rộng, trống một nửa, trên một bãi cỏ tách biệt. Fayyaz lái xe đến bãi cỏ và để tôi ra khỏi xe. Ông nói:

- Tôi phải về thôi.

- Thế là tốt lắm rồi. Chúng tôi sẽ đi bộ về, – tôi nói. – Cảm ơn ông, ông Fayyaz. Thành thật cảm ơn ông.

Ông ngả người qua chiếc ghế, trước khi tôi ra khỏi xe.

- Tôi có thể nói một điều với ông không?

- Nhất định rồi. Trong bóng tối của buổi hoàng hôn, trông mặt ông chỉ còn lại đúng cặp kính phản chiếu ánh sáng mờ nhạt.

- Một điều về những người Afghan các ông là... ờ, dân các ông hơi liều đấy.

Tôi mệt và đau. Hàm tôi giật giật. Và những vết thương chết tiệt trên ngực và bụng khiến tôi cảm thấy như có những dây thép gai ở dưới da. Nhưng dẫu sao tôi cũng bắt đầu cười.

- Tôi... Tôi đã nói gì nào... – Ông Fayyaz vẫn nói, nhưng tôi cười khùng khục xen vào, những tiếng cười tràn ra từ cái miệng tôi bị khâu lại.

- Lũ điên, – ông nói. Lốp xe rít lên khi ông phóng xe đi, đèn đuôi xe nhấp nháy đỏ trong ánh sáng mờ tối.

- Cháu làm bác sợ quá. – Tôi nói. – Tôi ngồi bên cạnh nó, nhắm mặt lại vì đau lúc cúi xuống.

Nó đang nhìn vào nhà thờ. Nhà thờ Hồi giáo Shah Faisal lúc này hình thù giống như một chiếc lều bạt khổng lồ. Xe hơi đến và đi, những người đi lễ mặc đồ trắng ùn ùn kéo vào đổ ra. Chúng tôi ngồi lặng lẽ, tôi dựa vào một thân cây. Sohrab cạnh tôi, ôm gối. Chúng tôi lắng nghe tiếng nguyện cầu, ngắm nhìn hàng trăm ngọn đèn các toà nhà chung cư bật lên, trong ánh sáng tà dương đang tắt. Nhà thờ lấp lánh như một viên kim cương trong bóng tối, làm bầu trời sáng lên, và cả khuôn mặt Sohrab nữa.

- Bác đã bao giờ đến Mazar-i-Sharif chưa? – Sohrab hỏi, cằm tựa trên đầu gối.

- Đã lâu lắm rồi. Bác không nhớ lắm nữa.

- Bố mang cháu đến đây khi cháu còn bé. Mẹ và Sasa cũng đi cùng. Bố mua cho cháu một con khi ở phố chợ. Không phải con khi thật, mà là loại có thể thổi phồng lên. Khi màu nâu và có nơ cổ.

- Bác hình như cũng đã có một con như thế, khi còn bé.

- Bố mang cháu đến Nhà thờ Xanh, – Sohrab nói. – Cháu nhớ có rất nhiều chim câu ở bên ngoài masjid[143] và chúng không sợ người. Chúng đến sát chỗ chúng cháu. Sasa đưa cho cháu một miếng bánh naan và cháu cho chim ăn. Chẳng mấy chốc, bao nhiêu bồ câu đến gù khắp quanh cháu. Rất là vui.

- Chắc cháu nhớ bố mẹ cháu lắm. – tôi nói. Tôi không biết liệu nó có nhìn thấy bọn Taliban kéo lê bố mẹ nó trên đường phố không. Tôi mong là không.

- Bác có nhớ bố mẹ bác không? – Nó hỏi, cằm vẫn tựa trên đầu gối, mắt ngược nhìn tôi.

- Bác có nhớ bố mẹ không à? Ờ, bác chẳng bao giờ được gặp mẹ bác. Bố bác chết cách đây mấy năm. Nhưng có, bác có nhớ ông. Đôi khi rất nhiều.

- Bác có nhớ, ông trông như thế nào không? Tôi nghĩ đến cái cổ to bè của Baba, đôi mắt đen của ông, bộ tóc nâu rối bù của ông. Đến lúc tôi được ngồi trên đùi ông như ngồi trên hai thân cây. Tôi nói:

- Bác nhớ trông ông như thế nào chứ, nhớ cả mùi của ông thế nào nữa.

- Cháu bắt đầu quên gương mặt của họ rồi, – Sohrab nói. – Như thế có xấu không?

- Không, – tôi nói. – Thời gian làm quen đi. – Tôi nghĩ tới một cái gì đó. Tôi nhìn vào túi trước áo khoác tôi. Tìm tấm ảnh Polaroid của Hassan và Sohrab, và nói:

- Đây. Nó đưa tấm ảnh lên gần sát mặt, xoay cho ánh sáng nhà thờ chiếu lên đó. Nó nhìn tấm ảnh rất lâu. Tôi nghĩ nó sắp khóc nhưng nó không khóc. Nó chỉ giữ trong hai tay, chạm ngón tay cái lên mặt ảnh. Tôi nghĩ đến một câu tôi đã đọc ở đâu đó, cũng có thể tôi nghe ai nói thế: Có rất nhiều trẻ con ở Afghanistan, nhưng hầu như không có tuổi thơ.

Nó chìa tay trả tấm ảnh cho tôi.

- Giữ lấy, – tôi nói. – Của cháu đấy.

- Cảm ơn bác, – nó lại nhìn tấm ảnh và cẩn thận bỏ vào túi áo ngoài. Một chiếc xe ngựa kéo碌碌 vào bãi đậu xe. Những chuông nhạc nhỏ đung đưa quanh cổ ngựa và kêu loong cong theo mỗi bước đi.

- Gần đây, cháu cứ nghĩ rất nhiều về các nhà thờ, – Sohrab nói.

- Cháu nghĩ ư? Nghĩ gì?

Nó nhún vai:

- Chỉ nghĩ về chúng thôi, – nó ngẩng mặt lên, nhìn thẳng vào tôi lúc này nó đang khóc, nhẹ nhàng, thầm lặng. – Cháu có thể hỏi một điều không, Amir agha?

- Tất nhiên rồi.

- Liệu thượng đế... – nó bắt đầu, nghẹn lại một chút. – Liệu Thượng đế có đày cháu xuống địa ngục vì những gì cháu đã làm với con người ấy không? Tôi quàng lấy nó, nó chuồi ra. Tôi lùi lại:

- Không, tất nhiên là không rồi, – tôi nói. Tôi muốn kéo sát nó vào người tôi, ôm lấy nó, nói cho nó biết cuộc đời đã từng không nhân từ với nó, chứ không phải là ngược lại.

Mặt nó biến sắc và gượng trấn tĩnh lại:

- Bố cháu vẫn thường bảo ngay cả làm đau người xấu cũng là sai trái. Bởi vì họ không biết điều gì tốt hơn, bởi vì người xấu đôi khi cũng trở thành tốt.

- Không luôn luôn thế đâu, Sohrab.

Nó nhìn tôi một cách nghi hoặc.

- Kẻ đã làm tổn thương cháu, bác biết hẳn từ nhiều năm nay rồi, – tôi nói. – Bác đoán cháu hình dung ra điều ấy, là từ cuộc nói chuyện giữa

bác và hẳn. Hẳn... hẳn đã từng một lần định làm bác bị thương khi bác ở tuổi cháu, nhưng bố cháu đã cứu bác. Bố cháu rất dũng cảm và bố cháu luôn cứu bác khỏi những khó khăn, bảo vệ bác. Vậy nên một hôm con người xấu đó đã đánh bố cháu. Nó đánh bố cháu theo lối rất tệ hại, và bác... bác đã không thể cứu bố cháu như bố cháu đã cứu bác.

- Tại sao người ta cứ muốn làm hại bố cháu? – Sohrab nói bằng một giọng bị nghẹn lại. – Bố có bao giờ ác với ai đâu.

- Cháu nói đúng. Bố cháu là một người tốt. Nhưng đó lại là điều bác đang cố nói cho cháu biết đấy, Sohrab jan. Rằng trên cuộc đời này có những người xấu và đôi khi người xấu vẫn cứ xấu mãi. Đôi khi cháu phải chống lại chúng. Những gì cháu đã làm đối với con người đó là những gì bác lẽ ra đã phải làm từ bao năm rồi. Cháu đã cho hẳn điều mà hẳn đáng phải chịu, và hẳn còn đáng bị hơn thế nữa.

Nó lấy ống tay áo lau mặt. Mũi dãi chảy trên môi nó. Nó lấy hai tay ôm mặt khóc một lúc lâu nữa trước khi nói tiếp:

- Cháu cũng nhớ bố và mẹ, nhớ cả Sasa và ông Rahim Khan nữa. Nhưng đôi lúc cháu cũng lấy làm mừng là họ không... họ không còn ở đây chút nào nữa.

- Tại sao?

- Bởi vì... – nó nói, thốn thức nấc lên, miệng há hốc ra, – bởi vì cháu không muốn họ thấy cháu... cháu bắn thiú đến thế, – nó nuốt hơi rồi thở ra thành một tiếng khóc dài, thút thít. – Cháu quá bắn thiú và đầy tội lỗi.

- Cháu không bắn thiú, Sohrab. – Tôi nói.

- Mấy người đó...

- Cháu không bắn thiú chút nào hết.

-... họ đã làm những chuyện... con người xấu xa đó và cả hai thằng kia nữa... chúng đã làm những chuyện... đã làm những chuyện với cháu.

- Cháu không bắn thiú, không đầy tội lỗi, – tôi chạm vào cánh tay nó, nhưng nó rút ra. Tôi lại nắm lấy, dịu dàng, và kéo nó vào người tôi:

- Bác không làm tổn thương cháu đâu, – tôi thì thào. – Bác hứa đấy. – Nó chống lại một chút. Thôi dần. Để mặc tôi kéo nó vào người và ngả đầu vào ngực tôi. Tấm thân nhỏ bé co giật trong cánh tay tôi mỗi lần nó nấc lên thốn thức.

Tình máu mủ tồn tại giữa những con người cùng được nuôi dưỡng từ một bầu sữa mẹ. Giờ đây, khi nỗi đau của thằng bé thấm qua cả áo tôi, tôi thấy tình máu mủ cũng đã bén rễ giữa hai chúng tôi. Những gì đã xảy ra với Assef trong căn phòng đó đã gắn bó chúng tôi lại không gì thay đổi được. Tôi vẫn đang tìm lúc thích hợp, thời điểm thích hợp để hỏi một câu đang ong ong trong đầu tôi, làm tôi thao thức suốt đêm. Tôi quyết định giờ phút ấy là lúc này, ngay ở đây, ngay bây giờ, với ánh sáng rực rỡ của ngôi nhà của Thượng đế soi sáng chúng tôi:

- Cháu muốn đến sống ở Mỹ với bác và vợ bác không?

Nó không trả lời. Nó khóc nức nở vào áo tôi, và tôi để nó nức nở.

Suốt một tuần, không ai trong chúng tôi nhắc đến chuyện tôi đã hỏi nó, như thể câu hỏi chưa từng được đặt ra. Thế rồi một hôm, Sohrab và tôi thuê một chiếc taxi đi tới quan sát điểm Daman-e-Kole – còn được gọi là “mép núi”. Xây dựng trên lưng chừng dãy đồi Margalla, quan sát điểm này cho ta cái nhìn toàn cảnh Islamabad với những dãy đại lộ sạch sẽ, hai bên là hàng cây và những ngôi nhà màu trắng. Người lái xe bảo chúng tôi lên trên đó chúng tôi có thể trông thấy dinh tổng thống. Ông ta nói: “Nếu trời mới mưa xong và không khí quang đãng, ông có thể nhìn quá cả Rawalpindi.” Tôi thấy đôi mắt ông ta ở gương chiếu hậu, hết nhìn Sohrab lại chuyển sang nhìn tôi, đảo qua đảo lại, đảo qua đảo lại. Tôi cũng nhìn thấy mặt của chính tôi nữa. Nó không còn sừng to như trước, nhưng mang một màu vàng sạm từ những mảng bị thâm tím đã nhạt đi.

Chúng tôi ngồi trên một băng ghế dài ở khu picnic, dưới bóng một cây keo. Một ngày ấm áp, mặt trời chói vót cao trên bầu trời xanh màu ngọc bích. Ở những băng ghế cạnh đó, mấy gia đình ăn qua loa món bánh samosas và mướp đắng pakoras. Đâu đó radio đang mở bài hát Hindi tôi nghĩ mình nhớ trong một bộ phim cũ, có thể là Pakeeza. Lũ con trai, nhiều đứa trong bọn chúng trạc tuổi Sohrab, đang săn đuổi những trái bóng đá, khúc khích cười và hét toáng lên. Tôi nghĩ tới trại mồ côi ở Karteh-Seh, nghĩ tới những con chuột cống cuống quýt chạy giữa hai chân tôi ở văn phòng của ông Zaman. Ngược tôi thắt lại vì một cơn giận dữ bất ngờ dâng lên trước cung cách những người đồng bào của tôi đang huỷ diệt đất nước của chính mình.

- Gì vậy ạ? – Sohrab hỏi.

Tôi cố tạo ra một nụ cười và bảo nó không có chuyện gì quan trọng. Chúng tôi trải một trong những chiếc khăn tắm của khách sạn lên bàn ăn picnic và chơi bài panjpar trên đó. Tôi cảm thấy rất dễ chịu ở đó, cùng với con trai người em khác mẹ, chơi bài, hơi ảm đạm trời phả vào gáy tôi. Bài hát kết thúc và một bài hát khác lại bắt đầu, nhưng tôi không biết bài này.

- Nhìn kia, – Sohrab nói. Nó chỉ lên bầu trời bằng mấy con bài. Tôi ngược lên, thấy một con diều hâu đang lượn vòng trong bầu trời bao la không một gợn mây.

- Bác không biết lại có diều hâu ở Islamabad đấy, – tôi nói.

- Cháu cũng vậy, – nó nói, mắt nó nhìn theo vòng lượn của con chim.
– Nơi bác sống có diều hâu không?

- San Francisco ấy à? Bác đoán là có. – Dẫu sao tôi cũng không thể nói tôi đã trông thấy nhiều rồi.

- Ồ...

Tôi đang mong nó sẽ hỏi thêm, nhưng nó lại trở tay kia ý hỏi liệu chúng tôi có thể ăn chưa. Tôi mở túi giấy và đưa cho nó bánh sandwich thịt viên. Bữa trưa của tôi còn có thêm một ca chuối trộn cam nữa – Tôi đã thuê chiếc máy xay sinh tố của bà Fayyaz suốt cả tuần. Tôi hút qua ống hút và miệng tôi đầy nước trái cây trộn ngọt ngào. Một ít rớt ra khỏi mép tôi. Sohrab đưa cho tôi chiếc khăn ăn và nhìn tôi chằm chằm khẽ vào môi. Tôi mỉm cười và nó cũng mỉm cười đáp lại.

- Bố cháu và bác là hai anh em, – tôi nói. Lời lẽ cứ tự nhiên buột ra. Tôi đã muốn nói với nó từ cái đêm chúng tôi ngồi bên nhà thờ, nhưng tôi đã không nói. Nhưng nó có quyền được biết, tôi không muốn giấu nó bất cứ điều gì nữa. – Anh em cùng cha khác mẹ, thực đấy. Hai người có cùng một ông bố.

Sohrab ngừng nhai. Đặt chiếc bánh xuống:

- Bố cháu không bao giờ nói ông có một người anh em.

- Bởi vì bố cháu không biết.

- Tại sao bố cháu không biết?

- Không ai nói cho bố cháu biết, – tôi nói. – Cũng không ai nói cho bác biết. Gần đây bác mới phát hiện ra thôi.

Sohrab chớp chớp mắt. Như đang nhìn tôi, và chính là lần đầu tiên nó thực sự nhìn tôi:

- Nhưng tại sao mọi người lại giấu bố cháu và bác chuyện đó?

- Cháu biết đấy, có hôm bác cũng tự hỏi mình câu hỏi đó. Cũng có câu trả lời, nhưng không phải câu trả lời hay ho. Thôi chúng ta hãy cứ nói là họ không bảo cho chúng ta biết, bởi vì bố cháu và bác... không được coi như là anh em.

- Vì bố là người Hazara?

Tôi cương quyết không rời mắt khỏi nó:

- Đúng thế.

- Thế bố bác... – nó hỏi, mắt nhìn miếng bánh của nó. – Bố bác có yêu bác và bố cháu bằng nhau không?

Tôi nghĩ tới một ngày cách đây đã lâu tại hồ Gargha, Baba cho phép mình vỗ vào lưng Hassan khi viên đá của Hassan thia lia vượt trội tôi. Tôi hình dung Baba trong phòng bệnh, mặt rạn rờ khi họ tháo băng ở môi Hassan ra:

- Bác nghĩ ông yêu hai người ngang nhau nhưng khác nhau.

- Ông xấu hổ vì bố cháu à?

- Không, – tôi nói. – Bác nghĩ ông tự hổ thẹn vì bản thân.

Nó nhặt bánh lên và lặng lẽ nhắm nháp chiếc bánh.

Chúng tôi rời về lúc chiều muộn, mệt vì nóng, nhưng mệt một cách vui thích. Suốt trên đường về, tôi cảm thấy Sohrab đang quan sát tôi. Tôi bảo người lái xe ghé vào một cửa hàng bán thẻ gọi. Tôi đưa cho ông ta tiền và một chút tiền boa để ông chạy vào mua cho tôi một thẻ gọi.

Đêm đó, chúng tôi nằm trên giường của chúng tôi xem một chương trình trò chuyện trên tivi. Hai giáo sĩ râu dài lốm đốm bạc, chít khăn tu-ban trắng đang nhận các cuộc gọi của tín đồ trên khắp thế giới. Một người gọi từ Phần Lan, một ông tên Ayub hỏi liệu con trai tuổi dưới hai mươi của ông ta có thể bị đày xuống địa ngục vì mặc quần thụng quá trễ khiến đồ lót bên trong hở ra không.

- Một lần cháu đã thấy một bức hình của San Francisco đấy.

- Thật à?

- Có một cây cầu đỏ và một toà nhà mái nhọn.

- Cháu nên thấy các đường phố nữa, – tôi nói.

- Đường phố thế nào? – Lúc này nó nhìn sang tôi. Trên màn hình tivi, hai ông giáo sĩ đang tham khảo ý kiến nhau.

- Chúng rất là dốc, khi cháu lái xe lên dốc tất cả những gì cháu thấy chỉ là mui xe và bầu trời thôi. – tôi nói.

- Nghe có vẻ sợ nhỉ, – nó nói và xoay nghiêng người, quay mặt sang bên tôi, lưng về phía tivi.

- Chỉ ít lần đầu thôi, – tôi nói. – Nhưng rồi cháu sẽ quen đi.

- Ở đây có tuyết không?

- Không, nhưng chúng ta sẽ gặp rất nhiều sương mù. Cháu biết chiếc cầu đỏ cháu đã nhìn thấy chứ?

- Vâng.

- Đôi khi sương mù dày đặc suốt buổi sáng, tất cả những gì cháu nhìn thấy chỉ là đỉnh của hai ngọn tháp nhô lên.

- Ồ! – Có chút ngạc nhiên và thán phục trong nụ cười của nó.

- Sohrab này?

- Dạ.

- Cháu đã nghĩ chút nào đến điều bác hỏi cháu lúc trước chưa?

Nụ cười của nó tắt ngấm. Nó nằm ngửa ra. Gối đầu lên hai bàn tay. Hai giáo sĩ khẳng định con trai của Ayub rất cuộc sẽ phải xuống địa ngục vì mặc quần kiêu đó. Họ tuyên bố tội đó có nêu trong Haddith[144].

- Cháu đã nghĩ, – Sohrab nói.

- Và?

- Cháu sợ.

- Bác biết, cũng hơi sợ một tí, – tôi nói, chộp lấy tia hy vọng hé lộ ra đó. – Nhưng cháu sẽ học được tiếng Anh rất nhanh, và cháu sẽ quen dần với...

- Ý cháu không phải như vậy. Điều đó cũng làm cháu sợ, nhưng...

- Nhưng gì nữa?

Nó lại lăn về phía tôi. Co hai đầu gối lên:

- Ngộ nhờ bác chán cháu thì sao? Ngộ nhờ vợ bác không thích cháu?

Tôi cố lê ra khỏi giường và vượt qua khoảng cách giữa chúng tôi, đến ngồi bên nó, rồi nói:

- Sohrab, bác sẽ không bao giờ chán cháu. Không bao giờ. Lời hứa đấy. Cháu là cháu của bác, cháu nhớ chứ? Và Sohrab jan, bác gái là một

phụ nữ rất nhân từ. Hãy tin bác, bác gái sẽ yêu cháu. Bác cũng hứa như thế nữa. Tôi đánh liều. Cúi xuống và cầm lấy tay nó. Nó rụt lại một chút nhưng để tôi cầm.

- Cháu không muốn đến một trại mồ côi khác, – nó nói.

- Bác sẽ không bao giờ để xảy ra chuyện đó. Bác hứa với cháu thế. – Tôi ôm lấy bàn tay nó trong cả hai tay tôi. – Về nhà với bác.

Nước mắt nó tràn ra đầm đìa chiếc gối. Nó không nói gì một lúc lâu. Rồi tay nó xoắn chặt lấy tay tôi. Và nó gật đầu. Nó gật đầu.

Gọi thử đến lần thứ tư mới nổi được máy. Chuông reo ba hồi trước khi nàng nhắc máy lên:

- Hello?

Lúc đó là 7 giờ 30 tối ở Islamabad, khoảng cùng giờ vào buổi sáng ở California. Có nghĩa Soraya đã dậy được một giờ rồi và chuẩn bị đến trường.

- Anh đây, – tôi nói. Tôi đang ngồi trên giường tôi, ngắm Sohrab ngủ.

- Amir! – Nàng hầu như reo lên. – Anh có khoẻ không? Anh đang ở đâu?

- Anh đang ở Pakistan.

- Sao không gọi cho em sớm hơn? Em phát ốm vì tashweesh[145] đấy! Mẹ em ngày nào cũng cầu nguyện cho anh và làm lễ nazr cho anh.

- Anh xin lỗi đã không gọi. Bây giờ anh khoẻ rồi. – Tôi đã nói với nàng tôi sẽ chỉ đi mất một tuần, nhiều nhất là hai. Thế mà tôi đã đi gần một tháng. Tôi mỉm cười. – Và bảo Khala Jamila đừng có giết cừu đấy.

- Anh nói “khỏe rồi” là ý thế nào? Mà giọng nói của anh làm sao vậy?

- Bây giờ đừng lo đến chuyện đó nữa. Anh khoẻ rồi. Thật đấy, Soraya. Anh có một chuyện phải nói với em, một chuyện đáng lẽ phải nói với em từ lâu rồi, nhưng trước hết anh cần nói với em điều này.

- Điều gì vậy? – Giọng nàng hạ xuống, thận trọng hơn.

- Anh không trở về nhà một mình. Anh sẽ đem theo về một thằng bé. – Tôi ngừng lại. – Anh muốn chúng ta nhận nuôi nó.

- Cái gì?

Tôi xem đồng hồ:

- Anh còn năm mươi bảy phút trên cái thẻ gọi vớ vẩn này và anh có rất nhiều điều phải nói với em. Em ngồi tạm xuống đâu đi.

Tôi nghe thấy tiếng chân ghế kéo vội trên sàn gỗ.

- Nói tiếp đi, – nàng bảo.

Thế là tôi đã làm cái việc mà tôi không làm trong mười lăm năm chung sống. Tôi kể hết cho vợ tôi mọi chuyện. Mọi chuyện. Tôi đã hình dung ra khoảnh khắc này rất nhiều lần, đã sợ đến chết được, nhưng khi tôi nói ra, tôi cảm thấy như nhẹ cả lồng ngực. Tôi mừng tượng Soraya cũng đã trải qua điều gì đó rất giống như thế, vào cái đêm khastegari của chúng tôi, khi nàng kể hết cho tôi quá khứ của nàng.

Khi tôi nói xong, nàng khóc.

- Em nghĩ thế nào? – Tôi hỏi.

- Amir, em chẳng biết nghĩ sao nữa. Anh đã kể cho em quá nhiều chuyện, cùng một lúc thế này.

- Anh cũng nhận thấy thế. Tôi nghe thấy tiếng nàng sụt sịt mũi:

- Nhưng em hiểu điều này lắm. Anh phải mang nó về. Em muốn anh làm thế.

- Em có chắc không? – Tôi vừa hỏi vừa nhắm mắt lại, mỉm cười.

- Em có chắc không ư? – Nàng nói. – Amir, nó là gaom[146] của anh, gia đình của anh, vậy nó cũng là gaom của em. Tất nhiên là em chắc rồi. Anh không thể để nó lang thang đường phố, – dừng một lúc. – Trông nó thế nào?

Tôi nhìn sang Sohrab đang ngủ trên giường:

- Nó trông đáng yêu, theo kiểu nghiêm nghị.

- Ai có thể quở trách nó nào? – Nàng nói. – Amir, em muốn gặp nó.

Em muốn thật đấy.

- Soraya?

- Vâng.

-Dostet darum. Anh yêu em.

- Em cũng yêu anh. – nàng nói. Tôi như nghe thấy cả tiếng cười trong những lời nói của nàng. – Và anh hãy bảo trọng.

- Anh sẽ thế. Còn một điều nữa. Đừng nói với bố mẹ em thằng bé là ai. Nếu họ cần biết, việc đó phải để anh nói.

- Được rồi.

Chúng tôi gác máy.

Bãi cỏ bên ngoài toà Đại sứ Mỹ ở Islamabad được xén rất gọn ghẽ, điểm những khóm hoa hình tròn bao quanh bằng hàng rào cây cắt tỉa thẳng hàng. Bản thân toà nhà giống như nhiều toà nhà khác ở Islamabad, mái bằng và màu trắng. Chúng tôi phải qua vài trạm kiểm soát dọc đường để đến đó và ba nhân viên an ninh đảm bảo việc khám xét người tôi sau khi dây thép bó hàm tôi làm phát tín hiệu ở máy dò kim loại. Cuối cùng khi chúng tôi từ cái nóng bên ngoài bước vào trong, không khí của máy điều hoà nhiệt độ ập vào mặt tôi như bị hắt nước đá. Bà thư ký ở sảnh tiếp tân, một phụ nữ tóc hung chừng năm mươi tuổi, khuôn mặt nhỏ nhắn, mỉm cười khi tôi nói cho bà tên tôi. Bà mặc một chiếc áo khoác màu nâu nhạt và một quần âu đen, người phụ nữ đầu tiên tôi trông thấy suốt trong mấy tuần lễ, mặc thứ gì khác chiếc burqa hoặc shalwar-kameez. Bà ngược dò tôi trong danh sách các cuộc hẹn, gõ gõ cái đầu tẩy bút chì lên bàn. Bà tìm thấy tên tôi và bảo tôi ngồi xuống.

- Ông có muốn uống một cốc nước chanh không?
- Cảm ơn bà, tôi không dùng gì.
- Thế còn con trai ông?
- Tôi xin lỗi?
- Cậu bé xinh trai kia ấy, – bà vừa nói vừa mỉm cười với Sohrab.
- Ồ. Bà tử tế quá, cảm ơn bà.

Tôi và Sohrab ngồi trên một chiếc ghế sofa bọc da đen ngay bên bàn tiếp khách, cạnh một lá cờ Mỹ to. Sohrab cầm một cuốn tạp chí từ chiếc bàn cà phê trên lót kính. Nó lật trang, không thật sự nhìn vào tranh ảnh bên trong.

- Gì đấy ạ? – Sohrab hỏi.
- Hả?
- Bác đang mỉm cười.
- Bác đang nghĩ về cháu, – tôi nói.

Nó mỉm cười bẽn lẽn, nhặt thêm một cuốn tạp chí khác và lật mở khoảng nửa phút.

- Đừng sợ, – tôi vừa nói vừa đụng vào cánh tay nó. – Những người ở đây đều thân thiện cả. Yên tâm. – Lẽ ra tôi có thể dặn dò nó trước mới phải. Tôi vẫn bõn chồn trên ghế, hết cởi lại buộc dây giày. Bà thư ký đặt một cốc to nước chanh đá lên bàn cà phê.

- Cháu uống đi.

Sohrab mỉm cười bẽn lễn: Cảm ơn bà nhiều lắm, – nó nói bằng tiếng Anh. Nhưng lại nghe như: “Cảm ơn bà nhiều lắm.” Đó là câu tiếng Anh duy nhất nó biết, nó bảo tôi thế, và câu “Chúc một ngày tốt lành.”

Bà cười:

- Không có gì đâu.

Bà bước trở lại bàn làm việc của mình, gót giày cao gô lên sàn.

- Chúc một ngày tốt lành. – Sohrab nói.

Raymond Andrews là một người đàn ông thấp bé, hai bàn tay nhỏ, móng tay cắt giữa rất cẩn thận, ngón tay đeo nhẫn cưới. Ông ta bắt tay tôi lấy lệ, có cảm giác như bắt tay một con chim sẻ. Đó lại là những bàn tay nắm số phận chúng tôi.

Tôi nghĩ thế, trong khi Sohrab và tôi tự ngồi xuống trước bàn giấy của ông ta. Một bức tranh quảng cáo phim Những người khốn khổ được đóng đinh trên tường phía sau ông ta, gần bản đồ địa chính nước Mỹ. Một chậu cà chua dãi nắng trên bệ cửa sổ.

- Ông hút thuốc không? – Ông hỏi bằng một giọng nam trung khá trầm, không hợp chút nào với dáng vẻ nhẹ nhõm của ông.

- Không, cảm ơn, – tôi nói, không chút quan tâm đến cách ông ta hầu như không thèm liếc nhìn Sohrab, hoặc cách ông ta nói mà không nhìn tôi.

Ông ta lôi ngăn kéo bàn làm việc ra, và châm một điếu ở bao thuốc vơi một nửa. Ông ta cũng lôi ra một lọ nước thơm ở cùng ngăn kéo ấy. Vừa nhìn mấy cây cà chua vừa chà xát nước thơm vào hai tay, điếu thuốc phập phèo bên mép. Rồi ông ta đóng ngăn kéo, tì hai khuỷu tay lên bàn làm việc và thở phào:

- Nào, – ông ta nói, vừa nheo mắt trước khói thuốc. – Kể cho tôi chuyện của ông đi.

Tôi cảm thấy mình như Giăng van Giăng ngồi trước Giave. Tôi nhắc nhở mình rằng lúc này tôi đang trên đất Mỹ, rằng cái gã này đang đứng về phía mình, rằng hẳn được trả lương để giúp những người như tôi.

- Tôi muốn nhận nuôi thằng bé này, mang nó theo về Hợp chủng quốc cùng với tôi. – Tôi nói.

- Nói cho tôi biết chuyện của ông, – ông ta nhắc lại, dùng ngón trỏ dụi tàn thuốc lên chiếc bàn sắp xếp rất ngăn nắp, đoạn búng nó vào sọt rác. Tôi kể cho ông ta hết những gì tôi đã suy nghĩ kỹ trong đầu, từ lúc gác máy với Soraya. Tôi đã vào Afghanistan để mang về đứa con trai của người em cùng cha khác mẹ của tôi. Tôi đã tìm thấy thằng bé trong hoàn cảnh nghèo khổ tồi tàn, còm cõi vì đau ốm trong một trại mồ côi. Tôi đã trả một số tiền cho ông giám đốc trại mồ côi, và lôi được thằng bé ra. Rồi tôi mang nó tới Pakistan.

- Ông là bác nửa huyết thống của thằng bé?

- Vâng.

Ông ta xem đồng hồ. Ngả người ra và xoay chậu cà chua trên bậu cửa sổ.

- Ông biết ai có thể chứng thực điều đó chứ?

- Có, nhưng tôi không biết hiện giờ ông ấy ở đâu.

Ông ta quay lại phía tôi và gật đầu. Tôi cố đọc nét mặt của ông ta mà không đọc nổi. Tôi không biết liệu đã bao giờ ông ta thử chơi bài poker hay chưa. Ông ta nói:

- Tôi cho rằng hai hàm ông bị bó dây thép thế kia không phải là lời trình bày hợp lý cuối cùng của ông.

Sohrab và tôi, chúng tôi gặp rắc rối, và thế là tôi biết rồi. Tôi bảo ông ta tôi bị cướp ở Peshawar.

- Dĩ nhiên, – ông ta nói. Rồi hắng giọng. – Ông là tín đồ Hồi giáo chứ?

- Vâng.

- Ngoan đạo?

- Vâng.

Thực ra, tôi không còn nhớ lần cuối cùng tôi rập trán xuống đất để cầu nguyện là bao giờ nữa. Rồi tôi lại nhớ đến cái ngày mà bác sĩ Amani chẩn đoán bệnh cho Baba. Tôi đã quỳ xuống chiếc thảm cầu nguyện, chỉ nhớ được mấy khổ thơ tôi đã học ở trường.

- Điều đó giúp cho trường hợp của ông một chút, nhưng không nhiều, – ông ta vừa nói vừa gãi gãi trên đám tóc rất mượt của bộ tóc màu hung đỏ.

- Ông định nói sao? – Tôi hỏi. Tôi với lấy bàn tay Sohrab, ngoắc ngón tay tôi vào ngón tay nó. Sohrab bần khoản hết nhìn tôi lại nhìn Andrews.

- Sẽ là một câu trả lời dài dòng và tôi tin chắc tôi rút cục cũng phải nói ra. Ông có muốn câu trả lời vắn tắt trước không?

- Cứ cho là như thế đi.

Andrews dụi điếu thuốc, hai môi mím lại:

- Bỏ chuyện này đi.

- Tôi xin lỗi?

- Việc xin nhận nuôi thằng bé này. Bỏ đi. Đó là lời khuyên của tôi.

- Đã rõ, – tôi nói. – Giờ, có lẽ ông cho tôi biết tại sao chứ.

- Có nghĩa là ông muốn câu trả lời dài, – ông ta nói, giọng bình thản, không hề phản ứng lại giọng nói cộc lốc của tôi. Ông ta ép hai lòng bàn tay lại như thể đang quỳ trước Đức mẹ đồng trinh. – Ta cứ cho là chuyện ông kể cho tôi là thực đi, dầu tôi dám chắc với ông tiền lương hưu của tôi, phần lớn chuyện đó là thêu dệt và cắt xén. Ông hãy lưu ý, không phải là tôi nhiều chuyện đâu. Ông đây, nó đây, tất cả vấn đề là ở đó. Ngay cả thế nữa, đơn thỉnh cầu của ông cũng gặp phải những trở ngại quan trọng, không kể cái tối thiểu ấy là thằng bé này không mồ côi.

- Đương nhiên nó là trẻ mồ côi rồi.

- Nhưng lại không, về mặt pháp lý.

- Bố mẹ nó bị xử bắn trên đường phố. Những người hàng xóm đều thấy chuyện đó. – tôi nói, và lấy làm mừng vì chúng tôi nói bằng tiếng Anh.

- Ông có những giấy khai tử không?

- Giấy khai tử? Chúng ta đang nói về Afghanistan. Phần lớn dân ở đó không có giấy khai sinh.

Đôi mắt vô cảm của ông ta không hề chớp:

- Tôi không làm ra luật, thưa ông. Dù bất kể ông giận dữ thế nào, ông vẫn cần chứng minh bố mẹ nó đã qua đời. Thằng bé phải được công nhận là một đứa trẻ mồ côi hợp pháp.

- Nhưng...

- Ông muốn một câu trả lời dài dòng, và tôi đang trả lời cho ông. Vấn đề tới của ông là ông cần sự hợp tác của nơi quê gốc của đứa trẻ. Mà, trong hoàn cảnh khả quan nhất, việc đó cũng rất khó, xin trích lời ông, chúng ta đang nói về Afghanistan. Chúng ta không có sứ quán Mỹ ở

Kabul. Việc đó làm cho mọi điều càng cực kỳ phức tạp. Gần như là bất khả.

- Theo như ông nói, tôi nên ném nó trở lại đường phố? – Tôi hỏi.

- Tôi không nói thế.

- Nó đã bị lạm dụng tình dục, – tôi vừa nói vừa nghĩ tới những chuông nhạc đeo xung quanh cổ chân, chất mascara trên mắt nó.

- Tôi rất tiếc khi nghe chuyện đó, – miệng Andrews nói. Nhưng với cung cách ông ta nhìn tôi, như thể chúng tôi đang nói chuyện về thời tiết. – Nhưng cái đó cũng sẽ không buộc Cục Nhập cư cấp visa cho thằng bé được.

- Ông đang nói gì vậy?

- Tôi đang nói, nếu ông muốn giúp đỡ, hãy gửi tiền cho một tổ chức cứu trợ có uy tín. Tình nguyện vào trong một trại tị nạn. Nhưng ở thời điểm này, chúng ta cực lực ngăn công dân Mỹ nhận trẻ con Afghan làm con nuôi. Tôi đứng dậy:

- Thôi nào, Sohrab, – tôi nói bằng tiếng Farsi. Sohrab luôn đến bên tôi, đầu ngả vào hông tôi. Tôi lại nhớ đến tấm ảnh Polaroid chụp nó và Hassan cũng đứng với nhau như thế. – Tôi có thể hỏi ông một điều không, ông Andrews?

- Được.

- Ông có con không?

Lần đầu tiên, ông ta chớp mắt.

- Thế nào, ông có không? Một câu hỏi đơn giản thôi mà.

Ông ta im lặng.

- Tôi nghĩ thế này, – tôi vừa nói vừa nắm lấy tay Sohrab. Người ta phải đặt một người biết thế nào là muốn có một đứa con vào cái ghế của ông mới đúng. Tôi quay lưng, bước ra. Sohrab bám theo tôi.

- Tôi có thể hỏi ông một câu không? – Andrews gọi với.

- Ông hỏi đi.

- Ông đã hứa với đứa trẻ là ông sẽ đem nó theo ông?

- Nếu tôi hứa thì sao?

Ông ta lúc đầu:

- Hứa với trẻ con là một việc nguy hiểm.

Ông ta thở dài và lại mở ngăn kéo bàn làm việc ra:

- Ông định theo đuổi việc này? – Vừa nói ông vừa lục lọi các giấy tờ.

- Tôi định theo đuổi đấy.

Ông rút ra một tấm danh thiếp.

- Vậy, tôi khuyên ông gặp một luật sư giỏi về nhập cư. Ông Omar Faisal làm việc ngay ở Islamabad. Ông có thể nói với ông ấy là tôi gửi ông đến.

Tôi cầm danh thiếp từ tay ông ta, ấp úng:

- Cảm ơn.

- Chúc may mắn, – ông ta nói.

Lúc chúng tôi ra khỏi phòng, tôi ngoái nhìn lại. Andrews đang đứng thẳng góc với ánh sáng mặt trời, lơ đãng nhìn qua cửa sổ, hai tay xoay chậu cà chua về phía mặt trời, nâng niu âu yếm.

- Bảo trọng, – bà thư ký nói khi chúng tôi đi qua bàn làm việc của bà.

- Sếp của bà cư xử thật lạ lùng, – tôi nói. Tôi hy vọng bà sẽ trợn mắt lên, có thể gật đầu hưởng ứng: “Tôi biết, mọi người đều nói thế,” đại khái như vậy. Thay vì thế, bà hạ giọng: “Khổ thân ông Ray, ông ấy không còn là mình nữa từ khi con gái ông ấy chết.” Tôi nhướn mày lên.

- Tự tử, – bà thì thào.

*

* *

Trên taxi trở về khách sạn, Sohrab dựa đầu vào cửa xe, vẫn chăm chú nhìn các toà nhà lướt qua, những hàng cây keo. Hơi thở của nó làm mờ cửa kính, nó lau sạch, rồi lại làm mờ. Tôi đợi nó hỏi tôi về cuộc gặp gỡ, nhưng nó không hỏi.

Bên trong cửa phòng tắm đóng kín, nước đang chảy. Kể từ ngày chúng tôi thuê phòng khách sạn này, Sohrab đêm nào cũng tắm khá lâu trước khi đi ngủ. Ở Kabul, nước máy nóng cũng giống như các ông bố: một món hàng quý hiếm. Bây giờ mỗi đêm Sohrab tắm gần một tiếng, đắm mình trong nước sữa tắm, kỳ cọ. Ngồi ở đầu giường, tôi gọi cho Soraya. Tôi liếc nhìn khe sáng nhỏ dưới phòng tắm. Sohrab, cháu cảm thấy sạch chưa?

Tôi kể lại cho Soraya những gì Raymond Andrews đã nói tôi và hỏi:

- Vậy em nghĩ sao?

- Chúng ta phải nghĩ rằng ông ấy nhầm. – Nàng bảo tôi nàng đã gọi cho vài tổ chức thu xếp việc nhận con nuôi quốc tế. Nàng chưa tìm được nơi nào muốn xem xét việc tiến hành nhận con nuôi Afghan, nhưng nàng vẫn đang tìm.

- Bố mẹ em nghe tin ấy với thái độ thế nào?

- Madar sung sướng cho chúng ta. Anh biết bà nghĩ thế nào về anh mà, Amir, trong con mắt bà anh không thể làm điều gì sai. Pakar... ồ, vẫn luôn luôn như thế, hơi khó hiểu. Ông không nói gì nhiều.

- Còn em? Em hạnh phúc chứ?

Tôi nghe thấy nàng chuyển máy sang tay kia:

- Em nghĩ chúng ta sẽ là tốt cho cháu anh, nhưng biết đâu thằng bé là đem lại hạnh phúc cho chúng ta.

- Anh cũng đang nghĩ như thế.

- Em biết, có vẻ hơi điên, nhưng em thấy mình cứ thắc mắc không biết món quarma nào thằng bé thích, hoặc nó thích học môn gì nhất. Em tưởng tượng sẽ giúp nó những bài làm về nhà... – nàng cười.

Trong phòng tắm, nước ngừng chảy. Tôi nghe thấy Sohrab trong đó, tháo nước ở bồn vì nước đã tràn ra ngoài.

- Em sẽ vui lắm đấy, – tôi nói.

- Ồ suýt em quên! Em đã gọi cho Kaka Sharif.

Tôi nhớ ông đã ngâm một bài thơ viết từ mảnh giấy văn phòng khách sạn, tại lễ nika của chúng tôi. Con trai ông đã nâng cuốn kinh Koran trên đầu chúng tôi khi Soraya và tôi bước lên bục, mỉm cười trước các máy ảnh loé đèn.

- Ông ấy bảo thế nào?

- Ồ, bác ấy đang vận động ủng hộ chúng ta. Bác ấy sẽ gọi cho vài người bạn thân của bác ấy ở Sở Nhập cư.

- Đấy mới thực sự là tin quan trọng, – tôi nói. – Anh nóng lòng cho em gặp Sohrab quá.

- Em cũng nóng ruột mong gặp anh, – nàng nói.

Tôi gác máy, mỉm cười.

Sohrab, mấy phút sau, từ buồng tắm hiện ra. Nó hầu như không nói lấy mười lời từ khi gặp ông Raymond Andrews và những nỗ lực gọi chuyện

của tôi chỉ nhận được một cái gật đầu hoặc một lời đáp có hay không. Nó leo lên giường, kéo chăn đắp đến cằm. Trong vòng vài phút đã ngáy.

Tôi lau tấm gương mờ hơi nước thành một vòng tròn và cạo mặt bằng bàn dao cạo cổ lỗ của khách sạn, loại mở ra và đặt lưỡi vào. Rồi tôi cũng tắm, nằm ở đó cho đến khi nước nóng đã nguội đi và da tôi săn lại. Tôi nằm đó, đầu óc trôi giạt, băn khoăn, tưởng tượng...

Omar Faisal mập mạp, ngăm đen, má lúm đồng tiền, mắt đen tròn, và có nụ cười khuyết răng đáng mến. Bộ tóc mỏng đốm bạc của ông buộc kiểu đuôi ngựa ra phía sau. Ông mặc một bộ đồ nhung kẻ màu nâu, khuỷu tay đệm da và mang theo một chiếc cặp cũ nhồi đầy giấy tờ. Quai cặp bị mất, vì vậy ông phải ôm cặp vào ngực. Ông là người bao giờ cũng bắt đầu bằng việc cười với câu xin lỗi không cần thiết, như: Tôi xin lỗi, tôi sẽ ở đó lúc năm giờ. Cười. Khi tôi gọi cho ông, ông đã một mực không đến gặp chúng tôi. “Tôi xin lỗi, bọn tài xế taxi trong thành phố này như lũ cá mập ấy.” Ông nói bằng thứ tiếng Anh hoàn hảo, không một dấu hiệu thổ ngữ nào. “Đánh hơi thấy mùi nước ngoài, là già gấp ba tiền cước.”

Ông đẩy cửa đi vào, tươi cười và xin lỗi tíu tít, mồ hôi nhễ nhại và thở hổn hển. Ông lấy khăn tay lau mồ hôi trên lông mày và mở cặp, lục lọi lấy ra một kẹp giấy ghi chép, và xin lỗi vì đã bày bữa giấy tờ ra giường. Ngồi khoanh chân trên giường, Sohrab mắt vừa vẫn theo dõi màn hình tivi đã tắt tiếng vừa nhìn ông luật sư phiền toái. Tôi đã dặn nó từ lúc sáng rằng ông Faisal có lẽ sẽ đến đây, và nó đã gật đầu, hầu như chẳng hỏi điều gì mà chỉ tiếp tục xem cảnh bày thú trò chuyện với nhau.

- Vậy là chúng ta đã gặp nhau. – ông Faisal vừa nói vừa bật mở kẹp giấy tờ pháp lý màu vàng. – Tôi mong lũ trẻ nhà tôi trông nom mẹ chúng khi có công việc. Tôi xin lỗi, có lẽ không phải những điều ông muốn nghe từ một luật sư tương lai, hả? – Ông cười.

- Ồ, ông Raymond Andrews đánh giá cao về ông.

- Ngài Andrews à. Vâng, vâng. Ông bạn đứng đắn. Thực ra ông ấy cũng đã gọi cho tôi và nói với tôi về ông.

- Ông ấy đã làm thế?

- Ồ vâng.

- Vậy ông đã rõ cảnh ngộ của tôi.

Ông Faisal thắm thắm những giọt mồ hôi phía trên môi:

- Tôi đã rõ chuyện ông kể lại cảnh ngộ của ông với ông Andrews. – ông nói.

Hai má ông lúm một nụ cười bẽn lễn. Ông quay lại phía Sohrab và nói bằng tiếng Farsi. – Đây chắc hẳn là anh bạn trẻ đang gây ra rắc rối.

- Đây là Sohrab, – tôi nói. – Sohrab, đây là ông Faisal, bác đã nói với cháu.

Sohrab tụt xuống giường và bắt tay ông Omar Faisal, chào khê:

- Salaam alaykum.

- Alaykum salaam, Sohrab. – Ông Faisal nói. – Cháu có biết cháu được đặt tên theo một chiến binh vĩ đại không?

Sohrab gật đầu. Lại trèo lên giường và nằm nghiêng xem tivi.

- Tôi không biết ông lại nói tiếng Farsi giỏi thế, – tôi nói bằng tiếng Anh. – Ông lớn lên ở Kabul à?

- Không, tôi sinh ra ở Karachi. Nhưng tôi đã sống ở Kabul nhiều năm, quận Shar-e-Nau gần nhà thờ Haji Yaghoub. Thật ra, tôi lớn lên ở Berkeley. Cha tôi mở một cửa hàng chuyên về âm nhạc ở đó vào những năm cuối thập kỷ sáu mươi. Tự do tình dục, băng buộc đầu, sơ mi nhuộm loang, như ông có thể hình dung ấy. – Ông ngả người về phía trước. – Tôi đã từng ở quận Woodstock.

- Cực kỳ thời thượng, – tôi nói, và ông Faisal cười đến vã mồ hôi ra lần nữa. – Dẫu sao, – tôi tiếp tục, – những gì tôi đã nói với ông Andrews là gần như đầy đủ trừ một hai điều. Có thể là ba điều. Tôi sẽ kể hết với ông, không giấu giếm gì.

Ông liếm ngón tay, mở tới một trang giấy trắng và tháo nắp bút:

- Tôi hoan nghênh việc đó, Amir. Và tại sao chúng ta lại không giữ kín, nói bằng tiếng Anh từ đầu đến cuối nhỉ?

- Rất hay. Tôi nói với ông mọi chuyện đã xảy ra. Kể lại với ông việc gặp chú Rahim Khan, hành trình cam go tới Kabul, trại mồ côi, việc ném đá ở Sân vận động Ghazi.

- Chúa ơi! – Ông thì thào. – Tôi rất tiếc, tôi có những kỷ niệm thật êm đềm về Kabul. Không thể tin được đây lại là nơi ông đang kể cho tôi.

- Gần đây ông có ở đó hay không?

- Ởn Chúa, không.

- Tôi có thể nói với ông, đó không phải là Berkeley.

- Ông tiếp tục đi.

Tôi kể nốt cho ông, cuộc gặp Assef, đánh nhau, Sohrab và chiếc súng cao su của nó, cuộc chạy trốn của chúng tôi về Pakistan.

Khi tôi kể xong, ông ghi nguệch ngoạc mấy dòng, thở dài sườn sượt, và nghiêm nghị nhìn tôi:

- Chà, ông còn có một trận chiến gay go trước mắt.

- Trận mà tôi có thể thắng?

Ông đóng nắp bút:

- Dù có liều làm thử như ông Andrews, cũng không có gì là chắc chắn. Không phải bất khả, nhưng hầu như không chắc chắn gì cả. – Cái nhìn vui đùa trong con mắt và nụ cười trêu mếu của ông không còn nữa.

- Nhưng vấn đề là những đứa trẻ như Sohrab cần một mái nhà ấm áp hơn tất cả. – Tôi nói. – Những luật lệ và quy tắc này chẳng có ý nghĩa gì với tôi.

- Ông đang thuyết giáo cho ban đồng ca đấy[147], Amir, – ông nói. – Nhưng sự thật là, xét đến những luật nhập cư gần đây, những chính sách của sở nhận con nuôi và bối cảnh chính trị ở Afghanistan, thì mọi chuyện đều chống lại ông.

- Tôi không hiểu, – tôi nói. Tôi muốn đắm vào một cái cái gì đó. – Ý tôi muốn nói, tôi hiểu mà cũng không hiểu điều đó.

Omar gật đầu, cau mày lại:

- Ở, đại khái như thế này. Với hậu quả của một thảm họa, dù là tự nhiên hay do con người gây ra – và Taliban là một thảm họa, Amir, hãy tin tôi – vẫn luôn khó để xác định một đứa trẻ là trẻ mồ côi. Trẻ con được đưa vào trại tị nạn, hoặc bố mẹ chúng bỏ rơi chỉ vì không chăm sóc nổi chúng. Luôn luôn xảy ra như vậy. Vì vậy Sở Nhập cư không thể cấp visa, trừ phi đứa trẻ rõ ràng được xác định là một trẻ mồ côi đủ tư cách pháp nhân. Tôi xin lỗi, tôi biết nói thế này có vẻ buồn cười, nhưng ông cần những giấy chứng tử.

- Ông đã từng ở Afghanistan, – tôi nói. – Ông biết điều đó là không thể được.

- Tôi biết, – ông nói. – Nhưng ta hãy giả thiết là đứa trẻ rõ ràng không còn bố mẹ sống sót. Ngay cả như thế, Sở Nhập cư sẽ nghĩ, việc nhận con

nuôi thực tế sẽ tốt hơn khi giao đứa trẻ vào tay ai đó ngay trên chính đất nước nó, như vậy việc thừa kế của nó có thể được bảo đảm.

- Thừa kế nào? – Tôi nói. – Bọn Taliban đã phá huỷ tất cả những gì người dân Afghan được thừa kế. Ông biết là chúng đã làm gì với pho tượng Phật khổng lồ ở Bamiyan rồi đấy.

- Tôi xin lỗi, tôi đang nói với ông Sở Nhập cư sẽ làm như thế nào, Amir. – Omar nói, vừa chạm vào cánh tay tôi. Ông liếc nhìn Sohrab và mỉm cười. Quay lại phía tôi, ông tiếp. – Giờ, vì một đứa trẻ phải được nuôi hợp pháp theo luật lệ và quy chế của đất nước của chính nó. Nhưng với một đất nước đang rối loạn, giả sử một đất nước như Afghanistan, các cơ quan chính phủ đang bận bịu những công việc khẩn cấp, thì soạn thảo những luật lệ về việc nhận con nuôi không phải là vấn đề tối ưu tiên.

Tôi thở dài và dụi mắt. Ngay sau đó, đầu tôi nhức như búa bổ.

- Nhưng ta hãy giả thiết, vì lý do nào đó Afghanistan thống nhất được cái đạo luật ấy. – Omar nói, vừa khoanh hai cánh tay lên cái bụng phệ của ông. – Vẫn chưa thể cho phép việc nhận con nuôi này. Thực tế là, ngay cả những quốc gia Hồi giáo ôn hoà vẫn còn phân vân về việc nhận con nuôi bởi vì trong phần lớn những quốc gia đó, luật Hồi giáo, Shari'a, không thừa nhận con nuôi.

- Ông đang bảo tôi từ bỏ chuyện này? – Tôi vừa hỏi vừa ép tay lên trán.

- Amir, tôi lớn lên ở Hoa Kỳ. Nếu nước Mỹ có dạy tôi điều gì thì đó là trút bỏ, có nghĩa trở lại đúng như ban đầu và đái vào cái bình nước giải khát của tổ chức Girl-Scouts[148]. Nhưng là luật sư của ông, tôi phải nói hết sự thật với ông, – ông nói tiếp. – Cuối cùng, các sở phụ trách việc nhận con nuôi, theo thông lệ, sẽ gửi nhân viên của mình tới đánh giá hoàn cảnh của đứa trẻ, và không có một sở tương đối khôn ngoan nào lại đi gửi phái viên của mình tới Afghanistan. Tôi nhìn Sohrab đang ngồi trên giường xem tivi, theo dõi chúng tôi. Nó ngồi đúng như kiểu bố nó vẫn quen ngồi, chống cằm trên đầu gối.

- Tôi là bác cùng cha khác mẹ với bố nó, cái đó có nghĩa gì không?

- Cũng được xem xét nếu ông chứng minh được điều đó. Tôi xin lỗi, ông có một thứ giấy tờ nào không, hoặc ai đó có thể xác nhận giúp ông?

- Chẳng có giấy tờ gì cả, – tôi nói bằng một giọng mệt mỏi. – Chẳng ai biết về điều đó. Sohrab cũng chẳng biết, cho đến khi tôi nói với nó, và bản thân tôi, tôi cũng mới phát hiện ra điều đó gần đây thôi. Người khác duy nhất biết chuyện thì đã đi rồi, có thể đã chết.

- Hừm.

- Tôi phải lựa chọn thế nào đây, ông Omar?

- Tôi sẽ nói thẳng. Ông không có nhiều sự lựa chọn đâu.

- Ôi, Chúa ơi, vậy tôi có thể làm gì?

Omar hít vào một hơi dài, gõ gõ chiếc bút vào cằm, chờ đến khi thở ra mới nói:

- Ông vẫn có thể gửi một đơn thỉnh cầu nuôi trẻ mồ côi, hy vọng may ra có thể thành công. Ông cũng có thể nhận con nuôi độc lập, có nghĩa là ông phải ở ngay Pakistan cùng với Sohrab, ngày qua ngày lại, chờ vài năm sau. Ông có thể tìm một nơi tị nạn cho nó. Đó là cả một tiến trình lâu dài và ông sẽ phải chịu sự phiền toái về chính trị. Rồi ông có thể xin cấp một visa nhân đạo. Việc đó lại cần đến sự sáng suốt của ông Tổng Biên lý và cũng chẳng phải là điều dễ dàng. – Ông dừng lại. – Có một sự lựa chọn khác, có lẽ là cách tốt nhất cho ông.

- Cách gì? – Tôi vừa nhào người về phía trước vừa hỏi.

- Ông có thể trao nó lại cho một trại mồ côi ở đây, rồi gửi đơn thỉnh cầu xin một trẻ mồ côi. Bắt đầu bằng thủ tục I-600 cùng với việc tìm hiểu gia đình ông trong khi nó đã ở một nơi an toàn.

- Những thứ đó là gì?

- Tôi xin lỗi, I-600 là thủ tục của Sở Nhập cư. Việc tìm hiểu gia đình được tiến hành bởi một hãng phụ trách việc nhận con nuôi tùy ông chọn. Đó là, ông biết đấy, để xem có chắc chắn ông và bà nhà không bị điên.

- Tôi không muốn làm như thế, – tôi đáp, vừa nhìn lại Sohrab. – Tôi đã hứa với nó, tôi sẽ không gửi nó trở lại một trại mồ côi.

- Như tôi đã nói, đó có lẽ là cách lựa chọn tốt nhất.

Chúng tôi nói thêm với nhau một lúc nữa. Rồi tôi tiễn chân ông ấy ra tận xe, một con Rệp V.W. cổ lỗ. Lúc đó mặt trời đang xế trên Islamabad, một khối đỏ rực như lửa ở phía Tây. Tôi chứng kiến chiếc xe nghiêng hẳn đi, dưới sức nặng của ông trong khi ông loay hoay để luồn vào sau tay lái. Ông kéo kính xuống:

- Ông Amir này.

- Sao ạ?

- Tôi đã định nói ngay trong đó, về những gì ông đang cố làm ấy mà. Tôi cho việc đó là hơi vĩ đại đấy.

Ông vẫy tay, đoạn phóng xe đi. Đứng ngoài khách sạn vẫy lại ông, tôi mong Soraya có thể ở đây với tôi.

Sohrab đã tắt tivi khi tôi trở lại phòng. Tôi ngồi ở đầu giường mình, yêu cầu nó đến ngồi bên tôi. Tôi bảo nó:

- Ông Faisal nghĩ có một cách để bác có thể mang theo cháu tới Mỹ.

- Ông ấy nói thế à? – Sohrab vừa nói vừa mỉm cười một cách mơ hồ lần đầu tiên trong mấy ngày liền. – Khi nào bác cháu mình có thể đi?

- Ồ, đó mới là vấn đề. Có thể phải mất một ít lâu. Nhưng ông ấy nói có thể sẽ xong và ông ấy sẽ giúp chúng ta. Tôi đặt tay trái tôi lên gáy nó.

Bên ngoài, tiếng gọi cầu kinh om sòm khắp các đường phố.

- Bao lâu? – Sohrab hỏi.

- Bác không biết. Một thời gian.

Sohrab nhún vai và mỉm cười, lần này miệng rộng hơn:

- Cháu chẳng cần. Cháu có thể đợi. Giống như những trái táo chua ấy?

- Táo chua ư?

- Một lần, khi cháu còn rất bé ấy, cháu trèo lên cây ăn những quả táo xanh, chua. Bụng cháu phình lên và cứng như một cái trống, rất đau. Mẹ bảo, nếu cháu chỉ cần đợi cho nó chín, chắc hẳn cháu sẽ không bị đau. Vì thế bây giờ, bất cứ khi nào, dù cháu muốn một thứ gì lắm, cháu cũng cố nhớ tới lời mẹ dặn về những trái táo.

- Táo chua, – tôi nói. – Mashallah, cháu đúng là một đứa trẻ tinh khôn bác chưa bao giờ gặp đấy, Sohrab jan.

Tai nó đỏ ửng lên.

- Bác sẽ đem cháu tới chiếc cầu đỏ chứ? Chiếc cầu trong sương mù ấy? – Nó hỏi.

- Nhất định rồi, – tôi nói. – Nhất định rồi.

- Và chúng ta sẽ lái xe leo lên những đường phố đó, những đường phố mà trên đó bác chỉ thấy nóc xe và bầu trời ấy? – Sẽ đi trên từng con đường một. – tôi nói. Nước mắt tôi cay cay và tôi phải chớp chớp cho đỡ đi.

- Tiếng Anh có khó học không?
- Bác đảm bảo trong vòng một năm cháu sẽ nói thạo như nói tiếng Farsi.
- Thật không?
- Thật, – tôi đặt một ngón tay dưới cằm nó, nâng cằm nó lên, cho mặt nó nhìn vào mặt tôi. – Còn có một việc khác nữa, Sohrab.
- Việc gì ạ?
- À, ông Faisal nghĩ rằng sẽ thực sự giúp được chúng ta, nếu chúng ta sẽ... nếu chúng ta có thể yêu cầu cháu ở tạm trong một ngôi nhà cho trẻ con, trong một khoảng thời gian.
- Nhà cho trẻ con hả? – Nó nói, nụ cười vụt tắt. – Ý bác nói một trại mồ côi?
- Chỉ trong một thời gian ngắn thôi mà.
- Không, – nó nói. – Không, xin bác.
- Sohrab, chỉ trong một thời gian ngắn thôi, bác hứa mà.
- Bác đã hứa bác sẽ không bao giờ cho cháu vào một trong những nơi ấy nữa, Amir Agha. – Nó nói. Giọng nó như vỡ ra, nước mắt tràn đầy mắt nó. Tôi cảm thấy đau nhói trong lòng.
- Việc này khác. Sẽ ở ngay đây. Ở Islamabad, chứ không phải ở Kabul. Và bác sẽ luôn luôn tới thăm cháu, cho tới khi có thể mang cháu ra và đưa cháu sang Mỹ.
- Không, cháu xin bác, không! – Nó kêu toáng lên. – Cháu sợ nơi ấy lắm rồi. Chúng sẽ hại cháu! Cháu không muốn đến đấy.
- Không ai hại cháu nữa đâu. Không bao giờ nữa.
- Có, họ sẽ hại cháu. Họ luôn luôn nói họ sẽ không thể nhưng họ nói dối. Họ nói dối! Thượng đế ơi, xin Người! Tôi lấy ngón tay cái chùi nước mắt nhỏ xuống hai má nó.
- Táo chua, cháu nhớ chứ? Nó chỉ như những trái táo chua thôi mà, – tôi dịu dàng nói. – Không, không phải thế. Không phải chỗ đó. Thượng đế, ôi Thượng đế, xin Người, không! – Nó run lên. Nước mắt và mũi dãi hoà lẫn nhau trên mặt nó.
- Thôi thôi! – Tôi kéo nó sát vào người tôi, vòng hai cánh tay ôm lấy tấm thân nhỏ bé đang run rẩy của nó. – Thôi thôi. Thôi được rồi. Chúng ta sẽ cùng về nhà. Rồi cháu thấy, mọi việc sẽ ổn thôi.

Giọng nó bị nghẹt vì bị ập chặt vào ngực tôi, nhưng tôi nghe thấy sự hoang mang trong đó:

- Xin bác hứa, bác sẽ không làm thế! Ôi Thượng đế, Amir Agha! Xin bác hứa, bác sẽ không làm thế đi! Tôi có thể hứa thế nào đây? Tôi ôm nó sát vào người tôi, ghì thật chặt, và đu đưa như ru. Nó khóc vào áo sơ mi của tôi cho đến khi khô nước mắt, đến khi cơn run rẩy của nó ngừng lại, và những lời van xin cuống quýt của nó nhỏ dần, thành những tiếng lầm bầm không rõ nói gì nữa. Tôi đợi, ru nó cho đến khi hơi thở nó chậm dần, và người nó chùng lại. Tôi nhớ một câu tôi đã đọc ở đâu đó lâu lắm rồi: Trẻ con luôn đối diện với sợ hãi như thế đấy. Chúng ngủ thiếp đi.

Tôi bế nó về giường của nó, đặt nó xuống. Rồi tôi về giường tôi nằm, nhìn ra ngoài cửa sổ vào bầu trời màu đỏ tía bao trùm Islamabad.

Bầu trời đã tối sẫm khi chuông điện thoại reo khiến tôi choàng tỉnh dậy. Tôi giụi mắt và bật đèn ngủ lên. Hơn mười giờ rưỡi đêm một chút. Tôi đã ngủ được gần ba tiếng đồng hồ. Tôi nhắc máy lên:

- Allô!

- Gọi từ Mỹ đây, – tiếng ông Fayyaz hờ hững.

- Cảm ơn ông, – tôi nói. Đèn buồng tắm vẫn sáng. Sohrab đang tắm đêm. Hai tiếng lách cách, rồi tiếng Soraya:

- Salaam, – nàng chào có vẻ phấn khích.

- Chào em.

- Việc gặp luật sư diễn biến thế nào rồi? Tôi kể lại cho nàng những gì ông Omar Faisal đã đề xuất.

- Thôi, anh có thể quên chuyện đó đi. – Nàng nói. – Chúng ta sẽ không phải làm thế nữa.

Tôi ngồi bật dậy.

- Sao, xảy ra chuyện gì vậy?

- Em được nghe lại từ Kaka Sharif. Ông nói chủ yếu là phải đưa Sohrab sang Mỹ. Một khi nó đã ở đây rồi, sẽ có nhiều cách để giữ nó lại. Vì vậy bác ấy đã gọi cho vài người bạn của bác ấy ở Sở Nhập cư. Tối nay bác ấy gọi lại cho em và bảo bác ấy hầu như chắc chắn có thể lấy cho Sohrab một visa nhân đạo.

- Không đùa đấy chứ? – Tôi nói. – Ôi, tạ ơn Thượng đế. Tốt thay, Sharif jan!

- Em biết mà. Dầu thế nào, chúng ta cũng sẽ là những người bảo trợ. Việc này chắc sẽ rất nhanh thôi. Bác ấy bảo visa sẽ có hiệu lực khoảng một năm, tha hồ đủ thời gian để tiến hành xin nhận con nuôi.

- Thực sự sẽ diễn ra như thế chứ Soraya?

- Có vẻ là như thế, – nàng nói. Nàng có vẻ sung sướng. Tôi bảo nàng tôi yêu nàng, và nàng nói nàng cũng yêu tôi. Tôi gác máy.

- Sohrab! – Tôi gọi và bật dậy khỏi giường. – Bác có tin vui đây – Tôi gõ cửa buồng tắm. – Sohrab, Soraya jan vừa gọi từ California. Hai bác sẽ không phải đưa cháu vào trại mồ côi nữa, Sohrab. Bác và cháu, chúng ta sẽ sang Mỹ. Có nghe bác nói không? Chúng ta sẽ sang Mỹ! Tôi đẩy cửa mở ra. Bước vào phòng tắm.

Chợt tôi khụy gối xuống, kêu thét lên. Nghiến răng lại mà kêu lên. Kêu lên cho tới khi họng tôi muốn vỡ ra và ngực tôi nổ tung.

Sau này, họ nói tôi vẫn còn kêu khi xe cấp cứu tới.

Chương 25

Họ không muốn để tôi vào.

Tôi thấy họ đẩy nó, qua hai lần cửa và tôi đi theo. Tôi xông qua hai cửa đó, mùi iốt và ôxy già xộc vào mũi tôi, nhưng tôi chỉ đủ thời gian trông thấy hai người đàn ông đội mũ phẫu thuật và một phụ nữ mặc đồ xanh đang hội ý bên chiếc xe đẩy. Tấm khăn trắng buông cả ra ngoài thành xe, quét xuống sàn lát gạch men hình ô vuông cáu bẩn. Đôi chân bé nhỏ, đầy máu thò ra ngoài dưới tấm khăn và tôi nhìn thấy móng ngón cái bên chân trái bị bong ra. Rồi một người đàn ông cao lớn, chắc nịch mặc đồ xanh lơ áp tay vào ngực tôi, đẩy tôi trở ra bên ngoài qua mấy lần cửa, chiếc nhẫn cưới của ông ta lạnh toát áp lên da tôi. Tôi lao về phía trước và nguyên rửa ông, nhưng ông ta nói tôi không thể ở đây, nói bằng tiếng Anh, giọng lịch sự nhưng kiên quyết:

- Ông phải đợi, – vừa nói ông ta vừa dẫn tôi tới khu vực đợi, và chiếc cửa đôi đu đưa đóng lại phía sau ông ta cùng một tiếng thở dài, và tất cả những gì tôi trông thấy chỉ còn là chóp những chiếc mũ phẫu thuật qua ô kính hẹp hình chữ nhật của lần cửa.

Ông ta bỏ tôi trong một hành lang rộng không có cửa sổ, chật ních những người đang ngồi trên những ghế sắt gấp kê dọc tường, những người khác trên tấm thảm trải mỏng, xơ mòn. Tôi lại muốn kêu thét nữa, và tôi nhớ lần cuối cùng, tôi cũng cảm thấy như thế, đi cùng với Baba trong bồn của chiếc xe tải chở xăng dầu, vùi mình trong bóng tối cùng những người chạy nạn khác. Tôi muốn tự mình tách khỏi chốn này, khỏi thực tại này, nổi lên như một đám mây và bồng bênh trôi đi, tan chảy vào đêm hè ẩm ướt và rã ra đâu đó thật xa, bên kia các quả đồi. Nhưng tôi đang ở đây, đôi chân nặng như chì, hai lá phổi như cạn kiệt dưỡng khí, họng tôi cháy bỏng. Sẽ chẳng trôi đi đâu hết. Sẽ chẳng có thực tại nào khác đêm nay. Tôi nhắm mắt lại và hai lỗ mũi tôi sục mùi hành lang, mồ hôi và mùi amôniắc, mùi cồn sát trùng và mùi món cà ri. Trên trần, những con thiêu thân đang lao mình vào ánh đèn tuýp nhờ xám chạy dọc hành lang và tôi nghe được ca tiếng vỗ những đôi cánh mỏng của chúng. Tôi nghe thấy tiếng chuyện gẫu, tiếng thốn thức nghẹn ngào, tiếng sục

sịt, ai đó đang than khóc, ai khác lại thở dài, những chiếc cửa thang máy mở ra đánh “bình” một cái, phẫu thuật viên gọi to ai đó bằng tiếng Urdu.

Tôi lại mở mắt và tôi biết mình phải làm gì. Tôi nhìn quanh, tim tôi như một búa khoan trong lồng ngực, mạch máu đập thành thạch trong tai. Có một phòng nhỏ làm kho chứa đồ tối om bên trái. Ở đó, tôi tìm được thứ tôi cần. Thế là được rồi. Tôi vợ lấy một chiếc khăn trải giường trắng từ đồng khăn đã gấp và mang ra ngoài hành lang. Tôi thấy một y tá đang trò chuyện với viên cảnh sát gần phòng nghỉ. Tôi nắm lấy khuỷu tay cô y tá đó mà kéo ra, tôi muốn biết phía nào là phía Tây. Cô không hiểu và những nếp nhăn trên mặt cô hằn sâu thêm khi cô cau mày. Họng tôi đau và mắt tôi cay vì mồ hôi, mỗi hơi thở như hít lửa vào, và tôi cho là tôi đang khóc. Tôi lại hỏi. Tôi van xin. Viên cảnh sát là người chỉ cho tôi.

Tôi ném chiếc jai-namaz, thảm quỳ tạm thời của tôi, xuống sàn nhà, quỳ gối, rạp đầu xuống đất, nước mắt tôi đầm đìa tấm khăn. Tôi cúi lạy về phía Tây. Rồi tôi nhớ mười lăm năm nay tôi chưa từng cầu nguyện. Từ lâu tôi đã quên hết câu cú. Nhưng không quan trọng, tôi sẽ thốt ra mấy từ tôi vẫn còn nhớ: La illaha il Allah, Muhammad u rasul ullah. Không có Thượng đế nào ngoài Đức Allah và Muhammad là Sứ giả của Người. Bây giờ, tôi mới thấy Baba nhằm, có một Thượng đế, luôn luôn có một Thượng đế. Tôi thấy Người ở đây, trong những con mắt của mọi người nơi dãy hành lang tuyệt vọng này. Đây là ngôi nhà thực sự của Thượng đế, đây là nơi những ai để lạc mất Thượng đế sẽ tìm thấy Người, không phải toà masjid trắng với những ngọn đèn lấp lánh như kim cương và những tháp gọi cầu kinh cao vời vợi. Có một Thượng đế ở đây, ở đây phải có, và bây giờ tôi sẽ nguyện cầu, tôi sẽ cầu xin Người xá tội cho tôi vì đã lãng quên Người bao nhiêu năm qua, xá tội cho tôi vì đã phản bội, đã dối trá, và đắc tội mà không bị trừng phạt, chỉ quay lại với Người vào giờ khắc cần thiết lúc này của tôi. Tôi cầu xin Người hãy nhân từ, khoan dung và độ lượng như cuốn kinh của Người đã dạy về Người như vậy. Tôi cúi lạy về phía Tây, hôn mặt đất và hứa tôi sẽ cầu kinh sáng zakat, cầu kinh tối namaz. Tôi sẽ ăn chay suốt tuần lễ Ramadan và khi tháng Ramadan qua đi tôi sẽ tiếp tục ăn chay, tôi sẽ ghi khắc trong tâm khảm mình từng lời dạy cuối cùng trong cuốn sách thiêng của Người, và tôi sẽ

hành hương tới cái thành phố nóng bức ấy trong sa mạc và cũng sẽ cúi lạy trước Ka'bah[149]. Tôi sẽ làm tất cả những việc này và ngày nào tôi cũng sẽ nghĩ tới Người, miễn là Người ban cho tôi chỉ nguyện ước này: Hai bàn tay tôi đã vấy máu của Hassan, tôi xin Người đừng để nó phải vấy máu con trai cậu ấy nữa.

Tôi nghe thấy tiếng thút thít và nhận ra đó là tiếng của mình. Đôi môi tôi mẫn chát, nước mắt từ từ tuôn xuống mặt. Tôi cảm thấy mắt mọi người trong hành lang đều nhìn tôi, và tôi vẫn cúi lạy về phía Tây. Tôi cầu nguyện. Tôi cầu xin tội lỗi không đuổi kịp tôi với cung cách mà tôi vẫn luôn sợ rằng nó sẽ đuổi kịp.

Một đêm không sao tối đen bao trùm lên Islamabad. Đã mấy giờ qua, tôi vẫn đang ngồi trên sàn của phòng đợi nhỏ ngoài cái hành lang dẫn tới phòng cấp cứu. Trước mặt tôi là một chiếc bàn cà phê màu nâu ảm đạm bề bộn nhật báo và tạp chí quăn góc – một số tháng 4/1996 của Time và tờ tin Pakistan chụp bộ mặt của một chàng trai trẻ bị tàu cán chết tuần trước đó, một tạp chí giải trí với những diễn viên Lollywood đang mỉm cười trên bìa láng bóng. Có một bà già mặc áo shalwar-kameez màu xanh và quàng một chiếc khăn san móc sợi gà gặt trong một chiếc ghế đẩy ngang qua chỗ tôi. Chốc chốc bà lại giật mình tỉnh dậy và lẩm bẫm cầu kinh bằng tiếng Ả-rập. Tôi băn khoăn đến phát mệt mỏi, không biết lời cầu xin của ai, của tôi hay của bà ấy đêm nay sẽ được Người nghe thấy. Tôi hình dung ra khuôn mặt của Sohrab, cái cảm hơi dẫu ra, đôi tai ốc biển nho nhỏ, đôi mắt xéch lá tre quá giống bố nó. Một nỗi buồn thăm đen tối như đêm bên ngoài xâm lấn hồn tôi, và tôi cảm thấy cổ họng mình nghẹn lại.

Tôi cần không khí.

Tôi đứng dậy và mở cửa sổ. Không khí lọt qua màn cửa có mùi ẩm mốc và nóng. Nó sực mùi quả chà là chín nẫu và mùi phân súc vật. Tôi cố hít vào phổi từng ngậm lớn, nhưng như thế cũng không xoá tan cảm giác nghẹn nghẹt trong lồng ngực. Tôi lại ngồi xuống sàn. Tôi vớ lấy cuốn tạp chí Time và lật giở các trang. Nhưng tôi không thể đọc, không thể tập trung vào bất cứ điều gì. Vì vậy tôi lại quăng nó lên bàn và trở lại chăm chú nhìn vào các khe nứt ngoằn ngoèo trên sàn xi măng, những mạng nhện ở phào trần nhà, những xác ruồi và xác côn trùng khác trên

bậu cửa sổ. Chủ yếu tôi chăm chăm nhìn đồng hồ treo trên tường. Đã hơn bốn giờ sáng, tôi đã ở bên ngoài căn phòng cửa quay hơn năm tiếng đồng hồ rồi. Tôi vẫn chưa nghe được tin tức gì.

Tôi bắt đầu cảm thấy sàn nhà bên dưới như một phần của cơ thể, hơi thở tôi mỗi lúc một nặng nề hơn, chậm chạp hơn. Tôi muốn ngủ, nhắm mắt lại, ngả đầu tôi xuống sàn nhà lạnh và bụi bặm. Thiếp đi. Khi tôi tỉnh dậy, biết đâu tôi sẽ khám phá ra mọi thứ tôi nhìn thấy trong cái buồng tắm của khách sạn chỉ là một phần của cơn mơ: những giọt nước nhỏ từ vòi thành tiếng binh binh xuống nước tắm hoà máu, cánh tay trái đung đưa qua thành bồn, lưỡi dao cạo đâm đìa máu vẫn nằm trên téc nước bồn cầu – vẫn lưỡi dao cạo tôi đã dùng cạo râu hôm trước – và đôi mắt nó vẫn hé mở nhưng không còn ánh sáng. Hơn bất cứ điều gì. Tôi muốn quên đi đôi mắt ấy.

Chẳng mấy chốc, giấc ngủ kéo đến và tôi để mặc nó mang tôi đi. Tôi mơ thấy nhiều chuyện mà sau đó tôi không nhớ nổi.

Ai đó vỗ vào vai tôi. Tôi mở mắt. Có một người đàn ông đang quỳ bên tôi. Ông ta đội một chiếc mũ, giống những người đàn ông đằng sau lần cửa quay, với một cái khẩu trang phẫu thuật bằng giấy trùm kín miệng – tim tôi lặng đi khi tôi nhìn thấy một giọt máu trên chiếc khẩu trang. Ông mới dán tấm hình cô gái nhỏ mắt nai vào máy nhắn tin của mình. Ông bỏ mặt nạ ra và tôi mừng vì không phải nhìn vào máu của Sohrab nữa. Da ông ngăm đen giống màu sôcôla Thụy Sĩ nhập khẩu mà Hassan và tôi vẫn thường mua ở phố chợ Shar-e-Nau. Tóc ông thưa mỏng và đôi mắt màu nâu lục dưới hai hàng lông mày cong. Bằng giọng nói rất Anh, ông bảo tôi ông là bác sĩ Nawaz, và bất chợt tôi muốn tránh xa con người này, bởi tôi không nghĩ tôi có thể chịu nổi khi nghe những gì ông đến để nói với tôi. Ông nói thẳng bé đã tự cắt sâu vào tay mình và mất rất nhiều máu, vậy là miệng tôi lại lẩm bẫm câu kinh ấy.

La illaha il Allah, Muhammad u rasul ullah

Họ đã phải truyền vài ba đơn vị máu.

Mình sẽ phải nói với Sohrab thế nào đây?

Hai lần, họ phải giành lại sự sống cho nó.

Tôi sẽ cầu namaz, tôi sẽ cầu zakat.

Họ có lẽ đã không cứu được nó nếu trái tim nó không trẻ và khoẻ mạnh.

Tôi sẽ ăn chay.

Nó sống rồi.

Bác sĩ Nawaz mỉm cười.

Phải mất một lúc tôi mới ghi nhận được những gì ông vừa nói. Rồi ông còn nói thêm nhưng tôi không nghe thấy. Bởi vì tôi đã nắm lấy hai tay ông và đưa lên mặt. Tôi khóc vì trút được nỗi lo âu trong hai bàn tay nhỏ bé, múp míp của con người xa lạ này và ông không nói gì lúc ấy. Ông đợi.

Phòng hồi sức cấp cứu hình chữ L và nhờ tối, một mớ bong bóng các thiết bị điện tử kiểm tra kêu bíp bíp và các máy móc kêu ro ro. Bác sĩ Nawaz dẫn tôi đi giữa hai dãy giường phân cách nhau bởi những rèm nhựa trắng. Giường của Sohrab là chiếc cuối ở góc phòng, chiếc gần nhất với bàn làm việc của y tá, nơi có hai nữ y tá trang bị áo quần mốt màu xanh đang ghi chép vội vào kẹp giấy và khẽ chuyện gẫu với nhau. Lúc lặng lẽ cùng lên thang máy với bác sĩ Nawaz, tôi đã nghĩ tôi sẽ lại khóc khi trông thấy Sohrab. Nhưng khi ngồi trên chiếc ghế ở chân giường nó, nhìn vào khuôn mặt trắng nhợt của nó qua một mớ rối tung những ống nhựa nhờ sáng và dây truyền máu, mắt tôi ráo hoảnh. Nhìn ngược nó phập phồng theo nhịp của chiếc máy thở đang huýt lên tôi lặng người đi, giống như một người lặng đi mấy giây sau khi đánh tay lái chiếc xe của mình tránh được một cú va chạm ngay đầu mũi xe.

Tôi ngủ gà ngủ gật, và khi tỉnh dậy, tôi thấy mặt trời đang lên trên một bầu trời màu bơ sữa qua chiếc cửa sổ gần bàn y tá. Ánh nắng xiên vào phòng, đổ bóng tôi lên người Sohrab. Nó vẫn không động đậy.

- Tốt nhất ông nên ngủ đi một lúc. – Cô y tá bảo tôi. Tôi không nhận ra cô. Có lẽ đã có thay ca trong khi tôi thiếp đi. Cô đưa tôi sang một căn phòng khác, ngay bên ngoài phòng hồi sức cấp cứu. Căn phòng trống. Cô đưa cho tôi gối và chăn bệnh viện. Tôi cảm ơn cô và nằm xuống một chiếc sofa nhựa ở góc phòng. Tôi hầu như ngủ thiếp đi ngay.

Tôi mơ thấy mình trở lại căn phòng tầng dưới. Bác sĩ Nawaz bước vào và tôi ngồi dậy đón ông. Ông tháo cái khẩu trang giấy ra, hai bàn tay ông đột nhiên trắng hơn tôi nhớ, những móng tay gọt giữa cẩn thận, tóc rẽ

đường ngôi mượt mà, và tôi thấy ông không phải là bác sĩ Nawaz nữa mà là Raymond Andrews, người đàn ông bé nhỏ ở toà đại sứ, với chậu cà chua. Andrews ngẩng đầu lên. Nheo mắt lại.

Ban ngày, bệnh viện là mê cung vô số những hành lang bắt góc nhau, nhờ nhờ thứ ánh sáng huỳnh quang đỏ nhạt ở trên đầu. Tôi đã nhận ra sơ đồ bệnh viện, nhận ra rằng nút bấm tầng bốn trong thang máy phía Đông không bật sáng, rằng cánh cửa tới phòng đàn ông ở tầng ấy bị kẹt và phải đẩy vai mới mở ra được. Tôi đã hiểu được bệnh viện có một nhịp sống riêng, hoạt động náo nhiệt lúc đổi ca sáng, cái hối hả ban trưa, sự tĩnh lặng và êm ả của những giờ giấc đêm khuya, thỉnh thoảng mới bị ngắt quãng bởi những hình ảnh lơ mơ các bác sĩ và y tá vội vã cấp cứu ai đó. Tôi vẫn ngồi canh bên giường Sohrab suốt cả ngày, và đêm thì lang thang qua những hành lang ngoằn ngoèo của bệnh viện, lắng nghe gót giày mình gõ trên gạch lát, nghĩ về những gì tôi sẽ nói với Sohrab khi nó tỉnh dậy. Cuối cùng tôi đành trở lại phòng hồi sức cấp cứu, bên chiếc máy thở kêu ro ro cạnh giường nó, hầu như chẳng thiết nghĩ thêm gì nữa.

Sau ba ngày ở phòng hồi sức cấp cứu, họ tháo ống thở và chuyển nó xuống chiếc giường tầng dưới. Tôi không ở đó lúc họ chuyển nó. Tôi đã trở về khách sạn đêm ấy để có thể ngủ thêm một chút nhưng cuối cùng trần trọc trên giường suốt cả đêm. Sáng ra, tôi cố không nhìn vào cái bồn tắm. Lúc này nó đã sạch sẽ, ai đó đã lau sạch máu, trải chiếu mới lên sàn, và cọ rửa sạch tường. Nhưng tôi không thể ngăn tôi ngồi trên bờ sứ lạnh của bồn tắm. Tôi hình dung Sohrab xả đây nước nóng vào bồn. Thấy nó cởi quần áo. Thấy nó vặn bàn cạo ra, và mở cái chốt kẹp an toàn ở trên, tháo lưỡi dao, cầm giữa ngón trỏ và ngón cái. Tôi hình dung nó ngâm mình vào nước, nằm ở đó một lúc, mắt nhắm lại. Tôi không hiểu lúc cuối nó nghĩ gì khi nó giơ lưỡi dao lên rồi hạ xuống.

Tôi đang chực ra khỏi phòng tiếp khách của khách sạn thì ông giám đốc Fayyaz đuổi kịp tôi:

- Tôi rất lấy làm buồn cho ông, – ông nói. – Nhưng tôi yêu cầu ông, làm ơn rời khỏi khách sạn. Chuyện này tệ hại cho công việc kinh doanh của tôi, rất tệ hại.

Tôi bảo ông tôi hiểu, và làm thủ tục trả phòng. Ông không tính tiền ba ngày tôi ở bệnh viện. Chờ một chiếc taxi bên ngoài phòng đợi của khách

sạn, tôi lại nghĩ đến những gì ông Fayyaz đã nói với tôi cái đêm chúng tôi đi tìm Sohrab: một điều về người Afghan các ông là... ồ, dân các ông hơi liều đấy.

Tôi đã cười ông, nhưng bây giờ tôi thật sự kinh ngạc. Có phải thực sự tôi đã ngủ mất sau khi cho Sohrab hay cái tin mà nó sợ nhất hay không?

Khi đã vào trong xe, tôi hỏi người tài xế có biết một hiệu sách Ba Tư nào không. Anh ta nói có một hiệu cách đây hai cây số về phía Nam. Chúng tôi dừng lại ở đó trên đường tới bệnh viện.

Phòng mới của Sohrab có tường màu kem, gờ tường xám đen sứt mẻ, gạch lát nền trắng men có lẽ đã từng rất trắng. Nó ở cùng phòng với một đứa con trai choai choai người Punjabi, một y tá cho biết thằng bé bị gãy chân khi tuột từ trên nóc chiếc xe buýt đang chạy. Chân thằng bé bị bó bột, được nâng lên, giữ bằng nẹp có đai dây da treo lên cho khỏi nặng.

Giường của Sohrab ở gần cửa sổ, nửa phía dưới được chiếu sáng bởi ánh nắng mặt trời non trưa tràn qua những ô cửa hình chữ nhật. Một nhân viên bảo vệ mặc đồng phục đứng ở cửa sổ đang cắn hạt dưa rang – Sohrab được theo dõi hai bốn trên hai bốn giờ vì tự sát. Quy chế bệnh viện, bác sĩ Nawaz thông báo vậy cho tôi. Người gác nghiêng mũ khi thấy tôi và rời khỏi phòng.

Sohrab mặc áo ngủ cộc tay của bệnh viện và nằm ngửa, chân kéo tới ngực, mặt quay về phía cửa sổ. Tôi nghĩ nó đang ngủ, nhưng khi tôi kéo nhẹ chiếc ghế sát vào giường nó, hai mi mắt nó chớp chớp và mở ra. Nó nhìn tôi, rồi nhìn đi chỗ khác. Nó quá xanh xao, mặc dầu tất cả số máu họ đã tiếp cho nó, và có vết thâm tím ở nếp gấp cánh tay phải.

- Cháu có sao không? – Tôi hỏi.

Nó không trả lời. Nó nhìn qua cửa sổ, vào những hố cát và ghế đu trong vườn bệnh viện. Có một giàn lưới uốn hình vòm gần sân chơi, dưới bóng những hàng cây dâm bụt, vài cây nho xanh leo lên hàng rào mắt cáo bằng gỗ. Đám trẻ đang nô đùa với những xô chậu trong hố cát. Bầu trời hôm đó xanh biếc không một gợn mây và tôi thấy một chiếc máy bay phản lực nhỏ xíu để lại đặng sau hai vệt trắng. Tôi quay lại Sohrab và hỏi:

- Máy phút trước, bác nói chuyện với bác sĩ Nawaz, ông ấy nghĩ vài ngày nữa cháu sẽ được ra viện. Đó là một tin mừng, phải không?

Tôi vẫn vấp phải yên lạng. Đứa con trai Punjabi ở cuối phòng cựa quậy trong giấc ngủ và rên lên điều gì đó.

- Bác thích phòng này của cháu, – tôi vừa nói vừa cố không nhìn vào cổ tay băng bó của Sohrab. – Trời đẹp quá, cháu có thấy thế không. Vẫn im lặng. Vài phút lúng túng nữa trôi qua, lông mày và môi trên tôi lấm tẩm mồ hôi. Tôi chỉ vào bát đậu aush[150] Hà Lan không đụng đến ở trên tủ giường, và chiếc thìa nhựa không dùng đến:

- Cháu nên cố ăn một chút. Lấy lại sức khoẻ của cháu. Cháu có muốn bác giúp cháu ăn không?

Nó bắt lấy cái nhìn của tôi, rồi lại trông đi nơi khác, mặt lạnh như đá. Mắt nó vẫn không có sắc sáng, trống rỗng y như khi tôi tìm thấy nó và kéo nó ra khỏi bồn tắm. Tôi thò tay vào trong túi giấy giữa hai chân và lấy ra cuốn sách cũ Shahnamah tôi đã mua ở hiệu sách Ba Tư. Tôi quay bìa sách về phía Sohrab:

- Bác vẫn thường đọc cuốn này cho bố cháu, khi hai anh em còn nhỏ. Bọn bác thường leo lên ngọn đồi ở gần nhà, và ngồi dưới gốc cây lựu... Tôi nói nhỏ dần, Sohrab lại nhìn ra ngoài cửa sổ. Tôi gượng cười:

- Bố cháu thích nhất là chuyện về Rostam và Sohrab, vì thế mà cháu mang cái tên ấy, bác biết là cháu biết điều đó. – Tôi dừng lại, hơi cảm thấy như mình là một thằng ngốc. – Dù thế nào thì bố cháu cũng đã nói trong thư gửi cho bác cháu thích chuyện đó, vì vậy bác nghĩ bác có thể đọc cho cháu nghe một ít. Cháu có thích thế không?

Sohrab nhắm mắt lại. Lấy cánh tay, cái cánh tay thâm tím ấy che lên mắt. Tôi lật mở đến trang tôi gặp lúc ở trong xe taxi và bảo “bắt đầu nào”, lần đầu tiên tự hỏi không biết Hassan đã nghĩ gì khi cuối cùng cậu tự đọc được Shahnamah và phát hiện ra tôi đã đánh lừa cậu suốt những năm tháng ấy. Tôi hăng giọng và đọc: “Hãy để tai nghe kỳ hết trận chiến của Sohrab chống Rostam, dấu đó là một chuyện đầm đìa nước mắt. Chuyện kể rằng vào một ngày, Rostam từ trường kỷ vườn mình thức dậy, đầu óc đầy những niềm triệu quái gỡ. Ông ta nhớ ra...”. Tôi đọc cho nó gần hết chương 1, tới phần chàng chiến binh trẻ Sohrab đến chỗ mẹ mình, là Tahminah, công chúa của Samengan và yêu cầu được biết hình dáng của cha chàng. Tôi gấp sách lại.

- Cháu có muốn bác tiếp tục không? Sắp có những trận đánh xảy ra, cháu nhớ không? Sohrab dẫn quân đội của mình tới pháo đài trắng ở Iran phải không nhỉ? Bác đọc tiếp nhé?

Nó khẽ lắc đầu. Tôi bỏ cuốn sách trở lại vào túi giấy.

- Cũng được, – tôi nói, cảm thấy phấn chấn vì dầu sao nó cũng đã đáp lại. – Có lẽ ngày mai chúng ta sẽ tiếp tục. Cháu cảm thấy thế nào? Miệng Sohrab hé mở và một tiếng khàn khàn vượt ra. Bác sĩ Nawaz đã bảo tôi sẽ xảy ra như thế do ống thở luồn qua dây thanh quản. Nó liếm môi và lại cố nói:

- Mệt.

- Bác biết. Bác sĩ Nawaz đã lường trước là như thế. – Nó lắc đầu.

- Sao cơ, Sohrab?

Nó nhăn mặt khi nói lại bằng một giọng khàn khàn, gần như không hơn tiếng thì thào:

- Chán tất cả.

Tôi thở dài và ngồi sụp xuống ghế. Có một dải nắng trên giường giữa hai chúng tôi, và trong đúng một khắc, từ phía bên kia dải nắng, bộ mặt xanh xám như tro đang nhìn tôi giông hệt bộ mặt của Hassan. Không phải Hassan chơi bi đá với tôi tới tận lúc giáo sĩ rung chuông báo giờ kinh Azan buổi tối và ông Ali gọi chúng tôi về nhà, không phải Hassan tôi đuổi theo từ trên đồi trong khi mặt trời đang lặn sau những nóc nhà đất sét ở đàng Tây, mà là Hassan lần cuối cùng tôi thấy còn sống, đang kéo lê đồ đạc của mình phía sau ông Ali trong một trận mưa như trút nước của mùa hè ẩm áp, nhét chúng vào cốp xe của Baba trong khi tôi dõng theo qua cửa sổ rùng rùng nước mưa của phòng mình. Nó lắc đầu từ từ và nhắc lại:

- Chán hết mọi thứ.

- Bác phải làm gì, Sohrab? Làm ơn nói cho bác biết.

- Cháu muốn... – nó lắc đầu. Nó lại nhăn nhó và đưa tay lên họng như thể để gỡ tung bất cứ thứ gì đang chặn lấy giọng nói của nó. Hai mắt tôi lại hướng vào cổ tay quấn chặt bằng gạc trắng. – Cháu muốn lại được sống như xưa. – Nó thở.

- Ồ, Sohrab.

- Cháu muốn Bố và Mẹ Jan. Cháu muốn Sasa. Cháu muốn chơi đùa với ông Rahim Khan sahib ở ngoài vườn, cháu muốn được sống trong ngôi nhà của chúng cháu, – nó đưa cánh tay lên ngang mắt. – Cháu muốn lại được sống như xưa.

Tôi không biết nói gì, nhìn đi đâu, đành nhìn xuống hai bàn tay tôi. Cuộc sống như xưa của cháu, tôi nghĩ. Cuộc sống như xưa của bác nữa. Bác đã chơi đùa trong cùng cái sân ấy, Sohrab. Bác sống trong cùng ngôi nhà đó. Nhưng cỏ đã chết và một chiếc xe jeep của kẻ xa lạ đã đổ trên lối xe vào ngôi nhà của chúng ta, vãi dầu trên khắp mặt đường nhựa. Cuộc sống như xưa của chúng ta đã ra đi rồi, Sohrab, và mọi người trong đó đều đã chết hoặc đang chết. Bây giờ chỉ còn mỗi cháu và bác thôi. Chỉ mỗi cháu và bác.

- Bác không thể cho cháu điều đó, – tôi nói.

- Giá bác đừng...

- Xin cháu đừng nói thế.

- Giá bác đừng... giá bác để mặc cháu trong bồn nước.

- Đừng bao giờ nói thế, Sohrab, – tôi vừa nói vừa ngả người về phía trước. – Nghe cháu nói thế bác không chịu nổi. – Tôi sờ vào vai nó, nó giật nảy người. Lùi lại. Tôi buông tay, buồn rầu nhớ lại những ngày cuối cùng trước khi tôi thất hứa với nó rút cục nó đã thoải mái để tôi chạm vào người nó thế nào.

- Sohrab, bác không thể đem lại cho cháu cuộc sống như xưa, bác cầu mong Thượng đế để bác có thể làm như vậy. Nhưng bác có thể mang cháu đi theo bác. Bác chạy vào buồng tắm để nói cho cháu biết là vì thế. Cháu có visa đi sang Mỹ, để sống với bác và bác gái. Thật đấy. Bác xin hứa.

Nó thở hắt ra qua lỗ mũi và nhắm mắt lại. Giá tôi đừng nói mấy từ “Bác xin hứa” thì hơn.

- Cháu biết đấy, bác đã làm nhiều điều bác hối tiếc trong đời. Và có thể không gì đáng tiếc hơn việc bác không giữ được lời hứa với cháu. Nhưng chuyện đó sẽ không bao giờ xảy ra nữa, bác hết sức xin lỗi, bác xin cháu, xin sự tha thứ của cháu. Cháu có thể làm việc đó không? Có thể tha thứ cho bác không? Cháu có thể tin tưởng bác không – Tôi hạ giọng. – Cháu sẽ đi cùng với bác chứ?

Trong lúc đợi nó trả lời, trí óc tôi chợt loé trở lại một ngày đông đã lâu rồi, Hassan và tôi ngồi trên tuyết dưới gốc cây anh đào trụi lá. Tôi đã chơi một trò độc ác với Hassan hôm đó, giỡn với cậu ấy, yêu cầu cậu ấy ăn bắn để chứng tỏ lòng trung thành của cậu ấy với tôi. Giờ đây, tôi là kẻ dưới kính hiển vi, là kẻ phải chứng tỏ nhân cách của mình. Tôi đáng như thế lắm.

Sohrab xoay nghiêng người, xây lưng lại tôi. Nó không nói gì một lúc lâu. Thế rồi, đúng lúc tôi nghĩ có thể nó đã ngủ, nó nói giọng khàn khàn:
- Cháu mệt lắm.

Tôi ngồi bên giường nó cho tới khi nó ngủ. Có cái gì đó đã mất giữa Sohrab và tôi. Cho tới lúc tôi gặp ông luật sư, ông Omar Faisal, một tia hy vọng đã bắt đầu lọt vào đôi mắt Sohrab, như một vị khách rụt rè. Bây giờ tia hy vọng ấy đã ra đi rồi, vị khách kia đã bỏ chạy, tôi không biết khi nào nó dám quay trở lại. Tôi không biết bao lâu nữa Sohrab mới lại cười. Bao lâu nữa nó mới lại tin tôi. Liệu có bao giờ không?

Tôi đành rời khỏi phòng bệnh và đi tìm một khách sạn khác, không biết rằng phải một năm sau đó tôi mới lại được nghe thấy Sohrab nói thêm một lời nào khác.

Cuối cùng thì Sohrab cũng chẳng bao giờ nhận lời đề nghị của tôi. Nó cũng chẳng khước từ. Nhưng nó biết, một khi băng đã được tháo ra, áo quần bệnh viện đã trả lại, nó chỉ là một đứa trẻ Hazara mồ côi vô gia cư nào đấy. Nó có gì mà lựa chọn? Nó có thể đi đâu? Vì vậy, tiếng vâng ở nó trên thực tế giống một sự đầu hàng lặng lẽ hơn, không hẳn một sự chấp thuận mà chính là một hành động buông xuôi, vì quá chán nản để mà quyết định, và quá mệt mỏi để mà tin tưởng. Điều nó mong mỏi là cuộc sống xưa kia. Những gì nó có được là tôi và nước Mỹ. Xét cho hết lẽ, chẳng phải là một số phận tồi tệ gì cho lắm, nhưng tôi không thể nói với nó như thế. Viễn cảnh là điều xa xỉ khi đầu óc anh lúc nào cũng ong ong một bầy quỳ dữ.

Và nếu sự việc diễn ra như thế, khoảng một tuần nữa thôi, chúng tôi sẽ vượt qua cái đường băng trải bê tông nhựa đường ấm nóng, và tôi sẽ mang con trai của Hassan từ Afghanistan tới Mỹ, đem nó ra khỏi tình trạng chắc chắn hỗn loạn và bỏ nó vào sự hỗn loạn của sự không chắc chắn.

Một hôm, có thể vào khoảng năm 1983 hoặc 1984 gì đó, tôi ở cửa hàng video ở Fremont. Tôi đang đứng ở gian hàng phim Phương Tây thì một anh chàng cạnh tôi đang uống coke, chỉ vào băng Bảy anh chàng cừ khôi và hỏi tôi đã xem phim này chưa.

- Rồi, mười ba lần, – tôi nói. – Charles Bronson chết trong phim, rồi cả James Coburn và Robert Vangha cũng chết.

Hắn nhăn mặt lại nhìn tôi, như thể tôi vừa nhổ vào cốc nước giải khát của hắn.

- Cảm ơn nhiều, trời hời.

Hắn vừa nói vừa lắc đầu, mồm lẩm bẫm một điều gì đó trong khi đi khỏi. Về sau tôi mới biết, ở Mỹ, đừng có tiết lộ hồi kết của bộ phim, nếu anh làm thế, anh sẽ bị khinh thường, và phải hết lời xin lỗi vì đã mắc tội Làm Hồng Phần Kết.

Ở Afghanistan, phần kết mới là phần được quan tâm nhất. Khi Hassan và tôi trở về nhà sau khi xem một bộ phim Hindu ở rạp chiếu phim Zainab, những gì ông Ali, chú Rahim Khan – Baba hoặc vô số bạn bè của Baba, những em họ, cháu họ lũ lượt ra ra vào vào ngôi nhà – chỉ muốn biết điều này: Cô gái trong phim có tìm thấy hạnh phúc không? Bacheh, chàng trai trong phim, có thành công và hoàn thành những giấc mộng của mình không hay là chàng ta đành chịu đắm mình trong thất bại?

Cuối cùng có hạnh phúc không, họ muốn biết điều ấy.

Nếu có ai hôm nay muốn hỏi tôi liệu câu chuyện về Hassan, Sohrab và tôi có kết thúc hạnh phúc không, có lẽ tôi sẽ chẳng biết nói thế nào.

Liệu có ai muốn hỏi?

Rốt cuộc, cuộc đời không phải là một bộ phim Hindu. Zendagi migzana, những người Afghan thích nói thế: Đời cứ trôi đi, chẳng kể đến bắt đầu, kết thúc, kamyab, nab-kam, khủng hoảng hay thanh thản, luôn tiến về phía trước như một đoàn lữ hành ì ạch và bụi bặm của người du mục Kochis. Tôi có lẽ không biết trả lời câu hỏi đó thế nào. Bất kể chuyện phép màu nhỏ Chủ nhật vừa rồi.

Chúng tôi về đến nhà khoảng bảy tháng trước, vào một ngày ấm áp tháng Tám năm 2001. Soraya đón chúng tôi ở sân bay. Tôi chưa từng lần nào xa Soraya lâu đến thế, và khi nàng khoá hai cánh tay quanh cổ tôi,

khi tôi ngửi thấy mùi hương táo trên tóc nàng, tôi mới nhận ra tôi nhớ nàng quá thể. Tôi thì thầm:

- Em vẫn cứ là mặt trời ban mai cho yelda[151] của anh.
- Gì cơ?
- Không có gì. – Tôi hôn tai nàng.

Sau đó nàng khom gối xuống ngang tầm mắt Sohrab. Nàng cầm tay nó và mỉm cười với nó:

- Salaam, Sohrab Jan. Dì là Khala Soraya của cháu. Tất cả chúng ta đang mong cháu.

Nhìn nàng mỉm cười với Sohrab, mắt hơi ngân ngấn, tôi thoáng nghĩ nàng lẽ ra đã có thể làm mẹ, nếu dạ con của nàng không phản bội nàng.

Sohrab rê rê chân và nhìn đi chỗ khác.

Soraya đã chuyển phòng đọc trên gác thành phòng ngủ cho Sohrab. Nàng dẫn nó vào và nó ngồi ở mép giường. Khăn trải giường nổi bật những cánh điều sắc màu rực rỡ tung bay trong bầu trời xanh biếc. Nàng đã tạo nhiều vạch trên bức tường gần chiếc tủ con, từng phân từng tắc để đo chiều cao sẽ ngày một tăng của đứa trẻ. Ở chân giường, tôi thấy một rổ liểu gai đầy sách, một đầu tàu và một hộp màu nước.

Sohrab đang mặc một chiếc áo phông trắng loại bình thường và quần Jeans mới mà tôi mua cho nó ở Islamabad ngay trước khi chúng tôi rời khỏi đó – Chiếc áo phông lụng thụng ngoài đôi vai giơ xương và hõm xuống của nó. Sắc màu vẫn còn chưa ửng lên trên mặt nó, trừ những quầng thâm quanh đôi mắt. Lúc này nó nhìn chúng tôi một cách thản nhiên như nhìn vào những đĩa cơm bệnh viện đặt ngay ngăn trước mặt.

Soraya hỏi liệu nó có thích căn phòng của nó không và tôi để ý thấy nàng cố tránh nhìn vào cổ tay thẳng bé, mắt nàng luôn quay trở lại những vết cắt màu hồng. Sohrab hơi cúi đầu. Giấu hai bàn tay dưới khe đùi và không nói không rằng. Rồi nó hồn nhiên ngả đầu lên gối. Chưa đầy năm phút sau, Soraya và tôi đứng ở cửa ngấm vào, nó đã đang ngủ.

Chúng tôi đi ngủ, Soraya ngủ thiếp đi, đầu nàng gối trên ngực tôi. Trong bóng tối của căn phòng, tôi nằm thao thức, lại thêm một lần mất ngủ. Thao thức. Và cô đơn cùng lũ ma quỷ của bản thân tôi.

Đôi lần giữa đêm khuya, tôi rón rén ra khỏi giường đến phòng Sohrab. Tôi đứng bên, nhìn xuống, và thấy một cái gì đó thò ra dưới gối. Tôi cầm

lên. Thấy đó là tấm ảnh Polaroid của Rahim Khan, tấm ảnh tôi đã cho Sohrab vào cái đêm chúng tôi ngồi bên nhà thờ Shah Faisal. Tấm ảnh của Hassan và Sohrab đứng sát cạnh nhau, neho mắt trong ánh mặt trời, và mỉm cười như thể thế giới là một nơi tốt đẹp, công bằng. Tôi không hiểu Sohrab đã nằm trên giường chăm chú nhìn tấm ảnh, chuyển tay nọ qua tay kia trong bao lâu. Tôi nhìn vào tấm ảnh. Cha cháu là một người bị giằng xé giữa hai nửa, chú Rahim Khan đã viết thế trong bức thư của ông. Tôi đã từng là cái nửa được cho phép, được xã hội thừa nhận, nửa hợp pháp, hiện thân vô thức tội lỗi của Baba. Tôi nhìn vào Hassan phô ra hai chiếc răng cửa bị khuyết, ánh nắng chiếu xiên lên mặt. Nửa kia của Baba. Cái nửa không được phép, nửa không có đặc quyền. Cái nửa thừa kế tất cả những gì là trong sạch và cao quý ở Baba. Cái nửa mà, biết đâu, trong cõi hẻo lánh bí ẩn nhất của trái tim mình, Baba đã nghĩ nó mới là đứa con trai đích thực của ông.

Tôi lại luôn tấm ảnh trở về nơi tôi đã lấy. Rồi tôi nhận ra được một điều: Rằng ý nghĩ vừa xong không hề mang theo nhói đau nào hết. Khép cửa phòng Sohrab, tôi bản khoăn tự hỏi liệu có phải ấy là con đường sự khoan dung dâm chồi nảy lộc, không phải bằng trống giông cờ mở, mà chính là nỗi đau đã thu dọn những đồ lè của nó, gói ghém lại, và tiêu biến đi không lời giả biệt giữa đêm khuya.

Ông tướng và Khala Jamila hôm sau đến ăn tối. Khala Jamila, tóc cắt ngắn và đỏ sẫm hơn bình thường, đưa cho Soraya maghout[152] rắc hạnh nhân để ăn tráng miệng. Bà nhìn thấy Sohrab liền tươi cười:

- Mashallah! Soraya jan bảo chúng ta là cháu xinh trai lắm, nhưng nhìn ngoài đời cháu còn xinh trai hơn.

Bà trao cho nó chiếc áo len màu xanh cổ lọ:

- Bà đan cho cháu đấy. Cho mùa đông tới. Inshallah, mong cháu mặc vừa.

Sohrab cầm lấy chiếc áo len.

- Xin chào, anh bạn trẻ, – đó là tất cả những gì ông tướng nói, vừa cúi xuống hai tay tì lên cây gậy của ông, nhìn Sohrab như thể người ta đang nghiên cứu một đồ trang hoàng lạ lùng tại nhà ai đó.

Tôi trả lời, rồi lại trả lời, những câu hỏi của Khala Jamila về những vết thương của tôi – Tôi đã yêu cầu Soraya nói với họ rằng tôi bị cướp –

khẳng định với bà rằng tôi không bị thương tật nào vĩnh viễn, rằng những dây thép vài tuần nữa sẽ được tháo ra và tôi lại có thể ăn những thứ bà nấu, rang, vâng, tôi sẽ cố bôi nước ép cây hoàng liên và đường lên các vết sẹo của tôi để cho chúng chóng mờ.

Ông tướng và tôi ngồi ở phòng khách uống rượu vang trong khi Soraya và mẹ nàng dọn bàn ăn. Tôi kể cho ông nghe về Kabul và bọn Taliban. Ông lắng nghe và gật gù, cây gậy đặt lên đùi và tặc tặc lưỡi khi tôi kể cho ông về người đàn ông tôi bắt gặp đang bán chiếc chân giả của mình. Tôi không đã động đến cuộc hành quyết ở Sân vận động Ghazi và Assef. Ông hỏi tôi về Rahim Khan, người mà ông đã gặp ở Kabul vài lần, và lắc đầu nghiêm nghị khi tôi kể cho ông nghe về bệnh tình của chú. Nhưng trong khi chúng tôi nói chuyện, tôi bắt gặp mắt ông không ngừng hướng về Sohrab đang nằm ngủ trên chiếc ghế dài. Như thế chúng tôi đang mon men quanh bờ những gì ông thực sự muốn biết.

Việc tán gẫu cuối cùng cũng chấm dứt trong bữa tối, khi ông tướng đặt đĩa xuống và nói:

- Vậỵ Amir jan, anh sẽ nói cho chúng ta biết tại sao anh lại mang cậu bé này về cùng với anh chứ?

- Iqbal jan! Hỏi thế là thế nào? – Khala Jamila nói.

- Trong khi mình đang bận đan áo len, mình yêu quý, tôi phải quan tâm sự nhìn nhận của cộng đồng về gia đình chúng ta. Mọi người sẽ hỏi. Họ sẽ muốn biết tại sao lại có một thằng bé Hazara sống cùng với con gái chúng ta. Tôi phải nói với họ thế nào đây?

Soraya buông thìa xuống. Quay về phía bố mình.

- Bố có thể nói...

- Thôi được rồi, Soraya, – tôi vừa nói, vừa cầm lấy tay nàng, – thôi được rồi. – Tướng quân Sahib hoàn toàn có lý. Mọi người sẽ hỏi.

- Amir!... – Nàng ngắt lời.

- Không sao. – Tôi quay về phía ông tướng. – Tướng quân Sahib, bố thấy đấy, bố con ngủ với vợ người ở của ông ấy. Bà này đẻ cho bố con một đứa con trai tên là Hassan. Hassan bây giờ đã chết. Thằng bé đang ngủ trên ghế dài là con của Hassan. Nó là cháu của con. Đó là những gì bố cứ nói cho mọi người biết khi họ hỏi.

Tất cả đều nhìn tôi chăm chăm.

- Và một điều nữa, tướng quân Sahib, – tôi nói. – Bối đừng bao giờ gọi nó là thằng bé Hazara trước mặt con nữa. Nó có một cái tên. Tên nó là Sohrab.

Chẳng ai nói gì đến bữa ăn bị ế.

Sẽ là sai lầm nếu nói Sohrab trầm lặng. Trầm lặng là thanh thản. Bình yên. Trầm lặng là vụn nhỏ cái nút Âm Lượng của cuộc đời.

Im lặng là ấn nút Tắt. Tắt nó đi. Tắt tất cả.

Sự im lặng của Sohrab không phải là im lặng tự thân của những kẻ nhận thức được tội lỗi của mình, nhưng kẻ phản kháng, tìm cách nói lên căn nguyên bằng cách không thềm nói gì hết. Đó là sự im lặng của một người che mình trong một chốn tối tăm, cuốn hết tất cả các mép điếm lại và đè chặt xuống dưới.

Nó có chiếm mất nhiều không gian sống lắm đâu. Rất ít là khác. Đôi khi ở chợ, trong công viên, tôi để ý thấy cái lối mọi người khác hầu như không cả nhìn nó, như thể nó chẳng hề ở đó. Tôi đang đọc sách chợt nhìn lên, thấy Sohrab đã vào trong phòng và ngồi trước mặt tôi từ lúc nào mà tôi đã không hề để ý. Nó bước như sợ để lại đằng sau tiếng bước chân. Nó di chuyển như không muốn khuấy động không khí xung quanh nó. Thường thường, nó ngủ.

Sự im lặng của Sohrab cũng khó cho cả Soraya nữa. Trên điện thoại đường dài tới Pakistan, Soraya đã nói với tôi về những việc nàng đang sắp xếp cho Sohrab. Những lớp học bơi. Bóng đá. Liên đoàn Bowling. Giờ đây nàng sẽ chỉ lướt qua phòng Sohrab, hé nhìn những cuốn sách vẫn nằm im không mở trong giỏ liễu gai, đồ thị tăng trưởng không đánh dấu, mớ đồ chơi xếp hình không lắp ráp, mỗi thứ lại một nhắc nhở về cuộc đời lẽ ra có được. Một sự nhắc nhở đến giấc mơ héo rũ khi mới đâm chồi. Nhưng không phải một mình nàng như thế. Tôi cũng đã có những giấc mơ riêng cho Sohrab.

Trong khi Sohrab trầm lặng, thế giới lại không như vậy. Một buổi sáng thứ Ba ngày 11 tháng Chín năm 2001, toà Tháp Đôi đổ sụp và sau đêm ấy, thế giới đã đổi thay. Cờ Mỹ đột nhiên xuất hiện ở khắp nơi, trên cần ăng ten của những chiếc taxi màu vàng len lỏi giữa dòng xe cộ, trên những ve áo của khách hộ hành đi lại trên các hè đường thành một dòng chảy đều đặn, cả trên những chiếc mũ cáu bắn của đám ăn xin ở San

Francisco ngồi bệt dưới mái bạt của những phòng trưng bày mỹ thuật nhỏ và những cửa hiệu có mặt tiền rộng rãi. Một hôm tôi đi qua chỗ Edith, người đàn bà vô gia cư ngày nào cũng chơi đàn ắc-coóc-đê-ông trên góc phố Sutter và Stockton và nhận thấy một lá cờ Mỹ dán trên hộp đàn dưới chân bà ta.

Chẳng bao lâu, sau khi toà Tháp Đôi bị tấn công, Mỹ oanh tạc Afghanistan. Liên minh miền Bắc tiến vào và bọn Taliban chạy cuống quýt như lũ chuột cống rút vào hang. Đột nhiên, mọi người đứng xếp hàng trong cửa hàng bách hoá cũng nói chuyện với nhau về những thành phố tuổi thơ tôi. Kandahar, Herat, Maza-i-Sharif. Khi tôi còn nhỏ, Baba đã mang Hassan và tôi tới Kunduz. Tôi không còn nhớ nhiều lắm về chuyến đi, trừ chuyện ngồi dưới bóng một cây keo với Baba và Hassan, thay nhau uống nước ép dưa hấu tươi trong một cái vò sành và xem ai nhổ hạt dưa xa nhất. Giờ đây Dan Rather, Tom Brokaw, và mọi người nhấm nháp cà phê sữa tại Starbucks cũng đang nói về trận đánh chiếm Kunduz, thành lũy cuối cùng của Taliban ở phía Bắc. Tháng Mười hai năm ấy, người Pashtun, người Tajik, người Uzbek và người Hazara, tập trung lại ở Bonn và, dưới sự giám sát của Liên Hiệp Quốc, bắt đầu một tiến trình để ngày nào đó chấm dứt trên hai mươi năm bất hạnh trong thời trai trẻ của họ. Chiếc mũ lông cừu và chiếc áo chapan xanh của Hamid Karzai[153] trở nên nổi tiếng.

Sohrab mộng du qua tất cả những sự kiện đó.

Soraya và tôi tham gia vào những dự án của người Afghan, ngoài ý thức về nghĩa vụ công dân, còn là nhu cầu đối với một điều gì đó – bất cứ điều gì – để lấp đầy cái im lặng ở trên gác, cái im lặng hút hết mọi điều như một cái hố đen. Trước đây, tôi chưa từng là kiểu người ưa hoạt động, nhưng khi một người đàn ông tên là Kabir, một cựu đại sứ của Afghanistan ở Sofia, kêu gọi tôi và hỏi tôi có muốn giúp ông một dự án bệnh viện không, tôi nói đồng ý. Cái bệnh viện nhỏ này trụ gần biên giới Afghan – Pakistan và có một phòng mổ nhỏ điều trị cho những người Afghan tị nạn bị thương vì mìn chôn. Nhưng nó đã phải đóng cửa vì thiếu ngân sách. Tôi trở thành giám đốc dự án, Soraya là đồng giám đốc của tôi. Hầu như ngày nào tôi cũng ở trong phòng làm việc, gửi thư điện

tử cho mọi người khắp thế giới, xin trợ cấp, tổ chức những chương trình xã hội gây vốn. Và tự nhủ mang Sohrab sang đây là việc nên làm.

Năm đó kết thúc với tôi và Soraya trên tràng kỷ, chân phủ lên chân, xem Dick Clark trên tivi. Mọi người reo lên vui mừng và hôn nhau khi quả cầu bạc rơi xuống và hoa giấy tung trắng xoá màn hình. Trong ngôi nhà chúng tôi, năm mới bắt đầu khá giống cách năm cũ kết thúc. Trong im lặng.

Thế rồi, bốn hôm trước, vào một ngày mưa lạnh tháng Ba năm 2002, một điều kỳ diệu nho nhỏ đã xảy ra.

Tôi đem Soraya, Khala Jamila, và Sohrab tới nơi người Afghan tụ hội lại với nhau ở công viên Hồ Elizabeth tại Fremont. Ông tướng, tháng trước cũng đã được triệu tập về Afghanistan giữ cương vị bộ trưởng, và đã bay về đó hai tuần trước – Ông không mang theo bộ đồ màu xám và chiếc đồng hồ bỏ túi. Kế hoạch để mấy tháng sau Khala Jamila đoàn tụ với ông cũng đã được ông sắp xếp. Bà nhớ ông khổ sở – và lo lắng cho sức khoẻ của ông ở đó – và chúng tôi đã nài bà ở lại với chúng tôi ít lâu.

Thứ Năm trước, ngày đầu xuân, là ngày Tết Năm Mới – ngày Sawl-e-Nau – nên người Afghan ở Vùng Vịnh đã lên kế hoạch đón mừng khắp Vịnh Đông và toàn bán đảo. Kabir, Soraya, và tôi có thêm lý do để vui mừng: Cái bệnh viện nhỏ bé của chúng tôi ở Rawalpindi đã khai trương tuần trước, không phải một bệnh viện phẫu thuật, chỉ là một bệnh viện nhi khoa. Nhưng đây là sự khởi đầu tốt, tất cả chúng tôi đều nhất trí như vậy.

Đã nhiều ngày nắng mãi, nhưng sáng Chủ nhật khi tôi bước ra khỏi giường, tôi nghe thấy tiếng những giọt mưa vỗ mạnh vào cửa sổ. Vận may của người Afghan, tôi nghĩ vậy. Cười thầm. Tôi cầu kinh namaz buổi sáng, trong khi Soraya vẫn ngủ – Tôi không còn phải xem đến cuốn sách kinh nhỏ tôi có được từ nhà thờ nữa, những thánh thi lúc này tuôn ra một cách tự nhiên, không cần cố gắng.

Chúng tôi đến vào quãng trưa và thấy đầy người đang trú dưới một tấm vải nhựa lớn hình chữ nhật căng trên sáu cái cọc cắm xuống đất. Ai đó đã rán món bánh bolani, hơi nước bốc lên từ những tách trà, và một thùng xúp lơ nấu aush. Một bài hát cũ của Ahmad Zahir xoẹt xoẹt, ồm ồm cất lên từ một máy cát-xét. Tôi hơi mỉm cười lúc bốn người chúng tôi

chạy vội qua bãi cỏ ướt sũng. Soraya và tôi dẫn đầu, Khala Jamila chạygiữa, Sohrab đằng sau chúng tôi, mũ trùm của chiếc áo mưa màu vàng nảy lên sau lưng nó.

- Chuyện gì mà vui thế – Soraya vừa nói vừa cầm tờ báo gấp che lên đầu.

- Em có thể đem người Afghan ra khỏi Paghman, nhưng em không thể đem Paghman ra khỏi người Afghan được. – Tôi nói.

Chúng tôi rập người xuống dưới cái lều bạt tự chế. Soraya và Khala Jamila từ từ đi về phía một người đàn bà to béo quá khổ đang rán bánh bolani nhồi rau bina. Sohrab đứng im dưới mái che một lúc rồi bước ra ngoài trời mưa, hai tay đút túi áo mưa. Tóc nó – bây giờ ngả màu nâu và thẳng như tóc Hassan – bết xuống da đầu. Nó dừng lại gần một vũng nước nhỏ màu cà phê và chăm chú nhìn vào đó. Hình như chẳng ai để ý. Chẳng ai gọi nó vào. Thời gian trôi đi, những thắc mắc về đứa con trai nuôi bé nhỏ – nhất định là kỳ cục – của chúng tôi may sao cũng đã tạm ngừng, và xét tới thực tế những thắc mắc của người Afghan đôi khi sống sượng đến mức nào, cũng có thể coi đây như một khuấy khuấy đáng kể. Mọi người thôi không hỏi tại sao nó chẳng bao giờ nói. Tại sao nó không chơi với những đứa trẻ khác. Và hay nhất là, họ thôi không làm chúng tôi ngọt nhạt với sự đồng cảm quá mức của họ, họ khe khẽ lắc đầu, với tiếng “tặc” lưỡi, với câu “Oh, gung bichara”. Ô, thằng bé tội nghiệp này cam. Trò sính cái lạ dần dần sẽ biến đi. Như tấm giấy dán tường xỉn màu, Sohrab đã hoà lẫn vào bối cảnh.

Tôi bắt tay ông Kabir, một người đàn ông nhỏ nhắn tóc trắng như cước. Ông giới thiệu tôi với hơn chục người, một trong số họ là giáo viên về hưu, người khác là một kỹ sư, một cựu kiến trúc sư, một nhà phẫu thuật lúc này đang điều hành một cửa hàng bánh mì kẹp xúc xích nóng ở Hayward. Tất cả bọn họ đều nói họ đã biết Baba từ hồi ở Kabul, và đều nói về ông với lòng kính trọng. Bằng cách này hoặc cách khác, ông đều liên quan tới cuộc sống của họ. Những người này đều nói tôi thật may mắn có một người cha vĩ đại như ông.

Chúng tôi trò chuyện với nhau về thế sự khó khăn và cái cương vị có thể là bạc bẽo mà ông Karzai đang gánh, về khoá Loya jirga[154] sắp tới, và việc nhà vua đe dọa sắp trở về quê hương sau hai mươi tám năm biệt

xứ. Tôi còn nhớ cái đêm năm 1973, người em họ của Zahir Shah lật đổ ông ta. Tôi còn nhớ súng nổ hàng loạt và bầu trời sáng trắng như bạc, ông Ali ôm tôi và Hassan trong cánh tay ông và bảo chúng tôi đừng sợ, rằng đó chỉ là họ đang bắn vịt.

Rồi ai đó kể một chuyện cười về giáo sĩ Nasruddin và tất cả chúng tôi đều cười.

- Anh biết không, cha anh cũng là một con người hài hước đấy. – ông Kabir nói.

- Ông ấy hài hước à, đúng thế không? – Tôi vừa nói vừa mỉm cười nhớ lại chỉ sau khi đến Mỹ được ít lâu Baba bắt đầu càu nhàu về ruồi Mỹ ra sao. Ông thường ngồi tại bàn bếp với cái vỉ ruồi của ông, theo dõi lũ ruồi bay vụt từ tường này sang tường khác, vo ve ở chỗ này, vù vù ở chỗ kia, gậy bực bội và đâm bổ vào người.

- Ở cái đất nước này, đến ruồi cũng vội vội vàng vàng. – Ông thường rên rỉ. Tôi đã cười thích chí đến thế nào. Bây giờ nhớ lại tôi chỉ mỉm cười.

Vào quãng ba giờ chiều, mưa ngừng, và bầu trời đông đặc những cụm mây màu xám nặng nề. Một luồng gió mát lạnh thổi qua công viên. Thêm những gia đình xuất hiện. Nhưng người Afghan đón chào nhau, ôm ghì lấy nhau, hôn nhau, chia sẻ các món ăn. Ai đó nhóm than trong những bếp nướng ngoài trời, và chẳng mấy chốc, mùi hành nướng và thịt cừu morgh ngào ngạt mũi tôi. Rồi nhạc, giọng một ca sĩ mới nào đó tôi không biết và tiếng trẻ con khúc khích cười đùa. Tôi thấy Sohrab, vẫn trong chiếc áo mưa màu vàng, tựa người vào thùng rác, mắt đăm đăm nhìn một cái chuồng dơi rỗng không bên kia công viên.

Một lúc sau, lúc tôi đang chuyện gẫu với một nhà cựu phẫu thuật, người mới nói cho tôi biết ông và Baba từng là bạn học cùng lớp tám, thì Soraya kéo ống tay áo tôi:

- Amir, xem kìa! Nàng đang chỉ tay lên trời. Nửa tá điều đang bay trên cao, lấp lánh các màu vàng, đỏ, xanh lá cây in trên nền trời.

- Thử xem sao, – Soraya nói, lần này nàng chỉ vào một người đang bán điều ở một quầy hàng gần đó.

- Cầm lấy cái này, – tôi nói và đưa cốc trà của tôi cho Soraya. Tôi xin lỗi và bước tới quầy bán điều, đôi giày của tôi nhóp phếp trên cỏ ướt. Tôi

chỉ vào chiếc seh parcha[155] màu vàng. “Sawh-e-nau mubabrak”[156], người bán điều nói, lấy hai mươi đô và trao cho tôi chiếc điều với ống tar thuỷ tinh. Tôi cảm ơn và cũng chúc ông ta một năm mới hạnh phúc. Tôi thử dây theo cách Hassan và tôi vẫn quen thử, kẹp dây điều giữa ngón cái và ngón trỏ rồi kéo. Dây đỏ máu và người bán điều mỉm cười. Tôi cũng mỉm cười đáp lại.

Tôi mang điều tới cho Sohrab đang đứng, vẫn tựa người vào thùng rác, hai tay khoanh trước ngực. Nó đang nhìn lên bầu trời.

- Cháu có thích chiếc seh parcha này không? – Tôi vừa nói vừa cầm chiếc điều ở hai đầu thanh ngang, nâng lên. Đôi mắt nó chuyển từ trên trời xuống nhìn tôi, rồi lại nhìn lên trời. Vài dòng nước mưa nhỏ rỉ từ tóc xuống mặt nó.

- Một lần bác đọc thấy ở Malaysia, người ta dùng điều để câu cá, – tôi nói. – Bác dám cược cháu không biết chuyện đó đấy. Họ buộc dây câu vào điều và thả điều bay trên những chỗ nước nông để điều không in bóng xuống nước làm cá sợ. Cả ở nước Trung Hoa cổ đại, các vị tướng cũng dùng điều bay qua chiến trường để gửi những chỉ thị cho quân lính của mình. Chuyện thật đấy. Bác không bịp cháu đâu, – Tôi chỉ cho nó xem ngón cái đang chảy máu. – Dây tar này cũng không tồi đâu.

Liếc mắt sang bên, tôi thấy Soraya từ lều bạt đang theo dõi chúng tôi, hai bàn tay kẹp vào bên nách. Không giống tôi, nàng đã dần dần từ bỏ ý đồ thu phục nó. Nhưng câu hỏi không được trả lời, những cái nhìn hoang mang trống rỗng, sự im lặng, tất cả đều quá đau khổ. Nàng đã phải chuyển sang “Thế cầm cự”[157], chờ tín hiệu đèn xanh của Sohrab. Đợi chờ.

Tôi nhấp nước bọt vào ngón tay trỏ và giơ lên:

- Bác vẫn nhớ cách bố cháu kiểm tra hướng gió, lấy dép đá tung bụi lên, nhìn xem gió thổi hướng nào. Bố cháu biết rất nhiều mẹo kiểu như thế, – hạ ngón tay xuống, tôi nói. – Hướng Tây bác nghĩ vậy.

Sohrab lau một giọt nước ở dái tai và rê rê hai chân. Không nói gì. Tôi lại nghĩ tới mấy tháng trước khi Soraya hỏi tôi giọng nói của thằng bé nghe thế nào. Tôi đã bảo nàng tôi cũng chẳng còn nhớ gì nữa.

- Đã bao giờ bác nói cho cháu biết bố cháu là người đua điều giỏi nhất quận Wazir-Akhbar Khan chưa? Có thể nhất cả Kabul ấy chứ? – Tôi vừa

nói vừa thắt nút đầu dây tar vào dây thòng buộc ở trụ quay. – Bố cháu làm cho trẻ con hàng xóm phát ghen lên. Bố cháu điều khiển điều mà chẳng bao giờ cần phải nhìn lên trời, và mọi người thường nói, cậu ta săn bóng điều. Nhưng họ không hiểu rõ bố cháu như bác. Bố cháu không săn đuổi cái bóng nào cả. Mà chỉ... hiểu rõ thôi.

Nửa tá điều khác đã bay lên. Mọi người bắt đầu tụ tập lại thành từng nhóm, tách trà trong tay, mắt dán lên bầu trời.

- Cháu có muốn giúp bác thả cái điều này không – Tôi hỏi.

Mắt Sohrab chăm chú nhìn chiếc điều rồi nhìn sang tôi. Rồi lại nhìn lên trời.

- Thôi được, – tôi nhún vai. – Xem như bác sẽ phải thả điều một mình vậy.

Tôi giữ cho cân cuộn dây trong tay trái và thả ra khoảng một mét dây nhựa. Chiếc điều vàng đung đưa ở đầu dây ngay trên cỏ ướt:

- Cơ hội cuối cùng này – Tôi nói. Nhưng Sohrab đang nhìn lên, một cặp điều đang mắc vào nhau bên trên những ngọn cây.

- Hay lắm, bác thả đây, – tôi bắt đầu chạy, đôi giày đế mềm của tôi làm các vũng nước mưa bắn tung toé, bàn tay tôi giữ chặt đầu dây điều và giơ cao lên trên trên đầu. Đã quá lâu rồi, quá nhiều năm rồi kể từ khi tôi làm như thế này, và tôi cũng chẳng hiểu liệu mình có làm trò cười cho thiên hạ hay không. Tôi để cho ống cuộn quay trong bàn tay trái trong khi chạy, cảm thấy dây điều lại cứa vào bàn tay phải lúc nó tở ra. Lúc này, chiếc điều được nâng bổng lên sau vai tôi, cất lên, quay như bánh xe, và tôi chạy nhanh hơn. Ống cuộn quay nhanh hơn nữa và dây tẩm thủy tinh cứa thêm một vết rạch vào lòng bàn tay phải tôi. Tôi dừng và quay lại. Mím cười. Tít trên cao, con điều của tôi nghiêng bên nọ qua bên kia như một quả lắc đồng hồ, nghe như tiếng vỗ cánh của con chim giấy xưa kia, khiến tôi luôn luôn liên tưởng tới những sáng mùa đông ở Kabul. Đã một phần tư thế kỷ tôi không thả con điều nào, nhưng bất ngờ tôi lại trở lại tuổi mười hai và những bản năng xưa kia của tôi ào ạt trở về.

Tôi cảm thấy có ai đó ở gần tôi và tôi nhìn xuống. Thì ra Sohrab. Hai tay thọc vào túi áo mưa, nó đã chạy theo tôi.

- Cháu có muốn thử không, – tôi hỏi. Nó không nói gì. Nhưng khi tôi trao dây điều cho nó, nó rút bàn tay ra khỏi túi. Phân vân. Năm lấy dây

điều. Tim tôi đập nhanh, trong lúc tôi quay ống dây cho dây kịp. Chúng tôi đứng lặng lẽ bên nhau. Cổ ngẩng lên.

Xung quanh chúng tôi, lũ trẻ đuổi nhau, trượt chân trên cỏ. Ai đó đang cho chạy một băng nhạc từ phim Hindu cũ. Một hàng người lớn đang làm lễ cầu kinh namaz buổi chiều trên một tấm vải nhựa trải trên đất. Không khí sực mùi cỏ ướt, mùi khói và mùi thịt nướng. Tôi ước sao thời gian ngừng trôi.

Rồi tôi thấy, chúng tôi có cả một bầy đoàn điều. Một chiếc điều xanh đang sát vào. Tôi dò ra dây điều là của một thằng bé đứng cách xa chỗ tôi khoảng gần mười mét. Đầu nó húi ngắn, nó mặc một chiếc áo phông cộc tay in đậm nét hàng chữ THE ROCK RULES. Nó thấy tôi đang nhìn nó, và nó mỉm cười. Vẫy tôi. Tôi vẫy lại.

Sohrab trả lại dây điều cho tôi.

- Cháu trả lại thật đấy chứ? – Tôi vừa hỏi vừa cầm lấy dây điều.

Nó cầm lấy ống cuộn từ tay tôi.

- Được lắm, – Tôi nói. – Bác cháu mình hãy cho nó một sabagh, dạy cho nó một bài học, phải không?

Tôi liếc nhìn nó. Vẻ vô hồn, trống trải trong đôi mắt nó đã biến mất. Cái nhìn chăm chú của nó lướt đi lướt lại giữa con điều của chúng tôi và chiếc điều xanh. Mặt nó hơi ửng đỏ, mắt nó bắt chợt lạnh lợi hẳn lên. Thức tỉnh. Sống động. Tôi không hiểu từ khi nào tôi đã quên mất rằng, bất kể mọi chuyện xảy ra, nó vẫn chỉ là một đứa trẻ con.

Chiếc điều xanh đang xoay chuyển.

- Cứ đợi đã, – tôi nói. – Cứ để nó đến sát hơn chút nữa.

Nó nhào xuống hai lần và lén bay về phía con điều của chúng tôi.

- Nào, lao vào. Lao vào điều ta đi, – tôi nói.

Chiếc điều xanh bây giờ đã bay đến sát hơn, lúc này đang vọt lên cao trên con điều của chúng tôi, không biết đó là cái bầy tôi đã giăng sẵn.

- Xem đây, Sohrab. Bác sắp biểu diễn cho cháu xem một trong những mẹo lừa mà bố cháu ưa thích, cái mẹo nhào lộn cũ rích ấy.

Đứng gần tôi, Sohrab đang thở nhanh bằng mũi. Ống cuộn lăn trong lòng bàn tay nó. Gân tay ở cổ tay đóng sẹp của nó giống như những dây đàn rubab[158]. Rồi tôi chớp mắt, và chỉ trong khoảnh khắc, hai bàn tay cầm ống cuộn đã thành hai bàn tay sứt móng, chai sạn của một thằng bé

hẻ môi. Tôi nghe thấy một con quạ kêu quạ quạ ở đâu đó, và tôi ngược mắt nhìn. Công viên lung linh tuyết mới rơi, lấp lánh sáng trắng, làm loá mắt tôi. Tuyết lất phất rơi không một tiếng động từ những cành cây như mạ bạc. Lúc này, tôi ngửi thấy mùi củ cải nấu qurma. Những quả dâu tằm khô. Cam chua. Mùn cửa và quả óc chó. Một sự yên tĩnh áp úp, một lớp êm đềm tuyết phủ đang im lìm tuyệt đối. Thế rồi xa xa, vượt qua sự tĩnh lặng, một giọng nói kêu gọi chúng tôi trở về quê hương, giọng nói của một người đàn ông kéo lê chân phải của mình.

Chiếc điều xanh lúc này đang bay liệng ngay trên trên con điều của chúng tôi.

- Nó đang định lao xuống đấy. Giờ thì lúc nào cũng được. – tôi nói và mắt tôi vọt nhìn từ Sohrab lên con điều của chúng tôi.

Chiếc điều xanh ngập ngừng. Giữ thế. Rồi lao xuống.

- Nó đến rồi! – Tôi nói.

Tôi triển khai một cách hoàn hảo. Sau ngần ấy năm trời. Cái hãy nhào-lên-lộn-xuống. Tôi nói lỏng tay và giật dây, nhào xuống và tránh khỏi chiếc điều xanh. Một loạt những cú giật nhanh bên cánh, và con điều của chúng tôi lao lên ngược chiều kim đồng hồ, thành nửa vòng tròn. Bất thành linh điều tôi vọt lên trên. Chiếc điều xanh lúc này đang trườn ra, hoang mang luống cuống. Nhưng chậm quá rồi. Tôi đã thoát khỏi nó bằng trò lừa của Hassan. Tôi giật mạnh và điều tôi bổ thẳng xuống. Tôi gần như nghe thấy, tiếng dây điều tôi cửa vào dây điều nó. Gần như nghe thấy tiếng đứt phụt.

Rồi, đúng vậy, chiếc điều xanh quay quay và mất lái.

Phía sau chúng tôi, mọi người reo lên. Tiếng huýt sáo và tiếng vỗ tay hoan hô vang dậy. Tôi thở hỗn hển. Lần cuối cùng tôi cảm thấy một sự trào dâng như thế này là cái ngày mùa đông năm 1975, ngay sau khi tôi cắt hạ chiếc điều cuối cùng, khi tôi thấy Baba trên nóc nhà của chúng tôi, đang vỗ tay, mặt rạng rỡ.

Tôi nhìn xuống Sohrab. Một bên mép nó cong lên, đúng vậy.

Một nụ cười.

Lệch về một bên.

Khó có thể được.

Nhưng lại có đấy.

Phía sau chúng tôi, lũ nhỏ chạy lảng quăng, và một đám đông hỗn loạn những người đua điều la hét, sai đuổi chiếc điều bị đứt đang rơi xuống bên trên những ngọn cây. Tôi chớp chớp mắt và nụ cười biến mất.

Nhưng nó đã ở đó. Tôi đã thấy.

- Cháu có muốn bác đoạt chiếc điều đó cho cháu không.

Nó nuốt nước bọt, quả hầu nó nâng lên hạ xuống. Gió làm tung tóc nó lên. Tôi nghĩ tôi đã thấy nó gật đầu.

- Vì cháu, cả ngàn lần rồi, – tôi nghe thấy mình nói thế.

Rồi tôi quay lưng và chạy đuổi.

Chỉ là một nụ cười thôi, có gì hơn đâu. Nó chẳng khiến mọi chuyện ổn thoả. Nó chẳng khiến điều gì ổn thoả. Chỉ là một nụ cười thôi. Một việc nhỏ nhất. Một chiếc lá trong rừng cây, rung rinh theo đường bay của một con chim giạt mình cất cánh.

Nhưng tôi sẽ nắm lấy nó. Với hai cánh tay rộng mở. Bởi vì khi mùa xuân đến, tuyết từng bông một sẽ tan, và có thể tôi sẽ được chứng kiến bông tuyết đầu tiên tan chảy.

Tôi chạy. Một người đàn ông cùng một lũ trẻ con đang la hét chạy đua. Nhưng tôi không bận tâm. Tôi chạy theo hướng gió thổi vào mặt, và một nụ cười nụ rộng như thung lũng Panjsher trên đôi môi tôi.

Tôi chạy.

HẾT

Phụ Lục

- [1]Allah-u-akbar: Đức Allah vĩ đại.
- [2]Hazara: một tộc người Afghan bị người Pashtun kỳ thị.
- [3]Cunt: một từ rất tục chỉ bộ phận sinh dục nữ, tạm dịch là cái lều.
- [4]Bazaarr: phố hoặc một khu đất có nhiều cửa hiệu nhỏ – khu phố chợ.
- [5]Naan: một loại bánh mì dẹt của Afghanistan, hơi giống bánh dẻo của ta
- [6]Laaf: trong nguyên bản, tạm dịch chuyện tếu.
- [7]Saratan: tiếng Afghan có nghĩa là khối u, tạm dịch là đầy bụng.
- [8]Kinh cầu nguyện buổi chiều tối.
- [9]Jan: tiếng đệm khi xưng hô tỏ ý yêu quý.
- [10]Tên những tập thơ và tác giả quen thuộc của Afghanistan.
- [11]Ngoại trưởng Hoa Kỳ lúc đó.
- [12]Agha: Tiếng xưng hô tỏ ý tôn kính của người dưới, có thể dịch là ngài, cậu v.v... Sahib: Tiếng gọi những người có vai vế trong xã hội.
- [13]Đơn vị tiền Afghanistan.
- [14]Sultan: Tước hiệu của Hồi giáo chỉ người nắm quyền lực.
- [15]Shah: Danh hiệu quốc vương của Ba Tư, thường là Iran.
- [16]Chaman: Là một thành phố nhỏ thuộc Babochistan, Pakistan, giáp ranh biên giới giữa Pakistan và Afghanistan, là nơi rất nhiều người Afghan chạy sang tị nạn thời nội chiến.
- [17]Kaka: trong nguyên bản để gọi những người họ hàng bậc cha chú.
- [18]Mashalah: Hoan hô.
- [19]Inshallah: Cầu trời phù hộ.
- [20]Pine-nut: loại hạt thông ăn được.
- [21]Khan: Một tước hiệu quan chức ở Afghanistan và một số nước khác ở châu Á, Trung Đông.
- [22]Sociopath: Chỉ một hạng người bị bệnh tâm thần, xử sự với người khác một cách hiếu chiến và nguy hiểm. Sociopath hợp thành từ tiền tố Socio: xã hội và path: con đường, hướng đi.
- [23]Mard: Nghĩa đàn ông. Mard với mard nghĩa là đàn ông với nhau.
- [24]Watan: Lớp trẻ, thanh niên.

- [25]Quwant: Sức mạnh, quyền lực.
- [26]Kasseef: Bẩn thỉu.
- [27]The good, the bad, the ugly.
- [28]Salaam alaykum: Xin chào, chúc được bình yên.
- [29]Qurma: Món súp rau hầm truyền thống của Afghanistan.
- [30]Ayat: Số nhiều của từ Ayah, nghĩa tiếng Ả rập là dấu hiệu hay phép thần diệu, ở đây ý nói đến các thánh thi trích trong kinh Koran. Người Hồi giáo coi kinh Koran như dấu hiệu từ Thượng đế.
- [31]Mantu: Bánh bao Afghan nhồi thịt cừu hoặc bê.
- [32]Pakora: Một loại món ăn Ấn Độ hay Pakistan với thành phần gồm gà, hành tây, khoai tây, cà chua, ớt, tằm bột và rán.
- [33]El cid: Dựa theo vở kịch cổ điển Le cid của nhà văn Pháp Comeille thế kỷ 17.
- [34]Mareez trong nguyên bản có nghĩa là ốm.
- [35]Wah wah: Tiếng reo tỏ ý vui mừng, hoan hô, tạm dịch Chà chà!
- [36]Một loại lò bằng đất sét dùng nướng thịt hoặc bánh bằng xiên sắt theo lối của người Hindu.
- [37]Tiểu thuyết nổi tiếng của Walker Scott, nhà văn cổ điển Anh (1771-1832).
- [38]Hâfez: Tạm biệt.
- [39]Khayyám: Chúc ngủ ngon.
- [40]Saughat: Cũng có nghĩa quà lưu niệm.
- [41]Shahnamah: trong nguyên bản là cuốn sách có tên là Shahnamah Truyện về một quốc vương – ND.
- [42]Raka't: Một lượt thi lễ Salat (cầu nguyện), gồm các động tác đứng, quỳ, phủ phục hai lần, và ngồi thiền
- [43]Shorawi: Từ Afghanistan, chỉ quân đội Nga.
- [44]Peshawar: Tỉnh bên giới của Pakistan, giáp với Afghanistan.
- [45]Spasseba: Phát âm theo tiếng Nga có nghĩa là cảm ơn.
- [46]Roussi: cách gọi người Nga.
- [47]Rowt: Cũng có nghĩa là bánh ngọt.
- [48]Tổng thống Mỹ lúc đó.
- [49]ESL: Là từ viết tắt của English as Second Language, lớp dạy tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai cho người nhập cư.

[50]Ý nói như một bé ngoan ở lớp mẫu giáo.

[51]Six Million Dollar Man: Tên một bộ phim nhiều tập của truyền hình Mỹ về một nhân vật huyền tưởng nửa người nửa máy làm việc cho một tổ chức bí mật của nước Mỹ, dựa theo tiểu thuyết Cyborg (người nửa máy) của M.E.Brooks.

[52]Lee Majors: Diễn viên Mỹ, thủ vai Steve Austin, nguyên là một nhà thiên văn với chân tay được điều khiển theo kỹ thuật sinh học, trong bộ phim Người đàn ông Sáu triệu đô la.

[53]Mike Hammer: Nhân vật nhà thám lữ trong tác phẩm I, the Fury của nhà văn Mỹ Mickey Spilane, xuất bản năm 1947. Sau này nhiều bộ phim và chương trình phát thanh truyền hình lấy ý tưởng từ nhân vật này.

[54]V: Viết tắt chữ Victory nghĩa là chiến thắng.

[55]Moftakhir: Có nghĩa tự hào.

[56]Jukebox: Máy nghe nhạc thường để trong các quán rượu, bia, bỏ tiền xu vào máy, máy sẽ tự động chơi nhạc.

[57]Cảm ơn.

[58]Kharum: Nghĩa là vợ.

[59]Chatti: Có nghĩa là chiến binh, ở đây hàm ý nghề cực nhọc, vất vả...

[60]Bolani, qabuli: Những loại bánh truyền thống của Afghanistan.

[61]Chia buồn.

[62]Kolchas: Kẹo.

[63]Salaam bachem: Xin chào con trai.

[64]Zendagi Migzara cũng có nghĩa cuộc sống vẫn tiếp tục, đời cứ trôi.

[65]Padar: Tiếng gọi bố thân mật.

[66]Khastegars: Những người cầu hôn.

[67]Ahmaq: Thằng ngốc.

[68]Mojarad: Trai tân, thanh niên chưa vợ.

[69]Woooy: Tiếng cảm thán, tỏ ý chê trách, miệt thị.

[70]Mohtaram: Gái chưa chồng.

[71]Alef beh: Sách vỡ lòng ABC.

[72]“Tu”: Tiếng xưng hô thân mật để gọi người đang nói chuyện với mình, có lẽ bắt nguồn từ “Tu” trong tiếng Pháp.

[73]Shoma: Tiếng xưng hô xã giao để gọi người đang nói chuyện với mình.

[74]Balay: như từ OK, được rồi, tốt thôi, yên tâm đi.

[75]Lafz: Như lễ dạm hỏi, hoặc lễ chạm mặt của ta.

[76]Ghazal: Bản tình ca.

[77]Noor: Có nghĩa con người; cũng là tên của Hoàng hậu Jordani, sử giả của tự do hoà bình.

[78]Pari: Khăn che mặt theo đạo Hồi.

[79]Ayena Masshaf: Thủ tục hôn lễ quan trọng nhất của người Hồi giáo Afghan.

[80]Chopan kabob, Shikek goshti: Thịt cừu non nướng và Sholek goshti.

[81]Attan: Một vũ điệu tập thể truyền thống của người Afghan.

[82]Shorwa: Món súp hầm.

[83]Surrah: Kinh cầu hồn.

[84]Hijab: Khăn tang.

[85]Chila: Nhẫn cưới.

[86]Ghazals: Tình ca.

[87]Raga: Một dạng âm nhạc dựa theo truyền thống Ấn Độ.

[88]Johnny Carson: Diễn viên Mỹ. kiêm nhà văn, nổi tiếng vì phong cách hài hước khi dẫn chương trình Show diễn đêm nay.

[89]Nguyên văn Double Standard: Chuẩn mực lập lờ, chuẩn mực nước đôi, có ý nói nang và namoos vận dụng cho nam và nữ khác nhau.

[90]Một loại cây hoa có nguồn gốc từ châu Phi, màu trắng, hồng, hoặc tím, có hương thơm.

[91]Mẹ.

[92]Kho dega: Có nghĩa Anh là biết phải làm gì chứ!

[93]Alahoo: Hát ru – Nawasa: Cháu.

[94]HMO: Viết tắt của Health Maintenance Organization, tức Tổ chức chăm sóc Sức khoẻ.

[95]I.V.F: Viết tắt của Invitro Fertilization, tức Thụ tinh trong Ống nghiệm.

[96]Good housekeeping: Quản gia giỏi.

[97]Reader's Digest: Tập san bạn đọc.

[98]PBS: Viết tắt Public Casting Service: Dịch vụ truyền thông đại chúng.

[99]Yar: Tiếng xưng hô lịch sự với người khác ở Pakistan.

[100]Nihari: Món ăn xuất xứ từ cộng đồng đạo hồi ở Delhi được nêm rất nhiều gia vị, là cari bê hoặc cừu hầm.

[101]Elephant in the room: Ngạn ngữ Anh, ý nói sự thật hiển nhiên, như con voi to trong căn phòng bé tí, ấy thế mà vẫn bị tảng lờ như không.

[102]Gulbuddin: Nhân vật bị báo chí phương Tây coi là tàn ác và xảo quyệt, từng hai lần giữ chức thủ tướng Afghanistan những năm 90, đồng thời là một người Pashtun dòng Ghilzai ủng hộ quan điểm thù nội chiến còn hơn bị nước ngoài chiếm đóng – cũng bị xem là thân Taliban.

[103]Ghamkhori: Nổi sầu đau.

[104]Spatula: Bàn xẻng, trong nấu bếp và hội họa, dùng để trộn, pha nguyên liệu.

[105]Burqa: Khăn trùm đầu.

[106]Ayat-ul-kursi: Kinh sườn ấm cho trẻ sơ sinh.

[107]Isfand: Một dạng đốt vía như ở Việt Nam.

[108]Like Father, like son: Cha nào, con nấy.

[109]Watani trick: Trò lừa trẻ con.

[110]Tajik: Một nhóm người thiểu số sống ở Afghanistan, Uzbekistan, Iran, Pakistan, Tajkistan và Trung Quốc.

[111]Pirhan-tumban: Một loại áo choàng.

[112]Pakol: Một loại mũ.

[113]Burqa: Loại áo thông thường của phụ nữ Afghan.

[114]Mehmanis: Giải trí, vui chơi.

[115]Tiếng Anh Scrub grass: Loại cây thân nhỏ mọc ở đồi núi – tạm dịch: chổi xể.

[116]Dozd: Cướp.

[117]Khar khara mishnassah: Có cướp lừa mới biết lừa thế nào.

[118]Một loại khăn của phụ nữ Afghan.

[119]Tiếng Anh A season for Ashes: Tạm dịch là Một thời tro bụi.

[120]A.P: Viết tắt American Press – Hãng thông tấn Mỹ.

[121]Bakhshesh, Bakhshesh: Từ Ba Tư, nghĩa là bố thí, bố thí.

[122]Sufism: Một khuynh hướng Hồi giáo cổ trở thành đồng nhất với Thượng đế thông qua cầu nguyện và suy tưởng, và bằng cách sống thật đơn giản một cuộc sống khắc kỷ

[123]Loftan: Làm ơn.

[124]Yateem: Mồ côi cả cha lẫn mẹ

[125]Khyber Restaurant: Nhà hàng Khyber, nay đã mất chữ K và chữ R có nghĩa biến hiệu chỉ còn chữ hyber-restaurant.

[126]Shari'a: Luật Islam, luật Hồi giáo.

[127]Naswar: Một loại thuốc gây nghiện làm từ lá thuốc, vôi và đất ở Ba Tư.

[128]Watan: Tuổi trẻ, tuổi thanh xuân.

[129]Dilroba: Một loại nhạc cụ.

[130]Bia, bia: Lại đây, lại đây.

[131]Ngạn ngữ cổ: Turn up like a bad penny: Nghĩa đen: trở mặt như một đồng xu tồi; ý muốn nói: Hiện ra khi không mong muốn, không được hoan nghênh, đặc biệt thường xuyên như thế.

[132]Tổng bí thư Đảng Cộng sản Afghanistan khi đó, sau chống lại Liên Xô và bị xử bắn.

[133]Parchami: Thuộc đảng Babrak Karmal lúc đó.

[134]Eid qorban: Lễ Hiến sinh.

[135]Clark Gable: Diễn viên nổi tiếng của Mỹ chuyên đóng vai cao bồi, và đóng vai Rhett Burtler trong phim Cuốn theo chiều gió.

[136]I.V. Viết tắt từ intraveinous – truyền nhỏ giọt tĩnh mạch.

[137]Shalwar – kameezes: Loại quần áo phương Đông do Max Tilke thiết kế dùng cho những dân tộc khác nhau ở Nam Á, năm 1922.

[138]Samosas: Bánh bột khoai thơm vùng Trung Á, nhân bên trong gồm hành, táo khô, thịt khô, phổ biến ở Ấn Độ, Pakistan và các nước Nam Á.

[139]Biryani: Món cơm Ấm Độ – cơm nhuộm màu gia vị trộn lẫn thịt, cá, rau.

[140]Lollywood: Chỉ công nghệ điện ảnh Pakistan, xây dựng ở Lahore – Lollywood là từ kết hợp từ Lahore và Hollywood.

[141]Rolodex: Một thiết bị hồ sơ quay vòng dùng để lưu giữ sự trao đổi thông tin về kinh doanh. Rolodex là từ ghép của hai từ Rolling (lăn,

quay) và Index (mục lục chỉ dẫn)

[142]Hibiscus: Một loại cây miền nhiệt đới có hoa đỏ, màu sắc rực rỡ. Có từ điển dịch là cây dâm bụt.

[143]Masjid: Toà nhà thờ.

[144]Haddith: Những bộ sách được coi là công cụ quan trọng để xác định lối sống theo đạo Hồi, được soạn bởi những trường luật Hồi giáo truyền thống.

[145]Tashweesh: Lo lắng.

[146]Gaom: Cháu.

[147]Tiếng Anh “You are preaching to the choir”. Ý nói, nói những điều không cần thiết, vì ban đồng ca luôn luôn được dự những buổi giảng kinh rồi.

[148]Girl-Scouts: Tổ chức tương tự như tổ chức Hướng đạo sinh (Scouts) huấn luyện thiếu nữ những kỹ năng thực hành và thực hiện nhiều hoạt động cùng những kỹ năng thực hành đó. Ví dụ cắm trại. Ý nói: gỡ bỏ hết, trở lại ban đầu, đừng hối tiếc, bản khoán gì hết.

[149]Ka’bah: Hòn đá đen linh thiêng ở Thánh địa Mecca.

[150]Aush: Món canh Afghan gồm mì sợi, rau, cà chua dầm, bên trên có kem sữa chua và húng bạc hà.

[151]Yelda: Những đêm dài mùa đông (phần trên đã nói).

[152]Maghout: Món ăn.

[153]Hiện là Tổng thống chính thức của Afghanistan.

[154]Loya jirga: Quốc hội.

[155]Seh parcha: Điều.

[156]Sawh-e-nau mubabrack: Chúc năm mới hạnh phúc.

[157]Tiếng Anh Holding pattern trong nguyên bản: Lộ trình máy bay phải lượn vòng trên sân bay chờ tín hiệu hạ cánh, tạm dịch: thế cầm cự.

[158]Rubab: một loại đàn dây của Afghanistan.

Mời bạn ghé thăm: [Đào Tiểu Vũ's eBook](#) để tải thêm nhiều ebook hơn nữa.